

NỘI DUNG

LỜI MỞ ĐẦU	Trang
Nội dung	i
Giới thiệu về EuroCham	ii
Thông điệp từ Đồng Chủ tịch	iii
Thông điệp từ Đại sứ/Trưởng Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam	iv
Thông điệp từ các Hiệp hội Doanh nghiệp Thành viên	v
Các hoạt động Chính sách của EuroCham	ix
Dự án Hỗ Trợ Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ châu Âu về Quyền Sở hữu Trí tuệ tại Đông Nam Á	x
Giới thiệu về Mạng lưới Doanh nghiệp châu Âu - Việt Nam	xi
Giới thiệu về bộ cục ấn phẩm	xii
Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm	xiii
HÀNH TRÌNH 10 NĂM HOẠT ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA EUROCHAM	1
TỔNG QUAN	7
Giới thiệu Tổng quan	8
Tóm tắt các vấn đề và kiến nghị chính	13
PHẦN 1: HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM	25
PHẦN 2: CÁC VẤN ĐỀ LIÊN NGÀNH	45
1. Tổ chức Doanh nghiệp	46
2. Năng lượng và Điện lực	49
3. Tăng trưởng Xanh	55
4. Phát triển Nguồn nhân lực	62
5. Quyền Sở hữu Trí tuệ	70
6. Thủ tục Tư pháp và Trọng tài	77
7. Thủ tục Hòa giải	82
8. Mua bán và Sáp nhập Doanh nghiệp	88
9. Đối tác Công - Tư	94
10. Thuế	102
11. Vận tải và Hậu cần	107
PHẦN 3: CÁC VẤN ĐỀ CỦA NGÀNH	117
12. Dẫn đầu Y tế thuộc EuroCham	118
a. Thuốc Generics Chất lượng Quốc tế	123
b. Trang thiết bị Y tế & Chẩn Đoán	129
c. Dược phẩm	136
13. Ngành Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản	145
14. Công nghệ Thông tin và Truyền thông	153
15. Ngành Công nghiệp Ô tô – Xe máy	158
a. Ngành Công nghiệp Ô tô	159
b. Ngành Công nghiệp Xe máy	166
16. Sản phẩm Dinh dưỡng và Sữa Công thức	171
17. Bất động sản	176
18. Du lịch và Nhà hàng – Khách sạn	180
19. Ngành hàng Rượu vang và Rượu mạnh	191
DANH MỤC BẢNG BIỂU	198
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT VÀ TỰ ĐỒNG NGHĨA	199
LỜI CẢM ƠN	203

GIỚI THIỆU VỀ EUROCHAM

Kể từ khi thành lập với chỉ 60 hội viên vào năm 1998, Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) đã phát triển thành đại diện của gần 1.000 doanh nghiệp châu Âu, trong đó có nhiều doanh nghiệp hàng đầu thế giới. Với văn phòng tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đại diện tại khu vực Miền Trung, Đông Bắc Bộ và Đông Nam Bộ của Việt Nam, sứ mệnh của EuroCham không chỉ đại diện cho quyền lợi của các công ty thành viên tại Việt Nam mà còn hỗ trợ cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam vì lợi ích của tất cả các bên liên quan.

EuroCham đại diện cho lợi ích của các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, và là tổ chức đối tác của tám hiệp hội doanh nghiệp châu Âu trực thuộc EuroCham, gồm Hiệp hội Doanh nghiệp Bỉ - Luxemburg tại Việt Nam (BeluxCham), Hiệp hội Doanh nghiệp Trung và Đông Âu tại Việt Nam (CEECA), Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan tại Việt Nam (DBAV), Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại Việt Nam (CCIFV), Hiệp hội Doanh nghiệp Đức tại Việt Nam (GBA), Phòng Thương mại Ý tại Việt Nam (ICham), Hiệp hội Doanh nghiệp Bắc Âu tại Việt Nam (NordCham) và Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha tại Việt Nam (SBG). EuroCham cũng làm việc chặt chẽ với Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam (BBGV) và Hiệp hội Doanh nghiệp Thụy Sĩ tại Việt Nam (SBA). EuroCham là thành viên sáng lập Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), với sự tham gia của các hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài khác tại Việt Nam và vào năm 2018, EuroCham sẽ chủ trì VBF kể từ khi được thành lập vào năm 1997.

EuroCham là thành viên của Mạng lưới Các Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu Toàn cầu (EBOWWN), đại diện cho doanh nghiệp châu Âu tại gần 40 quốc gia trên thế giới và giải quyết các vấn đề chung liên quan đến thương mại và đầu tư lên Ủy ban châu Âu. Trong khu vực, EuroCham là thành viên của Hội đồng Doanh nghiệp EU - ASEAN. Kể từ cuối năm 2015, EuroCham là đối tác triển khai Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ châu Âu về Quyền Sở hữu Trí tuệ tại Đông Nam Á, cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ miễn phí về vấn đề bảo vệ Quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp khi tham gia thị trường và mở rộng kinh doanh tại khu vực ASEAN. EuroCham cũng là đối tác của Mạng lưới Doanh nghiệp châu Âu - Việt Nam (EVBN). Đây là dự án do Liên minh châu Âu tài trợ theo chương trình ICI+ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ châu Âu quan tâm đến hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, đồng thời quảng bá về Việt Nam và cơ hội đầu tư ở các nước khu vực Đông Nam Á đến cho châu Âu. Năm 2017, EuroCham vinh dự nhận được Giải thưởng Hiệp hội Doanh nghiệp Lớn Xuất sắc do Phòng Thương mại Quốc tế Khu vực châu Á Thái Bình Dương trao tặng.

Để tìm hiểu thêm thông tin về EuroCham, xin vui lòng truy cập trang web: www.eurochamvn.org

Để tải ấn phẩm Sách Trắng, xin vui lòng truy cập: www.eurochamvn.org/Whitebook

Để tải ấn phẩm Sách Xanh và truy cập trang web về Sách Xanh, xin vui lòng truy cập: www.greenbookvietnam.com

Văn phòng tại Hà Nội

Tòa nhà Horizon, Tầng 3B,
Phòng 08, 40 Cát Linh,
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 24 3 715 2228
Fax: +84 24 3 715 2218
Email: info-hn@eurochamvn.org

Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà Landmark, Tầng 15, Phòng 2B
5B Đường Tôn Đức Thắng, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 28 3 827 2715
Fax: +84 22 3 827 2743
Email: info-hcm@eurochamvn.org

Đại diện Khu vực Đông Bắc Bộ

Tầng 5, Tòa nhà Harbour View
(Văn phòng Công ty Cổ phần
Khu công nghiệp Đình Vũ)
12 Đường Trần Phú
Hải Phòng, Việt Nam
ĐT: +84 422 583 6169
Fax: +84 422 585 9130
Email: northeastern@eurochamvn.org

Đại diện Khu vực Miền Trung

Phòng D3, Tầng 5, Indochina
Riverside Tower
(Văn phòng KPMG)
74 Đường Bạch Đằng,
Quận Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: +84 236 351 9051
Email: centralvietnam@eurochamvn.org

Đại diện Khu vực Đông Nam Bộ

8 Đường Thống Nhất,
Khu công nghiệp Sóng Thần II
(Công ty TNHH Fischer ASIA)
Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An
Bình Dương, Việt Nam
ĐT: + 84 274 3577 415
Fax: + 84 274 3577 416
Email: southeastern@eurochamvn.org



Nicolas Audier
*Đồng Chủ tịch
 Hiệp hội Doanh nghiệp
 châu Âu tại Việt Nam*



Dr. Gellért Horváth
*Đồng Chủ tịch
 Hiệp hội Doanh nghiệp
 châu Âu tại Việt Nam*

THÔNG điệp từ ĐỒNG CHỦ TỊCH

Ấn phẩm này rất đặc biệt vì đây không chỉ là Sách Trắng phiên bản thứ 10 mà còn được công bố vào dịp kỷ niệm 20 năm thành lập EuroCham, đồng thời kỷ niệm 30 năm kể từ khi Luật Đầu tư Nước ngoài được ban hành - cột mốc mang tính quyết định giúp Việt Nam tái hội nhập hiệu quả với thị trường toàn cầu. Trong một thập kỷ qua, Sách Trắng luôn là ấn phẩm đặc biệt và quan trọng nhất của EuroCham, tổng hợp các kiến nghị về chính sách của các thành viên của Hiệp hội, bao gồm các kiến nghị liên ngành, chuyên ngành, kỹ thuật cho đến các kiến nghị chung về chính sách và pháp luật.

Sách Trắng được gửi đến cho cơ quan chính quyền các cấp ở cả Việt Nam và châu Âu và mang lại những tác động đầy ý nghĩa. Sách Trắng đã có những đóng góp rất lớn trong nhiều lĩnh vực khác nhau, từ tác động là đưa ra kiến nghị mang tính xây dựng đến việc đóng vai trò thúc đẩy thực hiện các quy định tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Các thành công mà Hiệp hội đạt được thông qua ấn phẩm này đa dạng từ các vấn đề liên ngành đến chuyên ngành. Về bản chất, ấn phẩm này mô tả hoạt động chính của EuroCham và cụ thể hóa sứ mệnh của EuroCham trong việc đại diện cho tiếng nói của các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam.

Năm nay là một cột mốc đáng nhớ đối với EuroCham, châu Âu và cả Việt Nam khi Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) dự kiến sẽ có hiệu lực. Sau chuyến công tác thành công tại Brussels vào tháng 9 năm 2017, EuroCham nhận được tín hiệu rõ ràng từ những đại diện cao nhất của Ủy ban châu Âu và Nghị viện châu Âu, cho thấy việc phê chuẩn EVFTA là ưu tiên của châu Âu. Quan điểm của thành viên EuroCham về quá trình này được chuyển tải trực tiếp đến các cơ quan tại châu Âu và được trình bày trong cả Sách Trắng và Báo cáo về việc thực hiện EVFTA được EuroCham công bố vào tháng 9 năm 2017.

Trong ấn phẩm này, chúng tôi dành riêng một chương về EVFTA và tầm quan trọng của Hiệp định này đối với doanh nghiệp và Chính phủ. EuroCham là đối tác đáng tin cậy trong quá trình đàm phán và thực thi Hiệp định mang tính lịch sử này, hay theo như lời của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ: “Chúng tôi coi EuroCham là nhân tố đóng vai trò thúc đẩy hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và châu Âu” (tháng 8, 2017). Chúng tôi mong muốn các thành viên tham gia sâu sát vào việc thảo luận về quá trình thực thi EVFTA, và các quan điểm của họ cũng sẽ được trình bày trong phần này.

Chúng tôi tin rằng EVFTA không chỉ là một hiệp định dẫn chiếu cho Việt Nam trong quá trình hội nhập thương mại toàn cầu, mà còn chứng minh châu Âu cũng chính là đối tác tin cậy của Việt Nam, giúp thúc đẩy phát triển bền vững, tính toàn diện và trách nhiệm xã hội - vốn là kim chỉ nam cho hoạt động của các doanh nghiệp châu Âu. Thật vậy, châu Âu vốn có thế mạnh về các giải pháp xanh cho môi trường. Để quảng bá về những giải pháp này, vào năm 2017, EuroCham đã xuất bản Sách Xanh, trong đó trình bày những cơ hội và lợi ích mà công ty và đối tác châu Âu có thể mang đến nhằm góp phần thúc đẩy phát triển bền vững tại Việt Nam.

Trong các ấn phẩm trước đây, Sách Trắng đã tổng hợp những quan ngại và kiến nghị chính từ cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Đó là thông điệp từ nhiều ngành và công ty khác nhau, góp phần tạo ra bức tranh tổng thể về kỳ vọng và kiến nghị từ những thành viên và đối tác của EuroCham. Ấn phẩm này trình bày tóm tắt những hoạt động mà chúng tôi không ngừng nỗ lực thực hiện cùng các Tiểu ban Ngành nghề trong quá trình đối thoại thường xuyên với Chính phủ, chính quyền địa phương và các bên liên quan khác nhằm cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Theo cấu trúc của những năm trước, Sách Trắng thảo luận ba vấn đề chính mà mỗi Tiểu ban Ngành nghề quan tâm nhất. Đây là những vấn đề các Tiểu ban Ngành nghề cho rằng Chính phủ cần ưu tiên giải quyết trong năm 2018.

Việt Nam là điểm đến kinh doanh hứa hẹn nhất tại khu vực Đông Nam Á cho các doanh nghiệp châu Âu và năm 2018 là năm đầy cơ hội. Môi trường kinh doanh tại Việt Nam đã có nhiều cải cách và thay đổi lớn trong 10 năm qua. Các vấn đề và kiến nghị được nêu bật trong ấn phẩm Sách Trắng này phản ánh những nội dung mà chúng tôi đang quan tâm hiện nay, trong bối cảnh Việt Nam đang có nhiều tiềm năng, dẫn kết nối với thị trường toàn cầu và có cơ hội lớn để phát triển cân bằng, bền vững và có trách nhiệm.

EuroCham tin tưởng ấn phẩm Sách Trắng lần thứ 10 này có thể trở thành công cụ hữu ích giúp Việt Nam có những bước phát triển tích cực để phát huy tối đa tiềm năng trở thành điểm đến kinh doanh, thương mại và đầu tư hàng đầu trên thế giới.



Bruno Angelet
*Trưởng phái đoàn
 Liên minh châu Âu
 tại Việt Nam*

THÔNG DIỆP TỪ ĐẠI SỨ

2017 là một năm đầy lạc quan đối với Việt Nam xét về các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. Với tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 6,8%, Việt Nam thuộc nhóm những nền kinh tế năng động nhất trong khu vực. Xét về hoạt động thương mại, tổng kim ngạch xuất của Việt Nam tăng vượt bậc lên hơn 21%. Xét về đầu tư, Việt Nam đã thành công thu hút gần 30 tỷ Đô-la Mỹ, tăng 44,2% so với năm 2016. Những điều kiện này khiến Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho nhà đầu tư nước ngoài. Là một nền kinh tế mở, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào tình hình kinh tế của những đối tác, trong đó có Liên minh châu Âu.

Năm qua cũng là một năm tích cực cho Liên minh châu Âu (EU). Trong báo cáo gần đây do Trung tâm Chiến lược Chính trị châu Âu công bố vào tháng 1 năm 2018 ("Châu Âu trỗi dậy"), EU với 27 nước đang trên đà ổn định về tăng trưởng, tạo việc làm, đầu tư, phát minh và hòa nhập. Những con số ấn tượng: tăng trưởng kinh tế quay lại mức ổn định 2% kể từ năm 2014, vượt cả những nền kinh tế tiến bộ; tổng đầu tư tăng dẫn với 424 tỷ Euro vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào năm 2016, góp phần tăng năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và tính hiệu quả của nền kinh tế châu Âu. Quỹ Đầu tư Chiến lược châu Âu, hay còn được gọi là "Kế hoạch Đầu tư của Chủ tịch Ủy ban châu Âu Juncker" ắt hẳn đã góp phần vào sự phục hồi này. EU vẫn là siêu cường thương mại trên thế giới, đã ký kết 45 hiệp định thương mại toàn diện với 76 quốc gia. Đồng Euro là loại tiền tệ được dùng phổ biến trong thanh toán quốc tế chỉ sau đồng Đô-la Mỹ (chiếm hơn 36% so với đồng Đô-la Mỹ ở mức 39%). Tình hình tài khóa của EU đã cải thiện đáng kể với thâm hụt ngân sách giảm. Tỷ lệ người dân có việc làm ở EU ở mức cao trong lịch sử. Nền sản xuất đẳng cấp thế giới là bàn đạp phát triển nền công nghiệp 4.0. Đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu và phát triển đang gia tăng. Một ví dụ cụ thể với Chương trình Horizon 2020 của EU là chương trình tài trợ cho hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo từ nguồn ngân sách lớn nhất trên thế giới. Hiện tại chương trình này cũng cho phép các nước thứ ba tham gia. Cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, EU tiên phong về phát triển toàn diện và chất lượng cuộc sống cũng như dẫn đầu trong quá trình chuyển đổi kinh tế sạch.

Những con số nêu trên cho thấy EU có thể hỗ trợ Việt Nam đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững. Việc thực thi Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) sẽ là yếu tố thúc đẩy mối quan hệ giữa Việt Nam và EU trong tương lai gần nhất. EU vốn là thị trường nước ngoài lớn thứ hai của Việt Nam sau Hoa Kỳ và là điểm đến của 18% lượng hàng xuất khẩu từ Việt Nam. Với thương mại song phương đạt 50,3 tỷ Đô-la Mỹ, EU là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam. Việt Nam đang có thặng dư thương mại với EU (31,8 tỷ Đô-la Mỹ). Các nhà đầu tư châu Âu đã đầu tư tổng số vốn 915,5 triệu Đô-la Mỹ vào 151 dự án tại Việt Nam. EU cũng chủ động đầu tư trong các lĩnh vực quan trọng với Việt Nam như năng lượng và y tế thông qua các chương trình hợp tác phát triển.

Một lần nữa, tôi muốn hoan nghênh những đóng góp của EuroCham vào quá trình cải cách kinh tế tại Việt Nam. Những kiến nghị trình bày trong ấn phẩm Sách Trắng 2018 chắc chắn sẽ góp phần tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, đảm bảo việc thực thi Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam. Sách Trắng của EuroCham, cùng với Lộ trình Hướng dẫn Chung của các chuyên gia độc lập, đưa ra những kiến nghị về những cam kết của Việt Nam để thực hiện Hiệp định này, sẽ định hướng cho những hoạt động của chúng tôi trong thời gian tới.

THÔNG ĐIỆP TỪ CÁC HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP



Jan Segers
Chủ tịch BeluxCham



Hiệp hội Doanh nghiệp Bỉ - Luxembourg tại Việt Nam (BeluxCham) là tổ chức phi lợi nhuận, phi chính phủ hoạt động chính trong việc thúc đẩy quan hệ thương mại giữa Bỉ, Luxembourg và Việt Nam.

BeluxCham hỗ trợ và cung cấp thông tin thị trường cho các thành viên của mình và/hoặc các công ty tiềm năng của Bỉ, Luxembourg và Việt Nam muốn xây dựng quan hệ thương mại, kinh doanh hoặc mở văn phòng tại một trong những quốc gia này.

Bên cạnh các hoạt động và sự kiện dành cho doanh nghiệp, BeluxCham cũng tổ chức các sự kiện xã hội giúp cộng đồng đồng tại Bỉ, Luxembourg và Việt Nam có thể hiểu hơn về di sản văn hóa của đối tác.

BeluxCham cũng hỗ trợ trong việc xúc tiến thương mại, tổ chức các đoàn công tác thương mại kinh tế từ Bỉ và Luxembourg đến Việt Nam, cũng như giúp đỡ các công ty muốn mở rộng quan hệ thương mại đầu tư tại Bỉ, Luxembourg hoặc Việt Nam.

BeluxCham luôn hoan nghênh tất cả các công ty Việt Nam, Bỉ và Luxembourg gia nhập tổ chức với mong muốn tạo dựng quan hệ thương mại chặt chẽ và bền vững.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang thông tin điện tử của chúng tôi: www.beluxcham.com.



Marko Moric
Chủ tịch CEEC



Hiệp hội Doanh nghiệp Trung và Đông Âu tại Việt Nam (CEEC) được thành lập vào năm 2015 với mục đích tăng cường hợp tác, phát triển quan hệ về mặt kinh tế, tài chính, đầu tư và xúc tiến thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia thuộc khu vực Trung và Đông Âu.

Trong gần ba năm hoạt động, chúng tôi đã và đang tạo ra cơ hội cho các chuyên gia và trao đổi xã hội ở cả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi quan hệ của chúng tôi với Cơ quan Chính phủ, Cơ quan Ngoại giao và các Hiệp hội Doanh nghiệp được mở rộng không ngừng thông qua các Biên bản ghi nhớ (MOU).

CEEC hỗ trợ doanh nghiệp thành viên của mình bằng các dịch vụ liên quan. Chương trình "Tiếp đất nhẹ nhàng" (Soft-landing) của chúng tôi được ra mắt vào năm 2017, bao gồm các chiến lược gia nhập thị trường, lựa chọn địa điểm, thành lập công ty và phát triển kinh doanh. Chương trình được đánh giá là một công cụ chuyên nghiệp và đặc lực cho những doanh nghiệp mới muốn thành lập công ty tại Việt Nam.

Với mục đích tăng cường kiến thức và sự hiểu biết về môi trường kinh doanh ở Việt Nam, chúng tôi cho ra mắt sổ tay "Kinh doanh tại Việt Nam" (Doing business in Vietnam). Sổ tay này cung cấp thông tin đa dạng tạo điều kiện cho quá trình tiếp cận doanh nghiệp thông qua việc nêu bật các tiềm năng của thị trường Việt Nam nói chung và một số lĩnh vực chuyên ngành nói riêng.

Sách Trắng là một ấn phẩm quan trọng trong việc trình bày các vấn đề liên ngành cũng như của từng ngành cụ thể tại Việt Nam. CEEC mong muốn được góp sức cải thiện môi trường kinh doanh và kinh tế Việt Nam theo hướng tích cực, đồng thời kỳ vọng vào Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) sắp được phê duyệt trong thời gian tới sẽ tạo ra nhiều cơ hội đầu tư và xúc tiến thương mại cho các thành viên hiện hữu và tiềm năng, các đối tác của chúng tôi tại Việt Nam.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập website: www.ceecvn.org hoặc liên hệ với chúng tôi qua email: office@ceecvn.org.



Pavel Poskakukhin
Chủ tịch DBAV



Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan (DBAV) đã hoạt động tích cực trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam kể từ khi thành lập vào năm 1999. Thành viên của chúng tôi bao gồm những công ty Hà Lan đa quốc gia, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các nhóm doanh nhân chủ yếu tập trung vào thị trường nội địa và các nước trong khu vực. Mục đích của chúng tôi là hỗ trợ các thành viên trong các lĩnh vực khác nhau để họ đều hưởng lợi từ mạng lưới, bí quyết kinh doanh và nền tảng của chúng tôi.

DBAV đem đến những cơ hội để các doanh nghiệp có thể giao lưu và kết nối (ví dụ: tiệc Ned Drinks và giải golf Dutch Open hàng năm), cùng các sự kiện thông tin về xu hướng phát triển ở Việt Nam có ảnh hưởng đến cộng đồng doanh nghiệp (ví dụ: hội thảo chuyên đề và các chuyến tham quan những nhà máy lớn). Chúng tôi hợp tác chặt chẽ với Phòng Thương mại Việt Nam tại Hà Lan để cung cấp đầy đủ các dịch vụ cho cộng đồng Việt-Hà Lan ở cả hai nước.

Là một thành viên của Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham), DBAV đã xây dựng những mối liên kết mật thiết với các tổ chức chính phủ và các hiệp hội doanh nghiệp tại Việt Nam. Thông qua mạng lưới này, DBAV tạo ra một nền tảng, mà trong đó cộng đồng doanh nghiệp Hà Lan là một phần cơ bản của cộng đồng doanh nghiệp lớn hơn tại Việt Nam.

DBAV duy trì quan hệ chặt chẽ với Tổng Lãnh sự quán Hà Lan tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đại sứ quán tại Hà Nội nhằm hỗ trợ các công ty mới hoặc đang mở rộng có được thông tin về thị trường Việt Nam, các chính sách và các cơ quan liên quan.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang thông tin điện tử của chúng tôi: www.dbav.org.vn.



Henri-Charles Claude
Chủ tịch CCI FV



Phòng thương mại và công nghiệp Pháp tại Việt Nam (CCIFV) là tổ chức phi lợi nhuận được thành lập vào năm 1989. CCIFV tập hợp 270 công ty thành viên và cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp tại Hà Nội cũng như ở thành phố Hồ Chí Minh. CCIFV trực thuộc mạng lưới toàn cầu bao gồm 113 Phòng thương mại và công nghiệp Pháp tại 83 quốc gia. Nhiệm vụ của CCIFV là:

- Hướng dẫn cộng đồng doanh nghiệp Pháp tại Việt Nam, đặc biệt trong việc chia sẻ thông tin và kinh nghiệm giữa các thành viên.
- Thúc đẩy hình ảnh của Pháp tại Việt Nam và tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi hàng hoá, dịch vụ và vốn đầu tư giữa hai nước.
- Giúp các công ty Pháp từng bước phát triển dự án của họ ở Việt Nam bằng cách hỗ trợ thiết thực và các giải pháp hoạt động như khảo sát thị trường, tìm kiếm đối tác, dịch vụ cung cấp nhân lực và văn phòng làm việc dành cho các công ty Pháp mới về Việt Nam.
- Hỗ trợ các công ty Việt Nam trong việc tiếp cận thị trường Pháp thông qua những dự án tìm kiếm đối tác và tham quan các hội chợ thương mại lớn tại Pháp.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang thông tin điện tử của chúng tôi: www.ccifv.org.



Thomas N. Debelic
Chủ tịch GBA



Hiệp Hội Các Doanh Nghiệp Đức tại Việt Nam (viết tắt là GBA) thành lập vào năm 1995, chính thức được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt và cấp giấy phép vào năm 1998 và là cơ quan ngôn luận và bảo vệ quyền lợi của cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư Đức tại Việt Nam, giúp bồi dưỡng các mối quan hệ kinh tế-xã hội song phương giữa hai nước.

GBA là một trong những hiệp hội doanh nghiệp có thâm niên lâu năm nhất, là thành viên đồng sáng lập nên Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham). Hiện nay, GBA đã và đang đại diện cho hơn 228 doanh nghiệp thành viên và hoạt động vì một môi trường kinh doanh cũng như các trạng thái vận hành tốt nhất cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư Đức ở trong nước. GBA hoạt động như một trung tâm thẩm quyền của các doanh nghiệp thành viên, giúp tối ưu hóa các thông tin kinh tế hữu ích tại Việt Nam và thiết lập các mối quan hệ mới với cộng đồng địa phương.

Sau khi thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa Đức và Việt Nam được ký kết trong chuyến viếng thăm cấp quốc gia của Thủ tướng Angela Merkel năm 2011, GBA đã quyết định hợp nhất với Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức tại Việt Nam (GIC/AHK Việt Nam) để thành lập nên Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức – Việt. Việc hợp nhất giữa hai tổ chức sẽ giúp đáp ứng tốt hơn các mối quan tâm của các doanh nghiệp và nhà đầu tư Đức và từ đó tích cực khuyến khích và hỗ trợ việc đầu tư của Đức đến Việt Nam.

GBA thường xuyên tạo các cơ hội giao lưu mang tính chuyên môn hay thuộc về văn hóa ở cả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó tiêu biểu nhất là lễ hội thường niên Oktoberfests.

Để biết đầy đủ chi tiết về các hoạt động cũng như các lợi ích của thành viên hiệp hội, vui lòng tham khảo thêm tại website của GBA: www.gba-vietnam.org.



Michele D'Ercole
Chủ tịch ICham



Hiệp hội Doanh nghiệp Ý tại Việt Nam (ICham) ra đời vào cuối năm 2008 và năm nay là kỷ niệm 10 năm hoạt động. Hiện tại, Hiệp hội có 2 văn phòng đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với 78 thành viên, trong đó có thể kể đến một vài doanh nghiệp nổi tiếng như ENI, Generali, Ariston Thermo, Intesa Sanpaolo, Unicredit, UBI Banca, Piaggio, Banco Popolare, Datalogic, Bonfiglioli, Ghella, Perfetti Van Melle, Danieli, CAE, Carvico, Tenova, Pacorini, Interglobo, Cigisped, Savino del Bene, Segis, Microlys, GIVI, Boncafe và Segis.

Mục đích chính của ICham là thực hiện các hoạt động hỗ trợ thương mại song phương giữa Ý và Việt Nam, bao gồm tạo điều kiện cho hoạt động của các thành viên ICham; tổ chức các đoàn công tác thương mại, hội thảo và hội nghị chuyên đề; phát triển mối quan hệ và hợp tác với các tổ chức tại Ý, các Ngân hàng và Liên minh châu Âu. Với vai trò là một thành viên của EuroCham và là đối tác của Mạng lưới Doanh nghiệp EU-Việt Nam (EVBN), ICham hoạt động nhằm trao đổi với các hiệp hội doanh nghiệp đối tác. ICham cũng đã ký Biên bản Ghi nhớ (MoU) với Cục Ngoại vụ Địa phương (DFAP) thuộc Bộ Ngoại giao và với Tổng cục Hải quan Việt Nam; hợp tác với Đại sứ quán Việt Nam tại Ý, cung cấp thông tin và hỗ trợ cho các công ty Ý đang hoạt động tại Việt Nam bằng cách thực hiện các báo cáo nghiên cứu khả thi về thương mại, tổ chức các đoàn cơ quan và doanh nghiệp đến Việt Nam cũng như đến Ý, phối hợp với Đại sứ quán Ý tại Hà Nội và Lãnh sự quán Ý tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như làm việc với các hiệp hội doanh nghiệp địa phương và quảng bá các sản phẩm "Sản xuất tại Ý" ở Việt Nam.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang thông tin điện tử của chúng tôi: www.icham.org.



Soren Roed Pedersen
Chủ tịch NordCham Hanoi



Thay mặt Hiệp hội Doanh nghiệp các nước Bắc Âu tại Việt Nam (NordCham Việt Nam) và cộng đồng doanh nghiệp Bắc Âu tại Việt Nam, chúng tôi vô cùng vui mừng được hỗ trợ EuroCham ra mắt ấn phẩm Sách Trắng xuất lần thứ 10.

Các thành viên của NordCham ý thức được và ủng hộ những giá trị lớn lao mà các Tiểu ban Ngành nghề thuộc EuroCham mang lại. Với số lượng thành viên ngày càng tăng và tầm ảnh hưởng ngày càng lớn, không chỉ của Ban Lãnh đạo EuroCham mà còn của các Tiểu ban Ngành nghề, cùng với Các Hiệp hội Đối tác Trực thuộc EuroCham, chúng tôi mong muốn đóng góp và tạo sự khác biệt đối với tất cả các doanh nghiệp Bắc Âu hoạt động kinh doanh ở Việt Nam.

Sách Trắng 2018 đề cập đến rất nhiều vấn đề đặc biệt liên quan tới các doanh nghiệp Bắc Âu đang hoạt động tại Việt Nam, bao gồm các lĩnh vực như Sản phẩm Công nghiệp & Kỹ thuật, Sản xuất, Công nghệ Thông tin, Dược phẩm & Y tế, Phát triển Bền vững, Tăng trưởng Xanh và nhiều lĩnh vực khác.

Hiện tại, chúng tôi đang mở rộng phạm vi hoạt động của NordCham Việt Nam tới cả nước Việt Nam. Số lượng thành viên của chúng tôi đã tăng đáng kể lên 50 thành viên và năm 2018 cũng là năm kỷ niệm 20 năm thành lập của NordCham Việt Nam.

Để biết thêm thông tin về NordCham và các hoạt động của chúng tôi, xin vui lòng truy cập: www.nordchamvietnam.com.



Bà Ana Arribas
Thư ký Nhóm Doanh nghiệp
Tây Ban Nha (SBG)



Nhóm Doanh nghiệp Tây Ban Nha hiện đang được đổi mới để cải tiến các dịch vụ và lợi ích mà nhóm chúng tôi có thể mang lại cho các thành viên.

Mục tiêu chính của chúng tôi là tăng cường mối quan hệ thương mại và xã hội giữa Tây Ban Nha, bạn bè và đối tác của chúng tôi tại Việt Nam. Để hoàn thành mục tiêu này, trong năm tới, chúng tôi sẽ khởi động các sự kiện mang tính kết nối và xã hội, tổ chức các hội thảo, các phái đoàn thương mại, và đối thoại chuyên ngành cho cộng đồng Tây Ban Nha tại Việt Nam. Mục tiêu của chúng tôi là thành lập Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha đầu tiên tại Việt Nam.

Nếu Quý vị là cá nhân hoặc đại diện của công ty Tây Ban Nha có trụ sở tại Việt Nam và mong muốn tham gia hoạt động cùng chúng tôi, vui lòng liên hệ với chúng tôi qua email: hochiminhcity@comercio.mineco.es.

Các hoạt động Chính sách của EuroCham



EuroCham là một trong những Hiệp hội Doanh nghiệp nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Chúng tôi được các cơ quan Chính phủ Việt Nam và châu Âu cũng như tổ chức quốc tế công nhận là tổ chức hỗ trợ chính sách hiệu quả của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Chúng tôi ý thức được vai trò của mình trong việc tạo thuận lợi và là cầu nối giữa cộng đồng doanh nghiệp châu Âu với cơ quan Chính phủ trung ương và địa phương, cũng như với các tổ chức tại châu Âu và trong khu vực. EuroCham tích cực hợp tác với các bên liên quan trong nước và quốc tế ở các cấp khác nhau và thông qua mạng lưới diễn đàn đa dạng. Trong năm vừa qua, EuroCham còn được ghi nhận là nhân tố quan trọng thúc đẩy hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu.

Trong những năm qua, môi trường kinh doanh tại Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực đáng kể, nhưng vẫn tồn tại một số trở ngại đối với hoạt động kinh doanh và có thể cải thiện hơn nữa. Những vấn đề này, nếu được giải quyết, có thể hỗ trợ phát triển bền vững của Việt Nam và tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Các Tiểu ban Ngành nghề và thành viên thuộc EuroCham là động lực thúc đẩy giải quyết những vấn đề này và tạo nên những thành công trong việc đóng góp về chính sách. Từ các cá nhân, công ty khởi nghiệp cho đến tập đoàn đa quốc gia, các thành viên của EuroCham đều đóng vai trò quan trọng trong việc trình bày nguyện vọng, gửi các kiến nghị và cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam. EuroCham mang lại nhiều cơ hội đa dạng cho thành viên tham gia vào các hoạt động của Hiệp hội. Ví dụ như thông qua việc tham gia các Tiểu ban Ngành nghề, các thành viên của EuroCham được tiếp cận, chia sẻ thông tin, thảo luận, kết nối nhằm bảo vệ lợi ích chung và trình bày những vấn đề từ góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp.

Các Tiểu ban Ngành nghề là diễn đàn hiệu quả để các thành viên giải quyết những vấn đề chung, trình bày ý kiến của ngành đến Chính phủ Việt Nam. Các Tiểu ban Ngành nghề hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và là một phần không thể thiếu trong hoạt động hỗ trợ chính sách của EuroCham. Trong nhiều năm qua, các Tiểu ban Ngành nghề của EuroCham đã phát triển cả về số lượng và chất lượng.



Trong năm 2016, hai Tiểu ban Ngành nghề mới được thành lập, và trong năm 2017, ba Tiểu ban Ngành nghề đã được tái cơ cấu để hoạt động hiệu quả hơn. Điều này cho thấy các Tiểu ban cam kết đóng góp nhiều hơn cho hoạt động hỗ trợ chính sách. Hoạt động của Tiểu ban Ngành nghề bao gồm tổ chức các cuộc họp để trao đổi những vấn đề chung, soạn thảo tài liệu đóng góp ý kiến và kiến nghị, là nền tảng cho Sách Trắng và công tác hỗ trợ chính sách. Ngoài ra, Tiểu ban Ngành nghề còn đóng góp ý kiến cho báo cáo phân tích thực thi Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam và các ấn phẩm khác của EuroCham, tham dự và phát biểu tại các sự kiện và cuộc họp về chính sách, buổi đối thoại với Chính phủ và cơ quan nhà nước do EuroCham và các đối tác đứng lên tổ chức.

TIỂU BAN NGÀNH NGHỀ	CHỦ TỊCH
Tiểu ban CropLife Việt Nam	Ông Kohei Sakata
Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản	Ông Thierry Rocaboy
Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo	Bà Mai Lan Anh
Tiểu ban Tăng trưởng Xanh	Ông Tomaso Andreatta
Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ	Bà Nga Nguyễn
Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế	Ông Torben Minko
Tiểu ban Công nghệ Thông tin & Truyền thông	Ông Emanuel Flobbe
Tiểu ban Pháp luật	Ông Antoine Logeay
Tiểu ban Trang thiết bị Y tế & Chẩn Đoán	Ông Fabrice Leguet
Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô – Xe máy	Đang xác nhận
Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng	Ông Arnaud Renard
Tiểu ban Dược phẩm	Ông Mathieu Fitoussi; Ông Roeland Roelofs
Tiểu ban Thuế & Chuyển giá	Ông Thomas McClelland
Tiểu ban Vận tải và Hậu cần	Ông Juergen Weber
Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn	Ông Pavel Poskakukhin
Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh	Ông Shivam Misra & Ông Paul Auriol

Năm nay, chúng tôi sẽ tiếp tục vai trò là cầu nối giữa cộng đồng doanh nghiệp châu Âu và Chính phủ Việt Nam ở cấp trung ương và địa phương. Ngoài ra, chúng tôi tiếp tục mở rộng mạng lưới các đối tác tại Liên minh châu Âu và khu vực ASEAN. EuroCham làm việc với Hội đồng Kinh doanh EU-ASEAN để các thành viên có cơ hội trình bày quan ngại của họ trong các ấn phẩm cấp khu vực, được trình lên cho cơ quan Chính phủ của các nước ASEAN và các thể chế tại Liên minh châu Âu. Trong năm qua, chúng tôi đã tổ chức hơn 60 sự kiện bao gồm tập huấn, hội thảo, hội nghị và hoạt động hỗ trợ chính sách, thúc đẩy đối thoại trực tiếp với Chính phủ cấp cao tại những buổi họp và hội thảo. Vừa qua, EuroCham cũng đã tổ chức đối thoại với Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính báo cáo cho Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành liên quan để trao đổi về những kiến nghị trong Sách Trắng 2017.

Ngoài những hoạt động trên, chúng tôi không ngừng thực hiện hỗ trợ cho các thành viên và cập nhật cho họ về những biến động của môi trường kinh doanh. Các vấn đề quan ngại của thành viên về đầu tư và môi trường thương mại tại Việt Nam sẽ được EuroCham chuyển tới các Bộ, ngành liên quan để đảm bảo những vấn đề này nằm trong kế hoạch giải quyết ưu tiên. Chúng tôi cũng cập nhật thường xuyên quá trình soạn thảo và sửa đổi quy phạm pháp luật, chính sách của Chính phủ Việt Nam và theo sát việc thực thi tại cấp quốc gia và địa phương để cập nhật thông tin cho thành viên.

thay đổi pháp lý quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các vấn đề quan ngại của thành viên về đầu tư và môi trường thương mại tại Việt Nam sẽ được EuroCham chuyển tới các Bộ, ngành liên quan để đảm bảo những vấn đề này nằm trong kế hoạch giải quyết ưu tiên. Chúng tôi cũng cập nhật thường xuyên quá trình soạn thảo và sửa đổi quy phạm pháp luật, chính sách của Chính phủ Việt Nam và theo sát việc thực thi tại cấp quốc gia và địa phương để cập nhật thông tin cho thành viên.



South-East Asia
IPR SME HELPDESK

Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ châu Âu về quyền Sở hữu trí tuệ tại Đông Nam Á

- ❖ Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) châu Âu về quyền Sở hữu trí tuệ (SHTT) tại Đông Nam Á cung cấp **miễn phí dịch vụ tư vấn riêng trực tiếp với ngôn ngữ dễ hiểu, các buổi đào tạo, tài liệu, tài nguyên trực tuyến về SHTT và các vấn đề liên quan đến SHTT** tại Đông Nam Á.
- ❖ Dự án nâng cao nhận thức về các vấn đề SHTT tại Đông Nam Á có ảnh hưởng tới DNVVN châu Âu, giúp doanh nghiệp đưa ra quyết định đúng đắn về quyền SHTT.

*Dự án **phối hợp** với các mạng lưới DNVVN châu Âu, các phòng thương mại và hiệp hội ngành trong việc cung cấp hỗ trợ miễn phí cho tất cả DNVVN châu Âu, bao gồm:*



Đường dây tư vấn

DNVVN châu Âu và các tổ chức trung gian của DNVVN châu Âu có thể gửi thắc mắc về quyền SHTT tới dự án qua điện thoại, thư điện tử hay trực tiếp tại văn phòng dự án để nhận được **tư vấn riêng trực tiếp và miễn phí** từ nhóm chuyên gia SHTT trong tối đa **3 ngày làm việc**.



Tài liệu đào tạo

Các vấn đề về quyền SHTT tại Đông Nam Á được phân tích trong sổ tay hướng dẫn và tài liệu đào tạo theo ngành nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh:

- **Sổ tay hướng dẫn theo từng đối tượng của SHTT**, ví dụ: sáng chế, nhãn hiệu
- **Trang thông tin về SHTT tại từng nước**: tổng quan về SHTT tại 10 nước Đông Nam Á
- **Sổ tay hướng dẫn theo ngành**, ví dụ: dệt may, cơ khí, công nghiệp sáng tạo
- **Sổ tay hướng dẫn theo hoạt động kinh doanh**, ví dụ: chuyển giao công nghệ, sản xuất

Dự án còn cung cấp các **bài viết** về quyền SHTT tại Đông Nam Á do các chuyên gia SHTT biên soạn để đăng tải bản tin hoặc ấn phẩm khác của các tổ chức trung gian là đối tác của dự án.



Dịch vụ trực tuyến

- **Cổng thông tin trực tuyến đa ngôn ngữ** giúp DNVVN châu Âu dễ dàng tiếp cận các hỗ trợ của dự án như **sổ tay hướng dẫn, thông tin về sự kiện và ghi âm các buổi đào tạo trực tuyến**.
- Người dùng có thể đăng ký tại **blog** Your IP Insider, **bản tin, Twitter, Facebook và LinkedIn** của dự án để được cập nhật về hoạt động của dự án và tin tức về SHTT tại Đông Nam Á.

Các khóa Đào tạo (bao gồm đào tạo trực tuyến)

Dự án tổ chức **các khóa đào tạo (bao gồm đào tạo trực tuyến)** ở châu Âu và Đông Nam Á về **bảo vệ và thực thi quyền SHTT tại Đông Nam Á**, phù hợp với nhu cầu của DNVVN:

- **Các vấn đề chung về SHTT** như đăng ký SHTT, xây dựng chiến lược thực thi quyền SHTT
- **Những thách thức về SHTT trong hoạt động kinh doanh**, ví dụ: lựa chọn đối tác kinh doanh, tham dự hội chợ thương mại, xin cấp giấy phép
- **Các khóa đào tạo theo ngành**
- **Tư vấn cá nhân** miễn phí trong 20 phút với chuyên gia SHTT tại hầu hết các sự kiện đào tạo
- **Đào tạo trực tuyến**: 45 phút thuyết trình và 30 phút Hỏi Đáp, rất tiện lợi cho đại diện DNVVN có thể tham gia tại văn phòng hoặc nhà riêng. Bản ghi âm được đăng tải trên website của dự án sau mỗi buổi đào tạo trực tuyến.



Hợp tác với chúng tôi!

Để biết thêm thông tin và thảo luận cách thức hợp tác với dự án, vui lòng liên hệ:

ĐT: +84 28 3825 8116 | Fax: +84 28 3827 2743

Email: question@southeastasia-iprhelpdesk.eu

Website: www.southeastasia-iprhelpdesk.eu

Blog: www.yourIPinsider.eu



Sáng kiến do Liên minh châu Âu đồng tài trợ

Dự án được triển khai bởi:



South-East Asia
IPR SME
Helpdesk



MẠNG LƯỚI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM (EVBN)

www.evbn.org



Mạng lưới kết nối doanh nghiệp Châu Âu – Việt Nam (EVBN) là một dự án đồng sáng lập bởi Liên minh Châu Âu và được thành lập năm 2014. Mục tiêu chính của EVBN là tăng cường hoạt động xuất khẩu & đầu tư của Liên minh Châu Âu (EU), đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ Châu Âu tới Việt Nam, cũng như đẩy mạnh mảng doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam bằng cách tạo điều kiện tiếp cận thị trường.

CHÚNG TÔI CUNG CẤP

Sự kiện & Dịch vụ Doanh nghiệp

- Phái đoàn thương mại: Chương trình 4 ngày với các đối tác Việt Nam tiềm năng thông qua chương trình giao thương quốc tế B2B Matchmaking (liên kết doanh nghiệp)
- Sự kiện: triển lãm, triển lãm thương mại, tiệc trưa kinh doanh
- Dịch vụ thiết kế riêng cho từng công ty



Tư vấn tiền thị trường

- Nghiên cứu và báo cáo thị trường cho phép tải xuống miễn phí
- Cổng thông tin tư vấn "Ask the expert" trên website EVBN
- Cơ sở dữ liệu miễn phí về nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Ưu đãi doanh nghiệp

- Các cơ sở khởi nghiệp toàn diện độc nhất cho các công ty Châu Âu

SỰ KIỆN SẮP TỚI



Phái đoàn thương mại về ngành thực phẩm đồ uống

29/1 - 3/2, 2018
Tp. Hồ Chí Minh & Hà Nội



Triển lãm phong cách sống châu Âu

18 - 20/5, 2018
Tp. Hồ Chí Minh

www.eurosphere.com.vn

Liên hệ

Email: info@evbn.org
Tel: +84 (0) 28 3823 9515
Fax: +84 (0) 28 3823 9514

ĐỐI TÁC LIÊN DANH CỦA CHÚNG TÔI



Tòa nhà Landmark, Tầng 15, 5B Đường Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIỚI THIỆU VỀ BỐ CỤC ẤN PHẨM

Cấu trúc của Sách Trắng năm nay được thiết kế nhằm mang lại cái nhìn tổng quan súc tích về môi trường kinh doanh và các vấn đề đang ảnh hưởng đến cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Với mục tiêu này, Sách Trắng được chia làm 3 Phần. Sách Trắng 2018 cũng đánh giá ảnh hưởng của những vấn đề này đối với Việt Nam, ví dụ như thông qua tác động đến thương mại, tăng trưởng hoặc việc làm. Trong mỗi chương của Sách Trắng, EuroCham yêu cầu các doanh nghiệp thành viên của 16 Tiểu ban Ngành nghề tập trung thảo luận ba (3) vấn đề chính mà họ tin rằng Chính phủ Việt Nam nên ưu tiên giải quyết. Cuối cùng, các Chương đều đưa ra các kiến nghị cụ thể nhằm giúp cải thiện tình hình hiện tại hoặc giải quyết những thách thức liên quan.

Sách Trắng 2018 dành riêng một (1) chương về Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA), trong đó tổng hợp những vấn đề liên quan đến EVFTA mà Các Tiểu ban Ngành nghề thuộc EuroCham muốn trình lên Chính phủ. Ngoài ra, ấn phẩm cũng dành một (1) chương trình bày hành trình hoạt động chính sách của chúng tôi trong một thập kỷ qua.

Ấn phẩm bao gồm hai mươi tám (28) chương, bao gồm một (1) chương về EVFTA, mười một (11) chương trình bày các vấn đề liên ngành và mười ba (13) chương về các vấn đề chuyên ngành. Tên (tiếng Anh) của các chương này được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái.

VẤN ĐỀ CHÍNH

Cơ quan Chính phủ liên quan

Mô tả vấn đề: Tóm tắt các mối quan ngại chính.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam: Tóm tắt các lợi ích tiềm năng hoặc cản trở đối với nền kinh tế/sự tăng trưởng/việc làm của Việt Nam.

Kiến nghị: Các kiến nghị cụ thể nhằm cải thiện hoặc giúp giải quyết các vấn đề.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ và đóng góp ý kiến của tất cả các thành viên thuộc các Tiểu ban Ngành nghề trong việc hoàn thành ấn phẩm lần thứ 10 của Sách Trắng EuroCham (Sách Trắng). Sách Trắng tổng hợp quan điểm của các doanh nghiệp thành viên EuroCham, đại diện bởi các Tiểu ban Ngành nghề, về các vấn đề cụ thể trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Sách Trắng không đại diện cho quan điểm của một công ty hay nhóm công ty cụ thể. Thông tin và quan điểm để cập trong cuốn Sách Trắng này nhằm mục đích thúc đẩy đối thoại mang tính xây dựng và đưa ra các kiến nghị với Chính phủ Việt Nam nhằm thúc đẩy tăng cường quan hệ kinh doanh, thương mại giữa các doanh nghiệp châu Âu và doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, Sách Trắng được xuất bản nhằm mục đích sử dụng cho các thành viên của EuroCham và các bên liên quan, không hướng tới bất kỳ công ty và/hoặc tổ chức cụ thể nào.

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của EuroCham, các nội dung của ấn phẩm này sẽ không được sao chép, chia sẻ hoặc truyền đi tất cả hay một phần, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, bao gồm nhưng không giới hạn như việc sao, chụp hoặc sao chép thông qua các phương pháp điện tử hoặc kỹ thuật. Mọi yêu cầu EuroCham chấp thuận cho việc sử dụng, xin vui lòng liên lạc theo địa chỉ của EuroCham như dưới. EuroCham đã nỗ lực hết sức để đảm bảo các thông tin trong cuốn Sách Trắng này là chính xác tại thời điểm soạn thảo theo những hiểu biết và quan điểm của chúng tôi. Tuy nhiên, EuroCham không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý đối với bất cứ bên nào về tính đầy đủ, chính xác, độ tin cậy và phù hợp của nội dung Sách Trắng và/hoặc kết quả từ bất cứ quyết định nào được đưa ra dựa các nội dung này. Trong mọi trường hợp, các bên không nên hành động dựa vào nội dung Sách Trắng mà không có sự tư vấn hay hỗ trợ chuyên môn.

Trong bất kỳ trường hợp nào, EuroCham và các nhân viên, các doanh nghiệp thành viên, Ban Lãnh đạo và/hoặc các thành viên Ban Lãnh đạo EuroCham sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý cho bất cứ thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, nghiêm trọng, ngẫu nhiên hay mang tính tất yếu (bao gồm cả thiệt hại về lợi nhuận) một cách trực tiếp hay gián tiếp liên quan hoặc phát sinh từ ấn phẩm Sách Trắng này, dưới bất kỳ hình thức nào, cho dù trong hợp đồng, kế ước, các văn bản ràng buộc trách nhiệm pháp lý, cho dù các thiệt hại đã được lường trước hay không, hay thậm chí đã được khuyến cáo về khả năng có thể xảy ra. Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên sử dụng.

Đường dẫn đến ấn phẩm và website của bên thứ ba nêu trong Sách Trắng chỉ nhằm tạo sự thuận tiện cho mục đích tra cứu thông tin của độc giả. EuroCham không kiểm soát và không chịu trách nhiệm đối với bất cứ ấn phẩm hoặc nội dung ấn phẩm nào của bên thứ ba. Do vậy, độc giả hoàn toàn chịu rủi ro khi hành động dựa vào những thông tin này.

Thời điểm hoàn tất soạn thảo: Tháng 1 năm 2018.

© 2018 Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, bản quyền của EuroCham.

Thông tin liên lạc về ấn phẩm Sách Trắng: whitebook@eurochamvn.org.

HÀNH TRÌNH 10 NĂM HOẠT ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA EUROCHAM

HÀNH TRÌNH 10 NĂM HOẠT ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA EUROCHAM

TỔNG QUAN

Hai thập kỷ qua là giai đoạn thay đổi sâu sắc đối với Việt Nam. Nền kinh tế quốc gia nằm trong số những nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ nhất trên thế giới, với mức tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân hàng năm đạt 6,4% trong những năm 2000.¹ Điều này đã biến Việt Nam từ một trong những nước nghèo nhất trên thế giới trở thành một trong những quốc gia có mức thu nhập trung bình.²

Sự tăng trưởng ngoạn mục này tạo ra rất nhiều việc làm mới và nâng cao mức sống người dân. Năm 1993, hơn một nửa dân số có mức sống dưới 1,90 Đô-la Mỹ một ngày và bây giờ tỷ lệ đó là 3%.³ Trong khi đó, GDP bình quân đầu người đã tăng từ 360 Đô-la Mỹ năm 1998 lên hơn 2.000 Đô-la Mỹ vào năm 2018.⁴ Việt Nam cũng khuyến khích Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài (FDI) từ các tập đoàn quốc tế lớn trên khắp Liên minh châu Âu (EU). Các công ty này mang theo những kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm của các doanh nghiệp châu Âu vào Việt Nam, từ đó góp phần tăng trưởng kinh tế và cải thiện mức sống.

Chúng tôi thấy những thay đổi này mở ra ngay trước mắt, chúng tôi coi sự phát triển và thành công của Việt Nam cũng là thành công của chúng tôi. Hai thập kỷ trước, EuroCham được thành lập chỉ với 60 thành viên và bây giờ chúng tôi đã có gần 1.000 thành viên, trong đó có một số doanh nghiệp hàng đầu thế giới. Trong thời gian qua, chúng tôi chứng kiến sự thành công của doanh nghiệp châu Âu khi Việt Nam chuyển mình. Chính phủ đã có những cải thiện rất lớn đối với môi trường kinh doanh trong nước kể từ những năm 1990. Chúng tôi rất hoan nghênh sự thay đổi tích cực tuy nhiên vẫn còn có nhiều lĩnh vực có thể được cải thiện hơn nữa. EuroCham có sứ mệnh đại diện cho tiếng nói của doanh nghiệp châu Âu trong quan hệ hợp tác với các Bộ, Ban, Ngành và cơ quan Nhà nước liên quan nhằm hỗ trợ Việt Nam phát triển tốt hơn. Chúng ta có thể cùng nhau đạt được nhiều kết quả tốt hơn nữa, không chỉ trong việc cải thiện hệ các quy định pháp luật và gỡ bỏ rào cản thương mại, mặc dù đây là những thay đổi cần thiết. Chúng tôi có thể đóng góp trong việc nâng cao kiến thức, kỹ năng và cải thiện mức sống của người dân Việt Nam.

Đó là những gì chúng tôi đã và đang thực hiện từ năm 1998 và cũng là lý do chúng tôi bắt đầu soạn thảo và cho ra đời Sách Trắng. Đến nay EuroCham đã xuất bản ấn phẩm thứ 10 nhằm truyền đạt một cách hiệu quả hơn các kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tới Chính phủ ở cấp trung ương và địa phương. Trong ấn bản lần thứ 10 của Sách Trắng, chúng tôi tôn vinh một số “câu chuyện thành công” trong hoạt động hỗ trợ chính sách của EuroCham trong thập kỷ qua. Những thành tựu này đạt được nhờ vào sự đóng góp của các thành viên các Tiểu ban Ngành nghề. Điều này nhấn mạnh nguyên tắc hoạt động cốt lõi của chúng tôi: Cùng nhau, doanh nghiệp châu Âu có thể đạt được nhiều thành quả hơn thay vì hoạt động riêng lẻ.

I. CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH TẠI VIỆT NAM

Một trong những biện pháp quan trọng nhất để cải thiện môi trường thương mại và đầu tư cho doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam là giảm thuế quan quốc tế và dỡ bỏ rào cản thương mại. Dĩ nhiên, Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA), vốn nên được phê duyệt sớm hơn, là cột mốc lịch sử trong thương mại song phương giữa Việt Nam và các nước thành viên Liên minh châu Âu. EuroCham vẫn luôn ủng hộ và thúc đẩy hiệp định này kể từ lần đầu tiên hiệp định được hình thành, và chúng tôi đã gặp gỡ các lãnh đạo cấp cao của Liên minh châu Âu để đảm bảo việc thực thi EVFTA nằm trong kế hoạch ưu tiên, bên cạnh các vấn đề thương mại và đầu tư khác của doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam.

Trong năm 2012, chúng tôi đã tổ chức một buổi đối thoại đặc biệt với Chủ tịch Hội đồng châu Âu, Phái đoàn Liên minh châu Âu và 130 đại biểu, hầu hết là thành viên của EuroCham đại diện cho các công ty lớn và đa quốc gia tại Việt Nam. Tại buổi đối thoại, Ngài Chủ tịch Hội đồng châu Âu nhấn mạnh vai trò của EuroCham trong việc tăng

1 “Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam: Tổng quan”, *Ngân hàng Thế giới*. Xem tại: <<http://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview>> truy cập ngày 10 tháng 1 năm 2018.

2 “Con hổ tiếp theo của châu Á”, *The Economist*, ngày 6 tháng 8 năm 2016. Xem tại: <<https://www.economist.com/news/finance-and-economics/21703376-having-attained-middle-income-status-vietnam-aims-higher-good-afternoon-vietnam>> truy cập ngày 5 tháng 1 năm 2018.

3 *Như trên*, Ngân hàng Thế giới

4 Dữ liệu từ Ngân hàng Thế giới. Xem tại: <<https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.PCAP.CD>> truy cập ngày 6 tháng 1 năm 2018.

cường các mối quan hệ giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam.⁵ Vào tháng 3 năm 2014, chúng tôi có chuyến công tác đến Brussels để tham gia vào các cuộc đối thoại với các bên liên quan, bao gồm các tổ chức châu Âu và Đại sứ Việt Nam tại châu Âu và các Hiệp hội Thương mại liên quan.⁶ Sau đó, vào năm 2014, chúng tôi đứng ra tổ chức một buổi đối thoại với Chủ tịch Ủy ban châu Âu, gặp gỡ các doanh nghiệp châu Âu để thảo luận về tiến trình của EVFTA.⁷ Vào tháng 9 năm 2017, đoàn của chúng tôi gồm 25 thành viên đã đến Brussels để quảng bá Việt Nam cũng như thúc đẩy việc phê duyệt hiệp định EVFTA. Phái đoàn của chúng tôi đã gặp gỡ các Ủy viên và các quan chức từ rất nhiều tổ chức và kết thúc chuyến công tác bằng cuộc họp với Ngài Chủ tịch Ủy ban châu Âu và Phó Chủ tịch Nghị viện Châu Âu.⁸

Mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ về khía cạnh này, và trong bối cảnh Hiệp định Thương mại Tự do sẽ mang lại nhiều lợi ích cho cả Liên minh châu Âu và Việt Nam, vẫn còn rất nhiều công việc cần được thực hiện. Chúng tôi sẽ trình bày thêm trong một Chương phân tích lộ trình thực thi EVFTA ở phần đầu của Sách Trắng.

II. TIẾNG NÓI MẠNH MẼ HƠN ĐẠI DIỆN CHO DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU

Số lượng thành viên ngày càng tăng bao gồm các công ty đa quốc gia lớn trên thị trường từ khắp các nước EU cũng cố vai trò đại diện cho tiếng nói của doanh nghiệp châu Âu với Chính phủ Việt Nam. Điều này mang đến cho chúng tôi cơ hội trình bày các vấn đề và quan ngại của các thành viên ở cấp cao nhất. Từ khi thành lập, chúng tôi đã tổ chức các sự kiện và buổi chia sẻ thông tin, mà tại đó các thành viên của chúng tôi gặp gỡ các quan chức và các Bộ trưởng từ nhiều Bộ khác nhau.

Ví dụ, vào năm 2015, chúng tôi tổ chức buổi Đối thoại đặc biệt với Phó Thủ tướng Việt Nam. Ngài Phó Thủ tướng chia sẻ chương trình cải cách của Chính phủ và các thành viên của chúng tôi có thể đặt câu hỏi về những vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của họ.⁹ Chỉ trong 12 tháng cuối cùng, chúng tôi đã tạo cơ hội cho các thành viên được đối thoại trực tiếp với các đại diện cấp cao của Chính phủ, các Bộ, ngành tại hơn 20 cuộc họp và hội nghị chuyên đề.¹⁰

Năm 2016, EuroCham hợp tác với Mạng lưới Doanh nghiệp châu Âu - Việt Nam (EVBN) để nâng cao hoạt động hỗ trợ chính sách cho các doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh và tăng cường kết nối, đối thoại với các cơ quan Chính phủ tại Hà Nội. Do đó, EuroCham thường xuyên đối thoại với tất cả các Bộ ngành chủ chốt và Văn phòng Chính phủ. Chúng tôi cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động với các tổ chức nghiên cứu và phát triển. Hơn thế nữa, chúng tôi đã tăng cường quảng bá, chia sẻ những giá trị cốt lõi về liêm chính, tính minh bạch và tuân thủ cũng như tầm quan trọng của Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp (CSR), tính bền vững trong chính hoạt động của EuroCham và các công ty thành viên.

Trong năm 2016 và 2017, EuroCham bắt đầu trình bày các kiến nghị và quảng bá EVFTA tới các cơ quan cấp cao nhất, đặc biệt tới Quốc hội, Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Văn phòng Chính phủ, Ban Kinh tế Trung Ương, v.v. và chúng tôi cũng tăng cường hợp tác với Mạng lưới Hội đồng Doanh nghiệp châu Âu - ASEAN cũng như các đại diện của quốc gia thành viên Liên minh châu Âu tại Việt Nam, trong đó EuroCham đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối và tạo điều kiện để các đối tác khu vực đối thoại với Chính phủ Việt Nam.

Năm 2017, EuroCham tiếp tục đóng góp và được mời gia nhập Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính (ACAPR) báo cáo trực tiếp cho Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc. Chúng tôi tiếp tục tăng cường hoạt động thúc đẩy thương mại và đầu tư vào nhiều tỉnh thành thông qua việc hợp tác chặt chẽ với Bộ Ngoại giao và mở rộng đại diện nhằm quảng bá EVFTA và việc thực thi hiệp định ở cấp địa phương. Vào tháng 8 năm 2017, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đã ghi nhận những nỗ lực của EuroCham và đánh giá EuroCham “là nhân tố thúc đẩy hợp tác, đầu tư giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam trong thời gian qua”. Năm 2017, EuroCham cũng công bố hai ấn phẩm mới: Báo cáo Giữa kỳ về phân tích việc thực thi Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam,¹¹ và Sách Xanh, tập hợp các kinh nghiệm, giải pháp xanh và phát triển bền vững của châu Âu.¹² Chúng tôi đã trình bày

5 “Cuộc đối thoại đặc biệt của EuroCham với Chủ tịch Hội đồng châu Âu, H.E. Herman Van Rumpoy”, *EuroCham*. Xem tại: <https://www.eurochamvn.org/News/EuroCham_News/EuroCham_Special_Dialogue_with_President_of_the_European_Council_HE_Mr_Herman_Van> truy cập ngày 5 tháng 1 năm 2018.

6 “Phái đoàn EuroCham đến Brussels một thành công lớn” *EuroCham*. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/12951>> truy cập ngày 7 tháng 2 năm 2018.

7 “H.E. Jose Manuel Barroso, Chủ tịch Hội đồng châu Âu, gặp gỡ lãnh đạo của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam”, *EuroCham*. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/13542>> truy cập ngày 5 tháng 1 năm 2018.

8 “EuroCham kết thúc chuyến thăm đến Brussels và chuyển giao báo cáo EVFTA, Sách Xanh và Sách trắng cho Chủ tịch EC”, *EuroCham*. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/16870>> truy cập ngày 5 tháng 1 năm 2018.

9 “EuroCham tổ chức đối thoại đặc biệt với Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh”, *EuroCham*. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/14400>> truy cập ngày 5 tháng 1 năm 2018.

10 “Thông điệp của Chủ tịch cho năm 2018”, *EuroCham*. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/17038>> truy cập vào ngày 5 tháng 1 năm 2018.

11 Báo cáo tập hợp những trí thức từ Cộng đồng Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam và những kỳ vọng, kiến nghị đối với việc thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam. Báo cáo đã được chuẩn bị vào tháng chín năm 2017 để trình lên Ủy ban Thương mại Quốc tế của Nghị viện châu Âu vào tháng 9 năm 2017. Tài liệu dựa trên giả định tuân theo các quy trình thực hiện và giám sát mà trong đó EuroCham có thể đóng vai trò then chốt.

12 Đây là ấn bản đầu tiên nhằm giới thiệu khái quát về tình hình Việt Nam trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, quản lý nước và rác thải, thành phố thông minh và công trình xanh. Sách xanh được dành để giới thiệu chuyên môn lâu năm của châu Âu trong việc cung cấp các giải pháp và phương pháp thay thế sáng tạo hướng đến sự phát triển bền vững và hòa nhập. Tài liệu nêu bật những cơ hội và lợi ích mà các công ty châu Âu có thể mang lại để thúc đẩy tăng trưởng xanh bao gồm không chỉ các cơ hội kinh doanh, mà còn các kiến nghị cải thiện môi trường kinh doanh xanh. Phiên bản điện tử có thể xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/16988>>

Sách Trắng cùng với hai ấn phẩm mới tới các lãnh đạo châu Âu trong chuyến công tác đến Brussels.

Năm 2018 là năm chúng tôi sẽ tiếp tục là cầu nối, gia tăng ảnh hưởng của các Hiệp hội Doanh nghiệp, Tiểu ban Ngành nghề, công ty thành viên và đối tác để đảm bảo các kiến nghị của các doanh nghiệp châu Âu được lắng nghe và giải quyết. Năm nay cũng là năm EuroCham sẽ đóng vai Hiệp hội chủ trì Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) và chúng tôi sẽ tiếp tục làm việc với các Hiệp hội Doanh nghiệp đối tác của VBF để trình bày các vấn đề chung của các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam tới Chính phủ. Hơn nữa, với kỳ vọng là EVFTA sẽ được phê duyệt vào năm 2018, EuroCham sẽ tiếp tục thực hiện vai trò của mình, là nhân tố thúc đẩy việc thực thi, cũng như hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam. Chúng tôi mong muốn, nâng niu và mang các giá trị châu Âu đến gần với Việt Nam hơn nữa cũng như quảng bá hình ảnh của Việt Nam đến châu Âu và các khu vực khác.

III. CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC VỀ PHÁP LUẬT

Hỗ trợ chính sách là hoạt động trọng tâm của EuroCham. Đồng hành cùng và thay mặt cho các thành viên, chúng tôi tìm cách giải quyết những vấn đề chính mà các doanh nghiệp châu Âu đang phải đối mặt và nỗ lực hỗ trợ chuyển biến thành những thay đổi trong văn bản pháp luật nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư ở Việt Nam. Trong phần này, chúng tôi sẽ thảo luận một vài điểm nổi bật trong hoạt động mà chúng tôi đã thực hiện trong thập kỷ qua.

1. Giảm mức phí tại cảng

EuroCham đã gửi và trình bày với Bộ Tài Chính trong hai thư kiến nghị¹³ ngày 5 tháng 4 năm 2010 và ngày 18 tháng 8 năm 2010, rằng nhiều khoản phí thu tại cảng Cái Mép/Thị Vải cao gấp 2 đến 4 lần so với mức phí tại các cảng khác trong khu vực. Mức phí này là mối quan ngại lớn đối với các hãng tàu có tàu cập cảng Cái Mép. EuroCham đã kiến nghị Bộ Tài chính mạnh tay giảm mức phí cảng/thuế nhằm tăng tính cạnh tranh của cảng này trong khu vực. Trong thư phản hồi cho EuroCham ngày 7 tháng 9 năm 2010,¹⁴ Bộ Tài chính cho biết, chính quyền địa phương đang xem xét điều chỉnh các chính sách và lệ phí thu tại cảng có thể được áp dụng cho tất cả các cảng tại Việt Nam, nếu được phê duyệt. Bộ Tài chính đang chuẩn bị đề xuất giảm phí cảng và lệ phí hàng hải đối với các tàu biển có trọng tải (DWT) trên 50.000 cập cảng Cái Mép - Thị Vải. Mức phí đề xuất sẽ thấp hơn mức hiện tại căn cứ theo các quy định trước đây. Bộ Tài chính cũng đã cam kết với EuroCham sẽ cùng hợp tác điều chỉnh chính sách và mức phí tại cảng ở Việt Nam sao cho hợp lý hơn trong tương lai.¹⁵

2. Nới lỏng điều kiện cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài¹⁶

Tiểu ban Nguồn Nhân lực và Đào tạo thuộc EuroCham từ lâu đã ủng hộ việc tạo điều kiện thuận lợi liên quan đến giấy phép lao động cho lao động nước ngoài, cụ thể, nội dung này được thể hiện trong Nghị quyết 47/NQ-CP của Chính phủ ngày 8 tháng 7 năm 2014 (Nghị quyết 47). Sau quá trình làm việc liên tục và lâu dài với Chính phủ và các bên liên quan bao gồm Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), nỗ lực của chúng tôi đã được đền đáp khi Chính phủ chấp thuận nới lỏng điều kiện cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài thuộc một trong các nhóm sau: (i) người nước ngoài là chuyên gia hoặc kỹ thuật viên đáp ứng các yêu cầu về trình độ chuyên môn hoặc có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực mà họ xin cấp giấy phép lao động tại Việt Nam; (ii) người nước ngoài có bằng tốt nghiệp hoặc chứng chỉ tương đương trở lên và được đào tạo chuyên môn phù hợp với chuyên ngành của mình tại các trung tâm đào tạo ngoại ngữ (trung tâm ngoại ngữ), trường mầm non; (iii) người nước ngoài có bằng cử nhân hoặc chứng chỉ tương đương trở lên và được đào tạo chuyên môn phù hợp với chuyên ngành của mình tại các cơ sở giáo dục phổ thông. Trên thực tế, người lao động nước ngoài cần nộp bằng cử nhân, bằng tốt nghiệp thậm chí được chấp nhận trong một số lĩnh vực cụ thể, hoặc cần có 5 năm kinh nghiệm làm việc.

3. Miễn thị thực cho 5 quốc gia châu Âu

EuroCham, Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn nói riêng, từ lâu đã không ngừng thúc đẩy việc miễn thị thực cho du khách từ châu Âu đến Việt Nam, ví dụ như vào năm 2010, chúng tôi đã đề xuất mở rộng phạm vi miễn thị thực.¹⁷ Thông qua đối thoại mang tính xây dựng,¹⁸ chúng tôi rất vui mừng khi Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã ký

13 Xem tại trang web của EuroCham: <https://www.eurochamvn.org/sites/www.eurochamvn.org/files/uploads/Documents/Letter%20to%20MoF%20re%20Port%20dues_05041010_Scan.pdf> truy cập lần cuối ngày 6 tháng 2 năm 2018

14 Xem tại trang web của EuroCham: <https://www.eurochamvn.org/sites/www.eurochamvn.org/files/uploads/Documents/MoF%20Letter%20re%20port%20dues_EN_Sept%202010.pdf> truy cập lần cuối ngày 6 tháng 2 năm 2018

15 "EuroCham nhận công văn của Bộ Tài chính cam kết giảm phí cảng trong tương lai", *EuroCham*. Xem tại: <https://www.eurochamvn.org/News/EuroCham_receives_MOF_letter_promising_future_reduction_in_port_charges> truy cập ngày 7 tháng 2 năm 2018.

16 Thông tin chi tiết xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/13465>> truy cập ngày 7 tháng 2 năm 2018.

17 "EuroCham đề xuất miễn visa cho nhiều thị trường hơn", *Du lịch Việt Nam*, ngày 10 tháng 2 năm 2010. Xem tại: <<http://www.vietnamtourism.com/en/index.php/news/items/2680>> truy cập ngày 5 tháng 2 năm 2018.

18 "Thành tựu của Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn: Miễn visa cho năm quốc gia châu Âu khi đến Việt Nam", *EuroCham*. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/14743>> truy cập ngày 5 tháng 2 năm 2018.

Quyết định miễn thị thực thêm cho 5 quốc gia châu Âu vào tháng 6 năm 2015. Chỉ thị này bổ sung thêm công dân Pháp, Anh, Đức, Tây Ban Nha và Ý vào diện miễn thị thực, như đã áp dụng cho các quốc gia châu Âu khác là Na Uy, Thụy Điển, Đan Mạch và Phần Lan cũng như du khách từ Belarus, Nhật Bản, Nga và Hàn Quốc.¹⁹ Du khách đến từ các quốc gia trên đều được phép lưu trú tối đa 15 ngày tại Việt Nam. Quy định bổ sung 5 nước trên bắt đầu có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2015. Sau đó, vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 56/NQ-CP về các chương trình miễn thị thực cho công dân đến từ một số nước châu Âu (Nghị quyết 56). Nghị quyết này gia hạn miễn thị thực thêm 12 tháng và áp dụng bất kể loại hộ chiếu hay mục đích đi trú, miễn là khách du lịch đáp ứng các yêu cầu liên quan của luật pháp Việt Nam và lưu trú tại Việt Nam trong thời gian không quá 15 ngày. Nghị quyết này nhằm thu hút nhiều du khách châu Âu đến Việt Nam, thúc đẩy du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho việc công tác và đầu tư nước ngoài.²⁰

Mặc dù đây là tín hiệu tích cực, chúng tôi vẫn mong muốn tiếp tục mở rộng phạm vi miễn thị thực cho các công dân Liên minh châu Âu.²¹ Đây cũng là đề tài mà Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn sẽ tiếp tục trình bày chi tiết ở chương về Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn trong Sách Trắng 2018.

4. Ưu đãi thuế cho hoạt động mở rộng kinh doanh và quy định mới về Chuyển giá

Tiểu ban Thuế và Chuyển giá đã trình bày nhiều vấn đề trong Sách Trắng và trong quá trình đối thoại với Chính phủ và các Bộ, Ban, Ngành liên quan, và đạt được thành công qua những thay đổi trong quy định và công văn hướng dẫn. Những chuyển biến tích cực này bao gồm:

- Khấu trừ toàn bộ chi phí quảng cáo và khuyến mãi được thực hiện theo theo luật;
- Giảm thuế nhà thầu tính trên lãi từ 10% xuống 5%;
- Khôi phục ưu đãi về Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN) cho hoạt động mở rộng kinh doanh;
- Khấu trừ thuế giả định trong tính Thuế Thu nhập Cá nhân;
- Khấu trừ thuế TNDN ở mức nhất định đối với chi phí y tế, phí bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm y tế tự nguyện, nếu chúng thuộc hợp đồng lao động và chính sách tài khóa, cũng như các khoản đóng góp hưu trí tự nguyện được đóng đến một mức nhất định;
- Không áp dụng thuế giá trị gia tăng đối với các dự án khai thác dầu và khí đốt không thành công; và
- Không áp dụng thuế nhà thầu nước ngoài đối với các hợp đồng cung cấp máy móc và thiết bị kèm theo điều khoản bảo hành.

Ngoài ra, còn có nhiều cải tiến trong quản lý thuế, như tái áp dụng các ưu đãi thuế cho hoạt động mở rộng kinh doanh từ năm 2014. Việc áp dụng các ưu đãi thuế trong giai đoạn 2009-2013 là một trong những động thái tác động đến vài thành viên EuroCham và người đóng thuế nói chung. Đây cũng như là một trong những vấn đề EuroCham đặc biệt quan tâm.

Ưu đãi thuế là một yếu tố quan trọng khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng và phát triển.²² Tuy nhiên, kể từ năm 2009-2013, vẫn chưa có ưu đãi nào dành cho hoạt động mở rộng đầu tư trong nước. EuroCham đưa nêu lên vấn đề vào năm 2015.²³ Từ hoạt động tích cực và không ngừng nghỉ của chúng tôi, Bộ Tài chính đã trình lên Thủ tướng Chính phủ để xin chỉ đạo về vấn đề này. Công văn 4769/BTC-TCT của Tổng cục Thuế ngày 7 tháng 4 năm 2016 về chính sách đối với hoạt động đầu tư thường xuyên, hướng dẫn các công ty đã nộp thuế có thể nộp đơn xin được bù trừ hoặc hoàn trả số thuế đã nộp. Chúng tôi đánh giá cao việc xem xét rà soát lại và áp dụng lại các ưu đãi về thuế nhưng trong thực tế, chính sách này không được áp dụng một cách nhất quán. Vì vậy, chúng tôi vẫn tiếp tục theo đuổi vấn đề này trong năm 2016. Phản hồi lại, Bộ Tài chính nhắc lại hướng dẫn nêu trên và tầm quan trọng của việc áp dụng nhất quán bởi các Cơ quan liên quan. Chúng tôi hoan nghênh phản hồi và hỗ trợ của Bộ Tài chính trong vấn đề này và hy vọng rằng Chính phủ và Bộ Tài chính sẽ tiếp tục giám sát việc thực thi hướng dẫn này vào năm 2018.

Trong năm 2016, Tiểu ban Thuế và Chuyển giá thuộc EuroCham cũng đã làm việc với Bộ Tài chính và Tổng cục

19 "Tin chính: Việt Nam loại bỏ visa đối với năm quốc gia châu Âu vào tháng bảy", *Báo Tuổi Trẻ*, ngày 18 tháng 6 năm 2015. Xem tại: <<https://tuoitrenews.vn/business/28764/official-vietnam-to-scrap-visas-for-five-european-countries-in-july>> truy cập ngày 5 tháng 2 năm 2018.

20 "Miễn visa cho 5 quốc tịch châu Âu được gia hạn đến tháng 6 năm 2017", *EuroCham*. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/15766>> truy cập ngày 5 tháng 2 năm 2018.

21 "EuroCham đề xuất Việt Nam nới lỏng các yêu cầu cấp visa", *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 23 tháng 1 năm 2018. Xem tại: <<http://english.thesaigontimes.vn/58143/EuroCham-urges-Vietnam-to-relax-visa-requirements.html>> truy cập ngày 5 tháng 2 năm 2018.

22 Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính ban hành Công văn 4769/BTC-TCT trả lời yêu cầu của EuroCham liên quan đến việc hoàn lại tiền thuế, có sẵn trên trang web của EuroCham tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/15492>> truy cập ngày 6 tháng 2 năm 2018

23 Tiểu ban Thuế và Chuyển giá đã nêu ra các vấn đề này trong ấn bản Sách Trắng năm 2015 và 2016.

Thuế để đưa ra các ý kiến đóng góp và kiến nghị về dự thảo Nghị định 20/2017/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết (Nghị định 20), ban hành vào ngày 24 tháng 2 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2017.²⁴ Chúng tôi cũng đã đóng góp ý kiến đối với dự thảo Thông tư 40/2017/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 20.²⁵ EuroCham và Tiểu ban Thuế và Chuyển giá chân thành cảm ơn Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế vì những nỗ lực trong việc hoàn thiện khung pháp lý và lắng nghe ý kiến của các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Chúng tôi rất vinh dự khi được tham gia đóng góp một phần vào việc xây dựng và các văn bản pháp luật quan trọng này.

5. Dỡ bỏ giá trần đối với sản phẩm sữa bột trẻ em

Từ năm 2009, EuroCham luôn ủng hộ và kiến nghị việc bãi bỏ các biện pháp bình ổn giá dưới mọi hình thức. Những biện pháp điều chỉnh giá là không cần thiết, vì sự hiện hữu của nhiều sản phẩm và thương hiệu mang đến cho người tiêu dùng sự lựa chọn tùy theo nhu cầu riêng. Chúng tôi tin rằng nguyên tắc đầu tiên trong bình ổn giá là cho thị trường tự quyết định dựa trên nguyên tắc “cung và cầu”.

EuroCham cũng đã bày tỏ quan ngại về những dự thảo quy phạm pháp luật được Bộ Tài chính xem xét nhằm kiểm soát giá đối với nhiều sản phẩm trong danh mục, bao gồm nhiều sản phẩm sữa và thực phẩm khác. Chúng tôi đã lo ngại rằng dự thảo Thông tư liên quan tạo ra gánh nặng đáng kể trong công tác báo cáo và thủ tục hành chính đối với các doanh nghiệp trong suốt chuỗi sản xuất và phân phối và khiến các công ty thành viên gặp khó khăn trong việc tiên lượng và lên kế hoạch hoạt động.

EuroCham đã đề xuất giải pháp thay thế cơ chế kiểm soát giá bằng việc nâng cao tính minh bạch trong toàn bộ chuỗi cung ứng liên quan đến hoạt động phân phối và bán lẻ. Trong hai thư kiến nghị gửi Bộ Tài chính và Thủ tướng Chính phủ, EuroCham đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc định hướng phát triển “nền kinh tế thị trường” và nhấn mạnh rằng EuroCham, cùng với các doanh nghiệp nước ngoài khác, sẵn sàng hợp tác với Bộ Tài chính và các cơ quan chính quyền Việt Nam để cùng xác định cách tiếp cận thay thế việc quản lý giá.²⁶

Tuy nhiên, vào năm 2014, Bộ Tài chính đã đưa ra mức giá trần đối với các sản phẩm sữa bột dành cho trẻ em dưới 6 tuổi.²⁷ Quyết định 1079/QĐ-BT ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định cụ thể việc áp dụng các biện pháp bình ổn giá sữa cho trẻ dưới 6 tuổi (Quyết định 1079) đi ngược lại với định hướng xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường toàn diện. Cụ thể, Quyết định ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh trong ngắn hạn cũng như thương mại và đầu tư trong dài hạn.²⁸ 12 tháng sau khi Quyết định này được thực hiện, thị trường sữa bột công thức cho trẻ em dưới 6 tuổi đã giảm 11% về sản lượng.²⁹ Hơn nữa, kể từ khi áp dụng giá trần, môi trường kinh doanh đã thay đổi: giá nhân công tăng lên kèm theo các chi phí kinh doanh thiết yếu khác như điện.³⁰ Các biện pháp này được kéo dài hiệu lực bởi Quyết định 857/QĐ-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015. Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham đã trình bày vấn đề này trong ấn bản Sách Trắng 2015, và từ đó tiếp tục nỗ lực hoạt động để thay đổi quy định liên quan.³¹

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2017, Chính phủ đã ban hành quyết định dỡ bỏ mức giá trần. Vào ngày 26 tháng 6 năm 2017, Thông tư 08/2017/TT-BCT về đăng ký kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (Thông tư 08) được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2017. EuroCham rất phấn khởi đón nhận Thông tư 08 và chúng tôi hy vọng rằng việc kê khai giá và thủ tục thông báo giá được quy định tại Thông tư 08 sẽ được thực thi một cách đơn giản để giảm gánh nặng hành chính đối với các doanh nghiệp so với các thủ tục khai báo giá trước đó. Điều này giúp đạt được các mục tiêu quản lý nhà nước, do đó đảm bảo tính minh bạch của thị trường và lợi ích của người tiêu dùng trong khi vẫn duy trì quyền tự quyết định giá của các doanh nghiệp và các nguyên tắc cơ bản khác của nền kinh tế thị trường. Đây là một bước đi tích cực và cần thiết trong bối cảnh

24 Trả lời Công văn 15994/BTC-TCT ngày 9 tháng 11 năm 2016 kêu gọi đóng góp ý kiến về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

25 Trả lời Công văn 3795/BTC-TCT ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng cục Thuế kêu gọi đóng góp ý kiến về dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

26 “EuroCham phản đối bản dự thảo thông tư về việc thực hiện cơ chế kiểm soát giá”, *EuroCham*. Xem tại: <https://www.eurochamvn.org/News/EuroCham_opposes_Draft_Circular_on_Implementation_of_Price_ControlMechanisms>; “Dự thảo Thông tư về đăng ký giá từ Bộ Tài chính – các ý kiến đóng góp cần thiết trong thời gian tham vấn cho đến ngày 22 tháng 2”, *EuroCham*. Xem tại: <https://www.eurochamvn.org/News/Draft_Circular_on_Price_Registration_from_the_Ministry_of_Finance_MOF_Comments_Requested_in> truy cập ngày 8 tháng 2 năm 2018; “EuroCham thể hiện trước Thủ tướng các mối lo ngại về Thông tư được đề xuất liên quan đến quản lý giá”, *EuroCham*. Xem tại: <https://www.eurochamvn.org/News/EuroCham_expresses_to_Prime_Minister_concerns_about_the_proposed_Circular_on_Price_Management>, truy cập ngày 6 tháng 2 năm 2018

27 “EuroCham đề xuất nâng giá trần của sản phẩm sữa”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 2/2017. Xem tại: <<http://english.thesaigontimes.vn/52648/EuroCham-suggests-lifting-milk-price-cap.html>> truy cập ngày 5 tháng 2 năm 2018.

28 “Sách trắng năm 2017”, *EuroCham*, trang 136.

29 “Doanh thu sữa bột giảm tại các thành phố lớn”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 24 tháng 7 năm 2015. Xem tại: <<http://english.thesaigontimes.vn/42096/Powdered-milk-sales-fall-in-major-cities.html>> truy cập ngày 5 tháng 2 năm 2018.

30 *Như trên*. *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*.

31 “Sách trắng năm 2015”, *EuroCham*, trang 141.

Việt Nam đang phấn đấu đổi mới và phát triển sản phẩm, có những thay đổi về thể chế để hợp tác với các đối tác như Liên minh châu Âu.³²

6. Cải cách quy phạm pháp luật hướng dẫn thực thi Luật An toàn Thực phẩm, đặc biệt đối với sản phẩm đóng gói sẵn

Các nguy cơ an toàn thực phẩm phát sinh từ các sản phẩm thực phẩm chế biến sẵn, chế biến công nghiệp đặc biệt thấp ở Việt Nam. Theo báo cáo của Chính phủ, trong số các trường hợp ngộ độc thực phẩm vào năm 2016, chỉ có 2,2% là do thực phẩm chế biến sẵn.³³ Tuy nhiên, các sản phẩm này phải chịu các thủ tục kiểm tra và đăng ký nghiêm ngặt và không cần thiết trong suốt thời gian qua. Các thủ tục này không mang lại giá trị an toàn thực phẩm nhưng lại cho thấy là gánh nặng và hao tổn chi phí đối với doanh nghiệp. Ví dụ, các yêu cầu này bao gồm giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về an toàn thực phẩm được quy định tại Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn Thực phẩm (Nghị định 38).

Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham (NFG) từ lâu đã cho rằng những quy định này cần được sửa đổi, và Chính phủ đã lắng nghe kiến nghị của chúng tôi. Trong cuộc họp gần đây do EuroCham đồng tổ chức, Ngài Mai Tiến Dũng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ kiêm Chủ tịch Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính (ACAPR) cho biết, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) và các Bộ ngành khác xây dựng dự thảo Nghị định mới để thay thế cho Nghị định 38, cho phép doanh nghiệp tự xác nhận các tiêu chuẩn an toàn.³⁴ Chính phủ đã ban hành Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực phẩm ngày 2 tháng 2 năm 2017 (Nghị định 15) có hiệu lực thi hành ngay. Theo Nghị định này thì hiện nay, các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh có thể tự chứng nhận việc tuân thủ quy định đối với thực phẩm chế biến đóng gói sẵn; phụ gia thực phẩm; chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; và thiết bị, vật liệu đóng gói và hộp bảo quản thực phẩm. Bên cạnh đó, sản phẩm và nguyên liệu thô để sản xuất, nhập khẩu chỉ được sử dụng để sản xuất hoặc chế biến hàng xuất khẩu hoặc sản xuất nội địa, không được lưu thông trên thị trường trong nước, đều được miễn thực hiện thủ tục tự chứng nhận hợp quy theo quy định.

EuroCham đánh giá cao những nỗ lực không ngừng của Chính phủ để thúc đẩy những thay đổi tích cực. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ và hợp tác với Chính phủ, Bộ Y Tế và các bộ ngành khác để đảm bảo Nghị định 15 được thực hiện hiệu quả, không chỉ về khía cạnh tự chứng nhận và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh mà còn chỉ định một Bộ (Bộ Y tế) chịu trách nhiệm điều phối về lĩnh vực an toàn thực phẩm và đảm bảo sự phối hợp liên bộ nhịp nhàng và đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

Những bước phát triển tích cực được mô tả ở trên chỉ là một số ví dụ trong số những thành quả gần đây của chúng tôi. Khi chúng tôi phát triển trở thành một trong những hiệp hội lớn nhất thế giới và hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam, bao gồm đại diện ở địa phương và mạng lưới hợp tác quốc tế mở rộng hơn, EuroCham sẽ coi những thành quả này là nền tảng, và hoạt động hỗ trợ chính sách mạnh mẽ hơn nữa, nhằm cải thiện môi trường thương mại và đầu tư ở Việt Nam. Hướng về tương lai, hai thập kỷ qua là giai đoạn thay đổi sâu sắc và sự thay đổi này sẽ còn tiếp tục trong những thập kỷ tới. Việt Nam vẫn đang không ngừng phát triển, và khi vị thế của Việt Nam ngày càng nâng cao trong chuỗi giá trị và cải cách hơn nữa các quy định trong nước và các mối quan hệ quốc tế. EuroCham sẽ tiếp tục nỗ lực đóng góp vào sự tăng trưởng và thịnh vượng của Việt Nam, cũng như thúc đẩy quảng bá để Việt Nam trở thành đối tác lớn của các doanh nghiệp châu Âu, Liên minh châu Âu để đón nhận những cơ hội mà Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) sắp mang lại.

LỜI CẢM ƠN

Laurence Newman, Biên tập viên Sách trắng
Lê Thanh Bình, Trưởng ban Pháp lý Cấp cao, EuroCham

32 “Việt Nam loại bỏ giá trần đối với các sản phẩm sữa”, *Viet Nam News*, 12 April 2017. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/economy/374412/viet-nam-removes-ceiling-price-for-dairy-products.html#ieyX35xMG0SU5hcD.97>> truy cập ngày 5 tháng 2 năm 2018.

33 Báo cáo 37/BC-CP ngày 3 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về tình hình thực hiện các chính sách và điều luật quản lý an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2016.

34 “Phiên đối thoại về các cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính liên quan đến vận hành và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam”, báo cáo Phiên đối thoại của EuroCham, ngày 23 tháng 1 năm 2018. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/17134>> truy cập vào ngày 6 tháng 2 năm 2018.

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

TỔNG QUAN

Năm 2017 là một cột mốc quan trọng đối với Việt Nam. Trong 12 tháng qua, Việt Nam đã hội nhập quốc tế sâu hơn và tham gia nền kinh tế toàn cầu. Minh chứng cho việc này là vào tháng 11 vừa qua Việt Nam chủ trì tổ chức thành công Hội nghị các Nhà lãnh đạo Kinh tế Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) lần thứ 25 tại Đà Nẵng. Ngoài ra, vai trò của hội nhập quốc tế ngày càng gia tăng, có thể thấy rõ qua chuyến thăm của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân đến châu Âu và các chuyến công du của Thủ tướng Chính phủ tới Hà Lan và Hội nghị Thượng đỉnh G20 tại Đức. Đây cũng là lần thứ hai Thủ tướng Chính phủ Việt Nam được mời đến G20 để thảo luận các vấn đề toàn cầu, đặc biệt là lĩnh vực thương mại và kinh doanh, tài chính và biến đổi khí hậu.

Việt Nam cũng đang nỗ lực mở cửa thị trường và tăng cường phát triển thương mại quốc tế trong năm 2017. Ngày 19 tháng 10 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã ban hành Chỉ thị 38/CT-TTg về tăng cường thực hiện và khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực. Việc Việt Nam tham gia vào 12 FTA song phương và đa phương với 56 nền kinh tế trên thế giới được xem là nền tảng giúp Việt Nam hội nhập kinh tế toàn cầu.¹ Việt Nam đã bảo vệ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), hiệp định thay thế Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương² và ký kết thành công Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA), hiệp định mang tính lịch sử giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu, dự kiến được phê duyệt vào năm 2018. Đến năm 2020, khi tất cả 16 FTA của Việt Nam có hiệu lực, Việt Nam sẽ là nằm trong mạng lưới kinh tế khổng lồ gồm 59 đối tác, bao gồm năm thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (UN), 15 thành viên G20 và các nền kinh tế mới nổi khác.

Tỷ lệ ủng hộ của người dân Việt Nam đối với toàn cầu hóa cũng nằm trong nhóm cao nhất trên thế giới. Theo số liệu của YouGov được công bố vào cuối năm 2016, hơn 90% người dân Việt Nam tin rằng toàn cầu hóa sẽ mang lại tác động tích cực.³

CẢI CÁCH VÀ TIẾN BỘ

Trong ba thập kỷ qua, Việt Nam đang trên đà phát triển thành công và nhanh chóng. Điều này đã thúc đẩy thay đổi đáng kể về kinh tế - xã hội đối với đất nước và người dân. Bắt đầu từ những cải cách trong thời kỳ Đổi Mới năm 1986, Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới, với mức tăng trưởng bình quân hàng năm là 6,4% trong những năm 2000.⁴

Tăng trưởng tạo ra tác động sâu sắc đến dân số Việt Nam. Từ một quốc gia kém phát triển, Việt Nam chuyển biến thành thành quốc gia có mức thu nhập trung bình chỉ trong vài thập kỷ ngắn ngủi, tỷ lệ nghèo đói cũng đã giảm ấn tượng.

Trong những năm 1980, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người của Việt Nam chỉ đạt 100 Đô-la Mỹ, ngày nay, con số này đã tăng lên 2.000 Đô-la Mỹ.⁵ Hơn nữa, việc cải thiện cơ sở hạ tầng mang lại thay đổi đáng kể về điều kiện sống: năm 1993, hơn phân nửa hộ gia đình ở Việt Nam không có điện; ngày nay, toàn bộ người dân đều có điện dùng, kể cả ở vùng hẻo lánh nhất và hải đảo. Trước đây, hơn một nửa dân số không có nước sạch thì hiện nay hơn 75% người dân có thể tiếp cận nguồn nước sạch và vệ sinh. Việt Nam cũng đã đạt được một vài Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) trước thời hạn.⁶

1 "Chìa khóa vàng cho kinh tế Việt Nam", Trung tâm WTO, ngày 25 tháng 4 năm 2017. Xem tại: <<http://www.trungtamwto.vn/tin-tuc/chia-khoa-vang-cho-kinh-te-viet-nam>> truy cập vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

2 "Các quỹ phát triển bền vững được đưa ra vào năm 2017: tổng thống", *Việt Nam News*, ngày 2 tháng 1 năm 2018. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/politics-laws/420387/sustainable-growth-foundations-were-laid-in-2017-president.html#507V0dJrEDrVs97>> truy cập vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

3 "Quốc gia bạn nghĩ gì về toàn cầu hóa", *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*, ngày 13 tháng 11 năm 2017. Xem tại: <<https://www.weforum.org/agenda/2017/11/what-your-country-thinks-of-globalization>> truy cập vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

4 "Tổng quan Việt Nam", *Ngân hàng Thế giới*, ngày 26 tháng 9 năm 2016. Xem tại: <<http://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview>> truy cập vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

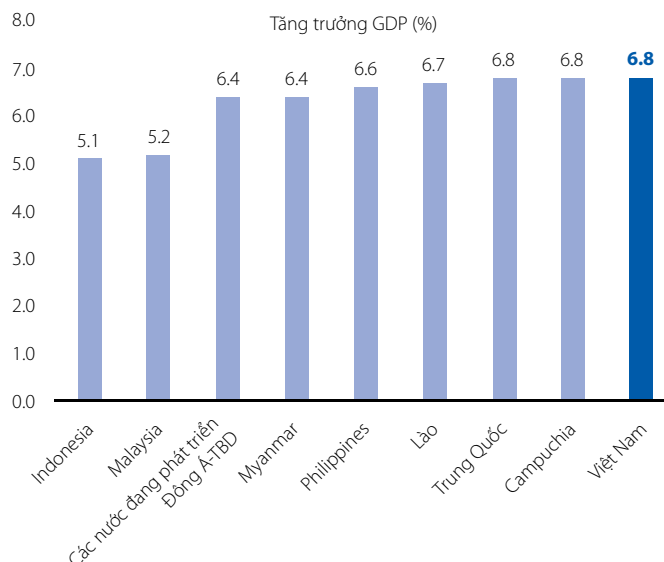
5 Dữ liệu của Ngân hàng Thế giới. Xem tại: <<http://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.PCAP.CD>> truy cập vào ngày 6 tháng 1 năm 2018.

6 Cùng nguồn tham khảo của lần truy cập gần nhất

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng 6,8% vào năm 2017, một phần nhờ vào nhu cầu tiêu dùng trong nước và kim ngạch xuất khẩu tăng cao.⁷ Tốc độ tăng trưởng của Việt Nam tương đương Trung Quốc và cao hơn các quốc gia khác trong khu vực, bao gồm Indonesia (5,1%) và Malaysia (5,2%), như trong biểu đồ bên dưới.⁸ Theo Ngân hàng Thế giới, mức tăng trưởng này ổn định ở khoảng 6,5% trong trung hạn, và lạm phát được dự báo vẫn duy trì ở mức thấp.⁹

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP năm 2017



Nguồn: Theo đà Tăng trưởng Bền vững, Ngân hàng Thế giới Việt Nam, tháng 1 năm 2018, trang 5.

Thật vậy, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cũng dự báo tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Việt Nam trong ngắn hạn sẽ đạt 6,5%.¹⁰ Trong dài hạn, hãng tư vấn PricewaterhouseCoopers (PWC) dự đoán rằng Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất ở châu Á trong vài thập kỷ tới với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm dự đoán là 5% từ năm 2014 đến năm 2050.¹¹ Mức tăng trưởng này được cho là sẽ giúp Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn thứ 20 trên thế giới, và nằm trong top 10 quốc gia hàng đầu ở châu Á vào năm 2050. Tuy nhiên, để đạt được điều này, Việt Nam cần có những cải cách kinh tế bền vững, nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc hơn, bộ máy chính quyền hiệu quả hơn và nền giáo dục mạnh mẽ hơn.¹²

Tỷ trọng của Việt Nam trong thương mại thế giới cũng đang tăng lên. Việt Nam đã vượt qua các quốc gia Đông Nam Á như Malaysia, Indonesia và Thái Lan để chiếm thị phần thương mại lớn thứ hai trong khu vực ASEAN (1,36% năm 2016, tăng từ 0,6% năm 2012), sau Singapore (2%).¹³

Việt Nam cũng đạt kết quả tốt về giáo dục so với các nước khác trong khu vực, xếp thứ 19 trong tổng số 72 quốc gia theo các kết quả của Chương trình Đánh giá Học sinh Quốc tế (PISA) mới nhất do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) thực hiện.¹⁴

7 "Xuất khẩu kỷ lục giúp Việt Nam nâng cao mức tăng trưởng GDP năm 2017 lên 6,81%", *The Business Times*, ngày 27 tháng 12 năm 2017. Xem tại: <<http://www.businesstimes.com.sg/government-economy/record-exports-help-lift-vietnams-2017-gdp-growth-to-681>> truy cập vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

8 S. Eckardt, *Theo đà Tăng trưởng Bền vững*, Ngân hàng Thế giới, tháng 1 năm 2018, trang 5

9 "Việt Nam có đà tăng trưởng mạnh mẽ hơn", *Ngân hàng Thế giới*, ngày 11 tháng 12 năm 2017. Xem tại: <<http://www.worldbank.org/en/news/press-release/2017/12/11/vietnam-sees-stronger-growth-momentum>> truy cập vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

10 "Việt Nam: Nền kinh tế", Ngân hàng Phát triển châu Á. Xem tại: <<https://www.adb.org/countries/viet-nam/economy>> truy cập vào ngày 21 tháng 2 năm 2018.

11 "Thế giới năm 2050", *PWC*, tháng 2 năm 2015, trang 17. Xem tại: <<https://www.pwc.com/gx/en/issues/the-economy/assets/world-in-2050-february-2015.pdf>> truy cập vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

12 "Tiêu điểm Việt Nam: thị trường mới nổi hàng đầu", *PWC*, tháng 10 năm 2017, trang 10.

13 C. Dordi *Ngoại thương Việt Nam năm 2018: Triển vọng*, trang 5

14 "Xếp hạng thành tích của học sinh Việt Nam nằm trong top 20: khảo sát OECD", *Viet Nam Net Bridge*, ngày 27 tháng 1 năm 2017, Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn>>

Ngày nay, tăng trưởng kinh tế kết hợp với vị trí địa lý thuận lợi và dân số đông, trẻ, có trình độ học vấn cao trong độ tuổi lao động, đã biến cho Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho nhà đầu tư nước ngoài.¹⁵ Hơn 60% dân số Việt Nam dưới 35 tuổi¹⁶ và dân số đô thị Việt Nam dự báo sẽ tăng từ 33 triệu năm 2016 lên 54 triệu (hay 50% dân số) vào năm 2035. Phân bố nhân khẩu học này là động lực thúc đẩy thị trường lao động trong tương lai.¹⁷

Chính phủ Việt Nam, thông qua Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2011-2020 (SEDS), định hướng Việt Nam trở thành quốc gia công nghiệp hoá hiện đại vào năm 2020. Theo hướng này, SEDS tập trung vào cải cách cơ cấu, phát triển bền vững về mặt môi trường, công bằng xã hội và các vấn đề mới về ổn định kinh tế vĩ mô. Điều này đòi hỏi phải có một số thay đổi trong hệ thống ngân hàng, thể chế thị trường và Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN),¹⁸ đã đẩy nhanh xu hướng giảm số lượng DNNN từ trên 1.300 năm 2011 xuống còn khoảng 950 vào năm 2015. Chính phủ có kế hoạch tiếp tục giảm số lượng DNNN xuống còn 190 vào năm 2020.¹⁹ Ngoài ra, Việt Nam cũng ban hành các kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mức độ hấp dẫn của thị trường thông qua một số Nghị quyết và Chỉ thị.²⁰

VIỆT NAM LÀ ĐIỂM ĐẾN ĐẦU TƯ HẤP DẪN

Việt Nam đã đưa ra các chính sách kinh tế vĩ mô tốt với lạm phát vẫn duy trì ở mức một con số. Môi trường ổn định này củng cố niềm tin của nhà đầu tư, thúc đẩy Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài (FDI).²¹ Kể từ khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007, Việt Nam đã và đang thay đổi quy phạm pháp luật để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và việc tiếp cận thị trường cũng như ưu đãi đầu tư vẫn tiếp tục mở ra.

Thật vậy, một báo cáo gần đây của PWC đã nhấn mạnh rằng môi trường chi phí thấp, triển vọng kinh tế mạnh mẽ, tăng lớp trung lưu đang gia tăng và nền kinh tế theo hướng ít điều tiết đã biến Việt Nam trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn.²² Thực tế, Việt Nam đã nâng 14 hạng theo Báo cáo Doing Business mới nhất của Ngân hàng Thế giới, đứng thứ 68 trong tổng số 190 nền kinh tế trên khắp thế giới về mức độ thuận lợi cho hoạt động kinh doanh vào năm 2017.²³

Nhìn chung, Việt Nam có rất nhiều lợi thế cạnh tranh để trở thành điểm đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài hấp dẫn, bao gồm chi phí sản xuất cạnh tranh, vị trí thuận lợi nằm ngay tại trung tâm Đông Nam Á, hiệu quả kinh tế mạnh mẽ và tiêu dùng nội địa gia tăng.²⁴

Việt Nam đã chứng kiến tăng trưởng FDI đáng kể từ khi lần đầu cho phép đầu tư nước ngoài vào năm 1988.²⁵ Trong 11 tháng đầu năm 2017, tổng mức FDI đạt trên 33 tỷ Đô-la Mỹ; tăng hơn 82% so với cùng kỳ năm 2016. Phần lớn vốn đầu tư rót vào ngành chế biến và sản xuất - 14,95 tỷ Đô-la Mỹ (hay 45,2%) - tiếp theo là sản xuất và phân phối điện với 8,37 tỷ Đô-la Mỹ và bất động sản với 2,5 tỷ Đô-la Mỹ.²⁶

Trong số các nhà đầu tư nước ngoài, vai trò quan trọng của FDI từ Liên minh châu Âu ngày càng gia tăng đối với Việt Nam. Số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) cho thấy, tính đến tháng 8 năm 2017, các công ty châu Âu có gần 2.500 dự án đầu tư đã đăng ký với tổng giá trị 44 tỷ Đô-la Mỹ. Các dự án này chiếm 10% tổng vốn FDI và 14% tổng vốn FDI đã được thu hút.²⁷

vietnamnet.vn/fms/education/171638/vietnamese-student-achievements-rank-in-top-20-oecd-survey.html truy cập vào ngày 3 tháng 2 năm 2018.

15 *Như trên, Ngân hàng Thế giới.*

16 “Kinh doanh tại Việt Nam”, PWC, tháng 7 năm 2017, trang 5. Xem tại: <<https://www.pwc.com/vn/en/publications/2017/dbg-2017.pdf>> truy cập ngày 31 tháng 1 năm 2018.

17 Tiêu điểm Việt Nam: thị trường mới nổi hàng đầu”, PWC, tháng 10 năm 2017, trang 14.

18 *Như trên, Ngân hàng Thế giới.*

19 “Đầu tư tại Việt Nam: Tiến đến mục tiêu vàng”, KMPG, trang 15.

20 Nghị quyết 35/NQ-CP; Nghị quyết 19/2017/NQ; Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017 về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa liên quan đến hoạt động phát triển và hỗ trợ nhiều hơn doanh nghiệp tư nhân; Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017 hướng đến những thay đổi về thể chế; Nghị quyết 06/NQ/TW ngày 5 tháng 11 năm 2016 và Chỉ thị 38/CT-TTg ngày 19 tháng 10 về tăng cường thực hiện và khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực.

21 “Việt Nam và ADB”, *Ngân hàng Phát triển châu Á, năm 2017*. Xem tại: <<http://www.adb.org/countries/viet-nam/main>> truy cập vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

22 *Như trên, PWC.*

23 “Kinh doanh: Đo lường các quy tắc kinh doanh”, *Ngân hàng Thế giới*. Xem tại: <<http://www.doingbusiness.org/data/exploreeconomies/vietnam>> truy cập ngày 1 tháng 2 năm 2018.

24 “Điểm nhấn Việt Nam năm 2017: Đầu tư vào Việt Nam, tiếp cận thế giới”, *Deloitte*, trang 3.

25 “Việt Nam: Đầu tư Nước ngoài”, *Santander*. Xem tại: <https://en.portal.santandertrade.com/establish-overseas/vietnam/investing?&actualiser_id_banque=oui&id_banque=0&memoriser_choix=memoriser> truy cập ngày 3 tháng 2 năm 2018.

26 “Việt Nam: Chiến lược FDI cho giai đoạn 2018-2023”, *Dezan Shira & các Cộng sự*, ngày 7 tháng 12 năm 2017. Xem tại: <<http://www.vietnam-briefing.com/news/vietnam-fdi-strategy-2018-2023.html>> truy cập ngày 3 tháng 2 năm 2018.

27 T. Thu, “Đồng chảy EU vượt qua những trì hoãn EVFTA”, *Vietnam Investment Review*, ngày 18 tháng 9 năm 2017. Xem tại: <<http://www.vir.com.vn/eu->

VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU

Năm 2018 là thời điểm chuyển biến tạo bước ngoặt đột phá cho quan hệ hợp tác bền chặt hơn nữa giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU). Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA), sẽ được thảo luận ở phần sau trong Sách Trắng. Chúng tôi kỳ vọng FTA sẽ được phê duyệt trong những tháng tới.

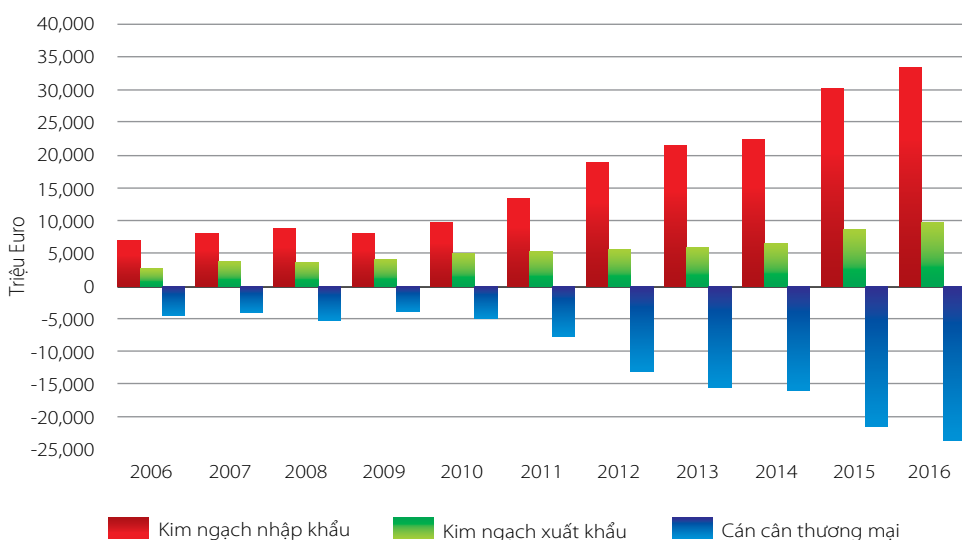
Quan hệ Việt Nam và Liên minh châu Âu qua những con số

EVFTA dựa trên nền tảng nhiều thập kỷ tăng trưởng hội nhập của Việt Nam vào thị trường quốc tế, bao gồm tự do hoá các thị trường thương mại và vốn. Liên minh châu Âu là một trong những nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Năm 2015, các nhà đầu tư châu Âu đã cam kết lượng vốn FDI trị giá 1,3 tỷ Đô-la Mỹ, tổng vốn tích lũy đạt 21,7 tỷ Đô-la Mỹ. Trong khi đó, Việt Nam cũng là đối tác thương mại quan trọng thứ hai của Liên minh châu Âu tại ASEAN, sau Singapore.²⁸

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Liên minh châu Âu sang Việt Nam là sản phẩm công nghệ cao như dược phẩm, máy móc điện tử, thiết bị điện, máy bay và phương tiện vận tải. Trái lại, các mặt hàng xuất khẩu phổ biến của Việt Nam là giày dép, hàng dệt may, sản phẩm điện tử, cà phê, thực phẩm, đồ uống và nội thất.

Xuất nhập khẩu đều có tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trên 15% trong giai đoạn 2012-2016. Năm 2016, thương mại hàng hóa giữa EU - Việt Nam đạt trên 42 tỷ Euro – trong đó 33,1 tỷ Euro đến từ các mặt hàng nhập khẩu vào EU, và 9,3 tỷ Euro còn lại là hàng xuất khẩu từ Liên minh châu Âu sang Việt Nam.²⁹

Biểu đồ 2: Hoạt động thương mại của Liên minh châu Âu với Việt Nam



Nguồn: “Thương mại hàng hóa của Liên minh châu Âu với Việt Nam”, Tổng Vụ Thương mại - Ủy ban châu Âu³⁰

Biểu đồ 3: Tổng hàng hóa: Lưu lượng mậu dịch và cán cân thương mại của Liên minh châu Âu

inflows-to-ride-out-evfta-delays.html> truy cập ngày 3 tháng 2 năm 2018.

28 “Quốc gia và vùng lãnh thổ: Việt Nam”, *Cộng đồng châu Âu*. Xem tại: <<http://ec.europa.eu/trade/policy/countries-and-regions/countries/vietnam/>> truy cập ngày 31 tháng 1 năm 2018.

29 Như trên.

30 “Liên minh châu Âu, thương mại hàng hóa với Việt Nam”, Ủy ban châu Âu, trang 3. Xem tại: <http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2006/september/tradoc_113463.pdf> truy cập ngày 31 tháng 1 năm 2018.

Thời kỳ	Nhập khẩu			Xuất khẩu			Cán cân thương mại	Tổng
	Giá trị (triệu Euro)	% Tăng trưởng*	% ngoài EU	Giá trị (triệu Euro)	% Tăng trưởng*	% ngoài EU	Triệu Euro	Triệu Euro
2005	5,585		0.5	1,895		0.2	-3,690	7,481
2006	6,935	24.2	0.5	2,381	25.6	0.2	-4,554	9,317
2007	7,903	14.0	0.5	3,596	51.0	0.3	-4,307	11,498
2008	8,628	9.2	0.5	3,383	-5.9	0.3	-5,245	12,012
2009	7,852	-9.0	0.6	3,765	11.3	0.3	-4,087	11,617
2010	9,625	22.6	0.6	4,683	24.4	0.3	-4,942	14,308
2011	12,993	35.0	0.8	5,193	10.9	0.3	-7,800	18,186
2012	18,622	43.3	1.0	5,369	3.4	0.3	-13,253	23,991
2013	21,255	14.1	1.3	5,778	7.6	0.3	-15,477	27,034
2014	22,220	4.5	1.3	6,174	6.9	0.4	-16,046	28,395
2015	29,983	34.9	1.7	8,449	36.8	0.5	-21,534	38,432

% tăng trưởng: tốc độ tăng trưởng tương đối giữa thời kì hiện tại so với thời kì trước

% ngoài EU: tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu/nhập khẩu so với tất cả đối tác của EU, tức là không tính thương mại giữa các Nước Thành viên EU

Nguồn: “Thương mại hàng hóa của Liên minh châu Âu với Việt Nam”, Tổng Vụ Thương mại - Ủy ban châu Âu³¹

Một tương lai tươi sáng đang chờ đón quan hệ thương mại giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam. Một khi được phê duyệt và có hiệu lực, EVFTA sẽ tạo ra lực đẩy khổng lồ cho cả Việt Nam và Liên minh châu Âu, bắt đầu từ việc giảm thuế quan dẫn đến rất nhiều loại hàng hoá. Cụ thể, Việt Nam dự báo sẽ đạt mức tăng trưởng mạnh mẽ nhờ hiệp định này, với tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt 2,5% cao hơn vào năm 2020, 4,6% cao hơn vào năm 2025 và 4,3% cao hơn vào năm 2030 so với trước khi hiệp định có hiệu lực. Theo quan điểm này, so với hoạt động kinh doanh bình thường, dự báo Việt Nam có thể thu được 3,2 tỷ Đô-la Mỹ (2020), 6,7 tỷ Đô-la Mỹ (2025) và 7,2 tỷ Đô-la Mỹ (2030).³² Điều này cũng sẽ làm tăng đáng kể mức lương thực tế và thu nhập hộ gia đình ở Việt Nam.³³

EVFTA sẽ thúc đẩy tăng trưởng và phát triển của Việt Nam trên tất cả các ngành và lĩnh vực. Hiệp định này còn cải thiện khuôn khổ pháp lý và môi trường đầu tư và kinh doanh, giảm thuế quan và các rào cản thương mại, nâng cao tiêu chuẩn an toàn và chất lượng cũng như đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam sang Liên minh châu Âu. Điều này không chỉ đem lại lợi ích cho doanh nghiệp, mà còn tác động tích cực đến phúc lợi, tiền lương và mức sống của người dân Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Laurence Newman, Biên tập viên Sách trắng
Lê Thanh Bình, Trưởng ban Pháp lý Cấp cao

³¹ Như trên.

³² Trích đoạn từ Nghiên cứu Đánh giá Tác động của EVFTA, năm 2017, do Giáo sư Claudio Dordi cung cấp. MUTRAP, trang 1 và trang 48-60.

³³ Như trên, trang 48

TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ VÀ KIẾN NGHỊ CHÍNH

TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA VIỆT NAM

Năm 2017 là một cột mốc quan trọng của Việt Nam đánh dấu 30 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam. FDI đóng góp hơn 50% giá trị ngành sản xuất, và trên 70% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam - hai yếu tố tạo nên những thay đổi đột phá. Các công ty thành viên Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) ghi nhận và trân trọng những nỗ lực của Chính phủ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam, gia tăng thu hút FDI. Chúng tôi cũng đánh giá cao cách tiếp cận mang tính xây dựng, kiến tạo và cởi mở của Chính phủ khi đề cao vai trò thiết yếu của doanh nghiệp và xem doanh nghiệp là đối tác trong thúc đẩy thương mại, đầu tư và phát triển kinh tế quốc gia.

Trong năm 2017, có 126.000 doanh nghiệp mới thành lập, tăng 6.000 doanh nghiệp so với năm 2016. Đồng thời, chính quyền địa phương đã thực hiện hơn 5.000 cải cách, tạo cơ hội cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thị trường. Các Bộ liên quan như Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Công Thương tiếp tục cải thiện thủ tục hành chính và xóa bỏ điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư. Kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh đã ký Quyết định 3610a/QĐ-BCT ra mắt dự án rà soát cắt giảm và đơn giản hóa 675 điều kiện kinh doanh (chiếm 55,5% trên tổng số điều kiện kinh doanh) giai đoạn 2017-2018. EuroCham cũng hoan nghênh việc tái cấu trúc Bộ Công Thương, điển hình là hoạt động của Vụ Năng lượng Mới và Năng lượng Tái tạo và Cục Điều tiết Điện lực.

Bộ Tài chính cũng tiếp tục nỗ lực cắt giảm thủ tục hành chính hải quan và thuận lợi hóa thương mại, làm việc chặt chẽ hơn với cộng đồng doanh nghiệp ở cả cấp trung ương và địa phương. Tại cấp địa phương, EuroCham thường xuyên phối hợp với Chi Cục Hải quan ở các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng để tổ chức đối thoại, hội thảo và tổ chức các khóa tập huấn về xác định trị giá hải quan, mã HS, v.v. Đồng thời, chúng tôi đã có những cuộc họp thường xuyên với Bộ Y tế (BYT) để thảo luận các vấn đề liên quan đến được phẩm, tuy nhiên, cho đến nay, những cuộc họp này vẫn chưa đạt được kết quả khả quan, do đó, chúng tôi hy vọng nhận được sự hỗ trợ và điều phối tích cực hơn từ phía Văn phòng Chính phủ và các Bộ ngành liên quan.

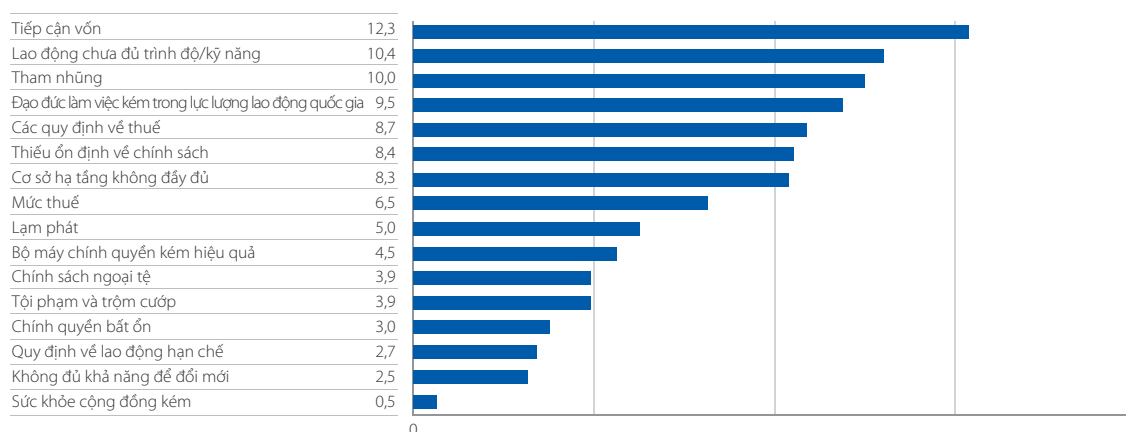
Chúng tôi đánh giá cao những chuyển biến tích cực ở một số ngành, cụ thể liên quan đến chính sách và quy định do chúng tôi nêu lên trong Sách Trắng 2017. Thứ nhất, từ năm 2010, Chính phủ đã ban hành nhiều quy định nhằm kiểm soát giá: Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 1079/QĐ-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết việc áp dụng các biện pháp bình ổn giá đối với sản phẩm sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi. Các biện pháp này được tiếp tục thực hiện thông qua Quyết định 857/QĐ-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015. Theo đó, giá trần được áp dụng từ ngày 1 tháng 6 năm 2014 có hiệu lực hơn 36 tháng cho đến khi Thông tư 08/2017/TT-BCT về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 6 tuổi (Thông tư 08) được ban hành vào ngày 26 tháng 6 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2017. EuroCham hoan nghênh việc ban hành Thông tư 08, qua đó dỡ bỏ cơ chế quản lý bằng cách áp giá trần. Chúng tôi hy vọng việc kê khai giá và thủ tục thông báo giá quy định tại Thông tư 08 sẽ được thực hiện đơn giản và minh bạch để giúp giảm bớt gánh nặng hành chính đối với doanh nghiệp, so với thủ tục kê khai trước đó. Quy định này cũng sẽ giúp đạt được các mục tiêu quản lý nhà nước, đặc biệt là đảm bảo tính minh bạch của thị trường và lợi ích của người tiêu dùng, trong khi vẫn duy trì quyền tự quyết giá của các doanh nghiệp và các nguyên tắc cơ bản khác của nền kinh tế thị trường. Đây là bước đi tích cực và cần thiết trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực để hướng tới thể chế kinh tế thị trường.

Chuyển biến khác tích cực hơn trong vòng 12 tháng qua là việc EuroCham được mời tham gia Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính (ACAPR) và đã làm việc tích cực với ACAPR để đóng góp ý kiến và kiến nghị của doanh nghiệp. Chúng tôi ghi nhận những nỗ lực lớn lao và cách tiếp cận mở và sáng tạo của Chính phủ và ACAPR đã tổ chức đối thoại cùng EuroCham, làm việc cùng với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Y tế và các Bộ khác để ban hành Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 2 tháng 2 năm 2018 hướng dẫn thực thi Luật An toàn thực phẩm (Nghị định 15) thay thế Nghị định 38/2012/NĐ-CP. Nghị định 15 cho phép các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tự chứng nhận hợp quy đối với thực phẩm chế biến sẵn, đóng gói; phụ gia thực phẩm; chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; thiết bị, vật liệu đóng gói và hộp đựng thực phẩm. EuroCham sẽ tiếp tục hỗ trợ và hợp tác với Chính phủ, Bộ Y tế và các Bộ ngành khác để đảm bảo Nghị định được thực thi hiệu quả. Chúng tôi nhận thấy

dần dần đang có những thay đổi và kết quả tích cực trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật tại Việt Nam. Điều này thể hiện qua việc Việt Nam đã tăng 14 hạng trong báo cáo mới nhất của Ngân hàng Thế giới, nằm ở vị trí thứ 68 trong số 190 nền kinh tế trên thế giới xét về mức độ thuận lợi cho hoạt động kinh doanh vào năm 2017. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho thấy, cùng với Indonesia, Việt Nam đã thực hiện nhiều cải cách trong 15 năm qua¹ và Việt Nam hiện tại đang thể hiện tốt hơn mức trung bình khu vực về mức độ thuận lợi cho hoạt động kinh doanh.²

Mặc dù đã có chuyển biến tích cực, vẫn còn những lĩnh vực cần được tiếp tục cải thiện. Báo cáo Cạnh tranh Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) cho thấy một số lĩnh vực Việt Nam cần hoàn thiện hơn nữa, bao gồm các yếu tố cơ bản, giáo dục bậc cao và tính sáng tạo, đổi mới.³ WEF cũng xác định những yếu tố đáng quan ngại nhất trong kinh doanh ở Việt Nam, theo như bảng bên dưới.

Biểu đồ 4: Những yếu tố đáng quan ngại nhất trong kinh doanh ở Việt Nam



Lưu ý: Từ danh sách các yếu tố, đáp viên trong Khảo sát Quan điểm Kinh doanh của Diễn đàn Kinh tế Thế giới được yêu cầu lựa chọn các yếu tố quan ngại nhất để tiến hành các hoạt động kinh doanh trong đất nước của họ và xếp hạng các yếu tố này từ 1 (đáng quan ngại nhất) đến 5. Số điểm tương ứng với các câu trả lời được đo trọng số theo xếp hạng của đáp viên.

Nguồn: Báo cáo Cạnh tranh Toàn cầu 2017-18 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới.⁴

Thông qua Chỉ số Môi trường Kinh doanh (BCI), chúng tôi đã theo dõi đánh giá của doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam từ năm 2010. BCI của EuroCham tổng hợp những quan điểm khác nhau của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu về môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Thông qua cuộc khảo sát hàng quý của chúng tôi, các công ty thành viên EuroCham đã đưa ra quan điểm về tình hình và triển vọng kinh doanh tại thị trường Việt Nam. Dữ liệu BCI gần đây nhất cho thấy doanh nghiệp châu Âu đã có những nhận định tích cực về môi trường kinh doanh vào năm 2017, và trong khi BCI không có xu hướng rõ rệt từ năm 2014, thì vào Quý 2 năm 2017, BCI giảm xuống ở mức bằng so với thời điểm năm 2016.

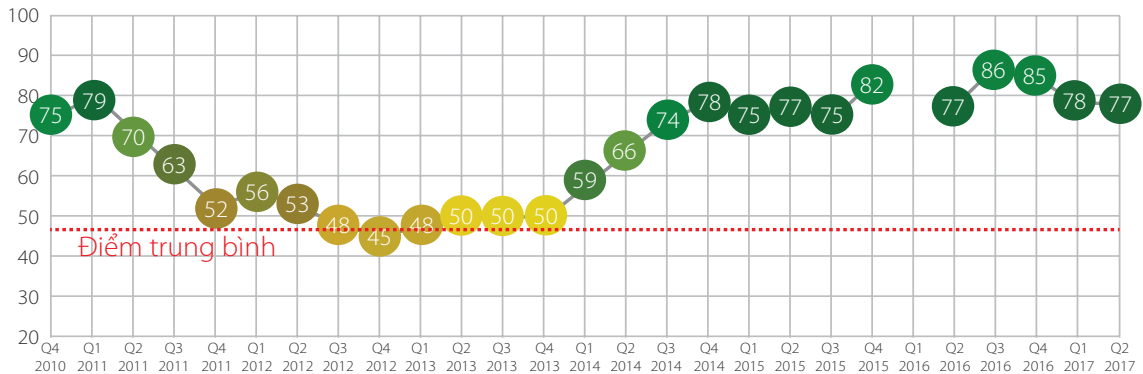
1 “Việt Nam cải thiện đáng kể sự dễ dàng trong kinh doanh: Ngân hàng Thế giới”, Nhân Dân, 1 tháng 11 năm 2017. Xem tại: <<http://en.nhandan.com.vn/business/economy/muc/5608702-vietnam-improves-significant-in-ease-of-doing-business-world-bank.html>> truy cập vào ngày 1 tháng 2 năm 2018.

2 “Kinh doanh: Đo lường các quy định về kinh doanh”, Ngân hàng Thế giới. Xem tại: <http://www.doingbusiness.org/data/explore_archives/vietnam> truy cập vào ngày 1 tháng 2 năm 2018.

3 “Báo cáo Cạnh tranh toàn cầu 2017-18” Diễn đàn Kinh tế Thế giới, trang 308. Xem tại: <<http://www3.weforum.org/docs/GCR2017-2018/05FullReport/TheGlobalCompetitivenessReport2017%E2%80%932018.pdf>> truy cập vào ngày 1 tháng 2 năm 2018.

4 Như trên.

Biểu đồ 5: Chỉ số Môi trường Kinh doanh EuroCham



Chỉ số Môi trường Kinh doanh có phạm vi từ 0 đến 100 điểm chỉ số, trong đó 100 điểm chỉ số phản ánh mức tự tin cao nhất và 0 phản ánh mức tự tin thấp nhất. Điểm giữa hoặc “trung bình” là 50 điểm.

Nguồn: Chỉ số Môi trường Kinh doanh EuroCham, Q2 2017.⁵

EuroCham, các Tiểu ban Ngành nghề và công ty thành viên mong muốn tiếp nối những chuyển biến tích cực gần đây và hợp tác với Chính phủ để giải quyết các rào cản còn tồn đọng để cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, góp phần vào sự phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Chúng tôi xin tóm tắt bên dưới những vấn đề và kiến nghị chính của các Tiểu ban Ngành nghề thuộc EuroCham.

TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ VÀ KIẾN NGHỊ CHÍNH

I. NÂNG CAO ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN

1. Diễn đàn Y tế EuroCham⁶

a. Tính tuân thủ

Diễn đàn Y tế EuroCham kiến nghị Bộ Y tế khuyến khích tất cả các bên đã ký Cam kết chung về Hoạt động Liêm chính và Minh bạch trong ngành dược phẩm và trang thiết bị y tế áp dụng bộ Quy tắc Đạo đức của mình, cũng như khuyến khích những bên chưa soạn thảo và triển khai bộ Quy tắc Đạo đức riêng nên áp dụng càng sớm càng tốt. Bộ Y tế cũng cần hỗ trợ các công ty đa quốc gia tuân thủ và áp dụng quy tắc quốc tế trong ngành y tế khi hoạt động tại Việt Nam cũng như khi làm việc với các tổ chức Chính phủ.

b. Hệ thống pháp lý ổn định để hoạt động kinh doanh và Hợp tác

Các Tiểu ban Ngành nghề thuộc Diễn đàn Y tế EuroCham đề xuất một số mô hình giúp các công ty yên tâm về tính ổn định của hệ thống pháp lý và có được phạm vi hoạt động cần thiết để gia tăng đầu tư FDI trong ngành dược, mở rộng hoạt động kinh doanh hiện có và triển khai chuyển giao công nghệ và tri thức.

⁵ “Chỉ số Môi trường Kinh doanh”, EuroCham. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/bci>> truy cập vào ngày 1 tháng 2 năm 2018.

⁶ Các Tiểu ban Ngành nghề thuộc Diễn đàn Y tế EuroCham bao gồm: Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế (IQGx), Tiểu ban Thiết bị y tế và Chẩn đoán (MDD) và Tiểu ban Dược Phẩm (Pharma Group). Tên của các Tiểu ban Ngành nghề và các chương tương ứng được trình bày theo thứ tự chữ cái.

2. Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế (IQGx)

a. Phân biệt dược phẩm hết hạn bảo hộ độc quyền (OPP) thông qua phương pháp Đánh giá Công nghệ Y tế (HTA)

Chúng tôi kiến nghị Chính phủ thực hiện các hoạt động giúp tăng tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân: nâng cấp cơ chế phân loại thuốc trong hoạt động đấu thầu của bệnh viện; thực hiện đánh giá Phân tích Đánh giá Đa Tiêu chí (MCDA) trong quá trình ra quyết định; thông qua MCDA để hỗ trợ quá trình ra quyết định về thuốc ở Việt Nam, đặc biệt là trong quá trình mua sắm (đấu thầu) thuốc OPP; và tăng tốc độ xử lý hồ sơ đăng ký dược phẩm OPP chất lượng cao và cải thiện tính hiệu quả trong việc giới thiệu sản phẩm và cấp duyệt giấy phép lưu hành sản phẩm nhằm đảm bảo các sản phẩm này được đưa vào thị trường kịp thời.

b. Phương án điều trị phù hợp với khả năng tài chính của bệnh nhân Việt Nam

Chúng tôi đề xuất Chính phủ rà soát công tác phân loại sản phẩm, như thuốc biệt dược gốc hay thuốc Generic. Quy trình này cần phải được sửa đổi để đảm bảo đạt được các mục tiêu kỳ vọng, đồng thời không ngừng cải thiện công tác kiểm soát chi phí. Việc triển khai đánh giá trên cơ sở kinh tế học-dược phẩm giúp đảm bảo mối quan hệ chi phí - hiệu quả của sản phẩm được phẩm được xem xét kỹ lưỡng, từ đó giúp phân bổ ngân sách chi trả hiệu quả hơn. Bộ Y tế nên tạo điều kiện triển khai mô hình điều trị tại nhà (ngoại trú) thông qua các cơ chế hỗ trợ chi phí ưu đãi nhằm giảm số lượng bệnh nhân dồn về các bệnh viện, đặc biệt những bệnh nhân bị bệnh mãn tính.

c. Nguồn cung bền vững đáp ứng nhu cầu trong nước

Chúng tôi đề xuất Chính phủ có những chính sách hỗ trợ cho sự hiện diện thương mại và đầu tư dài hạn của nhà đầu tư nước ngoài tại thị trường Việt Nam. Cần tiếp tục nâng cao quy trình phân loại thuốc trong đấu thầu tại Việt Nam để tạo cơ hội cải thiện và mang lại lợi ích cho Chính phủ cũng như phục vụ mục tiêu kiểm soát ngân sách. IQGx kiến nghị cần thảo luận thêm về điểm trống trong quy trình hiện tại và cách thức cải thiện. Các cơ quan chức năng liên quan cần tính toán khối lượng thực tế mà nhà cung cấp cần cam kết chặt chẽ trong việc cung cấp thuốc và cần thiết lập cơ chế để bệnh viện được phép sử dụng nhà cung cấp thay thế và đảm bảo bảo hiểm chi trả đúng giá trị trúng thầu trong trường hợp đơn vị thắng thầu thiếu hoặc không cung cấp đủ thuốc.

3. Tiểu ban Trang Thiết bị Y tế và Chẩn đoán

a. Quy định về quản lý thiết bị y tế

Tiểu ban Trang Thiết bị Y tế và Chẩn đoán kiến nghị một số thay đổi đối với việc thẩm định và phê duyệt hồ sơ và thời gian có hiệu lực của các quy trình này.

b. Quản lý thiết bị y tế “không còn mới”

Tiểu ban đề xuất Chính phủ đưa ra khung pháp lý nghiêm ngặt và thực thi các biện pháp xử lý vi phạm để phòng chống việc nhập khẩu trái phép các thiết bị y tế đã qua sử dụng. Chính phủ nên mở cửa thị trường sản phẩm y tế cho thiết bị tân trang bởi các công ty được chứng nhận theo nguyên tắc chất lượng quốc tế, thực hiện cơ chế cấp phép đặc biệt đối với các thiết bị “không còn mới” tạm nhập để đào tạo hoặc trưng bày và đưa ra luật mới về linh kiện, phụ tùng thay thế.

c. Chăm sóc sức khỏe tại nhà (ngoại trú)

Tiểu ban kiến nghị Bộ Y tế nên hỗ trợ hình thành hệ thống chăm sóc tại nhà, giới thiệu các chương trình tập huấn cho bệnh nhân và gia đình của họ. Việc này đảm bảo các cán bộ chuyên môn được đào tạo để tham gia liên tục vào hoạt động chăm sóc bệnh nhân bên ngoài bệnh viện, cũng như có các chính sách hỗ trợ phù hợp cho người làm công tác y tế và hỗ trợ công tác đăng ký thiết bị y tế.

4. Pharma Group

a. Khả năng tiếp cận nhanh chóng của bệnh nhân Việt Nam tới dược phẩm phát minh

EuroCham Pharma Group kiến nghị miễn các yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước ở tất cả các giai đoạn trong quá trình xin cấp Giấy phép Lưu hành trên Thị trường (MA) đối với thuốc, vắc xin và sinh phẩm đã được phê duyệt bởi các cơ quan chức năng quốc tế với các quy định nghiêm ngặt. Tiểu ban cũng kiến nghị không đưa thêm

các yêu cầu nằm ngoài phạm vi Hướng dẫn của Hội nghị Hòa hợp Quốc tế Các Yêu cầu Kỹ thuật đối với Dược phẩm Sử dụng cho Người (ICH). Điều này cũng sẽ phù hợp với các cam kết của Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA).

b. Mua sắm công

Các giải pháp toàn diện và bền vững trong Mua sắm công để duy trì chất lượng y tế, để cao lựa chọn của bác sĩ và tiếp cận của bệnh nhân, tạo ra môi trường bền vững khuyến khích hoạt động thương mại và đầu tư, đồng thời giải quyết quan ngại về ngân sách Nhà nước trong ngắn hạn đều có thể được xác định thông qua đối thoại giữa doanh nghiệp trong ngành và Chính phủ.

c. Phát triển ngành khoa học đời sống phát minh

Mô hình hoạt động khả thi và khung pháp lý rõ ràng để các công ty dược phẩm đa quốc gia được thành lập pháp nhân tại Việt Nam, được hưởng các quyền liên quan để thực hiện hoạt động thương mại và tối đa hóa nguồn lực kinh tế, cùng với những ưu đãi đầu tư phù hợp. Mô hình này sẽ mang đến cho Việt Nam cơ hội phát triển ngành dược phẩm chất lượng cao.

d. Bảo hộ Quyền Sở hữu Trí tuệ

Nếu được thực thi hiệu quả, việc bảo hộ Quyền Sở hữu Trí tuệ sẽ giúp các doanh nghiệp dược phẩm trong nước tự tin hơn để phát triển dược phẩm có bằng sáng chế theo thời gian và khuyến khích công ty dược phẩm phát minh đầu tư phát triển ngành dược phẩm trong nước, bao gồm việc chuyển giao công nghệ trong ngắn hạn.

5. Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng

a. Đổi mới hệ thống quản lý an toàn thực phẩm

Tiểu ban đề xuất Chính phủ áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro và dỡ bỏ phương thức “yêu cầu và kiểm soát” dựa trên việc kiểm tra và xử lý vi phạm. Chính phủ cũng cần ban hành danh mục Mã HS tương ứng với danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn cần phải kiểm dịch.

b. Dỡ bỏ rào cản để người tiêu dùng tiếp cận sản phẩm chăm sóc sức khỏe và sản phẩm dinh dưỡng

Tiểu ban kiến nghị Chính phủ giao cho các Bộ, ngành liên quan thực hiện nghiên cứu đánh giá cụ thể về tính hiệu quả việc cấm quảng cáo sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi và Bộ Tài chính cần làm rõ định nghĩa “đồ uống có đường” chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

6. Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản

a. Tình trạng Kháng kháng sinh (KKS)

Tiểu ban kiến nghị Chính phủ phối hợp với khối tư nhân trong nước và nước ngoài để giảm KKS, khuyến khích nghiên cứu thuốc điều trị thay thế cho thuốc kháng sinh và tăng cường nhận thức và tập huấn cho người nông dân về các rủi ro liên quan đến việc sử dụng tràn lan thuốc kháng sinh. Việc áp dụng các chuẩn mực chăn nuôi tốt sẽ giúp giảm nhu cầu điều trị bằng thuốc kháng sinh trong chăn nuôi thông qua chương trình khuyến nông và các hoạt động liên quan.

b. Quản lý thuốc bảo vệ thực vật

Chính phủ nên áp dụng đánh giá rủi ro trong đăng ký và sử dụng sản phẩm, và phải có sự hợp tác giữa Chính phủ, doanh nghiệp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và các bên liên quan để cùng khuyến khích sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật và thực hành tốt trong nông nghiệp. Việc áp dụng Thông tư 21 liên quan đến tiêu chí GHS và PHI nên được bãi bỏ và các bên cần tiếp tục nỗ lực giám sát an toàn tiêu dùng của sản phẩm tại thị trường trong nước.

c. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm và trách nhiệm thông qua hệ thống nhận diện và theo dõi vật nuôi

Chính phủ cần phân bổ ngân sách để thiết lập hệ thống nhận diện và theo dõi vật nuôi cho phép truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm Việt Nam có tính cạnh tranh và có tiềm năng xuất khẩu. Chính phủ cũng nên cho triển khai thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh trước khi mở rộng toàn quốc để nâng cao danh tiếng sản phẩm, an toàn thực phẩm và tăng cường xuất khẩu của Việt Nam. Tiểu ban cũng kiến nghị việc ban hành quy định ngăn chặn việc buôn bán

sản phẩm đang được kiểm nghiệm; tham khảo thực hành tốt nhất từ các nước khác trên thế giới và cải thiện an toàn thực phẩm bằng cách để nhà sản xuất tham gia và cam kết cung cấp các sản phẩm thực phẩm an toàn.

d. Các chất bị cấm sử dụng

Chính phủ cần thực thi hiệu quả các quy định hiện hành về việc sử dụng hoặc môn bị cấm, tạo điều kiện cho người nuôi tiếp cận dễ dàng tới các sản phẩm dùng trong chăn nuôi được nhập khẩu từ các nước là đối tác ký kết Hiệp định Thương mại Tự do với Việt Nam. Ngoài ra việc nâng cao nhận thức về việc sử dụng kháng sinh bị cấm, đặc biệt là để kích thích tăng trưởng cũng cần được tăng cường thực hiện.

7. Tiểu ban Tăng trưởng Xanh

a. Năng lượng và Điện lực - Thực thi Kế hoạch Sử dụng các nguồn Năng lượng tại Việt Nam (MVEP)

Chính phủ cần xây dựng và thực thi một chính sách năng lượng bền vững hơn để thu hút đầu tư mới. Điều này đòi hỏi phải ban hành và cải cách các quy định nền tảng, cụ thể là áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào lĩnh vực sản xuất điện và phát triển tiềm năng khí tự nhiên ngoài khơi.

b. Quản lý nước và chất thải, kiểm soát chất lượng không khí và sản xuất năng lượng từ chất thải

Chúng tôi kiến nghị lập ra lực lượng chuyên trách thực hiện hiệu quả các tiêu chuẩn về xử lý nước hiện nay, thống nhất các quy định mẫu thuẫn, và tập trung quản lý các khu công nghiệp xả nước thải chưa qua xử lý vào môi trường. Cần chuyển dần sang mô hình tính giá theo nhu cầu trong xử lý nước thải và tạo ra điều kiện bền vững để đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực liên quan đến nước. Để quản lý chất thải, cần có hạn mức thu gom chất thải bắt buộc hàng năm và có hướng dẫn rõ ràng, có thể thi hành và thời hạn để phê duyệt dự án sản xuất năng lượng từ chất thải. Để giải quyết vấn đề chất lượng không khí, nên đưa ra các chính sách giải quyết tình trạng ô nhiễm và cải thiện giao thông công cộng và áp thuế các bên gây ô nhiễm chủ yếu dựa trên tác động về kinh tế-xã hội và sức khỏe mà các bên đó gây ra. Chính phủ cũng nên đưa ra các biện pháp ngăn chặn xả rác thải nhựa ra thiên nhiên.

c. Xây dựng bền vững và hiệu quả sử dụng năng lượng

Chúng tôi kiến nghị Chính phủ khuyến khích các chủ công trình áp dụng các tiêu chuẩn và được cấp chứng chỉ công nhận Công trình Xanh. Bên cạnh các loại chứng chỉ công trình xanh quốc tế được sử dụng tại Việt Nam, chúng tôi hỗ trợ thúc đẩy việc công nhận nhiều hệ thống chứng chỉ khác nhau. Việc áp dụng các giải pháp gạch không nung cần được quảng bá và thực thi hiệu quả hơn nữa. Ngoài ra, cần tăng tính hiệu quả sử dụng năng lượng tại các tòa nhà và trình bày kết quả sử dụng, những tác động cụ thể tới việc quy hoạch đô thị.

II. GIA TĂNG LỰA CHỌN CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh (W&S SC)

a. Thuế Tiêu thụ Đặc biệt (TTĐB)

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh hoan nghênh việc tăng tính minh bạch khi rà soát và đánh giá nhằm cải cách chính sách thuế TTĐB của Bộ Tài chính từ năm 2016. Tiểu ban kiến nghị cần tổ chức lấy ý kiến công khai càng sớm càng tốt khi có đề xuất thay đổi chính sách thuế. Chúng tôi mong muốn đối thoại tích cực với Chính phủ, Bộ Tài chính và các bên liên quan để xây dựng lộ trình thuế có cơ sở khoa học và ổn định, đặc biệt đối với thuế suất cho đồ uống có cồn. Việc này giúp giải quyết các lo ngại về sức khỏe cộng đồng do tác hại từ lạm dụng đồ uống có cồn. W&S SC cũng khuyến khích đối thoại giữa Chính phủ, Bộ Tài chính và Trung tâm Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Hải quan và thuế TTĐB (CCES) cùng các đối tượng khác để xem xét tạo ra môi trường thuế hợp lý và bền vững cho ngành rượu nhập khẩu ở Việt Nam.

b. Chính sách về phòng chống tác hại lạm dụng đồ uống có cồn

W&S SC kiến nghị Chính phủ hỗ trợ tạo ra chính sách dựa trên cơ sở khoa học, hợp lý và có mục tiêu rõ ràng nhằm quản lý hiệu quả tiêu thụ đồ uống có cồn của cá nhân và giảm thiểu việc lạm dụng đồ uống có cồn. Tuy nhiên việc

này không nên hạn chế quá mức quyền tiếp cận thị trường và các hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp. Chính phủ cần áp dụng cách tiếp cận toàn diện và tích hợp hơn để hạn chế việc lạm dụng đồ uống có cồn, việc này phải đi kèm với đánh giá nghiêm ngặt các chiến lược được thực hiện theo các mục tiêu đã được thống nhất trên toàn quốc và xem xét các giải pháp thay thế cho Quỹ Nâng cao Sức khỏe (HIF).

c. Vấn đề về trị giá hải quan

W&S SC kêu gọi các cơ quan ban ngành liên quan tập trung vào bản chất hơn hình thức trong việc xác định trị giá hải quan, và kiến nghị Chính phủ công bố lý do và căn cứ quá trình ban hành quyết định đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng sau khi xác định lại trị giá hải quan.

2. Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô – Xe máy: Ngành Công nghiệp Ô tô

a. Thuế Tiêu thụ Đặc biệt (Thuế TTĐB)

Đối với các nhãn hiệu xe ô tô con nhập khẩu, mức trần để tính thuế TTĐB cần tăng từ 7% lên 12% hoặc thậm chí là 15%. Hơn nữa, định nghĩa về "các bên liên kết" trong áp dụng tính thuế TTĐB cần được quy định rõ ràng, hoặc cần có cách tính thuế TTĐB chuẩn mà không cần xét đến mối quan hệ sở hữu trong chuỗi phân phối. Chúng tôi kiến nghị bãi bỏ truy thu các khoản thuế TTĐB áp dụng khi các doanh nghiệp do nộp chậm, là hệ lụy của các hướng dẫn về thuế TTĐB không rõ ràng và gây nhầm lẫn trong cách hiểu thiện ý về các quy định thuế liên quan.

b. Kiểm định

Chúng tôi kiến nghị Chính phủ xem xét và chấp nhận thủ tục kiểm định hiện nay mà không yêu cầu kiểm định lại cùng loại xe được nhập khẩu và tiếp tục thực hiện tiêu chuẩn của giấy chứng nhận UNECE/ECE đối với phụ tùng ô tô phù hợp hoàn toàn với Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia hiện hành của Việt Nam.

c. Tiêu chuẩn chất lượng sản xuất

Tiểu ban khuyến nghị Việt Nam tham gia Chương trình Đánh giá An toàn Xe Mới (New Car Assessment Program - NCAP) của Đông Nam Á để được chứng nhận về an toàn và tăng khả năng xuất khẩu ô tô của mình sang các quốc gia ASEAN theo hiệp định Thương mại Tự do hàng hóa ASEAN (ATIGA). Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về An toàn và Bảo vệ Môi trường cần tích hợp tiêu chuẩn IATF 16949:2016 để quản lý chất lượng xe ô tô tốt hơn. Ngoài ra, cần có một tổ chức độc lập để theo dõi việc áp dụng chứng chỉ và thử nghiệm an toàn để đảm bảo tất cả chứng chỉ đạt được đều khách quan, trung thực và có giá trị.

3. Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô – Xe máy: Ngành Công nghiệp Xe máy

a. Thuế Giá trị gia tăng (GTGT) đối với phương tiện, phụ tùng thay thế và phụ kiện

Tiểu ban kiến nghị Chính phủ xem xét kỹ lưỡng việc đề xuất tăng thuế GTGT đối với phương tiện, phụ tùng thay thế và phụ kiện. Đặc biệt là cần có một lộ trình dài hơn cho việc tăng thuế GTGT đảm bảo hài hòa thu nhập của người dân khi nhu cầu tiết kiệm của người Việt Nam ngày càng tăng cao.

b. Cấm lưu thông xe máy ở một số thành phố lớn vào năm 2030

Chính quyền địa phương nên xem xét thêm các giải pháp hiệu quả hơn nhằm giải quyết vấn đề ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và tai nạn giao thông trong các thành phố lớn, bao gồm áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, nâng cao nhận thức về an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu của người dân. Tiểu ban kiến nghị Chính phủ xem xét chỉ cấm các xe máy cũ và xe lỗi thời không phù hợp.

c. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT)

Chính phủ cần ban hành quy định pháp luật chi tiết về việc thực hiện quyền SHTT, tăng cường bảo hộ và thực thi quyền SHTT đối với kiểu dáng công nghiệp và thiết kế sản phẩm, chủ động hơn nữa để ngăn chặn các hành vi vi phạm. Tiểu ban kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần có cơ chế phù hợp nhằm hạn chế đăng ký tên miền mạo danh và có dụng ý xấu, cải thiện hợp tác giữa các cơ quan thực thi và các cơ quan liên quan. Chúng tôi cũng kiến nghị Chính phủ xem xét thành lập tòa án chuyên trách để xử lý các vấn đề về SHTT.

III. KHUNG PHÁP LÝ

1. Thủ tục tư pháp và trọng tài

a. Hệ thống Tòa án Việt Nam

Luật Luật sư cần được sửa đổi để cho phép luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn được đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam, kể cả khi luật sư đó đang làm việc cho công ty luật nước ngoài. Tiểu ban kiến nghị tiến hành ngay việc công bố các bản án của tất cả các cấp tòa, cũng như quyết định của Cục Quản lý Cạnh tranh, đặc biệt là quyết định liên quan đến tập trung kinh tế.

b. Trọng tài ở Việt Nam

Tòa án Nhân dân Tối cao và Chánh án nên cung cấp nhiều hướng dẫn cụ thể hơn cho các tòa án cấp dưới để thống nhất hạn chế can thiệp của tòa án vào hoạt động tố tụng trọng tài. Việc học hỏi và trao đổi với các quốc gia khác có thể giúp lồng ghép những thông lệ tốt nhất. Việc cho phép quyền kháng cáo đối với các phán quyết của tòa án sơ thẩm về thẩm quyền của tòa trọng tài hoặc hiệu lực của phán quyết trọng tài sẽ góp phần phổ biến hóa cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài tại Việt Nam.

c. Công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài

Các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 cần có quy định về việc thực thi chặt chẽ quy định của Công ước New York, bao gồm việc xác định rõ nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên phải thực hiện phán quyết trọng tài. Áp dụng cơ chế tự động chuyển sang tòa phúc thẩm trong mọi trường hợp đơn bị tòa sơ thẩm bác bỏ. Ngoài ra, Tiểu ban kiến nghị cần tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo để đảm bảo các thẩm phán được đào tạo đầy đủ về nghiệp vụ.

2. Thủ tục Hòa giải

a. Phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn (ADR)

Chúng tôi kiến nghị nên lựa chọn các quy tắc hòa giải quốc tế để giải quyết các tranh chấp thương mại. Do đó, nên sử dụng quy tắc hòa giải của Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL), với các điều khoản bổ sung để bù đắp cho những khoảng trống trong Nghị định 22. Nghị định 22 cho phép thành lập các trung tâm hòa giải tư nhân và việc thành lập trung tâm hòa giải tại Việt Nam sẽ hỗ trợ giải quyết tranh chấp trước khi tiến hành tố tụng.

3. Mua bán & Sáp nhập Doanh nghiệp (M&A)

a. Tiếp cận thị trường và quá trình cấp phép

Tiểu ban kiến nghị dỡ bỏ các yêu cầu như: các nhà đầu tư nước ngoài phải có dự án đầu tư đã đăng ký và phê duyệt mới được thành lập công ty con hoặc công ty liên doanh, nhà đầu tư nước ngoài phải xin được phê duyệt mua bán và sáp nhập trước khi tiến hành giao dịch mua bán và sáp nhập. Ngoài ra, chúng tôi kiến nghị cần tiếp tục giảm số lượng các ngành nghề kinh doanh “có điều kiện”.

b. Trị giá và thanh toán giá mua trong giao dịch M&A

Chúng tôi kiến nghị cần giảm thiểu tính chủ quan của cơ quan cấp phép địa phương trong việc xem xét các điều khoản thương mại của giao dịch mua bán và sáp nhập, tăng sự rõ ràng và nhất quán của các thủ tục liên quan đến giao dịch mua bán và sáp nhập và bãi bỏ sự phân biệt giữa các giao dịch đầu tư “trực tiếp” và “gián tiếp”. Cần phải có thủ tục để giải quyết các vấn đề về thuế trong giao dịch mua bán và sáp nhập nhanh và thuận tiện hơn.

c. Những hạn chế liên quan đến Chống độc quyền

Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật thực thi Luật Cạnh tranh cần cung cấp hướng dẫn rõ ràng và chính xác hơn liệu “tập trung kinh tế” có xảy ra hay không, cách tính toán “thị phần” phục vụ cho mục đích phân tích “thị phần kết hợp” và xác định chính xác “thị trường liên quan” dựa trên cơ sở Luật Cạnh tranh. Hơn nữa, chúng tôi kiến nghị rà soát lại quy trình xử lý của Cục Quản lý Cạnh tranh Việt Nam để tránh những chậm trễ phát sinh không cần thiết làm ảnh hưởng đến giao dịch M&A liên quan.

4. Đối tác Công-Tư (PPP)

a. Lập danh mục các dự án khả thi

Chúng tôi kiến nghị cập nhật Quyết định 631/QĐ-TTg với danh mục mới gồm các dự án trọng điểm quốc gia và khu vực, đặc biệt là trong lĩnh vực có thành tích tốt ở các cơ quan khác với mô hình phổ biến và được các nhà đầu tư nước ngoài ưa chuộng. Cần làm rõ quy trình đấu thầu các dự án không nằm trong đề xuất và quá trình chuyển đổi các dự án do Nhà nước cấp vốn thành các dự án theo hình thức PPP và/hoặc cho phép chỉ định trực tiếp các dự án được phát triển bởi các nhà tài trợ hàng đầu thế giới thành dự án thí điểm trong các lĩnh vực ưu tiên cụ thể. Cần triển khai Quỹ Phát triển Dự án (PDF) và các dự án tiềm năng trong những ngành khó thu hút đầu tư PPP nên được đánh giá nghiêm ngặt với các ưu đãi và biện pháp hấp dẫn.

b. Nâng cao năng lực và phối hợp giữa các cơ quan Chính phủ

Chính phủ nên tổ chức các khoá tập huấn nâng cao năng lực về quy phạm pháp luật mới và cập nhật văn bản pháp luật thông qua tham vấn với các cơ quan Chính phủ liên quan. Chúng tôi kiến nghị cần xây dựng các bộ hồ sơ thầu đã được duyệt, các dự án hữu hình phải được thực hiện phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất và phải có một quy trình thực hiện với sự tham gia của tất cả các Bộ ngành và cơ quan chủ chốt liên quan.

c. Hợp lý hoá các quy định thực hiện chi tiết

Chính phủ nên tiếp tục xây dựng và phổ biến các chính sách và hướng dẫn liên quan đến PPP để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, rà soát các quy định này với các dự án thực tế và tận dụng động lực đằng sau Dự thảo Luật và Dự thảo Nghị định hướng dẫn về Đối tác Công-Tư.

5. Tổ chức Doanh nghiệp

a. Các quy định chưa rõ ràng về đại diện theo pháp luật đối với các công ty trách nhiệm một thành viên (TNHH MTV)

Một số điều khoản trong Luật Doanh nghiệp không rõ ràng và gây nhầm lẫn khi ngụ ý trao thẩm quyền cho Hội đồng Thành viên và Giám đốc được ra quyết định thay mặt công ty TNHH MTV. Do đó, chúng tôi kiến nghị xóa bỏ Điều 79.1 và 81.2 (e) của Luật Doanh nghiệp.

b. Tỷ lệ cần thiết để thông qua các quyết định thông thường trong các công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Chúng tôi kiến nghị nêu rõ thành viên của công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên cần tỷ lệ đồng thuận ít hơn 65% (nhưng ít nhất 51%) để thông qua các quyết định thông thường.

c. Hiệu lực của các thỏa thuận cổ đông

Cần ban hành các quy định cụ thể hoặc áp dụng án lệ để công nhận hiệu lực của các thỏa thuận cổ đông tại Việt Nam.

6. Bất động sản

a. Quyền hợp pháp của Ban Quản lý Nhà Chung cư (BQLNCC) trong việc tham gia tố tụng thay mặt chủ sở hữu căn hộ

Tiểu ban kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần quy định rõ trong Luật Nhà ở và các quy định liên quan về việc BQLNCC có quyền tham gia tố tụng thay mặt chủ sở hữu căn hộ khi được ủy quyền hay không.

b. “Căn hộ khách sạn”, “Nhà ở khách sạn” và “Văn phòng khách sạn”

Chúng tôi đề xuất Chính phủ ban hành các quy định chi tiết, bao gồm các tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể, làm rõ thời hạn sử dụng đất và sửa đổi quy định về phân loại và cơ chế sử dụng đất cho các công trình căn hộ phức hợp.

c. Bảo vệ quyền lợi của người mua khi chủ đầu tư mất khả năng thanh toán hoặc phá sản

Chúng tôi kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành các quy định về các tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể yêu cầu về khả năng tài chính của công ty phát triển bất động sản cũng như quy định hình phạt đối với công ty không ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng với các ngân hàng thương mại có thẩm quyền.

IV. NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM

1. Tiểu ban Thuế và Chuyển giá

a. Thuế trên Thặng dư Vốn (CGT) trong trường hợp tái cấu trúc nội bộ

Chúng tôi kiến nghị Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế khi xây dựng cơ chế CGT nên xem xét không áp dụng CGT trong trường hợp tái cấu trúc nội bộ và/hoặc có cơ chế miễn CGT trong trường hợp tái cấu trúc nội bộ.

b. Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Chúng tôi kiến nghị có cách diễn giải rộng hơn về “tiêu dùng ở ngoài Việt Nam” để mở rộng phạm vi các trường hợp được miễn thuế GTGT. Ngoài ra chúng tôi nhận thấy cần có định nghĩa rõ ràng hơn để bên cung cấp dịch vụ có thể tự tin kinh doanh khi được áp dụng miễn thuế GTGT. Chúng tôi hoan nghênh các văn bản quy định cụ thể rằng các dịch vụ cung cấp liên quan đến hàng hoá xuất khẩu được miễn thuế GTGT và kiến nghị cho phép bù trừ số thuế đã nộp thừa với số thuế phải nộp đối với các thuế khác nữa.

c. Áp dụng các hiệp định về thuế

Chúng tôi kiến nghị hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo hiệp định thuế cần được xem xét sau khi cơ quan thuế địa phương tiếp nhận, và các yêu cầu bổ sung sau đó phải được thông báo trong khoảng thời gian cụ thể. Nếu các cơ quan thuế không nêu bất kỳ vấn đề phát sinh trong khoảng thời gian quy định thì người nộp thuế được quyền hiểu rằng đã được chấp thuận miễn/giảm thuế.

d. Việc sử dụng các công ty so sánh trong công tác kiểm toán chuyển giá

Chúng tôi kiến nghị cơ quan thuế áp dụng cách tiếp cận tiến bộ hơn. Nghị định 20/2017/NĐ-CP hiện nay đã phù hợp với các quy định về chuyển giá được chấp nhận trên phạm vi quốc tế và vì vậy, việc ban hành luật cũng cần dựa trên tiêu chuẩn quốc tế. Các cơ quan thuế cần xem xét kỹ phân tích được thực hiện bởi các doanh nghiệp nộp thuế và khi từ chối áp dụng các công ty so sánh do doanh nghiệp đưa ra, các cơ quan này phải dựa trên cơ sở pháp luật cũng như cung cấp đầy đủ dẫn chứng hợp lý.

2. Tiểu ban Công nghệ Thông tin và Truyền thông (ICT)

a. An ninh mạng

Chính phủ cần hợp tác với các chuyên gia trong ngành để đưa ra các quy định về năng lực an ninh mạng theo thực tế, dựa trên tiêu chuẩn; quy định hướng dẫn thiết lập hạ tầng phần cứng và phần mềm áp sát thực tiễn để thực hiện giải pháp an ninh mạng tiết kiệm chi phí, có thể lặp lại và mở rộng. Ngoài ra cũng cần sử dụng các hướng dẫn này để hỗ trợ nhiều tổ chức áp dụng công nghệ an ninh mạng nhằm giảm thiểu chi phí sở hữu. Tiểu ban cũng kiến nghị Chính phủ ban hành một bộ luật về quyền riêng tư để bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng.

b. Giáo dục và đào tạo

Chính phủ nên hợp tác với các trường đại học nổi tiếng ở nước ngoài, lấy kinh nghiệm từ các hệ thống thực hành tốt nhất nhằm xây dựng một chương trình phù hợp theo tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về kiểm tra kỹ năng chuyên môn ngành công nghệ thông tin (CNTT). Ngoài ra, Tiểu ban khuyến khích gia tăng đào tạo kỹ năng mềm và giao tiếp tiếng Anh. Các sinh viên đại học nên hoàn thành kỳ thực tập thực tế. Các trường đại học cần phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp trong ngành CNTT để nắm bắt được các xu hướng công nghệ và nhu cầu thực tế để trang bị cho các sinh viên sau khi tốt nghiệp.

c. Chi phí Internet và Băng thông Internet quốc tế

Các nhà cung cấp dịch vụ Internet nên được áp dụng biểu phí riêng. Chúng tôi kiến nghị Chính phủ cần tạo sự cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ và giá phải được so sánh, cạnh tranh với mức trung bình của khu vực và quốc gia. Ngoài ra cũng cần phát triển thêm nội dung tiếng Việt.

3. Tiểu ban Vận tải và Hậu cần

a. Hải quan

Tiểu ban kiến nghị cần áp dụng hệ thống bảo lãnh thông quan hiện đại để cải thiện khả năng thông quan. Chúng tôi mong Bộ Tài chính (BTC) và Tổng cục Hải quan (TCHQ) sẽ xem xét đưa ra các thủ tục rõ ràng hơn và nhiều thông tin chi tiết hơn về việc xác định trị giá hải quan. Ngoài ra, Chính phủ, BTC và TCHQ nên xem xét công nhận Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh là Hải quan Cửa khẩu.

b. Miễn trừ quản lý chuyên ngành đối với hàng hoá có giá trị thấp được nhập khẩu qua dịch vụ chuyển phát nhanh

Chính phủ và các Bộ liên quan không nên không cần quản lý hoặc kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu có giá trị thấp dưới ngưỡng 1 triệu VNĐ được gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh. Chính phủ nên cho phép Hải quan thực hiện kiểm tra chuyên ngành các hàng hoá có giá trị thấp được gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh tại Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh. Ngoài ra, cơ chế công nhận lẫn nhau cần được áp dụng với hàng hóa có nhãn hiệu quốc tế đã được chứng nhận bởi các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới.

c. Triển khai Cơ chế Một cửa Quốc gia (MCQG) và Một cửa ASEAN (MCA)

Tiểu ban kiến nghị tới Chính phủ, các Bộ và TCHQ cần cần đẩy mạnh thực hiện thủ tục MCQG trong năm 2018 đối với hàng hóa cần có giấy phép kiểm tra chuyên ngành. Yêu cầu về hồ sơ gốc hoặc bản gốc cần được loại bỏ, và Chính phủ cũng cần thiết lập Tiêu chí Thực hiện Công việc (KPI) rõ ràng cho tất cả các cán bộ Bộ, ngành liên quan để đánh giá tính hiệu quả thực hiện, tiến độ triển khai MCQG và MCA.

4. Tiểu ban Nguồn Nhân lực và Đào tạo

a. Mở rộng quyền của chủ sử dụng lao động trong việc chấm dứt hợp đồng lao động

Cần bổ sung thêm cơ sở pháp lý để chủ sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động như được quy định theo Điều 38.1 của Bộ luật Lao động. Cụ thể là mở rộng phạm vi các hành vi vi phạm bị sa thải ngay lập tức, bỏ quy định hạn chế sa thải người lao động nữ, gia hạn thời hiệu xử lý kỷ luật và đơn giản hóa quy trình kỷ luật. Bên sử dụng lao động nên có quyền sa thải nhân viên khi nhân viên này tái vi phạm trong khi đang chờ được tăng lương và cần có quy định cụ thể xác định xác định ngưỡng “gây thiệt hại nghiêm trọng”.

b. Quản lý người nước ngoài lao động tại Việt Nam

Chúng tôi kiến nghị cần tạo sự linh hoạt cho chủ sử dụng lao động và người lao động nước ngoài được lựa chọn tham gia bảo hiểm bắt buộc tại Việt Nam, và tăng mức thời hạn hợp đồng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Không áp dụng chế độ lương hưu và tử tuất đối với người lao động nước ngoài. Về giấy phép lao động, Tiểu ban đề xuất Chính phủ và Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội cần áp dụng việc xử lý nhanh, bổ sung định nghĩa người lao động nước ngoài luân chuyển trong nội bộ doanh nghiệp. Ngoài ra, việc định nghĩa lại hoặc mở rộng phạm vi của “nhà quản lý” và “giám đốc điều hành”; việc đảm bảo các quy định luật pháp được áp dụng thống nhất là cần thiết.

c. Đào tạo kỹ thuật, đào tạo nghề và giáo dục tại Việt Nam

Chính phủ Việt cần xem xét tăng số lượng học sinh Việt Nam được phép theo học tại các trường quốc tế, các cơ sở đào tạo kỹ thuật và dạy nghề. Ngoài ra chúng tôi kính đề xuất Chính phủ tận dụng kinh nghiệm chuyên môn của doanh nghiệp tư nhân.

5. Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn

a. Chính sách thị thực nhập cảnh

Chúng tôi kiến nghị mở rộng danh mục các quốc gia được miễn thị thực bao gồm tất cả các quốc gia mà Việt Nam đã ký kết Hiệp định Thương mại Tự do. Ngoài ra, cần kéo dài thời hạn chương trình miễn thị thực cũng như thời gian miễn thị thực. Việc nhanh chóng làm rõ các thủ tục và quy định miễn thị thực cho du khách quay lại Việt Nam trong vòng 30 ngày và cải thiện trang web cấp thị thực điện tử cũng là việc cần thiết. Tiểu ban cũng đề xuất

Chính phủ cho phép mở rộng danh sách các quốc gia có công dân đủ điều kiện xin cấp thị thực điện tử và cho cấp thị thực tại cửa khẩu đối với hành khách nối chuyến bay để thuận tiện cho việc đi lại.

b. Tiếp thị điểm đến

Chúng tôi kiến nghị phân bổ mức ngân sách Nhà nước hợp lý hơn để hỗ trợ quảng bá du lịch, bao gồm phát triển Đối tác Công-Tư. Việt Nam cũng cần tập trung quảng bá hình ảnh tại các thị trường mục tiêu có giá trị cao, bao gồm quảng bá qua kênh tiếp thị số nhiều hơn và nhắm tới các mục tiêu dài hạn của ngành như nâng cấp cơ sở hạ tầng và bảo vệ môi trường.

c. Phát triển du lịch bền vững

Chúng tôi kiến nghị các cơ quan địa phương cần nâng cao nhận thức của người dân địa phương về tầm quan trọng của di sản là tài nguyên quốc gia và hỗ trợ phát triển bền vững. Ngoài ra, cần tăng cường quảng bá tới du khách về phong tục tập quán vùng miền của Việt Nam.

d. Nguồn nhân lực và dạy nghề trong ngành du lịch và nhà hàng - khách sạn

Các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nên hợp tác để xây dựng và triển khai Bộ Tiêu chuẩn Kỹ năng Ngành nghề Quốc gia cho cả ngành. Chính phủ và khối tư nhân cũng cần hợp tác chặt chẽ để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, bao gồm việc kêu gọi các công ty quốc tế mở văn phòng tại Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Laurence Newman, Biên tập viên Sách Trắng
Lê Thanh Bình, Trưởng ban Pháp lý Cấp cao

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM

PHẦN 1

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM

TỔNG QUAN

Vào ngày 2 tháng 12 năm 2015, sau gần 3 năm và 14 vòng đàm phán, Chủ tịch Donald Tusk, Chủ tịch Jean-Claude Juncker và Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng đã ký tuyên bố chính thức về việc kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA). Các bên hiện đang triển khai những bước cần thiết để hoàn tất quá trình phê duyệt Hiệp định này. Chúng tôi kỳ vọng Hiệp định có thể được phê duyệt trong năm nay và có hiệu lực vào năm 2019. Cùng với hiệp định thương mại giữa Liên minh châu Âu và Singapore, EVFTA là bước đệm quan trọng cho những đàm phán và hội nhập thương mại ở cấp khu vực trong tương lai. Tại Hội nghị Kinh doanh Cấp cao EU-ASEAN 2018 vừa diễn ra vào ngày 2 tháng 3 tại Singapore, bà Cecilia Malmstroem, Cao ủy Thương mại của Liên minh châu Âu, và nhiều diễn giả khác một lần nữa khẳng định tầm nhìn về một hiệp định thương mại cấp khu vực giữa ASEAN và EU.¹

EVFTA sẽ mang đến những lợi ích kinh tế to lớn cho hoạt động đầu tư và thương mại giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam ước tính tăng 0,5% mỗi năm, và kim ngạch xuất khẩu ước tính tăng trong khoảng 4-6% mỗi năm. Nếu xu hướng này được duy trì đến năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đến Liên minh châu Âu (EU) sẽ tăng khoảng 2,6 tỷ Đô-la Mỹ, và đến năm 2025, EVFTA được kỳ vọng thúc đẩy tăng trưởng GDP thêm 7-8% theo so với xu hướng tăng trưởng hiện tại.

Mức lương thực tế của lao động lành nghề có thể tăng đến 12% và mức lương thực tế của lao động nói chung có thể tăng 13%.² Một khi EVFTA được phê duyệt và thực thi, các cải cách thể chế và chính sách bắt đầu có hiệu lực, hoạt động kinh doanh thương mại tại Việt Nam sẽ tăng trưởng đột phá. Tuy nhiên, các Tiểu ban Ngành nghề nhận thấy nếu như một số vấn đề và kiến nghị dưới đây được giải quyết, thì sẽ hỗ trợ Việt Nam cải thiện hơn nữa.

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

(A). TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu - Việt Nam (FTA) được xem là một trong những hiệp định thương mại và đầu tư toàn diện và tham vọng nhất mà Liên minh châu Âu (EU) từng ký kết với một nước đang phát triển và cũng là hiệp định quan trọng thứ hai trong khu vực Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) sau Singapore. Hiệp định này sẽ tăng cường các mối quan hệ song phương giữa Việt Nam và EU. Việt Nam sẽ có thể tiếp cận một thị trường tiềm năng với dân số hơn 500 triệu người³ và Tổng Sản phẩm Quốc nội (GDP) đạt 15.000 tỷ Đô-la Mỹ (chiếm 22% GDP toàn cầu). Ngược lại, các nhà xuất khẩu và đầu tư từ EU cũng có thêm cơ hội tiếp cận đến một trong những quốc gia có tốc độ phát triển nhanh nhất với hơn 90 triệu người. Theo báo cáo được công bố vào đầu năm 2017 tại 134 thành phố trên toàn thế giới được thực hiện bởi Jones Lang LaSalle⁴ - một doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính và chuyên môn về bất động sản thương mại và quản lý đầu tư, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong nhóm 10 các thành phố năng động nhất vì cả hai thành phố này đều có mức chi phí thấp, mở rộng thị trường tiêu dùng nhanh chóng, tăng trưởng dân số mạnh mẽ và sự chuyển đổi khuyến khích thu hút đáng kể nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Thống kê cho thấy tổng FDI đã đăng ký trong 9 tháng đầu năm 2017 đạt 14,56 tỷ Đô-la Mỹ, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 là 6,21%. Trong năm 2017, Ngân hàng Thế giới dự đoán mức tăng trưởng này sẽ chạm 6,3%,⁵ tuy nhiên, Việt Nam đã vượt mức dự đoán này cũng như mục tiêu đề ra và đã đạt tăng trưởng 6,81% trong năm 2017.⁶ Đây cũng là mức tăng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

1 "EU hy vọng hiệp định thương mại với Singapore có hiệu lực trong năm nay", The Strait Times, trang A11, ngày 2 tháng 3 năm 2018. Xem tại: <<http://www.straitstimes.com/singapore/eu-hopes-trade-pact-with-spore-will-go-into-effect-this-year>>.

2 Theo báo cáo "Tác động dài hạn của EVFTA", Dự án Hỗ trợ Chính sách Thương mại và Đầu tư của châu Âu (EU-MUTRAP), 2014.

3 Xem tại: <<http://ec.europa.eu/eurostat/documents/2995521/8102195/3-10072017-AP-EN.pdf/a61ce1ca-1efd-41df-86a2-bb495daabdbab>>.

4 Xem tại: <<http://www.jll.com/cities-research/City-Momentum>>.

5 Xem tại: <<http://www.worldbank.org/en/publication/global-economic-prospects#data>>.

6 "Tình hình kinh tế-xã hội năm 2017", Tổng cục Thống kê, ngày 27 tháng 12 năm 2017, Xem tại: <<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=18668>> truy cập lần cuối ngày 21 tháng 1 năm 2018.

Ngoài ra, tầng lớp trung lưu tại Việt Nam có mức tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực, theo báo cáo của Boston Consulting Group,⁷ tầng lớp này tăng gần như gấp đôi về quy mô trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020, từ 12 triệu đến 33 triệu người. Số lượng người siêu giàu của Việt Nam cũng tăng nhanh hơn bất cứ quốc gia nào khác, và chắc chắn rằng con số này sẽ tiếp tục gia tăng trong 10 năm tới.

Tiếp cận thị trường hàng hóa

Hiệp định EVFTA sẽ xóa bỏ trên 99% các các dòng thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam vào EU. Số thuế nhỏ còn lại được tự do hoá một phần thông qua các hạn ngạch miễn thuế. Vì Việt Nam là một nước đang phát triển, 65% giá trị hàng xuất khẩu của EU vào Việt Nam sẽ được tự do hóa, chiếm khoảng một nửa tổng số dòng thuế, tại thời điểm có hiệu lực và những dòng thuế còn lại sẽ được bãi bỏ trong vòng mười năm tới. Đây là việc xóa bỏ thuế quan nhanh chưa từng có đối với một quốc gia như Việt Nam. Điều này cũng chứng minh mục tiêu hội nhập và mối quan hệ thương mại sâu rộng hơn nữa giữa Việt Nam và EU.

Về phần mình, EU đồng ý xóa bỏ 84% dòng thuế đánh vào hàng nhập khẩu từ Việt Nam ngay khi FTA có hiệu lực. Trong vòng bảy năm kể từ ngày FTA có hiệu lực, hơn 99% dòng thuế sẽ được xóa bỏ cho Việt Nam. Trong khu vực ASEAN, Việt Nam được xem là quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa sang EU. Việt Nam sẽ nhận được nhiều lợi ích từ EVFTA so với các FTA khác kể từ khi Việt Nam và EU được xem là hai thị trường bổ sung hỗ trợ nhau, trong đó Việt Nam xuất khẩu hàng hoá mà EU không thể hoặc không tự sản xuất được (ví dụ như thủy sản, trái cây nhiệt đới, vv) trong khi hàng hóa nhập khẩu từ EU cũng là những mặt hàng Việt Nam không thể sản xuất trong nước.

Chúng tôi cũng lưu ý rằng, ngoài Việt Nam thì Singapore cũng là quốc gia trong khu vực đã ký một FTA với EU vào năm 2014. Tuy nhiên điều này không ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của Việt Nam trong quan hệ thương mại với EU. Nguyên nhân là Việt Nam chủ yếu xuất khẩu hàng dệt may, giày da, nông sản, vv. trong khi mặt hàng xuất khẩu chính của Singapore lại là máy móc, hóa chất và thiết bị vận tải. Nhân cơ hội khi EU đang trong quá trình thúc đẩy các thủ tục thương lượng FTA với các quốc gia khác trong khu vực ASEAN, Việt Nam nên tận dụng thời điểm vàng này một cách hiệu quả nhất để trở thành trung tâm đầu tư trong khu vực trước khi các nước khác trong khu vực ký kết FTA với EU.

Tiếp cận thị trường đối với các nhà cung cấp dịch vụ của EU

Mặc dù các cam kết WTO được sử dụng làm nền tảng cho việc cung cấp dịch vụ, Việt Nam không chỉ mở thêm (phần) ngành dành cho các nhà cung cấp dịch vụ của EU mà còn cam kết sâu hơn trong khuôn khổ WTO, tạo cơ hội tốt nhất cho EU tiếp cận thị trường Việt Nam. Các (phần) ngành không thuộc khuôn khổ WTO nhưng lại nằm trong nội dung mà Việt Nam thực hiện cam kết, ví dụ các dịch vụ nghiên cứu và phát triển (R&D) liên ngành, dịch vụ điều dưỡng, nhân sự vật lý trị liệu và cận y tế, dịch vụ đóng gói, dịch vụ hội chợ thương mại và triển lãm và dịch vụ vệ sinh công trình. Ngoài ra, cần lưu ý rằng FTA bao gồm điều khoản về Đãi ngộ Tối huệ quốc (MFN), đòi hỏi một quốc gia phải dành cho quốc gia đối tác những thuận lợi và ưu đãi không kém hơn những thuận lợi và ưu đãi mà một bên đang và sẽ dành cho bất kỳ một nước thứ ba nào.

Mua sắm Chính phủ

Việt Nam là một trong những quốc gia có tỷ lệ đầu tư công cao nhất trên thế giới trên tổng GDP (39% hàng năm kể từ năm 1995). Tuy nhiên, Việt Nam đã không cam kết tham gia hoạt động mua sắm chính phủ theo Hiệp định Mua sắm Chính phủ (GPA) của WTO. Quả thực, đây là lần đầu tiên Việt Nam cam kết thực hiện điều này trong EVFTA.

Các cam kết FTA về Mua sắm Chính phủ chủ yếu giải quyết yêu cầu đối xử công bằng giữa các nhà thầu EU hoặc nhà thầu trong nước có vốn đầu tư từ EU và nhà thầu Việt Nam khi một giá trị mua sắm công hoặc yêu cầu dịch vụ vượt quá ngưỡng quy định. Việt Nam cam kết công bố kịp thời thông tin về đấu thầu, cho phép các nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu, duy trì tính bảo mật của hồ sơ dự thầu.⁸ FTA cũng yêu cầu các Bên tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu dựa trên các nguyên tắc khách quan, công bằng. Việc đánh giá và trao thầu chỉ dựa trên các tiêu chí được đưa ra trong thông báo và hồ sơ dự thầu, tạo lập một cơ chế hiệu quả về khiếu nại và giải quyết tranh chấp, vv.⁹ Các quy tắc nêu trên yêu cầu các bên tuân thủ những cam kết trong quá trình đấu thầu và bảo vệ quyền lợi của chính mình, theo đó hỗ trợ Việt Nam giải quyết các thách thức liên quan đến việc thắng thầu bởi các nhà cung cấp dịch vụ chào giá thầu thấp nhưng lại không đủ năng lực.

⁷ Xem tại: <https://www.bcgperspectives.com/content/articles/consumer_insight_growth_vietnam_myanmar_southeast_asia_new_growth_frontier/>.

⁸ Nội dung EVFTA công bố vào tháng 1 năm 2016, Chương 9 về Mua sắm công. Xem tại: <http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2016/february/tradoc_154216.pdf> truy cập lần cuối vào ngày 5 tháng 2 năm 2018.

⁹ Vui lòng tham khảo các quy tắc và nguyên tắc liên quan.

Mua sắm Chính phủ đối với hàng hóa hay dịch vụ hoặc bất kỳ mặt hàng kết hợp nào thỏa mãn các tiêu chí bên dưới đều nằm trong phạm vi các quy tắc về Mua sắm Chính phủ của FTA:

Tiêu chí	FTA
Giá trị tiền tệ xác định liệu mua sắm Chính phủ tại cấp trung ương có thuộc phạm vi của một hiệp định nào không	130.000 Quyền Rút vốn Đặc biệt (SDR) (191.000 Đô-la Mỹ) sau 15 năm kể từ ngày hiệp định có hiệu lực Ngưỡng chuyển tiếp ban đầu: 1,5 triệu SDR (2,23 triệu Đô-la Mỹ)
Mua sắm dịch vụ xây dựng bởi các đơn vị Chính phủ cấp trung ương	Ngưỡng ban đầu: 40 triệu SDR (58,77 triệu Đô-la Mỹ) Sau 15 năm, 5 triệu SDR (7,35 triệu Đô-la Mỹ)
Thực thể được bảo đảm	22 cơ quan Chính phủ cấp Trung ương 42 đơn vị khác (bao gồm 2 doanh nghiệp nhà nước liên quan đến dịch vụ tiện ích, 2 trường đại học, 2 cơ sở nghiên cứu và 34 bệnh viện công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế) Các thành phố trực thuộc Trung ương: bao gồm Hà Nội và Hồ Chí Minh
Loại bỏ ưu đãi dành cho các Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)	Loại bỏ với phạm vi rộng
Áp dụng khấu trừ thuế	Dựa trên giá trị hợp đồng

Thực thi ISDS

Trong các tranh chấp liên quan đến đầu tư (ví dụ, việc tước quyền sở hữu mà không bồi thường, phân biệt đối xử đầu tư), một nhà đầu tư có quyền đưa tranh chấp đến Tòa án Đầu tư để giải quyết (Cơ chế Giải quyết Tranh chấp giữa Nhà đầu tư và Chính phủ - ISDS). Quyết định cuối cùng của Tòa án Đầu tư là chung thẩm và có hiệu lực thi hành ngay và tòa án địa phương không có bất kỳ câu hỏi nào về tính hợp lệ, ngoại trừ thời kỳ chuyển tiếp năm năm kể từ khi FTA có hiệu lực đối với Việt Nam (vui lòng tham khảo thêm các đánh giá trong Phần B về Các Cơ chế Giải quyết tranh chấp).

Kết luận

Một khi EVFTA được ký kết sẽ giúp tăng trưởng bền vững, các lợi ích cho đôi bên trong một số lĩnh vực và là một công cụ hiệu quả để cân bằng mối quan hệ thương mại giữa EU và Việt Nam. Việt Nam đang nỗ lực hết sức để đáp ứng các tiêu chuẩn cao được đặt ra trong FTA và tăng cường các cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài để chuẩn bị cho việc hoàn tất FTA. Đây là thời điểm các nhà đầu tư nước ngoài cần khởi động các kế hoạch kinh doanh và nắm bắt những cơ hội cụ thể đang đến gần.

(B). CÁC CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Nội dung EVFTA được đăng trên trang web của Ủy ban châu Âu¹⁰ đã đưa ra một cơ chế mới để xử lý các tranh chấp liên quan đến đầu tư giữa các Chính phủ và nhà đầu tư. EVFTA thành lập một tòa án thường trực (Tòa án) với mục đích giải quyết, khắc phục các yếu điểm của hệ thống trọng tài hiện tại, bao gồm việc hiện tại đang có xu hướng thiên vị cho các nhà đầu tư.

Chúng tôi hoan nghênh cơ chế toàn án được phát triển bởi EU mặc dù cũng nhận thấy rất nhiều vấn đề tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến lợi ích tiềm năng của Tòa án. Chúng tôi muốn đề cập đến một trong những vấn đề tại đây đó là việc áp dụng Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài (NYC) trong giai đoạn năm năm chuyển đổi sau khi có hiệu lực.

¹⁰ Nội dung EVFTA, công bố tháng 1 năm 2016. Xem tại: <<http://trade.ec.europa.eu/doclib/press/index.cfm?id=1437>> truy cập lần cuối ngày 17 tháng 1 năm 2018.

Theo nội dung hiện tại của EVFTA,¹¹ hai bên Việt Nam và EU thống nhất thực thi bất kỳ “phán quyết” cuối cùng nào của Tòa án “như thể đó là phán quyết cuối cùng của tòa án [của một bên]”. Tuy nhiên, văn bản cũng quy định rằng, trong giai đoạn 5 năm (kể từ khi Tòa án bắt đầu hoạt động), “việc công nhận và thi hành một phán quyết cuối cùng đối với một tranh chấp mà Việt Nam là bị đơn thì phải được thực hiện theo Công ước New York ngày 10 tháng 6 năm 1958 về Công nhận và Thi hành các Quyết định Trọng tài Nước ngoài.

Các thành viên của chúng tôi quan ngại về giai đoạn 5 năm này khi các phán quyết của Tòa án sẽ được thi hành ở Việt Nam dựa trên cơ sở NYC. Hiện tại chúng tôi cho rằng việc thực hiện theo NYC của các tòa án Việt Nam chưa có nhiều khởi sắc (vui lòng tham khảo Chương 6 Sách Trắng về các Thủ tục Tư pháp và Trọng tài).

Chúng tôi cũng lưu ý rằng “Ủy ban Thương mại”, một cơ quan do các đại diện của Việt Nam và EU thành lập theo EVFTA, sẽ có thẩm quyền gia hạn giai đoạn 5 năm này thêm “một khoảng thời gian lâu hơn” mà hiện tại vẫn chưa được xác định.

Trong giai đoạn 5 năm này (hoặc thời gian được gia hạn nêu trên), các nhà đầu tư Việt Nam sẽ tiếp nhận các phán quyết có thể được thực thi trực tiếp tại các Quốc gia Thành viên EU mà không có bất kỳ đánh giá nào về tính phù hợp của phán quyết với chính sách quốc tế, v.v. Đây là sự cải tiến tốt cho các nhà đầu tư Việt Nam dựa trên các điều ước đầu tư song phương với từng Quốc gia Thành viên của EU (khi các phán quyết trọng tài không thể thực thi trực tiếp vì Việt Nam không phải là thành viên của Công ước Washington thành lập Trung tâm Giải quyết Tranh chấp Đầu tư Quốc tế - ICSID).

Tuy nhiên đổi lại, chúng tôi nhận thấy tình trạng của các nhà đầu tư châu Âu sẽ không được cải thiện. Đây là một mối quan ngại có thực, vì trên thực tế thì tình trạng thực thi hiện nay không đạt yêu cầu và cần được cải thiện. Nói chung, cộng đồng quốc tế cũng quan ngại vì cơ chế này thiếu sự tương hỗ cho cả đôi bên.

Chúng tôi hiểu rằng lý do giai đoạn 5 năm này có lợi cho Việt Nam là vì Việt Nam cần thời gian để cải cách khung pháp lý quốc gia nhằm thích ứng với yêu cầu mới về việc thực thi trực tiếp các phán quyết. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng quá trình này có thể được hoàn thiện trước 5 năm. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng các nước thành viên EU cũng cần phải cải cách khung pháp lý quốc gia của mình để cho phép thực thi trực tiếp các phán quyết của Tòa án theo EVFTA.

Chúng tôi kiến nghị Việt Nam thực hiện các biện pháp để cải thiện tình hình thực thi và tuân thủ Công ước New York. Chúng tôi cũng đề xuất Việt Nam nên cho phép thi hành các phán quyết của Tòa án thường trực như thể đó là phán quyết cuối cùng của các tòa án ngay khi giai đoạn năm năm theo EVFTA hết hạn và Việt Nam không cần gửi đơn xin gia hạn thêm lên Ủy ban Chính sách Thương mại.

II. CÁC NGÀNH KHÁC

(A). THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản (FAABS) tin rằng Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu – Việt Nam (EVFTA) mang lại những cơ hội tuyệt vời trong lĩnh vực mà chúng tôi đang quan tâm. Dưới đây chỉ là một vài vấn đề mà FAABS tin tưởng rằng có thể được cải thiện nếu EVFTA được thực thi hiệu quả. Rất nhiều vấn đề và kiến nghị mà FAABS đã và đang quan tâm đều được quy định cụ thể trong nội dung của EVFTA. Tuy nhiên có những vấn đề và kiến nghị khác, dù không được đề cập rõ ràng, cũng phù hợp và cần được nghiên cứu thêm và gián tiếp nằm trong phạm vi quy định của Hiệp định.

Những năm gần đây, FAABS dồn mọi nỗ lực vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngành Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản ở Việt Nam. Tiểu ban hoạt động trên tất cả phương diện nhằm cải thiện an toàn thực phẩm cho con người và thức ăn cho vật nuôi thông qua cách tiếp cận theo chuỗi cung ứng. Nhiều công ty của Tiểu ban chúng tôi trong lĩnh vực này là các Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và có sự hợp tác chặt chẽ với các nhà sản xuất tại địa phương, do đó, chúng tôi đang hướng đến việc tạo ra sân chơi bình đẳng cho tất cả các công ty nhỏ, lớn, trong nước và quốc tế mà không phân biệt tư cách pháp nhân, quy mô hay quốc tịch. Các hội thảo với các hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam và các hội nghị chuyên đề tại các tỉnh thành đều phản ánh cách tiếp cận tổng thể này.

11 Điều 31, Mục 3 (Giải quyết Tranh chấp Đầu tư), Chương II (Đầu tư) trong “Thương mại dịch vụ, đầu tư và thương mại điện tử”. Xem tại: <<http://trade.ec.europa.eu/doclib/html/154224.htm>> ban hành vào tháng 1 năm 2016, truy cập lần cuối vào ngày 6 tháng 12 năm 2017.

Xét thấy Việt Nam có tiềm năng phát triển nhiều hơn nữa trong lĩnh vực này, nhưng lại dễ bị ảnh hưởng bởi hiện tượng nước biển dâng cao, nhiễm mặn, bão lớn và xói mòn đất, mục tiêu chính của chúng tôi là tham gia vào việc tạo nên một ngành Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản bền vững về lâu dài nhằm nâng cao hiệu quả cũng như khả năng chống chịu và thích ứng với khí hậu Việt Nam trong lĩnh vực này.

Với EVFTA, sản lượng xuất khẩu các sản phẩm của Việt Nam như hạt tiêu, cà phê, hải sản, hạt điều - một số mặt hàng chủ lực - chắc chắn sẽ tăng đáng kể. Tiêu chí an toàn của những thực phẩm được nhập khẩu vào châu Âu là rất quan trọng. Chúng tôi tin chắc rằng yêu cầu tuân thủ các tiêu chuẩn cao về vệ sinh và an toàn thực phẩm theo các quy định của Liên minh châu Âu (EU) cũng sẽ có tác động tích cực đối với thị trường nội địa Việt Nam. Cùng với người dân Việt Nam, nhiều công dân châu Âu đang làm việc tại Việt Nam cũng có thể tiếp cận nguồn thực phẩm an toàn trong các bữa ăn hàng ngày. FAABS tin rằng việc giải quyết những thách thức được đề cập dưới đây không chỉ là nền tảng thành công của EVFTA, mà còn là yếu tố quan trọng để đảm bảo khung hợp tác hỗ trợ thương mại sẽ có đầy đủ điều kiện để hướng đến nguồn thực phẩm, nguồn nước và nông sản an toàn hơn cho tất cả người dân Liên minh châu Âu (EU) và người dân Việt Nam.

1. Nâng cao năng lực trong thí nghiệm và kiểm soát chất lượng

Chúng tôi thường xuyên trao đổi với các cấp chính quyền địa phương, bao gồm Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản (NAFIQAD), cơ quan chịu trách nhiệm kiểm định chất lượng tại Việt Nam.¹² Nhờ có các nhà tài trợ như Liên minh châu Âu (EU) và Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO), các thiết bị thử nghiệm trong phòng thí nghiệm và kiểm soát chất lượng đã được trang bị với số lượng hợp lý. Tuy nhiên, các thiết bị lại không được sử dụng đúng cách do thiếu nhân lực có đủ trình độ am hiểu kiến thức mới và thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các đối tượng liên quan. Do đó, chúng tôi đề xuất cần có những hỗ trợ thiết thực để cải thiện năng lực, ví dụ như các hoạt động đào tạo nghề để đảm bảo việc thử nghiệm tại các phòng thí nghiệm và kiểm soát chất lượng được thực hiện và cung cấp các kết quả đáng tin cậy.

Với các hướng dẫn và quy tắc vừa được áp dụng (cuối tháng 6 năm 2017) liên quan đến nông nghiệp hữu cơ tại Liên minh châu Âu (EU), việc kiểm soát nhập khẩu sản phẩm hữu cơ cũng sẽ nghiêm ngặt hơn. Cụ thể là các cơ quan kiểm soát tư nhân tại các nước ngoài Liên minh châu Âu (EU) chịu trách nhiệm xác nhận sản phẩm hữu cơ cũng phải tuân thủ các tiêu chuẩn của Liên minh châu Âu (EU) khi quyết định liệu một sản phẩm được xuất khẩu sang thị trường châu Âu có phải là sản phẩm hữu cơ hay không. Đây chắc chắn là thị trường tăng trưởng hấp dẫn, nhưng cả cơ quan chính quyền và nhà sản xuất Việt Nam đều thiếu chuyên môn để thực hiện và kiểm soát các quy tắc này. Các quy tắc này vốn đóng vai trò quan trọng đối với niềm tin của người tiêu dùng khi họ đang phải trả giá cao hơn để mua các sản phẩm hữu cơ.

2. Thủ tục thông quan

Việt Nam, tương tự như các quốc gia khác, phải kiểm soát hàng nhập khẩu. Tuy nhiên quy trình này không nên là biện pháp hao tổn cả về thời gian và chi phí cho các doanh nghiệp. Nhiều công ty kinh doanh thực phẩm châu Âu (cũng như mặt hàng rượu vang và rượu mạnh) tuân thủ các tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng của châu Âu nhưng vẫn gặp phải những thách thức lớn về thủ tục hành chính, đối mặt với chậm trễ và chi phí phát sinh đối với hàng nhập khẩu thường xuyên cũng như mẫu sản phẩm nhập khẩu đặc biệt cho các hội chợ thương mại quảng bá tại Việt Nam. Trên tinh thần của EVFTA, FAABS kiến nghị cần đơn giản hóa các thủ tục thông quan đối với các sản phẩm nhập khẩu từ EU càng sớm càng tốt (thậm chí trước khi EVFTA được phê chuẩn). Việc áp dụng thủ tục khiếu nại hoặc thành lập một cơ quan để đệ trình các khiếu nại nếu vi phạm các quy tắc này sẽ đảm bảo cho thực thi các thủ tục thông quan hải quan đã được đơn giản hóa theo EVFTA. Ngoài ra, việc này cũng hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ của châu Âu tự tin hơn khi khai thác thị trường tiêu dùng đang phát triển của Việt Nam.

3. Phân loại lại mã HS

Chúng tôi mong muốn rằng việc công nhận các loại mã hải quan áp dụng tại khu vực Liên minh châu Âu sẽ là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hiện EVFTA. Nhiều công ty đã chịu ảnh hưởng của việc đánh giá lại mã HS, thậm chí sau hơn 10 năm nhập khẩu một mặt hàng theo một mã HS. Hải quan Việt Nam và Hải quan Liên minh châu Âu có thể được triển khai một chương trình hợp tác để chia sẻ thêm kinh nghiệm trong vấn đề này.

¹² Đây là tổ chức hỗ trợ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện việc quản lý nhà nước về chất lượng và an toàn đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên phạm vi cả nước. Thông tin thêm về NAFIQAD, vui lòng xem tại: <<http://nafiqad.gov.vn/en-us/enhome.aspx>> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 8 năm 2017.

4. Đăng ký sản phẩm

Ngoài sự kéo dài, tính phức tạp, tính không ổn định trong các quy tắc thì các thủ tục đăng ký thường khiến việc áp dụng các chỉ thị và các hoạt động theo dõi sản phẩm tương ứng không được thực hiện và giám sát một cách rõ ràng. Điều này trì hoãn đáng kể việc cung cấp các sản phẩm mới phát minh tại Việt Nam. Chúng tôi muốn đề xuất việc đơn giản hóa và minh bạch hóa các quy trình, đặc biệt là trong các công ty đã có thâm niên hoạt động tại Việt Nam lâu dài. Sản phẩm bắt nguồn từ các quốc gia được công nhận vì bí quyết và mức độ khắt khe về an toàn thực phẩm cần phải có những ưu đãi đặc biệt. Chúng tôi hy vọng rằng điều này sẽ được hiện thực hóa trong EVFTA.

Sổ tay Hướng dẫn về Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu – Việt Nam do Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam soạn thảo có giải thích khái niệm châu Âu là một thực thể thống nhất: “Mục đích của Chương 77 là thiết lập một thủ tục riêng, minh bạch để phê duyệt hoạt động xuất khẩu thực phẩm từ Liên minh châu Âu vào Việt Nam”. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý và ủng hộ điều này vì các đơn hàng xuất khẩu từ Liên minh châu Âu sẽ được phê duyệt nhanh chóng và tránh bị phân biệt đối xử. Khu vực hoá cũng đóng vai trò quan trọng vì các biện pháp hạn chế thương mại sẽ chỉ áp dụng cho (các) khu vực bị ảnh hưởng bởi bệnh dịch trong khi các khu vực không bị ảnh hưởng còn lại của quốc gia vẫn có thể tiếp tục xuất khẩu. Cuối cùng, nguyên tắc tự động cho phép nhập khẩu đối với một số hàng hóa sẽ tạo điều kiện đẩy nhanh nhập khẩu vì không yêu cầu kiểm tra trước đối với từng cơ sở xuất khẩu riêng lẻ.

Nguyên tắc tự động cho phép nhập khẩu tức là một khi Việt Nam đã phê duyệt một nhóm thực phẩm được nhập khẩu từ Liên minh châu Âu và tin tưởng vào năng lực của các cơ quan có thẩm quyền tại các Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu trong việc kiểm soát tuân thủ các yêu cầu của Liên minh châu Âu về an toàn thực phẩm, hàng nhập khẩu từ tất cả các cơ sở của quốc gia đó sẽ tự động được phê duyệt. Điều này không có nghĩa là Việt Nam từ chối quyền kiểm soát, việc kiểm tra an toàn thực phẩm. Nếu có nghi ngờ một doanh nghiệp vi phạm về an toàn thực phẩm, Việt Nam vẫn có thể tiến hành thanh tra. Tuy nhiên, theo quy định EVFTA, Việt Nam sẽ phải chịu toàn bộ chi phí thanh tra. Chúng tôi cũng tin rằng việc thành lập Ủy ban Kiểm dịch Động Thực vật (SPS) theo cam kết trong EVFTA sẽ giúp giải quyết một số vấn đề hiện nay từ bộ phận chịu trách nhiệm của ba Bộ ngành liên quan.

Xin lưu ý rằng các vấn đề nêu trên sẽ ảnh hưởng đến vị thế xuất và nhập khẩu của Việt Nam khi EVFTA bắt đầu có hiệu lực. Điều này ảnh hưởng đặc biệt đến an toàn thực phẩm, việc đa dạng hóa, sản xuất sản phẩm chất lượng cao, tính hiện đại hóa và phát triển bền vững của ngành nông nghiệp.

5. Biện pháp Kiểm dịch Động thực vật

Về lĩnh vực Kiểm dịch Động Thực vật (SPS), Chương 775 của EVFTA về các biện pháp SPS quy định rằng mục tiêu của chương này là loại bỏ các biện pháp SPS đang được áp dụng nhưng gây ra những trở ngại bất hợp lý đối trong thương mại. Một mục tiêu khác là khuyến khích các bên việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn và kiến nghị quốc tế cũng như quảng bá việc thực thi các tiêu chuẩn đó. Chương này cũng đề cập đến Hiệp định SPS của WTO. Chúng tôi muốn lưu ý một số nguyên tắc quan trọng liên quan đến SPS, đó là: Liên minh châu Âu là một thực thể thống nhất, được khu vực hóa (khoanh vùng dịch bệnh) và tự động cho phép nhập khẩu.

Xin lưu ý rằng các vấn đề được mô tả ở trên sẽ ảnh hưởng đến vị thế xuất nhập khẩu của Việt Nam khi EVFTA được phê duyệt trong năm 2018. Việt Nam cần bắt tay vào việc chuẩn bị thực hiện các quy định nêu ra trong chương Kiểm dịch Động Thực vật nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ tại thời điểm EVFTA bắt đầu có hiệu lực.

Trước hết, Việt Nam cần thực thi nguyên tắc thực thể thống nhất thông qua một thủ tục một chiều, có tính dự đoán và minh bạch đối với tất cả hàng nhập khẩu từ Liên minh châu Âu, trong đó xác định rõ các yêu cầu nhập khẩu chung cho tất cả các Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu và khung thời gian rõ ràng. Điều này đảm bảo rằng các yêu cầu phê duyệt đối với các sản phẩm của Liên minh châu Âu đang bị trì hoãn sẽ được thông quan nhanh chóng và không bị cản trở bởi những thủ tục phức tạp như hiện nay. Đơn xin phê duyệt từ các Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu sẽ được xử lý bởi Liên minh châu Âu và không yêu cầu phải xử lý hai chiều.

Việt Nam cần phải hoàn toàn đảm bảo tính minh bạch về các yêu cầu và thủ tục nhập khẩu của mình và tìm giải pháp đối với vấn đề nguồn năng lực còn hạn chế và bị quá tải. Trong bối cảnh này, Việt Nam nên đơn giản hoá việc thiết lập thể chế hoặc các thủ tục thực thi trong khuôn khổ quyền hạn của mình để xác định mức độ bảo vệ phù hợp.

Việt Nam phải xây dựng một hệ thống nhằm tạo dựng niềm tin vào hệ thống kiểm soát của Bên xuất khẩu (các Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu) dựa trên đánh giá rủi ro, bằng cách thực hiện các chuyển thanh tra đối với Bên xuất khẩu (kiểm tra số lượng đại diện của các cơ sở xuất khẩu) và/hoặc bằng cách yêu cầu cung cấp thông tin đối với Bên xuất khẩu cũng như đảm bảo rằng Việt Nam sẽ chịu toàn bộ chi phí kiểm tra liên quan.

Việt Nam cũng cần phải đưa ra thủ tục để phê duyệt danh sách các doanh nghiệp của Liên minh châu Âu được tự động cho phép nhập khẩu. Yêu cầu phê duyệt do Bên xuất khẩu nộp trong vòng 45 ngày làm việc (có thể gia hạn đến 30 ngày) mà không cần kiểm tra trước từng doanh nghiệp và thông báo giải thích lý do kịp thời trong trường hợp từ chối.

Cuối cùng, Việt Nam sẽ cần chấp nhận khái niệm khu vực hoá sao cho các biện pháp hạn chế thương mại chỉ được áp dụng cho khu vực bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh trên lãnh thổ của một Quốc gia Thành viên EU. Thông tin từ các cơ quan có thẩm quyền tại các Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu về tình trạng sâu bệnh hại thực vật và dịch bệnh động vật (bao gồm cả thông tin về các khu vực không bị ảnh hưởng hoặc các khu vực bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh) phải được Việt Nam chấp thuận. Việc này nhằm áp dụng các hạn chế nhập khẩu liên quan chỉ đối với khu vực bị ảnh hưởng bởi tình trạng sâu bệnh hoặc dịch bệnh, không áp dụng cho toàn bộ quốc gia liên quan hoặc toàn khu vực Liên minh châu Âu. Phương pháp tiếp cận này dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro và tỷ lệ rủi ro, cho phép nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật, thực vật và sản phẩm thực vật vào Việt Nam từ các vùng, khu vực hoặc các khu đã được Việt Nam ghi nhận, chấp thuận là không có dịch bệnh hoặc không có côn trùng gây hại.

Cơ sở pháp lý của những điều chỉnh này là: các yêu cầu về sức khỏe của vật nuôi và cây trồng, yêu cầu về độ an toàn của thức ăn dành cho vật nuôi và con người được xác định theo mức độ tiêu chuẩn của Liên minh châu Âu. Các Quốc gia Thành viên sản xuất và xuất khẩu tuân theo những tiêu chuẩn và mức kiểm soát giống nhau của Liên minh châu Âu (Điều 12, Quy định 178/2002 của Ủy ban châu Âu về Thực phẩm).¹³ Do đó, Việt Nam nên thiết lập các điều kiện nhập khẩu chung dành cho tất cả các Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu và đảm bảo đối xử bình đẳng đối với các sản phẩm nhập khẩu được sản xuất dưới những điều kiện tương tự hoặc tương đương từ 28 Quốc gia Thành viên. Trường hợp xuất khẩu sang Liên minh châu Âu, Việt Nam có quyền tiếp cận thị trường của Liên minh châu Âu với các yêu cầu nhập khẩu tương tự.

(B). TĂNG TRƯỞNG XANH

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham (GGSC) ủng hộ năng lượng tái tạo, tạo ra một thị trường năng lượng hiệu quả và bền vững, xây dựng các công trình bền vững, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường. Những chủ đề này đều được đề cập trong Chương 14 và 15 của EVFTA.¹⁴

Để chuẩn bị tốt cho việc thực thi EVFTA dự kiến được phê duyệt trong năm 2018, Chính phủ cần nâng cao nhận thức của các cơ quan chính quyền và toàn xã hội về các vấn đề liên quan đến các kiến nghị sau đây của GGSC.

Điều 1, Chương 14 của EVFTA quy định rằng: “Khi Hiệp định này được áp dụng, các Bên phải hợp tác hướng đến việc loại bỏ hoặc giảm thiểu các rào cản phi thuế quan cũng như tăng cường hợp tác, xem xét các tiêu chuẩn phù hợp trong khu vực và quốc tế”. Chúng tôi kiến nghị Chính phủ loại bỏ các rào cản phi thuế quan và tăng cường hợp tác theo các cam kết EVFTA.

Chúng tôi kiến nghị Chính phủ, Quốc hội đề xuất, ban hành một khung pháp lý rõ ràng và thiết thực để tạo thuận lợi và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo. Các nguyên tắc chung liên quan đến năng lượng tái tạo nằm trong EVFTA cần được đưa ra trong một bộ Luật Năng lượng Tái tạo mới và toàn diện (ví dụ, bao gồm định nghĩa về “năng lượng tái tạo” theo Điều 2(f), Chương 14, EVFTA). Bộ luật mới này cần thay thế những quy định chồng chéo và mâu thuẫn hiện đang nằm rải rác trong một số bộ luật và trong rất nhiều văn bản hướng dẫn.

¹³ Quy định 178/2002 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 28 tháng 1 năm 2002 quy định của Nghị Viện và Hội đồng Châu Âu thiết lập các nguyên tắc và yêu cầu chung của hệ thống pháp luật thực phẩm, thành lập Cơ quan thẩm quyền Châu Âu về An toàn Thực phẩm, và qui định những thủ tục liên quan đến an toàn thực phẩm. Xem tại: <<http://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=OJ:L:2002:031:0001:0024:en:PDF>> truy cập lần cuối ngày 26 tháng 2 năm 2018.

¹⁴ Văn bản thỏa thuận vào tháng 1 năm 2016 theo Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu – Việt Nam. Xem tại: <<http://trade.ec.europa.eu/doclib/press/index.cfm?id=1437>>, truy cập lần cuối vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

Điều 4(1)(e), Chương 14, EVFTA quy định: “Mỗi Bên phải bảo đảm tính minh bạch của các điều khoản, điều kiện và thủ tục liên quan đến việc kết nối và tiếp cận hệ thống lưới truyền tải điện và không phân biệt đối xử đối với các nhà cung cấp của Bên còn lại.” Chúng tôi kiến nghị Chính phủ thông qua một lộ trình nhanh hơn cho việc triển khai thị trường bán buôn cạnh tranh (CWM). Việc này sẽ giúp các nhà cung cấp từ các Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu có thể tham gia vào thị trường. Lĩnh vực năng lượng tái tạo cần được bao gồm trong CWM và được hưởng các ưu đãi tương đương hoặc thậm chí cao hơn so với các nguyên liệu khác như than đá, khí đốt và dầu.

Điều 15, Chương 15, EVFTA: “Các Bên phải thành lập một Ủy ban Chuyên trách về Thương mại và Phát triển Bền vững. Ủy ban này bao gồm các quan chức cấp cao đến từ các cơ quan hành chính chuyên ngành liên quan của mỗi Bên hoặc các quan chức được chỉ định bởi các cơ quan này. [...] Mỗi Bên phải thành lập một tổ chức mới hoặc tham vấn (các) tổ chức đang hoạt động, tư vấn trong nước về phát triển bền vững để cùng thực hiện Chương này.”

Chúng tôi đề xuất thiết lập thể chế phù hợp và có cơ chế giám sát việc thực hiện các cam kết của EVFTA bằng cách chỉ định một “cơ quan có thẩm quyền cấp cao” của Chính phủ Việt Nam nhằm quản lý, giám sát các hoạt động đầu tư liên quan đến phát triển bền vững (ví dụ nhà cung cấp năng lượng tái tạo và các vấn đề liên quan đến người mua dịch vụ). Cơ quan độc lập này sẽ chịu trách nhiệm điều phối các quyết định và quá trình thực hiện giữa các bộ ngành và đối tác của Liên minh châu Âu. Điều này giúp đảm bảo các thủ tục được thực hiện một cách khách quan, minh bạch, không chuyên quyền, không phân biệt đối xử và giúp nâng cao năng lực trên thị trường năng lượng tái tạo. Hơn nữa, các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài được quyền trực tiếp khiếu nại các quyết định của chính quyền địa phương đến cơ quan có thẩm quyền cấp cao này. Cơ quan này có quyền bãi bỏ các quyết định của chính quyền địa phương. GGSC thuộc EuroCham rất sẵn sàng hợp tác, hỗ trợ và tham gia vào công tác của cơ quan mới này.

Điều 2.2, Chương 16, EVFTA tuyên bố rằng “để đạt được các mục tiêu đưa ra tại Điều 1, các Bên đặc biệt lưu ý phối hợp lẫn nhau trong các lĩnh vực sau: [...] (e) Phát triển bền vững, nhất là trong phạm vi về môi trường và lao động”. Chính phủ cần đưa ra các hoạt động để nâng cao năng lực và đồng tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề giữa Bộ Công Thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) và các cơ quan chính phủ của Việt Nam liên quan với Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham. EuroCham mong muốn trao đổi thông tin ở các cấp khác, chẳng hạn như hỗ trợ cung cấp các nghiên cứu và khảo sát của nhà đầu tư về năng lượng tái tạo và tổ chức các cuộc họp trực tiếp với các cơ quan Chính phủ và cơ quan quản lý của Việt Nam.

(C). Y TẾ

1. Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế (IQGx)¹⁵

Các thành viên của Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế (IQGx) đánh giá cao cơ hội chia sẻ ý kiến phân tích của chúng tôi về Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu – Việt Nam (EVFTA). Các công ty thành viên của IQGx hỗ trợ các mục tiêu hiện tại được đưa ra trong hiệp định theo phụ lục “sản phẩm dược phẩm và thiết bị y tế”,¹⁶ mà cụ thể là các điều khoản liên quan đến tiêu chuẩn quốc tế và tính minh bạch.¹⁷

¹⁵ Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế là một thành viên thuộc Diễn đàn Y tế của EuroCham, diễn đàn dành cho các Tiểu ban Ngành nghề hoạt động trong lĩnh vực y tế - hiện gồm ba thành viên: Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế (IQGx), Tiểu ban Trang Thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDD SC) và Tiểu ban Dược phẩm (Pharma Group). Diễn đàn Y tế tạo điều kiện cho các công ty trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe thảo luận, chia sẻ và thúc đẩy những quan điểm và chủ đề chung. Với bản chất đa dạng, Diễn đàn Y tế đại diện cho các lợi ích khác nhau của những công ty trong ngành. Toàn bộ các Tiểu ban Ngành nghề thuộc Diễn đàn Y tế đều nhận được sự hỗ trợ công bằng từ phía EuroCham.

¹⁶ Phụ lục 2-a: Sản phẩm dược phẩm và thiết bị y tế, EVFTA, văn bản công bố vào tháng 1 năm 2016. Xem tại: <http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2016/february/tradoc_154197.pdf> truy cập lần cuối vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

¹⁷ Điều 2 và Điều 3, Phụ lục 2-a: Sản phẩm dược phẩm và thiết bị y tế, văn bản EVFTA công bố vào tháng 1 năm 2016. Xem tại: <http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2016/february/tradoc_154197.pdf> truy cập lần cuối vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

Dưới đây là vấn đề chính đối với toàn bộ thành viên của IQGx kèm theo các kiến nghị của chúng tôi:

Mua sắm Chính phủ

Nội dung liên quan trong EVFTA

Điều IV Nguyên tắc chung về Đối xử quốc gia và Không Phân biệt Đối xử:

1. Đối với bất kỳ biện pháp nào liên quan đến mua sắm được bảo đảm, mỗi Bên, bao gồm các tổ chức mời thầu của mình, chấp thuận ngay lập tức và vô điều kiện đối với các hàng hóa và dịch vụ của Bên còn lại và các nhà cung cấp của Bên còn lại chào bán hàng hóa hoặc dịch vụ của hai Bên theo cách không kém thuận lợi hơn việc đối xử mà mình, bao gồm các tổ chức mời thầu của mình, hài hòa hàng hóa, dịch vụ của nhà cung cấp nội địa;

2. Đối với bất kỳ biện pháp nào liên quan đến mua sắm được bảo đảm, một Bên, bao gồm 7 tổ chức mời thầu của mình, sẽ không được:

(a) đối xử đối với nhà cung cấp nội địa này một cách kém thuận lợi hơn so với nhà cung cấp nội địa khác trên cơ sở mức độ liên kết hoặc sở hữu cổ yếu tố nước ngoài; hoặc

(b) phân biệt đối xử đối với một nhà cung cấp nội địa dựa trên việc hàng hóa hoặc dịch vụ được chào bán bởi nhà cung cấp đó đối với một gói thầu cụ thể là hàng hóa hoặc dịch vụ của Bên còn lại;

Quy định pháp luật Việt Nam hiện hành

Chính phủ đã đưa ra những cải cách nhằm cải thiện quy trình mua sắm thuốc và đảm bảo rằng các quỹ Nhà nước được chi tiêu hiệu quả. Thông qua nhiều sửa đổi được đưa ra trong những năm gần đây, quá trình này đã được cải thiện ở nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, vẫn còn có những vấn đề tồn đọng cần được cải tiến.

Theo Thông tư 11/2016/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 11 tháng 5 năm 2016 về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập (Thông tư 11), các sản phẩm được phân thành các nhóm khác nhau dựa trên chứng chỉ Thực hành Tốt Sản xuất Thuốc (GMP) như một tiêu chí chính để giúp phân biệt chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu của Chính phủ nhằm đưa nâng cao kết quả điều trị bệnh nhân và tăng cường hiệu quả ngân sách, cần phải bổ sung thêm các thông số trong đánh giá, như Tiêu chí Nghiêm ngặt về Tương đương Sinh học, Giá trị Sử dụng (Tuân thủ Điều trị và Duy trì Điều trị), các Chỉ tiêu Lâm sàng và Chi phí Thuốc Phát sinh.

Một vấn đề tiềm ẩn khác trong quá trình mua sắm của Chính phủ liên quan đến việc phân nhóm sản phẩm đơn giản dựa trên địa điểm sản xuất theo dự thảo Thông tư đang trong giai đoạn soạn thảo. Việc phân loại các sản phẩm dựa theo quốc gia sản xuất có thể dẫn đến đánh giá không công bằng hoặc thiếu đánh giá đối với cho nhóm thuốc generic chất lượng cao.

Để tránh bất kỳ hình thức phân biệt đối xử nào giữa (các) sản phẩm của nhà cung cấp địa phương với các nhà cung cấp địa phương khác về chất lượng dựa trên cam kết của EVFTA về Đối xử Quốc gia và Không Phân biệt Đối xử, Tiểu ban IQGx kiến nghị Chính phủ xem xét quá trình hiện tại bằng cách phân tích dữ liệu và thông tin sẵn có để xác định những lỗ hổng tiềm ẩn. Các lĩnh vực cụ thể cần được xem xét lại là quy trình phân loại dược phẩm và tính minh bạch của quy trình này.

Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế tin rằng quy trình phân loại sản phẩm hiện nay có thể không mang lại giá trị thực tế như đã được hoạch định bởi Chính phủ. Do đó, chúng tôi kiến nghị các sản phẩm này nên được đánh giá trên cơ sở giá trị của chính sản phẩm và tổng giá trị thông qua việc áp dụng quy trình Phân tích Đánh giá Đa tiêu chí (MCDA). Quy trình này cần được áp dụng bất kể thuộc nhóm sản phẩm nào, dược phẩm gốc hoặc dược phẩm generic cũng như bất kể nguồn gốc xuất xứ, miễn là những sản phẩm này tuân thủ quy trình đăng ký thuốc.

2. Pharma Group

Pharma Group (PG)¹⁸ - Nhóm Các nhà Sản xuất Dược phẩm Nước ngoài dựa trên Nền tảng Nghiên cứu Hoạt động tại Việt Nam - đại diện cho tiếng nói của ngành dược phẩm phát minh tại Việt Nam. PG và 26 công ty thành viên của chúng tôi có sứ mệnh chung là hợp tác với Chính phủ Việt Nam nhằm đảm bảo người dân Việt Nam được tiếp cận với các loại thuốc có chất lượng cao, an toàn và mới phát minh một cách nhanh chóng và bền vững.

Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) đem lại nhiều lợi ích cho cả bệnh nhân, Chính phủ và ngành dược phẩm tại Việt Nam. Một số cam kết của Chính phủ Việt Nam trong EVFTA dường như hướng đến mục tiêu xa hơn, không chỉ nâng cao khả năng tiếp cận của bệnh nhân đối với các loại thuốc phát minh, mà còn tạo ra khung pháp lý vững chắc hơn cho hoạt động của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

Cụ thể là, bệnh nhân Việt Nam có thể tiếp cận nhanh hơn và bền vững hơn đến các loại thuốc mới phát minh với việc dỡ bỏ yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước và cắt giảm các thủ tục hành chính. Đồng thời, các công ty nước ngoài tiếp cận dần dần đến hoạt động mua sắm chính phủ – kênh tiêu thụ 60% thuốc trên thị trường Việt Nam - thông qua đấu thầu cạnh tranh, tăng tiếp cận của bệnh nhân Việt Nam đến các loại thuốc phát minh chất lượng cao và cứu tính mạng con người.

Ngoài ra, cam kết của Việt Nam trong WTO về việc cho phép các công ty dược phẩm nước ngoài có quyền thành lập Doanh nghiệp có Vốn đầu tư Nước ngoài với các quyền liên quan – vốn nên được thực thi từ năm 2009 – có vai trò cực kỳ quan trọng nhằm tạo ra khuôn khổ pháp lý rõ ràng cho các công ty thành lập pháp nhân tại thị trường Việt Nam. Cam kết trong EVFTA thậm chí còn chặt chẽ hơn khi yêu cầu thêm các quyền bổ sung (bao gồm cả quyền cung cấp thông tin y tế) của các công ty dược phẩm.

Tuy nhiên, thách thức lại đang nằm ở giai đoạn thực thi. Nghị định 54 hướng dẫn thi hành Luật Dược có hiệu lực vào ngày 1 tháng 7 năm 2017 có nội dung chưa phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong EVFTA. Đáng chú ý nhất là Nghị định này dường như đã cho phép thành lập cơ sở nhập khẩu thuốc nhưng hoạt động của cơ sở này bị giới hạn đáng kể, do Nghị định mở rộng định nghĩa về phân phối so với định nghĩa của Liên Hợp Quốc. Điều này khiến việc thành lập pháp nhân (FIE có quyền nhập khẩu nhưng không được thực hiện quyền phân phối) trở nên khó khăn hơn. Chúng tôi ý thức việc Việt Nam bảo lưu quyền phân phối cho công ty 100% vốn trong nước, thuộc phạm vi định nghĩa trong WTO và các FTA liên quan. Tuy nhiên, khi mở rộng định nghĩa “phân phối”, các FIE cung cấp dịch vụ kho bãi và vận chuyển đã và đang hoạt động tại Việt Nam trong hơn 20 năm qua có thể bị buộc phải ngừng hoạt động tại Việt Nam. Kết quả là các công ty dược phẩm đa quốc gia gặp khó khăn trong việc tìm được đối tác đáp ứng yêu cầu về chất lượng và tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế, dẫn đến nhiều thách thức trong việc duy trì nguồn cung thuốc liên tục và đảm bảo chất lượng thuốc.

Do đó, PG và các công ty thành viên mong muốn bày tỏ quan ngại sâu sắc về vấn đề nêu trên. Ngoài ra, với số lượng đáng kể các quy phạm pháp luật đang được soạn thảo, bao gồm Thông tư về Đấu thầu (điều chỉnh hoạt động mua sắm công đối với thuốc) và các thông tư liên quan đến Thử thuốc trên Lâm sàng, Thực hành Tốt Bảo quản thuốc (GSP) và các hoạt động khác mà tất cả những quy định này đều cần hoàn tất trong năm nay, chưa rõ là những chuyển biến tích cực như kỳ vọng trong Luật Dược mới và trong EVFTA có thể trở thành hiện thực.

Pharma Group cam kết hợp tác hỗ trợ Việt Nam trở thành đối tác thương mại vững mạnh của EU, xây dựng trên mục tiêu bao quát nhằm phát triển ngành y tế và dược phẩm chất lượng cao, lấy bệnh nhân làm trung tâm.

Các cam kết EVFTA và cơ hội mang lại lợi ích cho tất cả các bên

Trong vòng 3-6 tháng tới, Việt Nam sẽ hoàn thiện khung pháp lý theo Luật Dược mới (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017) và có hội để sửa đổi quy phạm pháp luật dựa trên các cam kết quốc tế. Bảng dưới đây cung cấp cái nhìn tổng quát về cam kết của Việt Nam trong EVFTA cũng như thực tế các văn bản pháp luật liên quan của Việt Nam đang đề cập đến các cam kết đó.

¹⁸ Pharma Group là một thành viên thuộc Diễn đàn Y tế của EuroCham, diễn đàn dành cho các Tiểu ban Ngành nghề hoạt động trong lĩnh vực y tế - hiện gồm ba thành viên: Tiểu ban Thuốc Generics Chất lượng Quốc tế (IQGx), Tiểu ban Trang Thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDD SC) và Tiểu ban Dược phẩm (Pharma Group). Diễn đàn Y tế tạo điều kiện cho các công ty trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe thảo luận, chia sẻ và thúc đẩy những quan điểm và chủ đề chung. Với bản chất đa dạng, Diễn đàn Y tế đại diện cho các lợi ích khác nhau của những công ty trong ngành. Toàn bộ các Tiểu ban Ngành nghề thuộc Diễn đàn Y tế đều nhận được sự hỗ trợ công bằng từ phía EuroCham.

	Tóm tắt các cam kết trong EVFTA	Đề cập trong quy phạm pháp luật của Việt Nam
Pháp nhân & Quyền	Doanh nghiệp được có thể thành lập pháp nhân để: › nhập khẩu › bán cho nhà phân phối hoặc bán buôn › tự xây dựng kho bãi (hoặc sử dụng dịch vụ của bên thứ ba) › cung cấp thông tin cho cán bộ y tế (CBYT) › tiến hành nghiên cứu/thử thuốc trên lâm sàng	Đề cập một phần , tuy nhiên cần làm rõ thêm (Luật Dược 105/2016/QH13 và Nghị định 54/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật Dược) và tồn tại một số trở ngại đáng kể cho FIE hiện tại và thành lập mới
Khả năng Tiếp cận Nhanh của Bệnh nhân	› Điều chỉnh quy phạm pháp luật hiện hành nhằm dỡ bỏ (i) yêu cầu về thời gian tối thiểu thuốc được cấp phép tại lãnh thổ EU, trước khi nộp đơn xin cấp giấy phép lưu hành tại Việt Nam, và (ii) bất kỳ yêu cầu bổ sung nào liên quan đến thử thuốc trên lâm sàng vượt khỏi những yêu cầu quy định trong thông lệ quốc tế (đặc biệt là hướng dẫn của ICH) để cấp giấy phép lưu hành dược phẩm (bao gồm thuốc, vắc xin, sinh phẩm).	Đề cập một phần - thử thuốc trên lâm sàng trong nước được miễn đối với thuốc và sinh phẩm, chưa miễn đối với vắc xin (Luật Dược 105/2016/QH13), cần làm rõ thêm trong Thông tư Đăng ký thuốc đang được sửa đổi.
Khả năng Tiếp cận Bền vững của Bệnh nhân: Mua sắm công & Chi trả bảo hiểm	Đối với mỗi năm dương lịch kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam có thể bảo lưu nghĩa vụ của Chương này với tỷ lệ phần trăm tương ứng trong giá trị hợp đồng sản phẩm dược phẩm như sau: Năm 1-2: 100% bảo lưu cho Việt Nam Năm 10-15: 60% bảo lưu cho Việt Nam Năm 3-9: 65% bảo lưu cho Việt Nam Năm 16 trở đi: 50% bảo lưu cho Việt Nam 34 bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế & Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh + Hà Nội (thêm hoạt động mua sắm trực tiếp của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng). Chương này không đề cập đến hoạt động mua sắm các dịch vụ phân phối sản phẩm dược phẩm, cấu thành hay là một phần trong hợp đồng mua sắm, hoặc có liên quan đến hợp đồng mua sắm. Trong trường hợp các dịch vụ này là một phần hoặc liên quan đến hợp đồng mua sắm, cơ sở cung cấp thẳng thuốc có quyền lựa chọn bất cứ cơ sở phân phối thuốc được cấp phép nào tại Việt Nam. Tính minh bạch › Các quyết định từ chối cần đưa ra lý do từ chối dựa trên tiêu chí khách quan và có thể kiểm chứng, với đầy đủ thông tin chi tiết về cơ sở đưa ra quyết định. › Quy định về tính minh bạch trong định giá và bồi hoàn, tham khảo tiêu chuẩn và hướng dẫn quốc tế (WHO và OECD).	Chưa đề cập (Các Thông tư Đầu thầu ban hành năm 2016 hiện đang được sửa đổi; Thông tư 11/2016/TT-BYT, Thông tư 09/2016/TT-BYT và Thông tư 10/2016/TT-BYT)
Sở hữu Trí tuệ	› Bảo vệ dữ liệu cung cấp theo yêu cầu luật định (RDP): các doanh nghiệp nộp đơn đăng ký không được dựa vào dữ liệu đăng ký của doanh nghiệp khác trong một "giai đoạn hợp lý", được hiểu là "thường có nghĩa là dưới 5 năm kể từ ngày Bên đó được cấp" giấy phép lưu hành cho sản phẩm. › Tái khẳng định các nghĩa vụ theo Hiệp định Hợp tác Bản quyền (PCT) và đơn giản hóa cũng như xây dựng thủ tục đăng ký bản quyền áp dụng Hiệp định Hợp tác Bản quyền làm căn cứ tham chiếu. › Một hệ thống khôi phục thời hạn bản quyền cho giai đoạn tối đa hai năm. › Hàng năm sẽ thành lập Ủy ban chuyên trách về Quyền Sở hữu Trí tuệ.	Chưa đề cập (Luật Dược 105/2016/QH13)

Pharma Group xin được trình bày những kiến nghị dưới đây với mục tiêu đảm bảo người dân Việt Nam được tiếp cận nhanh chóng và bền vững với dược phẩm phát minh chất lượng cao và an toàn, và thông qua đó hỗ trợ Việt Nam phát triển ngành y tế chất lượng cao, lấy người bệnh làm trung tâm.

Tóm tắt các kiến nghị của Pharma Group

1. Quyền thành lập pháp nhân với tất cả các quyền liên quan

Các quyền dành cho nhà đầu tư nước ngoài theo như cam kết của Việt Nam trong WTO và tái khẳng định qua cam kết của Việt Nam trong EVFTA vẫn chưa được thực thi đầy đủ và toàn diện. Các quyền này bao gồm quyền thành lập pháp nhân có thể thực hiện, hoặc ký kết hợp đồng với bên thứ ba để thực hiện, tất cả các hoạt động được phép theo cam kết quốc tế, bao gồm nhập khẩu nhưng không bao gồm phân phối. Nghị định 54/2017/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Dược vừa được ban hành và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 (Nghị định 54) cuối cùng cũng cho phép nhập khẩu, nhưng cơ sở nhập khẩu bị hạn chế trong nhiều hoạt động, tạo ra mô hình FIE không hoàn chỉnh và gây ra nguy cơ trong việc duy trì hoạt động của các doanh nghiệp hiện có.

Chúng tôi kính đề xuất Chính phủ cân nhắc và sửa đổi Nghị định 54 (cụ thể là Điều 32.2.b và Điều 91.10) để đảm bảo tuân thủ cam kết của EVFTA.

- **Thành lập Pháp nhân (FIE):** Để thành lập FIE, các công ty phải có Giấy Chứng nhận Đủ Điều kiện Kinh doanh (CSC) trong đó yêu cầu FIE thuê/tự xây dựng và vận hành kho bãi được cấp chứng nhận Thực hành Tốt Bảo quản Thuốc (GSP). Điều này gây ra rủi ro tiềm ẩn, theo đó, nhiều công ty cần phải tự xây kho bãi, dẫn đến giảm quy mô. PG kiến nghị cho phép các công ty được chọn hoặc xin cấp giấy chứng nhận GSP cho kho bãi của riêng công ty hoặc có thể dùng kho bãi đạt tiêu chuẩn GSP do bên thứ ba cung cấp (bao gồm FIE cung cấp dịch vụ hậu cần) để được cấp CSC.
- **Đối với các nhà đầu tư nước ngoài hiện tại được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ kho bãi và vận chuyển tại Việt Nam:** Nghị định mới định nghĩa lại khái niệm “phân phối”, vượt khỏi phạm vi được xác định trong WTO và Hệ thống Phân loại Sản phẩm Trung tâm Tạm thời của Liên Hợp Quốc, để bao gồm cả các hoạt động thông thường trong chuỗi cung ứng như dịch vụ kho bãi, vận chuyển và tiếp nhận đơn hàng và xem chúng là “hoạt động phân phối”. Do vậy, những hoạt động này được bảo lưu cho các doanh nghiệp trong nước, theo như quy định mới, và đi ngược lại mục tiêu đảm bảo chất lượng và an toàn dược phẩm theo yêu cầu toàn cầu. Vì vậy, (1) các FIE hiện tại đang hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kho bãi và vận chuyển có thể bị buộc phải ngừng kinh doanh, dẫn đến thất thoát hàng trăm triệu Euro và (2) các công ty dược phẩm đa quốc gia sẽ gặp khó khăn trong việc tìm được đối tác đủ năng lực và đảm bảo yêu cầu tuân thủ để việc cung ứng sản phẩm nhập khẩu, hoặc các công ty này bị buộc phải làm việc với doanh nghiệp trong nước. PG kiến nghị cho phép các nhà đầu tư nước ngoài duy trì các quyền hiện có, được công nhận hợp pháp tại thời điểm thương lượng nhằm đảm bảo tiếp tục hoạt động.
- **Văn phòng Đại diện (RO):** Hàng thập kỷ qua, hoạt động thông tin thuốc và Đào tạo Y khoa liên tục (CME) được xem là thông lệ chuẩn đối với trình dược viên do RO thuê. Hiện chưa có quy định rõ ràng về vấn đề này. PG kiến nghị cho phép RO có thể tiếp tục trực tiếp thuê trình dược viên cho các hoạt động nêu trên. Những tín hiệu chúng tôi đang nhận được không đi theo chiều hướng này, do đó, các công ty dược phẩm đa quốc gia có thể bị buộc phải sa thải một số lượng lớn trình dược viên, điều này thực sự làm tê liệt hoạt động cung cấp thông tin (đảm bảo an toàn) về thuốc.

2. Khả năng Tiếp cận Nhanh chóng của Bệnh nhân – Miễn tất cả yêu cầu Thử thuốc trên lâm sàng trong nước

EVFTA hiện đã dỡ bỏ các yêu cầu bổ sung liên quan đến nghiên cứu lâm sàng nằm ngoài phạm vi hướng dẫn của ICH đối với tất cả dược phẩm bao gồm thuốc, vắc-xin và sinh phẩm. Luật Dược cũng đi đầu trong việc xóa bỏ yêu cầu lưu hành 5 năm, cũng như yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước. Đây chính là bước tiến lớn trong việc tăng khả năng tiếp cận của bệnh nhân tới các dược phẩm phát minh chất lượng cao. Tuy nhiên, vắc-xin vẫn chưa được miễn thử thuốc trên lâm sàng trong nước. Hơn nữa, Việt Nam cản trở đưa ra những rào cản kỹ thuật mới, không phù hợp với EVFTA và các Hướng dẫn quốc tế (ICH và WHO). Các công ty trong ngành đã đóng góp ý kiến và kiến nghị nhằm tạo thuận lợi cho việc tiếp cận của bệnh nhân tới các dược phẩm mới phát minh. Do đó, việc đảm bảo rằng các quy định thực thi phải phù hợp với các cam kết EVFTA của Việt Nam, cụ thể thông qua việc miễn yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước đối với cả vắc xin, và đảm bảo sự hài hòa của các tiêu chuẩn với các yêu cầu của ASEAN và thế giới là cực kỳ quan trọng.

3. Các cơ chế triển khai và thực thi hiệu quả quyền Sở hữu Trí tuệ (SHTT) và bảo hộ dữ liệu

Do Việt Nam đang sửa đổi quy phạm pháp luật liên quan tới SHTT, Việt Nam cần đảm bảo tôn trọng các cam kết của Việt Nam trong EVFTA, bao gồm nhưng không giới hạn, áp dụng bảo hộ sáng chế, hệ thống thực thi mạnh mẽ, Tự động Bảo vệ dữ liệu cung cấp theo yêu cầu luật định (RDP), điều chỉnh thời hạn bản quyền đối với chậm trễ trong việc cấp Giấy phép Lưu hành, và bảo hộ sở hữu trí tuệ khác phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế nhằm tạo ra môi trường pháp lý để đoán định cho hoạt động đầu tư, thúc đẩy phát minh và giải quyết vấn đề sức khỏe nghiêm trọng do thuốc giả gây ra. Pharma Group kiến nghị nên cân nhắc đưa nội dung cam kết liên quan quy định trong EVFTA vào Thông tư Đăng ký thuốc và Luật Sở hữu Trí tuệ.

(D). NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

EVFTA có một chương quy định chặt chẽ và toàn diện về Thương mại và Phát triển Bền vững, nhằm giải quyết nhiều vấn đề bao gồm các vấn đề lao động liên quan đến quan hệ thương mại giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam. Mục tiêu là để thúc đẩy sự tương hỗ giữa thương mại, đầu tư và chính sách lao động cũng như để đảm bảo rằng các mối quan hệ gia tăng sẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi người lao động. Điều 3.2 của Chương về Thương mại và Phát triển Bền vững quy định mỗi Bên tái khẳng định các cam kết của mình về tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện có hiệu quả các nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản tại nơi làm việc, cụ thể là:

- (a) quyền tự do lập hội và thực thi hiệu quả việc công nhận quyền đàm phán tập thể;
- (b) xóa bỏ mọi hình thức lao động cưỡng ép hoặc bắt buộc;
- (c) xóa bỏ lao động trẻ em; và
- (d) chấm dứt phân biệt đối xử trong công việc và nghề nghiệp.

Các quyền này cần phải được bổ sung và phản ánh trong các quy định của Việt Nam, đặc biệt trong Luật Lao động, Luật Công đoàn và Quy chế của Công đoàn Việt Nam.

Về việc thành lập các công đoàn, theo Công ước ILO số 87 (Điều 2), người sử dụng lao động và người lao động đều có quyền tự do thành lập và tham gia các đoàn thể theo mong muốn. Theo luật Việt Nam, người lao động có thể thành lập, tham gia và vận hành các công đoàn. Tuy nhiên, trình tự và các thủ tục thành lập, gia nhập và vận hành phải tuân theo Quy chế của Công đoàn Việt Nam.

Theo Công ước ILO số 87 (Điều 2), các tổ chức của người lao động có quyền tạo lập những quy tắc riêng và phải tuân thủ các quy tắc đó. Người lao động cũng có quyền thiết lập các quy trình hành chính và các hoạt động/chương trình riêng. Ngoài ra, các tổ chức người lao động có quyền thành lập và gia nhập vào liên đoàn và liên minh. Tổ chức, liên đoàn hoặc liên minh này có thể liên kết với các tổ chức quốc tế của người lao động. Theo luật Việt Nam, các công đoàn được phép thành lập các liên đoàn và liên minh trong nước. Tuy nhiên, vẫn chưa có quy định cho việc liên kết với các tổ chức quốc tế đại diện của người lao động vì Việt Nam tuy đã ký Công ước số 87 của ILO nhưng vẫn chưa phê chuẩn công ước này. Do đó, Công ước số 87 cần được phê chuẩn càng sớm càng tốt.

Hơn nữa, Việt Nam cần triển khai các bước thích hợp để hợp nhất Công ước số 87 vào khuôn khổ pháp lý Việt Nam nhằm phản ánh đầy đủ quyền “tự do lập hội” theo các Công ước của ILO và cam kết EVFTA. Quá trình địa phương hóa đối với văn bản pháp luật cũng nên được bắt đầu, và tốt nhất là nên được hoàn thành vào năm 2020:

- a. Luật về công đoàn và các quy định thực hiện;
- b. Các điều luật liên quan đến công đoàn trong Luật Lao động và các quy định thực thi.

Về quyền đàm phán tập thể của người lao động, pháp luật Việt Nam có những quy định đầy đủ cho vấn đề này và phản ánh tốt Công ước của ILO. Cụ thể, người sử dụng lao động phải định kỳ tổ chức các cuộc đối thoại với người lao động tại nơi làm việc mỗi quý một lần, thảo luận các vấn đề liên quan đến việc làm. Người lao động cũng có quyền yêu cầu đàm phán tập thể tại bất kỳ thời điểm nào tùy theo mong muốn. Tuy nhiên, trên thực tế thì các quy định này vẫn chưa được tuân thủ đầy đủ. Do đó, Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện các quy định về đàm phán tập thể, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp xúc tiến và tạo điều kiện thuận lợi để đối thoại hiệu quả giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Về xóa bỏ lao động trẻ em, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước ILO về lao động trẻ em - Công ước Số 138 về tuổi lao động tối thiểu và Công ước số 182 xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Việt Nam cũng đã xác nhận các Mục tiêu Phát triển Bền vững, bao gồm Mục tiêu 8.7 về bãi bỏ lao động trẻ em dưới mọi hình thức vào năm 2025.

Ngoài ra, Việt Nam cũng cần phải phê duyệt Công ước ILO số 105 của ILO ngay khi có thể nhằm bãi bỏ tất cả các hình thức lao động cưỡng ép hoặc bắt buộc.

Về chống phân biệt đối xử, pháp luật Việt Nam chưa có quy định toàn diện về không phân biệt đối xử liên quan đến việc làm và nghề nghiệp. Một số quy định mang lại rất nhiều lợi ích đối với người lao động là phụ nữ, thiếu niên hoặc người già. Tuy nhiên, định nghĩa “phân biệt đối xử” trong pháp luật Việt Nam (Điều 8.1 của Luật Lao động) không bao gồm hết tất cả các mục được đề cập trong Công ước ILO Số 111 (Điều 1). Cụ thể là các hình thức như “quan điểm chính trị”, “chia tách quốc gia” và “bất kỳ sự phân biệt nào có tác động triệt bỏ hoặc làm phương hại sự bình đẳng về cơ hội hoặc về đối xử trong việc làm hoặc nghề nghiệp” được bao gồm trong định nghĩa “phân biệt đối xử” của ILO vẫn chưa được phản ánh trong các quy định của Việt Nam. Do đó, chúng tôi kiến nghị luật pháp Việt Nam cần được bổ sung các hình thức nêu trên như theo quy định Công ước ILO số 111.

Ngoài các cam kết về phê chuẩn công ước của ILO, Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) cũng bao gồm các cam kết nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm (Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp hay CSR) ở cấp doanh nghiệp, cả doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và nước ngoài.

Để đảm bảo Việt Nam có thể tuân thủ các cam kết theo FTA, chúng tôi xin kiến nghị những điều sau:

- Đưa ra kế hoạch hành động để phê chuẩn các Công ước cơ bản của ILO đang chờ ký kết với khung thời gian thực hiện cụ thể;
- Đảm bảo rằng việc sửa đổi Bộ luật Lao động hiện hành sẽ phù hợp với các cam kết EVFTA, đặc biệt là việc thành lập các tổ chức đại diện của người lao động độc lập (công đoàn độc lập);
- Làm việc với ILO để theo dõi và hỗ trợ thực hiện các cam kết FTA;
- Nâng cấp hệ thống thanh tra lao động để nâng cao khả năng thực hiện hiệu quả đối với các tiêu chuẩn lao động cốt lõi; và
- Nâng cao nhận thức về công tác Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp (CSR) theo Hướng dẫn của OECD cho các doanh nghiệp đa quốc gia.

Để thực thi hiệu quả EVFTA, Việt Nam cũng cần cải thiện môi trường làm việc của quốc gia này trong quá trình chuẩn bị và thực thi các quy định hiện hành (như trình bày chi tiết dưới đây) cũng như trong quá trình thông qua các bộ luật trong tương lai.

(E). NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ

Việt Nam cần tuân thủ các quy định về kiểm định của EVFTA đối với ngành công nghiệp ô tô như bên dưới:

1. Kiểm định xe nhập khẩu nguyên chiếc theo lô

Nội dung liên quan trong EVFTA

EVFTA/Yêu cầu kiểm định đối với xe bốn bánh/Chương 2: Nguyên tắc Đối xử Quốc gia và Tiếp cận Thị trường Hàng hóa/Phụ lục 2-b: Ô tô và Phụ tùng ô tô/Điều 2: Tiêu chuẩn Quốc tế

1. Các bên công nhận Quy định của Diễn đàn Thế giới về Quản lý Hải hòa Các Quy định về Phương tiện (WP.29) trong khuôn khổ Ủy ban Kinh tế châu Âu thuộc Liên hợp quốc (UNECE) là tiêu chuẩn quốc tế phù hợp với sản phẩm để cập trong Phụ lục này.

2. Việt Nam được khuyến khích ký kết Hiệp định về Chấp nhận Quy chuẩn kỹ thuật chung cho phương tiện có bánh, thiết bị và phụ tùng có thể được trang bị và/hoặc dùng trên phương tiện có bánh và Điều kiện công nhận lẫn nhau trong phê duyệt được cấp trên cơ sở các quy chuẩn này (Hiệp định 1958 của UNECE).
3. Các bên công nhận yêu cầu kỹ thuật trong Quy định của UNECE được xem là mức bảo vệ đủ để đảm bảo an toàn đường bộ hoặc thỏa mãn các tiêu chuẩn từng phần của Việt Nam trong hoạt động sản xuất phương tiện bốn bánh.

Điều 4.1: Tiếp cận thị trường

“Các Bên phải chấp nhận sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của Phụ lục này và cấp giấy chứng nhận kiểu loại UNECE hợp lệ là phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và thủ tục kiểm định hợp quy trong nước mà không yêu cầu kiểm định hoặc ký hiệu thêm để xác minh hoặc chứng nhận tuân thủ các yêu cầu trong các lĩnh vực quy định tại các Quy chuẩn UNECE.”

Nghị định 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 (Nghị định 116) đưa ra một số quy định mới đối với doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu ô tô và kinh doanh dịch vụ hậu mãi tại Việt Nam. Điều 6.2.a yêu cầu các nhà nhập khẩu xe nguyên chiếc phải thực hiện kiểm định (về phát thải và an toàn) với Cục Đăng kiểm Việt Nam tại Hà Nội đối với mỗi lô hàng. Điều này nghĩa là một xe tương tự như chiếc xe đã được nhập khẩu trong một lô hàng khác, cũng cần được kiểm định lại. Thông tư 03/2018/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2018 có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 3 năm 2018 hướng dẫn thực thi Nghị định 116 còn yêu cầu thêm giấy chứng nhận chất lượng lớp xe, gương chiếu, đèn trên từng chiếc được kiểm định trong mỗi lô hàng. Nhà sản xuất phải yêu cầu giấy chứng nhận mới từ mỗi nhà sản xuất phụ tùng gốc (OEM), do đó, yêu cầu này được xem như rào cản kỹ thuật làm kéo dài thời gian và tăng chi phí tài chính.

Quy định mới này chưa phù hợp với nội dung trích dẫn bên trên của EVFTA vì đặt ra “yêu cầu kiểm định hoặc ký hiệu thêm để xác minh hoặc chứng nhận tuân thủ”. Khi EVFTA được phê duyệt và có hiệu lực, hàng nhập khẩu của Liên minh châu Âu (EU) sẽ không cần kiểm định theo Điều 6.1.c. và 6.2.a. của Nghị định 116.

Trong thời gian chờ đợi, việc thực thi Nghị định sẽ làm tăng chi phí và thời gian kiểm định cho doanh nghiệp, làm tăng giá xe, đặc biệt là xe nhập khẩu theo từng từ lô nhỏ. Chúng tôi cũng lo ngại rằng tình trạng quá tải sẽ xảy ra tại cảng nhập khẩu cũng như các trung tâm kiểm định ở Việt Nam vào mùa cao điểm. Trên thực tế, việc đưa từng mẫu xe trong mỗi lô hàng đi kiểm định tại Cục Đăng kiểm Việt Nam ở Hà Nội và sau đó chờ kết quả phải mất vài tuần, trước khi giao cho khách hàng. Thời gian kiểm định kéo dài cộng thêm phải chờ lưu kho và giám sát cho mỗi lô hàng làm tăng chi phí tài chính, buộc doanh nghiệp tăng giá xe. Hiệp hội các Nhà sản xuất Ô tô Việt Nam (VAMA), trong Thư kiến nghị 121401/2017/VAMA gửi Ngài Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Việt Nam ngày 14 tháng 12 năm 2017, đã nhấn mạnh thời gian 2 tháng kể từ thời điểm kiểm định đến khi có kết quả. Trong thời gian đó, tất cả xe phải lưu kho và không được bán ra thị trường và chi phí cho mỗi lần kiểm định lên đến 10.000 đô-la Mỹ cho mỗi xe.

Đối với xe nhập khẩu từ EU, chúng tôi kiến nghị Việt Nam tuân thủ cam kết tự động chấp nhận và không yêu cầu kiểm định thêm đối với xe đã đạt tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương/cao hơn và được chứng nhận bởi EU. Để chuẩn bị cho EVFTA sắp sửa có hiệu lực, Việt Nam nên tiếp tục thực hành chấp nhận giấy chứng nhận của EU và công nhận là phù hợp với Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia hiện hành của Việt Nam. Việc này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, cắt giảm chi phí và giảm bớt công việc hành chính. Đây cũng là cách tiếp cận phù hợp với mục tiêu cải cách hành chính của Việt Nam cũng như mục tiêu và nguyên tắc của EVFTA: xúc tiến thừa nhận lẫn nhau, xóa bỏ rào cản phi thuế quan trong thương mại song phương.

2. Nhập khẩu phụ tùng và thiết bị

Nội dung liên quan trong EVFTA

Điều 4(2.1): “Đối với phụ tùng và thiết bị nhập khẩu, thông thường sẽ đi kèm giấy chứng nhận kiểu loại UNECE thích hợp. Bên nhập khẩu phải nỗ lực chấp nhận ký hiệu chứng nhận kiểu loại UNECE hợp lệ đóng dấu trên sản phẩm là đủ để thay cho giấy chứng nhận kiểu loại hợp lệ.”

Chương 2: Nguyên tắc đối xử quốc gia và Tiếp cận thị trường hàng hóa/Phụ lục 2-b: Ô tô và phụ tùng ô tô/Điều 3.2

“Sau 5 năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, trong 7 năm tiếp theo, Việt Nam phải chấp nhận Giấy chứng nhận hợp quy hợp lệ của Ủy ban châu Âu (EC) cho xe nguyên chiếc. Tại thời điểm nhập khẩu kiểu loại xe đầu tiên, xe này phải đi kèm giấy chứng nhận kiểu loại phù hợp của EC. Giấy chứng nhận hợp quy của EC nói trên được xem là đủ để phục vụ mục đích nêu trong mục 3.1. Khi có Giấy chứng nhận kiểu loại nguyên chiếc quốc tế của UNECE cho xe M1, Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Liên minh châu Âu liệu Việt Nam có tiếp tục chấp nhận Giấy chứng nhận hợp quy hợp lệ của EC cho xe nguyên chiếc bên cạnh Giấy chứng nhận Kiểu loại Nguyên chiếc Quốc tế của UNECE cho một chủng loại xe nhất định hay không.”

Theo Điều 6.1.b và 6.1.c. của Nghị định 116, các phụ tùng lắp ráp CKD nằm trong danh sách phải được kiểm định sẽ được kiểm định tại Việt Nam. Các yêu cầu về chứng nhận phụ tùng bao gồm Chứng nhận Kiểu loại, Báo cáo Kiểm định và Chứng nhận Hợp quy (COP). Do đó, phụ tùng nhập khẩu từ EU có giấy chứng nhận/báo cáo kiểm định của UNECE hiện tại sẽ không còn được miễn kiểm định, trừ khi được cấp giấy chứng nhận/báo cáo kiểm định từ một nước đã ký một Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau (MRA) với Việt Nam. Mặc dù trên thực tế Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô của Việt Nam được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn và quy định của ECE/UNECE, vốn được áp dụng cho xe ô tô nhập khẩu từ EU.

Quy định mới này chưa phù hợp với nội dung trích dẫn của EVFTA, đặc biệt là trong đó dự đoán sản phẩm nhập khẩu sẽ có giấy chứng nhận kiểu loại phù hợp của UNECE và rằng ký hiệu chứng nhận kiểu loại UNECE hợp lệ đóng dấu trên sản phẩm là đủ để thay cho giấy chứng nhận kiểu loại hợp lệ. Khi EVFTA được phê duyệt và có hiệu lực, Việt Nam sẽ phải chấp nhận các phương tiện có giấy chứng nhận kiểu loại nguyên chiếc hợp lệ của UNECE là đủ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn và quy định. Như đã đề cập trong Phụ lục 2b (Ô tô và Phụ tùng ô tô), các bên thừa nhận rằng quy định của UNECE là tiêu chuẩn quốc tế phù hợp và không yêu cầu có MRA với các nước EU vì EVFTA có vai trò tương tự như MRA. Trong thời gian chờ EVFTA được phê duyệt và có hiệu lực, quy định mới này sẽ làm tăng chi phí kiểm định và kéo dài thời gian cho doanh nghiệp, dẫn đến việc tăng giá xe. Việc áp thêm điều kiện cho hoạt động nhập khẩu là chưa hợp lý trong thời gian chờ EVFTA có hiệu lực. Ngoài ra, việc áp dụng quy định mới có thể xem là tổn hại nghiêm trọng và suy giảm việc thực thi một cách thiện chí EVFTA.

Do đó, chúng tôi kiến nghị Chính phủ xem xét tiếp tục chấp nhận giấy chứng nhận/báo cáo kiểm định của UNECE/ECE do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đối với trường hợp chỉ có giấy chứng nhận kiểu loại và chứng nhận hợp quy, chúng tôi đề xuất chỉ nên thực hiện kiểm định phụ tùng đối với lô hàng đầu tiên (miễn là phụ tùng tương tự, tức là cùng mẫu, cùng mã kiểu loại, cùng nhà sản xuất). Trong những trường hợp đó, giấy chứng nhận phụ tùng được cấp sẽ có giá trị trong ba năm như được mô tả trong Điều 6.1.d của Nghị định 116.

3. Phụ tùng tân trang

Chúng tôi mong muốn trình bày vấn đề này cho các Bộ sau: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT).

Nội dung liên quan trong EVFTA

Chương 2, Điều 5

“Các Bên phải áp dụng chính sách cho hàng hóa tân trang tương tự như chính sách đối với hàng hóa như mới. Một Bên có thể yêu cầu ghi nhãn cụ thể cho hàng hóa tân trang để ngăn chặn hành vi lừa dối người tiêu dùng. Điều khoản này được thực thi với giai đoạn chuyển tiếp không quá ba năm kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực”.

Hiện nay, Việt Nam chưa có quy định về phụ tùng “tân trang”. Nghị định 187/2013/NĐ-CP của Chính phủ (Nghị định 187)¹⁹ hướng dẫn chung về hoạt động nhập/xuất khẩu và cấm nhập khẩu phụ tùng ô tô đã qua sử dụng vào Việt Nam. Theo Thông tư 38/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 3 năm 2017 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

¹⁹ Nghị định 187/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

²⁰ Thông tư 38/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 3 năm 2017 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Hoạt động tân trang thiết bị giúp tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu khí thải CO₂, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và có lợi cho khách hàng và người tiêu dùng tại Việt Nam. Thêm vào đó, việc tân trang giúp tiết kiệm một lượng lớn nguyên vật liệu quý và hàng chục nghìn megawatt giờ điện. Nói chung, việc tân trang làm giảm áp lực lên môi trường. Mỗi quốc gia châu Âu và hầu hết các quốc gia châu Á hiểu rõ tầm quan trọng và ảnh hưởng to lớn của phụ tùng tân trang đối với môi trường và cho phép nhập khẩu, buôn bán các phụ tùng đó như phụ tùng mới. Điều này cũng đã được khẳng định bởi nhiều nghiên cứu đánh giá vòng đời sản phẩm khác nhau được các cơ quan kiểm định độc lập như 'TÜV SÜD' chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế.

Chúng tôi kiến nghị Việt Nam cho phép nhập khẩu phụ tùng tân trang với chính sách tương tự như hàng hóa "như mới". Cần có hệ thống ghi nhãn riêng đối với phụ tùng tân trang để ngăn chặn hành vi lừa đảo. Ngoài ra, phụ tùng tân trang chính hãng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng tương tự như phụ tùng hoàn toàn mới. Chúng được sản xuất theo yêu cầu chất lượng chặt chẽ và trải qua quá trình kiểm tra chất lượng cuối cùng theo các tiêu chuẩn tương tự như phụ tùng mới. Thêm vào đó, phụ tùng tân trang chính hãng được các nhà sản xuất ô tô cung cấp theo điều kiện bảo hành tương tự như phụ tùng mới và tiết kiệm chi phí hơn cho khách hàng phù hợp với xu hướng bảo vệ môi trường.

(F). RƯỢU VANG VÀ RƯỢU MẠNH

Liên minh Châu Âu và Việt Nam đang hoàn tất các thủ tục cuối cùng trước khi Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA) được phê chuẩn trong năm 2018 và dự kiến bắt đầu có hiệu lực vào năm 2019. Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc Eurocham (Tiểu ban RV RM) luôn ủng hộ một Hiệp định EVFTA đầy tham vọng. Việc dẫn dỡ bỏ hàng rào thuế quan sẽ giúp việc gia tăng nhập khẩu các mặt hàng rượu vang và rượu mạnh hợp pháp, từ đó sẽ làm giảm các lợi ích kinh tế đối với các hoạt động buôn lậu và các hoạt động bất hợp pháp khác. Điều này cuối cùng cũng sẽ đem lại lợi ích cho các doanh nghiệp hoạt động hợp pháp, nguồn thu ngân sách Nhà nước và sức khỏe của người tiêu dùng Việt Nam. Tuy nhiên, các lợi ích dự kiến đạt được theo thỏa thuận cắt giảm thuế quan theo EVFTA đang bị vô hiệu hóa bởi những cải cách thuế Tiêu thụ đặc biệt. Tiểu ban RV RM mong muốn được làm việc chặt chẽ với "Nhóm tư vấn trong nước" về các cơ chế liên quan đến EVFTA. Chúng tôi mong muốn có cơ hội được trao đổi sâu rộng với các cơ quan hữu quan Việt Nam trong việc soạn thảo các văn bản pháp luật để thực hiện các quy tắc và thực hành các quy định về xuất xứ hàng hóa (XXHH)²¹ theo EVFTA để có thể được hưởng ưu đãi về cắt giảm thuế quan²² trong trường hợp vận chuyển trực tiếp hoặc vận chuyển qua nước thứ ba ngoài EVFTA các sản phẩm rượu vang và rượu mạnh có xuất xứ từ Châu Âu tới Việt Nam. Chúng tôi hy vọng Bộ Công Thương sẽ có những hướng dẫn cụ thể và rõ ràng để việc áp dụng quy tắc XXHH này được thuận lợi.

Giấy phép về sản xuất và kinh doanh rượu: Chúng tôi đánh giá cao việc ban hành Nghị định 105/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 về kinh doanh rượu (Nghị định 105) thay thế Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh rượu (Nghị định 94). Nghị định 105 mới ban hành có nhiều điểm sửa đổi tích cực và dỡ bỏ các rào cản không cần thiết như xóa bỏ quy định hạn chế số lượng giấy phép theo số dân, một thương nhân chỉ được một loại giấy phép, các hạn chế về hệ thống phân phối theo chiều dọc được quy định tại Nghị định 94; xem xét và sửa đổi các điều kiện về giấy phép kinh doanh rượu phù hợp với điều kiện thực tế hơn, giúp tăng cường việc quản lý và hoạt động dịch vụ phân phối rượu theo các cam kết của Việt Nam trong EVFTA.²³

Quyền sở hữu trí tuệ: Chúng tôi kính đề nghị Việt Nam đảm bảo việc thực thi chặt chẽ các quy định về Sở hữu trí tuệ, đặc biệt là lĩnh vực về Chỉ dẫn địa lý, để giảm thiểu các gánh nặng không cần thiết cho các doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật, tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật và các chủ nhãn hiệu/các sản phẩm để bảo vệ các Chỉ dẫn địa lý của Châu Âu²⁴ như Champagne,²⁵ Irish Whiskey, Swedish vodka, Cognac và Scotch Whisky.

21 Chương 4. Điều 13 EVFTA công bố đầu tháng 2 năm 2016.

22 Theo Điều 7, Phụ lục 2-c và Phụ lục 2-c-ii của Chương 2 của EVFTA công bố đầu tháng 2 năm 2016, Thuế nhập khẩu đối với sản phẩm rượu có xuất xứ từ Châu Âu sẽ được cắt giảm trong vòng 7 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực.

23 Hướng dẫn Hiệp định thương mại EU-VN, Trang 31 "Đồ uống có cồn", Giấy phép phân phối.

24 Hướng dẫn Hiệp định thương mại EU-VN, Trang 31 "Đồ uống có cồn", Chỉ dẫn địa lý (GI).

25 Champagne sẽ được bảo hộ hoàn toàn trong 10 năm để các bên liên quan có đủ thời gian chuyển đổi như được quy định tại mục "Đồ uống có cồn", Hướng dẫn về Hiệp định Thương mại Tự do EU-VN, trang 32. Xem tại: <https://eeas.europa.eu/delegations/vietnam/documents/eu_vietnam/evfta_guide.pdf>.

Các quy chuẩn kỹ thuật: Chúng tôi hỗ trợ và đánh giá cao các sáng kiến về cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính của các ngành hàng trong đó có rượu vang và rượu mạnh, chẳng hạn như các thảo luận để dỡ bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận công bố hợp quy đối với các sản phẩm có rủi ro thấp như rượu vang và rượu mạnh; giảm thiểu các thủ tục hành chính liên quan đến Kiểm tra nhà nước đối với hàng nhập khẩu, v.v. Chúng tôi muốn lưu ý là bất kỳ những thay đổi nào về ghi nhãn hàng hóa hoặc các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến đồ uống có cồn cần phải hài hòa với các quy định quốc tế để đảm bảo an toàn chất lượng sản phẩm mà không làm tăng thêm các rào cản kỹ thuật không cần thiết.²⁶

2. Cải cách thuế Tiêu thụ đặc biệt

Ngành hàng Rượu vang và rượu mạnh Châu Âu gặp nhiều khó khăn do những cải cách chính sách Thuế Tiêu thụ Đặc biệt (TTĐB) liên tục, kết hợp giữa việc tăng dần thuế suất và tăng đáng kể giá tính thuế. Tác động tiêu cực của những cải cách chính sách thuế này đối với ngành hàng là vô cùng đáng kể do gánh nặng thuế đối với các nhà nhập khẩu đã tăng lên hơn gấp đôi trong một số trường hợp. Việc tiếp tục tăng thuế trong tương lai có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới tính bền vững của ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam. Ngành hàng rượu vang và rượu mạnh châu Âu ủng hộ một Hiệp định Thương mại Tự do đầy tham vọng với Việt Nam (EVFTA) ngay từ những ngày đầu khi mà FTA dự kiến sẽ mang lại những lợi ích về việc mở cửa thị trường chung cho cả hai bên tham gia FTA. Tuy nhiên, việc cải cách chính sách thuế Tiêu thụ Đặc biệt đã làm vô hiệu hóa hoàn toàn những lợi ích về việc cắt giảm thuế quan đạt được thông qua đàm phán trong khuôn khổ FTA.

Việt Nam đang áp dụng thuế tương đối đối với đồ uống có cồn, dựa trên giá trị mà không dựa trên hàm lượng cồn có trong sản phẩm. Việc tiếp tục gia tăng thuế suất dựa trên giá trị sẽ làm tăng gánh nặng thuế cho rượu nhập khẩu một cách không công bằng và từ đó khuyến khích các hoạt động thương mại xuyên biên giới bất hợp pháp và hàng giả các mặt hàng có giá trị cao, từ đó dẫn đến việc thất thu thuế và tăng nguy cơ cho sức khỏe cộng đồng. Việc tăng gánh nặng thuế sẽ ảnh hưởng đến giá bán lẻ của các sản phẩm nhập khẩu từ châu Âu (hiện đang ở mức giá cao tại Việt Nam), khiến các sản phẩm này trở nên đắt đỏ đối với thu nhập của người tiêu dùng Việt Nam, làm cho họ có xu hướng chuyển sang các sản phẩm có giá thấp hơn và sẵn có trên thị trường Việt Nam. Điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn thu ngân sách cũng như việc làm ở Việt Nam. Ngành rượu vang và rượu mạnh của châu Âu chiếm một phần rất nhỏ trong tổng lượng rượu tiêu thụ tại Việt Nam (dưới 2%) trong tổng đồ uống có cồn tiêu thụ tại Việt Nam – theo một công bố mới nhất của tổ chức Liên minh quốc tế về Uống có trách nhiệm (IARD).²⁷ Theo số liệu thống kê chính thức của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), hơn 70% lượng đồ uống có cồn tiêu thụ trong nước là những sản phẩm nằm ngoài sự kiểm soát và không thu được thuế. Chiếm phần lớn lượng rượu này là rượu làng nghề, mặc dù phải tuân thủ một số quy định nhưng không thu được thuế. Thực tế cho thấy càng tăng thuế đồ uống có cồn thì việc tiêu thụ các loại đồ uống có cồn nằm ngoài sự kiểm soát có xu hướng gia tăng và đồng thời làm giảm hiệu quả của chiến lược cải cách chính sách thuế đối với đồ uống có cồn. Ngoài ra, rượu làng nghề hiện đang nằm ngoài sự điều chỉnh của hệ thống thuế tiêu thụ đặc biệt của Việt Nam và điều này cũng có nghĩa là Chính phủ đang mất đi nguồn thu ngân sách đáng kể và trên hết là nguy cơ đe dọa sức khỏe cho người tiêu dùng.

Ngành đồ uống có cồn đang làm việc, thông qua APIWSA²⁸ và chuyên gia thuế, về mô hình tính toán thuế (tax modeling) cho thị trường Việt Nam để đánh giá tác động đến nguồn thu ngân sách của chính phủ đối với các kịch bản thay đổi chính sách thuế khác nhau bao gồm việc áp dụng cách thức tính thuế hỗn hợp dựa trên thuế tương đối và tuyệt đối hoặc hoàn toàn chuyển sang cách thức tính thuế tuyệt đối. Ngành hàng mong muốn được hợp tác với Chính phủ và Bộ Tài chính để tìm kiếm các giải pháp xây dựng chính sách thuế đối với đồ uống có cồn giúp đạt được các mục tiêu về thu ngân sách và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Với mục đích trên, chúng tôi mong muốn Bộ Tài chính công khai, minh bạch hơn trong việc đánh giá tác động các cải cách thuế TTĐB cũng như việc lấy ý kiến rộng rãi mọi đối tượng liên quan đối với bất kỳ đề xuất thay đổi nào trong tương lai. Chúng tôi tin rằng một hệ thống chính sách thuế hợp lý và công bằng sẽ giúp cân bằng từng thành phần của ngành hàng đồ uống có cồn ở Việt Nam, bao gồm cả lượng rượu sản xuất trong nước chưa đóng thuế. Hệ thống thuế hiện nay đang tạo áp lực thiên về rượu vang và rượu mạnh nhập khẩu.

26 Hướng dẫn về Hiệp định thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam, trang 38, Hàng rào kỹ thuật. Xem tại: <https://eeas.europa.eu/delegations/vietnam/documents/evfta_guide.pdf> truy cập lần cuối ngày 26 tháng 2 năm 2018.

27 Xem tại: <<http://www.iard.org/science-and-policy/unrecorded-alcohol/>> truy cập lần cuối ngày 26 tháng 2 năm 2018.

28 Hiệp hội các Doanh nghiệp Rượu vang và Rượu mạnh Quốc tế tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

3. Vấn đề về Trị giá Hải quan

Việt Nam khẳng định và ban hành các văn bản quy định liên quan đến việc tính toán xác định trị giá hải quan đối với hàng nhập khẩu,²⁹ phù hợp với các quy định của WTO về Trị giá Hải quan. Tuy nhiên, Hải quan duy trì một hệ thống dữ liệu về giá đối với các “mặt hàng nhạy cảm” để kiểm tra giá tính thuế khi có bất kỳ vấn đề gì liên quan đến giá tính thuế do nhà nhập khẩu kê khai. Điều này có thể dẫn đến việc áp giá tối thiểu và mang tính phân biệt đối với những mặt hàng có giá trị nhập khẩu cao.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những sự thay đổi trong việc thực thi các quy định về thuế với những cải thiện về mặt thủ tục cũng như thời gian thực hiện... Tuy nhiên, Việt Nam cũng đồng thời gia tăng các cuộc thanh tra thuế có thể xuất phát từ những mong muốn, yêu cầu của Chính phủ trong việc tăng thêm nguồn thu ngân sách. Đặc biệt trong trường hợp nhập khẩu các sản phẩm có thương hiệu liên quan tới bên mua và bên bán khi mà trị giá giao dịch do doanh nghiệp nhập khẩu kê khai bị từ chối với các lý do mâu thuẫn với các quy tắc cơ bản của WTO về Trị giá Hải quan. Việc mua bán giữa các bên có liên quan ước tính chiếm tới 30% trong các giao dịch thương mại tế và trong trường hợp rượu vang và rượu mạnh, tỉ lệ này còn cao hơn vì thông thường các sản phẩm có thương hiệu chỉ được bán cho các bên có liên quan. Việc tước đi các quyền cơ bản của nhà nhập khẩu được công nhận theo các cam kết của WTO về trị giá giao dịch kê khai sẽ có thể bị coi là mối nguy hại tiềm tàng làm vô hiệu hóa các lợi ích đạt được từ việc cắt giảm thuế quan theo thỏa thuận EVFTA.

Cộng đồng các doanh nghiệp châu Âu mong muốn được hợp tác và hỗ trợ các cơ quan hữu quan của Chính phủ Việt Nam để đảm bảo việc tuân thủ chặt chẽ các quy tắc của WTO và cải thiện tính minh bạch và cho phép các công ty được kê khai giá giao dịch phù hợp với các nguyên tắc kinh tế của thị trường tự do. Điều này sẽ giúp tăng thêm lợi ích cho người tiêu dùng và cuối cùng là thúc đẩy việc nhập khẩu gia tăng nguồn thu ngân sách cho ngành hải quan.

BÁO CÁO CỦA EUROCHAM VỀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM

Quan điểm của Cộng đồng Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam năm 2018

Chủ trì Dự án: Jean Jacques Boufflet, Lê Thanh Bình

Các Tiểu ban Ngành nghề: Tiểu ban Pháp luật, Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản, Tiểu ban Tăng trưởng Xanh, Diễn đàn Y tế EuroCham, Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế, Tiểu ban Trang Thiết bị Y tế và Chẩn đoán, Tiểu ban Dược phẩm, Tiểu ban Nhân lực và Đào tạo, Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy và Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh.

Biên tập: Laurence Newman

29. Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014; Nghị định 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 1 năm 2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư 39/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 25/3/2015 quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

CÁC VẤN ĐỀ LIÊN NGÀNH

PHẦN 2

CHƯƠNG 1 TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

TỔNG QUAN

Việc ban hành và thực thi Luật 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 về Doanh nghiệp (Luật Doanh nghiệp) và các văn bản hướng dẫn đã mang lại những thay đổi tích cực trong việc tổ chức doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Nhìn chung, các nhà đầu tư châu Âu nhận thấy khung pháp lý của Việt Nam đối với pháp nhân nước ngoài đã không ngừng được cải thiện trong những năm qua.

Cùng với xu thế này, các nhà đầu tư nước ngoài đã bắt đầu tham gia vào các giao dịch phức tạp và tinh tế hơn. Do đó, việc hiện hữu các quy tắc rõ ràng điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp ngày càng trở nên quan trọng.

Trong chương này, chúng tôi xin trình bày ba chủ đề. Thứ nhất, chúng tôi sẽ thảo luận một số quy định chưa rõ ràng về đại diện theo pháp luật đối với các Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên (TNHH MTV). Thứ hai, chúng tôi sẽ trình bày vấn đề tỷ lệ cần thiết để thông qua các quyết định thông thường trong các công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Thứ ba, chúng tôi sẽ thảo luận về hiệu lực của các thỏa thuận cổ đông.

I. CÁC QUY ĐỊNH CHƯA RÕ RÀNG VỀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (TNHH MTV)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC).

Mô tả vấn đề

Tiếp nối ấn bản Sách Trắng 2017,¹ chúng tôi muốn đề cập lại quan ngại liên quan đến một số điều khoản của Luật Doanh nghiệp về đại diện của công ty TNHH MTV.

Theo Bộ luật Dân sự của Việt Nam,² một pháp nhân ký kết hợp đồng và văn bản pháp lý khác thông qua đại diện pháp luật hoặc đại diện được ủy quyền của pháp nhân đó. Đại diện này thường là cá nhân (ví dụ trong thực tế có thể là Giám đốc, hoặc Chủ tịch).

Theo Luật Doanh nghiệp, thành viên duy nhất (còn gọi là “chủ sở hữu”) của công ty TNHH MTV có thể lựa chọn người đại diện theo pháp luật dựa trên điều lệ của công ty TNHH MTV, đó có thể là Chủ tịch công ty (hoặc Chủ tịch Hội đồng Thành viên công ty, tùy từng trường hợp cụ thể) hoặc (Tổng) Giám đốc. Chủ sở hữu cũng có thể lựa chọn nhiều hơn một đại diện theo pháp luật. Ngoài ra, về nguyên tắc, đại diện theo pháp luật có quyền ủy nhiệm quyền đại diện này cho những người đại diện được ủy quyền. Những điều khoản rõ ràng này cho phép các đối tác, khách hàng và các bên thứ ba khác của công ty TNHH MTV biết ai có quyền đại diện cho công ty TNHH MTV.

Tuy nhiên, một số điều khoản của Luật Doanh nghiệp dễ gây nhầm lẫn khi ngụ ý rằng Hội đồng thành viên và Giám đốc (không nhất thiết phải là đại diện theo pháp luật) có thể đại diện cho công ty TNHH MTV. Cụ thể là:

Điều 79.1 của Luật Doanh nghiệp quy định rằng Hội đồng thành viên của công ty TNHH MTV phải “nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc”. Quy định này có thể hàm ý rằng Hội đồng Thành viên có quyền đại diện cho công ty TNHH MTV trước các bên thứ ba.

Điều 81.2(e) của Luật Doanh nghiệp quy định rằng Giám đốc của công ty TNHH MTV có quyền “ký kết hợp đồng

¹ Sách Trắng 2017, *EuroCham*, Chương 1: Quản trị Doanh nghiệp, trang 26.

² Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 của Quốc hội ngày 24 tháng 11 năm 2015.

nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng Thành viên hoặc Chủ tịch công ty” (tham chiếu tới Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của công ty TNHH MTV, tùy từng trường hợp cụ thể).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quyền ký kết hợp đồng hoặc văn bản pháp lý thay mặt cho công ty là quyền không nên có bất kỳ thách thức nào. Tuy nhiên, các điều khoản trên ngụ ý rằng một cá nhân hoặc tổ chức không phải đại diện theo pháp luật hoặc không phải là đại diện được ủy quyền của công ty vẫn có thể đại diện cho công ty trong để làm việc với các bên thứ ba.

Quan ngại trước hết của chúng tôi liên quan đến hiệu lực của văn bản pháp lý được ký kết bởi cá nhân hoặc tổ chức đó. Trên thực tế, căn cứ theo những quy định trên, có thể xảy ra trường hợp một cá nhân hoặc tổ chức không phải là đại diện theo pháp luật của công ty, vẫn đứng lên ký hợp đồng hoặc văn bản pháp lý thay mặt cho công ty TNHH MTV. Điều này làm ảnh hưởng hiệu lực của văn bản pháp lý đó.

Quan ngại thứ hai và quan trọng hơn là về vấn đề quản trị doanh nghiệp. Khi chủ sở hữu công ty TNHH MTV quyết định trao quyền thi hành cho một hay nhiều người với tư cách là diện theo pháp luật của công ty thì quyết định này của chủ sở hữu không nên bị thách thức bởi các cơ cấu hoặc các cấp nội bộ công ty TNHH MTV.

Việc xóa bỏ hai quy định nêu trên sẽ giúp Việt Nam tạo ra cơ chế nhất quán đối với đại diện trong công ty TNHH MTV. Đây vốn cũng là mô hình công ty được các nhà đầu tư nước ngoài thường xuyên lựa chọn khi đầu tư vào Việt Nam. Do đó, việc sửa đổi theo đề xuất như trên nhất định sẽ tăng thêm giá trị cho môi trường đầu tư của Việt Nam nói chung và các dự án đầu tư nước ngoài nói riêng.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị xóa bỏ hai quy định nêu trên khỏi Luật Doanh nghiệp.

II. TỶ LỆ CẦN THIẾT ĐỂ THÔNG QUA CÁC QUYẾT ĐỊNH THÔNG THƯỜNG TRONG CÁC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC).

Mô tả vấn đề

Trong phần này, chúng tôi sẽ trình bày vấn đề soạn thảo Điều lệ công ty. Luật Doanh nghiệp có một số quy định cho phép thành viên hoặc cổ đông có thể có thỏa thuận “quy định khác” trong Điều lệ. Tuy nhiên, một số quy định này không nêu rõ giới hạn đối với thỏa thuận của các thành viên hoặc cổ đông.

Chẳng hạn, Điều 60.3 trong Luật Doanh nghiệp quy định rằng đối với công ty TNHH Hai Thành viên trở lên, các quyết định thông thường sẽ được thông qua tại Hội đồng Thành viên với “ít nhất” 65% tán thành, “trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác”. Đối với quy định này, có thể hiểu theo hai cách khác nhau. Theo cách diễn giải nghiêm ngặt, các thành viên của công ty TNHH Hai Thành viên trở lên có thể đại diện tỷ lệ tán thành cao hơn 65%. Tuy nhiên, theo cách diễn giải ít nghiêm ngặt hơn thì các thành viên có thể đại diện cho bất kỳ tỷ lệ tán thành nào, dù thấp hay cao hơn 65%.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các thành viên của Tiểu ban Pháp luật quan ngại về quy định mơ hồ chưa được giải quyết đối với những vấn đề cơ bản về việc liệu thành viên trong công ty TNHH Hai Thành viên trở lên có thể quy định trong Điều lệ rằng các quyết định thông thường có thể được thông qua với tỷ lệ tán thành dưới 65% hay không.³

³ Nghị quyết 71/2006/NQ-QH11 của Quốc hội ngày 29 tháng 11 năm 2006 cho phép áp dụng linh hoạt đối với một số lĩnh vực mở cửa khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Quốc tế.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị cần quy định rõ ràng các thành viên của công ty TNHH Hai Thành viên trở lên có thể quy định tỷ lệ tán thành thấp hơn 65% (nhưng tối thiểu 51%) để phê duyệt các quyết định thông thường.

III. HIỆU LỰC CỦA CÁC THỎA THUẬN CỔ ĐÔNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC).

Mô tả vấn đề

Thỏa thuận cổ đông là công cụ phổ biến khi đầu tư vào Việt Nam, đặc biệt khi tiến hành kinh doanh với các đối tác trong nước. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua năm 2014 không có bất kỳ quy định nào về thỏa thuận cổ đông.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Hiện chưa có luật hoặc quy định nào của Việt Nam công nhận rõ ràng hiệu lực của thỏa thuận cổ đông. Các thành viên của Tiểu ban Pháp luật quan ngại về thực trạng này và tin tưởng rằng việc lập một khung pháp lý cụ thể về thỏa thuận cổ đông sẽ cải thiện môi trường kinh doanh cho các nhà đầu tư tại Việt Nam.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị ban hành một quy định cụ thể hoặc án lệ để công nhận hiệu lực của thỏa thuận cổ đông tại Việt Nam.

Nhìn chung, chúng tôi hoan nghênh những định hướng chung và còn quan ngại về một số vấn đề ảnh hưởng đến tổ chức doanh nghiệp tại Việt Nam. Chúng tôi kính mong Chính phủ có thể xem xét những quan ngại và kiến nghị được đề xuất trong chương này. Đồng thời, EuroCham và các thành viên của Tiểu ban Pháp luật sẽ tiếp tục hỗ trợ về kinh nghiệm chuyên môn và sẵn sàng hợp tác để cùng tìm ra các giải pháp cho những vấn đề nêu trên và những vấn đề liên quan khác.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham

CHƯƠNG 2 NGÀNH NĂNG LƯỢNG VÀ ĐIỆN LỰC

TỔNG QUAN

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham (GGSC) ghi nhận và ủng hộ các ưu tiên cốt lõi của Chính phủ trong việc quản lý thị trường năng lượng tại Việt Nam. Các ưu tiên này là:

- Đảm bảo cung cấp năng lượng sạch với chi phí phù hợp để phát triển kinh tế bền vững;
- Giảm phát thải khí nhà kính từ quá trình sản xuất năng lượng, phù hợp với Hiệp định Paris và kế hoạch Đóng góp Dự kiến do Quốc gia Tự quyết định (INDC) được Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) đề xuất; và
- Phát triển bền vững ngành điện lực, đạt được sự ổn định về tài chính, cổ phần hóa tài sản sản xuất điện và huy động đầu tư từ khu vực tư nhân.

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) đã đệ trình Kế hoạch Sử dụng các nguồn Năng lượng tại Việt Nam (MVEP) lên Thủ tướng Chính phủ tại Hà Nội vào ngày 5 tháng 12 năm 2016 và tái trình bày kế hoạch này tại các diễn đàn khác được tổ chức sau đó trong năm 2017.¹ Đây là tài liệu về chính sách năng lượng chính của Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham, phác thảo kế hoạch năng lượng quốc gia trong đó sử dụng các nguồn lực trong nước để đảm bảo tương lai năng lượng bền vững đến năm 2030. Mạng lưới Doanh nghiệp châu Âu - Việt Nam (EVBN), GGSC cùng với Dragon Capital Group Ltd đã đóng góp chính vào việc xây dựng kế hoạch này với hỗ trợ của Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Việt Nam (AmCham) và Hiệp hội Doanh nghiệp các nước Bắc Âu tại Việt Nam (NordCham).

Bảng 1: Tiến độ thực hiện các kiến nghị cải cách năng lượng theo MVEP

Kiến nghị về cải cách năng lượng	Tiến độ thực hiện trong năm 2017
1. Nguồn Khí Thiên nhiên	
a. Bắt đầu phát triển khai thác nguồn khí thiên nhiên để thay thế than nhập khẩu	Chính phủ đã phê duyệt khai thác các mỏ khí mới để cung cấp cho ngành điện. Việc xây dựng các Kho cảng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) cũng đã được phê duyệt về chủ trương.
2. Hiệu quả sử dụng năng lượng	
a. Công bố Lộ trình thực hiện biểu giá bán lẻ điện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025	Khung giá đã được Văn phòng Chính phủ công bố vào tháng 12 năm 2017, ước tính mức lạm phát giá năm 2020. Tỷ lệ lạm phát ước tính thấp hơn dự đoán CPI và mâu thuẫn với các phân tích của các chuyên gia như báo cáo tháng 11 năm 2017 của US AID/Deloitte.
b. Công nghệ Lưới điện Thông minh	Có ít dự án được thực hiện.

¹ Xem thêm thông tin tại: <https://www.eurochamvn.org/Sector_Committees/green_growth> truy cập lần cuối vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

c. Sản xuất năng lượng từ chất thải - ưu đãi đặc biệt	Không có tiến triển trong năm 2017. Hoạt động tiêu hủy chất thải rắn vẫn chưa bền vững.
d. Vận động khuyến khích toàn dân sử dụng năng lượng hiệu quả	Có ít chiến dịch được thực hiện trong nước.
3. Năng lượng Tái tạo	
a. Hợp đồng Mua Bán Điện Trực tiếp (DDPA)	Bộ Công Thương (BCT) cam kết dỡ bỏ rào cản pháp lý đối với DDPA và tích cực làm việc với các cơ quan để thực hiện DDPA thí điểm vào năm 2018.
b. Các điều khoản của Biểu giá Năng lượng Tái tạo và Hợp đồng Mua Bán Điện đối với điện mặt trời và điện gió được thực hiện toàn cầu và "có tính khả thi tài chính"	Không có tiến triển trong năm 2017.
c. Cải thiện mức độ tín nhiệm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Không có tiến triển trong năm 2017.
d. Cam kết với khu vực tư nhân về việc xây dựng Quyết định Điện Mặt trời hiệu quả nhằm thu hút các nhà đầu tư	Một quan hệ đối tác về Chính sách Năng lượng Mặt trời vẫn chưa được thành lập với EuroCham. Bộ Công Thương có quan hệ đối tác chính sách với các tổ chức khu vực nhà nước và các nhà tài trợ tuy nhiên khu vực tư nhân thì không được tham gia.

I. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG TẠI VIỆT NAM (MVEP)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Tài chính (BTC), Văn phòng Chính phủ (VPCP)

Mô tả vấn đề

Kế hoạch Sử dụng các nguồn Năng lượng tại Việt Nam (MVEP) được soạn thảo nhằm mục tiêu hỗ trợ Việt Nam đáp ứng được nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng, đạt được mục tiêu đặt ra đối với biến đổi khí hậu từ Hội nghị thứ 21 Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP21)² và để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế. Tài liệu được xây dựng dựa trên Quy hoạch Phát triển Điện VII (Quy hoạch Điện VII)³ (được Bộ Công Thương điều chỉnh cho giai đoạn 2016-2030), Báo cáo Nghiên cứu Lộ trình Phát triển Ít Phát thải Carbon cho Việt Nam⁴ do Nhóm Ngân hàng Thế giới tài trợ, hay Báo cáo Tiềm năng và Phát triển Năng lượng tái tạo trong Tiểu vùng Sông Mekong⁵ của Ngân hàng Phát triển châu Á và Kế hoạch Khôi phục Tình hình Tài chính cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam⁶ của Ngân hàng Thế giới.

2 "Dấu ấn của Việt Nam tại COP21", Báo Nhân dân Điện tử, ngày 2 tháng 9 năm 2016. Xem tại: <http://en.nhandan.com.vn/special_reports/item/4021002-vietnam%E2%80%99s-imprint-at-cop-21.html> truy cập lần cuối vào ngày 19 tháng 12 năm 2017.

3 Quyết định 1208/2011/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011- 2020 có xét đến năm 2030.

4 P. Audinet; B. Singh; N. Bipulendu; D. T. Kexel; S. Suphachalasai; P. Makumbe and K. Mayer, "Nghiên cứu Lộ trình Phát triển Ít Phát thải Carbon cho Việt Nam", *Nhóm Ngân hàng Thế giới*, 2016. Xem tại: <<http://documents.worldbank.org/curated/en/773061467995893930/pdf/102363-PUB-VN-Low-cost-carbon-date-Jan-20-2016-9781464807190-Bbox-394380B-PUBLIC.pdf>> đã truy cập vào ngày 19 tháng 12 năm 2017.

5 "Tiềm năng và Phát triển Năng lượng tái tạo trong Tiểu vùng Sông Mekong", *Ngân hàng Phát triển châu Á*, 2015. Xem tại: <<http://hdl.handle.net/11540/5054>> truy cập lần cuối vào ngày 19 tháng 12 năm 2017.

6 J. J. Maweni và J. Bisbey "Kế hoạch Khôi phục tình hình Tài chính cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam: Tác động đến ngành điện Việt Nam", *Ngân hàng Thế giới*, 2015. Xem tại: <<http://documents.worldbank.org/curated/en/971901468196178656/A-financial-recovery-plan-for-Vietnam-Electricity-EVN-with-implications-for-Vietnam-s-power-sector>> truy cập lần cuối vào ngày 19 tháng 12 năm 2017.

MVEP xác định những lợi thế của việc tập trung vào các giải pháp năng lượng sạch trong nước để đáp ứng nhu cầu năng lượng tương lai của Việt Nam. Các lợi thế này gồm các mục tiêu an ninh năng lượng, mục tiêu kinh tế xã hội, cam kết môi trường trong nước và toàn cầu của Việt Nam và nhu cầu thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân. Báo cáo này cũng giới thiệu các chính sách quan trọng và biện pháp quản lý để Việt Nam đạt được các mục tiêu này.

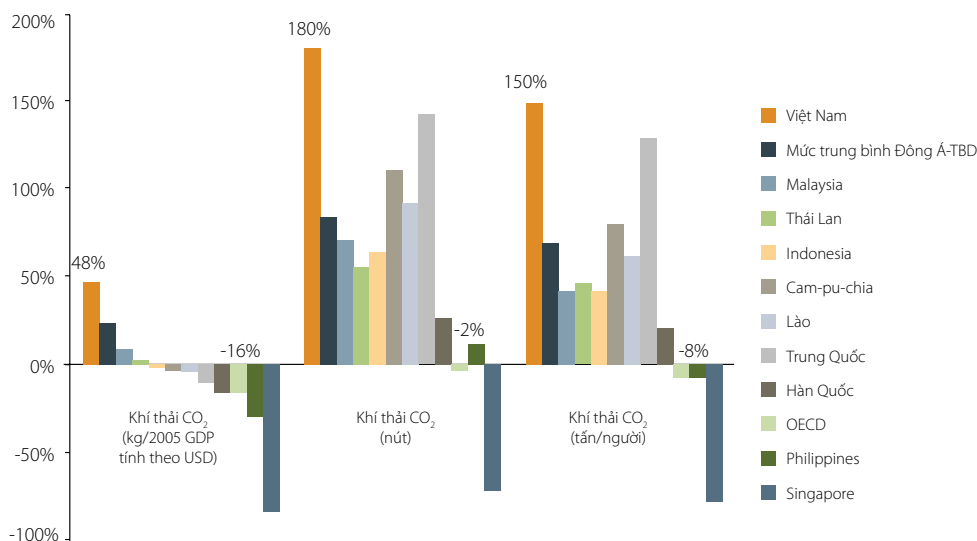
Kế hoạch sử dụng các nguồn năng lượng tại Việt Nam (MVEP) tập trung vào phân tích và hỗ trợ về mặt pháp lý các vấn đề sau đây:

- **Sử dụng năng lượng hiệu quả:** bao gồm việc tăng cường vai trò của Chính phủ và sử dụng các công cụ quản lý dựa trên nhu cầu để giảm lãng phí, thu hút đầu tư tư nhân cũng như có những đổi mới trong hiệu quả sử dụng năng lượng;
- **Năng lượng tái tạo:** chuẩn bị chính sách và khung pháp lý nhằm phát triển hơn nữa các thị trường thành công và thu hút các nguồn đầu tư cần thiết vào năng lượng tái tạo từ các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, các công ty cung cấp dịch vụ và công nghệ; và
- **Khí thiên nhiên của Việt Nam:** thúc đẩy và mở rộng đầu tư vào việc sử dụng khí thiên nhiên trong nước vì đây là nhiên liệu sạch hơn, rẻ hơn và linh hoạt hơn than nhập khẩu. Khí thiên nhiên vẫn là nhiên liệu ít gây ô nhiễm nhất (phát thải CO₂ thấp hơn 60% so với than) và là nhiên liệu hóa thạch hiệu quả nhất về mặt chi phí, có thể đóng vai trò là nhiên liệu cầu nối để chuyển đổi từ than sang năng lượng sạch mà có thể đảm bảo cung cấp như nguồn nhiên liệu

Báo cáo này kết luận rằng Việt Nam có thể tiếp tục sử dụng tối đa các nguồn năng lượng trong nước để giảm rủi ro và tối đa hóa các lợi ích kinh tế xã hội về phát triển năng lượng tương lai, trên cơ sở những thành quả hiện nay.

Mục tiêu của chính sách năng lượng

Biểu đồ 6: Phát thải của Việt Nam đang tăng nhanh nhất trong khu vực (giai đoạn 2000-2010)



Nguồn: Báo cáo Đánh giá Các lựa chọn Carbon Thấp tại Việt Nam của Ngân hàng thế giới (2015)⁷

MVEP trình bày cách thức đáp ứng nhu cầu năng lượng của Việt Nam trong đó nhấn mạnh vào các nguồn năng lượng nội địa sạch hơn bao gồm: năng lượng tái tạo, trong đó có năng lượng sinh khối, gió và mặt trời; sử dụng năng lượng hiệu quả và bền vững và tăng cường phát triển các dự án khí tự nhiên ngoài khơi của Việt Nam. Tất cả những điều này sẽ góp phần giảm tác động môi trường và nhu cầu than nhập khẩu. Báo cáo MVEP cũng đưa ra

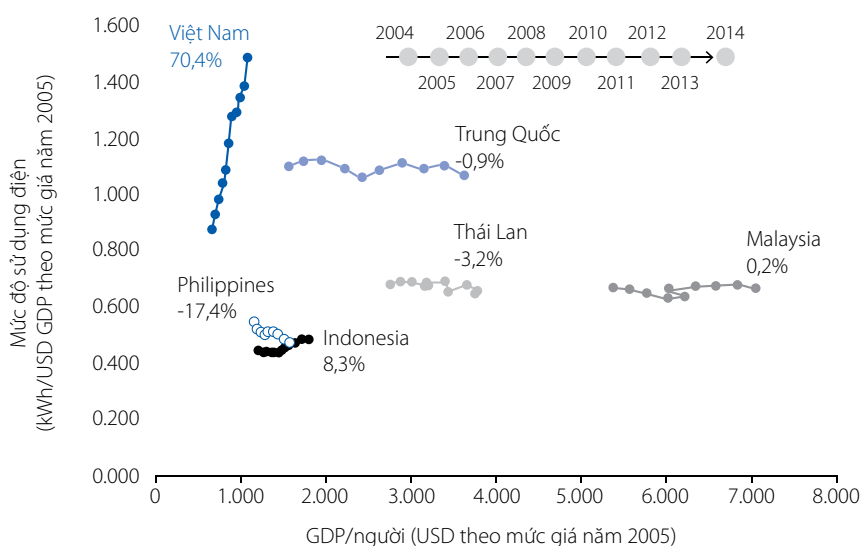
⁷ P. Audinet, B. Singh, N. Bipulendu, D. T. Kexel, S. Suphachalasai, P. Makumbe và K. Mayer.

các khuyến nghị về mặt pháp lý và chính sách để thu hút được nguồn vốn đầu tư 100 tỷ Đô-la Mỹ từ khu vực tư nhân tính đến năm 2030 để đáp ứng nhu cầu điện năng của Việt Nam và tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực trong nước, hướng tới các mục tiêu môi trường của Việt Nam.

Sử dụng năng lượng hiệu quả hơn

Theo biểu đồ ở dưới, nhu cầu sử dụng điện gia tăng đã vượt quá mức tăng trưởng đầu vào dẫn đến mức độ sử dụng điện tăng nhanh chóng từ năm 2004 và kết quả là mức độ sử dụng điện tăng nhanh chóng. Các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả tại Việt Nam gặp phải ba hạn chế chính như sau: (1) thiếu khung chính sách và năng lực thực thi (2) biểu giá điện thấp, có trợ giá và không có lộ trình ứng phó với biến động biểu giá điện trong tương lai (3) thiếu cơ chế tài chính đối với hoạt động đầu tư vào công nghệ hiệu quả về năng lượng và tiết kiệm năng lượng.

Biểu đồ 7: Mức độ sử dụng điện của Việt Nam rất cao và tăng nhanh



Nguồn: Tính toán của ECA sử dụng số liệu từ Niên giám thống kê của BP Global (phát điện)⁸ và Ngân hàng Thế giới (GDP thực và GDP theo đầu người)⁹

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thực thi Kế hoạch Sử dụng các nguồn Năng lượng tại Việt Nam (MVEP) sẽ mang lại những lợi ích sau:

- Một kế hoạch phát triển năng lượng linh hoạt hơn có thể được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu trong tương lai, cho cả kịch bản khi nhu cầu tăng cao hoặc thấp, và loại bỏ rủi ro các tài sản đầu tư không được sử dụng hoặc không đáp ứng được nhu cầu nếu tỷ lệ tăng trưởng cao hơn dự đoán;
- Kế hoạch có thể thu hút thêm nhiều đầu tư mới từ các nguồn nước ngoài và trong nước, cụ thể là huy động các nguồn tư nhân, xây dựng năng lực sản xuất chế tạo tại địa phương, giảm sự phụ thuộc vào chính phủ nước ngoài và giảm nhu cầu về ngân sách, trợ giá và bảo lãnh của Chính phủ Việt Nam hoặc Bảo lãnh và Cam kết của Chính phủ (GGU);
- Sử dụng điện hiệu quả hơn sẽ giảm lãng phí năng lượng và giúp Việt Nam cạnh tranh hơn, năng suất hơn và hấp dẫn hơn để thu hút thêm Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài (FDI)

⁸ “Đánh giá thống kê của BP về năng lượng thế giới”, BP, tháng 6 năm 2017. Xem tại: <<https://www.bp.com/content/dam/bp/en/corporate/pdf/energy-economics/statistical-review-2017/bp-statistical-review-of-world-energy-2017-electricity.pdf>> đã truy cập vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

⁹ Dữ liệu của Ngân hàng Thế giới. Xem tại: <<https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.PCAP.CD>> đã truy cập vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

- Tăng thu khoảng 15 - 20 tỷ Đô-la Mỹ cho ngân sách Chính phủ để phát triển 3 GW của các nhà máy nhiệt điện khí trong nước, so với mức chi phí hối đoái khoảng 20 - 25 tỷ Đô-la Mỹ để nhập khẩu than nhằm phát triển một dự án điện than tương tự;
- Giảm các chi phí ô nhiễm môi trường và xã hội từ các nhà máy điện than mới do các nhà máy này đang làm giảm chất lượng không khí, nước, đất và làm gia tăng chi phí y tế. Theo tính toán của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), ước tính chi phí do ảnh hưởng sức khỏe và môi trường của các dự án nhiệt điện than trong quy hoạch phát triển điện lực hiện nay có thể lên tới 15 tỷ Đô-la Mỹ hàng năm vào năm 2030;¹⁰
- Giảm sự phụ thuộc của Việt Nam vào than nhập khẩu dẫn tới rủi ro về khả năng cung cấp cũng như nhu cầu lên đến hàng chục tỷ Đô-la ngoại hối và rủi ro về cán cân thanh toán;
- Giảm gánh nặng về tài chính, chi phí hậu cần và chi phí môi trường của việc vận chuyển than và xỉ than; và
- Xây dựng nhanh hơn các nhà máy năng lượng. Chỉ mất một năm để lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời, và thậm chí còn nhanh hơn đối với trang trại gió, ngắn hơn nhiều so với các nhà máy nhiệt điện. Các hệ thống năng lượng mặt trời, trang trại gió có thể được mở rộng khi nhu cầu tăng.

Kiến nghị

Theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ cần xây dựng lộ trình năng lượng bền vững hơn để thu hút các khoản đầu tư mới. Điều này yêu cầu thực hiện một số chính sách cơ bản và cải cách pháp lý được mô tả như dưới đây:

- Áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả
 - a. Đảm bảo đa số người tiêu dùng phải chi trả cho các chi phí sử dụng năng lượng thực tế và xác định thời gian, tiến độ tính giá bán điện theo thị trường. Tăng sự minh bạch là cách để thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực sử dụng năng lượng hiệu quả và lắp đặt máy phát điện mặt trời, điện gió hoặc nguồn năng lượng tái tạo khác tại hộ gia đình để giảm áp lực lên hệ thống phân phối điện. Cụ thể, chúng tôi kiến nghị ban hành Lộ trình Giá Bán lẻ Điện để hoàn toàn tính giá bán điện theo thị trường vào năm 2020, tầm nhìn năm 2025, gồm xác định các mức giá điện khác nhau cho 3 mục đích sử dụng chính (sinh hoạt, thương mại và công nghiệp). Các khoản đầu tư nhằm đổi mới và sử dụng điện hiệu quả vẫn sẽ không được nhân rộng vì các doanh nghiệp và người tiêu dùng nghĩ rằng biểu giá điện sẽ vẫn được Chính phủ trợ giá;
 - b. Khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào lưới điện thông minh và công nghệ chuyển đổi thông minh nhằm đưa ra các giải pháp tiết kiệm chi phí hiệu quả;
 - c. Xây dựng các biện pháp ưu đãi đặc biệt cho hệ thống biến rác thải thành điện năng, đặc biệt là đem đến lợi ích cho cộng đồng địa phương thông qua việc cải thiện sức khỏe và vệ sinh;
 - d. Thực hiện chiến dịch giáo dục cộng đồng để nâng cao nhận thức cho người tiêu dùng để giảm lãng phí năng lượng cùng với việc minh bạch hóa thông tin về tăng biểu giá điện.
- Thúc đẩy đầu tư tư nhân trong lĩnh vực năng lượng tái tạo
 - a. Cho phép áp dụng hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA) giữa các nhà sản xuất điện và khách hàng tiêu thụ điện lớn, vì trên thực tế đã cho thấy hiệu quả lớn khi áp dụng ở các quốc gia tương tự. Các công ty như Apple, Nike, Coca Cola, Google, TetraPak và một số tập đoàn đa quốc gia (MNC) khác đã công khai cam kết toàn cầu về việc sẽ hướng tới sử dụng năng lượng sạch. Điều này sẽ thu hút thêm đầu tư vào các thương hiệu toàn cầu, giúp Việt Nam tăng vị thế trong chuỗi giá trị sản xuất;
 - b. Thực hiện các kiến nghị của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) về những thay đổi đối với hợp đồng mua bán điện gió và điện mặt trời để tăng “khả năng vay tài chính” trong Biểu giá Năng lượng Tái tạo (FIT) đối với các dự án năng lượng tái tạo và loại bỏ các điều khoản hợp đồng mua bán điện không bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và ngân hàng tài trợ cho các dự án này;

¹⁰ Được tính với mức ước tính sản lượng phát nhiệt điện than là 311 TWh năm 2030 và số liệu ước tính của IMF về chi phí môi trường và sức khỏe từ việc sử dụng than ở Việt Nam là 2,26 Đô-la Mỹ/GJ (tương đương khoản 8,07/MWh điện được sản xuất). Chi phí carbon là 35/tấn CO₂ tương đương. Xem tại: <<http://www.imf.org/external/np/fad/enviro/data/data.xlsx>> đã truy cập vào ngày 19 tháng 12 năm 2017.

- c. Tiếp tục tái cơ cấu để tăng mức độ tín nhiệm của EVN. Ngày càng có nhiều các tổ chức tài trợ quốc tế để xuất hỗ trợ và bảo lãnh xây dựng các dự án năng lượng sạch và năng lượng tái tạo cũng như các quy trình thủ tục hỗ trợ tăng mức độ tín nhiệm của EVN từ góc độ của nhà đầu tư mới đối với những dự án với mức chi phí thấp cho Việt Nam. Việc củng cố năng lực tín dụng cho EVN sẽ hỗ trợ Chính phủ Việt Nam đạt được các mục tiêu về năng lượng và môi trường đồng thời khuyến khích các nhà đầu tư cân nhắc Việt Nam là thị trường hấp dẫn để thực hiện đầu tư, kinh doanh;
- d. Chính phủ cần phối hợp với các chuyên gia năng lượng mặt trời từ khu vực tư nhân, các nhóm kinh doanh tại Việt Nam và công bố Quyết định về Quy hoạch Điện Mặt trời để đưa ra các quy định hỗ trợ nhằm thu hút đầu tư vốn tư nhân.

► Phát triển tiềm năng khí ngoài khơi

- a. Các phân tích chi tiết cho thấy rằng cấu trúc về chi phí và doanh thu của dự án khí có lợi hơn rất nhiều so với phương án sử dụng nhiên liệu nhập khẩu. Thêm vào đó, chi phí cho công nghệ “than sạch” cao hơn nhiều so với khí thiên nhiên.

Chúng tôi nhận thấy nhiều tiến bộ đáng kể trong việc thực thi cải cách nhằm thu hút đầu tư mới để nâng cao năng lực sản xuất năng lượng từ khí thiên nhiên và LPG của Việt Nam và đầu tư vào thị trường đầy tiềm năng này để thực hiện DDPA đối với điện được cung cấp từ các trang trại điện mặt trời và điện gió mới.

Quá trình chuyển đổi đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước sang nguồn vốn tư nhân cần nhiều thời gian và thu hút nhiều nhà đầu tư và công ty sản xuất điện từ châu Âu tham gia liên doanh với các công ty trong nước của Việt Nam. Tuy nhiên, nhu cầu thu hút đầu tư vào lĩnh vực sử dụng năng lượng hiệu quả vẫn chưa được đáp ứng đầy đủ trong khi biểu giá bán lẻ điện vẫn giữ nguyên trong 2,5 năm nữa. Thêm vào đó, hiện vẫn còn thiếu minh bạch về giá điện trong tương lai cho người tiêu dùng và thời gian chuyển sang tính giá điện theo giá thị trường.

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham đánh giá cao nỗ lực ban đầu của việc tăng cường mối quan hệ giữa Bộ Công Thương (BCT) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) trong việc xây dựng chính sách năng lượng cho khu vực tư nhân. Trong thời gian tới, chúng tôi tin rằng các chuyên gia là thành viên của EuroCham trong lĩnh vực tài chính, phân tích thị trường năng lượng và giảm thiểu rủi ro sẽ tiếp tục tích cực hỗ trợ các Bộ ngành liên quan trong việc xây dựng hệ thống cung cấp năng lượng sạch và bền vững cho tương lai.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham

CHƯƠNG 3 TĂNG TRƯỞNG XANH

TỔNG QUAN

EuroCham thành lập Tiểu ban Tăng trưởng Xanh (GGSC) vào tháng 5 năm 2014 nhằm xác định và xây dựng các điều kiện cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của Doanh nghiệp Xanh tại Việt Nam. GGSC đại diện cho khu vực tư nhân, hợp tác chặt chẽ với các bên liên quan trong khu vực công, bao gồm Chính phủ Việt Nam, các Bộ, ban, ngành cũng như các tổ chức viện trợ và các thể chế đa phương. Chương này tập trung vào hai chủ đề chính mà chúng tôi cho rằng Chính phủ cần ưu tiên: thứ nhất là quản lý nước và chất thải, bao gồm kiểm soát chất lượng không khí và sản xuất năng lượng từ chất thải;¹ thứ hai là xây dựng bền vững và hiệu quả sử dụng năng lượng.

I. QUẢN LÝ NƯỚC VÀ CHẤT THẢI, KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ VÀ SẢN XUẤT NĂNG LƯỢNG TỪ CHẤT THẢI

Cơ quan chính phủ liên quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Tổng cục Môi trường (TCMT)

1. Thực hiện các quy định về xử lý nước thải

Mô tả vấn đề

Trong những năm qua, Việt Nam đã nhận ra rằng việc thiếu phối hợp giám sát xử lý nước thải có thể dẫn đến thảm họa môi trường và kinh tế xã hội nghiêm trọng ảnh hưởng đến sinh kế của hàng triệu người.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Việt Nam có các quy định mâu thuẫn nhau về Đánh giá Tác động Môi trường (EIA). Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ Môi trường và các báo cáo EIA kém chất lượng của Việt Nam là những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường gia tăng.²

Bộ TN&MT cho biết “Hơn 2.000 dự án đầu tư chưa có đầy đủ đánh giá tác động môi trường, hàng trăm khu công nghiệp (KCN) không có hệ thống xử lý nước thải”³ theo quy định pháp luật.⁴ “Các khu công nghiệp trên cả nước xả ra hơn một triệu mét khối nước thải mỗi ngày, trong đó 75% không qua xử lý và gây hại”.⁵

Bên cạnh nước thải công nghiệp, Ngân hàng Thế giới ước tính chỉ 10% nước thải sinh hoạt được xử lý trong khi “90% các hộ gia đình xả nước thải vào bể tự hoại, chỉ có 4% bùn thải được xử lý”.⁶ Lượng bùn thải chưa qua xử lý đã trở thành thách thức chính.

Chương 19 của Bộ luật Hình sự mới của Việt Nam⁷ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2018 quy định hình phạt đối với vi phạm về môi trường. Các hình phạt này bao gồm hình phạt đối với hành vi vi phạm quy định về nước thải, nếu vi phạm nghiêm trọng có thể dẫn đến đóng cửa vĩnh viễn doanh nghiệp. Tuy nhiên, pháp luật sẽ không mang tính răn đe, hiệu quả nếu Nhà nước không nghiêm khắc thực hiện các hình phạt trên thực tế.

1 Vui lòng lưu ý rằng quan điểm đầy đủ của Tiểu ban Tăng trưởng Xanh về ngành Điện được đề cập trong chương về Ngành Năng lượng và Điện lực.

2 “Quy định pháp luật không rõ ràng góp phần gây ra khủng hoảng môi trường”, *Vietnam Net*, ngày 1 tháng 10 năm 2016. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/environment/164584/unclear-laws-contribute-to-environmental-crisis.html>> đã truy cập vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

3 “Báo cáo của Bộ TNMT cho thấy các vấn đề môi trường nghiêm trọng”, *Vietnam Net*, ngày 14 tháng 9 năm 2016. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/environment/163554/environment-ministry-s-report-shows-serious-environmental-problems.html>> truy cập lần cuối vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

4 Điều 37, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 về quản lý chất thải và phế liệu.

5 “Hơn 1 triệu m3 nước thải công nghiệp xả bỏ mỗi ngày tại Việt Nam”, *VietnamNet*, ngày 3 tháng 12 năm 2015. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/environment/148243/over-1-mln-cu-m-of-industrial-wastewater-dumped-everyday-in-vietnam.html>> truy cập lần cuối vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

6 “Việt Nam: Đánh giá Nước thải Đô thị”, *Ngân hàng Thế giới*, ngày 1 tháng 12 năm 2013. Xem tại: <<http://www.worldbank.org/en/country/vietnam/publication/vietnam-urban-wastewater-review>> đã truy cập vào ngày 30 tháng 11 năm 2017.

7 Bộ luật Hình sự 12/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20 tháng 6 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 100/2015/QH13.

Kiến nghị

- Xây dựng lực lượng chuyên trách thực hiện hiệu quả các tiêu chuẩn về xử lý nước hiện nay;
- Thống nhất các quy định còn gây mâu thuẫn về EIA; và
- Tập trung vào các khu công nghiệp xả nước thải chưa qua xử lý vào môi trường.

2. Thúc đẩy đầu tư từ khu vực tư nhân vào các giải pháp xử lý nước và nước thải

Mô tả vấn đề

Bộ Xây dựng (BXD) ước tính cho đến năm 2020 Việt Nam sẽ cần các khoản đầu tư trị giá hơn 10 tỷ Đô-la Mỹ vào lĩnh vực cung cấp và thoát nước.⁸ Mục tiêu này sẽ khó đạt được trong thời gian ngắn nếu không kêu gọi đầu tư từ khu vực tư nhân.

Tuy nhiên, giá nước sạch và xử lý nước thải còn quá thấp để các nhà đầu tư tư nhân xây dựng các doanh nghiệp có lợi nhuận tài chính. Giá nước thải đã qua xử lý của Việt Nam được tính dựa trên mức giá độc quyền cung cấp nước sạch dù trên thực tế, chi phí xử lý nước thải cao hơn chi phí cấp nước sạch.

Thêm vào đó, các quy định mâu thuẫn nhau như Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (Nghị định 80) và Nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (Nghị định 154) quy định không thống nhất về việc thu phí xử lý nước thải và/hoặc phí bảo vệ môi trường.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Lợi ích tiềm tàng không chỉ về môi trường. Với chính sách ưu đãi và sự phối hợp thực hiện các quy định hợp lý, Việt Nam có thể phát triển bền vững ngành công nghiệp nước. Các tổ chức viện trợ và các thể chế đa phương đã và đang sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam về tài chính, hỗ trợ kỹ thuật và phát triển năng lực. Tuy nhiên, các biện pháp này sẽ không kéo dài vĩnh viễn và Việt Nam cần phải quyết định sẽ sẵn sàng thực hiện các kiến nghị này hay đối mặt với sự xuống cấp ngày càng trầm trọng của môi trường.

Chính phủ đã lập kế hoạch cổ phần hóa Công ty Nước sạch Hà Nội (Hawaco), Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn (Sawaco) và 51 công ty nước khác vào năm 2020.⁹ Bên cạnh sự cần thiết cải tiến cơ chế giá cả, quy trình ra quyết định và các yếu tố kỹ thuật khác liên quan đến quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (DNNN), khu vực tư nhân sẽ không có các khoản đầu tư lớn vào các công ty này nếu các điều kiện kinh doanh cơ bản không đem đến lợi nhuận tài chính và không bền vững về mặt kinh tế.

Kiến nghị

- Chuyển sang mô hình tính giá theo nhu cầu đối với xử lý nước thải;
- Thống nhất các quy định gây mâu thuẫn về phí xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường để tránh tình trạng chồng chéo các quy định; và
- Tạo điều kiện bền vững cho các khoản đầu tư vào các DNNN kinh doanh nước.

3. Quản lý chất thải và tái chế chất thải điện tử

Mô tả vấn đề

Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam quy định theo nguyên tắc giảm thiểu, tái sử dụng, thu gom, và xử lý chất thải đáp ứng tiêu chuẩn môi trường.¹⁰ Tuy nhiên, phần lớn chất thải vẫn đang được thải tại bãi chôn lấp mà không qua

8 “Cần hơn 10 tỷ Đô-la Mỹ cho các dự án cung cấp, xử lý nước”, *VietnamPlus*, ngày 7 tháng 11 năm 2017. Xem tại: <<https://en.vietnamplus.vn/over-10-billion-usd-needed-for-water-supply-treatment-projects/120753.vnp>> truy cập lần cuối vào ngày 29 tháng 11 năm 2017.

9 Phụ lục II, Quyết định 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

10 Luật Bảo vệ môi trường 2014; Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Nghị định 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định 03/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 1 năm 2015 quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường và Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

xử lý, gồm 90% tổng lượng chất thải rắn tại Hà Nội và 76% tại Thành phố Hồ Chí Minh.¹¹ Các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh không chỉ đang gây nguy hại môi trường và ảnh hưởng đến người dân ở khu vực xung quanh¹² mà còn lãng phí nguồn nguyên liệu giá trị vốn có thể được tái chế hoặc sử dụng để sản xuất điện năng. Các tập đoàn đa quốc gia hiện đang tự đề ra mục tiêu tái chế và sử dụng năng lượng tái tạo và họ cần khung pháp lý hỗ trợ thực hiện việc kinh doanh tại Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quyết định 16/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ (Quyết định 16) đưa ra các quy định về thu hồi, tái chế và thải bỏ các sản phẩm bao gồm pin và ắc quy, thiết bị điện và điện tử dân dụng và công nghiệp (Thiết bị ĐĐT), dầu nhớt, sẫm, lốp xe, và phương tiện giao thông. Tổng cục Môi trường (TCMT) đang xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn Quyết định 16 cùng với các quy định khác.¹³ Các quy định này là những bước đi tích cực và đúng hướng, nhưng chúng sẽ hiệu quả hơn nếu xác định rõ ràng các mục tiêu thu hồi để nhà sản xuất và người tiêu dùng có thể lập kế hoạch và điều chỉnh trước.

Việt Nam đã ban hành quy phạm pháp luật về sản xuất điện từ chất thải rắn, còn gọi là sản xuất Năng Lượng từ chất thải (WTE), từ năm 2014.¹⁴ Tuy nhiên, tại thời điểm tháng 10 năm 2017, có rất ít dự án WTE thí điểm quy mô nhỏ đang được vận hành hoặc đang được xây dựng tại Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh đặt mục tiêu giảm chất thải chôn lấp xuống 20% vào năm 2025 và lập kế hoạch thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân vào WTE.¹⁵ Tuy nhiên, việc trì hoãn đưa ra quyết định từ phía các cơ quan nhà nước và thủ tục cấp phép phức tạp đã khiến các dự án WTE với quy mô lớn hơn vẫn chưa thể tiến triển và đi vào giai đoạn thực hiện.

Kiến nghị

- Thải bỏ sản phẩm: Áp dụng hạn mức thu gom bắt buộc, có thể bắt đầu ở tỷ lệ 10% (hoặc cao hơn) tổng sản lượng bán ra thị trường hàng năm và tăng dần theo lộ trình thời gian rõ ràng.
- WTE: Có hướng dẫn và lịch trình phê duyệt rõ ràng, khả thi đối với các dự án sản xuất năng lượng từ chất thải và đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

4. Kiểm soát chất lượng không khí

Mô tả vấn đề

Chất lượng không khí đã lên đến mức “rất nguy hiểm với sức khỏe” và “nguy hiểm với sức khỏe” tại nhiều thành phố lớn của Việt Nam. Đại học Yale đã liệt kê Việt Nam trong danh sách 9 quốc gia có chất lượng không khí ô nhiễm nhất trên thế giới.¹⁶ Theo một báo cáo gần đây của Trung tâm Phát triển Sáng tạo Xanh (GreenID), Hà Nội chỉ có 38 ngày không khí sạch trong năm 2017.¹⁷ Trên thực tế, Việt Nam không có quy định cụ thể về ô nhiễm không khí.¹⁸ Lưu huỳnh đioxit, bụi, đioxit, cacbon monoxit và nitơ đioxit đang được thải ra môi trường từ hoạt động giao thông vận tải, công nghiệp và xây dựng, cũng như từ các nhà máy điện than và nhà máy xi măng.

11 “Chuyên gia: Giải pháp sản xuất năng lượng từ chất thải cho Việt Nam”, *Vietnam Net*, ngày 21 tháng 8 năm 2017. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/environment/185220/experts--waste-to-energy-useful-solution-for-vietnam.html>> truy cập lần cuối vào ngày 30 tháng 11 năm 2017.

12 “Thủ tướng kêu gọi chung tay hành động vì môi trường”, *Vietnam News*, ngày 9 tháng 9 năm 2016. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/society/342513/p-m-calls-for-joint-environmental-efforts.html#W8sAKJ1ivcUXDrtZ.97>> đã truy cập vào ngày 20 tháng 12 năm 2017; “Thành phố Hồ Chí Minh cuối cùng đã kiểm tra nguồn gốc gây mùi ô nhiễm”, *Báo Tuổi trẻ*, ngày 22 tháng 9 năm 2016. Xem tại: <<http://tuoitrenews.vn/society/37179/ho-chi-minh-city-finally-traces-source-of-foul-smell>> truy cập lần cuối vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

13 “Lấy ý kiến góp ý Thông tư quy định về quản lý chất thải rắn thông thường, thu hồi sản phẩm thải bỏ, sản phẩm thải lỏng không nguy hại và tiêu huỷ xe ưu đãi, miễn trừ”, *Vietnam Environment Administration*. Xem tại: <<http://vea.gov.vn/vn/vanbanphapquy/layykiemgopy/LayYKienGopy/Pages/LayykiemgopyTTveQLCTvaTHXUDMT.aspx>> truy cập lần cuối vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

14 Quyết định 31/2014/QĐ-TTg ngày 5 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn tại Việt Nam và Thông tư 32/2015/TT-BCT ngày 8 tháng 10 năm 2015 của Bộ Công Thương về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn.

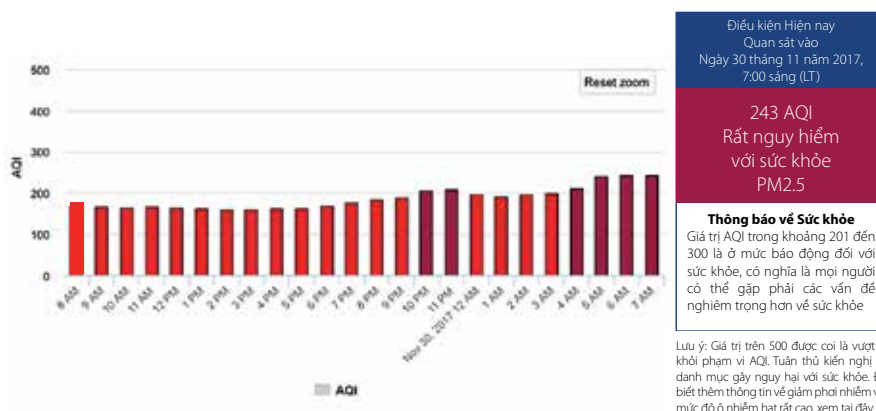
15 “Theo chuyên gia, sản xuất năng lượng từ chất thải là một giải pháp quản lý chất thải” *Vietnam News*, ngày 27 tháng 11 năm 2017. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/society/418310/waste-to-energy-a-solution-to-waste-management-experts.html#iOgY55EeP2fq7Vzz.97>> truy cập lần cuối vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

16 “Chỉ số Chất lượng không khí, hiệu quả hoạt động môi trường”, *Đại học Yale*, 2014. Xem tại: <<http://archive.epi.yale.edu/epi/issue-ranking/air-quality>> truy cập lần cuối vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

17 “Hà Nội chỉ có 38 ngày không khí sạch vào năm 2017: Báo cáo”, *Channel News Asia*. Xem tại: <<https://www.channelnewsasia.com/news/asiapacific/hanoi-vietnam-pollution-clean-air-9909708>> truy cập lần cuối vào ngày 14 tháng 2 năm 2018.

18 “Lỗ hổng về pháp lý khiến việc kiểm soát chất lượng không khí trở nên không khả thi”, *Vietnam Net*, ngày 22 tháng 9 năm 2017. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/environment/186758/legal-loop-holes-make-it-impossible-to-control-air-quality.html>> truy cập lần cuối vào ngày 29 tháng 11 năm 2017.

Biểu đồ 8: Chất lượng không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thường xuyên đạt mức “rất nguy hiểm với sức khỏe” và “nguy hiểm với sức khỏe”



Nguồn: Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) ước tính đến năm 2030, sự phụ thuộc vào than đá của quy hoạch phát triển năng lượng hiện tại có thể tác động đến môi trường và sức khỏe lên tới 15 tỷ Đô la Mỹ mỗi năm.¹⁹

Mặc dù Tổng cục Môi trường đã thiết lập các mục tiêu phát thải,²⁰ tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam vẫn chưa có chính sách rõ ràng và các mục tiêu cụ thể để kiểm soát chất lượng không khí. Ngoài ra, Việt Nam chưa có quy định kiểm soát ô nhiễm mùi phát sinh từ bãi rác, nhà máy và khu nuôi trồng thủy sản.

Kiến nghị

- Công bố các mục tiêu và quy định chính sách về kiểm soát chất lượng không khí và khí thải cụ thể;
- Áp dụng thuế đối với các nhà máy điện than, nhà máy xi măng và các nguồn ô nhiễm chính khác dựa trên những ảnh hưởng về mặt kinh tế, xã hội và sức khỏe; và
- Đẩy mạnh phát triển vận tải công cộng.

5. Ô nhiễm môi trường bởi túi nhựa nylon

Mô tả vấn đề

Chúng tôi muốn trình bày lại vấn đề ô nhiễm môi trường do túi nylon trong ấn phẩm Sách Trắng năm nay. Mặc dù tình hình chưa có nhiều tiến triển, nhưng chúng tôi thấy phấn khởi với dự thảo Nghị quyết của Bộ Tài chính trong đó đề xuất tăng thuế bảo vệ môi trường đối với túi nylon và chúng tôi mong muốn được đóng góp cũng như hỗ trợ thực thi quy phạm pháp luật cực này.

Mỗi năm có tới 60% chất thải nhựa đổ ra đại dương trên thế giới từ 5 quốc gia. Việt Nam đứng thứ 4 trong số các quốc gia này (sau Trung Quốc, Indonesia và Philippines) với lượng chất thải nhựa rất lớn thải ra đại dương.²¹ Trong một cuộc khảo sát gần đây của các nhà nghiên cứu thuộc Trung tâm Hỗ trợ Quản lý Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (PADDI) về Chu kỳ tồn tại của chất thải nhựa trên các kênh rạch của Thành phố Hồ Chí Minh, mức độ ô nhiễm chất thải nhựa trên kênh rạch của Thành phố Hồ Chí Minh được đánh giá là cao hơn từ 50 đến 100 lần so với sông Seine ở Paris, Pháp, nơi có dân số tương đương là 10 triệu người.²²

19 “Kế hoạch Năng lượng sản xuất tại Việt Nam”, *Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*, tháng 10, năm 2016, trang 3.

20 “Việt Nam xác định mục tiêu phát thải 2020 gồm giảm ô nhiễm khói bụi”, *VN Express*, ngày 23 tháng 9 năm 2016. Xem tại: <<http://e.vnexpress.net/news/news/vietnam-sets-2020-emissions-targets-as-nation-chokes-on-smog-3472995.html>> truy cập lần cuối vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

21 J.R. Jambeck, R. Geyer, C. Wilcox, T.R. Siegler, M. Perryman, A. Andrady, R. Narayan và K.L. Law (2015), Chất thải nhựa từ đất liền thải ra đại dương, *Science*, Tập 347, Ấn phẩm 6223.

22 “Vòng đời của rác thải nổi trong các kênh rạch của Thành phố Hồ Chí Minh”, *Centre de Prospective et d’Études Urbaines*, 2016. Xem tại: <http://paddi.vn/wp-content/uploads/WP4_PADDI_Chung_ENG-Final-221116-2.pdf> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tái chế không phải là giải pháp duy nhất, vì khoảng 80% lượng nhựa thải có giá trị khá thấp. Hơn nữa, phần lớn các sản phẩm nhựa được sử dụng ở Việt Nam được làm bằng vật liệu không phân hủy và dưới tác động của tia cực tím từ mặt trời và các tác nhân thời tiết như gió, các sản phẩm này sẽ vỡ thành những mảnh nhỏ hơn theo thời gian. Các mảnh nhựa nhỏ hơn 5mm, còn được gọi là nhựa vi mô, có thể bị các động vật hoang dã hấp thụ và ảnh hưởng tiêu cực lên hệ sinh thái.²³ Do đó, hành động thiết yếu nhất vẫn là tránh và giảm sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần như bao bì thực phẩm, túi nhựa, chai hoặc ống hút. Hành động giảm lượng chất thải nhựa có thể mang lại tác động tích cực cho cả nền kinh tế, cho môi trường tự nhiên và sinh kế của người dân. Ngay cả những thay đổi nhỏ cũng góp phần giải quyết vấn đề về chất thải nhựa của Việt Nam, để chứng minh điều này, vào cuối năm 2017, EuroCham đã đưa ra Sáng kiến Bền vững của mình. Các công ty thành viên đăng ký tham gia sáng kiến này đồng ý thực hiện các biện pháp để giảm tác động môi trường. Bước đầu tiên là loại bỏ chai nhựa dùng một lần trong văn phòng.²⁴

Kiến nghị

GGSC thuộc EuroCham khuyến nghị các quy định về xử lý chất thải, nước thải cần được thực hiện nghiêm ngặt và thực sự hiệu quả. Chính phủ cần phối hợp và tổ chức các chương trình hành động cả ở tầm quốc gia cũng như trong khu vực nhằm đẩy mạnh việc hạn chế xả rác thải nhựa, điển hình như trường hợp của Singapore. Các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu đã áp dụng thành công việc cấm sử dụng các loại túi nylon polythene không tự phân hủy sinh học và biện pháp này cần được xem xét thực hiện chặt chẽ tại Việt Nam. Trường hợp Rwanda và Kenya đã thành công cấm sử dụng túi nhựa không tự phân hủy sinh học lần lượt vào năm 2008 và 2017 chứng tỏ biện pháp này cũng khả thi ngay cả đối với các nước đang phát triển.²⁵

Chúng tôi kiến nghị Việt Nam tham khảo các nghiên cứu điển hình của hơn 240 quốc gia đã cấm, cấm một phần hoặc đánh thuế việc sử dụng túi nhựa dùng một lần, bao gồm châu Âu: Pháp, Đức và Ý; Trung Quốc ở châu Á; và Rwanda và Kenya ở châu Phi. Kinh nghiệm của các quốc gia này cho thấy các điểm bán lẻ, các nhà cung cấp thực phẩm cũng như người tiêu dùng có thể nhanh chóng thích nghi và áp dụng các giải pháp ít gây ô nhiễm, hơn cho môi trường.

II. XÂY DỰNG BỀN VỮNG VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Công trình cao tầng vẫn đang và sẽ là các công trình tiêu thụ nhiều điện năng nhất. Sự phát triển nhanh chóng của tầng lớp và lối sống trung lưu, trong đó có việc sử dụng điều hòa thường xuyên, là nguyên nhân đáng kể dẫn đến việc mức tiêu thụ điện ở các thành phố lớn của Việt Nam tăng cao. Do đó, thiết kế tòa nhà một cách hợp lý có thể góp phần hạn chế lượng điện tiêu thụ trong 25 năm tiếp theo của vòng đời tòa nhà. Tuy nhiên, việc xây dựng các công trình xanh tại Việt Nam hiện vẫn đang trong giai đoạn sơ khai với chỉ khoảng 40 công trình trong nước được cấp giấy chứng nhận công trình xanh, trong đó phần lớn thuộc lĩnh vực công nghiệp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thứ nhất, do những hạn chế trong việc thực thi quy định pháp luật, hiện tại dường như chỉ có quy tắc của các doanh nghiệp toàn cầu là định hướng hoạt động xây dựng. Vì giá điện thấp nên các doanh nghiệp chưa có nhu cầu giảm thiểu chi phí hoạt động. Do đó, đầu tư cho công trình xanh vẫn còn rất ít ỏi để có thể giải quyết các vấn đề môi trường hiện tại.

²³ Như trên, trang 14.

²⁴ "Tham gia ngày: Các Thành viên này của EuroCham đã ngưng sử dụng chai nước dùng một lần. Còn bạn?", EuroCham. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/17144>> truy cập lần cuối vào ngày 14 tháng 2 năm 2018.

²⁵ E. Clavel, "Bạn nghĩ là bạn không thể sống thiếu túi nylon? Hãy cân nhắc điều Rwanda đã làm được", *The Guardian*, ngày 15 tháng 2 năm 2014. Xem tại: <<https://www.theguardian.com/commentisfree/2014/feb/15/rwanda-banned-plastic-bags-so-can-we>> truy cập lần cuối vào ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Thứ hai, để đáp ứng nhu cầu gạch nung, Việt Nam đã mất đi 3.000 ha ruộng lúa và tiêu thụ hơn 6 triệu tấn than mỗi năm. Chính phủ và Bộ Xây dựng (BXD) đã áp dụng một số biện pháp để giải quyết vấn đề này. Thứ nhất, Quyết định 567/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28 tháng 4 năm 2010 về việc phê duyệt chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020 (Quyết định 567) nhằm mục đích đạt tỷ lệ sử dụng gạch không nung chiếm 30-40% đến năm 2020 với 15 - 20 tấn chất thải công nghiệp). Thứ hai, Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây dựng không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung (Chỉ thị 10). Thứ ba, Điều 3 của Thông tư 13/2017/TT-BXD có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2018²⁶ quy định các dự án được tài trợ bằng ngân sách nhà nước hoặc liên quan đến nhà nước đều phải sử dụng gạch không nung. Tất cả công trình tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đều phải sử dụng 100% vật liệu là gạch không nung. Các công trình tại các tỉnh đồng bằng Trung du Bắc bộ; các tỉnh vùng Đông Nam bộ, các khu đô thị từ loại III trở lên sử dụng tối thiểu 90%, tại các khu vực còn lại sử dụng tối thiểu 70% vật liệu là gạch không nung. Các công trình tại các tỉnh còn lại, các đô thị từ loại III trở lên phải sử dụng tối thiểu 70%, các khu vực còn lại phải sử dụng tối thiểu 50% vật liệu là gạch không nung. Các công trình xây dựng từ 9 tầng trở lên phải sử dụng tối thiểu 80% vật liệu là gạch không nung trong tổng số vật liệu.

Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2018, thay thế Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở (Nghị định 121). Các quy định mới này áp dụng các hình phạt do không tuân thủ ở mức 20-30 triệu VND. Tuy nhiên, chúng tôi mong đợi các quy định này sẽ được thực hiện đúng đắn và hiệu quả.

Cuối cùng, Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả (VEEBC) của Bộ Xây dựng ban hành năm 2013²⁷ có tính ràng buộc về mặt pháp lý. Quy chuẩn này quy định đầy đủ và phản ánh các chuẩn mực quốc tế và các chỉ tiêu trong nước. Tuy nhiên, Quy chuẩn này vẫn chưa được áp dụng rộng rãi và các công trình vẫn không bị buộc phải tuân thủ quy chuẩn để được cấp giấy phép xây dựng. Ngay cả phiên bản đơn giản hơn của Quy chuẩn này cũng đòi hỏi chủ sở hữu đảm bảo công trình đạt hiệu quả về năng lượng nhiều hơn và đòi hỏi các kỹ sư phải có kiến thức cơ bản về vật liệu và công nghệ xây dựng tiết kiệm năng lượng.

Kiến nghị

GGSC thuộc EuroCham xin trình bày các kiến nghị như sau:

- Khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn Công trình xanh. Nhiều chủ sở hữu công trình đã biết đến các khái niệm về Công trình xanh, đồng thời, các tổ chức như Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam (VGBC) cho biết tiêu chuẩn này đã được quan tâm nhiều hơn trong vòng 2-3 năm qua so với hai năm trước. Hơn 100 công trình đã và đang xin cấp chứng chỉ Công trình Xanh tại Việt Nam. Chúng tôi kiến nghị Chính phủ khuyến khích chủ công trình xây dựng xin cấp chứng chỉ công trình xanh. Bên cạnh các loại chứng chỉ công trình xanh quốc tế được sử dụng tại Việt Nam như Chứng chỉ Định hướng Thiết kế về Năng lượng và Môi trường (LEED) của Hội đồng Công trình Xanh Hoa Kỳ (USGBC) và Hệ thống Chứng chỉ Xanh EDGE của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), VGBC đã phát triển chứng chỉ LOTUS. Chúng tôi sẽ hỗ trợ thúc đẩy công nhận nhiều hệ thống khác nhau để sử dụng tại Việt Nam, và tự thị trường sẽ chọn lọc hệ thống nào thiết thực và hữu ích. Những hệ thống này có thể được cấp giấy phép hoạt động dựa trên một bộ tiêu chí đơn giản như tính minh bạch, tính đáng tin cậy và tính phù hợp với các tiêu chuẩn đã được công nhận.
- Tăng cường sử dụng các giải pháp gạch không nung và xúc tiến việc thực hiện các giải pháp này thông qua Hiệp hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam (VABM) để giảm lượng khí thải cacbon từ 70% xuống 40%.

²⁶ Thông tư 13/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 8 tháng 12 năm 2017 quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng. Thông tư này thay thế Thông tư 09/2012/TT-BXD ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng quy định 100% các dự án của nhà nước và các dự án khác cao hơn 9 tầng phải sử dụng hơn 50% vật liệu là gạch không nung.

²⁷ QCVN09:2013/BXD được lập theo Thông tư 15/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 26 tháng 9 năm 2013 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

- ▶ Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng của các công trình. Công trình sử dụng năng lượng hiệu quả không tốn chi phí đầu tư cao hơn và có thể được áp dụng từ giai đoạn kiến trúc với giải pháp thiết kế thụ động, sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường cho đến sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng. Chúng tôi khuyến khích tất cả các công trình đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu của VEEBC (hoặc quy chuẩn đơn giản hơn) để được cấp giấy phép xây dựng trong Giai đoạn Thiết kế Cơ bản. Thêm vào đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có thể áp dụng biểu giá điện trong đó công trình tiêu thụ năng lượng thấp sẽ được hưởng giá thấp hơn và công trình có mức tiêu thụ cao sẽ bị áp mức giá cao hơn.
- ▶ Có rất nhiều giải pháp xây dựng bền vững trên thị trường và nhiều ví dụ thành công trong thực tiễn từ các công ty. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng cần thực hiện một thiết kế quy hoạch đô thị rõ ràng, trong đó không chỉ có các giải pháp về công trình xanh mà cả các giải pháp cải thiện các vấn đề về nước, xử lý về chất thải, giao thông, cải thiện môi trường sinh sống. Chương trình ưu đãi và chính sách ở cấp vĩ mô này có thể giúp Việt Nam hướng tới các mục tiêu xây dựng Thành phố Thông minh.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham và Almut Roessner, Giám đốc Điều hành EuroCham

CHƯƠNG 4 NGUỒN NHÂN LỰC

TỔNG QUAN

Tiểu ban Nguồn Nhân lực và Đào tạo của EuroCham xin chân thành cảm ơn những thay đổi tích cực, những nỗ lực của Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan trong việc cải thiện các quy định về luật lao động, việc làm và đào tạo trong những năm gần đây. Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ việc Chính phủ gia tăng các cuộc đối thoại và tham vấn với cộng đồng doanh nghiệp.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam (SEDS) giai đoạn 2011 - 2021 xác định việc thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực / phát triển kỹ năng nguồn nhân lực là một trong ba lĩnh vực đột phá. Mặc dù mức đầu tư vào đào tạo đều tăng hằng năm, việc thiếu các kỹ năng cần thiết trong các ngành công nghiệp và ngành nghề trọng yếu là thách thức đáng kể cho lực lượng lao động Việt Nam. Nâng cao chất lượng đào tạo, giáo dục và hệ thống pháp luật về quản lý lao động sẽ giúp đáp ứng nhu cầu về lực lượng lao động có tay nghề, nâng cao năng suất và thúc đẩy môi trường đầu tư cạnh tranh lành mạnh.

Chúng tôi rất chú ý quan sát các tiến triển về chất lượng lao động, quyền lao động và cam kết lao động, đặc biệt là trong thời điểm Việt Nam đang tham gia tích cực vào quá trình hội nhập toàn cầu; ký kết và thực hiện nhiều Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), bao gồm Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA).

EVFTA bao gồm một chương nội dung nhấn mạnh và toàn diện về Thương mại và Phát triển Bền vững, nhằm giải quyết nhiều vấn đề bao gồm các vấn đề lao động liên quan đến quan hệ thương mại giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam. Mục tiêu là để thúc đẩy sự tương hỗ giữa thương mại, đầu tư và chính sách lao động cũng như để đảm bảo rằng các mối quan hệ gia tăng sẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi người lao động. Trong bối cảnh này, Việt Nam đã cam kết sẽ phê chuẩn và thực hiện có hiệu quả các Công ước cơ bản của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), bao gồm ba Công ước đang chờ được ký kết (số 87, số 98 và số 105). FTA cũng bao gồm các cam kết thúc đẩy hoạt động kinh doanh có trách nhiệm (Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp, hoặc CSR) ở cấp doanh nghiệp có nguồn vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài. Để đảm bảo rằng Việt Nam có thể tuân thủ các cam kết theo FTA, chúng tôi đề xuất các kiến nghị sau:

- Đưa ra kế hoạch hành động để phê chuẩn các Công ước cơ bản của ILO đang chờ ký kết với khung thời gian cụ thể;
- Đảm bảo rằng việc sửa đổi Bộ luật Lao động hiện hành sẽ phù hợp với các cam kết FTA, đặc biệt là việc thành lập các tổ chức độc lập của người lao động;
- Làm việc với ILO để theo dõi và hỗ trợ thực hiện các cam kết FTA;
- Nâng cấp hệ thống thanh tra lao động để nâng cao khả năng thực hiện có hiệu quả các tiêu chuẩn lao động cốt lõi; và
- Nâng cao nhận thức về các nguyên tắc CSR phù hợp với Hướng dẫn của OECD cho các doanh nghiệp đa quốc gia.
- Để thực hiện có hiệu quả EVFTA, Việt Nam cũng cần cải thiện môi trường làm việc trong quá trình chuẩn bị và thực thi các quy định hiện hành (như trình bày chi tiết dưới đây) cũng như việc thống qua các bộ luật trong tương lai.

I. MỞ RỘNG QUYỀN CỦA CHỦ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRONG VIỆC CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Lao động (BLĐ), Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH)

Mô tả vấn đề

Luật Lao động của Việt Nam nói chung quy định nhiều điều khoản có lợi cho người lao động, đặc biệt là về các vấn đề liên quan đến chấm dứt hợp đồng lao động. Không giống nhiều quốc gia khác, luật pháp Việt Nam không công nhận định nghĩa “tùy ý chấm dứt hợp đồng lao động”. Việc chấm dứt hợp đồng lao động phải tuân thủ các yêu cầu chặt chẽ về căn cứ và thủ tục chấm dứt. Có ít trường hợp mà chủ sử dụng lao động có thể chấm dứt hợp

đồng lao động với người lao động. Tuy nhiên, trên thực tế, các doanh nghiệp, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài áp dụng tiêu chuẩn lao động quốc tế song song với quy định trong nước, thường dựa vào các chính sách hoặc chuẩn mực doanh nghiệp toàn cầu được áp dụng trong nội bộ doanh nghiệp để xử lý các vấn đề lao động. Một số vi phạm được xem là nghiêm trọng đối với chính sách nội bộ của doanh nghiệp mà có thể làm người lao động bị sa thải ngay thì lại không đáp ứng được các căn cứ chấm dứt hợp đồng lao động theo luật pháp Việt Nam. Một số chủ sử dụng lao động không có cách nào khác ngoài chấm dứt hợp đồng lao động để bảo vệ lợi ích kinh doanh của mình. Tuy nhiên, điều này làm cho họ đối mặt với nhiều rủi ro khi người lao động không tuân thủ quyết định này và tòa án Việt Nam coi hành động chấm dứt hợp đồng lao động đó là trái pháp luật.

Vì lý do đó, để tăng chất lượng nguồn nhân lực, tạo điều kiện cạnh tranh công bằng trên thị trường lao động và thu hút thêm nhiều nhà đầu tư và chủ sử dụng lao động nước ngoài, các nhà lập pháp cần xem xét chặt chẽ việc sửa đổi các quy định về lao động để cho người sử dụng lao động thêm quyền hạn trong việc xử lý các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Từ quan điểm thực tế của các doanh nghiệp khi làm việc với người lao động, có một số vấn đề chính liên quan đến luật lao động về chấm dứt hợp đồng lao động:

1. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (Điều 38 của Bộ luật Lao động)

Có ít trường hợp chủ sử dụng lao động có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động. Theo Bộ luật Lao động hiện hành, chủ sử dụng lao động có thể chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trong các trường hợp sau:

- Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;
- Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục đối với người làm theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, đã điều trị 06 tháng liên tục, đối với người lao động làm theo hợp đồng lao động xác định thời hạn và quá nửa thời hạn hợp đồng lao động đối với người làm theo hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục. Khi sức khỏe của người lao động bình phục, thì người lao động được xem xét để tiếp tục giao kết hợp đồng lao động;
- Do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc; và
- Người lao động không có mặt tại nơi làm việc sau khi hết thời hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động theo pháp luật.

Các trường hợp này không phản ánh đầy đủ các trường hợp thực tế của các công ty khi họ phải chấm dứt hợp đồng lao động. Cụ thể, các ứng viên thường cung cấp sai thông tin về bằng cấp, chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong quá trình tuyển dụng để tăng cơ hội được tuyển dụng. Một số chủ sử dụng lao động quyết định tuyển dụng các ứng viên đó vì các thông tin sai sự thật này cho dù trên thực tế người lao động không đáp ứng được tiêu chí tuyển dụng. Khi việc gian lận này bị phát hiện sau khi thời gian thử việc của người lao động đã kết thúc, không có chế tài theo pháp luật để chấm dứt hợp đồng lao động đối với những người lao động đã gian lận thông tin trong quá trình tuyển dụng.

Thêm vào đó, có các trường hợp khác mà người lao động cố ý không có mặt tại nơi làm việc mà không được chấp thuận hoặc không có lý do chính đáng. Theo Bộ luật Lao động hiện hành, nếu người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 01 năm mà không có lý do chính đáng, người lao động đó sẽ bị kỷ luật và sa thải. Tuy nhiên, thủ tục thực hiện sa thải rất phức tạp và gây nhiều phiền hà (được mô tả chi tiết trong mục II ở dưới). Đối với hành vi vi phạm này, sẽ hợp lý hơn nếu cho phép chủ sử dụng lao động chấm dứt ngay hợp đồng lao động để tiết kiệm nguồn lực và có thêm thời gian tìm kiếm nhân sự thay thế.

Một vấn đề khác liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động cao tuổi. Theo Bộ luật Lao động hiện hành, hợp đồng lao động tự động chấm dứt sau khi người lao động đến tuổi nghỉ hưu và đóng bảo hiểm xã hội đủ số năm cần thiết để nhận lương hưu. Điều này có nghĩa là nếu người lao động đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng chưa đóng đủ bảo hiểm xã hội, chủ sử dụng lao động không thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Trên thực tế, hầu hết chủ sử dụng lao động đều cảm thấy khó khăn trong tình huống này do họ muốn thay thế người lao động cao tuổi bằng nhân viên trẻ hơn có mức lương thấp hơn và năng suất làm việc cao hơn. Tuy nhiên, điều này không thể được thực hiện trừ khi người lao động cao tuổi đồng ý.

2. Kỷ luật lao động và sa thải

Sa thải là hình thức kỷ luật nghiêm trọng nhất đối với người lao động. Hình thức này chỉ giới hạn ở một số hành vi vi phạm cụ thể:

1. Người lao động có hành vi trộm cắp, tham ô, đánh bạc, cố ý gây thương tích, sử dụng ma túy trong phạm vi nơi làm việc, tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động, có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động;
2. Người lao động bị xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương mà tái phạm trong thời gian chưa xóa kỷ luật hoặc bị xử lý kỷ luật cách chức mà tái phạm; và
3. Người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 01 năm mà không có lý do chính đáng.

Phạm vi sa thải rất hẹp và không bao gồm nhiều hành vi vi phạm mà công ty đang phải đối mặt. Ví dụ như, các hành vi quấy rối tình dục, gây gỗ, thù hằn, lừa đảo, đưa và nhận hối lộ hoặc đút lót và các hành vi bạo lực (gồm đe dọa, cố ý đe dọa hoặc gây hoảng loạn cho người khác) cũng cần áp dụng kỷ luật sa thải. Luật Lao động cho phép chủ sử dụng lao động sa thải người lao động dựa trên mức độ nghiêm trọng của thiệt hại gây ra, ví dụ, nếu người lao động “có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc có khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản hoặc lợi ích của chủ sử dụng lao động”. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn rõ ràng về ngưỡng cần được xem xét là “gây thiệt hại nghiêm trọng” hoặc “có khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng”. Trên thực tế, trong quá trình đăng ký nội quy lao động, từng Sở Lao động, Thương binh và Xã hội địa phương (Sở LĐTB&XH) có cách diễn giải khác nhau về quy định này. Một số Sở LĐTB&XH diễn giải quy định này nghĩa là chủ sử dụng lao động dựa trên tình hình kinh doanh của mình cần xác định ngưỡng thiệt hại nghiêm trọng trong nội quy lao động. Trong khi đó các Sở LĐTB&XH khác cho rằng thiệt hại nghiêm trọng phải được xác định bằng tổng giá trị của ít nhất 10 tháng lương tối thiểu vùng áp dụng với nơi làm việc của người lao động. Các diễn giải khác nhau của các Sở LĐTB&XH về quy định này khiến việc áp dụng kỷ luật sa thải trở nên khó khăn hơn trên thực tế.

Theo quy định hiện tại, người sử dụng lao động không được sa thải lao động nữ đang mang thai, hoặc trong thời kỳ nghỉ thai sản hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Mục đích của quy định này là nhằm đảm bảo lao động nữ sắp sinh con hoặc đang nuôi con vẫn được hưởng chế độ thù lao ổn định từ người sử dụng lao động. Chúng tôi cho rằng đúng là luật pháp nên bảo vệ phụ nữ mang thai và có con nhỏ, và đây thực sự là một thành tựu của Việt Nam. Tuy nhiên, bản thân quy định này không nên ngăn người sử dụng lao động áp dụng biện pháp kỷ luật trong trường hợp người lao động gây ra vi phạm có thể dẫn đến bị sa thải. Thực tế, chúng tôi nhận thức được có những tình huống lao động nữ sắp có con hoặc đang nuôi con có hành vi vi phạm gây thiệt hại nghiêm trọng cho người sử dụng lao động. Nhưng theo luật hiện tại, người sử dụng lao động không thể sa thải lao động trong trường hợp này và phải thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với lao động nữ này. Do đó, trong trường hợp người lao động vi phạm nghiêm trọng có thể dẫn đến bị sa thải, lao động nữ đang mang thai, nghỉ thai sản hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi nên được đối xử giống như những người khác.

Bộ luật Lao động cũng quy định người sử dụng lao động có thể sa thải người lao động bị xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương mà tái phạm trong thời gian chưa xóa kỷ luật hoặc bị xử lý kỷ luật cách chức mà tái phạm theo mô tả trong điểm 2 ở trên. Trên thực tế, một số người lao động không tái phạm nhưng lại có hành vi vi phạm khác có mức độ nghiêm trọng bằng hoặc cao hơn. Tuy nhiên, người sử dụng lao động không có cơ sở pháp lý để sa thải họ trong tình huống này.

Thêm vào đó, có nhiều thiếu sót trong thủ tục kỷ luật lao động nói chung. Chúng tôi tin rằng thời hiệu xử lý kỷ luật lao động từ 6 đến 12 tháng kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm là quá ngắn. Điều này là do sau khi vi phạm, người lao động thường cố giấu giếm vi phạm của mình. Vì lý do đó, chủ sử dụng lao động thường không phát hiện ra ngay hành vi vi phạm. Trong một số trường hợp, công ty không thể xử lý kỷ luật, bao gồm sa thải, 6 tháng sau khi xảy ra hành vi vi phạm hoặc 12 tháng nếu vi phạm đó liên quan trực tiếp đến tài chính, tài sản và tiết lộ bí mật công nghệ hoặc kinh doanh. Vì lý do đó, thời hiệu xử lý kỷ luật cần được kéo dài, ví dụ như, thêm 12 tháng.

Cuối cùng, thủ tục xử lý kỷ luật theo pháp luật Việt Nam là quá phức tạp và gây nhiều phiền hà. Để xử lý kỷ luật người lao động một cách hợp pháp, chủ sử dụng lao động phải tổ chức xét xử kỷ luật với sự có mặt của người lao động và ban chấp hành công đoàn. Trong quá trình xét xử, chủ sử dụng lao động phải đưa ra bằng chứng về hành vi vi phạm và người lao động và công đoàn có quyền phản đối. Quy trình này thường tốn rất nhiều thời gian nếu chủ sử dụng lao động không có công đoàn riêng trong doanh nghiệp vì các công đoàn cấp trên thường thiếu

nguồn lực hoặc không sẵn sàng tham dự quá trình xét xử. Trong trường hợp này, chủ sử dụng lao động chỉ có thể thực hiện xét xử kỷ luật nếu tất cả các bên được yêu cầu tham dự đều đã nhận được giấy mời ba lần nhưng một bên không có mặt. Mỗi giấy mời phải được gửi ít nhất năm ngày làm việc trước khi xét xử, nên nếu người lao động hoặc công đoàn không tham dự, cần ít nhất một tháng để thực hiện xong quá trình mời tham dự. Chúng tôi tin rằng quá trình này cần được rút ngắn. Một ví dụ cụ thể là việc gửi thư mời trước năm ngày làm việc nên được rút ngắn thành năm ngày thường.

Kiến nghị

Về vấn đề trên, chúng tôi kiến nghị các biện pháp như sau:

- Bổ sung thêm cơ sở pháp lý để chủ sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động được quy định theo Điều 38.1 của Bộ luật Lao động, ví dụ:
 - Người lao động đã đến tuổi nghỉ hưu, bất kể đã đóng đủ bảo hiểm xã hội trong 20 năm hay chưa;
 - Người lao động cung cấp sai thông tin lý lịch trong quá trình tuyển dụng, ảnh hưởng đến việc tuyển dụng của chủ sử dụng lao động; và
 - Người lao động không có mặt tại nơi làm việc mà không được chấp thuận và/hoặc không có lý do chính đáng tổng cộng 5 ngày làm việc một tháng hoặc 20 ngày một năm.
- Mở rộng phạm vi các hành vi vi phạm bị sa thải ngay lập tức (ví dụ, lừa đảo, đưa hoặc nhận hối lộ hoặc đút lót, quấy rối tình dục hoặc gây gỗ, thù địch và hành vi bạo lực hoặc đã vi phạm nội quy an toàn dẫn đến rủi ro tiềm tàng ảnh hưởng đến tính mạng);
- Bỏ quy định hạn chế sa thải người lao động nữ và/hoặc thành viên của ban chấp hành công đoàn của công ty;
- Cho phép chủ sử dụng lao động sa thải người lao động bị xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương mà tái phạm với mức độ nghiêm trọng tương đương trong thời gian chưa xóa kỷ luật hoặc người lao động bị kỷ luật giáng cấp và có hành vi vi phạm mới với mức độ nghiêm trọng tương tự.
- Gia hạn thời hiệu xử lý kỷ luật từ 12 lên 24 tháng (theo thời hiệu xử lý kỷ luật liên quan đến cán bộ và công chức theo Luật Cán bộ, Công chức). Thời hiệu này cần được tính từ ngày xảy ra hoặc phát hiện hành vi vi phạm.
- Đơn giản hóa quy trình kỷ luật, ví dụ chủ sử dụng lao động. Chỉ cần gửi một giấy mời tham dự xét xử kỷ luật đến người lao động và công đoàn, nếu một trong hai bên không tham dự mà không có lý do chính đáng, quá trình xét xử sẽ được tiếp tục thực hiện; và
- Quy định ngưỡng làm cơ sở xác định “gây thiệt hại nghiêm trọng” hoặc “có khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng”, ví dụ, ngưỡng cụ thể theo giá trị tiền bạc.

II. QUẢN LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI LAO ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXHVN)

1. Đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động nước ngoài tại Việt Nam

Mô tả vấn đề

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2018, người nước ngoài lao động tại Việt Nam phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo luật định. Cụ thể, theo dự thảo mới nhất Nghị định của Chính phủ về nội dung này, chỉ người nước ngoài lao động tại Việt Nam theo hợp đồng lao động và có giấy phép lao động, giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Nhìn chung, chế độ đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động nước ngoài giống với người lao động Việt Nam bao gồm 5 chế độ: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hưu trí và trợ cấp tử tuất.

Tuy nhiên, tại thời điểm biên soạn, dự thảo Nghị định mới nhất đang xem xét hai phương án: (i) tất cả 5 chế độ sẽ áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 hoặc (ii) 3 chế độ ngắn hạn (ốm đau, thai sản và tai nạn lao động) sẽ áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 và 2 chế độ dài hạn còn lại (hưu trí và trợ cấp tử tuất) sẽ áp dụng từ tháng 1 năm 2020.

Thông qua các bản dự thảo Nghị định khác nhau và các hội thảo tham vấn, chúng tôi thấy rằng vẫn còn những quan ngại lớn về vấn đề này. Vì vậy, chúng tôi cho rằng có quá nhiều điểm thiếu sót và không thực tế trong dự thảo Nghị định này và chúng tôi sẽ thảo luận về các vấn đề này trong phần tiếp theo của chương này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thứ nhất, dự thảo Nghị định mới nhất không loại trừ trường hợp người lao động nước ngoài đang được luân chuyển nội bộ trong doanh nghiệp hoặc đang nộp bảo hiểm tự nguyện/bắt buộc tại nước sở tại hoặc đã đến tuổi nghỉ hưu theo Điều 187.1 của Bộ luật Lao động 2012.

Liên quan đến các chế độ bảo hiểm xã hội, việc áp dụng đủ 5 chế độ sẽ không công bằng hoặc không thực tế đối với người lao động nước ngoài. Chúng tôi hiểu rằng Chính phủ đang xem xét thực tế là Việt Nam chưa ký bất cứ hiệp định song phương nào với các quốc gia khác liên quan đến việc thừa nhận đóng bảo hiểm an sinh xã hội. Nếu không có các hiệp định song phương này, người lao động nước ngoài tại Việt Nam có thể sẽ bị đánh thuế bảo hiểm an sinh xã hội hai lần. Trong trường hợp này, cả người lao động và người sử dụng lao động sẽ đều chịu thêm chi phí đóng bảo hiểm an sinh xã hội bắt buộc tại nước sở tại hoặc tại các quốc gia khác. Thêm vào đó, việc áp dụng chế độ hưu trí và tử tuất là không cần thiết do người lao động nước ngoài thường làm việc tại Việt Nam trong thời gian ngắn và sẽ không thể hưởng lợi theo chế độ này. Dự thảo Nghị định mới nhất đề xuất người lao động nước ngoài trong trường hợp này sẽ có quyền yêu cầu thanh toán bảo hiểm xã hội một lần tại Việt Nam trước khi về nước. Tuy nhiên, thủ tục hoàn lại chắc chắn sẽ mang đến nhiều gánh nặng về thủ tục hành chính cho tất cả các bên, bao gồm cơ quan bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài.

Về mức đóng, dựa trên bảng so sánh mức đóng bảo hiểm xã hội của người lao động nước ngoài tại Việt Nam và các quốc gia khác là thành viên các nước Đông Nam Á mà chúng tôi gửi cho Bộ LĐTB&XH trong thư kiến nghị vào ngày 2 tháng 10 năm 2017, mức đóng tại Việt Nam cao hơn nhiều so với các quốc gia khác nhưng tỷ lệ hoàn lại lại thấp hơn. Thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội đối với người lao động nước ngoài cũng là một vấn đề cần quan tâm trên thực tế. Việc thực hiện các thủ tục về bảo hiểm xã hội, đặc biệt là thủ tục yêu cầu được hoàn lại bảo hiểm xã hội một lần khi người nước ngoài về nước hoặc chuyển sang quốc gia khác, sẽ không tạo nên sự đóng góp tích cực vào mức độ hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Kiến nghị

Về mối quan ngại này, chúng tôi kiến nghị các biện pháp sau:

- Tạo sự linh hoạt cho người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài được lựa chọn tham gia bảo hiểm bắt buộc tại Việt Nam;
- Quy định nhóm người lao động nước ngoài không phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Việt Nam;
- Tăng mức thời hạn hợp đồng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc lên 6 tháng hoặc hơn (thời hạn 1 tháng hiện nay là không thực tế);
- Không áp dụng chế độ hưu trí và tử tuất đối với người lao động nước ngoài;
- Tạo sự linh hoạt cho người lao động nước ngoài nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần trước khi rời Việt Nam;
- Quy định mức đóng bảo hiểm xã hội thấp hơn cho người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài để giảm chi phí, đặc biệt là cho người sử dụng lao động có hàng trăm hoặc hàng nghìn người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- Đánh giá tác động của các thủ tục hành chính khi áp dụng từng chế độ bảo hiểm để tạo điều kiện thực hiện cho cơ quan thi hành, người lao động nước ngoài và người sử dụng lao động; và
- Hoàn hiệu lực áp dụng cho đến khi Việt Nam ký kết hiệp định song phương về bảo hiểm với quốc gia khác để tránh việc nộp bảo hiểm bắt buộc hai lần.

2. Giấy phép lao động

Mô tả vấn đề

Việc Bộ LĐTB&XH ban hành Thông tư 23/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 8 năm 2017 hướng dẫn thực hiện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua mạng điện tử (Thông tư 23) giúp cho các thủ tục trở nên nhanh chóng và minh bạch hơn so với thực hiện trên giấy như hiện nay. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề về việc thực hiện Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 3 tháng 2 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Nghị định 11) và các Thông tư liên quan.

Về Nghị định 11, người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng. Trên thực tế, các công ty đa quốc gia (MNC) có nhiều công ty con trên thế giới và thường điều chuyển nhân viên của mình đến các quốc gia khác nhau để phát triển tối đa kỹ năng cho nhân lực của mình trên toàn cầu. Thật không phù hợp nếu người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp chỉ được công nhận tại Việt Nam nếu họ được điều chuyển từ công ty con hoặc trụ sở đã đăng ký trên giấy phép kinh doanh tại Việt Nam với tư cách là nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu doanh nghiệp tại Việt Nam. Vì lý do đó, Thông tư 35/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc 11 ngành dịch vụ trong Biểu cam kết WTO (Thông tư 35) chỉ có thể được áp dụng trong rất ít trường hợp.

Do yêu cầu chặt chẽ của văn bản pháp luật được ban hành ở nước ngoài, thời gian để chuẩn bị hồ sơ xin cấp giấy phép lao động có thể từ 2 đến 3 tháng hoặc thậm chí lâu hơn do thủ tục phức tạp theo pháp luật của các quốc gia khác nhau. Điều này tiếp tục là một vấn đề gây nhiều trở ngại cho người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài.

Số lượng người lao động nước ngoài giữ chức vụ “nhà quản lý” và “giám đốc điều hành” rất hạn chế theo định nghĩa được quy định trong Nghị định 11. Vì lý do đó, phần lớn các chức vụ quản lý, ví dụ như trưởng phòng, được phân loại là “chuyên viên” với yêu cầu kinh nghiệm và trình độ khác nhau. Đôi khi, chức danh công việc cũng cần phải được sửa đổi thành một loại chức danh khác nhằm mục đích xin cấp giấy phép lao động.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Định nghĩa khá hẹp về người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp dẫn đến thực tiễn áp dụng không phù hợp. Các cơ quan tại địa phương có lúc yêu cầu người lao động nước ngoài đang được điều chuyển (trong tập đoàn) đến Việt Nam nộp hợp đồng lao động ký với doanh nghiệp tại Việt Nam. Vì lý do đó, người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp có thể phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và phải tuân thủ các quy định về lao động của Việt Nam mà họ không phải là đối tượng áp dụng.

Thời gian để chuẩn bị hồ sơ xin cấp giấy phép lao động gây nhiều khó khăn đáng kể cho người lao động nước ngoài và người sử dụng lao động mong muốn cử nhân viên đến Việt Nam đúng thời điểm và đúng địa phương làm việc. Để có thể thu hút nhân tài phù hợp, Việt Nam cần mở rộng định nghĩa về “nhà quản lý” và “giám đốc điều hành” trong các điều luật hiện tại.

Kiến nghị

Chúng tôi đề nghị Chính phủ và Bộ LĐTB&XH cần xem xét:

- Bổ sung định nghĩa người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp để công nhận tất cả các trường hợp thực tế, với điều kiện doanh nghiệp tại Việt Nam có thể chứng minh rằng người lao động nước ngoài đang được điều chuyển từ công ty con trong cùng tập đoàn;
- Áp dụng quy trình xử lý nhanh hồ sơ khi doanh nghiệp cần điều chuyển ngay lập tức những nhân lực giữ các chức vụ quản lý cấp cao hoặc một số trường hợp đặc biệt đến Việt Nam khẩn cấp. Trong các trường hợp này doanh nghiệp cần cam kết bổ sung một số chứng từ được yêu cầu trong một khoảng thời gian cụ thể. Chính phủ có thể áp dụng mức phí xử lý hồ sơ cao hơn để thực hiện việc giải quyết nhanh các trường hợp đặc biệt một cách hiệu quả;

- Định nghĩa lại hoặc mở rộng phạm vi định nghĩa về “nhà quản lý” và “giám đốc điều hành” để đảm bảo người lao động nước ngoài ở tất cả các cấp quản lý được cấp giấy phép lao động theo đúng danh mục; và
- Đảm bảo luật pháp về giấy phép lao động và các vấn đề liên quan về quản lý người lao động nước ngoài tại Việt Nam được áp dụng thống nhất trên toàn quốc.

III. ĐÀO TẠO KỸ THUẬT, ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ GIÁO DỤC TẠI VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH) và Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT)

1. Giáo dục, đào tạo kỹ thuật và dạy nghề

Mô tả vấn đề

Nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những bước phát triển đột phá trong hai thập kỷ qua, và hiện nay Việt Nam đang đứng trước những cơ hội tuyệt vời để tiếp tục tăng trưởng bền vững và thành công. Lực lượng lao động Việt Nam cần được trang bị đầy đủ để đáp ứng nhu cầu về năng suất lao động và làm nền tảng tăng trưởng nền kinh tế. Giáo dục và đào tạo là những cấu phần trọng yếu giúp trang bị cho nguồn nhân lực trẻ các kỹ năng cần thiết để đáp ứng nhu cầu của công việc. Vì lý do đó, chất lượng giáo dục và đào tạo tại Việt Nam được hưởng lợi rất nhiều từ việc đạt được các tiêu chuẩn cao nhất có thể. Dù lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã có sự chuyển biến ấn tượng, việc duy trì và thậm chí là tăng tốc độ cải cách trong lĩnh vực này để đáp ứng đầy đủ nhu cầu về nguồn nhân lực là rất quan trọng.

Hiện nay, xu hướng được nhận thấy rộng rãi là sinh viên Việt Nam mới ra trường tham gia vào lực lượng lao động mỗi năm đều thiếu các kỹ năng cần thiết mà công việc yêu cầu. Trên thực tế, chủ sử dụng lao động từ nhiều ngành nghề khác nhau đều nhận thấy sinh viên mới ra trường còn thiếu năng lực. Điều này làm giảm năng suất lao động của nền kinh tế. Nguồn nhân lực Việt Nam đã qua đào tạo và có kỹ năng sẽ giúp đảm bảo sự thành công cho hoạt động đầu tư trong nước và nước ngoài. Sinh viên mới ra trường từ các cơ sở giáo dục của Việt Nam cần được trang bị kiến thức thực tế, kỹ năng cứng và kỹ năng mềm, sự linh hoạt, có tư duy tốt và hòa nhập tốt khi tham gia vào lực lượng lao động. Có thể giải quyết và giảm thiểu tối đa vấn đề thiếu năng lực đang phổ biến hiện nay bằng một nỗ lực tổng thể nhằm đảm bảo rằng sinh viên được đào tạo về kỹ năng làm việc và kỹ thuật trước khi ra trường.

Để trở thành lực lượng lao động có trình độ cao, sinh viên Việt Nam có thể chuẩn bị hành trang cho sự nghiệp của mình bằng cách theo học các trường đại học quốc tế hàng đầu. Đồng thời, cơ hội học tập ở các trường quốc tế tại Việt Nam có thể giúp những sinh viên này xin nhập học tại các trường hàng đầu thế giới khi họ đến tuổi học đại học. Các trường quốc tế tại Việt Nam cũng đang trở thành một lựa chọn thay thế khả thi về mặt giáo dục đối với các gia đình mong muốn đưa con em mình ra nước ngoài học tập. Điều này cho phép con em họ sinh sống tại Việt Nam trong thời gian học phổ thông mà vẫn được hưởng chất lượng giáo dục đẳng cấp quốc tế.

Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm của các đối tác nước ngoài trong ngắn hạn và các tổ chức giáo dục tư nhân trong dài hạn. Sự liên kết với các tổ chức đào tạo tư nhân cung cấp nhiều chương trình giáo dục tổng hợp có sự kết hợp của hình thức giảng dạy trực tuyến và giảng dạy trực tiếp đối với đào tạo Tiếng Anh và kỹ năng mềm có thể được sử dụng để hỗ trợ sinh viên Việt Nam phát triển được những năng lực cần thiết cho công việc.

Nghị định 73/2012/ND-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (Nghị định 73) đã giải quyết vấn đề hợp tác, đầu tư nước ngoài trong giáo dục và dạy nghề tại Việt Nam. Nghị định mới đang được soạn thảo thay thế Nghị định 73 cũng tạo cơ hội đối thoại và đề xuất một phương pháp tiếp cận có lợi hơn cho nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau của nước ngoài về lĩnh vực giáo dục.

Hiện các trường quốc tế đang đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ giáo dục đào tạo có chất lượng ngang bằng với các quốc gia bản xứ cho cộng đồng người nước ngoài và một số giới hạn học sinh Việt Nam. Bằng việc cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng cao mang đẳng cấp quốc tế tại các trung tâm ngoại giao và đầu tư lớn của Việt Nam, các trường quốc tế đang đóng góp vào hệ thống cơ sở hạ tầng cần thiết để thu hút nhiều hơn nữa các hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Ngoài ra, một lợi ích lâu dài hơn, là các trường quốc tế này còn giúp các học sinh Việt Nam được tiếp cận với dịch vụ giáo dục đẳng cấp thế giới.

Các trường quốc tế mang lại nhiều lợi ích cốt lõi. Thứ nhất, các trường quốc tế giúp học sinh được tiếp xúc với phương thức giáo dục chú trọng vào sự tham gia xây dựng bài trên lớp, việc bày tỏ quan điểm cá nhân và tư duy phân biện. Thứ hai, các trường quốc tế thường chú trọng đến phát triển trẻ em một cách toàn diện trong đó cân bằng hợp lý giữa các môn nghệ thuật, âm nhạc và thể thao với các môn học thuật. Phong cách học tập này giúp học sinh đạt kết quả học tập cao hơn nếu các em tiếp tục theo học tại các trường đại học quốc tế, đồng thời giúp các em thành công hơn trong môi trường làm việc luôn thay đổi nhanh chóng.

Học sinh Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong cộng đồng học sinh các trường quốc tế. Tuy nhiên, quy định hiện hành không cho phép học sinh Việt Nam học tại các trường mầm non quốc tế và giới hạn tỷ lệ học sinh Việt Nam tại các trường tiểu học và trung học cơ sở quốc tế không được vượt quá 10% tổng số học sinh. Đối với trường trung học phổ thông, tỷ lệ học sinh Việt Nam được quy định không được vượt quá 20% tổng số học sinh.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt nam

Việt Nam là quốc gia chúng tôi lựa chọn để đầu tư và kinh doanh. Chúng tôi luôn tôn trọng và đề cao nền văn hóa của Việt Nam và ghi nhận những bước tiến đã đạt được trong quá trình nâng cao năng lực cho nguồn nhân lực trẻ chuẩn bị tham gia lực lượng lao động. Việt Nam có thể hưởng lợi từ việc liên kết với các tổ chức giáo dục và đào tạo tư nhân hoạt động trong nước và từ chuyên môn của các tổ chức nước ngoài để giải quyết vấn đề thiếu hụt kỹ năng. Sự liên kết với các tổ chức đào tạo tư nhân cung cấp nhiều chương trình giáo dục linh hoạt có sự kết hợp của giảng dạy trực tuyến và giảng dạy trực tiếp đối với đào tạo Tiếng Anh và kỹ năng mềm có thể là cách giúp học sinh và sinh viên mới ra trường của Việt Nam được trang bị năng lực cần thiết khi tham gia lực lượng lao động.

Thêm vào đó, hiện có nhiều cách thức khác nhau đang được thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng làm việc và dạy nghề tại Việt Nam, Việt Nam cần nỗ lực hơn nữa để thu hút sinh viên theo học các cơ sở giáo dục, đào tạo kỹ thuật và dạy nghề. Có thể thực hiện điều này bằng cách xây dựng năng lực và nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo kỹ thuật và dạy nghề, tiếp tục tạo cơ hội cho học sinh Việt Nam theo học ở các trường quốc tế tại Việt Nam.

Kiến nghị

Với mục tiêu nâng cao khả năng sẵn sàng làm việc đối với các công việc văn phòng và tăng năng suất lao động đối với các chức danh quản lý, Chính phủ Việt Nam cần xem xét tăng tỷ lệ học sinh Việt Nam được phép theo học tại các trường quốc tế ở tất cả các cấp. Điều này cũng cần bao gồm cấp mẫu giáo, nơi trẻ em được giảng dạy những kiến thức ngôn ngữ quan trọng đầu đời và phương pháp học tập khuyến khích tư duy phân biện và khả năng sáng tạo. Nếu Chính phủ muốn đẩy mạnh giáo dục quốc tế tại các thành phố trực thuộc tỉnh, Chính phủ cần đưa ra các ưu đãi để thu hút nhà đầu tư đến các khu vực này.

Liên quan đến giáo dục, đào tạo kỹ thuật và dạy nghề, chúng tôi đề nghị Chính phủ học hỏi kinh nghiệm của khu vực tư nhân. Cụ thể, Chính phủ cần làm việc với đại diện các ngành và cơ sở giáo dục tư nhân đang hoạt động tại Việt Nam để xây dựng chương trình đào tạo và khóa đào tạo khuyến khích học tập suốt đời và tập trung vào xây dựng các kỹ năng như sử dụng máy tính, mã hóa, kiến thức cơ bản về khoa học và công nghệ, kỹ năng kinh doanh cơ bản và khởi nghiệp. Chính phủ cũng sẽ hưởng lợi nếu tăng cường đầu tư và hỗ trợ dạy nghề tiên tiến cho giáo viên cũng như tài trợ cho cơ sở vật chất và thiết bị kỹ thuật của các trường cao đẳng công lập.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Nguồn Nhân Lực và Đào tạo thuộc Eurocham

CHƯƠNG 5 QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

TỔNG QUAN

Việt Nam đã rất nỗ lực cải cách khung pháp lý bảo hộ sở hữu trí tuệ (SHTT). Một số luật và quy định liên quan đến SHTT đã được sửa đổi hoặc ban hành trong những năm qua để tuân thủ cam kết của Việt Nam với quốc tế như Hiệp định về các Khía cạnh Liên quan tới Thương mại của Quyền Sở hữu Trí tuệ (TRIPS). Tuy nhiên, vì Việt Nam đang tìm cách bảo hộ SHTT ở một mức độ cao hơn các tiêu chuẩn của Hiệp định TRIPS, quá trình bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ vẫn còn gặp nhiều trở ngại đến từ vấn đề pháp lý và thực tiễn.

Việc thực thi quyền tác giả trực tuyến được coi là một trong những thách thức chính để bảo hộ quyền SHTT một cách hiệu quả. Việc thiếu một khung pháp lý đầy đủ đã dẫn đến sự gia tăng của tình trạng ăn cắp bản quyền và vi phạm tên miền cùng với nhiều hành vi vi phạm bản quyền khác. Thêm vào đó, các thủ tục tố tụng dân sự và hình sự tỏ ra không hiệu quả trong việc thực thi SHTT, trong khi đó năng lực tư pháp trong việc xét xử các vụ án về SHTT cũng cần được cải thiện. Các vấn đề liên quan đến thủ tục pháp lý và minh bạch thông tin chưa được xử lý triệt để trong một thời gian dài cũng làm giảm hiệu quả của hoạt động bảo hộ và thực thi SHTT.

Để chuẩn bị cho Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) sắp được phê chuẩn trong thời gian tới, Chính phủ sẽ cần ban hành đầy đủ các quy định pháp lý và thực hiện hiệu quả quyền SHTT để đáp ứng yêu cầu của hiệp định mới.

Từ năm 2012, Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ đã trở thành một kênh hiệu quả để các thành viên của mình chia sẻ thông tin, nêu lên ý kiến và đưa ra kiến nghị để tăng cường bảo hộ SHTT tại Việt Nam. Trong chương này, chúng tôi sẽ trình bày ba vấn đề quan trọng cần giải quyết để tạo một môi trường đầu tư lành mạnh hơn và tăng cường quan hệ kinh tế giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam.

I. QUYỀN TÁC GIẢ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH-TT & DL), Cục Bản quyền Tác giả (Cục BQTG)

Mô tả vấn đề

Việt Nam đã không ngừng cải cách các quy định về quyền tác giả và các quyền liên quan cùng với nỗ lực tuân thủ các cam kết và chuẩn mực quốc tế. Dù Việt Nam đã rất nỗ lực nhưng sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng liên quan đến quyền tác giả, đặc biệt là nền tảng trực tuyến, đã dẫn đến nhiều hành vi vi phạm quyền tác giả chưa từng xuất hiện ở Việt Nam, do đó, Việt Nam phải khẩn trương đổi mới hệ thống quy định về SHTT và các chuẩn mực liên quan.

1. Công nhận và chứng minh quyền tác giả và quyền sở hữu

Theo Luật Sở hữu Trí tuệ (Luật SHTT) hiện hành, quyền tác giả và quyền sở hữu được công nhận khi quyền tác giả hoặc quyền liên quan (tương tự), sau đây gọi chung là “quyền tác giả”, được đăng ký. Luật SHTT quy định tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả/quyền liên quan không có nghĩa vụ chứng minh quyền tác giả, quyền liên quan thuộc về mình khi có tranh chấp, trừ trường hợp có chứng cứ ngược lại.¹ Nói cách khác, tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả có tên trên giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả được công nhận là lần lượt là tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả của công trình. Quy định này không thống nhất với quy định công nhận quyền tác giả và quyền sở hữu của quốc tế. Cụ thể, câu cuối cùng của Công ước Berne (Đạo luật Paris 1971 và Phụ lục) quy định “Để được thừa nhận là tác giả của các tác phẩm văn học và nghệ thuật hưởng sự bảo hộ của Công ước này và được khởi kiện những người vi phạm tác phẩm của mình trước Tòa án ở các nước thành viên Liên hiệp, nếu không có bằng chứng ngược lại, tác giả chỉ cần ghi tên mình trên tác phẩm theo như thông lệ”.²

¹ Điều 49.3, Luật SHTT.

² Công ước Berne về Bảo hộ các Tác phẩm Văn học và Nghệ thuật. Điều 15(1). Xem tại: <<https://treaties.un.org/doc/Publication/UNTS/Volume%20828/volume-828-I-11850-English.pdf>> truy cập lần cuối vào ngày 11 tháng 1 năm 2018

Trên thực tế, liên quan đến thủ tục chứng minh quyền tác giả và quyền sở hữu, cơ quan có thẩm quyền cũng coi giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả/quyền liên quan tại Việt Nam là bằng chứng duy nhất để chứng minh quyền tác giả hoặc quyền sở hữu của nguyên đơn. Điều này mâu thuẫn với thực tế rằng Luật SHTT quy định rõ quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký³ và nguyên đơn có thể chứng minh quyền tác giả/quyền liên quan khi không có giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả/quyền liên quan.⁴ Các loại bằng chứng khác như tác phẩm hoặc thậm chí là giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả/quyền liên quan tại các quốc gia khác tham gia Công ước Berne thường ít khi được chấp nhận. Điều này dẫn đến sự chậm trễ không cần thiết trong quá trình xử lý vi phạm quyền tác giả/quyền liên quan tại Việt Nam.

2. Thủ tục đăng ký

Tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả đánh giá cao thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả nhanh chóng. Tuy nhiên, yêu cầu của Cục Bản quyền Tác giả về cung cấp bản sao giấy tờ nhân thân và địa chỉ sinh sống của tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả khi nộp hồ sơ xin đăng ký quyền tác giả vẫn là một vướng mắc lớn khi thực hiện thủ tục này. Thêm vào đó, tên và địa chỉ, số và ngày cấp giấy tờ nhân thân của tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả được công khai trên trang web của Cục Bản quyền Tác giả. Một số tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả không muốn nộp hồ sơ xin đăng ký tác phẩm có bản quyền tại Việt Nam chỉ vì họ không thoải mái khi tiết lộ thông tin và tài liệu cá nhân cho dù thông tin và tài liệu cá nhân được đảm bảo giữ bí mật. Thêm vào đó, tình huống này trở nên nghiêm trọng khi Luật SHTT công nhận quyền tác giả và quyền sở hữu dựa trên đăng ký quyền tác giả tại Việt Nam và một số cơ quan thực thi quyền tác giả yêu cầu nộp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả làm bằng chứng cho quyền tác giả và quyền sở hữu tác phẩm.

3. Giám định quyền tác giả

Luật SHTT quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có quyền trưng cầu giám định về sở hữu trí tuệ khi giải quyết vụ việc mà mình đang thụ lý. Nó cũng quy định chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền yêu cầu giám định về sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.⁵ Tuy nhiên, sau 10 năm, vẫn chưa có cơ quan chuyên trách tại Việt Nam thực hiện giám định các vấn đề về quyền tác giả. Trong nhiều trường hợp, tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả không thể thực hiện quyền tác giả chỉ vì họ không thể lấy ý kiến giám định quyền tác giả để xác nhận hành vi vi phạm.

4. Vi phạm quyền tác giả trực tuyến

Vi phạm quyền tác giả trực tuyến là một hành vi diễn ra trên toàn cầu mà chế tài xử lý vẫn hạn chế và khó theo dõi trên thực tế. Trong năm 2017, Việt Nam có tổng cộng 42 vụ tranh chấp về tên miền đã đăng ký,⁶ một con số khá thấp so với xu hướng chiếm dụng tên miền đang lan rộng hiện nay. Thông tư Liên tịch 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL⁷ (Thông tư Liên tịch 07) đã quy định một phương pháp xử lý có hiệu quả là yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian thiết lập hệ thống giám sát. Vì lý do đó, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải kiểm tra trang web và gỡ bỏ bất cứ nội dung số nào của bên thứ ba vi phạm quyền tác giả theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, Thông tư Liên tịch 07 vẫn chưa nêu rõ trách nhiệm cụ thể của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc xử lý, gỡ bỏ hoặc xóa nội dung vi phạm theo yêu cầu của chủ sở hữu quyền SHTT. Thông tư cũng không quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian nếu không tuân thủ yêu cầu của chủ sở hữu quyền SHTT và vẫn giữ nội dung vi phạm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các vấn đề về quyền tác giả vẫn là mối quan tâm chung của phần lớn chủ sở hữu quyền SHTT hiện nay và trong tương lai do Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn trong việc tuân thủ cam kết quốc tế về bảo hộ quyền tác giả.

3 Điều 6.1, Luật SHTT.

4 Điều 203.2.b, Luật SHTT.

5 Điều 201 của Luật Sở hữu Trí tuệ Số 50/2005/QH11.

6 “Quá trình kiện tụng của bị đơn theo quốc gia: Việt Nam”, Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới. Xem tại: <http://www.wipo.int/amc/en/domains/statistics/countries_yr.jsp?country_code=VN&party=R> truy cập lần cuối vào ngày 9 tháng 1 năm 2018; “Quá trình kiện tụng của nguyên đơn theo quốc gia: Việt Nam”, Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới. Xem tại: <http://www.wipo.int/amc/en/domains/statistics/countries_yr.jsp?country_code=VN&party=C> truy cập lần cuối vào ngày 9 tháng 1 năm 2018.

7 Thông tư Liên tịch 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2012 quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông.

Điều này đã gây nhiều quan ngại cho tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả, cơ quan thực thi pháp luật và công chúng. Việc thiếu các quy định tiêu chuẩn và hệ thống minh bạch có thể làm hoạt động bảo hộ và thực thi quyền tác giả/quyền liên quan tại Việt Nam không hiệu quả và thiếu bền vững. Chúng tôi nhận thấy một số chủ sở hữu quyền tác giả, đặc biệt là chủ sở hữu nước ngoài, không muốn nộp hồ sơ xin đăng ký quyền tác giả tại Việt Nam do không muốn tiết lộ thông tin cá nhân. Việc thiếu giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và thiếu các cơ quan chuyên trách có khả năng giám định quyền tác giả đã ảnh hưởng xấu đến việc thực thi quyền tác giả tại Việt Nam. Thêm vào đó, tình huống này trở nên nghiêm trọng hơn khi Luật SHTT của Việt Nam công nhận quyền tác giả và quyền sở hữu dựa trên đơn xin đăng ký bản quyền.

Kiến nghị

- Bổ sung quy định về công nhận quyền tác giả hoặc quyền sở hữu tác phẩm văn học và nghệ thuật để công nhận quyền sở hữu hoặc quyền tác giả của chủ sở hữu quyền SHTT chỉ thông qua tên của tác phẩm hoặc nội dung được bảo hộ;
- Loại bỏ các yêu cầu không phù hợp liên quan đến việc cung cấp thông tin cá nhân và giấy tờ nhân thân của chủ sở hữu bản quyền và tác giả khi xin đăng ký quyền tác giả;
- Thành lập cơ quan chuyên trách có thể thực hiện giám định quyền tác giả. Thành viên của Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham luôn sẵn sàng thảo luận và hợp tác về vấn đề này trong tương lai;
- Áp dụng quy định và hướng dẫn về trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, cụ thể là biện pháp “thông báo và gỡ bỏ” và trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phớt lờ hoặc không tuân thủ đầy đủ thông báo và yêu cầu gỡ bỏ của tác giả/hoặc chủ sở hữu quyền khác; và
- Đào tạo cán bộ của cơ quan có thẩm quyền để làm quen với các nguyên tắc bảo hộ quyền tác giả cơ bản, gồm ban hành giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và bằng chứng về tình hình sở hữu quyền tác giả.

II. THỰC THI QUYỀN TÁC GIẢ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTT&DL), Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Cục Sở hữu Trí tuệ (Cục SHTT), Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC)

Mô tả vấn đề

1. Thực thi trực tuyến

Tình trạng đánh cắp quyền tác giả trực tuyến vẫn diễn ra tràn lan tại Việt Nam. Một nghiên cứu vào tháng 7 năm 2017 đã cho thấy lượt truy cập vào trang web vi phạm bản quyền cao gấp 29 lần trang web phân phối phim trực tuyến hợp pháp tại Việt Nam.⁸ Việc thiếu quy định về các biện pháp “thông báo và gỡ bỏ” tiếp tục gây hại đến khả năng tự bảo vệ của chủ sở hữu quyền tác giả trực tuyến. Trong khi đó, việc can thiệp của Chính phủ nhằm cải thiện quá trình thực thi quyền tác giả vẫn rất hạn chế. Gần đây nhất, Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin Điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT) đã phát hiện và liệt kê trên trang web chính thức của mình hơn 80 trang web lậu.⁹ Tuy nhiên, đến nay hầu hết các trang web lậu này vẫn đang hoạt động.

Việc thực thi quyền SHTT chống vi phạm tên miền vẫn là một thách thức lớn đối với Việt Nam. Thông tư Liên tịch của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) về xử lý tên miền liên quan đến vi phạm quyền SHTT được ban hành năm 2016¹⁰ đã cho thấy bước tiến đáng kể của hai Bộ trong việc thực hiện thủ tục hành chính nhằm giải quyết tranh chấp vi phạm quyền SHTT bên cạnh việc thương lượng, khởi kiện ra tòa

⁸ “Lượt truy cập vào trang web vi phạm bản quyền cao gấp 29 lần trang web phân phối phim hợp pháp”, Chuyên trang về Công nghệ Thông tin của Báo Điện tử Infonet, ngày 6 tháng 9 năm 2017. Xem tại: <<http://ictnews.vn/internet/luot-truy-cap-vao-web-vi-pham-ban-quyen-cao-gap-29-lan-trang-chinh-thong-158359.ict>> đã truy cập vào ngày 9 tháng 1 năm 2017.

⁹ Danh sách một số trang web có dấu hiệu vi phạm quyền tác giả. Xem tại: <<http://abei.gov.vn/bao-ve-ban-quyen-noi-dung/danh-sach-mot-so-web-site-co-dau-hieu-vi-pham-ban-quyen-noi-dung-chuong-trinh-truyen-hinh/106515>> đã truy cập vào ngày 9 tháng 1 năm 2018.

¹⁰ Thông tư Liên tịch 14/2016/TTLT-BTTTT-BKHCN ngày 8 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục thay đổi, trả lại, thu hồi tên miền vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ (Thông tư Liên tịch 14).

hoặc xét xử bằng trọng tài.¹¹ Trong nhiều trường hợp, Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) đã khóa các tên miền vi phạm dựa trên thông báo của Bộ KH&CN, một trong những cơ quan có thẩm quyền quản lý thực thi quyền SHTT. Thực hành mới này đã chứng minh đây là một biện pháp nhanh chóng và hiệu quả hơn để xử lý các vi phạm về tên miền.

Tuy nhiên, Thông tư này vẫn chỉ là giải pháp chưa toàn diện do vẫn chưa có quy định về xử lý một phần quan trọng của vấn đề là chiếm dụng tên miền.¹² Các tranh chấp về chiếm dụng tên miền, nếu không có sự tham gia của các trang web liên quan đang hoạt động, không thể được giải quyết thông qua các biện pháp xử lý hành chính vốn đã được chứng minh là nhanh chóng và minh bạch hơn. Lỗ hổng này khiến các chủ sở hữu quyền SHTT không thực sự an tâm sau những bước đi tích cực ban đầu. Điều này vẫn không thống nhất với một Thông tư trước đây của Bộ KH&CN xử phạt cụ thể hành vi chiếm dụng tên miền.¹³ Tương tự, không thể thực hiện biện pháp xử lý hành chính chống các tên miền vi phạm nếu trang web liên quan không hoạt động, chứa blog cá nhân hoặc có liên kết với trang web khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của chủ sở hữu quyền SHTT.¹⁴

2. Thực thi biện pháp xử lý hành chính

Đến nay, các biện pháp xử phạt hành chính đã được chứng minh là phương thức phổ biến và hiệu quả nhất để thực thi quyền SHTT tại Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn một số trở ngại về luật pháp và chuẩn mực, dẫn đến các thủ tục xử lý chậm trễ và hạn chế, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền SHTT. Một ví dụ tiêu biểu là việc cơ quan có thẩm quyền chậm trễ thực hiện biện pháp xử phạt hành chính là khi có khiếu nại, tố cáo hoặc tranh chấp về quyền SHTT.

Theo Nghị định 99/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 8 năm 2013 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp (Nghị định 99),¹⁵ trường hợp có phát sinh khiếu nại, tố cáo hoặc tranh chấp về quyền đăng ký, quyền sở hữu, quyền yêu cầu xử lý vi phạm, điều kiện bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, cơ quan có thẩm quyền có thể từ chối yêu cầu xử lý vi phạm hoặc tạm dừng thủ tục thực thi để đợi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc tranh chấp.

Nhiều cá nhân, tổ chức vi phạm quyền tác giả đã lạm dụng quy định này bằng cách hủy bỏ hoặc chấm dứt tạm thời các hành động đi ngược lại quyền SHTT chỉ để làm chậm quá trình giải quyết vi phạm. Cục Sở hữu Trí tuệ (Cục SHTT) thường mất nhiều năm để giải quyết một vụ khiếu nại, tố cáo hoặc tranh chấp. Điều này có nghĩa là hành động xử lý hành chính đối với vi phạm quyền SHTT có thể bị trì hoãn trong nhiều năm. Trong nhiều trường hợp, chỉ cần bị đơn nộp đơn xin đăng ký quyền SHTT, cơ quan thực thi sẽ tạm dừng thủ tục giải quyết vi phạm cho đến khi Cơ quan đăng ký ra quyết định cuối cùng về việc từ chối hay cấp quyền bảo hộ cho bị đơn.¹⁶ Hành động này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền SHTT và người sử dụng trong nước.

3. Thực thi biện pháp xử lý hình sự

Yêu cầu không rõ ràng về “quy mô thương mại” trong Bộ luật Hình sự năm 1999, đã sửa đổi vào năm 2009,¹⁷ khiến việc khởi tố hành vi vi phạm SHTT trở nên rất khó khăn. Bộ luật Hình sự năm 2015, đã sửa đổi vào năm 2017¹⁸ đã giải quyết được vấn đề này bằng cách bổ sung quy định về hành vi của cá nhân, tổ chức bị tình nghi vi phạm SHTT và giá trị thu lợi bất chính nhất định để áp dụng biện pháp xử lý hình sự.¹⁹ Tuy nhiên, luật không nêu rõ cách thức chấm dứt “thu lợi bất chính” và cách thức tính toán giá trị. Trên thực tế, các cơ quan thực thi pháp luật thường rất khó khăn để chứng minh mục đích vi phạm của cá nhân, tổ chức bị tình nghi trong các vụ án vi phạm.

11 Theo Điều 76 của Luật Công nghệ Thông tin của Việt Nam (67/2006/QH11), tranh chấp về đăng ký, sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được giải quyết theo ba hình thức: thương lượng, hòa giải; trọng tài; khởi kiện tại Tòa án.

12 Chiếm dụng tên miền là việc đăng ký tên miền vi phạm mà không sử dụng, thường cho mục đích bán lại tên hoặc ngăn chủ SHTT đăng ký tên miền đó. Điều 4.2 của Thông tư Liên tịch 14 chỉ trình bày về (a) tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với đối tượng sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ và nội dung đăng tải trên trang thông tin điện tử đi kèm theo tên miền vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ và (b) tên miền được sử dụng để đăng tải các nội dung thông tin vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.

13 Thông tư 11/2015/TT-BKHCN ban hành 11/2015/TT ngày 26 tháng 6 năm 2015 (Thông tư 11).

14 “Việt Nam: Thông tư liên tịch ban hành hướng dẫn giải quyết tên miền vi phạm nhưng không quy định cách thức xử lý chiếm dụng tên miền”, Rouse, ngày 29 tháng 7 năm 2016. Xem tại: <<https://www.rouse.com/magazine/news/vietnam-joint-circular-introduces-infringing-domain-name-dispute-guidelines-but-fails-to-address-cybersquatting/?tag=domain%20names>> truy cập lần cuối vào ngày 9 tháng 1 năm 2018.

15 Xem Điều 27 và 28 của Nghị định 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013; Điều 28 của Thông tư 11/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2015.

16 Xem Điều 28.3(b) của Thông tư 11/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2015.

17 Bộ luật Hình sự 15/1999/QH10 được sửa đổi theo Luật 37/2009/QH12 (Bộ luật Hình sự năm 1999).

18 Bộ luật Hình sự 100/2015/QH13 được sửa đổi theo Luật 12/2017/QH14 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

19 Điều 225 của Bộ luật Hình sự 2015.

Yêu cầu về giám định tư pháp đối với quyền SHTT là vấn đề tiếp theo cần được giải quyết. Do các giám định viên tư pháp hiện nay thiếu chuyên môn về quyền SHTT, trên thực tế các cơ quan thực thi pháp luật phải dựa vào các kết luận không mang tính ràng buộc của Viện Khoa học Sở hữu Trí tuệ (VIPRI) hoặc Cục SHTT. Các kết luận của VIPRI và Cục SHTT có thể mâu thuẫn với nhau, gây ra nhiều khó khăn cho các cơ quan thực thi pháp luật và khiến các cơ quan này e ngại khi tiếp tục theo đuổi các vụ án vi phạm SHTT.

Việc thiếu một thủ tục giải quyết cụ thể theo khung pháp lý hiện nay để hướng dẫn điều tra, khởi tố hoặc xét xử các vụ án hình sự về vi phạm quyền SHTT đã gây nhiều thách thức cho quá trình thực thi biện pháp xử lý hình sự đối với vi phạm về quyền SHTT tại Việt Nam.

4. Cải cách tư pháp

Các biện pháp xử lý hành chính đã trở thành phương pháp hiệu quả nhất để thực thi quyền SHTT tại Việt Nam. Theo thống kê gần đây từ Bộ KH&CN, có khoảng 25.000 vụ việc về thực thi quyền SHTT được xử lý bằng biện pháp xử lý hành chính từ năm 2012 đến năm 2015 trong khi số vụ việc được tòa án giải quyết chỉ là 177 trong cùng kỳ.²⁰ Sự mất cân bằng nghiêm trọng này giữa biện pháp xử phạt hành chính và biện pháp kiện ra tòa án đối với quá trình thực thi quyền SHTT chủ yếu là do thủ tục phức tạp, chậm trễ và thiếu tính răn đe khi kiện ra tòa. Vì lý do đó, việc xây dựng chuyên môn về quyền SHTT phải là một phần trong nỗ lực cải cách toàn bộ hệ thống tư pháp. Cần thực hiện đào tạo cho cảnh sát và công tố viên do họ đóng vai trò rất quan trọng trong các vụ án hình sự về quyền SHTT. Trên thực tế, đã có nhiều chương trình đào tạo cho hệ thống tòa án của Việt Nam.²¹ Tuy nhiên, những nỗ lực chưa mang tính đồng bộ và chưa được hệ thống hóa trong khi nhu cầu đào tạo đang tăng nhanh do tính phức tạp ngày càng tăng của các vụ việc vi phạm quyền SHTT.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

- Sự có mặt của Netflix²² tại Việt Nam đã khuyến khích sự phát triển của các nhà cung cấp hợp pháp dịch vụ video theo yêu cầu trong nước và quốc tế, có thể giúp ngành công nghiệp sáng tạo và quảng cáo của Việt Nam phát triển;
- Sự không rõ ràng trong hoạt động ngăn chặn chiếm dụng tên miền có thể làm các doanh nghiệp quốc tế do dự khi thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam;
- Cá nhân, tổ chức vi phạm đã lợi dụng quy định về giải quyết vi phạm quyền SHTT khi có tranh chấp về quyền SHTT bằng cách làm chậm quá trình giải quyết hành vi vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền;
- Các biện pháp xử lý hành chính thuần túy là không đủ để bồi thường cho các doanh nghiệp lớn đối với thiệt hại do vi phạm tài sản quyền SHTT có giá trị lớn; và
- Việc nâng cao năng lực tư pháp trong giải quyết các vấn đề quyền SHTT có thể giúp Việt Nam nhận được sự tín nhiệm hơn từ các nhà đầu tư nước ngoài.

Kiến nghị

- Xem xét áp dụng một hệ thống loại Chính sách Giải quyết Tranh chấp Tên miền Thống nhất (UDRP) để giải quyết tranh chấp tên miền “.vn” và chiếm dụng tên miền;
- Ban hành quy định chống chiếm dụng tên miền;
- Hủy bỏ quy định hiện hành, trong đó cho phép cơ quan thực thi pháp luật tạm dừng xử lý vụ án nếu có tranh chấp về quyền SHTT hoặc thiết lập một thủ tục hủy bỏ/ chấm dứt hiệu lực nhanh chóng để rút ngắn thời gian tạm dừng thực thi quyền SHTT;
- Khẩn trương làm rõ nhiều định nghĩa mơ hồ trong Bộ luật Hình sự, Luật SHTT và văn bản dưới luật thông qua sửa đổi luật hiện hành hoặc ban hành hướng dẫn mới;
- Tái cấu trúc hệ thống giám định tư pháp và quy định hiện hành để tạo điều kiện giám định tư pháp về quyền SHTT;
- Tập trung nâng cao năng lực tư pháp bằng cách đẩy mạnh nhiều chương trình đào tạo cho cảnh sát, công tố viên và thẩm phán.

20 Để biết thêm thông tin, xem tại: <<https://thanhtra.most.gov.vn/thanhtra/tin-tuc/4/27/thuc-thi-va-giai-quet-tranh-chap-quyen-so-huu-tri-tue-tai-viet-nam---muoi-nam-nhin-lai.aspx>> truy cập lần cuối vào ngày 10 tháng 1 năm 2018.

21 “Báo cáo đặc biệt 301 năm 2017 về bảo hộ và thực thi quyền tác giả”, Liên minh Sở hữu Trí tuệ Quốc tế, 2017. Xem tại: <<http://www.iipawebsite.com/rbc/2017/2017SPEC301VIETNAM.PDF>> truy cập lần cuối vào ngày 10 tháng 1 năm 2018.

22 Netflix là một công ty giải trí hàng đầu của Hoa Kỳ chuyên cung cấp dịch vụ xem phim và video theo yêu cầu và thuê DVD qua thư. Tại thời điểm tháng 7 năm 2017, Netflix có 103,95 triệu thuê bao trên toàn thế giới.

III. GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ VỀ KHIẾU NẠI, HỦY BỎ VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Cục Sở hữu Trí tuệ (Cục SHTT)

Mô tả vấn đề

1. Thời hạn thực hiện các thủ tục khiếu nại, hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực

Theo khung pháp lý hiện tại, thủ tục khiếu nại về quyền SHTT được quy định bởi Luật Khiếu nại. Theo Luật này, thời hạn giải quyết khiếu nại lần thứ nhất không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý hoặc thời hạn giải quyết khiếu nại lần thứ hai không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý. Tuy nhiên, trên thực tế, mất 2 đến 3 năm (hoặc thậm chí lâu hơn) để một khiếu nại được giải quyết. Không chỉ lâu hơn gấp 15 hoặc 20 lần để giải quyết một khiếu nại so với thời gian được pháp luật quy định mà còn không rõ khi nào quyết định về giải quyết khiếu nại được đưa ra. Chúng tôi hiểu rằng trong nhiều trường hợp, khiếu nại có thể bị chậm xử lý do các khiếu nại về quyền SHTT thường phức tạp và do đó, thực tế rất khó để yêu cầu Cục SHTT giải quyết khiếu nại trong vòng 45 hoặc 60 ngày theo yêu cầu trong Luật Khiếu nại. Tuy nhiên, việc trì hoãn lâu dài và sự không rõ ràng về vấn đề này đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kế hoạch kinh doanh của chủ sở hữu quyền SHTT. Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi kiến nghị xây dựng một khung pháp lý riêng để giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực SHTT, điều này sẽ cân bằng khối lượng công việc của Cục SHTT với quyền và lợi ích của chủ sở hữu quyền SHTT.

Chúng tôi nhận thấy tình hình tương tự trong thủ tục giải quyết yêu cầu hủy bỏ hoặc chấm dứt hiệu lực quyền SHTT. Chúng tôi hoan nghênh việc các quy định về quyền SHTT được sửa đổi gần đây trong Thông tư 16/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ KH&CN sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 01/2007/TT-BKHCN (Thông tư 16), có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2018, đã quy định rõ thời hạn thực hiện từng bước thủ tục xử lý yêu cầu hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực quyền SHTT.²³ Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy vẫn cần nhiều nỗ lực hơn nữa để đảm bảo thời hạn được tuân thủ trên thực tế và các yêu cầu chấm dứt hoặc hủy bỏ hiệu lực được giải quyết kịp thời.

2. Cơ chế mới để xử lý khiếu nại, yêu cầu chấm dứt và hủy bỏ hiệu lực

Thông tư 16 cho phép nộp đơn kháng cáo lần thứ nhất đối với việc từ chối tạm thời đăng ký nhãn hiệu quốc tế lên Phòng Chỉ dẫn Địa lý của Cục SHTT thay vì nộp lên Phòng Thực thi và Giải quyết Khiếu nại của Cục SHTT theo quy định cũ. Cơ chế mới này được hy vọng có thể giúp làm giảm đáng kể số vụ khiếu nại và rút ngắn thời gian giải quyết tại Cục SHTT.

Thông tư 16/2016/TT-BKHCN²⁴ cũng đã quy định hoạt động giải quyết của chuyên gia tư vấn độc lập và/hoặc hội đồng tư vấn. Điều này nhằm cung cấp cho cơ quan giải quyết khiếu nại các đánh giá và ý kiến của chuyên gia độc lập về vụ việc khiếu nại. Cụ thể, Thông tư 16 quy định, tùy theo mức độ phức tạp của vụ việc khiếu nại, cơ quan giải quyết khiếu nại có thể lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập hoặc thành lập hội đồng tư vấn để đánh giá và đưa ra ý kiến về vụ việc khiếu nại. Thông tư cũng quy định chức năng, trình độ, nguồn lực và nguyên tắc hoạt động của chuyên gia tư vấn độc lập và hội đồng tư vấn đó. Tuy nhiên, Thông tư chưa quy định hiệu lực ràng buộc của các ý kiến được chuyên gia tư vấn độc lập và hội đồng tư vấn đưa ra, điều này có nghĩa là các ý kiến đó không có tính ràng buộc và chỉ có tính tham khảo. Cho dù chúng tôi rất hoan nghênh quy định mới này, quy định sẽ hiệu quả hơn nếu vai trò của chuyên gia/tổ chức đó được quy định rõ ràng.

3. Sự minh bạch trong giải quyết các vụ việc khiếu nại, hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực

Minh bạch là một giải pháp làm tăng tính công bằng và hiệu quả thực thi pháp luật. Nó góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả và trách nhiệm giải trình của cơ quan quản lý Nhà nước. Việc công khai nội dung của các vụ việc khiếu nại, hủy bỏ, chấm dứt hiệu lực và kết quả giải quyết sẽ giúp công chúng hiểu rõ về vụ việc này và tăng tính nhất quán trong hoạt động giải quyết các vụ việc phức tạp của cơ quan quản lý Nhà nước.

²³ Xem Mục 21.3(a) của Thông tư 16/2016/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 30 tháng 6 năm 2016 được sửa đổi và bổ sung theo Thông tư 13/2010/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 30 tháng 7 năm 2010, Thông tư 18/2011/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 22 tháng 7 năm 2011 và Thông tư 05/2013/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 20 tháng 2 năm 2013.

²⁴ Xem Mục 22.8 của Thông tư 16/2016/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 30 tháng 6 năm 2016 được sửa đổi và bổ sung theo Thông tư 13/2010/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 30 tháng 7 năm 2010, Thông tư 18/2011/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 22 tháng 7 năm 2011 và Thông tư 05/2013/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 20 tháng 2 năm 2013.

Chúng tôi ghi nhận nỗ lực đáng kể của Cục SHTT trong quá trình thiết lập và duy trì một cơ sở dữ liệu trực tuyến để tiết lộ công khai và minh bạch thông tin về hồ sơ xin cấp và đăng ký bằng sáng chế, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp. Tuy nhiên, thông tin được công bố lại không bao gồm bất cứ thông tin nào liên quan đến thủ tục khiếu nại, hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực như khiếu nại, yêu cầu hủy bỏ hoặc chấm dứt hiệu lực có được nộp hay không hoặc thông tin có bao gồm tình hình và kết quả giải quyết khiếu nại hay không.

Cho dù Cục SHTT công bố thông tin về vấn đề hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực trong Công báo SHTT, nội dung của chúng không được công khai. Vì lý do đó, công chúng không thể biết về nội dung, tình hình và kết quả giải quyết khiếu nại, yêu cầu hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực. Thậm chí rất khó để bên liên quan tiếp cận đầy đủ và kịp thời thông tin về tình hình xử lý các vụ việc đang diễn ra.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

- Việc chậm giải quyết khiếu nại, yêu cầu hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến kế hoạch kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền SHTT tại Việt Nam;
- Việc công khai nội dung và kết quả của các thủ tục khiếu nại, hủy bỏ, chấm dứt hiệu lực có thể giúp làm tăng tính nhất quán trong quá trình ra quyết định của cơ quan Chính phủ liên quan. Vì lý do đó, điều này sẽ cải thiện sự tự tin của các nhà đầu tư nước ngoài khi quyết định đầu tư vào Việt Nam; và
- Việc tiết lộ thông tin gồm nội dung thông báo, quyết định và phán quyết trong thủ tục khiếu nại, hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực có thể giúp làm tăng nhận thức của công chúng về quyền SHTT và giảm thiểu vi phạm quyền SHTT, đặc biệt là các vụ việc vi phạm ý.

Kiến nghị

Để tăng cường khuôn khổ pháp lý trong giải quyết khiếu nại và yêu cầu hủy bỏ, chấm dứt hiệu lực quyền bảo hộ và tiếp tục cải thiện tính minh bạch và công khai của thông tin về các vấn đề này tại Việt Nam, chúng tôi đưa ra các kiến nghị như sau:

- Xây dựng một khuôn khổ pháp lý riêng cho cơ chế và thời hạn giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực SHTT;
- Bổ sung quy định làm rõ vai trò, chức năng và hiệu lực ràng buộc của chuyên gia tư vấn độc lập và hội đồng tư vấn trong thủ tục khiếu nại;
- Thành lập Hội đồng Xét xử Quyền SHTT hoặc Tòa án Xét xử Quyền SHTT tại Cục SHTT hoặc Bộ KH&CN để giải quyết khiếu nại, hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực quyền SHTT;
- Tuân thủ chặt chẽ các quy định mới về thời hạn thực hiện thủ tục khiếu nại, hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực;
- Xây dựng quy định pháp luật và thủ tục tiết lộ thông tin gồm nội dung thông báo, quyết định và phán quyết về thủ tục khiếu nại, hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực; và
- Xây dựng quy định pháp luật và thủ tục công khai thông tin gồm nội dung thông báo, quyết định và phán quyết về vụ việc khiếu nại, hủy bỏ và chấm dứt hiệu lực.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham

CHƯƠNG 6 THỦ TỤC TƯ PHÁP VÀ TRỌNG TÀI

TỔNG QUAN

Chương Thủ tục Tư pháp được giới thiệu trong bản Sách Trắng năm 2015 trong bối cảnh các thành viên của chúng tôi cho biết họ gặp phải những vướng mắc nghiêm trọng khi cố gắng thực thi các quyền của mình tại Việt Nam. Kể từ thời điểm đó đến nay, các thành viên của chúng tôi đã nhận thấy những tiến bộ đáng kể trong khung pháp lý liên quan đến thủ tục tư pháp bao gồm việc tiếp cận các hoạt động tố tụng tại tòa án và trọng tài, ở trong nước cũng như quốc tế, và việc thực thi các phán quyết trọng tài cũng như các quyết định tư pháp. Chúng tôi nhận thấy có một số thay đổi tích cực như việc công bố các phán quyết của tòa án là rất hứa hẹn và các thành viên của chúng tôi sẽ quan tâm theo dõi quá trình này.

Tuy nhiên, vẫn có nhiều vấn đề lớn còn tồn tại. Chúng tôi muốn nhấn mạnh một số vấn đề mà các thành viên của chúng tôi gặp phải tại Việt Nam liên quan đến các chủ đề sau: hệ thống tòa án Việt Nam, trọng tài ở Việt Nam, việc công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

I. HỆ THỐNG TÒA ÁN VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tư pháp (BTP), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC), Quốc hội (Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Pháp luật), Bộ Công Thương (BCT), Cục Quản lý Cạnh tranh (Cục QLCT)

Mô tả vấn đề

Các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường muốn giải quyết tranh chấp qua cơ chế trọng tài hơn là hệ thống tòa án trong nước. Cảm nhận về sự thiếu độc lập của hệ thống tư pháp là một trong những nguyên nhân chính khiến các nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng không muốn giải quyết tranh chấp thông qua hệ thống tòa án của Việt Nam.

Theo Báo cáo Thường niên Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Việt Nam liên tục xếp hạng thấp (và thứ hạng rất ít khi được cải thiện) ở hai tiêu chí: tính độc lập của hệ thống tư pháp và tính hiệu quả của khung pháp lý trong công tác giải quyết tranh chấp. Ấn bản năm 2017-2018 của báo cáo so sánh này xếp Việt Nam ở vị trí 79 trên 138 quốc gia được xếp hạng trong lĩnh vực “thể chế”, hạng mục này bao gồm một số lĩnh vực như: quyền sở hữu (trí tuệ), tính độc lập của hệ thống tư pháp, sự thiên vị trong quyết định của các quan chức Chính phủ, tính hiệu quả của khung pháp lý trong công tác giải quyết tranh chấp, tính hợp lệ của các quy định của Chính phủ và tính minh bạch trong công tác hoạch định chính sách của Chính phủ.¹

Bảng 2. Năng lực cạnh tranh của Việt Nam theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới

Năm	Tính độc lập của hệ thống tư pháp	Hiệu quả của khung pháp lý trong giải quyết tranh chấp	Thể chế
2015-2016	# 86 trên 140	# 69 trên 140	# 85 trên 140
2016-2017	# 92 trên 138	# 72 trên 138	# 82 trên 138
2017-2018	# 84 trên 137	# 82 trên 137	# 79 trên 137

Nguồn: K.Schwab, *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*²

¹ K. Schwab, 'Diễn đàn Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2017-2018', Diễn đàn Kinh tế Thế giới, 2017, trang 308. Xem tại: <<http://www3.weforum.org/docs/GCR2017-2018/05FullReport/TheGlobalCompetitivenessReport2017%E2%80%932018.pdf>> truy cập lần cuối vào ngày 14 tháng 12 năm 2017.

² Như trên.

Một trong những nguyên nhân có thể giải thích cho cảm nhận tiêu cực về hệ thống tư pháp của Việt Nam là sự thiếu minh bạch. Hệ thống tòa án Việt Nam chỉ mới bắt đầu công bố phán quyết gần đây³ và nhiều phán quyết vẫn chưa được công bố. Vì lý do đó, thiếu một hệ thống các tiền lệ xét xử và án lệ hiệu quả và đáng tin cậy để có thể đưa ra định hướng và dự đoán kết quả của từng vụ tranh chấp.

Thành viên của chúng tôi cũng gặp phải vấn đề này trong luật cạnh tranh khi làm việc với Cục Quản lý Cạnh tranh (Cục QLCT). Quyết định của Cục QLCT thường không được công bố, cho dù có một số trường hợp được trình bày trong báo cáo thường niên của Cục QLCT. Các nhà đầu tư và cố vấn pháp lý của họ không được bảo đảm về tính đúng đắn trong việc diễn giải các khái niệm cơ bản như định nghĩa về thị trường liên quan và thị phần của một doanh nghiệp.

Ngoài ra, phạm vi cấp phép cung cấp dịch vụ pháp lý cho các công ty luật nước ngoài vẫn chưa được quy định rõ ràng, đặc biệt kể từ thời điểm áp dụng Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật 65/2006/QH11 ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội về Luật sư (Luật Luật sư). Luật Luật sư, sửa đổi năm 2012, vẫn không cho phép một luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn nhưng đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài làm người đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam. Đây là khía cạnh tương đối quan trọng đối với các nhà đầu tư nước ngoài vì họ thường mong muốn nhận được sự hỗ trợ đầy đủ từ cố vấn pháp lý của họ trong tất cả khía cạnh hoạt động tại Việt Nam, bao gồm cả việc giải quyết tranh chấp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo lời của Bà Věra Jourová, Cao ủy Liên minh châu Âu về Công lý, Người tiêu dùng và Bình đẳng Giới thì “các hệ thống tư pháp hiệu quả đóng vai trò then chốt để tạo ra môi trường đầu tư thân thiện, khả năng tiên lượng tốt hơn về các quy định luật pháp, và do đó, góp phần tạo nên tăng trưởng bền vững”.⁴ Khi lên kế hoạch đầu tư ở nước ngoài, một trong những yếu tố mà nhà đầu tư nước ngoài quan tâm là sự hiệu quả và minh bạch của hệ thống tư pháp. Vì lý do đó, chúng tôi tin rằng việc tiếp tục cải cách hệ thống tư pháp tại Việt Nam sẽ nâng cao lòng tin của nhà đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế Việt Nam.

Kiến nghị

- Các thành viên của EuroCham rất quan tâm tới quá trình công bố các phán quyết hiện nay của hệ thống tòa án Việt Nam. Các thành viên của chúng tôi chú ý đến việc đưa vào hoạt động hai trang web được quản lý bởi Tòa án Nhân dân Tối cao và ủng hộ việc công bố ngay phán quyết của tòa án ở tất cả các cấp;
- Thêm vào đó, các thành viên của chúng tôi khuyến khích công bố quyết định của Cục Quản lý Cạnh tranh, đặc biệt là quyết định liên quan đến tập trung kinh tế; và
- Luật Luật sư cần được sửa đổi để cho phép luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn làm đại diện cho khách hàng trước hệ thống tòa án Việt Nam, kể cả khi luật sư đó đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài.

II. TRỌNG TÀI Ở VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tư pháp (BTP), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC), Quốc hội (Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Kinh tế)

Mô tả vấn đề

Số liệu thống kê do Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) công bố năm 2017 cho thấy việc giải quyết tranh chấp qua trọng tài (hoặc hòa giải) tại Việt Nam ngày càng phổ biến, trong đó năm 2016 có 155 vụ việc mới được đăng ký, cao hơn 6% so với năm 2015.⁵

³ Tòa án Nhân dân Tối cao đã công bố hai website: <<https://congboaban.toaan.gov.vn/>> và <<http://anle.toaan.gov.vn/toaan/>>.

⁴ “Lời nói đầu trong ‘Bảng điểm đánh giá tư pháp năm 2015 của Liên minh châu Âu’, Ủy ban châu Âu, 2015. Xem tại: <http://ec.europa.eu/justice/effective-justice/files/justice_scoreboard_2015_en.pdf> truy cập lần cuối vào ngày 14 tháng 12 năm 2017.

⁵ “Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2016 của VIAC” Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, ngày 16 tháng 3 năm 2017. Xem tại: <<http://eng.viac.vn/statistics/vietnam-international-arbitration-centre-report-on-summarizing-activities-in-2016-a445.html>> truy cập lần cuối vào ngày 14 tháng 12 năm 2017.

Khi so sánh số liệu này với số liệu của hai trung tâm trọng tài lớn nhất khu vực châu Á, trong năm 2016, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC) đã thụ lý 343 vụ việc mới⁶ trong khi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hồng Kông (HKIAC) thụ lý tổng cộng 462 vụ tranh chấp mới trong cùng năm.⁷

Điều đáng tiếc là, nguyên nhân của việc giải quyết tranh chấp thông qua VIAC ngày càng gia tăng có thể phần nhiều là do nhược điểm của các cơ chế giải quyết tranh chấp khác tại Việt Nam như tòa án Việt Nam (xem mục I trên đây) hoặc phần về trọng tài quốc tế (xem mục III dưới đây) hơn là do hiệu quả xử lý của VIAC.

Năm nay, chúng tôi muốn nhấn mạnh những vấn đề sau đây liên quan đến quy trình tố tụng trọng tài tại VIAC trên cơ sở ý kiến từ các thành viên của chúng tôi:

1. Can thiệp của tòa án trong quá trình tố tụng trọng tài tại Việt Nam

Một trong những quan ngại chính là sự can thiệp của tòa án Việt Nam trong quá trình tiến hành tố tụng trọng tài tại VIAC. Ví dụ như, có những trường hợp bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại VIAC đưa ra những phản đối không có căn cứ về thẩm quyền của tòa trọng tài VIAC. Khi tòa trọng tài ban hành một quyết định khẳng định thẩm quyền xử lý, bị đơn đã thành công để đơn lên một tòa án Việt Nam để bác bỏ quyết định này. Bởi vì quyết định của tòa án Việt Nam trong trường hợp này là quyết định chung thẩm có tính ràng buộc pháp lý và không ai có quyền kháng cáo quyết định của tòa án, nên quyết định này khiến thủ tục tố tụng tại VIAC phải chấm dứt. Các thành viên của chúng tôi đã báo cáo ít nhất một vụ việc trong tháng 5 năm 2017, trong đó, tòa án đã can thiệp trong quá trình tố tụng tại VIAC, làm vụ việc bị chấm dứt tố tụng tại VIAC.

Các thành viên của chúng tôi đã báo cáo các ví dụ khác về sự can thiệp của tòa án Việt Nam, không những trước khi tòa trọng tài đưa ra phán quyết (dẫn đến hoạt động tố tụng trọng tài bị chấm dứt) mà còn khiến phán quyết bị hủy bỏ sau khi đã được trọng tài của VIAC đưa ra. Ví dụ, có những trường hợp tòa án Việt Nam bác bỏ phán quyết của trọng tài trên cơ sở mâu thuẫn với “những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” nhưng trên thực tế tòa án lại tiến hành xem xét lại tình tiết của vụ việc.

Việc không cho phép quyền kháng cáo quyết định hủy phán quyết trọng tài tiếp tục là một rào cản lớn đối với những nhà đầu tư nước ngoài muốn giải những tranh chấp của mình tại Việt Nam một cách công bằng và minh bạch.

2. Các vấn đề tố tụng liên quan đến phân xử trọng tài tại Việt Nam

Mặc dù các tòa trọng tài có thể đề nghị tòa án hỗ trợ trong việc triệu tập nhân chứng hoặc thu thập chứng cứ nhưng trên thực tế, các tòa án không chủ động hoặc không thực sự hỗ trợ hoạt động tố tụng trọng tài một cách hiệu quả. Tuy nhiên, theo thông tin do VIAC cung cấp, kể từ năm 2016, các tòa trọng tài của VIAC có xu hướng chấp nhận và xem xét lời khai của nhân chứng và lời khai của nhân chứng chuyên gia cũng như tạo điều kiện để nhân chứng cung cấp bằng chứng và được đối chứng trong quá trình điều trần. Ngoài ra, việc thiếu các án lệ, báo cáo xử án và một hệ thống nghiên cứu lý luận cũng là một bất lợi cho các bên khi giải quyết tranh chấp tại VIAC.

Kiến nghị

- Tòa án Nhân dân Tối cao và Chánh án nên cung cấp nhiều hướng dẫn cụ thể hơn cho các tòa án cấp dưới để hạn chế việc can thiệp của tòa án vào hoạt động tố tụng trọng tài một cách thống nhất;
- Việc áp dụng quyền kháng cáo quyết định của tòa án sơ thẩm về thẩm quyền của tòa trọng tài hoặc hiệu lực của phán quyết trọng tài có thể góp phần đưa giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trở thành cơ chế giải quyết tranh chấp phổ biến hơn tại Việt Nam dựa trên chính những ưu điểm của cơ chế này; và
- Về kiến nghị chung, chúng tôi tin tưởng rằng việc học hỏi và trao đổi với các quốc gia khác, đặc biệt từ việc học hỏi những mô hình thành công tại các quốc gia trong khu vực (ví dụ, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore và Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hồng Kông), có thể giúp Việt Nam rút ra những kinh nghiệm thực tiễn tốt nhất cho mình.

⁶ “SIAC công bố số vụ việc ghi nhận năm 2016” Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore. Xem tại <<http://www.siac.org.sg/2014-11-03-13-33-43/facts-figures/statistics>> truy cập lần cuối vào ngày 14 tháng 12 năm 2017.

⁷ “Thông kê vụ việc”, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hồng Kông. Xem tại <<http://www.hkiac.org/about-us/statistics>> truy cập lần cuối vào ngày 14 tháng 12 năm 2017.

III. CÔNG NHẬN VÀ THI HÀNH PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tư pháp (BTP), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC), Quốc hội (Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Kinh tế)

Mô tả vấn đề

Các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường chọn giải quyết tranh chấp bằng cơ chế trọng tài quốc tế nếu các hợp đồng có giá trị lớn. Tuy thủ tục trọng tài quốc tế thường tốn tiền bạc và thời gian, phán quyết của trọng tài quốc tế thường được thi hành ở hầu hết các khu vực tài phán trên thế giới theo Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài (NYC) mà Việt Nam là thành viên trong Công ước này.

Đa số các nước thành viên trong Công ước đều áp dụng một cách đúng đắn các quy định của NYC trong thực tiễn, công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài trong phạm vi tài phán của mình. Tuy nhiên, các thành viên của chúng tôi nhận thấy rằng, trên thực tế, để được các tòa án Việt Nam công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam là rất khó khăn. Những khó khăn chủ yếu gặp phải là (1) đảo ngược nghĩa vụ chứng minh liên quan đến yêu cầu bác bỏ đơn đề nghị công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài và (2) tòa án Việt Nam từ chối áp dụng phán quyết của trọng tài với những lý do không phù hợp với NYC. Các nội dung này sẽ được thảo luận kỹ hơn dưới đây.

1. Đảo ngược nghĩa vụ chứng minh

Theo quy định của NYC, nếu bên phải thi hành phán quyết có bất kỳ phản đối nào với việc thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài thì phải cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, trên thực tế, các tòa án Việt Nam lại đảo ngược nghĩa vụ chứng minh này và buộc bên yêu cầu thi hành phán quyết phải chứng minh rằng mọi sự phản đối của bên phải thi hành là không có căn cứ hoặc không phù hợp. Cách làm này tạo điều kiện cho bên phải thi hành phán quyết đưa ra càng nhiều phản đối, đôi khi vô căn cứ, và buộc bên yêu cầu thi hành phán quyết phải chứng minh để bác bỏ. Điều này gây khó khăn về mặt thời gian và tài chính cho bên yêu cầu thi hành phán quyết và cản trở bên yêu cầu thực hiện các quyền hợp pháp của mình.

Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật 92/2015/QH13 ban hành Bộ luật Tố tụng Dân sự mới (Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015). Bộ luật có một quy định cụ thể về đảo ngược nghĩa vụ chứng minh, nêu rõ bên phải thi hành phán quyết phải có nghĩa vụ chứng minh. Các thành viên của chúng tôi hoan nghênh bước đi tích cực này và sẽ tuân thủ chặt chẽ việc áp dụng Bộ luật Tố tụng Dân sự của tòa án Việt Nam.

2. Từ chối các phán quyết trọng tài vì các lý do không phù hợp với NYC

Tòa án Việt Nam thường ban hành các quyết định từ chối yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài vì các lý do không phù hợp với NYC.

Ví dụ, NYC đưa ra rất ít trường hợp ngoại lệ cho phép từ chối yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết trọng tài. Những trường hợp ngoại lệ này bao gồm, ví dụ như, trường hợp khi một bên tham gia thỏa thuận trọng tài, căn cứ vào luật áp dụng cho thỏa thuận đó, bị coi là không có năng lực và do đó, không đủ thẩm quyền để ký kết thỏa thuận, hoặc trường hợp một bên không nhận được thông báo hợp pháp về hoạt động tố tụng trọng tài, tất cả những trường hợp này phải được xác định dựa trên các quy tắc của trung tâm trọng tài liên quan và luật điều chỉnh thỏa thuận trọng tài.

Tuy nhiên, trong nhiều vụ việc, tòa án Việt Nam xác định rằng bên nước ngoài trong thỏa thuận trọng tài thiếu năng lực ký kết hợp đồng do sai lầm khi dẫn chiếu pháp luật của Việt Nam thay vì dẫn chiếu pháp luật của quốc gia của bên nước ngoài đó. Điều này diễn ra kể cả khi chứng cứ đã được cung cấp cho tòa án để chứng minh rằng phía bên nước ngoài có đầy đủ năng lực ký kết hợp đồng theo pháp luật của nước họ. Vấn đề này đã xảy ra trong nhiều vụ việc mặc dù luật pháp Việt Nam quy định rõ để từ chối đề nghị công nhận và áp dụng phán quyết trọng tài, tòa án phải có cơ sở khẳng định rằng một trong những bên tham gia thỏa thuận trọng tài không có năng lực ký kết thỏa thuận đó theo luật pháp áp dụng đối với bên đó.

Trong những vụ việc khác, tòa án Việt Nam xác định rằng thông báo không được gửi đến cho bị đơn một cách phù hợp do tòa án đã dẫn chiếu pháp luật Việt Nam thay vì phải dẫn chiếu đến các quy tắc trọng tài áp dụng cho vụ việc và luật điều chỉnh thỏa thuận trọng tài.

Các thành viên của chúng tôi rất chú ý và quan tâm đến việc Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định rõ tòa án chỉ có thể từ chối yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài nếu có “cơ sở phù hợp để chứng minh” rằng yêu cầu đó là một trong các trường hợp ngoại lệ đối với công nhận và thi hành theo quy định pháp luật. Quy định này nhằm mục đích đảm bảo tòa án Việt Nam đã áp dụng đúng các quy định của NYC và ví dụ như, cấm thẩm phán áp dụng luật pháp Việt Nam để xác định các vấn đề mà đáng lẽ phải được xác định bằng cách dẫn chiếu đến luật nước ngoài hoặc quy tắc của tổ chức trọng tài liên quan. Các thành viên của chúng tôi theo dõi chặt chẽ việc tòa án Việt Nam thực hiện các quy định này trên thực tế.

Kiến nghị

- Để cải thiện hoạt động công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại, chúng tôi đề xuất Việt Nam áp dụng những thực tiễn tốt nhất của quốc tế về vấn đề này;
- Các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 cần quy định về việc áp dụng chặt chẽ các quy định của Công ước NYC, bao gồm xác định rõ nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên phải thực hiện phán quyết trọng tài nếu bên phải thi hành phản đối việc thực thi phán quyết đó; bên yêu cầu thực thi phán quyết chỉ có nghĩa vụ cung cấp cho tòa án phán quyết và thỏa thuận trọng tài có hiệu lực cùng với đơn yêu cầu thực thi phán quyết; tòa án Việt Nam chỉ có thể bác bỏ đơn đề nghị công nhận và thực thi phán quyết khi có cơ sở phù hợp với NYC và Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và tòa án Việt Nam không được xem xét lại tình tiết vụ việc;
- Áp dụng cơ chế tự động chuyển sang Tòa Phúc thẩm đối những vụ việc Tòa Sơ thẩm bác bỏ đơn yêu cầu công nhận và thực thi nhằm khuyến khích việc công nhận và thực thi phán quyết của tòa án nước ngoài tại Việt Nam; và
- TANDTC tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo dành cho thẩm phán ở cấp tỉnh và cấp phúc thẩm để đảm bảo các thẩm phán được đào tạo đầy đủ về nghiệp vụ giải quyết các yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài phù hợp với luật pháp Việt Nam và NYC.

Các thành viên của chúng tôi mong đợi một hệ thống tư pháp hiệu quả và minh bạch khi đầu tư vào Việt Nam và kinh doanh với đối tác Việt Nam. Các nhà đầu tư muốn được đảm bảo rằng các cam kết thương mại sẽ được thực hiện theo thỏa thuận và có một cơ chế giải quyết hiệu quả khi phát sinh vi phạm hay tranh chấp liên quan.

Nếu hệ thống tư pháp hiện tại của Việt Nam không được cải thiện, các nhà đầu tư nước ngoài có thể sẽ dần mất niềm tin khi kinh doanh tại Việt Nam và cảm thấy không an tâm về khả năng bảo vệ đầu tư của mình. Dựa trên các cam kết quốc tế, Việt Nam cần thực sự đảm bảo rằng các nhà đầu tư nước ngoài có thể tiếp cận công lý và được đối xử công bằng, bình đẳng. Chúng tôi đánh giá cao những tiến bộ đã đạt được kể từ Sách Trắng năm 2015 nhưng chúng tôi tin Việt Nam có thể làm nỗ lực nhiều hơn nữa để cải thiện thủ tục tư pháp.

Vì lý do đó, chúng tôi hy vọng Chính phủ Việt Nam sẽ quan tâm tới những vấn đề và kiến nghị mang tính xây dựng của chúng tôi ở chương này. Đồng thời, chúng tôi cam kết tiếp tục hỗ trợ về chuyên môn và sẵn sàng hợp tác nhằm đưa ra giải pháp cho các vấn đề đang tồn tại và góp phần cải thiện hệ thống tư pháp Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:
Antoine Logeay, Luật sư, Công ty Luật TNHH Audier & Cộng sự
Bernadette Fahy, Luật sư, Công ty Luật TNHH Audier & Cộng sự

CHƯƠNG 7 THỦ TỤC HÒA GIẢI

TỔNG QUAN

Ông Arnaldo Abruzzini, Tổng Thư ký của Hiệp hội các Phòng Thương mại và Công nghiệp châu Âu từng nhận xét: “Chưa ý thức được lợi ích của hòa giải khiến các doanh nghiệp lãng phí chi phí cho thủ tục tòa án... Nhưng vấn đề không chỉ nằm ở các chi phí tài chính và chi phí thời gian, mà còn là chi phí về mối quan hệ và uy tín với đối tác. Thủ tục pháp lý kéo dài gây đổ vỡ hàng trăm nghìn mối quan hệ thương mại”.¹

Các Phương thức Giải quyết Tranh chấp Lựa chọn (ADR) bao gồm hòa giải thương mại, điều giải và trọng tài, có nhiều ưu điểm so với thủ tục tố tụng. Các bên tranh chấp có thể hưởng lợi từ các thủ tục ít tốn kém hơn và nhanh chóng hơn nhiều, trong đó thủ tục thương mại hầu như không mất quá một tuần. Điều này có nghĩa là các bên có thể duy trì quan hệ thân tình (và giữ thể diện), đồng thời đảm bảo bảo mật kinh doanh tuyệt đối.² Tuy nhiên, cần cải thiện cơ sở pháp lý cho cơ chế hòa giải. Xuất phát từ nhu cầu hiện tại, Việt Nam đã và đang tiến hành cải cách cơ chế hòa giải trong nước.³

Bảng 3: Lợi ích của ADR

Các đối tượng	Lợi ích
Cho cá nhân	› Bồi thường rẻ hơn › Giải quyết tranh chấp nhanh hơn các quy trình tố tụng trước tòa án thông thường › Trong các quy trình dựa trên kiến nghị và hỗ trợ, các bên làm chủ quyết định, thay vì phải tham khảo ý kiến bên thứ ba. › Trong quy trình dựa trên kiến nghị và hỗ trợ, giảm thiểu sự cần thiết phải tiến hành các tố tụng nhằm đảm bảo rằng các bên tuân thủ thỏa thuận từ khi các bên nhất trí đồng thuận.
Cho khối tư nhân	› Tăng cường phát triển khu vực tư nhân bằng cách tạo ra môi trường kinh doanh tốt hơn › Giảm chi phí trực tiếp và gián tiếp thực hiện các hợp đồng và giải quyết các tranh chấp › Giảm chi phí giao dịch để các nguồn lực không bị sử dụng lãng phí trong doanh nghiệp › củng cố các phương pháp kinh doanh dựa trên đàm phán tùy thuộc vào quy trình
Cho chính quyền	› Tăng cường hiệu quả quản trị công bằng cách giảm thiểu bế tắc của tranh chấp trước tòa án và cải thiện hiệu quả của hệ thống tòa án › Giúp tiếp cận công lý qua việc cung cấp nhiều lựa chọn đối với phương thức giải quyết tranh chấp › Đối với một số hệ thống pháp luật, nâng cao uy tín của hệ thống tòa án trong việc đảm bảo giải quyết hiệu quả các tranh chấp

Nguồn: Hướng dẫn Trung tâm Giải quyết Tranh chấp Thay thế của Ngân hàng Thế giới, trang 4-5⁴

1 “Hòa giải: Công cụ phát triển”, *Thông cáo báo chí Eurochambers*, ngày 10 tháng 12 năm 2014. Xem tại: <http://www.eurochambres.eu/custom/53-Mediation_10Dec14-2014-00880-01.pdf> truy cập lần cuối vào ngày 2 tháng 1 năm 2018.

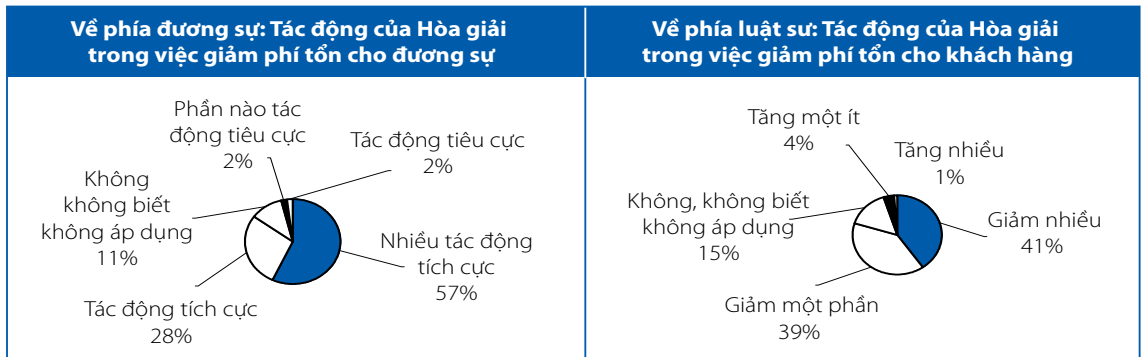
2 “Liệu hòa giải thương mại có giúp giữ thể diện?”, *Báo Đầu tư*, ngày 3 tháng 3 năm 2014. Xem tại: <<http://www.vir.com.vn/is-commercial-mediation-a-face-saver.html>> truy cập lần cuối ngày 1 tháng 1 năm 2018.

3 Giáo sư L. H Hanh và L. T. H Thanh LLM., *Hòa giải và Luật Hòa giải Việt Nam trong Bối cảnh Hội nhập ASEAN*, trang 20. Xem tại: <<https://www.aseanlaw-sociation.org/11GAdocs/workshop5-vn.pdf>> truy cập lần cuối ngày 2 tháng 1 năm 2018.

4 “Hướng dẫn thành lập và quản lý trung tâm ADR”, *Nhóm Ngân hàng Thế giới*, ngày 1 tháng 1 năm 2011, trang 4-5. Xem tại: <<http://documents.worldbank.org/curated/en/906371468169461301/Alternative-dispute-resolution-center-manual-guide-for-practitioners-on-establishing-and-managing-ADR-centers>> truy cập lần cuối ngày 2 tháng 1 năm 2018.

Không thể phủ nhận tác động của ADR trong việc giải quyết tranh chấp thương mại và giải ngân vốn, tạo điều kiện cho nền kinh tế tăng trưởng. Các lợi ích của ADR có thể được tóm tắt thành ba phạm trù rộng như minh họa trong bảng trên.⁵

Biểu đồ 9: Tác động của Hòa giải



Nguồn: Báo cáo Chương trình Hòa giải Canada⁶

Ngoài ra, hình trên minh họa kết quả nghiên cứu liệu các bên có giải quyết triệt để tranh chấp vốn đạt được thông qua tố tụng bằng cách hòa giải theo Chương trình Hòa giải Bắt buộc tại Ontario, Canada hay không. Đánh giá chỉ ra rằng tại Ottawa và Toronto, một phần đáng kể các tranh chấp (khoảng 4 trên 10) được giải quyết triệt để trong vòng 7 ngày hòa giải.⁷

Hòa giải thương mại tại Châu Á-Thái Bình Dương

Hòa giải thương mại đang ngày càng phổ biến hơn và quan trọng hơn tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Chính phủ Singapore và Trung tâm Trọng tài Singapore (SIAC) dường như đi đầu trong việc áp dụng các thủ tục tư pháp cho phép cả hai bên chọn quy trình ADR. SIAC áp dụng các mô hình giải quyết tranh chấp kết hợp thông qua cơ chế ADR như là Mô hình Trọng tài-Hòa giải-Trọng tài (Arb-Med-Arb, hay AMA). Mô hình này áp dụng đối với tất cả các tranh chấp được trình lên SIAC để giải quyết theo Điều khoản AMA Singapore hoặc các điều khoản tương tự khác và áp dụng cho bất kỳ tranh chấp nào mà các bên nhất trí đệ trình giải quyết theo AMA. Theo mô hình này, các bên nhất trí rằng bất kỳ tranh chấp được giải quyết theo quy trình hòa giải tại Trung tâm Hòa giải Quốc tế Singapore (SIMC) đều nằm trong phạm vi thỏa thuận trọng tài của họ.⁸ Thật vậy, nhiều nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang cải thiện khung pháp lý về hòa giải thương mại để đây không chỉ là phương thức ADR cho các thành phần kinh tế mà thật sự là cơ hội để tránh sự bất tiện khi phải giải quyết trước tòa án và duy trì quan hệ tốt đẹp với đối tác kinh doanh. Điều này đặc biệt quan trọng khi nhà sản xuất muốn làm việc lâu dài với nhà cung cấp và đại lý phân phối sau khi tranh chấp được giải quyết. Hòa giải tạo ra kết quả "đôi bên cùng có lợi" khi đảm bảo lợi ích cho cả hai bên, thay vì kết quả "người thắng-kẻ thua" khi một bên phải bồi thường chi phí sau cả quá trình kiện tụng kéo dài.

⁵ Như trên.

⁶ "Tòa án Ontario, Canada tích hợp Chương trình Hòa giải Bắt buộc", *Chương trình Hòa giải Canada*, <in nghiêng>, Chương 1, trang 11. Xem tại: <https://drive.google.com/file/d/0B4sexl_rfQxPUiRLd3c4M1QtCEw4c3BxV2NYdVlleUNEeVdZ/view?ts=5943601a> truy cập lần cuối ngày 18 tháng 1 năm 2018.

⁷ Như trên.

⁸ Nghị định thư Arb-Med Arb SIAC. Xem tại: <<http://simc.com.sg/siac-simc-arb-med-arb-protocol/>> truy cập lần cuối ngày 2 tháng 1 năm 2018.

I. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LỰA CHỌN (ADR) TẠI VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tư Pháp (BTP)

Mô tả vấn đề

Hòa giải, cơ chế giải quyết tranh chấp lựa chọn, đã được đưa vào hệ thống pháp luật của Việt Nam và được áp dụng trong các luật cơ bản như Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Theo Điều 9 của Luật này, trong tổ tụng trọng tài các bên sẽ có quyền tự do thương lượng và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp hoặc yêu cầu Hội đồng trọng tài hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Ngoài ra, nếu các bên thống nhất giải quyết thông qua hòa giải do Hội đồng trọng tài tiến hành, Hội đồng trọng tài sẽ đưa ra quyết định công nhận thỏa thuận của các bên, quyết định này sẽ có giá trị như phán quyết trọng tài.

Bộ luật Tố tụng dân sự 92/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 (Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015) thay thế Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 đã công nhận thẩm quyền của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp về đầu tư, kinh doanh và thương mại. Ngoài ra, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bổ sung chương mới liên quan đến ghi nhận các kết quả của hòa giải ngoài tòa án (các thỏa thuận giải quyết hòa giải). Theo đó, một hoặc cả hai bên tham gia thỏa thuận giải quyết hòa giải có thể đệ trình lên tòa án để công nhận thỏa thuận của họ. Sau khi được công nhận, thỏa thuận này có hiệu lực thi hành như phán quyết cuối cùng của tòa án, phù hợp với quy định của Việt Nam về thi hành các phán quyết dân sự.

1. Hòa giải thương mại tại Việt Nam

Vào ngày 24 tháng 2 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định 22/2017/NĐ-CP (Nghị định 22) về hòa giải thương mại có hiệu lực ngày 15 tháng 4 năm 2017. Đây là quy phạm pháp luật đầu tiên chuyên quản lý hòa giải thương mại và tạo khuôn khổ pháp lý để phát triển hòa giải thương mại tại Việt Nam. Nghị định 22 bao gồm các nguyên tắc, điều kiện và thủ tục hòa giải thương mại như một phương pháp ADR, do đó tạo điều kiện để thành lập các trung tâm hòa giải tại Việt Nam. Theo Nghị định 22, hòa giải thương mại được áp dụng trong trường hợp: (i) tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại, (ii) tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại hoặc (iii) tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng hòa giải thương mại.⁹ Luật định nghĩa "hoạt động thương mại" là các hoạt động phục vụ mục đích tạo lợi nhuận, bao gồm mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, đầu tư và xúc tiến thương mại.

2. Xác định hòa giải viên và quá trình hòa giải

Theo Nghị định 22, hòa giải viên thương mại gồm hòa giải viên thương mại vụ việc và hòa giải viên thương mại quy chế từ các tổ chức hòa giải thương mại do các bên tranh chấp lựa chọn hoặc được chỉ định bởi một tổ chức hòa giải thương mại theo yêu cầu của các bên.¹⁰ Ngoài trừ các tiêu chuẩn đạo đức chung, hòa giải viên phải có trình độ đại học trở nên và ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm làm việc trong ngành của mình. Những hòa giải viên phải có kỹ năng hòa giải cũng như hiểu biết và kiến thức pháp lý về các thực hành kinh doanh và thương mại. Tuy nhiên, nghị định chưa có hệ thống chứng nhận để đào tạo hòa giải viên nhằm tuân thủ những yêu cầu cụ thể và nghiêm ngặt này.¹¹ Trong một số trường hợp, các yêu cầu của hòa giải viên như được nêu trong Nghị định 22 cản trở việc xúc tiến thực hành hòa giải. Mặc dù không có giới hạn cụ thể về quốc tịch của hòa giải viên, Nghị định đặt ra một rào cản kỹ thuật yêu cầu những hòa giải viên hòa giải theo vụ việc cần đăng ký với Sở Tư pháp nơi họ thường trú. Do đó, yêu cầu này có thể hạn chế cơ hội để hòa giải viên nước ngoài hành nghề tại Việt Nam. Việc lựa chọn hòa giải viên thích hợp có thể là nhiệm vụ khó cho các bên tranh chấp và cố vấn của họ vì những hòa giải viên có thể đáp ứng các yêu cầu của luật pháp Việt Nam không thể có kỹ năng hoặc kinh nghiệm như những hòa giải viên được quốc tế công nhận.

⁹ Điều 2, Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 về hòa giải thương mại.

¹⁰ Điều 3, Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 về hòa giải thương mại.

¹¹ N. M. Dzong và D. V. M. Ha, "Thi hành các Thỏa thuận Giải quyết Hòa giải tại Việt Nam: Một bước tiến tới xu hướng quốc tế?", *Trọng tài KluwerBlog*, ngày 2 tháng 7 năm 2017. Xem tại: <<http://arbitrationblog.kluwerarbitration.com/2017/07/02/deposition-japan-u-s-based-international-arbitration/>> truy cập lần cuối ngày 27 tháng 9 năm 2017.

3. Lựa chọn hòa giải viên

Các bên tranh chấp được quyền chọn các quy tắc hòa giải của một tổ chức hòa giải thương mại hoặc thống nhất về các thủ tục hòa giải của chính họ. Khi các bên không thống nhất được về trình tự và các thủ tục để hòa giải, hòa giải sẽ được tiến hành theo cách mà những hòa giải viên thương mại thấy thích hợp về nội dung tranh chấp và vì lợi ích tốt nhất của các bên. Việc lựa chọn các thủ tục để hòa giải ngay từ đầu là rất quan trọng vì điều này quyết định tất cả các khía cạnh của quá trình hòa giải. Các khía cạnh đó bao gồm việc chỉ định một hòa giải viên, các bước hòa giải, phí hòa giải, việc thi hành thỏa thuận giải quyết hòa giải và các vấn đề liên quan khác.

Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam

Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) góp phần quan trọng vào tiến trình phát triển hệ thống pháp lý và có vai trò đáng kể trong hòa giải cả tranh chấp giữa nhà nước-nhà nước và nhà đầu tư-nhà nước tại Việt Nam.¹² Theo EVFTA, Liên minh châu Âu và Việt Nam đã nhất trí về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư hiện đại và cải cách bảo đảm sự tuân thủ các quy tắc bảo vệ đầu tư cơ bản áp dụng đối với các nhà đầu tư châu Âu và Việt Nam.¹³

“Theo EVFTA, tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư-nhà nước, bất kỳ bên tranh chấp nào cũng có thể mời bên kia tiến hành hòa giải bằng thủ tục như quy định trong đây. Các quy định cụ thể về hòa giải trong EVFTA thể hiện sự chú ý đặc biệt của các nhà lập pháp tại châu Âu và Việt Nam đối với giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, điều đang dần trở thành một xu thế mới được ủng hộ trên thế giới. Do đó, chúng tôi tin rằng xu thế này cũng sẽ ảnh hưởng tích cực và không ngừng hỗ trợ phát triển hòa giải thương mại tại Việt Nam.”¹⁴

4. Các trở ngại ảnh hưởng đến sự phát triển của ADR tại Việt Nam

Theo thời gian, việc áp dụng hòa giải trong giải quyết tranh chấp sẽ trở nên phổ biến hơn khi Nghị định 22 ngày càng phổ biến hơn trong cộng đồng pháp lý. Tuy nhiên, việc áp dụng các cơ chế ADR trong các tranh chấp thương mại vẫn gặp một số trở ngại.

Hòa giải vẫn còn mới mẻ tại Việt Nam. Do đó, số lượng luật sư có kinh nghiệm chuyên môn trong các thủ tục hòa giải còn hạn chế. Thành công của quá trình hòa giải phụ thuộc vào việc lựa chọn các quy tắc, thủ tục hòa giải và hòa giải viên. Hiện tại không có bất kỳ cơ chế chứng nhận chính thức đối với hòa giải, điều giải hoặc trọng tài tại Việt Nam. Do đó, cần xây dựng và tổ chức nhiều hơn các khóa đào tạo về hòa giải, điều giải và trọng tài nhằm tăng thêm độ tin cậy cho các cơ chế này. Rất ít hợp đồng thương mại tại Việt Nam có điều khoản ADR cho phép các bên được tự động chuyển sang các cơ chế ADR, ví dụ như hòa giải và điều giải trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng.

Nghị định 22 quy định khuôn khổ và hướng dẫn cụ thể tạo điều kiện hỗ trợ các bên áp dụng hòa giải để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, các quy định về hòa giải thương mại vẫn chưa được hoàn chỉnh và chưa phù hợp với một số cam kết quốc tế. Trường hợp trọng tài tại Việt Nam cũng là tương tự. Các nhà đầu tư nước ngoài thường lựa chọn cơ chế ADR nhằm tránh sử dụng thủ tục tố tụng tại tòa án Việt Nam để giải quyết tranh chấp.¹⁵ Luật pháp Việt Nam cũng thiếu một số quy định về việc sử dụng bằng chứng trong hòa giải đối với các thủ tục tố tụng khác. Những thiếu sót này sẽ khiến các bên do dự trong việc áp dụng hòa giải để giải quyết tranh chấp.

5. Các sáng kiến xúc tiến ADR của quốc tế và khu vực

Tại châu Âu, các sáng kiến ADR được thúc đẩy nhờ động lực từ các thể chế. Ủy ban châu Âu hỗ trợ nhiều nguồn lực, bao gồm các dịch vụ ADR ngoài tòa án, công nghệ mới, thể chế công và tư nhân cung cấp các dịch vụ hòa giải. Chính phủ các nước thành viên cũng thường tự xúc tiến những dự án này bằng các chương trình thí điểm hòa giải như chương trình ADR dựa trên cơ sở tòa án, mà sau này được áp dụng. Chính phủ các nước cũng khuyến khích áp dụng hòa giải trong công tác hành chính của mình. Chẳng hạn, từ năm 2001, Chính phủ Anh đã nỗ lực đảm bảo tất cả tranh chấp liên quan đến cơ quan Chính phủ đều được giải quyết trong thời gian sớm nhất có thể bằng cách áp dụng ADR. Kể từ đó, tất cả hợp đồng liên quan đến Chính phủ và cơ quan hành chính đều có điều khoản dẫn chiếu đến quy trình hòa giải.¹⁶

12 Tiểu ban Pháp luật EuroCham Việt Nam. Xem tại: <https://www.eurochamvn.org/Sector_Committees/Legal/> đã truy cập ngày 27 tháng 1 năm 2017.

13 “Hướng dẫn đối với Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam”, *Sứ ủy quyền của Liên minh Châu Âu cho Việt Nam*. Xem tại: <http://eeas.europa.eu/archives/delegations/vietnam/documents/eu_vietnam/evfta_guide.pdf> truy cập lần cuối ngày 2 tháng 1 năm 2018.

14 N. Manh Dzong và D.V.M. Ha “Thực thi Hiệp định Giải quyết tranh chấp bằng Hòa giải tại Việt Nam: Bước tiến hòa vào xu hướng quốc tế?”, *Young ICCA Blog*. Xem tại: <<http://www.youngicca-blog.com/enforcement-of-mediated-settlement-agreements-in-vietnam-a-step-forward-for-the-international-trend/>> truy cập vào ngày 5 tháng 3 năm 2018.

15 Sách trắng 2017, *EuroCham*, trang 52.

16 Chính quyền Catalonia, Cơ quan Tư pháp, *Sách Trắng về Hòa giải tại Catalonia*, 2010, Chương 2, trang 83-130.

Ủy ban Châu Âu đã xây dựng một nền tảng giải quyết tranh chấp trực tuyến trên trang web vào năm 2016. Mục tiêu của sáng kiến này là giúp người tiêu dùng và nhà cung cấp giải quyết tranh chấp về hợp đồng hàng hóa và dịch vụ liên quan đến giao dịch trực tuyến một cách đơn giản, nhanh gọn, ít tốn kém chi phí và tránh giải quyết trước tòa án. Giao diện này cho phép người tiêu dùng gửi bản khiếu nại điện tử bằng một ngôn ngữ bất kỳ trong 23 ngôn ngữ chính thức của Liên minh châu Âu. Giao diện giải quyết tranh chấp trực tuyến này chỉ gửi các tranh chấp tới các cơ quan giải quyết tranh chấp uy tín đã được các Quốc gia Thành viên của Liên minh châu Âu thẩm định.¹⁷

Với sự phổ biến của Internet, thế giới ngày nay trở nên lệ thuộc vào công nghệ điện tử hơn bao giờ hết.¹⁸ Con người mong muốn được đáp ứng nhu cầu, được tự làm chủ và được hưởng sự tiện lợi thông qua Internet, từ đó trở nên lệ thuộc vào các dịch vụ trực tuyến. Do đó, Giải quyết Tranh chấp Trực tuyến (ODR) đã ra đời như một mô hình hợp lý để giải quyết tranh chấp.¹⁹ Cùng với hình thức hòa giải truyền thống, ưu điểm của hòa giải trực tuyến chính là tiết kiệm đáng kể so với tố tụng truyền thống, vốn đã vô cùng tốn kém.²⁰ Ưu điểm được ghi nhận nhiều nhất của ODR là các bên tranh chấp không phải di chuyển nhiều để gặp mặt đàm phán,²¹ mà có thể tham gia hòa giải trực tuyến từ các địa điểm hoạt động kinh doanh hoặc nơi cư trú. Việc này giúp tiết kiệm được thời gian và chi phí cho các bên.²²

Nghị viện Singapore gần đây đã thông qua Luật Hòa giải. Đây là một phần của sáng kiến Chính phủ nhằm phát triển Singapore như điểm đến giải quyết tranh chấp quốc tế bằng cách củng cố khuôn khổ pháp lý cho hòa giải thương mại quốc tế. Với nhiều ưu điểm, Luật Hòa giải mới được ban hành để khắc phục được những nhược điểm của cơ chế hòa giải, ví dụ như việc thiếu hiệu lực thi hành và tính chưa đáng tin cậy. Khi Luật Hòa giải có hiệu lực, các doanh nghiệp có thể xem xét làm cách nào tốt nhất để điều chỉnh các điều khoản giải quyết tranh chấp trong các thỏa thuận thương mại của họ nhằm tận dụng các lợi ích mà hòa giải mang lại.²³

Những chuyển biến tích cực này rất được ghi nhận, tuy nhiên vẫn chưa hoàn chỉnh. Mặc dù Đông Nam Á có sự tăng trưởng mạnh mẽ và liên tục về sử dụng điện thoại di động và thương mại điện tử, một số quốc gia trong khu vực này dường như không mặn mà với ODR như các khu vực khác, chẳng hạn như Liên minh châu Âu. Trong giai đoạn từ tháng 1 năm 2016, số người sử dụng Internet và thuê bao di động trong khu vực lần lượt tăng khoảng 80 triệu và từ tháng 1 năm 2017 tăng 62 triệu.²⁴

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Hòa giải vẫn còn là hình thức giải quyết tranh chấp mới mẻ tại Việt Nam. Do đó, các quy tắc căn bản phân biệt giữa hòa giải, điều giải và trọng tài và sự khác biệt giữa đàm phán ràng buộc và không ràng buộc trong Nghị định 22 vẫn chưa rõ ràng đối với các nhà lập pháp. Cụ thể, nội dung trong Nghị định 22 vẫn còn mơ hồ và cần được làm rõ hơn. Khía cạnh quan trọng nhất của quy trình hòa giải hoặc điều giải là tính bảo mật. Tuy nhiên, Nghị định 22 lại chưa quy định để đảm bảo tính bảo mật. Ngoài ra cũng không có cơ chế nào từ tòa án bảo đảm rằng các hòa giải viên hoặc điều giải viên sẽ không bị kiện ra trước tòa trong thời gian giải quyết các thủ tục tố tụng trong tương lai. Điều này làm vô hiệu hóa thỏa thuận hòa giải đã được ký kết giữa hòa giải viên/điều giải viên và các bên bị ảnh hưởng.

Trong khi Nghị định 22 hứa hẹn sẽ tạo ra khuôn khổ pháp lý hỗ trợ phát triển hòa giải, chúng tôi nhận thấy một số điểm vẫn chưa phù hợp với luật pháp quốc tế. Trước hết, hòa giải viên phải được đăng ký tại Sở Tư pháp. Đây là rào cản kỹ thuật trong việc lựa chọn hòa giải viên người nước ngoài tham gia vào hòa giải tranh chấp tại Việt Nam. Yêu cầu này hạn chế đặc biệt đối với các tranh chấp thương mại quốc tế vì hiện nay vẫn có rất ít người có chuyên môn trong lĩnh vực này tại Việt Nam. Thứ hai, luật pháp Việt Nam cũng thiếu một số điều khoản về việc sử dụng bằng chứng trong hòa giải đối trọng các thủ tục tố tụng khác. Bất chấp những thiếu sót đáng kể nêu trên, những quy định này sẽ tạo được khuôn khổ pháp lý hợp lý cho sự phát triển vững chắc của cơ chế hòa giải tại Việt Nam trong tương lai.

17 Liên minh châu Âu, *Trang web Giải quyết Tranh chấp Trực tuyến*. Xem tại: <<https://ec.europa.eu/consumers/odr/main/?event=main.home.show>> truy cập lần cuối ngày 27 tháng 9 năm 2017.

18 A. Changaroth, "ODR: Sự phục hợp với ngành xây dựng", *Tạp chí Hòa giải châu Á*, Học Viện Tư Pháp Singapore, 2016, trang 2.

19 "Rechtswijzer 2.0: Công nghệ giúp làm chủ công lý", *Hiil*. Xem tại: <<http://www.hiil.org/project/rechtswijzer>> truy cập lần cuối vào ngày 27 tháng 9 năm 2017.

20 G. H. Friedman, "Cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế và Công nghệ trực tuyến mới nổi: Thử thách và Cơ hội", 19 *Hastings Comm. & Ent. L. J.* 695, 712 (1997).

21 R. C. Bordone, "Cơ chế giải quyết tranh chấp điện tử: Tiếp cận một cách hệ thống - Vấn đề tiềm năng và cách giải quyết", 3 *Harv. Negotiation L. Rev.* 175, 176 (1998).

22 L. Q. Hang, "Hệ thống giải quyết tranh chấp điện tử: Tương lai của Luật Không gian mạng", 41 *Santa Clara L. Rev.* 837, 855 (2001).

23 "Singapore thông qua Luật Hòa giải mới", *Baker McKenzie*, ngày 9 tháng 2 năm 2017. Xem tại: <<http://www.bakermckenzie.com/en/insight/publications/2017/02/singapore-passes-new-mediation-act/>> truy cập lần cuối ngày 27 tháng 9 năm 2017.

24 Trang web Law Tech Asia. Xem tại: <<https://lawtech.asia>> truy cập lần cuối vào ngày 27 tháng 9 năm 2017.

Nghị định 22, ảnh hưởng bởi Luật 54/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội về Trọng tài Thương mại (Luật Trọng tài Thương mại hoặc LTTM) và cam kết của Việt Nam với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), khuyến khích các tổ chức hòa giải nước ngoài mở chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam. Ngoài ra, các văn phòng của các trung tâm hòa giải quốc tế có thể thành lập Hội đồng trọng tài của riêng họ với điều kiện là những hòa giải viên đáp ứng năng lực chuyên môn như quy định trong Nghị định 22. Chúng tôi hy vọng rằng những quy định này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các trung tâm hòa giải quốc tế tham gia hòa giải Việt Nam.²⁵

Chúng tôi nhận thấy đã có những cơ hội tích cực khác để nâng cao nhận thức về ADR cho cộng đồng pháp lý và người dân nhằm thúc đẩy ADR trong khu vực. Một ví dụ cụ thể là hội thảo ADR thường niên: Diễn đàn Hòa giải châu Á-Thái Bình Dương đã được tổ chức tại Đà Nẵng vào tháng 11 năm 2017.²⁶ Những sự kiện này tạo điều kiện để cộng đồng pháp lý (các doanh nghiệp và học giả) có cơ hội tìm hiểu thêm về các quy trình, nâng cao nhận thức và tăng tính hiệu quả của ADR.²⁷

Kiến nghị

Mặc dù Nghị định 22 là bước tiến tích cực để cải thiện hòa giải tại Việt Nam, vẫn còn nhiều khía cạnh cần được cải thiện. Do đó, hòa giải theo hình thức hiện nay có thể không phải là lựa chọn khả thi cho các bên tranh chấp. Chúng tôi kiến nghị khi lựa chọn hòa giải hoặc điều giải để giải quyết tranh chấp thương mại, cần lựa chọn các quy tắc hòa giải quốc tế. Do đó việc sử dụng các quy tắc hòa giải của Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL) với các điều khoản bổ sung đã được thêm vào để bù đắp những thiếu sót của Nghị định 22 sẽ gia tăng cơ hội thành công của phương thức giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải.

Nghị định 22 cho phép thành lập các trung tâm hòa giải tư nhân. Một động thái gần đây tại Vương quốc Anh với việc hiệp hội doanh nghiệp thành lập trung tâm hòa giải đã cho thấy điều này đã mang lại lợi ích cho các thành viên. Quan hệ đối tác công-tư được tạo bởi Hiệp hội Doanh nghiệp Đại đô thị Manchester, theo đó các thành viên có thể đệ trình các tranh chấp lên hòa giải, do vậy tiết kiệm chi phí pháp lý bằng cách giải quyết tranh chấp sớm và trước khi phát sinh lệ phí tòa án. Sự cộng tác giữa các hiệp hội doanh nghiệp và khu vực tư nhân đã được chứng minh là thành công và nhận được nhiều sự quan tâm không chỉ từ các doanh nghiệp mà còn cả công chúng. Cơ chế này cũng cho phép hòa giải đối với mọi tranh chấp liên quan đến người tiêu dùng và kinh doanh tại Vương quốc Anh theo Chỉ thị ADR cho phép tiến hành hòa giải qua điện thoại và trực tuyến. Hòa giải cho phép cách làm việc linh hoạt để giải quyết các tranh chấp giữa các công ty luật và khách hàng của họ²⁸ thay vì phải tiến hành hòa giải truyền thống hao tốn nhiều thời gian.

Việc thành lập một trung tâm cung cấp dịch vụ ADR truyền thống và trực tuyến tại Việt Nam dưới sự bảo trợ của hiệp hội doanh nghiệp cần tham khảo ý kiến của Tiểu ban Pháp luật của Hiệp hội doanh nghiệp liên quan.²⁹ Việc thành lập một trung tâm hòa giải cung cấp dịch vụ chất lượng cao, trong đó các thành viên có thể yêu cầu hòa giải các tranh chấp, điều giải hoặc trọng tài sẽ tạo điều kiện giải quyết tranh chấp trước khi các bên phải tham gia các thủ tục tố tụng.

Những kiến nghị nêu trên của chúng tôi nhằm mục đích cải thiện sự phát triển và nhận thức chuyên môn không chỉ cho cộng đồng pháp lý tại Việt Nam mà còn cả xã hội Việt Nam nói chung. Nhận thức về ADR trong khối nhà nước và khối tư nhân, bao gồm việc thành lập trung tâm hòa giải sẽ mang đến thêm nhiều lựa chọn khả thi cho các bên liên quan. Điều này sẽ giúp cải thiện hệ thống pháp lý và nâng cao khả năng tiếp cận công lý cho khối tư nhân và công chúng nói chung.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:
Thomas Giglione, Công ty Luật TNHH ANT

²⁵ Như trên, xem ghi chú 6.

²⁶ Diễn đàn Hòa giải Châu Á Thái Bình Dương. Thông tin chi tiết xem tại: <<http://apmf2017.mediation.vn>> đã truy cập ngày 2 tháng 1 năm 2018.

²⁷ Như trên.

²⁸ Law Tech Lawyer. Xem tại: <www.lawtechlawyer.podbean.com> đã truy cập vào ngày 27 tháng 9 năm 2017.

²⁹ Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham. Xem tại: <https://www.eurocham.vn/org/Sector_Committees/Legal> đã truy cập ngày 27 tháng 9 năm 2017.

CHƯƠNG 8 MUA BÁN VÀ SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

TỔNG QUAN

Thị trường mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A) của Việt Nam đang khởi sắc và phát triển mạnh mẽ. Các giao dịch M&A được nhiều nhà đầu tư xem là cách hiệu quả nhất để xâm nhập thị trường và mở rộng hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Số lượng và giá trị các giao dịch M&A tại Việt Nam đang trên đà tăng bền vững trong những năm trở lại đây. Dự kiến M&A sẽ còn tiếp tục tăng trưởng hơn nữa trong năm 2018, đặc biệt trong bối cảnh Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA) sẽ được ký kết và có hiệu lực.

Trong năm 2016, tổng giá trị giao dịch M&A tại Việt Nam đạt kỷ lục 5,8 tỷ Đô-la Mỹ và tăng 11,92% so với năm 2015.¹ Trong quý đầu tiên của năm 2017, tổng giá trị giao dịch M&A tại Việt Nam đạt 1,1 tỷ Đô-la Mỹ (tăng khoảng 75,6% so với cùng kỳ năm 2016).²

Từ năm 2016 đến 2017, giá trị giao dịch M&A liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài chiếm đến 77% tổng giá trị giao dịch M&A tại Việt Nam. Ba ngành có hoạt động M&A mạnh nhất trong năm 2016 và 2017 là bán lẻ, sản xuất hàng tiêu dùng và bất động sản.³ Các nhà đầu tư từ châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore đóng vai trò quyết định trong thị trường M&A tại Việt Nam trong năm 2016 và 2017 với các khối lượng các giao dịch được hoàn tất khá ấn tượng.

Ước tính những con số này sẽ còn tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong năm 2018 vì đó là thời điểm nhiều nhà đầu tư nước ngoài tìm cách vào thị trường Việt Nam để có thể tận dụng được toàn bộ những lợi ích mà các hiệp định thương mại tự do sắp có hiệu lực mang lại trong những năm tới.

Luật Đầu tư năm 2014 (LĐT) và Luật Doanh nghiệp năm 2014 (LDN) là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển của khung pháp lý dành cho hoạt động M&A tại Việt Nam. Văn bản hướng dẫn thi hành những luật mới này cũng đã góp phần vào việc đơn giản hóa và đồng bộ các thủ tục hành chính và pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều nội dung trong khuôn khổ Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp cùng văn bản hướng dẫn thi hành các văn bản luật này vẫn chưa được giải quyết và cần được các cơ quan Nhà nước làm rõ. Để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng này, trong tháng 12 năm 2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) đã công bố và lấy ý kiến công khai dự thảo đầu tiên của Luật sửa đổi một số điều của LĐT và LDN dự kiến được trình lên Quốc hội (QH) xem xét và thông qua vào tháng 5 năm 2018.

Chúng tôi nhận thấy có những tiến triển rất tích cực đối với việc cổ phần hóa các Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) 100% vốn thuộc sở hữu Nhà nước. Cụ thể, Nghị định 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về cổ phần hóa DNNN có 100% vốn thuộc sở hữu Nhà nước (Nghị định 126) gần đây đã quy định quy trình mới rõ ràng hơn cho việc lựa chọn và chào bán cổ phiếu tại các DNNN cho các nhà đầu tư chiến lược đủ điều kiện (các nhà đầu tư này có thể là nhà đầu tư Việt Nam hoặc nhà đầu tư nước ngoài). Những thay đổi về luật pháp là những tín hiệu tích cực đối với các nhà đầu tư nước ngoài muốn mua cổ phiếu trong các DNNN cổ phần hóa. Cộng đồng doanh nghiệp sẽ theo dõi sát sao tác động mà thay đổi pháp lý quan trọng này mang lại khi được áp dụng trong thực tế.

Dưới đây là tổng quan về một số rào cản pháp lý chính đối với hoạt động M&A tại Việt Nam và kiến nghị của chúng tôi tới Chính phủ nhằm giải quyết hiệu quả những vấn đề này. Chúng tôi hoan nghênh các cơ hội được làm việc cùng với các cơ quan liên quan để tạo điều kiện cho thị trường M&A phát triển và hoạt động hiệu quả hơn nữa.

1 Báo Đầu tư trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam. Xem tại: <<http://baodautu.vn/kich-hoat-thuong-vu-ma-quy-mo-trong-nam-2017-d67899.html>> truy cập lần cuối vào ngày 12 tháng 1 năm 2018.

2 Diễn đàn M&A Việt Nam 2017. Xem tại: <<http://maf.vn/tai-lieu-hop-bao-dien-dan-ma-vietnam-2017.html>> truy cập lần cuối vào ngày 12 tháng 1 năm 2018.

3 Như trên.

Sau đây là tóm lược những rào cản chính và kiến nghị khắc phục những rào cản này:

- Giảm số lượng các ngành nghề đầu tư kinh doanh “có điều kiện”;
- Bỏ quy định nhà đầu tư nước ngoài phải xin cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư (CNĐKĐT) và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (CNĐKDN) mới có thể thành lập pháp nhân tại Việt Nam;
- Bỏ quy định yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải xin “Chấp thuận giao dịch M&A” trước khi thực hiện bất kỳ giao dịch M&A với doanh nghiệp tư nhân;
- Giảm thẩm quyền của các cơ quan cấp phép liên quan đến việc rà soát và xem xét lại các điều khoản thương mại của các giao dịch M&A;
- Nâng cao tính rõ ràng và thống nhất của các thủ tục áp dụng cho các giao dịch M&A;
- Xây dựng các quy định rõ ràng hơn và nhất quán hơn hướng dẫn việc sử dụng các tài khoản vốn đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến các giao dịch M&A;
- Đảm bảo xử lý nhanh gọn và suôn sẻ các thủ tục miễn thuế cần thiết để thực hiện các giao dịch M&A và chuyển khoản phí chuyển nhượng;
- Làm rõ cơ sở tính toán thị phần của một công ty mục tiêu liên quan đến “tập trung kinh tế” theo Luật cạnh tranh;
- Quy định rõ tiêu chí cấu thành “thị trường liên quan” đối với các giao dịch “tập trung kinh tế” theo Luật Cạnh tranh; và
- Đảm bảo Cục Quản lý Cạnh tranh có thẩm quyền và năng lực đánh giá kỹ lưỡng các giao dịch “tập trung kinh tế” và ra quyết định kịp thời và hiệu quả hơn.

I. TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG VÀ QUY TRÌNH CẤP PHÉP

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh

Mô tả vấn đề

1. Các ngành kinh doanh có điều kiện và các giới hạn khác đối với tiếp cận thị trường

Tiếp cận thị trường vẫn chịu các giới hạn nặng nề (ví dụ như còn 243 ngành kinh doanh “có điều kiện”, giới hạn rộng về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, “kiểm tra nhu cầu kinh tế” đối với hoạt động bán lẻ, v.v.). Các quy tắc quản lý việc các nhà đầu tư nước ngoài mua bán cổ quyền trong pháp nhân trong nước đã được tự do hóa đáng kể trong những năm gần đây nhưng vẫn cần mở rộng hơn nữa để thúc đẩy thị trường M&A tại Việt Nam trở nên phát triển và phong phú hơn.

Chúng tôi hoan nghênh việc tổ chức rất nhiều hoạt động đối thoại giữa các cơ quan Nhà nước hữu quan (như Bộ KH&ĐT và các Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh) với cộng đồng doanh nghiệp trong thời gian qua nhằm thu thập góp ý của người dân về các dự thảo sửa đổi LĐT và LDN. Mục đích của việc đối thoại này là giải quyết những vấn đề M&A còn tồn tại như quy trình cấp phép, điều kiện đầu tư và các quy định chung.

Chúng tôi trân trọng những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc cố gắng giảm hơn nữa một số quy định hạn chế cũng như việc phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài.

Chúng tôi cũng đánh giá cao việc ban hành Luật 03/2016/QH14 sửa đổi Danh sách các ngành kinh doanh có điều kiện, hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, theo đó số lượng ngành kinh doanh “có điều kiện” đã được giảm từ 267 xuống còn 243 và tiếp tục đề xuất giảm tiếp 21 ngành kinh doanh có điều kiện trong dự thảo mới đây của Luật sửa đổi một số điều của LĐT và LDN.

Chúng tôi rất hoan nghênh những thay đổi tích cực của Bộ Công Thương (BCT) trong việc ban hành Quyết định 3610a/QĐ-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2017 (Quyết định 3610a) quy định kế hoạch cắt giảm một số lượng điều kiện kinh doanh và đầu tư trong giai đoạn từ 2017 đến 2018. Cụ thể, theo Quy định này, tổng số 675 điều kiện kinh doanh và đầu tư trong 17 lĩnh vực đã được đề xuất loại bỏ, do đó chỉ còn 541 điều kiện trực thuộc quyền quản lý của BCT. Quyết định 3610a của BCT đã giảm số lượng điều kiện đầu tư chưa từng có trong lịch sử của BCT. Nhiều quan sát viên cho rằng Quyết định này sẽ cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh và đầu tư trên khắp Việt Nam.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng Việt Nam cần tiếp tục giảm thiểu số lượng các ngành “có điều kiện” và áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ đối với việc hình thành bất kỳ ngành “có điều kiện” mới nào khác. Việc này sẽ hỗ trợ cải thiện những lợi ích kinh tế và giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho nhà đầu tư nước ngoài.

2. Thủ tục cấp phép rườm rà không cần thiết

Một vấn đề quan trọng mà LĐT và LDN đáng tiếc chưa xử lý được là quy trình phê duyệt kép đối với hoạt động thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (ĐTNN) tại Việt Nam. Quy định bắt buộc phải xin cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư (GCNĐKĐT) và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (GCNĐKDN) không những làm chậm quy trình thành lập doanh nghiệp mà còn tạo ra nhiều thủ tục phức tạp và khó lường. Quy định kép này cũng tác động tiêu cực lên thị trường M&A do các giao dịch M&A với các doanh nghiệp tư nhân thường phải đi kèm với việc sửa đổi GCNĐKĐT và/hoặc GCNĐKDN do doanh nghiệp mục tiêu hoặc nhà đầu tư của doanh nghiệp đó đang nắm giữ. Rõ ràng là đối với hoạt động thành lập doanh nghiệp ĐTNN, việc quy định bắt buộc một loại giấy chứng nhận sẽ hiệu quả hơn và được xem là thông lệ chuẩn mực tại hầu hết các hệ thống tài phán trên thế giới.

Cuối cùng là Việt Nam cần có sự thay đổi chính về khái niệm và cấu trúc để đơn giản hóa các quy trình đầu tư nước ngoài và thúc đẩy thị trường M&A, đó là bãi bỏ khái niệm đăng ký dự án đầu tư cùng với việc thành lập Doanh nghiệp ĐTNN. Các nhà đầu tư nước ngoài nên có quyền thành lập công ty con và liên doanh tại Việt Nam mà không cần thành lập và xin phê duyệt đăng ký các dự án đầu tư. Việc hủy bỏ yêu cầu đăng ký các dự án đầu tư nước ngoài sẽ làm cho khái niệm và yêu cầu đối với các GCNĐKĐT trở nên không cần thiết.

3. Chấp thuận giao dịch M&A

Có một số nội dung cụ thể cần xem xét liên quan đến các thương vụ M&A với các doanh nghiệp tư nhân. Đối với những thương vụ này, trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp tư nhân cần phải xin Sở Kế hoạch và Đầu tư có thẩm quyền (Sở KH&ĐT) “chấp thuận giao dịch M&A” và đây cũng là điều kiện tiên quyết để các nhà đầu tư tiến hành bất kỳ giao dịch M&A. Đây là quy định ít thấy vì thực tế các quốc gia trên thế giới chỉ quy định các giao dịch M&A phải được đăng ký, thay vì xin chấp thuận trước, với các cơ quan chức năng hữu quan.

Một lần nữa, thủ tục phát sinh này khiến các cơ quan chức năng có thể tùy ý quyết định đối với giao dịch M&A của các doanh nghiệp tư nhân, dẫn đến quy trình M&A ẩn chứa nhiều bất trắc, rủi ro và ít hấp dẫn hơn trong mắt các nhà đầu tư. Ngoài ra, nhiều Sở KH&ĐT áp dụng quy định “chấp thuận giao dịch M&A” một cách không nhất quán khiến việc thực thi quy trình này không được thống nhất, khó lường và gây bối rối cho nhiều nhà đầu tư nước ngoài.

Đồng thời chúng tôi ghi nhận dự thảo hiện hành Luật sửa đổi một số điều của LĐT và LDN quy định các nguyên tắc rõ hơn về yêu cầu cho các nhà đầu tư nước ngoài xin “chấp thuận giao dịch M&A”, thực tế là trước khi chịu trách nhiệm “chấp thuận giao dịch M&A”, các Sở KH&ĐT địa phương thường hội ý với một số Bộ ngành liên quan ở cấp trung ương về giao dịch M&A cụ thể. Việc hội ý này dẫn đến việc “chấp thuận giao dịch M&A” trong nhiều trường hợp sẽ mất nhiều thời gian (nhiều tuần hoặc thậm chí nhiều tháng) và trở nên không đáng tin cậy (đặc biệt trong trường hợp khi các giao dịch M&A của các nhà đầu tư nước ngoài phần lớn đòi hỏi cần xử lý nhanh chóng và sự tin cậy).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các quốc gia khác trong khu vực có lợi thế tương tự như Việt Nam như lực lượng lao động trẻ và nhân công giá rẻ đang cạnh tranh thu hút đầu tư. Do vậy, điều quan trọng là Việt Nam phải duy trì được sức hấp dẫn của mình bằng cách đưa ra một quy trình cấp phép minh bạch, đơn giản và hiệu quả. Việc này sẽ giúp thúc đẩy thị trường M&A phát triển, từ đó thu hút vốn đầu tư vào trong nước. Hơn nữa, cả doanh nghiệp và cơ quan cấp phép đều giảm bớt được gánh nặng thủ tục hành chính.

Kiến nghị

Chúng tôi xin đưa ra những kiến nghị cụ thể sau:

- Tiếp tục giảm số lượng ngành nghề đầu tư kinh doanh “có điều kiện”.
- Bỏ quy định nhà đầu tư nước ngoài phải xin cấp GCNĐKĐT mới được phép thành lập một pháp nhân tại Việt Nam (do vậy bỏ GCNĐKĐT); và
- Bỏ quy định nhà đầu tư nước ngoài phải xin “chấp thuận giao dịch M&A” trước khi tiến hành các giao dịch M&A với các doanh nghiệp tư nhân.

II. GIÁ TRỊ VÀ THANH TOÁN GIÁ MUA TRONG CÁC GIAO DỊCH MUA BÁN & SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Giá mua trong giao dịch mua bán về nguyên tắc phải được đàm phán tự do giữa các bên. Tuy nhiên, tại Việt Nam, nếu giá mua thấp hơn mệnh giá đăng ký của cổ phiếu của công ty mục tiêu hoặc khoản đóng góp của các bên bán vào vốn điều lệ (vốn chủ sở hữu) của công ty mục tiêu, cơ quan cấp phép liên quan thường sẽ từ chối giao dịch M&A trên những cơ sở này.

Cũng cần lưu ý rằng các giao dịch M&A sẽ bị rà soát bởi cơ quan thuế Việt Nam sau khi giao dịch hoàn tất. Cơ quan thuế có thể xem xét lại giá mua để đảm bảo giá mua phản ánh đúng “giá thị trường” hoặc “giá trị sổ sách” của vốn được chuyển nhượng. Nếu cơ quan thuế kết luận giá giao dịch chưa phản ánh giá thị trường hoặc giá trị sổ sách, cơ quan thuế có thể căn nhắc áp dụng mức giá khác để tính toán nghĩa vụ thuế.

Chúng tôi cho rằng, luật nên quy định rõ các cơ quan cấp phép địa phương không có quyền “rà soát lại” giá giao dịch của bất kỳ giao dịch chuyển nhượng vốn nào (vì đây là vấn đề thương mại thuần túy) và chỉ cơ quan thuế có thẩm quyền mới có quyền “rà soát lại” giá để tính thuế. Các cơ quan cấp phép địa phương không nên tự ý quyết định không chấp thuận giao dịch M&A trên cơ sở ý kiến chủ quan rằng giá giao dịch không phản ánh đúng “giá thị trường” hay “giá trị sổ sách”.

Bên cạnh đó, theo Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định 78), trong nhiều trường hợp, các bên tham gia giao dịch M&A phải cung cấp cho cơ quan chức năng cấp phép địa phương “giấy tờ chứng thực đã hoàn tất việc chuyển nhượng” mới có thể được cấp GCNĐKDN và/hoặc GCNĐKĐT sửa đổi (tùy trường hợp) và hoàn tất giao dịch. Tuy nhiên, luật không quy định cụ thể giấy tờ nào là “giấy tờ chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng”. Do đó, trong khi một số cơ quan cấp phép địa phương chấp nhận văn bản có chữ ký của các bên tự chứng thực đã hoàn tất việc chuyển nhượng, các cơ quan cấp phép khác lại diễn giải quy định này theo cách khác và yêu cầu bắt buộc phải có văn bản chính thức của ngân hàng xác nhận rằng giá mua đã được thanh toán và chuyển nhượng thành công. Cách hiểu thứ hai gây ra nhiều bất tiện đối với các thương vụ M&A phức tạp vì thông thường trong các thương vụ này, các bên tham gia muốn có cơ chế thỏa thuận đặc biệt về thanh toán (ví dụ như trả chậm, tiền giữ lại nghiệm thu và/hoặc ký quỹ).

Cuối cùng, theo các quy định thích hợp, giá mua phải thanh toán trong một giao dịch M&A liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài phải được chuyển qua tài khoản ngân hàng, cụ thể là tài khoản vốn đầu tư “trực tiếp” (DICA) hoặc “gián tiếp” (IICA) tùy từng trường hợp. Tuy nhiên, việc thiếu các nguyên tắc rõ ràng về sử dụng DICA hoặc IICA liên quan đến các giao dịch M&A đã dẫn đến các ngân hàng có cách hiểu mâu thuẫn về các yêu cầu DICA hoặc IICA. Điều này làm cho việc chuyển nhượng trở nên rườm rà gây trì trệ việc thực hiện giao dịch. Đặc biệt là trong trường hợp các giao dịch M&A liên quan đến các công ty mục tiêu đã được luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và các ngân hàng thương mại liên quan xác định là công ty “đầu tư gián tiếp” (theo đó yêu cầu áp dụng IICA đối với các giao dịch M&A) nhưng hiện được coi là công ty “đầu tư trực tiếp” (theo đó lại yêu cầu áp dụng DICA cho các giao dịch M&A).

Theo quan điểm của chúng tôi, sự phân biệt giữa các giao dịch “đầu tư trực tiếp” và “đầu tư gián tiếp” và các tài khoản ngân hàng là không cần thiết, phát sinh rắc rối và cần được loại bỏ.

Ngoài ra, các thủ tục miễn thuế cần thiết để thực hiện các giao dịch M&A và chuyển nhượng giá mua trong nhiều trường hợp rất chậm và thường làm trì trệ việc hoàn tất các giao dịch M&A.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc ban hành một khuôn khổ quản lý rõ ràng và minh bạch là điều kiện thiết yếu đối với hoạt động hoạch định và triển khai các giao dịch M&A. Tình trạng các cơ quan cấp phép được quyền tự quyết trong việc yêu cầu sửa đổi các khía cạnh thương mại của giao dịch M&A là yếu tố chính gây ra tình trạng thiếu rõ ràng và bất tiện trong thủ tục liên quan đến các thương vụ M&A tại Việt Nam.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị như sau:

- Giảm quyền tự ý quyết định của các cơ quan cấp phép địa phương trong việc rà soát và điều chỉnh các điều khoản thương mại của các giao dịch M&A;
- Tăng tính rõ ràng và thống nhất của các thủ tục áp dụng cho các giao dịch M&A;
- Xóa bỏ phân biệt giữa các giao dịch “đầu tư trực tiếp” và “đầu tư gián tiếp” và các tài khoản ngân hàng đặc biệt tương ứng; và
- Đảm bảo xử lý nhanh gọn và suôn sẻ các thủ tục miễn thuế cần thiết để thực hiện các giao dịch M&A và giá trị mua.

III. NHỮNG HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN CHỐNG ĐỘC QUYỀN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Công thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Khi lên kế hoạch thực hiện giao dịch M&A, các bên tham gia cần xem xét áp dụng các quy định của Luật Cạnh tranh 27/2004/QH11 của Quốc hội ngày 3 tháng 12 năm 2004 (Luật Cạnh tranh) và văn bản hướng dẫn thi hành.

Cụ thể, theo Luật Cạnh tranh, một giao dịch M&A có thể cần sự phê duyệt của cơ quan chức năng hoặc có thể không được phép tiến hành, nếu giao dịch tạo ra mức độ “tập trung kinh tế” nhất định.

Nếu giao dịch M&A dự kiến tạo ra tình trạng “tập trung kinh tế” và “thị phần kết hợp” của các doanh nghiệp tham gia chiếm trên 50% “thị trường liên quan”, giao dịch đó sẽ bị nghiêm cấm theo Luật Cạnh tranh.

Nếu giao dịch M&A dự kiến tạo ra tình trạng “tập trung kinh tế” và “thị phần kết hợp” của các doanh nghiệp tham gia chiếm từ 30% đến 50% trên bất cứ “thị trường liên quan” nào, giao dịch phải được Cục Quản lý cạnh tranh (QLCT) phê duyệt trước khi tiến hành một cách hợp pháp.

Mặc dù những khái niệm chính như “tập trung kinh tế”, “thị trường liên quan” và “thị phần” đều được định nghĩa trong văn bản luật áp dụng nhưng những quy định về cơ sở để xác định “tập trung kinh tế” có xảy ra hay không, thế nào là “thị trường liên quan” và cách tính toán “thị phần kết hợp” còn mơ hồ và gây nhiều tranh cãi. Sự thiếu rõ ràng này đã khiến các nhà đầu tư bất an và dẫn đến tình trạng chậm cấp phép do QLCT phải mất nhiều thời gian hơn so với quy định của pháp luật để phân tích dựa trên những thông số mơ hồ và không rõ ràng.

Chúng tôi cũng lưu ý rằng dự thảo Luật Cạnh tranh mới đã được thảo luận một thời gian và dự kiến có thể được đệ trình lên Quốc hội vào tháng 6 năm 2018. Nếu được thông qua với nội dung như hiện tại, dự thảo sẽ đưa ra cách tiếp cận khác để xác định yếu tố cấu thành “tập trung kinh tế”. Tuy nhiên, bản dự thảo hiện tại vẫn chưa xác định được các tiêu chí rõ ràng để xác định xem một giao dịch M&A có phát sinh “tập trung kinh tế” hay không và để từ đó cần cấm tiến hành hoặc cần được Cục QLCT phê duyệt.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trước sự mập mờ của văn bản luật, các bên tham gia giao dịch M&A thường phải trình hồ sơ không chính thức với CQLCT để nhận được “công văn trấn an” rằng giao dịch M&A dự kiến không bị pháp luật nghiêm cấm hoặc cần phải được CQLCT xem xét chấp thuận theo quy định của Luật Cạnh tranh. Đây là quy trình gây phiền hà, mất thời gian và làm chậm tiến độ thực hiện giao dịch. Vấn đề này chắc chắn vẫn chưa được giải quyết ngay cả sau khi thông qua Luật Cạnh tranh mới đang được thảo luận hiện nay.

Các quy định cụ thể hơn trong lĩnh vực cạnh tranh cũng sẽ hỗ trợ việc bảo vệ hiệu quả trước những giao dịch “tập trung kinh tế” có hoặc có thể có những tác động tiêu cực đối với hoạt động cạnh tranh.

Kiến nghị

- Vấn đề trọng yếu hiện nay là Luật Cạnh tranh và văn bản hướng dẫn thi hành phải đưa ra những hướng dẫn rõ ràng và chính xác hơn về cách xác định “tập trung kinh tế” có xảy ra hay không, cách tính toán “thị phần” (phục vụ công tác phân tích “thị phần kết hợp”) và xác định rõ thế nào là “thị trường liên quan”. Tất cả các khái niệm này phải được phân tích trên cơ sở Luật Cạnh tranh.
- Ngoài ra, quy trình xem xét của CQLCT cần được giảm thiểu tối đa để tránh tình trạng trì hoãn không cần thiết khiến các giao dịch M&A bị chậm tiến độ.

Cụ thể, chúng tôi xin được đưa ra những khuyến nghị sau đây:

- Làm rõ các cơ sở để xác định xem bất kỳ giao dịch M&A có phát sinh “tập trung kinh tế” hay không;
- Làm rõ cơ sở tính toán “thị phần” và “thị phần kết hợp” của các bên tham gia giao dịch M&A để có thể đánh giá được các giao dịch có dẫn đến “tập trung kinh tế” hay không;
- Quy định rõ ràng và chính xác những tiêu chí xác định “thị trường liên quan” đối với bất kỳ giao dịch M&A nào; và
- Đảm bảo công tác xem xét các giao dịch và ra quyết định của CQLCT phải kịp thời và hiệu quả hơn.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:
Justin Gisz, Đối tác, Công ty Luật Frasers
TS. Stefano Pellegrino, Luật sư Cộng sự, Công ty Luật Frasers
Nguyễn Thị Thanh Trà, Công ty Luật Frasers

CHƯƠNG 9 ĐỐI TÁC CÔNG-TƯ

TỔNG QUAN

Hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại và hiệu quả đóng vai trò then chốt để tiếp tục tăng trưởng kinh tế và giảm thiểu chi phí kinh doanh cho toàn bộ các nhà đầu tư tại Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cùng quá trình đô thị hóa nhanh chóng đã khiến nhu cầu sử dụng đường sá, điện, sân bay, cảng biển, hệ thống xử lý rác và nước thải, bệnh viện và các cơ sở hạ tầng công cộng khác phục vụ mục đích sản xuất và cung ứng hàng hóa, dịch vụ tăng cao. Trong khi nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng của Việt Nam ước tính vào khoảng 480 tỷ Đô-la Mỹ trong giai đoạn 2016 đến 2030¹ tuy nhiên ước tính ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2016 - 2020 chỉ có thể đáp ứng được khoảng 6,6 tỷ Đô-la Mỹ cho ngành này.²

Mặc dù đã có đầu tư đáng kể vào các dự án cơ sở hạ tầng tại Việt Nam trong 20 năm qua, phần lớn vốn được tài trợ bởi Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), Ngân sách nhà nước và các bảo lãnh của Nhà nước đối với nợ nước ngoài do Bộ Tài Chính (BTC) đưa ra. Điều này được ghi nhận là không bền vững từ trung hạn đến dài hạn, đặc biệt khi Việt Nam đạt được vị thế thu nhập trung bình cùng với việc cắt giảm hỗ trợ ODA sau đó. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam dường như có dự định huy động các khoản tiền ngoài ngân sách Nhà nước và hạn chế tiếp cận các khoản vay nước ngoài theo các bảo lãnh của BTC.

Do đó sự cân đối vốn cần được huy động từ các nguồn khác bao gồm các khoản đầu tư tư nhân theo hình thức Đối tác Công tư (PPP). Theo như báo cáo, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam muốn dựa vào 68 triệu Đô-la Mỹ nguồn đầu tư nước ngoài để hỗ trợ ngành trong năm năm tới.³

Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành một quá trình cải cách pháp lý chặt chẽ nhằm tăng cường đầu tư tư nhân và nước ngoài vào Việt Nam. Trong năm 2015, Chính phủ đã ban hành hai Nghị định đã được chờ đợi từ rất lâu về PPP, cụ thể là Nghị định 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 2 năm 2015 về đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (Nghị định 15 hoặc Nghị định PPP) và Nghị định 30/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17 tháng 3 năm 2015 về thi hành Luật đấu thầu liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư (Nghị định 30). Nghị định PPP và Nghị định 30 đã thay thế khuôn khổ pháp lý trước đó liên quan đến các dự án Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao (BOT) và dự án PPP thí điểm. Trong khi những Nghị định này vẫn còn hiệu lực, trong tháng 7 năm 2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) đã đề xuất thu thập ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và thành viên của Ban Chỉ đạo Liên Bộ về PPP do Phó Thủ tướng chỉ đạo (Ban Chỉ đạo) với mục đích xin ý kiến có tính xây dựng liên quan đến các bản dự thảo của Nghị định PPP và Nghị định 30⁴ vì vẫn còn những kẽ hở và sự thiếu nhất quán.

Trên thực tế, kể từ khi những Nghị định này có hiệu lực, nhiều văn bản đã ra đời. Quyết định của Thủ tướng và tám Nghị định thi hành đã được ban hành và quy định chi tiết về một số vấn đề từ phương pháp chuẩn bị các nghiên cứu khả thi cho các dự án PPP đến các thủ tục đăng ký dự án PPP. Tuy nhiên, điều này vẫn chưa đủ để tạo ra một khuôn khổ pháp lý nhất quán và toàn diện, phù hợp với các quy định pháp luật khác ngoài PPP⁵. Chính phủ hy vọng giải quyết một số vấn đề tồn đọng bằng một Nghị định dự thảo mới về PPP (Dự thảo Nghị định)⁶ mà chúng tôi sẽ thảo luận trong Phần III dưới đây.

1 “Việt Nam cần khu vực công hỗ trợ kinh phí cơ sở hạ tầng”, *Thời báo Tài chính*, ngày 19 tháng 7 năm 2017. Xem tại: <<https://www.ft.com/content/8b3ad6ea-54db-11e7-80b6-9bfa4c1f83d2>> đã truy cập ngày 24 tháng 1 năm 2018; “Đáp ứng nhu cầu hạ tầng ở châu Á”, *Ngân hàng Phát triển châu Á*, 2017. Xem tại: <<https://www.adb.org/publications/asia-infrastructure-needs>> truy cập lần cuối ngày 24 tháng 1 năm 2018.

2 “Cần FDI để phát triển hạ tầng”, *Báo Đầu tư*, ngày 21 tháng 11 năm 2017. Xem tại: <<http://www.vir.com.vn/fdi-needed-in-infrastructure-development.html>> truy cập lần cuối ngày 24 tháng 1 năm 2018.

3 “Luật Đối tác Công-Tư sẽ được soạn thảo vào năm 2018”, *Báo Đầu tư*, Ngày 18 tháng 11 năm 2017. Xem tại: <<http://www.vir.com.vn/ppp-law-to-be-drafted-in-2018.html>> truy cập lần cuối ngày 24 tháng 1 năm 2018.

4 “Các quy định PPP cần được sửa đổi”, *Tạp chí Luật Việt Nam*, ngày 24 tháng 1 năm 2017. Xem tại: <<http://vietnamlawmagazine.vn/ppp-regulations-to-be-revised-5930.html>> truy cập lần cuối ngày 24 tháng 1 năm 2018.

5 Xem cụ thể các nhận xét của chúng tôi liên quan đến Luật đất đai trong Phần III dưới đây.

6 Chúng tôi tham khảo Dự thảo Nghị định PPP được công bố vào ngày 17 tháng 10 năm 2017 với điều kiện là Dự thảo Nghị định PPP chưa được hoàn tất và các điều khoản như được sửa đổi bởi Legal SC cần tiếp tục được sửa đổi.

Ngoài ra, trong tháng 7 năm 2017, Cục Mua sắm Công thuộc Bộ KH&ĐT công bố đề xuất Luật Đối tác Công và Tư (Luật PPP được đề xuất)⁷ để thay thế Nghị định PPP và Nghị định 30. Luật PPP được đề xuất dự kiến được trình lên Chính phủ và Quốc hội vào cuối năm 2018.⁸ Mặc dù việc ban hành một luật toàn diện về PPP được đón nhận và Luật PPP được đề xuất có thể thống nhất các văn bản luật cụ thể hiện hành, chúng tôi vẫn chưa rõ là thời gian ban hành Luật PPP trùng khớp như thế nào với thời gian ban hành Dự thảo Nghị định về PPP. Do đó Dự thảo Nghị định về PPP có thể nhanh chóng trở nên không phù hợp. Điều này có thể dẫn đến nguy cơ gần như không có tiến triển trong việc xúc tiến các dự án cụ thể theo Nghị định này vì dự thảo Luật về PPP đang chờ phê duyệt sẽ tạo nên sự hoài nghi cho các nhà đầu tư.

Xét về việc thực thi bởi các nhà đầu tư đối với các văn bản luật về PPP trong 20 năm qua, đã có những thành công nhất định nhưng còn hạn chế trong việc triển khai một số dự án điện theo cơ chế BOT đã tồn tại trước đó.⁹ Tuy nhiên, việc đầu tư tư nhân thành công trong lĩnh vực thường được đầu tư công như cơ sở hạ tầng công là cá biệt hơn là một quy luật chung, đặc biệt là trong trường hợp đầu tư tư nhân theo hình thức PPP.

Ngoài một số nhà máy điện BOT quy mô lớn được đầu tư nước ngoài thành công, rất ít trường hợp đầu tư BOT hoặc PPP được triển khai theo các hợp đồng và thỏa thuận dự án với Nhà nước trong khi mặc dù được chấp nhận đối với thị trường trong nước, các dự án này chưa đủ xét về mặt phân bổ rủi ro và thiếu hành lang pháp lý để bảo vệ nhằm tạo cơ sở đầu tư và cấp vốn xuyên biên giới ở quy mô lớn.

Cho đến nay, do những khó khăn với cơ chế PPP hiện hành, các nhà đầu tư và đặc biệt là các nhà đầu tư tư nhân nước ngoài trong nhiều trường hợp chỉ (i) dựa vào lập một dự án đầu tư theo Luật đầu tư hoặc (ii) thực hiện các dự án Xây dựng - Chuyển nhượng (BT) mà qua đó việc thi công cơ sở hạ tầng công, chủ yếu là đường cao tốc được thanh toán bởi Nhà nước bằng việc cấp cho nhà đầu tư quyền được thực hiện một dự án tư nhân, thường để phát triển đô thị hoặc phát triển bất động sản.¹⁰

Mặc dù Nghị định PPP, Nghị định 30 và các quy định thi hành tạo nên sự phát triển luật pháp quan trọng - và hi vọng rằng Dự thảo Nghị định và cuối cùng là Luật về PPP đề xuất sẽ tiếp tục thành công dựa trên những thay đổi tích cực. Điều này không có nghĩa là khi Luật mới về PPP và Nghị định hướng dẫn có hiệu lực sẽ tự động tạo chuyển biến thành công cho một loạt các dự án cơ sở hạ tầng đầu tư tư nhân. Trong chương này, chúng tôi sẽ thảo luận các kiến nghị để xúc tiến chương trình thực hiện PPP tại Việt Nam mà có thể phân loại rộng rãi như sau:

- Lập danh mục các dự án khả thi;
- Cải thiện năng lực và điều phối giữa các cơ quan chính quyền liên quan; và
- Tinh gọn hóa và khi cần thiết tiến tới triển khai thực tế các quy định chi tiết về chương trình PPP tại Việt Nam.

I. LẬP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHẢ THI

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), cơ quan nhà nước được ủy quyền và các cơ quan liên quan khác

Mô tả vấn đề

Như đã được nhấn mạnh ở phần trước¹¹, thành công của khuôn khổ pháp lý PPP phụ thuộc chủ yếu vào khả năng Chính phủ triển khai và xúc tiến các dự án khả thi. Tuy nhiên, tiến triển trong khía cạnh này vẫn còn hạn chế.

⁷ Lưu ý rằng đề xuất đang ở trong các giai đoạn đầu của nó và hiện chưa có dự thảo văn bản.

⁸ "Luật PPP cần dự thảo trong năm 2018", *Vietnam Net Bridge*, Ngày 19 tháng 11 năm 2017. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/business/190572/ppp-law-to-be-drafted-in-2018.html>> truy cập lần cuối vào ngày 24 tháng 1 năm 2018.

⁹ Kể từ ngày Nghị định PPP có hiệu lực, hai nhà máy điện chạy than do nhà đầu tư Malaysia thi công, Duyên Hải 2 và Hải Dương đã hoàn tất thỏa thuận tài chính và triển khai xây dựng. Tuy nhiên, các thỏa thuận đầu tư và cấp vốn của họ đã được triển khai trước khi Nghị định PPP được thông qua và chúng được coi là các dự án "kế thừa" chứ không phải là kết quả trực tiếp của việc ban hành Nghị định PPP.

¹⁰ Các ví dụ: (i) dự án xây dựng Đường Phạm Văn Đồng tại Thành phố Hồ Chí Minh kết nối sân bay Tân Sơn Nhất với các khu công nghiệp tại Bình Dương và Đồng Nai, theo đó Chính phủ ký một thỏa thuận với nhà đầu tư (GS Engineering & Construction) trong đó nhà đầu tư cấp vốn và phát triển cơ sở hạ tầng để đổi lấy các quyền phát triển và quyền sử dụng đất của các lô đất tại Quận 2, 9 và 10 để phát triển bất động sản hoặc (ii) dự án nhà đầu tư (Gamuda International) thi xây dựng nhà máy xử lý nước thải Yên Sở tại Hà Nội để đổi lấy lô đất nhằm mục đích phát triển bất động sản tại thành phố.

¹¹ Sách Trắng, *EuroCham*, 2017. Chương 8: Đối tác Công Tư.

Quyết định 631/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 29 tháng 4 năm 2014 (Quyết định 631) liệt kê 127 dự án quốc gia tìm kiếm đầu tư nước ngoài bao gồm khoảng 35 dự án cần phát triển theo cơ chế PPP chưa được sửa đổi trong gần bốn năm để bổ sung một danh sách cập nhật các dự án PPP dựa trên tiêu chí đầu tư mới được xây dựng. Trong khi một số dự án hoặc loại hình dự án quan trọng không có trong các quy hoạch tổng thể ngành như là Quy hoạch Tổng thể Phát triển Điện được ban hành vào tháng 3 năm 2016¹²; một danh sách toàn diện các dự án quốc gia và khu vực tìm kiếm Đầu tư nước ngoài và bao gồm các chi tiết như là hình thức dự án được đề xuất, số lượng và hình thức góp vốn của Nhà nước và bất kỳ ưu đãi khác sẵn có đối với các nhà đầu tư khác sẽ làm rõ các ưu tiên của Chính phủ và sẽ là một bước tích cực thúc đẩy sự thành công của chương trình PPP do Chính phủ chỉ đạo.

Hiện tại, sự thiếu rõ ràng đối với các dự án hiện có và các quy định liên quan đến rủi ro đang gây tắc nghẽn cho dự án trong khi việc đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức PPP trở nên quan trọng hơn đặc biệt là khi các dự án không thể được hỗ trợ hoàn toàn bằng vốn của Nhà nước.

Chẳng hạn: trong ngành chăm sóc sức khỏe, bất kể chỉ tiêu hàng năm ở mức từ 5 tới 6 tỷ Đô-la Mỹ - tương đương với khoảng 5 đến 6% GDP - vốn của Nhà nước vẫn không đủ để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng. Cục Tài chính và Kế hoạch trực thuộc Bộ Y tế (MOH) ước tính cần khoảng 65 ngàn tỷ Đồng (3 tỷ Đô-la Mỹ) để phát triển và cải thiện chất lượng của ngành này, bao gồm đào tạo y tế, nâng cấp cơ sở hạ tầng và tái cơ cấu hoàn toàn.¹³ Chính phủ hiện đang tìm kiếm nhiều nguồn vốn, trong đó PPP rõ ràng đang là một lựa chọn được ưu tiên. Tuy nhiên, vẫn chưa có hướng dẫn rõ ràng và thiết thực về những dự án nào sẽ được ưu tiên như “dự án hàng đầu” trong ngành này (và các ngành khác) và sự hỗ trợ hiện có từ Chính phủ (như là: bảo đảm các luồng thu nhập và ưu đãi). Điều này có thể đòi hỏi cách tiếp cận theo ngành bao gồm các quy định chuyên ngành cụ thể. Ngoài ra, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo vào tháng 6 năm 2017 là thành phố sẽ kêu gọi đầu tư cho 130 dự án theo hình thức PPP, bổ sung cho 153 dự án PPP hiện đang được triển khai hoặc đã hoàn tất tại địa phương¹⁴. Các dự án cấp khu vực như vậy cũng được hưởng lợi từ sự ưu tiên và một phương pháp tiếp cận thị trường có hệ thống nếu muốn thu hút vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài.

Việc làm rõ các quy định liên quan đến các đề xuất tự nguyện. Mặc dù các dự án tự nguyện được cho phép bởi luật pháp Việt Nam, đến nay chưa có dự án nào như vậy được báo cáo công khai là đã được chấp nhận và phần lớn các khía cạnh pháp lý của quy trình vẫn chưa được chứng minh. Một trong những hạn chế chủ yếu chính là các dự án trong Quyết định 631 dường như không đủ điều kiện để xuất trên cơ sở tự nguyện mặc dù các quy định hoàn toàn không rõ ràng. Vẫn chưa rõ là luật pháp có cấm nhà đầu tư đề xuất hình thức lựa chọn nhà đầu tư như một phần trong đề xuất dự án của nhà đầu tư. Trong khi việc loại bỏ dần hình thức chỉ định trực tiếp được hoan nghênh, việc ban hành các tiêu chí khách quan để lựa chọn nhà đầu tư là rất cần thiết. Dường như Nghị định 30 yêu cầu dự án có mục tiêu bảo vệ chủ quyền quốc gia, biên giới quốc gia hoặc hải đảo. Tuy nhiên, nghị định này không quy định rõ ràng và thẩm quyền quyết định cuối cùng để lựa chọn dự án vẫn thuộc về Thủ tướng.

Chúng tôi cũng nhận thấy cần làm rõ cơ chế chuyển đổi các dự án vốn Nhà nước sang hình thức PPP, nếu các dự án vốn Nhà nước đang trong khu vực bỏ hoang hiện nhằm thu hút, huy động vốn đầu tư bên ngoài để Nhà nước thực hiện đầu tư mới. Mặc dù quy trình chuyển đổi đã được quy định chung trong Thông tư 06/2016/TT-BKHDT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 28 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn Nghị định 15/2015/NĐ-CP (Thông tư 06), các quy trình vẫn còn mới và chưa được kiểm chứng, cụ thể là việc áp dụng Thông tư 06 gắn liền với yêu cầu “các dự án hiện đang được triển khai bằng các nguồn vốn từ vốn Nhà nước”. Tuy nhiên phạm vi của yêu cầu này chưa rõ ràng do định nghĩa nêu trên chưa liệt kê cụ thể các dự án mà chưa được triển khai thi công. Do vậy cần làm rõ cho các nhà đầu tư xem liệu các dự án có vốn Nhà nước này có đủ tính nhận diện và đáp ứng điều kiện đầu tư theo cơ chế này hay không. Ngoài ra chúng tôi cũng mong muốn thấy cơ chế tiềm năng này được triển khai trong thực tế tại một hoặc nhiều dự án thử nghiệm.

Quỹ Phát triển Dự án (PDF), một quỹ do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Agence Française de Développement tài trợ nhằm hỗ trợ các cơ quan nhà nước được ủy quyền trong việc chuẩn bị và đánh giá các dự án PPP tiềm năng có thể góp phần giải quyết những vấn đề này. PDF sẽ được quản lý bởi Bộ KH&ĐT, hiện là Bộ đang chuẩn bị dự thảo Thông tư Liên tịch cùng với BTC về hướng dẫn quản lý PDF. Trong tháng 7 năm 2017, Phó Thủ tướng và Trưởng

12 Quyết định 428/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 18 tháng 3 năm 2016 phê duyệt quy hoạch tổng thể về phát triển điện quốc gia trong giai đoạn 2011 đến 2010 với tầm nhìn tới năm 2030.

13 “Việt Nam rất cần đầu tư tư nhân cho chăm sóc sức khỏe”, *Thời báo Sài Gòn*, Ngày 27 tháng 5 năm 2010. Xem tại: <<http://english.thesaigontimes.vn/10522/Vietnambadly-needs-private-investment-for-healthcare.html>> truy cập lần cuối ngày 24 tháng 1 năm 2018.

14 “Thành phố HCM kêu gọi đầu tư PPP trong 130 dự án”, *Vietnam Net Bridge*, ngày 15 tháng 6 năm 2017. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/business/180330/hcm-city-to-call-for-ppp-investment-in-130-projects.html>> truy cập lần cuối ngày 24 tháng 1 năm 2018.

Ban Chỉ đạo đã phân công Bộ KH&ĐT phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương khác để ưu tiên các dự án trong phạm vi của PDF.¹⁵ Tuy nhiên, vẫn chưa có tin tức nào về việc PDF sẽ được triển khai tại địa phương hoặc toàn quốc trong tương lai gần nhất hay không mặc dù trong tháng 3 năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt chủ trương sử dụng PDF đối với các dự án PPP tại thành phố.¹⁶

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc xác định và công bố các dự án cụ thể trên thị trường tiếp tục là ưu tiên cao nhất để bắt đầu thực thi chương trình PPP của Việt Nam. Điều quan trọng là cần thử nghiệm dựa trên các quy định hiện hành bằng cách triển khai các dự án PPP, đổi lại sẽ dần dần tăng cường năng lực của các cơ quan chính quyền liên quan và cải thiện niềm tin của các nhà đầu tư; những kẻ hổng pháp lý cũng có thể được xác định rõ và được khắc phục bằng những quy định pháp luật khác nếu cần thiết.

Kiến nghị

- Cập nhật Quyết định 631 và bổ sung danh mục mới bao gồm các dự án trọng điểm quốc gia, đặc biệt là trong các lĩnh vực khả thi ở các quốc gia khác. Đây là các dự án với các mô hình phổ biến và được tìm kiếm nhiều bởi các nhà đầu tư nước ngoài như là: vận tải, được ưu tiên khi có tính khả thi về mặt kinh tế để quy hoạch triển khai dưới hình thức PPP;
- Làm rõ quy trình đấu thầu đối với các dự án tự nguyện và quy trình chuyển đổi các dự án vốn Nhà nước sang hình thức PPP và bố trí các dự án được chọn theo một quy trình đấu thầu cạnh tranh, minh bạch theo Nghị định 30 và/hoặc cho phép các dự án được phát triển bởi các nhà tài trợ toàn cầu hàng đầu trên cơ sở chỉ định thầu để thí điểm trong các lĩnh vực có mức độ ưu tiên cao để xây dựng được hệ thống lưu trữ quản lý hồ sơ chuẩn mức và cơ chế đảm bảo lợi nhuận trên thị trường quốc tế;
- Triển khai Quỹ PDF và áp dụng quy trình đánh giá nghiêm ngặt (với sự hỗ trợ của các tư vấn kỹ thuật và tài chính quốc tế) các dự án tiềm năng thông qua các quy trình chọn lựa thống nhất với các tiêu chuẩn quốc tế; và
- Đưa ra các khuyến khích và biện pháp hấp dẫn để các ngành nỗ lực thu hút đầu tư PPP.

II. NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Cơ quan nhà nước được ủy quyền và các cơ quan liên quan khác

Mô tả vấn đề

Những yếu tố các nhà đầu tư và tài trợ dự án tiềm năng trên thế giới thường xem là những khó khăn chính đối với hoạt động triển khai các dự án PPP tại Việt Nam là tình trạng thiếu năng lực, thiếu sự điều phối và phương pháp tiếp cận thiếu nhất quán giữa các cơ quan Chính phủ.

Vấn đề này còn nghiêm trọng hơn khi hiện tại mặc dù các hình thức BOT, BT và BTO đã tồn tại gần 20 năm, nhưng khuôn khổ pháp lý để thực hiện các dự án PPP vẫn chưa được phát triển hoàn thiện. Bản thân Nghị định PPP không giải quyết triệt để một số vấn đề then chốt về phân bổ rủi ro và các vấn đề thương mại (ví dụ, bao gồm các vấn đề như thay đổi luật pháp và rủi ro về khả năng chuyển đổi) và không quy định chi tiết thủ tục thực hiện quyền chuyển nhượng hợp đồng/dự án (bao gồm trường hợp có sự tham gia của bên cho vay) dẫn đến việc không chắc chắn của các cơ quan thực hiện và do đó gây chậm tiến độ ký kết hợp đồng dự án và tiến độ triển khai thực tế. Hơn nữa, tiến bộ về các dự án do tư nhân đầu tư được tài trợ vốn và đã hoàn thành còn rất hạn chế. Do đó, các cơ quan chính phủ thường không được định hướng đầy đủ về mặt pháp lý và thực tiễn để có thể quản lý việc triển khai dự án một cách trơn tru, đặc biệt trong những lĩnh vực ngoài lĩnh vực điện truyền thống.

¹⁵ "Các quy định PPP cần được sửa đổi", *Tạp chí Luật Việt Nam*, ngày 24 tháng 1 năm 2017. Xem tại: <<http://vietnamlawmagazine.vn/ppp-regulations-to-be-revised-5930.html>> truy cập lần cuối vào ngày 24 tháng 1 năm 2018.

¹⁶ "TPHCM thành lập quỹ PDF để phát triển các dự án PPP", *Vietnam Biz*, ngày 31 tháng 5 năm 2017. Xem tại: <<http://vietnambiz.vn/tp-hcm-lap-quy-pdf-de-phat-trien-cac-du-an-ppp-22719.html>> truy cập lần cuối vào ngày 24 tháng 1 năm 2018.

Dường như các cơ quan chức năng thường nhầm lẫn giữa cơ chế đầu tư công truyền thống và cơ chế PPP khi thảo luận dự án với nhà đầu tư nước ngoài. Cơ chế thứ nhất chú trọng nhiều vào yếu tố đầu vào hơn là kết quả đầu ra và không đòi hỏi phải thực hiện quy trình đánh giá dự án phức tạp cũng như không cần có cơ chế quản lý và phân bổ rủi ro nghiêm ngặt. Các cơ quan nhà nước vì thế thường không có đủ kinh nghiệm hoặc kiến thức về các động lực thương mại của các nhà đầu tư tư nhân, chẳng hạn như các yếu tố liên quan đến tính khả thi về mặt tài chính của một dự án và các cơ chế chia sẻ rủi ro giữa khu vực công và tư. Bên cạnh đó, việc ít được tiếp xúc với thực tiễn quốc tế cũng tạo ra khoảng cách lớn trong cách tiếp cận giữa các cơ quan nhà nước và các đối tác nước ngoài trong các dự án PPP. Các cơ quan nhà nước quan tâm nhiều hơn tới các thủ tục hành chính nội bộ trong khi các đối tác nước ngoài quan tâm nhiều tới các vấn đề thực tiễn và thương mại.

Cuối cùng, việc thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan cũng khiến các nhà đầu tư lúng túng. Mặc dù Nghị định PPP đã đưa ra một chương trình giám sát tập trung để quản lý các dự án PPP, nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm để thống nhất thực hiện của các cơ quan chính quyền trung ương và địa phương. Các ngành nghề khác nhau dưới sự quản lý của các cơ quan riêng biệt đang bắt đầu phát triển cách thức thực hiện đầu tư PPP khác nhau. Chính quyền địa phương, đặc biệt ở những tỉnh vùng sâu vùng xa, vẫn đứng ngoài lề trong quá trình cải cách. Chính phủ đã có những nỗ lực nhất định nhằm giảm thiểu vấn đề này bằng cách ban hành nhiều Thông tư hướng dẫn thi hành và tổ chức vô số các hội nghị và hội thảo để tăng cường sự hiểu biết và xây dựng một phương pháp tiếp cận nhất quán giữa các cơ quan. Cụ thể, Phó Thủ tướng đã yêu cầu các Bộ xem xét lại và hoàn thành việc xây dựng hệ thống pháp luật đối với các hợp đồng BOT và PPP khác, bao gồm quy định liên quan đến phạm vi, chi phí đầu tư và hình thức thu phí của các dự án trong ngành vận tải.¹⁷ Chính phủ cũng được giao nhiệm vụ thông qua Nghị quyết 437¹⁸ để cải thiện đầu tư và hoạt động của các hợp đồng BOT trong ngành vận tải sau khi có sự phản đối kịch liệt của người dân về việc đặt sai các trạm thu phí đường bộ tại nhiều tỉnh.¹⁹

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo chúng tôi, bên cạnh tính kinh tế và thương mại của từng dự án PPP, năng lực thể chế và thực tiễn cũng như vấn đề về phối hợp giữa các bộ ngành sẽ là nhân tố quan trọng duy nhất làm giảm tính cạnh tranh của các dự án PPP tại Việt Nam. Điều này sẽ tiếp tục khiến các dự án thực hiện tại Việt Nam có tiến độ chậm hơn và chi phí cao hơn so với khi triển khai dự án ở các quốc gia khác, bao gồm các nước ASEAN, và có thể làm nhà đầu tư mất kiên nhẫn, không còn hứng thú với chương trình PPP của Việt Nam. Trong bối cảnh dự án PPP được triển khai hiệu quả ở các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á (như Indonesia, Philippines, Thái Lan), nếu Việt Nam không giải quyết vấn đề này thì việc xây dựng một danh mục dự án cạnh tranh và khả thi sẽ càng khó khăn hơn. Tuy nhiên, chúng tôi cũng hiểu rằng các cơ quan phát triển tại Việt Nam đang nỗ lực đưa ra giải pháp cho một số vấn đề trên và điều này là rất đáng hoan nghênh.

Kiến nghị

- Tiếp tục thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo và xây dựng năng lực có chất lượng cho các cơ quan chính phủ liên quan, đặc biệt là cán bộ cấp tỉnh. Luật pháp cập nhật bao gồm Dự thảo Nghị định và Luật PPP được đề xuất cần được xây dựng có sự tham khảo ý kiến của các cơ quan chính quyền (cũng như các bên thứ ba liên quan) và Chính phủ cần tổ chức các hội thảo nâng cao năng lực tập trung vào các quy định pháp luật mới tại thời điểm thích hợp để đảm bảo các quy định mới này được thi hành nhất quán bởi các cơ quan nhà nước;
- Tiếp tục xây dựng các quy định thi hành cũng như hướng dẫn dự án nhằm hỗ trợ các cơ quan nhà nước được ủy quyền trong việc thực hiện các dự án;
- Xây dựng (với sự hỗ trợ của các tư vấn quốc tế có kinh nghiệm trong các thị trường khác) các bộ hồ sơ mẫu đã được phê duyệt, bao gồm hợp đồng dự án có các mô hình phân bổ rủi ro được quốc tế công nhận làm cơ sở đầu thầu để giảm thiểu nguy cơ chậm triển khai dự án;
- Xây dựng các dự án khả thi phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất để giới thiệu các kinh nghiệm thực tiễn tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; và
- Thiết lập một quy trình triển khai thực hiện có sự tham gia của tất cả các Bộ và cơ quan chủ chốt để xây dựng thực hành thống nhất về phát triển dự án, tận dụng nguồn nhân lực có kinh nghiệm về các vấn đề có hiệu quả kinh tế và tài chính trong ngành điện lực.

17 “Phó Thủ tướng thúc giục các bộ xem xét lại tất cả các dự án BOT”, *Thời báo Sài Gòn*, ngày 17 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <<http://english.thesaigon-times.vn/56611/Deputy-PM-urges-ministries-to-review-all-BOT-projects.html>> truy cập lần cuối ngày 24 tháng 1 năm 2018.

18 Nghị quyết 437/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 21 tháng 10 năm 2017 về một số nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác các công trình giao thông theo hình thức hợp đồng xây dựng-kinh doanh-chuyển giao (BOT)

19 “Chính phủ được giao nhiệm vụ nâng cao hiệu quả của các dự án BOT”, *Thời báo Sài Gòn*, Ngày 27 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <<http://english.thesaigontimes.vn/56783/Government-tasked-with-improving-efficiency-of-BOT-projects.html>> truy cập lần cuối ngày 24 tháng 1 năm 2018.

III. HỢP LÝ HÓA CÁC QUY ĐỊNH THỰC HIỆN CHI TIẾT

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan liên quan khác

Mô tả vấn đề

Các nỗ lực gần đây của Chính phủ trong việc hợp lý hóa khuôn khổ PPP, đặc biệt là thông qua việc ban hành Nghị định PPP và Nghị định 30 đã nâng cao được tính nhất quán và cải thiện được các điều kiện đầu tư. Tuy nhiên, sự chồng chéo của các quy định hiện hành vẫn là một trở ngại lớn đối với việc phát triển các dự án PPP.

Các nhà đầu tư nước ngoài trong các dự án PPP cần tuân thủ một bộ gồm nhiều quy định bao gồm Luật 83/2015/QH13 của Quốc hội ngày 15 tháng 6 năm 2015 về Ngân sách Nhà nước, Luật 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 về Đầu tư Công, Luật 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 về Doanh nghiệp, Luật 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 về Đất đai và Luật 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 về Xây dựng cùng với các Nghị định và Thông tư hướng dẫn thực hiện. Các dẫn chiếu chồng chéo giữa những luật này chắc chắn gây ra tính thiếu nhất quán mặc dù Bộ KH&ĐT đã chính thức xác nhận rằng dự thảo Luật PPP được đề xuất sẽ loại bỏ các dẫn chiếu không liên quan và không cần thiết đối với Luật Đầu tư Công.

Ngoài ra, các điều khoản hiện hành theo Nghị định PPP cũng như theo Dự thảo Nghị định PPP vẫn gây mơ hồ về quyền được thế chấp các quyền sử dụng đất trong trường hợp nhà đầu tư được miễn thuế sử dụng đất hoặc tiền thuê đất (một trong các ưu đãi đối với các nhà đầu tư vào các dự án PPP). Trên thực tế, theo Luật Đất đai và các quy định hướng dẫn thì quyền sử dụng đất chỉ được thế chấp nếu tiền thuê hoặc phí sử dụng đã được nhà đầu tư thanh toán đầy đủ (và nội dung này không bị điều chỉnh bởi Nghị định PPP). Điều này có nghĩa là một nhà đầu tư được miễn phí sử dụng đất hoặc tiền thuê đất không có quyền thế chấp đất đã được quy định trong Nghị định PPP và làm hạn chế khả năng tài chính của các dự án PPP, dẫn đến tính kém hiệu quả của dự án PPP. Do vậy, sự thiếu nhất quán giữa Nghị định PPP và Luật Đất đai vẫn là một trở ngại lớn cho các bên cấp vốn vay cho các nhà đầu tư dự án PPP.

Vấn đề về ngoại hối cũng sẽ tiếp tục tác động đến khả năng vay tài chính của các dự án PPP tại Việt Nam đối với các nhà đầu tư phụ thuộc vào nguồn vốn vay nước ngoài. Mặc dù Nhà nước bảo đảm bảo lãnh tỷ giá ngoại hối là một vấn đề quan trọng đối với các nhà đầu tư cần nguồn vốn từ nước ngoài và các bên cung cấp vốn vay cho nhà đầu tư. Nghị định PPP quy định về việc Chính phủ bảo đảm tỷ giá ngoại hối cho ba nhóm dự án, trong đó có dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình đầu tư của Chính phủ. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có hướng dẫn rõ ràng về tỷ giá ngoại hối được Nhà nước bảo đảm. Khác với Công văn 1604/TTg-KTN ngày 12 tháng 9 năm 2011 theo nghị định cũ liên quan đến các dự án BOT²⁰ trong đó quy định giới hạn bảo lãnh cho các dự án nhiệt điện BOT; Nghị định PPP vẫn chưa được hưởng lợi từ các công văn hướng dẫn. Các nhà đầu tư vẫn đang chờ ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành, tuy nhiên việc thiếu một nghị quyết liên quan đang kìm hãm sự phát triển ngoại hối trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng.

Cùng với sự chồng chéo của các văn bản pháp luật, việc thiếu hướng dẫn cũng ảnh hưởng đến sự phát triển của các dự án PPP trong tương lai. Việc thành lập Quỹ Bù đắp Tài chính (VGF) theo Nghị định PPP đã đánh dấu một bước tiến đáng khích lệ đối với các đối tượng nước ngoài tham gia thị trường PPP. Bất chấp những gợi ý cho rằng VGF với quỹ lên tới 1 tỷ Đô-la Mỹ sẵn sàng có để hỗ trợ các dự án không thể duy trì được; hiện vẫn chưa có bất kỳ hướng dẫn chi tiết về quản lý và điều kiện chấp nhận đối với VGF. Tuy nhiên, Bộ KH&ĐT đã xác nhận rằng Bộ đã thực hiện nghiên cứu về VGF với mục đích ban hành một Thông tư riêng biệt (mặc dù lịch trình thực hiện vẫn chưa được cung cấp).

Khuôn khổ pháp lý về PPP trong thời gian tới

Tháng 7 năm 2017, Bộ KH&ĐT đã công bố đề xuất Luật PPP và đã nộp đề cương lên các Bộ, ngành, các cơ quan Chính phủ và địa phương xin ý kiến và kiến nghị nhằm sửa đổi các nội dung chồng chéo của các quy định hiện hành. Bộ KH&ĐT cũng đang tìm cách cập nhật Nghị định PPP và Nghị định 30²¹ bao gồm thông qua Dự thảo Nghị định.

20 Cụ thể, Nghị định 108/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về đầu tư vào các mô hình BOT, BTO và BT.

21 "Các luật 'đề xuất' đang cản trở đầu tư PPP", *Tin Tức Pháp Luật*, Ngày 25 tháng 7 năm 2017. Xem tại: <<https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat-binh-luan-gop-y//17294/luat-da-nhau-dang-can-dau-tu-ppp>> truy cập lần cuối ngày 24 tháng 1 năm 2018.

Hiện tại vẫn chưa có dự thảo Luật PPP được công bố để đóng góp ý kiến và đề xuất này còn mới ở giai đoạn đầu. Điều đó có nghĩa là hiện chưa thể thấy được các vấn đề mà Luật PPP có thể giải quyết được. Tuy nhiên, về nguyên tắc thì chúng tôi luôn chào đón Luật PPP, một bộ luật mang tính toàn diện và nhất quán, là văn bản hy vọng sẽ bổ sung và hoàn tất các thiếu sót của các quy định hiện hành. Như đã nêu ở trên, Bộ KH&ĐT đang lên kế hoạch đề xuất Luật PPP lên Quốc hội vào cuối năm 2018.²²

Một vấn đề cụ thể đã được thảo luận trong bối cảnh của Luật PPP được đề xuất bao gồm xóa bỏ yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải xin Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư (GCNĐKĐT)²³ đối với các dự án PPP. Mặc dù điều này có thể đơn giản hóa thủ tục của các dự án PPP, tính khả thi của việc xóa bỏ này vẫn là một dấu chấm hỏi trong bối cảnh cơ chế đầu tư nước ngoài rộng hơn, đặc biệt là đối với tình hình ưu đãi đầu tư đối với các dự án PPP.

Tương tự như trên, văn bản mới nhất của Dự thảo Nghị định PPP đưa ra một số quy định làm rõ các quy định hiện hành (đặc biệt là liên quan đến đề xuất và lựa chọn các dự án sẽ được phát triển theo hình thức Vận hành và Bảo trì (O&M) và các hoạt động bị cấm trong các dự án PPP (bao gồm nhiều hình thức gian lận), dự thảo bao gồm các quy định - hoặc chưa giải quyết được vấn đề có thể ảnh hưởng đến tính khả thi tài chính của các dự án PPP. Điều này gây khó khăn trong việc thu hút vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài và các bên cho vay. Quan trọng hơn là việc hỗ trợ dòng thu (đảm bảo doanh thu tối thiểu) và việc thực hiện cơ chế VGF chưa được quy định trong Dự thảo Nghị định hiện hành.

Cụ thể, văn bản hiện hành của Dự thảo Nghị định quy định:

- Cấm các nhà đầu tư chuyển nhượng quyền của họ theo hợp đồng dự án sau 2 năm kể từ khi hoàn thành công trình xây dựng. Điều này sẽ ngăn chặn các nhà đầu tư bán hạ giá vốn trước khi tăng vốn cho giai đoạn xây dựng và cũng có thể phòng ngừa việc chuyển nhượng các quyền lợi cho các bên cho vay, theo đó đó hạn chế tối đa quyền can thiệp của các bên cho vay;
- Tăng tỷ lệ tối thiểu vốn tự có mà các nhà đầu tư cần chuyển vào tới 15% hoặc 20% tổng vốn đầu tư của một dự án, tùy thuộc vào quy mô và tầm quan trọng của dự án. Điều này có thể ngăn cản các nhà đầu tư qua việc giảm hiệu quả biên lợi nhuận tiềm năng, đặc biệt là nếu các khoản vay cổ đông lệ thuộc không được bao gồm trong số “vốn tự có”. Luật doanh nghiệp liên quan cũng yêu cầu vốn điều lệ của một công ty dự án phải được góp đủ trong vòng 90 ngày kể từ khi công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN). Các giấy phép và các văn bản phê duyệt được yêu cầu đối với dự án có thể bị trì hoãn nếu vốn điều lệ chưa được góp đủ trong thời gian quy định. Đối với các dự án quy mô lớn, lượng vốn tự có có thể là đáng kể và do vậy, mặc dù có thể có các hình thức thỏa thuận khác nhau, điều kiện góp vốn trong vòng 90 ngày có thể khó đáp ứng và không phản ánh được các yêu cầu về vốn của một dự án cơ sở hạ tầng dài hạn điển hình;
- Yêu cầu một quy trình đấu thầu để lựa chọn một nhà đầu tư cho các dự án yêu cầu “công nghệ mới, đặc biệt hoặc phức tạp” trong khi vẫn chưa rõ cả về cách thức đánh giá liệt kê cả các dự án theo các tiêu chí đó hoặc về cách thức thực hiện quy trình đấu thầu khi một nhà đầu tư đề xuất sử dụng công nghệ; và
- Bao gồm một điều kiện tiên quyết để thực hiện một dự án theo hình thức PPP mà dự án sẽ phải sử dụng “trang thiết bị, sản phẩm và dịch vụ dự án trên quy mô lớn” mà không nêu rõ bất kỳ chi tiết về những tiêu chí này. Điều này có thể gây ra các vấn đề trong việc xác định xem điều kiện đó có được đáp ứng đối với một dự án nhất định hay không.
- Những vấn đề nêu trên cần được quy định giải quyết nhiều nhất có thể trong Dự thảo Nghị định. Việc này sẽ khiến Nghị định PPP đem lại những thay đổi tích cực và tạo điều kiện khuyến khích đầu tư nước ngoài. Chúng tôi cũng nhấn mạnh chung rằng Dự thảo Nghị định bao gồm các tham chiếu chống chéo đến các quy định khác liên quan, cụ thể là Luật Đầu tư Công. Các dẫn chiếu này thường không rõ ràng hoặc không hữu ích; bất kỳ tham chiếu tương tự cần được cân nhắc một cách kỹ lưỡng. Chúng tôi hiểu rằng Chính phủ đang thu thập các ý kiến của các bên liên quan về Dự thảo Nghị định, đây là một bước tiến bộ cần được hoan nghênh.²⁴ Những thay đổi trong các điều khoản của Dự thảo đang thực sự được mong đợi trước khi Nghị định được thông qua, mặc dù không rõ thời điểm thông qua.

22 “Luật PPP cần dự thảo trong năm 2018”, *Vietnam Net Bridge*, Ngày 19 tháng 11 năm 2017. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/business/190572/ppp-law-to-be-drafted-in-2018.html>> truy cập lần cuối ngày 24 tháng 1 năm 2018.

23 GCNĐKĐT là một chứng nhận đăng ký được yêu cầu đối với các nhà đầu tư nước ngoài để thành lập một công ty mới tại Việt Nam bất kể là hoạt động độc lập hoặc với một đối tác Việt Nam.

24 Trên thực tế, những vấn đề này trước đó đã được đề cập chi tiết trong Thư của Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham gửi Bộ Kế hoạch & Đầu tư ngày 5 tháng 7 năm 2017.

- Việc ban hành một khung pháp lý cân bằng và thiết thực để quy định về các vấn đề có tầm quan trọng lớn lao như tính khả thi tài chính của các dự án cơ sở hạ tầng cần được hỗ trợ thông qua phần công của Nhà nước trong cơ chế “đối tác công-tư” cũng là điều quan trọng trong công tác ban hành các quy định pháp luật.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các quy định pháp luật hiện hành và dự thảo về PPP phản ánh được nỗ lực chung của Chính phủ trong những năm gần đây để cập nhật và làm rõ khung pháp lý về PPP. Tuy nhiên, các vấn đề tồn đọng đang hạn chế sự hấp dẫn của các dự án PPP đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Các vấn đề này bao gồm thiếu sự rõ ràng của các quy định hiện hành và mâu thuẫn với các quy định khác có chức năng giới hạn các ưu đãi của các nhà đầu tư dự án PPP. Dự thảo Nghị định và Luật PPP cần giải quyết triệt để những vấn đề này. Các quy định này cần phản ánh sự cần trọng để tránh làm phát sinh thêm các điều kiện hoặc hạn chế ảnh hưởng đến sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài, trong khi các quy định đã được thống nhất và thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế tạo một khuôn khổ nhất định để chuyển đổi lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài trong các dự án PPP sang một luồng đầu tư ổn định trong những năm tới.

Kiến nghị

- Tiếp tục làm tinh gọn các chính sách và hướng dẫn liên quan đến các dự án PPP để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Việt Nam. Việt Nam cần tập trung vào các yếu tố chủ yếu như là mức độ khả dụng và giải ngân của VGF và đảm bảo doanh thu tối thiểu cho nhà đầu tư;
- Thử nghiệm những quy định này trên các dự án thực tế để các nhà đầu tư thấy tự tin với cách diễn giải các quy định trong quá trình phát triển một dự án PPP; và
- Tận dụng đà phát triển quy định luật pháp đằng sau Dự thảo Nghị định và Luật PPP để làm rõ và hoàn tất các quy định hiện hành theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm gia tăng sự hấp dẫn của các dự án PPP Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Samantha Campbell, thành viên Legal SC, Đối tác Hogan Lovells Việt Nam và Singapore

Phan Hương, Thành viên Legal SC, Chuyên viên Cao cấp Hogan Lovells Hà Nội

George Williams, Thành viên Legal SC, Chuyên viên Cao cấp Hogan Lovells Thành phố Hồ Chí Minh,
Hogan Lovells Thành phố Hồ Chí Minh

CHƯƠNG 10 THUẾ

TỔNG QUAN

Tiểu ban Thuế và Chuyển giá thuộc EuroCham tiếp tục ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực liên quan đến các điều luật và quy định của Việt Nam về thuế.

Chúng tôi trân trọng và đánh giá cao khi nhận thấy một số vấn đề cốt yếu mà Tiểu ban chúng tôi trình bày trong Sách trắng năm 2017 đã được giải quyết một phần hoặc toàn bộ, bao gồm cả kiến áp dụng hoàn toàn việc khấu trừ thuế Giá trị Gia tăng (Thuế GTGT) không hoàn lại theo bản dự thảo sửa đổi một số điều luật về thuế.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực về luật thuế, người nộp thuế cũng gặp những hạn chế trong khi tuân thủ các nghĩa vụ thuế. Ngoài ra, chúng tôi hoan nghênh những nỗ lực của Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong việc rà soát và cập nhật các quy định về thuế. Cụ thể, việc ban hành Nghị định 20/2017/NĐ-CP và Thông tư 41/2017/TT-BTC lần lượt vào ngày 24 tháng 2 năm 2017 và ngày 28 tháng 4 năm 2017 về hướng dẫn chuyển giá, bao gồm các điều khoản phản ánh Kế hoạch Hành động về Xói mòn Cơ sở tính thuế và Chuyển dịch Lợi nhuận (BEPS) của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), là minh chứng cho cam kết của Việt Nam về sự minh bạch và hội nhập toàn cầu.

Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy rằng nhìn chung việc thực hiện các quy định vẫn gặp nhiều thách thức. Cách giải thích hạn hẹp về những tiêu chuẩn liên quan đến công ty so sánh là một vấn đề phổ biến phát sinh trong quá trình kiểm toán chuyển giá mà chúng tôi đặc biệt quan tâm.

Thực tế, thuế trên thặng dư vốn liên quan đến việc tái cấu trúc nội bộ là một trong những vướng mắc dẫn đến việc xử lý thuế không nhất quán mà chúng tôi sẽ thảo luận kỹ hơn trong Sách trắng năm nay.

Một lĩnh vực thách thức mà chúng tôi đang gặp phải liên quan đến việc áp dụng các hiệp định về thuế. Năm ngoái chúng tôi cũng đã nêu lên vấn đề này, các trường hợp quan trọng ảnh hưởng đến các thành viên của EuroCham trong năm ngoái đã và đang cho thấy việc thực hiện lợi ích theo các hiệp định về thuế trong thực tế ngày càng khó khăn.

Việc áp dụng thuế suất 0% thuế Giá trị Gia tăng (GTGT) đối với dịch vụ xuất khẩu cũng là một vấn đề tồn đọng trong một thời gian. Trong khi chúng tôi vẫn tiếp tục kiến nghị chung về việc cần diễn giải cụ thể hơn nhằm mở rộng phạm vi các dịch vụ xuất khẩu được miễn thuế GTGT, trên thực tế, chúng tôi có gặp một tình huống cụ thể liên quan các dịch vụ xuất khẩu cho hàng hóa xuất khẩu, ví dụ như dịch vụ nguồn cung ứng, đảm bảo chất lượng hàng hóa.

Căn cứ vào mục tiêu khuyến khích phát triển lĩnh vực xuất khẩu mà Chính phủ đã nêu, chúng tôi cho rằng việc khuyến khích, thúc đẩy phát triển ngành xuất khẩu hàng hoá mang lại lợi ích đáng kể cho Việt Nam, không chỉ đối với các nhà xuất khẩu dịch vụ thông qua việc cho phép áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với các dịch vụ xuất khẩu cho hàng hóa xuất khẩu. Chúng tôi kiến nghị làm rõ nội dung này sớm nhất có thể, đặc biệt là trong bối cảnh các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) mới đã và sẽ sớm có hiệu lực và các nhà đầu tư mới đang cân nhắc chọn Việt Nam là một địa điểm để các doanh nghiệp này đầu tư cho hoạt động xuất khẩu.

I. THUẾ TRÊN THẶNG DƯ VỐN (CGT) TRONG TRƯỜNG HỢP TÁI CẤU TRÚC NỘI BỘ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Tổng cục Thuế (TCT), Kiểm toán Nhà nước (KTNN)

Mô tả vấn đề

Quy định về Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (Thuế TNDN) hiện nay nêu rõ lợi nhuận từ việc chuyển vốn sẽ bị tính thuế suất thuế TNDN tiêu chuẩn – 20% từ năm 2016 trở về sau¹. Tuy nhiên, quy định không trình bày các trường hợp tái cấu trúc nội bộ giữa các công ty trong cùng một tập đoàn.

Cơ quan thuế cấp tỉnh và trung ương trước đây đã ban hành công văn xác nhận hoạt động tái cấu trúc nội bộ thông qua việc chuyển nhượng vốn giữa các công ty trong một tập đoàn sẽ không chịu Thuế trên Thặng dư Vốn (CGT) tại Việt Nam. Tuy nhiên, gần đây chúng tôi nhận thấy cơ quan thuế tìm cách áp dụng CGT với các trường hợp đơn thuần là tái cấu trúc nội bộ theo hình thức tương tự với chuyển nhượng vốn. Trên thực tế, doanh thu bán hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng chuyển nhượng vốn bằng với vốn đã góp trong trường hợp tái cấu trúc nội bộ cũng bị cơ quan thuế tính thuế và, theo quan điểm của cơ quan thuế, đây không phải là giao dịch độc lập, kể cả khi không làm tăng lợi ích kinh tế cho tập đoàn.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tái cấu trúc nội bộ là một hoạt động thường được thực hiện trong các công ty đa quốc gia. Về bản chất, đây là việc tổ chức lại cấu trúc pháp lý, sở hữu, hoạt động hoặc cấu trúc khác của công ty nhằm mục đích quản lý nội bộ hiệu quả và tập trung hơn. Hoạt động này không mang lại lợi ích cho các hoạt động tại Việt Nam nằm ngoài phạm vi tái cấu trúc của các tập đoàn đa quốc gia có quy mô toàn cầu ngoài do các mối lo về nghĩa vụ thuế tiềm ẩn. Vì lý do đó, sự thay đổi quyền sở hữu một công ty mẹ của Việt Nam trong số các công ty của một tập đoàn do tái cấu trúc nội bộ không được coi là giao dịch chuyển nhượng vốn phải chịu CGT.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị khi xây dựng cơ chế áp dụng thuế CGT, Bộ Tài chính (BTC) và Tổng cục Thuế (TCT) xem xét không áp dụng thuế CGT trong trường hợp tái cấu trúc nội bộ và/hoặc quy định, có cơ chế miễn thuế CGT đối với hoạt động tái cấu trúc nội bộ.

II. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (THUẾ GTGT)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng cục Thuế (TCT), Kiểm toán Nhà nước (KTNN)

Mô tả vấn đề

1. Áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng (thuế GTGT) 0% đối với dịch vụ xuất khẩu:

Theo Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2013 về thuế GTGT (Thông tư 219), các dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Hai điều kiện đối với dịch vụ xuất khẩu để đủ điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% là các dịch vụ đó phải "(i) được cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và (ii) tiêu dùng ở ngoài Việt Nam".

Quy định hiện hành không có định nghĩa bổ sung cho điều kiện (i). Điều kiện này thường được hiểu rằng miễn là bên ký kết hợp đồng là tổ chức, cá nhân nước ngoài, điều kiện này sẽ được đáp ứng. Điều kiện (ii) mang tính chủ quan nên không rõ ràng và ít chắc chắn hơn. Về điều kiện (ii), không có định nghĩa rõ ràng về việc "tiêu dùng ở ngoài Việt Nam" theo các quy định về thuế GTGT hiện hành nên việc diễn giải khác nhau hoàn toàn phụ thuộc vào các cơ quan thuế hoặc thậm chí các cán bộ thuế.

¹ Điều 11, Thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp được sửa đổi vào từng thời điểm.

2. Khả năng bù trừ số thuế nộp thừa với số thuế phải nộp:

Theo Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính², người nộp thuế được bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số thuế phải nộp, tiền chậm nộp hoặc tiền phạt của cùng loại thuế hoặc của từng loại thuế có cùng tiểu mục. Theo Luật 106/2016/QH13³, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2016, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phải kết chuyển sang kỳ tiếp theo chứ không được phép hoàn lại, trừ một số trường hợp cụ thể.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với dịch vụ xuất khẩu: Thuế GTGT đối với các dịch vụ xuất khẩu đang trở thành một trong những vấn đề phức tạp nhất tại Việt Nam. Nhiều trường hợp dịch vụ được cung cấp cho các tổ chức nước ngoài nhưng cơ quan thuế địa phương vẫn cho rằng dịch vụ được tiêu thụ tại Việt Nam do theo cơ quan thuế, các dịch vụ này được cung cấp trong lãnh thổ Việt Nam và từ chối áp dụng mức thuế suất GTGT 0%. Kết quả là các nhà cung cấp trong nước thường do dự áp dụng mức thuế suất GTGT 0% và thay vào đó là áp dụng mức 10%. Trên thực tế, người nộp thuế phải xin hướng dẫn riêng lẻ từ cơ quan thuế thông qua các công văn. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của chúng tôi, việc xin các công văn đó thường mất rất nhiều thời gian do chính sách nội bộ của các cơ quan chức năng không thực sự phù hợp.

Khả năng bù trừ số thuế nộp thừa với số thuế phải nộp: với lượng lớn thuế GTGT đầu vào không được hoàn lại mà lại không được phép bù trừ với các loại thuế phải nộp khác, dòng tiền của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng đáng kể. Ngoài ra, việc phải giải quyết số thuế phải hoàn cho doanh nghiệp quá lớn sẽ làm ảnh hưởng đến dòng tiền của Kho bạc Nhà nước, dẫn đến quy trình hoàn thuế trở nên càng khó khăn cho công ty.

Kiến nghị

- Chúng tôi kiến nghị cần đưa ra cách giải thích rộng hơn khái niệm “tiêu dùng ở ngoài Việt Nam” nhằm mở rộng phạm vi trường hợp được hưởng thuế GTGT 0% hơn, đồng thời đưa ra cách giải thích rõ ràng hơn nhằm giúp các đơn vị cung cấp dịch vụ cảm thấy tự tin hơn khi áp dụng thuế suất 0%. Điều này sẽ giúp các dịch vụ có tính cạnh tranh hơn từ góc độ thương mại và do đó, khuyến khích hoạt động xuất khẩu trong lĩnh vực dịch vụ;
- Chúng tôi cũng mong muốn nhận được xác nhận cụ thể về việc các dịch vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Điều này sẽ hỗ trợ tăng trưởng hoạt động xuất khẩu hàng hóa; và
- Chúng tôi kiến nghị cho phép bù trừ thuế được khấu trừ với số thuế phải nộp, bao gồm các loại thuế khác. Tương tự, chúng tôi kiến nghị các quy định cho phép công ty lựa chọn yêu cầu hoàn thuế bằng tiền mặt hoặc bù trừ vào tất cả các loại thuế phải nộp.

III. ÁP DỤNG CÁC HIỆP ĐỊNH VỀ THUẾ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng cục Thuế (TCT), Kiểm toán Nhà nước (KTNN)

Mô tả vấn đề

Yêu cầu về quyền lợi theo các hiệp định: Việt Nam có một danh mục các hiệp định về thuế quan rất lớn với 77 hiệp định đã được ký kết⁴. Nhìn chung, thuế thu nhập có thể được miễn hoặc giảm theo các hiệp định thuế có liên quan giữa Việt Nam và các nước khác nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định. Tuy nhiên, giảm thuế theo hiệp định không được áp dụng tự động tại Việt Nam. Người nộp thuế phải tự đánh giá khả năng đáp ứng các điều kiện và nếu được miễn hoặc giảm thuế theo hiệp định, người nộp thuế phải nộp thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo hiệp định cho cơ quan thuế địa phương kèm theo hồ sơ, chứng từ. Tuy nhiên, cơ quan thuế không ban hành bất kỳ văn bản nào xác nhận việc miễn, giảm thuế theo hiệp định khi tiếp nhận hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo hiệp định.

2 Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6 tháng 11 năm 2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý Thuế; luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Quản lý Thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ

3 Luật 106/2016/QH13 của Quốc hội ngày 6 tháng 4 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ Đặc biệt và Luật Quản lý Thuế.

4 Nguồn: Danh sách các hiệp ước về thuế mà Việt Nam đã ký kết hiện có trên trang web của Tổng cục Thuế tại: <http://www.gdt.gov.vn/wps/wcm/connect/gdt/content/sa_gdt/tqt/hdt/6d83e8ba-c39e-4c83-9a4e-893b292db7f2> truy cập lần cuối vào ngày 14 tháng 12 năm 2017

Trên thực tế, điều này thường đồng nghĩa với việc cơ quan thuế Việt Nam vẫn khấu trừ thuế do không sẵn sàng chấp nhận tính không chắc chắn của việc được miễn, giảm thuế theo hiệp định và rủi ro phải gánh chịu thuế theo quy định. Điều này khiến việc áp dụng các hiệp định tại Việt Nam trở nên không có giá trị. Một hệ quả khác là các cơ quan thuế nước ngoài thường không cho phép các công ty nước ngoài được giảm thuế khi họ xét thấy có khoản miễn, giảm thuế theo hiệp định, do đó, dẫn đến đánh thuế hai lần.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc được miễn, giảm thuế theo hiệp định thường được rà soát lại trong kỳ kiểm tra thuế, trong đó, công ty có thể được yêu cầu phải cung cấp thêm thông tin, giải trình, tài liệu mà những thông tin, tài liệu này thường khó tìm lại được sau nhiều năm. Ngoài ra, trong trường hợp cơ quan thuế từ chối áp dụng miễn, giảm thuế theo hiệp định, khoản thuế sẽ phải đánh giá lại, cùng với số tiền phạt và lãi chậm nộp, dẫn đến việc công ty sẽ phải nộp một số tiền rất lớn, thường vượt quá số thuế truy thu.

Để thận trọng, một số doanh nghiệp chọn giải pháp nộp thuế trước và đề nghị hoàn sau trong thời hạn 3 năm. Tuy nhiên, trên thực tế quy trình hoàn thuế rất khó khăn và mất nhiều thời gian.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo hiệp định cần được xem xét sau khi cơ quan thuế địa phương tiếp nhận. Bất kỳ yêu cầu bổ sung hoặc vấn đề nào phát sinh phải được thông báo trong một thời gian nhất định, ví dụ, từ 1-3 tháng. Nếu không có vấn đề phát sinh trong khoảng thời gian quy định thì có thể xem là người nộp thuế đã được chấp nhận. Điều này giúp tăng cường tính tuân thủ chặt chẽ của người nộp thuế đối với các quy định của Việt Nam trong khi vẫn bảo vệ được việc miễn, giảm thuế theo hiệp định, đồng thời thể hiện được sự tôn trọng và cam kết của Việt Nam đối với các hiệp định thuế áp dụng chung và tránh đánh thuế hai lần.

IV. SỬ DỤNG CÁC CÔNG TY SO SÁNH TRONG KIỂM TOÁN CHUYỂN GIÁ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng cục Thuế (TCT), Kiểm toán Nhà nước (KTNN)

Mô tả vấn đề

Nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào đầu tư từ nước ngoài với các Công ty Đa Quốc gia (MNCs) chiếm tỷ lệ rất lớn trong số các doanh nghiệp nộp thuế. Hầu hết các công ty này đều có giao dịch liên kết theo phạm vi điều chỉnh của quy định về chuyển giá tại Việt Nam. Các giao dịch này được thực hiện theo Thông tư 66/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 4 năm 2010 áp dụng đến ngày 30 tháng 4 năm 2016 (Thông tư 66); Nghị định 20/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24 tháng 2 năm 2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (Nghị định 20) và Thông tư 41/2017/NT-CP của Chính phủ ngày 28 tháng 4 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định 20 (Thông tư 41).

Các quy định về chuyển giá được trình bày như trên quy định năm phương pháp chuyển giá có thể áp dụng bởi doanh nghiệp nộp thuế để kiểm tra bản tính độc lập của các giao dịch giữa các công ty. Phương pháp được sử dụng phổ biến nhất là Phương pháp So sánh Lợi nhuận (CPM). Phương pháp này kiểm tra tỷ lệ tổng lợi nhuận trên chi phí, doanh thu hoặc tài sản của doanh nghiệp nộp thuế với các công ty so sánh đã xác định. Doanh nghiệp nộp thuế thường sử dụng phân tích cụ thể bằng cơ sở dữ liệu bên ngoài để thực hiện kiểm tra giao dịch.

Tuy nhiên, chúng tôi nhận ra rằng trong quá trình kiểm toán chuyển giá, các phân tích được thực hiện bởi doanh nghiệp thường bị cơ quan thuế từ chối và cơ quan thuế đề xuất sử dụng biên độ giao dịch độc lập khác dựa trên dữ liệu của một doanh nghiệp nộp thuế khác hoặc sử dụng “công ty so sánh không công khai”. Các công ty so sánh không công khai thường dựa trên dữ liệu của các doanh nghiệp nộp thuế khác của Việt Nam mà chỉ cơ quan thuế được truy cập được dữ liệu này. Trong hầu hết các quốc gia, các công ty so sánh được lựa chọn thông qua một phân tích khoa học và kỹ thuật, trong đó, doanh nghiệp nộp thuế và cơ quan thuế có cơ hội trình bày tiêu chuẩn lựa chọn hoặc từ chối một công ty so sánh. Chúng tôi có nhiều quan ngại khi phải sử dụng các công ty so sánh bí mật, cụ thể như được tóm tắt dưới đây:

- Doanh nghiệp nộp thuế bị yêu cầu sử dụng dữ liệu công khai khi bắt đầu giao dịch. Tuy nhiên, cơ quan thuế từ chối áp dụng dữ liệu công khai và sử dụng công ty so sánh không công khai. Điều này làm cho doanh nghiệp nộp thuế không thể chứng minh bản chất độc lập của giao dịch liên kết và cũng tạo cơ hội cho cơ quan thuế có quyền tự ý định đoạt.
- Việc sử dụng công ty so sánh không công khai là một cơ chế mang tính chủ quan và bất công cho doanh nghiệp nộp thuế. Dữ liệu về công ty so sánh không công khai không được công bố cho doanh nghiệp nộp thuế khiến các doanh nghiệp này không thể bảo vệ được công ty so sánh do mình đưa ra hoặc phản biện về cơ sở công ty so sánh được chọn bởi cơ quan thuế. Đây là vi phạm "Nguyên tắc Công lý Tự nhiên". Cụ thể, quy tắc này mang tính thiên vị và đi ngược lại với nguyên tắc doanh nghiệp nộp thuế có quyền được đối xử công bằng, được lắng nghe trước khi thực hiện bất cứ điều chỉnh chuyển giá nào.

Kiến nghị

- Chúng tôi kiến nghị các cơ quan thuế áp dụng các phương pháp tiến bộ hơn trong công tác áp dụng Nghị định 20 và các quy định mới về chuyển giá. Nghị định 20 hiện đã phù hợp với các quy định chuyển giá quốc tế và công tác thực hiện hành chính cũng cần dựa trên tiêu chuẩn quốc tế. Sổ tay Hướng dẫn Chuyển giá của Liên Hợp Quốc (UN) và Hướng dẫn Chuyển giá của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đều cảnh báo ngăn chặn việc sử dụng công ty so sánh không công khai cho mục đích so sánh chuyển giá.
- Cơ quan thuế cần xem xét kỹ các phân tích mà đã được các doanh nghiệp nộp thuế thực hiện. Chúng tôi kiến nghị cần nhắc dựa trên ưu điểm và nhược điểm của các công ty so sánh được cung cấp bởi các doanh nghiệp nộp thuế. Các cơ quan thuế cũng cần cung cấp đủ cơ sở để từ chối các công ty so sánh này. Trong trường hợp từ chối, cơ quan thuế cần đề xuất một công ty so sánh tốt hơn dựa trên cơ sở dữ liệu tương tự hoặc một cơ sở dữ liệu công khai khác thay vì sử dụng dữ liệu không công khai mà doanh nghiệp nộp thuế không có khả năng tiếp cận.
- Theo quan điểm của chúng tôi, nếu các vấn đề nêu trên được giải quyết thì các kết quả sẽ đem lại một sân chơi bình đẳng cho cả hai bên. Các kết quả này có thể tạo ra môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp duy trì kinh doanh ổn định, tăng cường đầu tư tại Việt Nam, đồng thời cũng giúp Chính phủ bảo vệ được cơ sở tính thuế. Chúng tôi hoan nghênh phương pháp tiếp cận khoa học với vấn đề này để phát triển các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam cũng như nâng cao tính tuân thủ của tất cả các doanh nghiệp nói chung.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thuế và Chuyển giá thuộc EuroCham

CHƯƠNG 11 **VẬN TẢI VÀ HẬU CẦN**

TỔNG QUAN

Tiểu ban Vận tải & Hậu cần được thành lập năm 2009 nhằm tạo ra diễn đàn cho các thành viên EuroCham hoạt động trong lĩnh vực vận tải và hậu cần (bao gồm các hãng tàu biển, hãng hàng không, doanh nghiệp giao nhận vận tải, các nhà cung cấp dịch vụ hậu cần, chuyển phát nhanh bằng đường hàng không, các công ty khai thác kho bãi và các công ty cung cấp dịch vụ liên quan khác). Lĩnh vực vận tải và hậu cần đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của Việt Nam và giúp các ngành công nghiệp của Việt Nam có đủ sức cạnh tranh với thế giới về chuỗi cung ứng và cũng mở ra các thị trường tương lai cho Việt Nam với vai trò là trung tâm vận tải/trung chuyển.

Với vị trí địa lý thuận lợi, nguồn nhân công dồi dào, chi phí thấp và có trình độ, môi trường chính trị ổn định và chính sách mở cửa thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, lĩnh vực sản xuất và kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đã tăng trưởng mạnh trong thời gian qua.

HẢI QUAN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Tổng cục Hải quan (TCHQ), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTT&DL), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Công an (BCA), Bộ Quốc phòng (BQP)

Mô tả vấn đề

1. Đưa vào áp dụng hệ thống bảo lãnh thông quan hiện đại để cải thiện khả năng thông quan

Bảo lãnh thông quan là thỏa thuận mà theo đó, các công ty nhập khẩu sẽ nộp thuế và phí nhập khẩu – từ lâu đã được sử dụng tại nhiều quốc gia trên khắp thế giới. Trong khi hoạt động giải phóng hàng hóa được tách khỏi quyết định cuối cùng về thuế và phí nhập khẩu, hệ thống bảo lãnh thông quan cho phép các cơ quan hải quan tiến hành giải phóng hàng hóa cho các lô hàng được xử lý nhanh tại thời điểm thông quan. Ở một số quốc gia, các loại bảo lãnh thông quan đặc biệt cũng được sử dụng cho kho ngoại quan, các khu thương mại tự do, gia công trong nước và nước ngoài và các thủ tục quá cảnh liên quan đến các công ty vận tải được bảo lãnh. Bảo lãnh thông quan cũng được sử dụng nhằm mục đích tuân thủ các quy định về thương mại, bao gồm cả hàng hóa chống bán phá giá, trợ giá và các biện pháp bảo hộ tạm thời.

Thủ tục hải quan ở Việt Nam không chỉ dừng lại ở việc nộp thuế và phí nhập khẩu theo tờ khai mà còn yêu cầu tuân thủ nhiều điều kiện khác về giải phóng hàng hóa. Các thủ tục này chủ yếu liên quan đến hoạt động quản lý phi thuế quan và kiểm tra chuyên ngành của tổng cộng lên đến 12 Bộ hoặc cơ quan nhà nước đối với hàng hóa, tùy thuộc vào loại hàng hóa đang được kiểm tra. Để đáp ứng điều kiện giải phóng hàng hóa, chỉ nộp tờ khai hải quan và nộp thuế và phí nhập khẩu là chưa đủ. Để hàng hóa được giải phóng, các công ty nhập khẩu phải xin cấp tất cả giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, giấy xác nhận hoặc giấy phép liên quan đến các cơ quan như Bộ NN&PTNT, BCT, BYT, Bộ GTVT, Bộ KH&CN và các cơ quan khác để trình cho Hải quan tại thời điểm khai báo. Trong Sách trắng 2017, chúng tôi đã kiến nghị các Bộ ngành phi thuế quan thực hiện các thủ tục dựa trên cơ sở quản trị rủi ro. Tuy nhiên, những vấn đề này cho đến nay vẫn chưa được giải quyết. Vì lý do đó, các quy trình trước khi thông quan và giao dịch của các cơ quan phi thuế quan liên quan đến các thủ tục hành chính vẫn tiếp tục bị chậm trễ trong thời gian dài và tạo gánh nặng lớn về chi phí cho các công ty xuất nhập khẩu.

2. Xác định lại trị giá hải quan

Trên thực tế, có sự khác biệt lớn và sự thiếu minh bạch trong cách thức cơ quan hải quan đưa ra quyết định liên quan việc xác định trị giá hải quan và cách thức tiến hành quy trình tái xác định hoặc tham vấn xác định trị giá hải quan. Khi giá cả hàng hóa bị nghi vấn, việc xác định lại trị giá thường dựa trên cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan hoặc bằng 80% mức giá trực tuyến xác định.

Điều 22.2, Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 1 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (Nghị định 08) nêu rõ “Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan là căn cứ để đánh giá rủi ro về trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”. Tuy nhiên, trên thực tế, điều này không được các cán bộ hải quan tuân thủ một cách nghiêm ngặt trong một số trường hợp. Cơ quan hải quan từ chối giá trị kê khai hải quan dựa vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan trong khi thông tin này chỉ được cung cấp cho cán bộ hải quan và không được chia sẻ với các doanh nghiệp có thể xác thực thông tin đó.

Trên thực tế, trong một số trường hợp, doanh nghiệp kê khai không nhận được bất cứ thông báo chính thức nào từ cán bộ hải quan, nêu rõ lý do hoặc phương thức xác định lại trị giá hải quan. Doanh nghiệp cũng không được giải thích về cơ sở xác định lại trị giá hải quan theo quy định trong Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của BTC quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Thông tư 39)¹.

Hiện không có quy định cụ thể nào quy định trường hợp không có hợp đồng thương mại về các hàng hóa như quà tặng, quà biếu và hàng mẫu được nhập khẩu qua dịch vụ chuyển phát nhanh và thủ tục xác định lại trị giá và tham vấn xác định trị giá. Thủ tục xác định lại trị giá trong các trường hợp này cũng không rõ ràng hoặc không minh bạch và không có văn bản pháp lý quy định chi tiết khung thời gian cụ thể để xác định lại trị giá. Điều 17.5 của Thông tư 39 quy định: “Hàng hóa nhập khẩu không có hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc không có hóa đơn thương mại, trị giá hải quan là trị giá khai báo”. Cùng với việc chiết khấu áp dụng cho hàng hóa, trị giá hải quan có thể là trị giá khai báo dựa trên trị giá thực tế được ghi trên hóa đơn mua hàng. Tuy nhiên, cơ quan hải quan thường không chấp nhận trị giá khai báo này và yêu cầu xác định lại trị giá dựa trên cơ sở dữ liệu hải quan hoặc giá thị trường không phù hợp với các quy định.

Theo quy định của Điều 17.5, Thông tư 39: “Hàng hóa nhập khẩu không có hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc không có hóa đơn thương mại, trị giá hải quan là trị giá khai báo. Trường hợp có căn cứ xác định trị giá khai báo không phù hợp thì cơ quan hải quan xác định trị giá hải quan theo nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá hải quan quy định từ Điều 8 đến Điều 12 Thông tư này”. Theo quan điểm của chúng tôi, định nghĩa của thuật ngữ “không phù hợp” cần được làm rõ. Trên thực tế, điều này thường bị hiểu lầm dẫn đến tình trạng xác định lại trị giá xảy ra thất thường.

3. Các điểm kiểm tra thủ tục hải quan và điểm kiểm tra tập trung

Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh không được công nhận là Hải quan Cửa khẩu. Vì lý do đó, thủ tục hải quan không thể được thực hiện tại Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh đối với loại hình A11², danh mục hàng hóa theo Quyết định 15/2017/QĐ-TT³, hàng hóa tạm nhập, tái xuất và hàng hóa tạm xuất để tái nhập.

Hoạt động kinh doanh chuyển phát nhanh phải thông quan tại một địa điểm gần với cảng hàng không quốc tế tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định 68/2016/NĐ-CP (Nghị định 68)⁴. Điều 36 của nghị định này quy định các công ty khai thác kho bãi phải đáp ứng yêu cầu cụ thể về địa điểm, kích cỡ tối thiểu của kho bãi là 5.000 mét vuông, cơ sở vật chất và thiết bị, hệ thống IT cụ thể có khả năng quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu và hàng tồn kho cũng như yêu cầu cụ thể về kiểm soát vận chuyển hàng hóa ra vào kho bãi.

1 Điều 3.1 của Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của BTC quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: “Người khai hải quan sẽ phải... yêu cầu cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản về trị giá tính thuế, cơ sở, phương pháp được sử dụng để xác định trị giá hải quan trong trường hợp trị giá hải quan do cơ quan hải quan xác định.”

2 Công văn 2765/TCHQ-GSQL ngày 1 tháng 4 năm 2015 của Tổng cục Hải quan về mã loại hình xuất nhập khẩu trên Hệ thống VNACCS nêu rõ: “hàng hóa nhập khẩu để tiêu thụ hoặc bán; hàng hóa là nguyên liệu đầu vào; hàng hóa bị tính thuế hoặc không bị tính thuế được nhập khẩu theo hình thức tái sản”.

3 Quyết định 15/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc về Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.

4 Nghị định 68/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

1. Đưa vào áp dụng hệ thống bảo lãnh thông quan hiện đại để cải thiện khả năng thông quan

Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO TFA) có hiệu lực từ ngày 22 tháng 2 năm 2017 theo đó Việt Nam phải thực hiện các cam kết tạo thuận lợi thương mại trong hiệp định. Do Việt Nam là một nước đang phát triển, TCHQ và các cơ quan quản lý nhà nước đã xác định các thỏa thuận WTO TFA dưới đây cần thêm thời gian thực hiện, cần hỗ trợ kỹ thuật hoặc cả hai từ các thành viên của WTO để thực hiện hiệp định:

- “Xử lý trước khi hàng đến” (Điều 7.1);
- “Tách việc giải phóng hàng khỏi quyết định cuối cùng về thuế hải quan, thuế và các loại phí” (Điều 7.3);
- “Các lô hàng được xử lý nhanh” (Điều 8);
- “Các yêu cầu về thủ tục và chứng từ” (Điều 10.1);
- “Tạm quản hàng hoá và gia công hàng hoá trong nước và tại nước ngoài” (Điều 10.9), và;
- “Tự do quá cảnh” (Điều 11.6 - 11.10).

Nếu không thực hiện cải cách hệ thống pháp luật và pháp lý trên quy mô lớn cùng với việc áp dụng các công cụ và thủ tục tuân thủ mới mang tính tiến bộ, các Bộ ngành sẽ không thể thực hiện đơn giản hóa các thủ tục và áp dụng chế độ kiểm tra sau thông quan. Hệ quả là Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều rào cản gây cản trở việc thực hiện các biện pháp tạo thuận lợi thương mại một cách toàn diện và gây khó khăn cho việc thực hiện cải cách và đơn giản hóa quy trình thương mại. Vì lý do đó, các doanh nghiệp sẽ tiếp tục chịu chi phí giao dịch cao khi giao dịch trên thị trường quốc tế.

Liên minh Tạo thuận lợi Thương mại Toàn cầu (GATF) đã đề nghị giúp đỡ Việt Nam giải quyết vấn đề này. GATF là một tổ chức đối tác công tư gồm Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Phòng Thương mại Quốc tế và Trung tâm Doanh nghiệp Tư nhân Quốc tế – một cơ quan của Phòng Thương mại Hoa Kỳ. Các tổ chức này đã liên kết với các doanh nghiệp hàng đầu thế giới về thương mại và đầu tư quốc tế nhằm phối hợp và hỗ trợ thực hiện tạo thuận lợi thương mại theo Mục II của WTO TFA. Những nỗ lực này một phần được hỗ trợ bởi chính phủ Úc, Canada, Đức, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ.

Sáng kiến này nhằm giới thiệu các biện pháp thương mại mới tại Việt Nam và một hệ thống bảo lãnh thông quan hiện đại để “giải phóng hàng hóa hải quan có điều kiện”. Dự án này sẽ đáp ứng nhu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước ở Việt Nam về bảo lãnh tính tuân thủ của hàng hóa nhập khẩu theo chế độ kiểm tra sau thông quan. Dự án này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu và quá cảnh hàng hóa đồng thời đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và doanh nghiệp về một quy trình thương mại minh bạch và hiệu quả.

2. Xác định lại trị giá hải quan

Do cơ sở dữ liệu hải quan và các trường hợp trị giá khai báo bị hải quan nghi vấn không được thông báo cho các doanh nghiệp, các doanh nghiệp thường lúng túng về thủ tục khai báo và xác định lại trị giá hải quan mà các cơ quan hải quan khác nhau áp dụng. Điều này gây ra nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình xác định trị giá hải quan.

Những lỗ hổng trong quy định về cơ sở và thủ tục phù hợp để xác định lại trị giá hải quan cùng với việc áp dụng chưa hoàn thiện các quy định này vào thực tế đã gây nhiều vướng mắc cho các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa. Điều này dẫn đến sự chậm trễ trong quá trình nhập khẩu do hoạt động xác định lại trị giá hải quan gần như luôn được thực hiện trước thông quan thay vì sau thông quan. Áp lực về thời gian làm tăng nguy cơ cán bộ hải quan lạm dụng chức vụ, dẫn đến việc vòi vĩnh, đòi hỏi và tiếp nhận các khoản phí không chính thức. Việc thường xuyên thiếu các văn bản quy định về cơ sở xác định lại trị giá hải quan trong các trường hợp cụ thể khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn nếu không muốn nói là không thể khiếu kiện lên các cơ quan cấp cao hơn.

3. Các điểm kiểm tra thủ tục hải quan và điểm kiểm tra tập trung

Việc Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh không được công nhận là Hải quan Cửa khẩu khiến nhiều lô hàng vận chuyển cần được xử lý nhanh không thể được nhập khẩu hoặc xuất khẩu qua hình thức chuyển phát nhanh, ví dụ:

- Hàng hóa tạm nhập, tái xuất khẩu và hàng hóa xuất khẩu, tái nhập khẩu;
- Mã khai báo A11 trong hệ thống VNACCS (hàng hóa nhập khẩu để tiêu thụ và bán - thủ tục hải quan được thực hiện ở chi cục hải quan tại điểm kiểm tra)⁵

Các Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh không hoạt động 24/7 như Hải quan Cửa khẩu, do đó, nhiều lô hàng vận chuyển cần xử lý gấp không thể được giải phóng ngoài giờ làm việc.

Về điểm kiểm tra tập trung, trên thực tế, theo Nghị định 68, các công ty khai thác kho bãi chỉ cho các công ty chuyển phát nhanh thuê cơ sở vật chất của mình. Các công ty khai thác kho bãi này không buôn bán hàng hóa chuyển phát nhanh và không chịu trách nhiệm bảo quản, trông giữ hàng hóa tại điểm kiểm tra tập trung khi hàng hóa được lưu giữ tại các cảng và công ty kho bãi khác. Các doanh nghiệp chuyển phát nhanh hoạt động độc lập, thực hiện dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa và có phần mềm quản lý của riêng mình.

Hiện tại, không có công ty chuyển phát nhanh nào chứng minh được rằng họ đang sở hữu một kho bãi rộng 5.000 mét vuông gần sân bay. Điều đó khiến các công ty chuyển phát nhanh phải dùng chung kho bãi, dẫn đến vai trò gần như độc quyền của các kho bãi tại sân bay. Điều này làm giảm tính linh hoạt trong hoạt động và gia tăng nguy cơ các công ty khai thác kho bãi lạm dụng vị trí kho bãi để tăng giá thuê và chi phí khác.

Yêu cầu đối với các công ty chuyển phát nhanh về việc cung cấp thông tin kinh doanh như số vận đơn và mẫu tờ khai hải quan cho các công ty khai thác kho bãi là không cần thiết, gây chậm trễ, làm tăng chi phí và gây xung đột lợi ích. Hiện nay, tại tất cả điểm kiểm tra hoạt động chuyển phát nhanh, có Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh quản lý trực tiếp và thực hiện thủ tục hải quan cho doanh nghiệp gồm kiểm tra và giám sát hàng hóa ra vào khu vực. Các công ty chuyển phát nhanh cũng trang bị một hệ thống camera giám sát (CCTV) theo quy định.

Thêm vào đó, các công ty khai thác kho bãi được yêu cầu kiểm tra các lô hàng vận chuyển ra vào hoặc lưu giữ bên trong kho bãi. Điều này càng làm tăng sự chậm trễ của quy trình xử lý hàng hóa vốn rất cần thực hiện nhanh chóng mà không cung cấp thêm bất cứ thông tin hoặc biện pháp kiểm soát nào. Chúng tôi lo ngại các thông tin thương mại nhạy cảm, gồm nhu cầu của khách hàng các công ty chuyển phát nhanh có thể bị tiết lộ cho các công ty khai thác kho bãi là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của họ. Có thể lấy dẫn chứng là trường hợp của Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS Express). Vì lý do đó, việc yêu cầu các công ty chuyển phát nhanh tuân thủ Điều 36 của Nghị định 68 về cung cấp thông tin kinh doanh cho các công ty khai thác kho bãi là không phù hợp hoặc thiếu thực tế vì các quy định liên quan phải cân nhắc đến các yếu tố thương mại.

Kiến nghị

1. Đưa vào áp dụng hệ thống bảo lãnh thông quan hiện đại để cải thiện khả năng thông quan

Theo quan điểm của chúng tôi, BTC, TCHQ, tổ chức và cơ quan Chính phủ liên quan thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về hàng hóa và kiểm tra chuyên ngành cần xem xét sáng kiến GATF về "giải phóng hàng hóa hải quan có điều kiện" thông qua một hệ thống bảo lãnh thông quan hiện đại. Điều này có thể được thực hiện thông qua thủ tục phối hợp liên bộ, đứng đầu là Văn phòng Chính phủ và Ủy ban Tạo thuận lợi Thương mại Quốc gia mới thành lập.

2. Xác định lại trị giá hải quan

Chúng tôi kiến nghị BTC và TCHQ xem xét đưa ra các hướng dẫn về các trường hợp/tình huống gây khó khăn trong việc khai báo giá tại các điểm kiểm tra, bao gồm:

- Dự thảo nghị định thay thế Nghị định 08/2015/NĐ-CP và dự thảo thông tư thay thế Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định cụ thể và hướng dẫn về thực hiện luật thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, và

⁵ Theo Danh sách Mã Thủ tục Hải quan đính kèm Công văn 2765/TCHQ-GSQL của Tổng Cục Hải quan, Bộ Tài chính ngày 1 tháng 4 năm 2015 về mã thủ tục hải quan trong hệ thống VNACCS.

- ▶ Dự thảo Thông tư sửa đổi và bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC trong đó quy định và hướng dẫn cụ thể về việc thực thi luật về thủ tục hải quan.

BTC và TCHQ cần phổ biến rõ ràng quy định của Thông tư 39 và Điều VII của GATT (1994) cho cán bộ hải quan và đảm bảo việc áp dụng chặt chẽ các quy định này. Đặc biệt là, cán bộ hải quan tại các điểm kiểm tra cần đảm bảo rằng cơ sở dữ liệu hải quan chỉ nhằm quản trị rủi ro, và đó là tiêu chuẩn để xác định các giao dịch nghi vấn và không được sử dụng để xác định trị giá hải quan (Điều 22 của Thông tư 39). Chúng tôi cũng đề xuất BTC và TCHQ cần nhắc bổ sung trong dự thảo thông tư thay thế Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định cho phép người khai báo cung cấp thêm tài liệu hỗ trợ hoặc diễn giải giá khai báo.

- ▶ Về nguyên tắc xác định trị giá hải quan, giá mua tại cửa khẩu nhập đầu tiên cần được xác định bằng cách áp dụng lần lượt 6 phương pháp xác định trị giá hải quan. Giá trị giao dịch hợp pháp giữa người mua và người bán phải được chấp nhận làm cơ sở căn bản để định giá hàng hoá.
- ▶ Trong trường hợp cơ quan hải quan không chấp nhận giá khai báo, cán bộ hải quan phải thông báo kịp thời cho đơn vị kê khai bằng văn bản về lý do không chấp nhận cùng với các tài liệu chứng minh cơ sở từ chối, cũng như phương pháp áp dụng định giá lại được áp dụng bởi cơ quan hải quan. Điều này là cần thiết để đảm bảo quản trị rủi ro và phòng chống gian lận.
- ▶ Thông tin do cơ quan hải quan cung cấp cần rõ ràng, minh bạch và chính xác. Cán bộ hải quan không nên sử dụng 80% giá trực tuyến hoặc phương pháp định giá trực tuyến khác để xác định trị giá hải quan do phương pháp này thiếu cơ sở pháp lý.
- ▶ Đối với hàng hóa nhập khẩu, trị giá hải quan cần là giá trị thực tế đã trả hoặc có thể trả tại Hải quan Cửa khẩu, căn cứ vào quy định sửa đổi quy định tại Điều 13 và Điều 15, Thông tư 39/2015/TT-BTC. Cán bộ Hải quan cần nắm rõ khái niệm về cửa khẩu nhập khẩu khi kiểm tra giá trị khai báo và xử lý các điều chỉnh cần thiết để xác định trị giá hải quan.
- ▶ Đối với hàng nhập khẩu phi thương mại không có hợp đồng bán hàng, BTC và TCHQ cần đảm bảo các cơ quan hải quan chuyển phát nhanh tuân thủ Điểm 5, Điều 17 của Thông tư 39 để công nhận trị giá khai báo là trị giá hải quan. Việc chấp nhận trị giá hải quan dựa trên giá trị thanh toán thực tế ghi trên hóa đơn và phiếu thu. Đồng thời, chúng tôi đề xuất BTC và TCHQ cần nhắc bổ sung trong dự thảo Nghị định sửa đổi và bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC các quy định cho phép người khai báo cung cấp tài liệu hỗ trợ hoặc diễn giải cho giá khai báo trong trường hợp Hải quan xác định trị giá khai báo “không phù hợp”.
- ▶ Bổ sung quy định về thẩm quyền xác định trị giá hải quan khi cơ quan hải quan xác định trị giá hải quan trong trường hợp có thể chứng minh rằng trị giá khai báo thuộc một trong các mục sau: Hồ sơ (hóa đơn hoặc hợp đồng) giả mạo; hồ sơ chính xác nhưng nội dung giả mạo; trị giá khai báo và giá trên hóa đơn không phải là giá thực tế đã thanh toán; trị giá khai báo không gồm chi phí bổ sung.

3. Các điểm kiểm tra thủ tục hải quan và điểm kiểm tra tập trung

- ▶ Đối với các điểm kiểm tra thủ tục hải quan, theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ, BTC và TCHQ cần xem xét công nhận Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh là Hải quan Cửa khẩu. Thêm vào đó, Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh cần được phép thực hiện thủ tục thông quan theo Mẫu A11 theo thủ tục và hàng hóa hiện nay được liệt kê trong Quyết định 15. Nội dung này cần được đưa vào dự thảo nghị định thay thế Nghị định 08/2015/NĐ-CP.
- ▶ Về điểm kiểm tra tập trung, các doanh nghiệp chuyển phát nhanh cần tuân thủ Điều 36 của Nghị định 68 (trừ điều kiện về kích cỡ kho bãi). Tuy nhiên, các công ty chuyển phát nhanh không cần cung cấp thông tin kinh doanh nhạy cảm về mặt thương mại cho các công ty khai thác kho bãi và cần có khả năng vận hành phần mềm quản lý của riêng mình đối với hàng xuất nhập khẩu và hàng tồn kho. Các phần mềm này cần có khả năng kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan mà không cần phần mềm trung gian được các công ty khai thác kho bãi thiết lập, ví dụ như bên cho thuê khu đất.

II. MIỄN TRỪ QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI HÀNG HÓA CÓ GIÁ TRỊ THẤP ĐƯỢC NHẬP KHẨU QUA DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT NHANH

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Tổng cục Hải quan (TCHQ), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTT&DL), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Công an (BCA), Bộ Quốc phòng (BQP)

Mô tả vấn đề

Hàng hóa nhập khẩu có giá trị thấp dưới ngưỡng giá trị tối thiểu (1 triệu VND) như quà tặng, quà biếu hoặc hàng mẫu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh vẫn cần kiểm tra chuyên ngành nếu các mặt hàng này thuộc danh mục quản lý chuyên ngành. Điều này làm hạn chế hiệu quả về tạo thuận lợi thương mại đối với các hàng hóa sau:

1. Giấy phép kiểm duyệt (sách, lịch, tài liệu in ấn, biển quảng cáo, tạp chí, đĩa cứng, thẻ nhớ và tài liệu quảng cáo) theo quy định trong Thông tư 07/2012/TT-BVHTTĐ (Thông tư 7)⁶ và Nghị định 32/2012/NĐ-CP (Nghị định 32)⁷;
2. Kiểm tra an toàn thực phẩm (thực phẩm chức năng, sữa, rau quả, bia, cốc, chén v.v.) theo quy định trong Thông tư 52/2015/TT-BYT (Thông tư 52)⁸;
3. Kiểm dịch (gạo, hạt cà phê, hồ tiêu, sản phẩm trứng, thức ăn cho tôm, thành phần thức ăn chăn nuôi v.v.) theo quy định trong Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT (Thông tư 25)⁹.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các quy định này gây tốn kém chi phí và thời gian cho các công ty nhập khẩu cần giấy chứng nhận hàng hóa có giá trị thấp được gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh. Thủ tục thông quan bị chậm trễ và nhiều Bộ ngành khác nhau phải dành thời gian và nguồn lực để kiểm tra hàng hóa này cho dù ít có khả năng xảy ra rủi ro hoặc vi phạm. Nút thắt này ảnh hưởng đến thời hạn thông quan.

Xét về mặt tích cực hơn, Chính phủ đã đơn giản hóa và làm rõ các thủ tục pháp lý chồng chéo. Thứ nhất, Chính phủ ban hành Quyết định 37/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ Quyết định 50/QĐ-TTg¹⁰ (Quyết định 37), có hiệu lực từ ngày 5 tháng 10 năm 2017. Thứ hai, BYT ban hành Quyết định 3741/QĐ-BYT ngày 17 tháng 8 năm 2017 của BYT về bãi bỏ Quyết định 818/QĐ-BYT¹¹ (Quyết định 3741) có hiệu lực từ ngày 17 tháng 8 năm 2017. Đây là tin tốt cho các công ty nhập khẩu liên quan đến kiểm tra chuyên ngành hàng hóa nhập khẩu.

Những cải cách tiến bộ này giúp tất cả các bên tham gia vào quá trình tạo thuận lợi thương mại đẩy nhanh được tốc độ thực hiện thủ tục thông quan và đảm bảo doanh nghiệp và Chính phủ tiết kiệm được nguồn lực, thời gian và chi phí. Những thay đổi tích cực này cho thấy Chính phủ đã có chuyển biến trong việc cải tiến quản lý chuyên ngành và tạo môi trường thuận lợi thu hút thêm đầu tư cho các công ty.

Kiến nghị

Theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ, BTC, TCHQ và các Bộ không cần quản lý hoặc kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu có giá trị thấp dưới ngưỡng 1 triệu VND được gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh.

Thêm vào đó, cơ chế công nhận chung cần được áp dụng với hàng hóa có nhãn hiệu quốc tế đã được chứng nhận bởi các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới. Điều này sẽ làm giảm nhu cầu áp dụng quy định kiểm tra chuyên ngành khi các hàng hóa này được nhập khẩu vào Việt Nam

6 Thông tư 07/2012/TT-BVHTTĐ ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ VHTT&DL hướng dẫn thực hiện Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

7 Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

8 Thông tư 52/2015/TT-BYT ngày 21 tháng 12 năm 2015 của BYT về kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu.

9 Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ NN&PTNT về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn

10 Quyết định 50/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh

11 Quyết định 818/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 5 tháng 3 năm 2017 của BYT về danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm mã số HS có tính chống chéo

III. TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA (MCQG) VÀ MỘT CỬA ASEAN (MCA)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Tổng cục Hải quan (TCHQ), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTT&DL), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Công an (BCA), Bộ Quốc phòng (BQP)

Mô tả vấn đề

Đã có những bước tiến lớn trong việc xây dựng và triển khai Cơ chế Một cửa Quốc gia (MCQG) và sáng kiến Một cửa ASEAN (MCA), bao gồm một loạt các quy định mới

- Quyết định 1899/QĐ-TTg ngày 4 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Chỉ đạo Quốc gia về Cơ chế Một cửa Quốc gia và Cơ chế Một cửa ASEAN (Quyết định 1899);
- Quyết định 2185/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Cơ chế Một cửa Quốc gia và Cơ chế Một cửa ASEAN từ năm 2016 đến năm 2020 (Quyết định 2185);
- Sổ tay được TCHQ lập, hướng dẫn về MCQG ngày 6 tháng 7 năm 2017;
- Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2017 về đẩy mạnh Cơ chế Một cửa Quốc gia và Cơ chế Một cửa ASEAN (Chỉ thị 27);
- Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, TCHQ và Cục Hải quan Hà Nội đã thực hiện đề xuất về quản lý và giám sát sân bay theo cơ chế MCQG;
- Vào ngày 12 tháng 7 năm 2017, Bộ Tài chính và Ngân hàng Thế giới đã khai trương Cổng Thông tin Thương mại Việt Nam (VTIP) với đầy đủ thông tin bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh về quy định và quy trình xuất nhập khẩu.¹²

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề cần được giải quyết. Một số thủ tục hành chính liên quan đến xuất nhập khẩu chưa được tích hợp vào MCQG, dẫn đến thủ tục chậm trễ và chồng chéo, ví dụ như:

1. Giấy phép kiểm duyệt theo quy định trong Nghị định 32/2012/NĐ-CP;¹³
2. Giấy chứng nhận kê khai hóa chất theo quy định trong Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất được Chính phủ ban hành ngày 9 tháng 10 năm 2017 (Nghị định 113);¹⁴
3. Kiểm tra chất lượng theo quy định trong Quyết định 50/2006/QĐ-CP ngày 7 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục sản phẩm và hàng hóa phải kiểm tra chất lượng (Quyết định 50);¹⁵
4. Giấy phép nhập khẩu theo quy định trong Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài (Nghị định 187).¹⁶

Các Bộ ngành đang tích cực triển khai cơ chế MCQG theo Chỉ thị 27/CT-TTg (Chỉ thị 27).¹⁷ Hơn 328.000 tài liệu hành chính đã được xử lý theo MCQG với sự tham gia của khoảng 11.000 doanh nghiệp. 12 trong số 18 Bộ đã tham gia MCQG và 38 trong số 380 thủ tục hành chính được xử lý theo MCQG tại thời điểm tháng 6 năm 2017. Tỷ lệ này khá thấp so với mục tiêu trong Nghị quyết 19/2017/NQ-CP ngày 6 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định việc thực hiện những giải pháp, nhiệm vụ để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và cải thiện môi trường kinh doanh

¹² <http://vietnamtradeportal.com/index.php?r=site/display&id=1269>

¹³ Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

¹⁴ Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất được Chính phủ ban hành ngày 9 tháng 10 năm 2017.

¹⁵ Quyết định 50/2006/QĐ-CP ngày 7 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục sản phẩm và hàng hóa phải kiểm tra chất lượng.

¹⁶ Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

¹⁷ Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh tiến độ và cải thiện hiệu quả khi thực hiện MCQG, MCA và tạo thuận lợi thương mại.

trong năm 2017 và định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết 19)¹⁸ gồm các mục tiêu cụ thể sau đây:

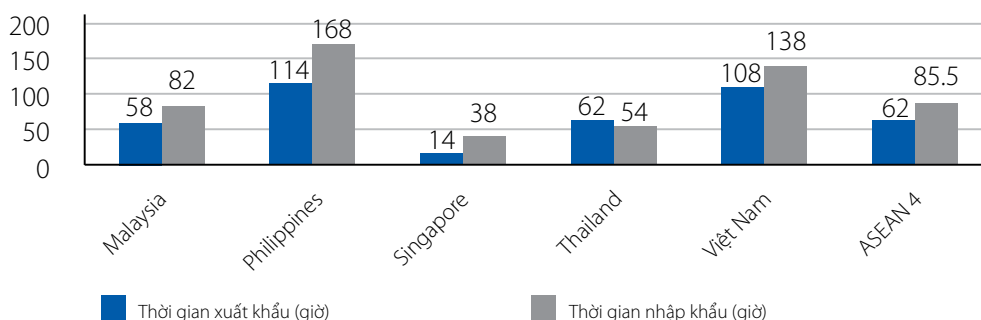
- Thực hiện 100% thủ tục hành chính liên quan đến quản lý Nhà nước về xuất nhập khẩu và quá cảnh hàng hóa theo MCQG với dịch vụ công mức độ 4 (mức độ cao nhất ở Việt Nam cho phép người dùng xử lý thanh toán và nhận kết quả trực tuyến);
- Mở rộng MCQG bằng các thủ tục không dùng giấy tờ và được đơn giản hóa cho tất cả quy trình hành chính liên quan đến thương mại và vận tải xuyên biên giới;
- Chuẩn bị thông báo và trao đổi văn bản điện tử với các đối tác thương mại khác ngoài ASEAN để tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, vận tải và hậu cần xuyên biên giới;
- Giảm thời gian kiểm tra chuyên ngành khi thông quan từ 30-35% xuống 15% trên tổng số hàng hóa xuất nhập khẩu.

Số liệu trên cho thấy cần có nhiều cải tiến và sự phối hợp hơn nữa từ Chính phủ và Bộ ngành liên quan. Việc thúc đẩy thực hiện nhanh chóng hơn nữa các thủ tục quan trọng này sẽ giúp các doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí khi xin cấp giấy phép và giấy chứng nhận cần thiết.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo biểu đồ ở dưới, thời gian thực hiện giao dịch tại Việt Nam lâu hơn hầu hết các quốc gia khác trong khu vực và trung bình của nhóm ASEAN 4. Thời gian xuất nhập khẩu hàng hóa lâu hơn làm tăng chi phí và nghiên cứu đã cho thấy rằng việc rút ngắn chỉ một ngày làm thủ tục hải quan có thể tiết kiệm cho các doanh nghiệp 1,6 tỷ Đô-la Mỹ một năm.

Biểu đồ 10: Thời gian để xuất khẩu và nhập khẩu của các nước ASEAN

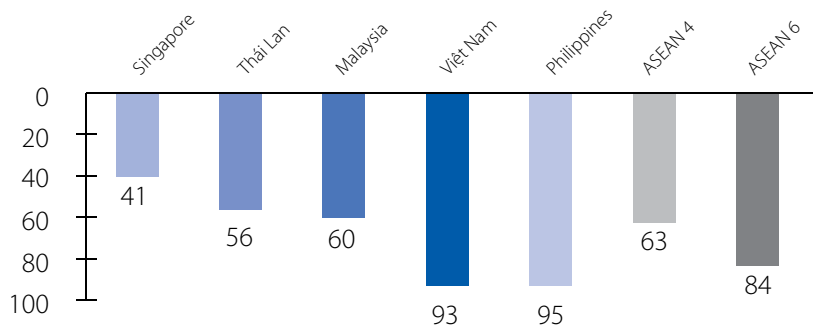


Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Doing Business 2017

Ngân hàng Thế giới đã thực hiện đo chỉ số kinh doanh xuyên biên giới (TAB), chỉ số thuận lợi kinh doanh (EoDB) và xếp hạng Việt Nam đứng ở vị trí thứ 4 trong ASEAN theo biểu đồ dưới đây. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn thấp hơn mức trung bình của nhóm ASEAN 4.¹⁹

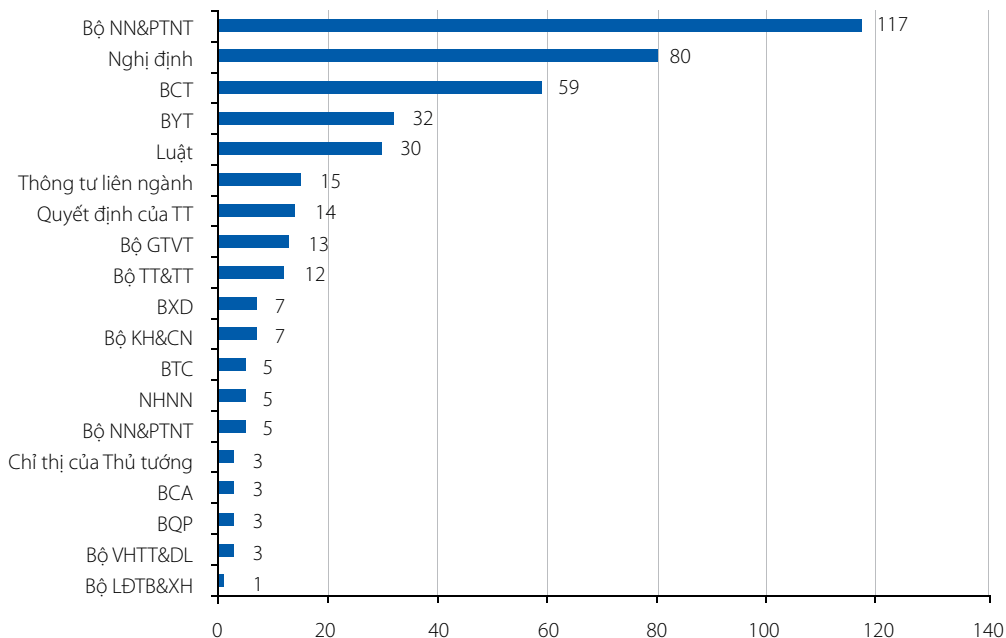
¹⁸ Nghị quyết 19/2017/NQ-CP ngày 6 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định việc thực hiện những giải pháp, nhiệm vụ để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và cải thiện môi trường kinh doanh trong năm 2017 và định hướng đến năm 2020

¹⁹ "Báo cáo Doing Business 2017" của Ngân hàng Thế giới. Xem tại <<http://www.doingbusiness.org/data/exploretopics/trading-across-borders>>, truy cập lần cuối vào ngày 24 tháng 11 năm 2017.

Biểu đồ 11: Kinh doanh xuyên biên giới ở các nước ASEAN

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Doing Business 2017

Hệ thống Quản lý và Kiểm tra Chuyên ngành về văn bản pháp luật cực lớn với 414 văn bản pháp luật²⁰. Tuy nhiên, một số quy định không cụ thể và không rõ ràng dẫn đến việc áp dụng và diễn giải không nhất quán. Các quy định không phù hợp với tình hình thực tế hoặc chuẩn mực quốc tế, ví dụ, thủ tục hành chính về kiểm tra chuyên ngành không được thực hiện trong MCQG yêu cầu tài liệu gốc và điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp khi làm việc với cơ quan nhà nước.

Biểu đồ 12: Số lượng các thủ tục kiểm tra chuyên ngành

Nguồn: Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Thuận lợi hoá Thương mại

²⁰ “Các doanh nghiệp hoan nghênh quyết định của Hải quan về đơn giản hóa thủ tục” *Vietnam Net*, ngày 14 tháng 10 năm 2014. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/business/114092/businesses-applaud-customs-decision-to-simplify-procedures.html>> truy cập lần cuối ngày 15 tháng 12 năm 2017.

Ngoài ra, còn có các vấn đề chồng chéo trong Kiểm tra và Quản lý Chuyên ngành, ví dụ, một hàng hóa có thể được quản lý bởi nhiều cơ quan và không dưới 58% hàng hóa phải trải qua lớn hơn 2 thủ tục kiểm tra chuyên ngành. Một số ví dụ gồm:

- Sữa chua và phô mai cần kiểm dịch động vật và kiểm tra an toàn thực phẩm theo Bộ NN&PTNT, BCT và BYT.
- Các loài thực vật, gạch, đá và thủy tinh cần kiểm tra chất lượng và chứng nhận quy chuẩn kỹ thuật.
- Thiết bị và vật tư y tế để sản xuất thuốc cần giấy phép nhập khẩu và kiểm soát chất lượng của BYT.
- Thuốc trừ sâu cần 3 loại quản lý gồm một giấy phép nhập khẩu tự động, kiểm tra chất lượng và chứng nhận quy chuẩn kỹ thuật.
- Thịt và sản phẩm từ thịt cần kiểm dịch động vật, kiểm tra chất lượng và kiểm tra an toàn thực phẩm của Bộ NN&PTNT.
- Thức ăn cho gà, lợn, tôm và cá cần kiểm tra ở Cục Thú y và Tổng cục Thủy sản của Bộ NN&PTNT;
- Trong một số trường hợp (ví dụ, hàng nhập khẩu phải kiểm tra chất lượng), việc các Bộ chủ quản đề xuất số lượng hạn chế các tổ chức kiểm định được chứng nhận làm thu hẹp phạm vi kiểm tra và gây ra tình trạng độc quyền, ví dụ, BCT chỉ định Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (QUATEST 1) tại Hà Nội thực hiện kiểm định động cơ. Quyết định này bắt buộc tất cả công ty nhập khẩu động cơ vận chuyển hàng hóa đến QUATEST 1 để kiểm định, gây phát sinh chi phí vận chuyển cao (đặc biệt từ Phía Nam) và kéo dài thời gian xử lý.

Kiến nghị

Chính phủ, các Bộ và TCHQ cần đẩy mạnh thực hiện thủ tục MCQG trong năm 2018 đối với hàng hóa cần giấy phép chuyên ngành dưới sự quản lý của các Bộ khác nhau được quy định trong Quyết định 2185/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch tổng thể triển khai Cơ chế Một cửa Quốc gia và Cơ chế Một cửa ASEAN giai đoạn 2016 – 2020 (Quyết định 2815)²¹ gồm:

- Bộ NN&PTNT: Áp dụng kiểm dịch đối với động vật và sản phẩm từ động vật cần nhập khẩu, cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thú y và cấp giấy phép nhập khẩu nguồn gen cây trồng;
- BYT: Nhập khẩu mỹ phẩm đã cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm tại Việt Nam, cấp giấy phép nhập khẩu thuốc dùng cho mục đích làm mẫu đăng ký và phục vụ nghiên cứu, kiểm nghiệm, kiểm định và cấp giấy phép nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc, dược liệu chưa có số đăng ký lưu hành, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc, và;
- BCT: Công bố hóa chất cần nhập khẩu và nhập khẩu thuốc lá cho mục đích không kinh doanh.

Thêm vào đó, yêu cầu về hồ sơ gốc hoặc bản gốc cần được loại bỏ, thay vào đó là cho phép sử dụng toàn bộ bản điện tử để toàn bộ quy trình MCQG có thể được chuyển đổi thành một nền tảng kỹ thuật số nhanh chóng và hiệu quả, giảm thiểu tối đa nhu cầu can thiệp chủ quan của con người.

Chính phủ cũng cần thiết lập các tiêu chí đánh giá thực hiện công việc (KPI) rõ ràng cho tất cả các Bộ ngành để đánh giá tính hiệu quả thực hiện, tiến độ triển khai MCQG và MCA cũng như có các biện pháp xử lý đối với các Bộ ngành không đáp ứng những mục tiêu đề ra.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Vận tải và Hậu cần thuộc EuroCham

21 Quyết định 2185/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch tổng thể triển khai Cơ chế Một cửa Quốc gia và Cơ chế Một cửa ASEAN giai đoạn 2016 – 2020.

CÁC VẤN ĐỀ CỦA NGÀNH

PHẦN 3

CHƯƠNG 12 DIỄN ĐÀN Y TẾ

Xét đến tầm quan trọng của ngành y tế tại Việt Nam, bao gồm các nhà sản xuất dược phẩm; nhà cung cấp thiết bị y tế; cán bộ y tế, cơ sở y tế tư nhân, công lập và các dịch vụ tự nguyện khác, EuroCham đã chính thức thành lập Diễn đàn Y tế (HCF) vào năm 2016. Mục đích của HCF là tạo ra một sân chơi chung và điều kiện thuận lợi cho tất cả các Tiểu ban của EuroCham hoạt động trong ngành Y tế để cùng chia sẻ thông tin, thảo luận hợp tác, chia sẻ thông tin mới nhất về các vấn đề trong ngành và đạt được sự thống nhất cũng như lợi ích chung giúp cải thiện ngành y tế ở Việt Nam.

Các Tiểu ban của EuroCham thuộc HCF bao gồm: Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế (IQGx), Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDD) và Pharma Group (PG).¹ Ngoài ra, HCF hướng đến việc tổ chức các hoạt động chia sẻ thông tin, giúp tất cả các Tiểu ban liên quan thuộc HCF luôn được tiếp cận các thông tin, chuyển biến trong ngành mới nhất. Những hoạt động nổi bật của HCF trong 12 tháng vừa qua bao gồm việc ký kết Cam kết chung với các bên liên quan nhằm thúc đẩy hoạt động liên chính và minh bạch tại Diễn đàn Đạo đức APEC vào năm 2017. Sau đó, vào tháng 1 năm 2018, HCF tham gia hội thảo do EuroCham đồng tổ chức cùng Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính (ACAPR) và nêu ra các vấn đề của Nghị định 54 hướng dẫn Luật Dược và thành lập pháp nhân tại Việt Nam.

I. TÍNH TUÂN THỦ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Kinh doanh liên chính và minh bạch là rất cần thiết. Diễn đàn Y tế (HCF) của EuroCham được thành lập để tạo ra một môi trường đáng tin cậy cho các thành viên thảo luận về kinh nghiệm liên quan đến cách thức thúc đẩy hoạt động kinh doanh có đạo đức và tuân thủ pháp luật cũng như bồi dưỡng nhận thức về sự tuân thủ pháp luật và áp dụng các biện pháp tốt nhất để nâng cao sự tuân thủ pháp luật giữa các thành viên và những đơn vị khác trong ngành y tế địa phương. Bên dưới là một số hoạt động mà chúng tôi hiện đang triển khai:

1. Cam kết chung được ký kết giữa các các bên liên quan trong nước để thúc đẩy các hoạt động liên chính và minh bạch

Trong khuôn khổ Hội nghị Cấp cao APEC 2017 được tổ chức tại Việt Nam, Diễn đàn Đạo đức Kinh doanh cho các Doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc APEC đã được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 7 tháng 9 đến ngày 8 tháng 9 năm 2017. Mục đích của Diễn đàn là tăng cường các hoạt động kinh doanh có đạo đức và gia tăng hợp tác giữa các bên liên quan trong các lĩnh vực mục tiêu, bao gồm ngành trang thiết bị y tế và dược phẩm sinh học. Cam kết chung về Hoạt động Liên chính và Minh bạch trong ngành dược phẩm và trang thiết bị y tế, kết quả của các thỏa thuận thành công trong diễn đàn và là cam kết đầu tiên ở châu Á được ký kết giữa các nhóm thuộc ngành y tế ở Việt Nam. Các nhóm này bao gồm Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDD) thuộc EuroCham, Pharma Group (PG) thuộc EuroCham, Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế (IQGx) thuộc EuroCham, Hội Thiết bị Y tế Việt Nam (Vimedas), Hiệp hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam (VNPCA), Tổng hội Y học Việt Nam và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Căn cứ theo Cam kết chung này, các bên tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn cao về đạo đức để tăng cường quảng bá tính công bằng, liên chính và minh bạch, từ đó giúp phát triển hiệu quả năng lực và chất lượng của hệ thống y tế ở Việt Nam nhằm phục vụ tốt nhất cho bệnh nhân và nâng cao sức khỏe của người dân Việt Nam nói chung.

Với Cam kết chung này, Việt Nam sẽ tiếp nối sự thành công của các đối tác thuộc APEC từ Bắc Mỹ và Nam Mỹ và trở thành nước đầu tiên ở châu Á tuyên bố mạnh mẽ, với một tiếng nói chung từ tất cả các bên liên quan thuộc ngành y tế, cam kết về tính Công bằng, Liên chính và Minh bạch trong ngành y tế, phù hợp với các mục tiêu của APEC.

¹ Tên các Tiểu ban và chương tương ứng được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái.

2. Bộ Quy tắc Ứng xử trong ngành Thiết bị Y tế

Hiểu được các vấn đề về rủi ro và cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong ngành, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước, Bộ Quy tắc Ứng xử của Ngành Thiết bị Y tế đang được xây dựng để tạo điều kiện thuận lợi cho các tương tác có đạo đức giữa những doanh nghiệp thành viên đang phát triển, sản xuất, bán, tiếp thị hoặc phân phối công nghệ y khoa ở Việt Nam và những cá nhân, tổ chức đang sử dụng, kiến nghị, thu mua hoặc đưa ra các quy định về công nghệ y khoa ở Việt Nam. Bộ Quy tắc Ứng xử sẽ tập trung vào: i) tuân thủ nghiêm ngặt luật pháp và các quy định trong lãnh thổ Việt Nam; ii) ưu tiên sức khỏe và an toàn của người dân và bệnh nhân; và iii) thúc đẩy các hoạt động khoa học và giáo dục nhằm mang lại những lợi ích tốt nhất cho bệnh nhân.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Môi trường kinh doanh có đạo đức là một trong những mối quan tâm lớn nhất của các công ty đa quốc gia, đặc biệt khi tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các khu vực “có rủi ro cao”. Chúng tôi tin rằng những cam kết về các tiêu chuẩn đạo đức cao sẽ tạo ra một môi trường mà ở đó Việt Nam có thể thu hút đầu tư nhiều hơn vào lĩnh vực y tế kèm theo những lợi ích dài hạn cho cộng đồng.

Chúng tôi cũng hy vọng rằng những gì HCF đang thực hiện sẽ là một ví dụ tiêu biểu, khuyến khích các ngành/lĩnh vực khác học hỏi và thực hiện, nhằm đóng góp xây dựng các hoạt động kinh doanh mang tính đạo đức mạnh mẽ và tuân thủ pháp luật ở Việt Nam.

Kiến nghị

Bộ Y tế đóng vai trò chủ đạo trong việc điều chỉnh và hướng tới sự phát triển của nền y tế tại Việt Nam, nhằm tạo môi trường kinh doanh minh bạch, chúng tôi kiến nghị Bộ Y tế hỗ trợ trong việc thúc đẩy hợp tác đạo đức giữa các doanh nghiệp trong ngành, cụ thể:

- Khuyến khích tất cả các đối tượng liên quan trong lĩnh vực y tế ký Cam kết chung để thực hiện bộ quy tắc đạo đức theo Cam kết;
- Khuyến khích các bên liên quan khác chưa ký Cam kết chung tự cam kết hợp tác đạo đức bằng cách tham gia vào Cam kết chung càng sớm càng tốt; và
- Hỗ trợ các công ty đa quốc gia trong việc tuân thủ và thực hiện theo bộ quy tắc quốc tế của ngành y tế tại Việt Nam cũng như trong các hoạt động tương tác với các nhóm liên quan đến Chính phủ (ví dụ như thực hiện các biện pháp của Hiệp hội Công nghệ Y học Châu Á - Thái Bình Dương (APACmed) vào năm 2018).

II. HỆ THỐNG PHÁP LÝ ỔN ĐỊNH: ĐẢM BẢO MÔ HÌNH KHẢ THI ĐỂ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ THÚC ĐẨY HỢP TÁC

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Y tế (BYT), Cục Quản lý Dược Việt Nam (Cục QLD), Bộ Công Thương (BCT), Quốc hội (QH)

Mô tả vấn đề

Luật Dược là bước đi quan trọng hướng đến xây dựng khung pháp lý có thể đoán định, khuyến khích đầu tư từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn cung liên tục các dược phẩm chất lượng cao cho bệnh nhân Việt Nam.

Trước khi Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 8 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Dược (Nghị định 54) được ban hành và không xét đến các nhà đầu tư nước ngoài đã sớm có mặt tại Việt Nam, các công ty dược phẩm đa quốc gia chỉ có lựa chọn hiện diện tại Việt Nam dưới hình thức Văn phòng Đại diện hoặc Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIE) hoạt động tích cực trong lĩnh vực sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ kho bãi và vận chuyển tại Việt Nam.

Các công ty dược phẩm đa quốc gia mong chờ việc ban hành Nghị định 54 có thể tạo điều kiện cho họ thành lập FIE với khả năng nhập khẩu và tiến hành các hoạt động liên quan như đã thỏa thuận theo các hiệp định quốc tế (WTO, EVFTA). Thông qua đối thoại với Chính phủ Việt Nam, các công ty trong ngành phấn khởi bởi sự cởi mở của Việt Nam đối với đầu tư nước ngoài và công nhận vai trò quan trọng của khối tư nhân trong việc mang đến những sản phẩm chất lượng cao, thúc đẩy đầu tư và hợp tác, giúp chuyển giao kiến thức toàn cầu vào Việt Nam. Do đó, các công ty trong ngành đang kỳ vọng Nghị định 54 có thể tạo ra sự ổn định về mặt pháp lý và phạm vi kinh doanh cần thiết để gia tăng Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài (FDI) vào ngành dược phẩm, mở rộng các hoạt động hiện tại và thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ.

Nghị định 54 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 thực tế đã cho phép nhập khẩu, nhưng cũng đưa ra nhiều hạn chế đối với hoạt động của mô hình FIE nhập khẩu, và tiềm ẩn nguy cơ đối với khả năng hoạt động liên tục của nhà đầu tư hiện tại trong lĩnh vực dịch vụ kho bãi và vận chuyển. Nghị định 54 đưa ra nhiều hàng rào bảo vệ có thể ảnh hưởng tiếp cận của bệnh nhân đến thuốc chất lượng cao, tác động đến đầu tư và thương mại nước ngoài. Chính vì vậy, Nghị định 54 chưa tạo điều kiện cho hoạt động hợp tác chiến lược, gia tăng chi phí cho hệ thống y tế, không lấy bệnh nhân làm trung tâm và không phù hợp với các điều luật phổ biến và hiệp định quốc tế (WTO, EVFTA) của Việt Nam, cụ thể liên quan đến vấn đề bảo vệ nhà đầu tư.

Do đó, chúng tôi muốn trình bày những vấn đề và kiến nghị bên dưới để mang đến giải pháp có lợi cho bệnh nhân, Chính phủ và doanh nghiệp:

1. Mô hình FIE khả thi để hoạt động kinh doanh và hợp tác, cho tất cả các Tiểu ban thuộc Diễn đàn Y tế, đặc biệt là thành viên IQGx và PG:

- **Phạm vi hoạt động của FIE:** Một số ít hoạt động được phép thực hiện theo Nghị định 54 (Điều 91.10) chưa tạo ra nền tảng cho hoạt động của các công ty trong ngành, và chưa khuyến khích các công ty này thành lập pháp nhân tại Việt Nam với các quyền liên quan tương tự như khi hoạt động tại các thị trường khác ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Các công ty đã lên kế hoạch mở rộng Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài và hoạt động hiện tại, cũng như hợp tác với doanh nghiệp trong nước trong các hoạt động phát triển ngành y tế, bao gồm các dự án chuyển giao công nghệ/kiến thức.

Ngoài ra, theo Nghị định 54, cơ sở nhập khẩu FIE chưa có đủ khả năng giám sát lưu thông sản phẩm trên thị trường để hoàn thành nghĩa vụ liên quan đến chất lượng sản phẩm, cảnh giác dược/an toàn của bệnh nhân và nguồn cung liên tục. Hơn nữa, việc này tạo ra khe hở giữa trách nhiệm của công ty đối với sản phẩm (đây là trách nhiệm đi kèm với tính toàn vẹn của sản phẩm trong suốt chuỗi cung ứng và đảm bảo sản phẩm được kê đơn và sử dụng phù hợp) và khả năng chối bỏ trách nhiệm đối với sản phẩm.

- **Thành lập FIE:** Dược phẩm là ngành nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam, do đó, FIE phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (CSC), trong đó yêu cầu doanh nghiệp cho thuê/tự xây dựng và vận hành các kho hàng được chứng nhận Thực hành Tốt Bảo quản Thuốc. Điều này có thể dẫn đến tình huống hàng loạt công ty cần tự xây/vận hành kho hàng riêng. Điều này trên thực tế vốn không hiệu quả và không tận dụng chuyên môn, nguồn lực trên thị trường, gây rủi ro đối với tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

2. Đối với các nhà đầu tư hiện tại được phép cung cấp các dịch vụ kho bãi và vận chuyển tại Việt Nam:

Nghị định 54 mở rộng định nghĩa “phân phối” nằm ngoài quy định của WTO và Bảng phân loại dịch vụ tạm thời của Liên Hợp Quốc (UNCP) bằng việc bao gồm thêm các hoạt động thông thường trong chuỗi cung ứng như dịch vụ kho bãi và vận chuyển. Do việc phân phối được dành riêng cho các công ty 100% vốn trong nước, nên việc mở rộng quy định khiến các công ty nước ngoài đã hoạt động ở Việt Nam hơn hai thập kỷ không thể tiếp tục cung cấp các dịch vụ kho bãi và vận chuyển tại Việt Nam.

- **Từ quan điểm tiếp cận của bệnh nhân**, việc cấm các hoạt động trên có thể làm gián đoạn nguồn cung thuốc, ảnh hưởng đến sự an toàn và chất lượng thuốc.
- **Từ quan điểm kinh doanh**, động thái này hạn chế đáng kể năng lực hoạt động của những công ty có vốn đầu tư nước ngoài đã hiện diện tại Việt Nam, khiến họ phải dựa hoàn toàn vào các công ty trong nước. Các quyết định liên quan đến hợp đồng của các công ty dược phẩm trước tiên đều dựa trên khả năng theo sát các tiêu chuẩn và thực tiễn nghiêm ngặt về chất lượng, độ an toàn, tính tuân thủ, minh bạch và tài chính của nhà cung cấp dịch vụ chuỗi cung ứng. Chúng tôi vô cùng quan ngại về khả năng và năng lực đáp ứng những tiêu chuẩn này của các nhà cung cấp trong nước.

- **Từ quan điểm cam kết thương mại quốc tế**, định nghĩa về phân phối dược phẩm của UNCPC không bao gồm các dịch vụ kho bãi và vận chuyển. Do đó, định nghĩa mở rộng về phân phối trong Nghị định 54 (Điều 91.10) không phù hợp với UNCPC và cam kết WTO của Việt Nam. Do đó, định nghĩa này đi ngược lại với ý định cũng như cam kết của Việt Nam trong EVFTA.
- Ngoài ra, các quyền của nhà đầu tư hiện tại đang được bảo vệ theo những hiệp định thương mại song phương và đa phương hiện có giữa Việt Nam và các đối tác thương mại. Do đó, Nghị định 54 (Điều 91.10) đang đi ngược lại với những hiệp định này.

Chúng tôi cho rằng việc áp dụng các biện pháp mới sau khi đàm phán EVFTA không nên phủ định ý định ban đầu về tự do hóa thương mại. Thay đổi trong quy định, trước khi EVFTA được phê duyệt, chưa tạo ra sự tự tin cho nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng về tính bền vững và khả năng dự đoán của môi trường kinh doanh và đầu tư tại Việt Nam.

3. Khả năng hoạt động và cung cấp thông tin thuốc của Văn phòng Đại diện (RO)

Như đã trình bày bên trên, phần lớn công ty dược phẩm nước ngoài hiện hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Văn phòng Đại diện (RO). Thời gian để thành lập cơ sở nhập khẩu dưới hình thức FIE là khoảng 2 năm:

- Vì lợi ích của cán bộ y tế và bệnh nhân, cần đảm bảo các công ty đa quốc gia có thể duy trì hoạt động RO như hiện tại, cho đến khi có thể thành lập mô hình FIE khả thi để hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Những hoạt động này bao gồm thông tin về an toàn thuốc và phổ biến kiến thức y khoa để đảm bảo dùng thuốc đúng cách và an toàn.
- Về cơ bản, Nghị định 54 ngăn cản RO thực hiện các hoạt động nêu trên. RO cần phải nhờ đến các công ty trong nước để cung cấp những hoạt động quan trọng này. Việc buộc các công ty dược phẩm đa quốc gia chuyển những hoạt động này cho công ty trong nước trong thời gian ngắn sẽ dẫn đến việc sa thải số lượng lớn nhân viên, tác động đến hoạt động thông tin/báo cáo (về an toàn) thuốc và loại bỏ khả năng nâng cao kiến thức cho cán bộ y tế về sử dụng thuốc đúng cách.
- Ngoài ra, khi Chính phủ đưa ra quy trình đàm phán giá và đấu thầu tập trung mới, điều quan trọng là đảm bảo RO và cơ sở nhập khẩu FIE tham gia thảo luận về giá cùng với đối tác trong nước. Cơ chế chính sách hiện tại chưa cho phép họ tham gia thảo luận về giá, do vậy, chưa tạo điều kiện để các công ty đa quốc gia hỗ trợ hiệu quả cho mục tiêu quản lý ngân sách y tế của Chính phủ.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các giải pháp toàn diện và bền vững giải quyết các mối quan tâm trên bao gồm:

- An toàn và tiếp cận của bệnh nhân đến thuốc chất lượng cao luôn là ưu tiên trong mọi trao đổi và thảo luận;
- Đưa ra tín hiệu mạnh mẽ về tính bền vững và khả năng đoán định của khung pháp lý tại Việt Nam đến các nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và tiềm năng trong lĩnh vực y tế ở Việt Nam;
- Đảm bảo tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng hiện có. Điều này đảm bảo tính kinh tế về quy mô, tối ưu chi phí dịch vụ và tiếp cận của bệnh nhân trên toàn quốc đến các loại thuốc chất lượng cao một cách kịp thời;
- Cho phép các công ty đa quốc gia tham gia và hỗ trợ các cơ sở bán buôn thuốc trong các buổi thảo luận về giá và lập kế hoạch cung ứng thuốc, tạo điều kiện xây dựng hệ thống quản lý ngân sách y tế vững mạnh và đảm bảo nguồn cung liên tục;
- Tạo điều kiện duy trì đầu tư và hoạt động cung cấp các thông tin y tế có giá trị do dược sỹ và bác sỹ được thuê bởi FIE thực hiện;
- Xây dựng ngành y tế vững mạnh, năng động và đa dạng nhằm không ngừng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và khuyến khích hợp tác với công ty trong nước để phát triển một cách cạnh tranh. Quan hệ đối tác sẽ phát triển hoạt động gia công thuốc, chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực địa phương, thúc đẩy phát triển hệ sinh thái y tế đủ năng lực.

Kiến nghị

Những mô hình sau đây sẽ đảm bảo nguồn cung thuốc an toàn và liên tục, trong khi tạo ra sự ổn định về pháp lý và phạm vi kinh doanh cần thiết cho công ty để gia tăng FDI trong ngành dược phẩm và tham gia vào các hoạt động chuyển giao công nghệ và kiến thức:

1. Đối với FIE nhập khẩu

Tạo ra mô hình hoạt động khả thi cho FIE nhập khẩu, bằng cách cho FIE nhập khẩu có quyền (không phải nghĩa vụ) thực hiện các hoạt động sau:

- Nhập khẩu;
- Thuê người giới thiệu thuốc và thực hiện hoạt động giới thiệu thuốc;
- Tham gia và hỗ trợ các nhà phân phối trong nước trong các buổi thảo luận về giá, bao gồm nhưng không giới hạn, trong đàm phán giá để dự thầu tại các cơ sở y tế công;
- Cho phép sử dụng bên thứ ba cung cấp dịch vụ kho bãi đạt chứng nhận GSP, bao gồm dịch vụ do FIE cung cấp để nộp đơn xin cấp CSC;
- Tham gia thảo luận về chiến lược kinh doanh của các cơ sở kinh doanh mà FIE có quan hệ đối tác, bao gồm khả năng giám sát và ứng phó các vấn đề thuộc chuỗi cung ứng có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng dược phẩm và an toàn thuốc;
- Tạo điều kiện cho công ty trong nước gia công thuốc;
- Hợp tác với hoặc đầu tư vào công ty Việt Nam để sản xuất tại địa phương; và
- Được hưởng tất cả các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với FIE cung cấp dịch vụ kho bãi và vận chuyển

Đảm bảo nguồn cung thuốc an toàn và liên tục cho bệnh nhân Việt Nam và sự bảo vệ đối với đầu tư nước ngoài bằng cách cho phép các nhà đầu tư nước ngoài hiện tại tiếp tục duy trì những quyền đã được cấp phép và hoạt động và cung cấp dịch vụ kho bãi và vận chuyển. Cách làm này vừa khả thi vừa vẫn dành quyền phân phối (như định nghĩa trong WTO) cho công ty 100% vốn trong nước.

3. Đối với Văn phòng Đại diện

Diễn giải các quy định theo hướng cho phép hoạt động dưới hình thức RO cho đến khi có thể thành lập mô hình FIE khả thi, để tiếp tục (i) tham gia hoàn toàn vào hoạt động cung cấp trực tiếp thông tin thuốc cho cán bộ y tế và dược sỹ thông qua người giới thiệu thuốc, phổ biến tài liệu thông tin về thuốc, tổ chức hội thảo, hội thảo chuyên đề, thảo luận bàn tròn; và (ii) tiếp tục được trực tiếp thuê người giới thiệu thuốc có giấy phép thực hiện các hoạt động liên quan đến thông tin thuốc được liệt kê ở điểm (i).

Nhằm tạo thuận lợi cho đàm phán giá và các quy trình đấu thầu tập trung, như đề cập trong Thông tư Đấu thầu, cho phép các RO tham gia vào các buổi thảo luận về giá thay mặt cho công ty dược phẩm nước ngoài, bao gồm nhưng không giới hạn đàm phán giá để dự thầu tại các cơ sở y tế công, cùng với nhà phân phối trong nước.

LỜI CẢM ƠN

Các Tiểu ban Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham

CHƯƠNG 12a THUỐC GENERIC CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

TỔNG QUAN

Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế (IQGx) là một Tiểu ban Dược phẩm được thành lập trong khuôn khổ Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham¹ vào tháng 8 năm 2016. Các thành viên của Tiểu ban IQGx là các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hoặc các doanh nghiệp dược nước ngoài có trụ sở tại các quốc gia tham gia ICH² và có văn phòng đại diện tại Việt Nam. Các công ty thành viên của chúng tôi cung cấp sản phẩm tại ít nhất 10 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu (EU), châu Á Thái Bình Dương (APAC) và Bắc Mỹ với 50% doanh thu từ các sản phẩm thuốc biệt dược gốc, thuốc generic nhóm 1, thuốc generic nhóm 2 theo quy định đấu thầu hiện hành hoặc được Liên minh châu Âu cấp Tương đương sinh học (BE) hoặc Sinh khả dụng (BA).

Các thành viên của IQGx cam kết thực hiện sứ mệnh cung cấp cho người dân Việt Nam những dịch vụ và dược phẩm hết hạn bảo hộ độc quyền (OPP) với chất lượng quốc tế, uy tín, giá cả hợp lý và nguồn cung ổn định. Các hoạt động chính của Tiểu ban IQGx tập trung vào việc đóng góp hoàn thiện chính sách và hợp tác với các bên liên quan chính trong lĩnh vực y tế như Chính phủ, nhà cung cấp dịch vụ và đơn vị chi trả tại Việt Nam để xây dựng khung pháp lý và nền tảng triển khai hiệu quả.

I. PHÂN BIỆT DƯỢC PHẨM HẾT HẠN BẢO HỘ ĐỘC QUYỀN (OPP) THÔNG QUA PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ Y TẾ (HTA)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXHVN), Quốc hội (Ủy ban Các vấn đề xã hội - UBCVĐXH)

Mô tả vấn đề

Bảo hiểm y tế toàn dân (BHYT toàn dân) hiện là ưu tiên hàng đầu của ngành y tế Việt Nam. Chính phủ đề ra mục tiêu 90% dân số sẽ có bảo hiểm y tế vào năm 2020.³ Mục tiêu hướng tới BHYT toàn dân đã định hướng nhu cầu dược phẩm generic chất lượng cao với nguồn cung ổn định cũng như khả năng quản lý hiệu quả các nguồn ngân sách của Chính phủ và quỹ Bảo hiểm Y tế.

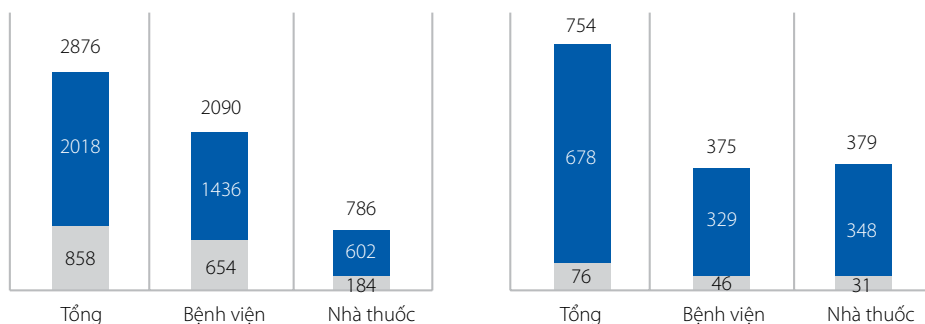
Đa phần bệnh nhân tại Việt Nam được điều trị bằng thuốc OPP bao gồm các thuốc biệt dược gốc đã hết hạn bảo hộ độc quyền, thuốc generic có thương hiệu và thuốc generic không có thương hiệu. Theo báo cáo Đánh giá Tổng hợp Ngành Dược Việt Nam do QuintilesIMS xuất bản vào tháng 8 năm 2017, các dược phẩm hết hạn bảo hộ độc quyền hiện chiếm 90% về khối lượng và 71% về giá trị trên toàn thị trường dược⁴.

1 Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham là một nền tảng phối hợp cho các Tiểu ban hoạt động trong Ngành Y tế, hiện nay là Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế (IQGx), Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDD SC) và Pharma Group. Diễn đàn Y tế giúp các công ty đại diện cho ngành này thảo luận, chia sẻ và bảo vệ các lợi ích và quyền lợi chung. Với đặc điểm đa dạng trong ngành này, Diễn đàn Y tế cũng bao gồm lợi ích khác nhau của các công ty đại diện trong ngành. Tất cả Tiểu ban đều được EuroCham hỗ trợ như nhau.

2 ICH: Hội đồng Quốc tế về Hải hòa Yêu cầu Kỹ thuật đối với Dược phẩm Sử dụng Con người. Xem thêm thông tin tại: <<http://www.ich.org/home.html>> ruy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 12 năm 2017.

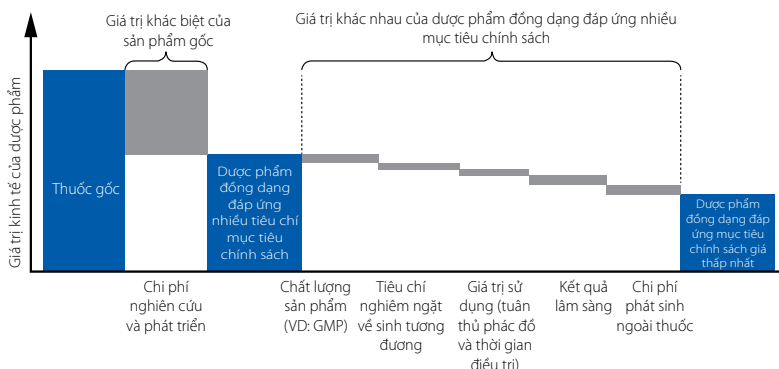
3 Phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị Bảo hiểm Y tế Quốc gia vào ngày 3 tháng 6 năm 2016.

4 "Báo cáo "Đánh giá Tổng hợp Ngành dược Việt Nam", QuintilesIMS, tháng 8, 2017. Xem tại: <<https://www.quintilesims.com>>.

Biểu đồ 13: Tổng quan thị trường dược Việt Nam theo thị phần thuốc biệt dược và thuốc OPP⁵

Tuy nhiên, giữa các loại thuốc OPP cũng có sự khác biệt về giá trị, gồm Chứng nhận Sản xuất (EU GMP hoặc PIC/S GMP và tiêu chuẩn WHO GMP)⁶; các Tiêu chí Nghiêm ngặt về Tương đương Sinh học, Giá trị trong việc Sử dụng (Tuân thủ Điều trị và Duy trì Điều trị), các Chỉ tiêu Lâm sàng và Chi phí phát sinh liên quan.

Ví dụ, có sự khác biệt trong quy chế quản lý đánh giá chất lượng các loại dược phẩm Generic khác nhau: Các nguyên liệu hoạt chất thuốc (API) được sử dụng trong thuốc OPP chất lượng cao phải được sản xuất từ những cơ sở có Hồ sơ quản lý thuốc (DMF) hoặc được cấp chứng nhận CEP. Các cơ sở phải thường xuyên được kiểm tra, giám sát bởi Cơ quan Quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA), Cơ quan Quản lý châu Âu về Chất lượng Thuốc và Chăm sóc Y tế (EDQM)⁷ và những cơ quan chức năng của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu. Hiện nay có nhiều nhà sản xuất dược phẩm OPP áp dụng hệ thống cảnh giác dược quốc tế, bao gồm các nhà sản xuất tại Việt Nam, nhằm liên tục giám sát tính an toàn của những sản phẩm mà họ đưa ra thị trường. Tất cả các dạng bào chế cuối cùng của những loại dược phẩm OPP này đều được xem là tương đương với các bào chế gốc hoặc có các nghiên cứu về Tương đương sinh học/Sinh khả dụng với sản phẩm tham chiếu tại các quốc gia liên quan. Điều này đồng nghĩa với việc chất lượng của những loại dược phẩm OPP này luôn được đánh giá trong mối tương quan với sản phẩm tham chiếu/sản phẩm gốc và không được thấp hơn chất lượng của dược phẩm tham chiếu/dược phẩm gốc. Những nhà sản xuất này đặt nhà máy sản xuất tại Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ hoặc các quốc gia khác thuộc hệ thống PIC/S và đồng thời cung cấp các sản phẩm của mình ra thị trường của các quốc gia này. Nhà sản xuất thuốc Generic không đáp ứng được các tiêu chí trên được xem là nhà sản xuất thuốc generic không đạt chuẩn chất lượng.

Biểu đồ 14: Chênh lệch giá trị giữa các loại dược phẩm hết hạn bảo hộ độc quyền⁸

⁵ Ibid.

⁶ Liên minh châu Âu (EU), Kế hoạch Hợp tác Kiểm tra Dược phẩm (PIC/S), Thực hành Tốt Sản xuất Thuốc (GMP) và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)

⁷ Để biết thêm thông tin về EDQM, xem tại: <https://www.edqm.eu/> truy cập lần cuối vào ngày 11 tháng 1 năm 2018

⁸ Kaló và các tác giả, *Giá trị trong y tế*, 2015. Xem tại: <<http://www.valueinhealthjournal.com>> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 12 năm 2017.

Đáng tiếc, công tác phân loại dược phẩm OPP trong quá trình ra quyết định y tế tại Việt Nam vẫn còn hạn chế (đặc biệt trong hoạt động cấp đăng ký thuốc; chi trả từ ngân sách nhà nước, quỹ Bảo hiểm Y tế; xây dựng danh mục thuốc được chi trả; định giá thuốc). Vì vậy, Tiểu ban IQGx đề xuất thực hiện Đánh giá Công nghệ Y tế (HTA) thực chứng đối với dược phẩm OPP để người dân Việt Nam có thể tiếp cận lâu dài các loại dược phẩm chất lượng tốt với giá thành hợp lý.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc phân loại hợp lý dược phẩm OPP tại Việt Nam không chỉ tạo điều kiện để người bệnh có khả năng sớm tiếp cận với những sản phẩm OPP chất lượng cao mà còn đảm bảo nguồn kinh phí quốc gia, quỹ Bảo hiểm Xã Hội/Y Tế được sử dụng hiệu quả vào công tác quản lý chăm sóc y tế. Việc áp dụng những thực hành tốt nhất của các thị trường quốc tế có thể góp phần mang lại những chuyển biến tích cực cho ngành y tế sức khỏe tại Việt Nam. Những thực hành tốt này bao gồm:

1. Đảm bảo kết quả điều trị toàn diện và sự an toàn cho bệnh nhân;
2. Duy trì cung cấp dược phẩm OPP chất lượng cao cho bệnh nhân tại Việt Nam với phương pháp định giá đáng tin cậy;
3. Đảm bảo hiệu quả trong chi tiêu Chính phủ và quỹ Bảo hiểm Xã Hội/Y Tế;
4. Nâng cao chuẩn mực đánh giá chất lượng giữa các nhà sản xuất dược phẩm OPP;
5. Đảm bảo nguồn cung ổn định cho người bệnh tại Việt Nam

Kiến nghị

Trên cơ sở đánh giá điều kiện cơ sở hạ tầng hiện nay, Tiểu ban IQGx đề xuất Chính phủ triển khai ba (03) hoạt động quan trọng nhằm hỗ trợ sáng kiến chăm sóc sức khỏe toàn diện:

- Nâng cấp cơ chế phân loại thuốc trong hoạt động đấu thầu thuốc của các bệnh viện trong đó xét tới yếu tố lợi ích - kết quả điều trị thực tế của người bệnh. Việc phân loại sẽ đảm bảo thuốc có cùng chất lượng sẽ được chi trả và đánh giá trong cùng một nhóm. Điều này giúp duy trì khả năng tiếp cận các loại thuốc có chất lượng trong hoạt động đấu thầu thuốc của bệnh viện.
- Áp dụng phương pháp đánh giá trên cơ sở Phân tích Đánh giá Đa Tiêu chí (MCDA) trong việc ra quyết định liên quan đến dược phẩm, cụ thể đối với xây dựng Danh mục Thuốc được Bảo hiểm Y tế Chi trả (NRL) vì phương pháp này giúp đảm bảo một cơ chế đánh giá toàn diện và minh bạch. Xét tầm quan trọng của NRL và yêu cầu cần cung cấp đầy đủ hồ sơ khi đánh giá, MCDA sẽ là giải pháp phù hợp nhất nhằm thiết lập một cơ chế đánh giá hiệu quả. Việc thực hiện phương pháp này cần dựa trên kết quả của hội thảo về MCDA diễn ra tại Hà Nội vào ngày 13 tháng 7 năm 2017⁹. Các bên tham dự hội thảo bao gồm 19 đại diện từ các phòng ban liên quan chính từ Bộ Y tế (BYT) như Cục Quản lý Dược, Hội Khoa học Kinh tế Y tế, Trung tâm Mua sắm Tập trung Thuốc Quốc gia, Vụ Kế hoạch Tài chính, Cục Quản lý Khám chữa bệnh, Vụ Bảo hiểm Y tế và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.
- Kết quả thảo luận tại hội thảo cho thấy phương pháp MCDA không chỉ được áp dụng trong việc xây dựng Danh mục mà còn áp dụng hỗ trợ các quá trình ra quyết định khác về thuốc tại Việt Nam, đặc biệt trong quá trình mua sắm (đấu thầu) thuốc OPP. Bước tiếp theo được đề xuất là lựa chọn thành viên ủy ban đấu thầu, các tiêu chí, trọng số của các tiêu chí và chấm điểm các tiêu chí đấu thầu. Điều này cần được thực hiện theo một khuôn khổ phù hợp nhằm tạo điều kiện để các nhà sản xuất trình bày sản phẩm để đánh giá.

9 "Hội thảo của Tiểu ban IQGx về Phương pháp và Ứng dụng Phân tích Quyết định Đa Tiêu chí (MCDA) trong Quyết định về Dược phẩm Hết Bảo hộ Độc quyền (OPP)", *Cập nhật Tư vấn của EuroCham*. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/16779>> đã truy cập vào ngày 22 tháng 12 năm 2017

Bảng 4: Các chỉ tiêu MCDA ban đầu, Định nghĩa và Các Chỉ tiêu về Hiệu suất (Kết quả)¹⁰

Chỉ tiêu	Định nghĩa	Các chỉ tiêu về hiệu suất
Tính tương đương sinh học so với thuốc gốc	Nhằm thu thập những bằng chứng về hiệu quả y tế từ nghiên cứu tương đương bào chế, tương đương sinh học và thử nghiệm lâm sàng (dữ liệu về tính hiệu quả từ các thiết lập lâm sàng có kiểm soát)	- Không có dữ liệu về tương đương bào chế - Tương đương bào chế - Khả năng thay thế được xác định dựa trên tiêu chí trong nước - Tương đương sinh học được chứng minh dựa trên tiêu chí trong nước - Tương đương sinh học được chứng minh dựa trên tiêu chí EMA của châu Âu hoặc FDA Hoa Kỳ - Tương đương điều trị được chứng minh trong thử nghiệm lâm sàng - Cải thiện hiệu quả và/hoặc sự an toàn dựa trên dữ liệu thử nghiệm lâm sàng
Kết quả lâm sàng hoặc hiệu quả kinh tế trên thực tế như tính tuân thủ hoặc các chi phí phát sinh liên quan	Nhằm thu thập bằng chứng về hiệu quả y tế (công hiệu) và các chi phí từ dữ liệu thực tế	- Không có dữ liệu thực tế tương đương về a) khả năng dung nạp, b) tính tuân thủ và duy trì điều trị, c) chi phí phát sinh liên quan - Dữ liệu quốc tế thực tế tương đương về a) khả năng dung nạp, b) tính tuân thủ và duy trì điều trị, c) chi phí phát sinh liên quan - Dữ liệu trong nước thực tế tương đương về a) khả năng dung nạp, b) tính tuân thủ và duy trì điều trị, c) chi phí phát sinh liên quan đến thuốc - Dữ liệu quốc tế thực tế về tính cải thiện trong a) khả năng dung nạp, b) tính tuân thủ và duy trì điều trị, c) chi phí phát sinh không liên quan đến thuốc - Dữ liệu trong nước thực tế về tính cải thiện trong a) khả năng dung nạp, b) tính tuân thủ và duy trì điều trị, c) chi phí phát sinh không liên quan đến thuốc
Tính ổn định của sản phẩm và bào chế thuốc	Nhằm thu thập bằng chứng về tính ổn định của sản phẩm và bào chế thuốc	- Không có dữ liệu về thời hạn sử dụng hay tính ổn định của thuốc - Dữ liệu về tính tương đương của thời hạn sử dụng hoặc tính ổn định của thuốc tại môi trường trong nước - Dữ liệu về tăng thời hạn sử dụng của thuốc - Dữ liệu về tính ổn định được cải thiện của thuốc ở môi trường trong nước - Dữ liệu về thời hạn sử dụng và tính ổn định được cải thiện của thuốc ở môi trường trong nước
Đảm bảo chất lượng	Nhằm thu thập bằng chứng về hoạt động sản xuất, chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn hóa	- Thông tin hạn chế về đảm bảo chất lượng - Đảm bảo chất lượng trong nước/không theo GMP chỉ áp dụng đối với hoạt chất của thuốc - Đảm bảo chất lượng trong nước/không theo GMP áp dụng cho toàn bộ quy trình sản xuất - Chứng nhận WHO/GMP - Chứng nhận EU-GMP hoặc PIC/S-GMP
Lợi ích kinh tế vĩ mô	Nhằm thu thập thông tin về lợi ích kinh tế rộng hơn từ việc lựa chọn thuốc (ví dụ, thuế, đầu tư, lao động v.v.)	- Nhà sản xuất không có hoạt động đầu tư trong nước - Nhà sản xuất có hoạt động đầu tư nhỏ trong nước - Nhà sản xuất có hoạt động đầu tư vừa trong nước - Nhà sản xuất có hoạt động đầu tư đáng kể trong nước
Độ tin cậy của nguồn cung thuốc	Nhằm nắm bắt sự ổn định và tính tin cậy của nguồn cung thuốc (tính đảm bảo trong quá khứ và tương lai)	- Xảy ra nhiều vấn đề nghiêm trọng trong 5 năm qua - Thường xuyên xảy ra vấn đề nhỏ trong 5 năm qua - Từng bị xử lý đối với vấn đề cung cấp thuốc trong 5 năm qua - Không bị xử lý đối với vấn đề cung cấp thuốc trong 5 năm qua - Nhà sản xuất có khả năng tài chính và sẵn sàng đảm bảo nguồn cung
Cảnh giác được	Nhằm thu thập và đánh giá dữ liệu về tác dụng phụ của dược phẩm	- Không có hệ thống cảnh giác được - Có chuyên viên về cảnh giác được đạt chuẩn - Chuyên viên đạt chuẩn và hệ thống cảnh giác được tiến tiến nhằm thu thập các dữ liệu về cảnh giác được

¹⁰ Phạm Lê Tuấn, Phạm Huy Tuấn Kiệt, D. Brixner và Ngô Văn Huy (2017) *Xây dựng khuôn khổ phân tích quyết định đa chỉ tiêu cho quyết định về dược phẩm hết bảo hộ độc quyền tại Việt Nam*. Xem tại: <https://www.eurochamvn.org/sites/default/files/uploads/20171002%20_VN_MCDA_Whitepaper_ENG_FINAL_sent.pdf> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 12 năm 2017.

Dịch vụ gia tăng liên quan đến sản phẩm	Nhằm đánh giá các dịch vụ gia tăng được cung cấp kèm theo sản phẩm thuốc với hiệu quả/lợi ích có thể định lượng và chứng minh	- Không có chương trình hoặc dịch vụ - Tính khả dụng của dịch vụ giá trị gia tăng - Các dịch vụ gia tăng chính có kết quả có thể đo lường
Giá	Chi phí sản phẩm thuốc so với mức giá thấp nhất trên thị trường	Không áp dụng

- Tăng tốc độ xử lý thủ tục đăng ký dược phẩm OPP chất lượng cao và cải thiện tính hiệu quả của quy trình giới thiệu sản phẩm và cấp duyệt giấy phép lưu hành sản phẩm nhằm đảm bảo các sản phẩm này được đưa vào thị trường kịp thời.

Tiểu ban IQGx cũng đề xuất được phối hợp với Chính phủ trong việc mời chuyên gia quốc tế, giới thiệu những mô hình thực tiễn và công cụ tốt nhất để xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động trên.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRỊ PHÙ HỢP VỚI KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH CỦA BỆNH NHÂN VIỆT NAM

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXHVN), Quốc hội (Ủy ban Các vấn đề xã hội - UBCVĐXH)

Mô tả vấn đề

Hiện nay, người bệnh tại Việt Nam đang phải chịu gánh nặng tài chính lớn do phải tự chi trả rất nhiều khoản phí điều trị dẫn đến nhu cầu cần có những phương án điều trị phù hợp với khả năng chi trả của người bệnh. Tuy nhiên, phương pháp điều trị phù hợp với khả năng chi trả không có nghĩa người bệnh phải hy sinh chất lượng điều trị. Bộ Y tế hiện đang cân nhắc các phương án điều trị thay thế áp dụng cho đa số bệnh nhân ở Việt Nam mà vẫn đảm bảo chi phí không tăng. Công tác xây dựng chính sách cho những vấn đề phức tạp liên quan đến khả năng chi trả của người bệnh đòi hỏi phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa Chính phủ và ngành dược.

Khả năng chi trả chi phí điều trị được quản lý ở nhiều cấp độ: Thứ nhất, ở cấp sản phẩm/dược phẩm thông qua quy trình lựa chọn và đánh giá của Chính phủ. Thứ hai, ở cấp độ dịch vụ thông qua chi phí mà bệnh nhân tự chi trả khi khám tại bệnh viện.

Khả năng chi trả không chỉ giới hạn ở giá cả mà còn đòi hỏi sự đánh giá hợp lý tổng chi phí thực tế để cung cấp toàn bộ dịch vụ. Chi phí sử dụng giải pháp trị liệu chất lượng thấp và hậu quả do sai sót y tế hoặc do nhiễm trùng cần phải được xem xét đầy đủ. Việc một bệnh nhân thường xuyên tới khám bệnh không chỉ làm tăng áp lực đối với những nguồn lực khả dụng của bệnh viện mà còn khiến bệnh nhân phải gánh thêm các loại phí dịch vụ, đặc biệt đối với những bệnh nhân mắc bệnh mãn tính.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việt Nam được xem là quốc gia có tỷ lệ tự chi trả y tế cao. Điều này đồng nghĩa với việc rất nhiều hộ gia đình sẽ gặp khó khăn trong việc quản lý thu nhập và chi trả cho các vấn đề sức khỏe. Việc tạo điều kiện cho người bệnh quản lý được các vấn đề sức khỏe tại nhà và xây dựng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà sẽ giúp giảm áp lực của tình trạng bệnh viện quá tải hiện nay và giảm mức chi phí mà người bệnh phải tự chi trả khi đến khám tại bệnh viện.

Việt Nam có cơ hội xây dựng một quy trình đánh giá khả năng sử dụng một loại dược phẩm hoặc các sản phẩm dựa trên nhiều tiêu chí vượt xa tiêu chí về giá. Từ đó thiết lập một mô hình chăm sóc y tế bền vững, dựa trên khả năng chi trả của người bệnh.

Các loại dược phẩm hoặc sản phẩm sản xuất trong nước không có nghĩa là những loại dược phẩm hoặc sản phẩm đó có giá thấp. Đồng thời, một sản phẩm có nhãn hiệu/mức độ tiên tiến tương đương không phải lúc nào cũng đáp ứng được giá trị kỳ vọng của người mua. Đó là lý do cần phải đánh giá từng sản phẩm trên cơ sở giá trị của chính sản phẩm đó, không phụ thuộc vào nguồn gốc xuất xứ, nhưng với điều kiện sản phẩm đó đáp ứng được các chuẩn mực chất lượng.

Kiến nghị

Theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ cần rà soát công tác phân loại sản phẩm như dược phẩm biệt dược hay dược phẩm generic trên cơ sở kinh nghiệm và số liệu thu thập được trong những năm trở lại đây. Quy trình này cần phải được sửa đổi để đảm bảo đạt được các mục tiêu kỳ vọng, đồng thời không ngừng cải thiện công tác kiểm soát chi phí. Việc triển khai đánh giá trên cơ sở kinh tế học-dược phẩm giúp đảm bảo mối quan hệ chi phí - hiệu quả của sản phẩm dược phẩm được xem xét kỹ lưỡng, từ đó giúp phân bổ ngân sách chi trả hiệu quả hơn.

Chúng tôi cũng tin rằng BHYT cần tạo điều kiện triển khai mô hình điều trị tại nhà (ngoại trú) thông qua các cơ chế hỗ trợ chi phí ưu đãi nhằm giảm số lượng bệnh nhân đổ về các bệnh viện, đặc biệt những bệnh nhân mắc các bệnh mãn tính. Điều này giúp hạn chế được những chi phí mà người bệnh phải tự chi trả.

III. NGUỒN CUNG BỀN VỮNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU TRONG NƯỚC

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXVN), Quốc hội (Ủy ban Các vấn đề xã hội - UBCVĐXH)

Mô tả vấn đề

Chính phủ đặt ra mục tiêu đến năm 2020 các doanh nghiệp trong nước sẽ đáp ứng đủ 80% nhu cầu trong nước theo Quyết định 68/QĐ-TTg ngày 10 tháng 1 năm 2014 của Thủ tướng về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Với khả năng đáp ứng 50% như hiện nay, để mục tiêu này trở thành hiện thực đòi hỏi phải chú trọng đặc biệt vào hoạt động thu hút đầu tư từ các tổ chức nước ngoài và hoạt động sản xuất "có chất lượng" trong nước.

Một vấn đề quan trọng khác để hoàn thành mục tiêu này là thực hiện quy trình đấu thầu minh bạch và chặt chẽ, đảm bảo Chính phủ sử dụng ngân sách một cách hiệu quả và đúng đắn. Tuy nhiên, quy trình đấu thầu hiện nay còn hai vấn đề. Thứ nhất, kết quả đấu thầu cho từng nhóm phân loại thuốc chỉ bao gồm một lựa chọn nhà cung cấp và không bao gồm nhà cung cấp thay thế hoặc cam kết về số lượng đấu thầu, dẫn đến khó khăn về nguồn cung. Thêm vào đó, dựa trên cách phân loại hiện nay cho quy trình đấu thầu, sản phẩm thuộc cùng hoặc khác nhóm phân loại chưa thể hiện đúng toàn bộ giá trị của từng sản phẩm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Mặc dù các thành viên của IQGx có thể cung cấp các giải pháp y tế lâu dài với mức giá cả hợp lý và đảm bảo các chuẩn mực chất lượng cho thị trường chăm sóc y tế của Việt Nam nhưng Việt Nam cần có các quy định/chính sách/biện pháp bảo đảm nhằm thu hút đầu tư dài hạn trong nước đối với lĩnh vực này. Mặt khác, các cam kết dài hạn để được cấp phép lưu hành sản phẩm cần được đơn giản hóa nhằm cung cấp cho thị trường thêm nhiều sản phẩm đa dạng cả về giá cả và chất lượng. Cả hai yếu tố này đều có vai trò quan trọng trong việc góp phần cải thiện và mang lại hiệu quả cho hoạt động chi tiêu từ ngân sách nhà nước và quỹ bảo hiểm y tế. Điều này không chỉ giúp đảm bảo nguồn cung ổn định mà còn làm gia tăng số lượng lao động Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất, từ đó gia tăng việc làm.

Kiến nghị

- Chính phủ cần có những chính sách và tính đảm bảo rõ ràng để hỗ trợ thêm cho sự hiện diện thương mại và các khoản đầu tư dài hạn của nhà đầu tư nước ngoài tại thị trường Việt Nam, nhằm đảm bảo các doanh nghiệp trong nước sẽ đáp ứng đủ 80% nhu cầu trong nước trong những năm tới;
- Tiếp tục nâng cao quy trình phân loại đấu thầu tại Việt Nam để tạo cơ hội cải thiện và mang lại lợi ích cho Chính phủ cũng như phục vụ mục tiêu kiểm soát ngân sách. Các cơ quan chức năng và các bên liên quan hiện có đủ kinh nghiệm và hiểu rõ quy trình đấu thầu hiện tại, trong đó bao gồm công tác phân loại dược phẩm. Các thành viên của IQGx kiến nghị thảo luận sâu hơn về những khoảng trống và cơ hội cải thiện quy trình đấu thầu hiện tại;
- Các cơ quan chức năng cần tính toán khối lượng thực tế mà đơn vị cung cấp cần cam kết chặt chẽ trong việc cung cấp sản phẩm; và
- Cần thành lập một cơ chế để các bệnh viện được phép sử dụng nhà cung cấp thay thế và đảm bảo bảo hiểm chi trả đúng giá trị trúng thầu trong trường hợp đơn vị thắng thầu thiếu hoặc không có nguồn cung.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế thuộc EuroCham

CHƯƠNG 12b **TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ CHẨN ĐOÁN**

TỔNG QUAN

Hạ tầng y tế của Việt Nam đã và đang được cải thiện nhanh chóng trong những năm vừa qua, nhờ vào những nỗ lực to lớn của các cơ quan quản lý chức năng nhằm củng cố hệ thống hạ tầng công trên cả nước và mở cửa thị trường cho các doanh nghiệp tư nhân tham gia cung ứng các dịch vụ y tế. Tốc độ tăng trưởng hai con số của thị trường trang thiết bị y tế và sinh phẩm chẩn đoán, trong đó các sản phẩm nhập khẩu chiếm đến 90% thị phần, là động lực thúc đẩy các công ty đa quốc gia phục vụ tốt hơn nữa thị trường này bằng cách đầu tư vào mạng lưới các đối tác trong nước, thiết lập các văn phòng đại diện hoặc phổ biến hơn là thành lập các chi nhánh tại Việt Nam và tuyển dụng các chuyên gia với chuyên môn cao. Đây cũng là cơ hội để một số công ty đa quốc gia (MNC) thiết lập hoạt động sản xuất tại Việt Nam.

Việc này giúp khả năng tiếp cận tri thức và tiến bộ trong lĩnh vực y tế của cộng đồng y tế tại Việt Nam được cải thiện rõ rệt, các mức độ dịch vụ trước và sau bán hàng cho các đơn vị cung cấp dịch vụ y tế cũng được tăng cường để mang lại lợi ích cho người bệnh ở Việt Nam. Nghị định 36/2016/NĐ-CP về công tác quản lý Trang thiết bị Y tế được ban hành vào ngày 15 tháng 5 năm 2016 (Nghị định 36) với hầu hết nội dung được đồng bộ với các chuẩn mực trong khu vực và quốc tế chính là dấu mốc quan trọng đánh dấu bước tiến bộ về môi trường pháp lý. Việc thực thi đồng bộ Nghị định này sẽ giúp hoạt động cung ứng các thiết bị y tế và giải pháp chẩn đoán hiệu quả hơn mang định hướng chất lượng hơn nữa.

Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề tồn tại và cần được xem xét để Việt Nam tiếp tục tiến trình xây dựng hệ thống y tế hiện đại, tất cả người dân đều được tiếp cận hiệu quả các dịch vụ chăm sóc y tế mới và chất lượng cao. Tiểu ban Thiết bị Y tế và Chẩn đoán của EuroCham (MDD SC)¹ đã xác định được một số lĩnh vực then chốt cần được cải thiện và xin kiến nghị với các cơ quan chức năng như sau:

- Cải thiện các quy định về quản lý thiết bị y tế và chẩn đoán;
- Cải thiện công tác quản lý các thiết bị “không còn mới”;
- Cải thiện khung pháp lý, ngân sách và thủ tục hành chính để tối ưu hóa việc sử dụng, chất lượng và chi phí mua sắm các thiết bị y tế theo vòng đời của thiết bị;
- Xây dựng hệ thống giám sát sau bán hàng và hệ thống quản lý chất lượng hiệu quả để đảm bảo tính an toàn của sản phẩm và dịch vụ;
- Đẩy nhanh việc xử lý các thủ tục hải quan đối với những lô hàng nhập khẩu phụ tùng quan trọng như cam kết theo quy định của EVFTA về Giải phóng hàng hoá (Chương 5, Điều 5);
- Ngăn ngừa hoạt động giả mạo và nhập khẩu trái phép;
- Cho phép tiếp thị và quảng bá sản phẩm chưa có cấp phép nhập khẩu hoặc đăng ký lưu hành một cách có kiểm soát;
- Nâng cao tính minh bạch, tạo sân chơi bình đẳng và cạnh tranh công bằng trong hoạt động mua sắm công các thiết bị y tế và chẩn đoán;
- Chú trọng hơn nữa vào dịch vụ chăm sóc tại nhà để nâng cao hiệu quả của hệ thống y tế;
- Nâng cao nhận thức và kiểm soát việc sử dụng các thiết bị y tế sử dụng một lần; và
- Tiếp cận tốt hơn những tiến bộ về chăm sóc vết thương thông qua một hệ thống chi trả rõ ràng.

Trong khuôn khổ chương này, MDD SC xin được nhấn mạnh ba trong số các nội dung trên. Chúng tôi luôn sẵn sàng đối thoại chuyên sâu và phối hợp với BYT và các cơ quan chức năng khác để trao đổi về các nội dung này.

¹ Thành lập ngày 1 tháng 4 năm 2016 và thuộc Diễn đàn Y tế EuroCham. Diễn đàn này là một nền tảng phối hợp cho các Tiểu ban hoạt động trong Ngành Y tế, hiện nay là Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế (IQGx), Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDD SC) và Tiểu ban Dược phẩm. Diễn đàn Y tế giúp các công ty đại diện cho ngành này thảo luận, chia sẻ và bảo vệ các lợi ích và quyền lợi chung. Với đặc điểm đa dạng trong ngành này, Diễn đàn Y tế cũng bao gồm lợi ích khác nhau của các công ty đại diện trong ngành. Tất cả Tiểu ban đều được EuroCham hỗ trợ như nhau.

I. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THIẾT BỊ Y TẾ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Nghị định 36 là kết quả của quá trình làm việc nghiêm túc dựa vào tình hình thực tiễn của hoạt động cấp phép, đăng ký lưu hành, sản xuất, kinh doanh và sử dụng TTBYT tại Việt Nam, cùng với việc đầu tư thời gian và công sức nghiên cứu, học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm từ các nước trong khu vực và trên thế giới của Vụ Trang thiết bị và Công trình Y tế (Vụ TTB&CTYT). Nghị định 36 đã thể hiện được sự hài hòa với Chỉ thị TTBYT của các nước ASEAN (AMDD) đồng thời vẫn đảm bảo sự phù hợp với xu hướng phát triển của Việt Nam và tính kế thừa các văn bản quản lý đã được ban hành trước đó, tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước, thể hiện ở các điểm sau:

- Mở rộng định nghĩa, khái niệm Trang thiết bị Y tế, trong đó thống nhất việc quản lý sinh phẩm chẩn đoán in vitro (IVD) là trang thiết bị y tế thay cho việc quản lý là sản phẩm thuốc như trước đây;
- Áp dụng việc phân loại TTBYT hòa hợp với khu vực và trên thế giới;
- Quản lý TTBYT theo mức độ rủi ro của sản phẩm;
- Thay đổi phương thức quản lý, áp dụng hình thức đăng ký lưu hành sản phẩm TTBYT nhằm quản lý chặt chẽ nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng của sản phẩm. Tránh được gian lận trong thương mại, nhập khẩu, sử dụng TTBYT. Thực hiện việc công khai, minh bạch 9 nhóm thủ tục hành chính từ khâu đăng ký lưu hành đến các hoạt động công bố đủ điều kiện, cấp phép nhập khẩu và cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do;
- Quy định về các hoạt động sau bán hàng về truy xuất nguồn gốc, khắc phục sản phẩm lỗi nhằm đảm bảo sản phẩm cung ứng ra thị trường an toàn và hiệu quả;
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Chúng tôi hoan nghênh việc Chính phủ Việt Nam đã hoàn thiện và triển khai Nghị định 36 cùng các Thông tư hướng dẫn (Thông tư 39/2016/TT-BYT², Thông tư 42/2016/TT-BYT³) tạo ra khung pháp lý chặt chẽ giúp các nhà quản lý, các bệnh viện, đơn vị y tế và các doanh nghiệp nắm rõ các qui định, xác định rõ quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên khi tham gia các hoạt động trong lĩnh vực trang thiết bị y tế.

Mặc dù Nghị định 36 đem lại nhiều thuận lợi và hiệu quả trong công tác quản lý TTBYT, tuy nhiên thời gian chuyển tiếp hiện đang là thách thức rất lớn đối với tất cả các doanh nghiệp và cơ quan quản lý:

Nghị định 36 được Chính phủ ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2016. Nghị quyết số 131/NQ-CP (Nghị quyết 131) được Chính phủ ký ngày 6 tháng 12 năm 2017 gia hạn thời gian hiệu lực của Nghị định 36 đối với nhóm B, C, D đến ngày 1 tháng 1 năm 2019. Theo đó, các nhóm TTBYT này được nộp hồ sơ từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 và phải có số đăng ký trước khi nhập khẩu, lưu hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2019. Đồng thời toàn bộ giấy phép nhập khẩu theo quy chế cũ (TT 30/2015/TT-BYT) cũng hết hiệu từ ngày 1 tháng 1 năm 2019. Theo dữ liệu của vụ TTB&CTYT, tổng số hồ sơ đã nộp theo Nghị định 36 tính đến tháng 1/2018 đã lên đến khoảng 6.000 bộ và chưa có hồ sơ nào được thẩm định và cấp phép. Cơ quan quản lý chỉ có một (01) năm để cấp phép toàn bộ TTBYT đang lưu hành trên thị trường.

Trong khi đó, các nước trong khu vực và trên thế giới đã đưa ra thời gian chuyển tiếp đủ dài khi áp dụng quy định mới trong quản lý TTBYT, cụ thể như sau:

Tại các nước ASEAN, cùng ký chỉ thị TTBYT khu vực ASEAN (AMDD) với Việt nam:

- Indonesia: Giấy phép nhập khẩu theo quy chế cũ được áp dụng song song cho đến khi việc đăng ký lưu hành theo quy chế mới được phê duyệt.
- Malaysia: Đã ban hành quy định về quản lý Trang thiết bị y tế từ năm 2012 (Điều 737 – Đạo luật Trang thiết bị y tế) theo hướng hài hòa với Chỉ thị trang thiết bị y tế của khu vực (AMDD), thực hiện đăng ký lưu hành sản phẩm tự nguyện và áp dụng song song gia hạn cơ chế cấp giấy phép nhập khẩu cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017. Như vậy, thời gian chuyển tiếp là 5 năm.

2 Thông tư số 39/2016/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 28 tháng 10 năm 2016 quy định chi tiết về việc phân loại trang thiết bị y tế.

3 Thông tư số 42/2016/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 15 tháng 11 năm 2016 quy định việc thừa nhận kết quả phân loại trang thiết bị y tế.

- Singapore: Thực hiện hòa hợp từ năm 2007 (Quy định về Sản phẩm Chăm sóc Sức khỏe (Trang thiết bị y tế) năm 2007) với lộ trình chuyển đổi là 3,5 năm và phê duyệt hồ sơ đăng ký theo hướng bắc cầu “Abridge” (phê duyệt nhanh). Điều này có nghĩa là nếu TTBYT đã được cấp giấy phép lưu hành tại một trong các nước tham chiếu (châu Âu, Canada, Mỹ, Nhật và Úc) thì sẽ được công nhận tại Singapore.

Trong khi đó, tại các nước khác trên thế giới, Hàn Quốc đã hoàn tất việc hòa hợp từ năm 2014 với lộ trình chuyển đổi là 3 năm. Các nước châu Âu đã thực hiện quy chế quản lý TTBYT từ những năm 1990 (cụ thể là Chỉ thị số 90/385/EEC⁴, 93/42/EEC⁵ và 98/79/EC⁶). Nhưng đến nay châu Âu mới sửa đổi lại các chỉ thị này và đang trong quá trình chuyển giao với thời gian chuyển đổi là:

- TTBYT không phải IVD có thời gian chuyển giao là 3 năm. Những giấy phép đã được cấp trước thời gian bắt buộc thực hiện quy chế mới vẫn tiếp tục có hiệu lực trong 4 năm sau đó.
- TTBYT IVD có thời gian chuyển giao là 5 năm. Những giấy phép đã được cấp trước thời gian bắt buộc thực hiện quy chế mới vẫn tiếp tục có hiệu lực trong 2 năm sau đó.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Với khoảng thời gian chuyển tiếp như đề cập ở trên, chúng tôi tin rằng Bộ Y tế cũng gặp không ít khó khăn và áp lực để theo kịp tiến độ thực thi các quy định mới của Nghị định, ví dụ như:

- Sự thiếu hụt về nhân lực, đặc biệt là chuyên gia thẩm định các phần hồ sơ đặc thù riêng của từng ngành hàng TTBYT;
- Hệ thống tiếp nhận và thẩm định hồ sơ trực tuyến chưa hoàn thiện;
- Số lượng hồ sơ thẩm định theo Nghị định 36 tăng lên đột biến, trong khi cơ quan quản lý vẫn tiếp tục phải cấp phép nhập khẩu theo Thông tư 30/2015/TT-BYT⁷ như trước đây cho tất cả các sản phẩm đang bán trên thị trường. Như vậy, khối lượng công việc tăng lên gấp nhiều lần.
- Đặc biệt, các sản phẩm là TTBYT chẩn đoán In Vitro được quản lý như dược phẩm trước đây được chuyển sang đăng ký dưới hình thức TTBYT với các yêu cầu về hồ sơ phức tạp hơn các nhóm hàng còn lại sẽ tạo ra thách thức lớn cho Vụ Trang thiết bị và Công trình Y tế trong việc thẩm định hồ sơ.

Về phía doanh nghiệp, để đảm bảo tuân thủ quy định của Việt Nam, chúng tôi đã luôn đồng hành cùng Bộ Y tế trong quá trình xây dựng Nghị định và đã khẩn trương liên hệ với Nhà sản xuất và các đối tác tại nước ngoài để chuẩn bị hồ sơ, tài liệu một cách nhanh nhất có thể.

Tuy nhiên, với những khó khăn nêu trên từ phía Cơ quan quản lý, chúng tôi quan ngại sẽ không có giấy phép lưu hành để nhập hàng kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 cung cấp cho thị trường trong khi toàn bộ giấy phép nhập khẩu cũng hết hạn cùng ngày.

Thực tế, theo tính chất của sản phẩm, chúng tôi không thể nhập khẩu số lượng lớn hàng hóa để dự trữ trong giai đoạn chuyển tiếp vì các lý do sau:

- Rất nhiều TTBYT có tuổi thọ rất ngắn (3 đến 6 tháng hạn dùng, thậm chí có một số sản phẩm để đối chiếu chất lượng chỉ có hạn dùng là 30 ngày);
- Thời gian từ khi đặt hàng đến khi hàng về đến cảng Việt Nam mất khoảng 2 đến 5 tháng;
- Hiện tại có rất nhiều TTBYT, các linh kiện, phụ kiện nên với điều kiện cơ sở vật chất hiện có, chúng tôi và các cơ sở phân phối của chúng tôi cũng không thể đủ kho để bảo quản, lưu trữ một lượng lớn hàng hóa trong cùng một thời điểm cho cả ngành TTBYT gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm IVD yêu cầu điều kiện bảo quản rất khắt khe;
- Việc lưu kho dài ngày sẽ làm tăng chi phí bán hàng, dẫn đến tăng giá TTBYT, ảnh hưởng tới việc cung ứng cho các bệnh viện và khách hàng;
- Những thiết bị chẩn đoán hình ảnh có giá trị cao chỉ có thể nhập về khi đã trúng thầu và có dự án cụ thể v.v.

4 Chỉ thị số 90/385/EEC ngày 20/6/1990 về việc xấp xỉ luật pháp của các quốc gia thành viên liên quan đến thiết bị y tế. Xem tại: <<http://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=CONSLEG:1990L0385:20071011:en:PDF>> truy cập ngày 10 tháng 1 năm 2018

5 Chỉ thị 93/42/EEC ngày 14 tháng 6 năm 1993 về thiết bị y tế. Có tại: <<http://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/content/EN/TXT/?uri=CELEX:31993L0042>> truy cập ngày 10 tháng 1 năm 2018.

6 Chỉ thị 98/79/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 27 tháng 10 năm 1998 về thiết bị y tế chẩn đoán in vitro. Có tại <http://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:31998L0079>, truy cập lần cuối vào ngày 10 tháng 1 năm 2018

7 Thông tư 30/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 của Bộ Y tế quy định việc nhập khẩu trang thiết bị y tế

Kiến nghị

Với những phân tích nêu trên, chúng tôi xin được đề xuất thực hiện các phương án như sau:

- Các hồ sơ loại B, C, D đã nộp theo Nghị định 36 nên được thẩm định, phê duyệt và có hiệu lực ngay từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 và thời gian áp dụng bắt buộc theo Nghị định 36 kể từ ngày ngày 1 tháng 1 năm 2020.
- Hồ sơ cấp phép nhập khẩu theo Thông tư 30 được phép thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực trong 1 năm kể từ ngày ký và có hiệu lực tối đa đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 với điều kiện Thư Ủy quyền có hiệu lực trong khoảng thời gian được cấp phép.
- Áp dụng cơ chế thẩm định và phê duyệt nhanh (phê duyệt bắc cầu) cho các sản phẩm đã nộp hồ sơ theo Nghị định 36 và được phê duyệt tại một trong các nước Nhóm Công tác Hòa hợp Toàn cầu (GHTF) hoặc có giấy phép lưu hành ở một trong các nước trong khu vực ASEAN đã áp dụng chỉ thị trang thiết bị y tế của khu vực (AMDD). Tài liệu làm căn cứ để phê duyệt bắc cầu (Abridged) là: (i) Giấy chứng nhận Lưu hành Tự do (FSC) hoặc Giấy phép Lưu hành và (ii) Giấy chứng nhận ISO 13485 cho hệ thống quản lý chất lượng.

II. QUẢN LÝ THIẾT BỊ Y TẾ “KHÔNG CÒN MỚI”

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Công thương (BCT), Tổng cục Hải quan (TCHQ)

Mô tả vấn đề

Nghị định 187/2013/NĐ-CP⁸ (Nghị định 187) nhằm ngăn chặn việc nhập khẩu thiết bị y tế đã qua sử dụng không đảm bảo chất lượng cũng như bảo vệ quyền lợi của bệnh nhân. Tuy nhiên, mặc dù có sự tồn tại của quy định này, các doanh nghiệp thương mại hay các đơn vị cung cấp dịch vụ y tế vẫn nhập khẩu trái phép các thiết bị đã qua sử dụng do sự yếu kém trong công tác thực thi pháp luật.

1. Rào cản, trở ngại của Nghị định

Nghị định này tạo nên rào cản cho một số các vấn đề sau:

- (i) Việc tạm nhập tái xuất các thiết bị đã qua sử dụng phục vụ mục đích trưng bày hoặc triển lãm. Nhằm đạt được hiệu quả trong công tác giới thiệu sản phẩm thiết bị y khoa, các nhà sản xuất trang thiết bị y tế trên thế giới thường đưa ra các hoạt động như:

- Trưng bày để giới thiệu và giải thích lợi ích của một thiết bị y tế nào tại các hội nghị, hội thảo hoặc giới thiệu bán hàng tại các hội nghị.
- Tổ chức các khóa đào tạo cho nhiều người kết hợp với các hoạt động “dùng thử” một thiết bị y tế nào đó (diễn ra tại các sự kiện như “hội nghị người tiêu dùng”, “tập huấn ứng dụng tại lớp học”, vv.)

Những hoạt động này đóng vai trò quan trọng để giới thiệu những tiến bộ y tế có lợi cho người bệnh tại Việt Nam, tạo điều kiện cho các đơn vị cung cấp dịch vụ y tế đưa ra quyết định đúng đắn khi mua sắm các thiết bị y tế, nâng cao hiệu quả sử dụng và tận dụng tối đa các chức năng của thiết bị thông qua hình thức đào tạo chuyên môn này. Ngoài ra, những thiết bị đã qua sử dụng này không được sử dụng vào hoạt động chăm sóc bệnh nhân mà chỉ phục vụ mục đích cung cấp thông tin và đào tạo cho các cán bộ y tế.

Thiết bị y tế nói chung là nhóm hàng hóa đắt tiền và có cấu trúc phức tạp. Cán bộ y tế cần phải nắm được đầy đủ thông tin khi mua sắm thiết bị y tế và người sử dụng những thiết bị này cũng đòi hỏi phải được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn.

Với những lợi ích kinh tế như vậy, các thiết bị phục vụ mục đích này được sử dụng lại ở nhiều sự kiện và tại nhiều quốc gia. Do đó, Việt Nam nên có quy định cụ thể trong việc tạm nhập tái xuất các thiết bị này.

- (ii) Việc nhập khẩu các linh kiện phụ tùng đã qua sử dụng nhằm phục vụ cho công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các bộ phận hỏng hóc.

Hiện nay, việc bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị y tế thường gắn liền với việc sửa chữa và thay thế các phụ tùng, linh kiện. Dịch vụ bảo trì hầu hết gắn liền với hợp đồng mua bán thiết bị, vì vậy, việc nhập khẩu phụ tùng linh kiện thường xuyên xảy ra nhằm đáp ứng nhu cầu sửa chữa và thay thế. Việc nhập khẩu các linh kiện, phụ tùng đã qua sử dụng mang lại một số lợi ích kinh tế như tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường.

8 Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ cấm việc nhập khẩu thiết bị y tế đã qua sử dụng.

2. Khái niệm thiết bị y tế “không còn mới”

Khái niệm thiết bị y tế “không còn mới” cũng cần được hiểu một cách đúng đắn. Khi chúng tôi đề cập đến thiết bị y tế “đã qua sử dụng” tức là các thiết bị được tân trang, chế tạo lại từ những doanh nghiệp được chứng nhận tuân thủ các tiêu chuẩn và hướng dẫn về chất lượng hàng hóa tân trang (“Tân trang theo OEM”).

Những hàng hóa “tân trang” hay “chế tạo lại” - khi tuân thủ những hướng dẫn quốc tế về chất lượng hàng hóa do hiệp hội các nhà sản xuất trên toàn thế giới thông qua – đều được sử dụng rộng rãi trên phạm vi toàn cầu (bao gồm các quốc gia G7) và được coi là một cách hiệu quả để có được các thiết bị hoặc phụ tùng y tế chất lượng cao, hoạt động bình thường với mức phí thấp hơn. Ví dụ, các thiết bị tân trang chiếm gần 20% tổng số các hệ thống chuẩn đoán hình ảnh được bán tại các quốc gia như Đức, Hoa Kỳ.

Tân trang được định nghĩa là một quy trình có hệ thống đảm bảo sản phẩm có chất lượng, an toàn và hiệu quả thông qua việc kiểm định lại hoạt động, các thông số an toàn và mục đích sử dụng dự kiến như đăng ký ban đầu. Bất kỳ hoạt động nâng cấp nào diễn ra trong quá trình tân trang đều phải được thực hiện đồng bộ với thông số kỹ thuật ban đầu của sản phẩm và quy trình dịch vụ mà nhà sản xuất ban đầu của hệ thống đó đã quy định.

Quy trình tân trang gồm năm bước chính: (1) lựa chọn thiết bị để tân trang, (2) tháo dỡ, đóng gói và vận chuyển, (3) tân trang (làm vệ sinh và khử trùng, lập kế hoạch tân trang, tân trang vỏ ngoài, tân trang bộ phận điện và cơ khí, cấu hình hệ thống, thử nghiệm hệ thống, kiểm soát chất lượng và xuất xưởng sản phẩm, đóng gói và vận chuyển), (4) lắp đặt thiết bị tân trang và (5) bảo hành cùng các dịch vụ chuyên môn khác.

Để có thể phân biệt “hàng tân trang” với hàng “cũ” hoặc hàng “đã qua sử dụng” và đảm bảo quản lý chặt chẽ nguồn cung, cần quy định rõ thuật ngữ “tân trang” (hay còn gọi là “chế tạo lại”) theo hướng dẫn về tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và chỉ giới hạn cấp phép nhập khẩu cho những doanh nghiệp được chứng nhận tuân thủ theo những hướng dẫn này. Ưu điểm của các sản phẩm tân trang so với hàng “đã qua sử dụng” gồm: tính an toàn và hiệu quả của “hàng hóa tân trang” được đảm bảo cho cả cán bộ y tế và người bệnh; cấu hình hệ thống được điều chỉnh theo nhu cầu cụ thể của khách hàng trong phạm vi cấu hình đã được cấp phép ban đầu được cấp cho sản phẩm; phần mềm cập nhật nhất sẽ được cài đặt cho phần cứng mới nhất; bảo đảm giao thiết bị với những thông số do nhà sản xuất ban đầu (OEM) đưa ra thông qua hệ thống kiểm tra đánh giá hoàn chỉnh; chế độ bảo hành giống thiết bị y tế mới tương ứng; vận chuyển và lắp đặt qua đơn vị cung cấp dịch vụ có năng lực và được đào tạo bài bản và luôn có phụ tùng thay thế.

3. Lợi ích của việc nhập khẩu các thiết bị y tế được tân trang, chế tạo lại

Việc mở cửa cho phép nguồn cung sản phẩm tân trang theo OEM nêu trên vào Việt Nam sẽ giúp cộng đồng y tế Việt Nam được tiếp cận những thiết bị cần thiết cho hạ tầng y tế với nhiều mức giá khác nhau và có thể tiết kiệm đến 30% so với những thiết bị hoàn toàn mới. Điều này cũng giúp các nhà cung cấp dịch vụ y tế tại Việt Nam có thể tiếp cận nhanh hơn một số phụ tùng quan trọng và qua đó đảm bảo nâng cao thời gian hoạt động của thiết bị và hiệu suất sử dụng những thiết bị có giá trị cao được lắp đặt tại cơ sở của mình. Đối với nhiều cơ sở y tế nhỏ không đủ nguồn tài chính để mua các thiết bị mới để cung cấp dịch vụ chẩn đoán toàn diện, bệnh nhân sẽ được chuyển đến các cơ sở y tế, bệnh viện lớn. Nếu mua thiết bị đã qua tân trang, cải tạo là phương án hiệu quả trong việc đầu tư chi phí và cải thiện việc chăm sóc bệnh nhân.

Các cơ sở mua sắm thiết bị được tân trang, cải tạo lại cũng có thể góp phần trong việc bảo vệ môi trường. Việc tái sử dụng thiết bị làm giảm chất thải, và đảm bảo rằng mỗi thiết bị được tân trang cải tạo lại theo các tiêu chuẩn nghiêm ngặt vẫn sẽ hoạt động tốt. Điều này làm giảm sản lượng phụ và phế thải, tác động vận chuyển và các mối nguy tiềm tàng của việc vận chuyển các thiết bị có khả năng gây nguy hiểm.

4. Các quốc gia cho phép nhập khẩu thiết bị y tế được tân trang, cải tạo lại

Việc nhập khẩu trang thiết bị y tế được tân trang lại được cho phép ở một số nước châu Âu, bao gồm Áo, Đức, Thụy Sĩ. Việc này cũng được phép ở các nước khác trên thế giới, như Ấn Độ, Indonesia, Malaysia và Úc.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Những sản phẩm nhập khẩu trái phép là hành vi vi phạm pháp luật và gây nguy hại trong việc khám chữa bệnh, điều trị cho bệnh nhân. Đồng thời hành vi này cũng tạo môi trường cạnh tranh không bình đẳng cho những doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật. Việc cấm nhập khẩu thiết bị y tế đã qua sử dụng là rào cản trong việc tạm nhập tái xuất các thiết bị y tế phục vụ mục đích trưng bày và đào tạo, nhập khẩu linh kiện phụ tùng thay thế. Quy định này cản trở việc giới thiệu thiết bị và công nghệ y tế tiên tiến với các chuyên gia y tế và do đó làm giảm cơ hội tiếp cận của người bệnh tại Việt Nam.

Kiến nghị

- **Đối với hoạt động nhập khẩu trái phép thiết bị đã qua sử dụng**, chúng tôi kiến nghị Việt Nam cần có khung pháp lý chặt chẽ trong việc quy định các biện pháp thanh tra, xử phạt các hành vi vi phạm liên quan. Đồng thời, Việt Nam cũng cần triển khai các biện pháp kiểm soát và theo dõi hiệu quả, thường xuyên kiểm tra đánh giá những thiết bị được nhập khẩu và lắp đặt phù hợp với các quy định liên quan.
- **Đối với sản phẩm tân trang theo OEM**, chúng tôi đặc biệt kiến nghị Chính phủ Việt Nam cho phép sản phẩm y tế tân trang được bán tại thị trường Việt Nam nếu những sản phẩm đó đáp ứng các yêu cầu trong “Thực hành tân trang tốt” do Ủy ban Điều phối Khoa học Xạ trị, Điện tử và Chăm sóc Y tế châu Âu (European Coordination Committee of the Radiological, Eletro-medical and Healthcare IT Industry - COCIR)⁹ hướng dẫn cũng như Tài liệu tham khảo quốc tế được sử dụng rộng rãi hiện nay là “Thực hành Tân trang Tốt Thiết bị Chẩn đoán Hình ảnh trong Lĩnh vực Y tế” do Liên minh Công nghệ và Hình ảnh Khoa học châu Âu (Medical Imaging and Technology Alliance - MITA), chi nhánh của Hiệp hội Các Nhà Sản xuất Điện Quốc gia (National Electrical Manufacturers Association - NEMA)¹⁰ ban hành thông qua 50 thành viên trên toàn thế giới. Lộ trình FTA giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam cũng ủng hộ việc mở cửa thị trường cho những sản phẩm nhóm này (quy định tại Chương 2, Điều 5).¹¹
- **Đối với việc sử dụng các thiết bị phục vụ mục đích trưng bày và đào tạo**, chúng tôi cũng đặc biệt kiến nghị Chính phủ Việt Nam triển khai một cơ chế cấp phép đặc biệt cho các thiết bị y tế “không còn mới” được tạm thời nhập khẩu vào Việt Nam phục vụ những mục đích cụ thể nêu trên. Chính phủ có thể triển khai các biện pháp kiểm soát thông qua thắt chặt công tác theo dõi hoạt động nhập khẩu và tái xuất khẩu những thiết bị này cùng với chế tài xử phạt nghiêm khắc.
- **Đối với việc nhập khẩu các linh kiện, phụ tùng thay thế “không còn mới”**, chúng tôi kiến nghị Chính phủ ban hành quy định cụ thể trong việc nhập khẩu các linh kiện phụ tùng thay thế này trong thời gian chưa có quy định mới thay thế Nghị định 187, việc nhập khẩu cũng cần tuân theo những điều kiện nhất định để đảm bảo linh kiện, phụ tùng thay thế được nhập khẩu đạt tiêu chuẩn về chất lượng và tránh tình trạng các doanh nghiệp nhập khẩu trái phép gây rủi ro tới sức khỏe của người bệnh.

III. CHĂM SÓC SỨC KHỎE TẠI NHÀ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Tình trạng thiếu giường bệnh tại các bệnh viện của Việt Nam hiện nay đã dẫn tới hiện tượng mất cân bằng giữa “cung và cầu”. Số lượng bệnh nhân cần được điều trị và tình trạng bệnh viện quá tải là những thách thức mà BYT quyết tâm khắc phục. Một trong những biện pháp nhằm giải quyết tình trạng này là trang bị thêm các giường bệnh cho Hệ thống chăm sóc sức khỏe và thiết lập Dịch vụ chăm sóc tại nhà để nâng cao khả năng theo dõi các bệnh mãn tính và hay tái phát cho bệnh nhân tiếp tục điều trị tại nhà sau khi ra viện.

Chi phí y tế tự chi trả là một gánh nặng lớn đối với các hộ gia đình. Những chi phí gián tiếp bên cạnh chi phí y tế như chi phí đi lại, sinh hoạt trong quá trình nhập viện và không có thu nhập trong quá trình điều trị đã khiến người bệnh và gia đình người bệnh chịu rất nhiều áp lực tài chính. Hiện nay do dịch vụ chăm sóc tại nhà chuyên nghiệp và có tổ chức do các chuyên gia y tế có tay nghề cung cấp chưa được triển khai áp dụng nên người bệnh thường phải tự chăm sóc và nhờ người thân chăm sóc, khiến người bệnh lo lắng và tiềm ẩn nguy cơ phát sinh thêm các biến chứng do không được các cán bộ có chuyên môn theo dõi chăm sóc. Ngoài ra, trong hầu hết các trường hợp, bệnh nhân phải nhập viện nhiều lần và một số trường hợp nhập viện trong tình trạng nghiêm trọng hơn.

Tình trạng bệnh không lây nhiễm ở Việt Nam hiện nay nghiêm trọng hơn nhiều và là nguyên nhân gây ra khoảng 70% số ca tử vong.¹² Những bệnh có tỷ lệ cao như cao huyết áp, ung thư, tim mạch, tiểu đường, phổi tắc nghẽn mãn tính, hen suyễn. Số ca bệnh mạn tính hiện nay cũng gia tăng vì những nguyên nhân chính của bệnh

9 Xem thêm thông tin tại <<http://www.cocir.org/initiatives/good-refurbishment-practice.html>> truy cập lần cuối ngày 10 tháng 1 năm 2018

10 Xem thêm thông tin tại <<https://www.nema.org/Standards/Pages/Good-Refurbishment-Practices-for-Medical-Imaging-Equipment.aspx>> truy cập lần cuối ngày 10 tháng 1 năm 2018

11 Thiết bị y tế (đối với Việt Nam, định nghĩa này không gây phương hại đến pháp luật Việt Nam về thiết bị y tế) là bất kỳ sản phẩm nào đáp ứng được định nghĩa thiết bị y tế và thiết bị y tế chẩn đoán y tế trong ống nghiệm theo quy định tại Tài liệu Sau cùng GHTE / SG1 / N071: 2012 của Diễn đàn các nhà quản lý thiết bị y tế quốc tế (GHTE / IMDRF). Văn bản đầy đủ về EVFTA, Chương 2: Đối xử quốc gia và Tiếp cận Thị trường hàng hoá, Phụ lục 2-a: Phụ lục về được phẩm và các thiết bị y tế có tại: <http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2016/february/tradoc_154197.pdf> truy cập vào ngày 1 tháng 1 năm 2018.

12 “Tỷ lệ tử vong do bệnh không lây nhiễm chiếm 73%”, Hanoimoi ngày 8/9/2016. Xem tại: <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Doi-song/847444/ty-le-tu-vong-do-benh-khong-lay-nhiem-chiem-73>

này có liên quan đến các bệnh cao huyết áp, tiểu đường.¹³ Hiện nay tại Việt Nam có khoảng 90.000 bệnh nhân bị bệnh thận giai đoạn cuối cần được lọc máu. Tuy nhiên, chỉ khoảng 20% người bệnh được lọc máu (khoảng 14.000 bệnh nhân lọc máu ngoài thận và 2.000 bệnh nhân lọc máu qua màng bụng) trong khi mỗi năm lại có thêm 8.000 trường hợp mắc bệnh mới.¹⁴ Những bệnh nhân không được lọc máu sẽ tử vong. Một bệnh mãn tính khác như bệnh lở loét bàn chân liên quan đến tiểu đường xuất hiện ở 10% bệnh nhân mắc tiểu đường và 11% trong số họ sẽ cần được cắt cụt chân. 85% các trường hợp bị cắt cụt chân sẽ bị một vết thương mãn tính và có thể phòng tránh việc này bằng cách theo dõi phù hợp sau khi bệnh nhân ra viện và tránh được hơn 50.000 trường hợp cắt cụt chi dưới mỗi năm tại Việt Nam.

Tại các quốc gia như Nhật Bản và Úc, mô hình chăm sóc tại nhà được khuyến khích áp dụng để giúp bệnh nhân có thể tiếp cận các dịch vụ điều trị, đặc biệt đối với những bệnh mãn tính như huyết áp, tiểu đường, phổi tắc nghẽn mãn tính và thậm chí tiến hành hóa trị liệu tại nhà cho bệnh nhân ung thư. Tại các quốc gia láng giềng của Việt Nam, tỷ lệ lọc máu bằng biện pháp lọc máu qua màng bụng đã gia tăng so với biện pháp lọc máu ngoài thận (90% ở Hồng Kông, 80% tại Singapore và gần 70% tại Thái Lan).¹⁵

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi cho rằng Việt Nam nên khuyến khích và hỗ trợ việc hình thành và phát triển các dịch vụ chăm sóc chuyên nghiệp tại nhà. Các biện pháp can thiệp để thay đổi hành vi của người bệnh, người chăm sóc và người làm công tác y tế đóng vai trò quan trọng. Việc soạn thảo tài liệu hướng dẫn chăm sóc đối với các bệnh mãn tính và những chính sách liên quan sẽ là yếu tố thành công giúp người làm công tác y tế có động lực tư vấn cho người bệnh sử dụng dịch vụ chăm sóc tại nhà.

Với sự hỗ trợ của các trang thiết bị và dụng cụ y tế tiên tiến, người bệnh tại Việt Nam sẽ được sử dụng những mô hình chăm sóc sức khỏe mới giúp lọc thận tại nhà hoặc kiểm soát tốt hơn các vết thương mãn tính. Nhiều dịch vụ y tế khác cũng có thể được thực hiện tại nhà với sự trợ giúp và hướng dẫn từ xa của người làm công tác y tế.

Chăm sóc tại nhà là phương án giúp giải quyết tình trạng quá tải của các bệnh viện, giảm mức chi tiêu công cho chi phí bất thường phát sinh từ các bệnh mãn tính nằm ngoài tầm kiểm soát và giảm chi phí y tế tự chi trả cho các hộ gia đình, đồng thời, chúng ta có thể cải thiện chất lượng cuộc sống cho tất cả các bệnh nhân mắc những bệnh mãn tính này.

Kiến nghị

Chúng tôi trân trọng kiến nghị BHYT ủng hộ việc phát triển mô hình chăm sóc tại nhà thông qua:

- Hỗ trợ việc hình thành hệ thống chăm sóc tại nhà chính thức và có tổ chức do các cán bộ chuyên môn được đào tạo bài bản đảm nhận cùng hoạt động đào tạo, tài liệu, hướng dẫn và quy trình phù hợp;
- Các chương trình tập huấn cho người bệnh và gia đình người bệnh nhằm khuyến khích điều trị liên tục và các quy trình chăm sóc phù hợp;
- Đào tạo các cán bộ chuyên môn (hộ lý, dược sĩ, chuyên gia v.v.) để tham gia liên tục vào hoạt động chăm sóc bệnh nhân bên ngoài bệnh viện;
- Có các chính sách hỗ trợ phù hợp cho người làm công tác y tế; và
- Hỗ trợ công tác đăng ký thiết bị y tế, đơn giản hóa quy trình phê duyệt giấy phép nhập khẩu, xem xét bồi hoàn toàn bộ chi phí cho các loại thuốc và thiết bị y tế sử dụng trong công tác chăm sóc tại nhà.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Trang Thiết bị Y tế và Chẩn đoán thuộc EuroCham

¹³ Như trên; xem thêm Phan Văn Báu, "Nghiên cứu chi phí – hiệu quả trong điều trị suy thận mạn tính giai đoạn cuối bằng thận nhân tạo tại bệnh viện và lọc màng bụng ngoại trú", 2016, trang 1

¹⁴ Nghiên cứu của Văn Phòng Đại Diện Baxter Healthcare (Asia) Pte Ltd tại Thành Phố Hồ Chí Minh

¹⁵ Phạm Thị Chải, "Lọc màng bụng tại Việt Nam – Những thành tựu trong mười năm qua", Tham luận tại Hội nghị khoa học thường niên lần thứ VIII

CHƯƠNG 12c DƯỢC PHẨM

TỔNG QUAN

Pharma Group (PG) thuộc EuroCham đại diện cho tiếng nói của ngành dược phẩm phát minh tại Việt Nam. PG và 26 công ty thành viên của chúng tôi đều có chung Sứ mệnh: đảm bảo người dân Việt Nam được tiếp cận nhanh chóng và bền vững với các loại thuốc phát minh chất lượng cao và an toàn. PG cũng nhận thấy cơ hội hợp tác với Chính phủ Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp trong nước để phát triển hệ thống y tế tiên tiến, bền vững và ngành khoa học đời sống phát minh phù hợp với chiến lược của Chính phủ Việt Nam.¹

Tổng quan Thị trường Việt Nam²

Thông tin chung

- Việt Nam là một trong những nước có Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực châu Á, đạt 6,81% vào năm 2017.
- Tổng chi tiêu cho y tế chiếm 7,1% GDP, tuy nhiên, ngân sách dành cho y tế còn thấp, chỉ khoảng 3,8% GDP vào năm 2014.
- Bảo hiểm Y tế Toàn dân đạt 82% vào năm 2017, với mục tiêu đạt 90% vào năm 2020.
- Tầng lớp trung lưu gia tăng và dự tính tăng gấp đôi vào năm 2020 và chiếm khoảng 54% dân số.
- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe chất lượng cao ngày càng gia tăng, thể hiện rõ qua chi tiêu cho du lịch y tế hàng năm ước tính 2 tỷ Đô-la Mỹ.
- Thị trường dược phẩm ước tính trị giá hơn 3,3 tỷ Đô-la Mỹ, trong đó thị phần của công ty dược phẩm phát minh đa quốc gia chiếm 22% xét về giá trị và 4% xét về số lượng, thuộc mức thấp nhất trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APAC).
- Việt Nam là một trong những quốc gia có tỷ lệ sử dụng thuốc generic cao nhất trên thế giới: thuốc generic chiếm 94% thị trường (bao gồm thuốc không kê đơn, không bao gồm vắc-xin).

Tiếp cận thị trường và Mua sắm Công

- Chỉ có 6% trong số tất cả hoạt chất mới được công bố trên thế giới, trong giai đoạn từ 2010 đến 2014, có mặt trên thị trường Việt Nam, chủ yếu là do các yêu cầu về thử thuốc trên lâm sàng trong nước phục vụ cho mục đích đăng ký thuốc.
- Tại Việt Nam, cần từ 5-7 năm để thuốc nằm trong danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán. Thời gian để đưa thuốc vào sử dụng sau khi thuốc đã được cấp phép lưu hành thuộc nhóm lâu nhất trong trên thế giới, làm hạn chế tiếp cận của bệnh nhân đối với các phương thức điều trị mới. Lý do là thời gian đăng ký thuốc kéo dài, số đăng ký thuốc chỉ có hiệu lực trong một khoảng thời gian và quy trình niêm yết thuốc trong danh mục thuốc do Quỹ Bảo hiểm Y tế thanh toán còn chậm.
- Mua sắm công chiếm 67% tổng giá trị thị trường, cao nhất trong số những nước được thống kê, do đó, quyết định của Chính phủ về Mua sắm Công sẽ có tác động rõ rệt đối với chất lượng y tế, hoạt động cung ứng thuốc và hiệu quả phục vụ bệnh nhân.
- Giá bán của công ty đa quốc gia sản xuất thuốc Biệt dược gốc (ở mức 0,68 so với chỉ số giá đối với 5 lĩnh vực điều trị chính) và giá bán của nhà sản xuất thuốc generic ở mức thấp nhất trong khu vực ASEAN.
- Phần lớn công ty đa quốc gia trong ngành vẫn hoạt động dưới hình thức Văn phòng Đại diện do chưa có mô hình FIE khả thi có thể hoạt động kinh doanh.

¹ Chiến lược quốc gia ban hành bởi Thủ tướng Chính phủ về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

² Phân tích của Quintiles IMS năm 2017.

Ngành y tế Việt Nam đang ở tại bước ngoặt: khi mức thu nhập tăng thì đầu tư của Chính phủ cho cơ sở hạ tầng gia tăng và nhu cầu đối với các sản phẩm và dịch vụ y tế chất lượng cao cũng không ngừng tăng lên. Đồng thời, Bảo hiểm Y tế Toàn dân và đầu tư từ khu vực tư nhân hạn chế đang gây ra áp lực cho ngân sách nhà nước. Do đó, rất cần sự hiện hữu của khối tư nhân năng động và các dự án Đối tác Công-Tư (PPP) nhằm phát triển ngành y tế chất lượng cao, lấy bệnh nhân làm trung tâm, bao gồm sự tham gia từ các công ty thuốc phát minh và thuốc generic để đáp ứng nhu cầu bệnh nhân. Để hướng đến đạt được những mục tiêu này, cần cần nhắc các yếu tố sau:

1. **Bệnh nhân được tiếp cận** đến các dược phẩm phát minh với tốc độ ngang bằng – hoặc nhanh hơn – so với các nước đi đầu trong khu vực, bao gồm các giải pháp tài chính y tế và chương trình hỗ trợ khả năng tiếp cận thuốc phát minh của bệnh nhân;
2. **Chất lượng và Phát minh** luôn là trọng tâm trong mọi chính sách Mua sắm công của Chính phủ;
3. **Khả năng tiên lượng về thương mại & luật định:** Khung pháp lý rõ ràng và minh bạch cho cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài;
4. **Tầm quan trọng của Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):** Cần khuyến khích FDI và PPP để dung hòa suy thoái kinh tế và thay thế nguồn vốn hỗ trợ nước ngoài giảm dần khi Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập trung bình. Không thể “tăng trưởng bằng việc giảm đầu tư”;
5. **Phát triển ngành Y tế:** Phát triển đội ngũ cán bộ y tế và hạ tầng được khẳng định là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ ở cấp cao nhất;
6. **Thúc đẩy phát triển Quyền Sở hữu Trí tuệ (SHTT):** Đây là cơ hội – chứ không phải nghĩa vụ – có tác dụng bảo vệ các doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài, phát triển giá trị cho nền kinh tế và nguồn vốn con người của Việt Nam, từ đó tạo nên thương hiệu mạnh cho quốc gia;
7. **Phối hợp liên Bộ:** “Mô hình mới cho Chính phủ mới” giúp Chính phủ có thể nhanh chóng giải quyết vấn đề một cách toàn diện đồng thời triển khai thành công các hiệp định thương mại quốc tế gần đây; và
8. **Phát triển ngành công nghiệp trong nước – nhưng không Bảo hộ,** theo đó, thay thế việc đưa ra các cơ chế khuyến khích mang tính hành chính bằng các cơ chế căn cứ vào động lực thị trường sẽ gửi đi tín hiệu rõ ràng đến các nhà đầu tư.

Ngành dược phẩm phát minh là động lực chính phát triển hệ sinh thái y tế bền vững. Định vị giá trị của chúng tôi cho bệnh nhân và Chính phủ Việt Nam được xây dựng dựa trên Sứ mệnh nói trên, và kinh nghiệm của chúng tôi từ nhiều quốc gia trên thế giới đóng vai trò như kim chỉ nam định hướng cho việc phát triển những giải pháp toàn diện và bền vững, đem lại lợi ích cho cả người bệnh, Chính phủ và ngành dược phẩm.

PG tin rằng những kiến nghị trình bày trong chương này³ sẽ hỗ trợ Chính phủ quản lý chất lượng chăm sóc sức khỏe bệnh nhân, sự phát triển ngành dược và ngân sách Nhà nước sao cho phù hợp với mục tiêu y tế của Chính phủ đến năm 2030. Chúng tôi ý thức được bước ngoặt hiện tại của ngành y tế và chúng tôi cam kết hợp tác với Chính phủ Việt Nam trên hành trình phát triển hệ thống y tế tiên tiến đồng thời giải quyết vấn đề về ngân sách Nhà nước.

Tóm tắt các kiến nghị của Pharma Group

1. Khả năng tiếp cận nhanh chóng của bệnh nhân Việt Nam tới dược phẩm phát minh

Chúng tôi kiến nghị miễn các yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước ở tất cả các giai đoạn trong quá trình xin cấp Giấy phép Lưu hành trên thị trường (MA) đối với thuốc, vắc-xin và sinh phẩm đã được phê duyệt bởi các cơ quan chức năng quốc tế với các quy định nghiêm ngặt cho mục đích đăng ký sản phẩm. Chúng tôi kiến nghị không đưa thêm các yêu cầu nằm ngoài phạm vi Hướng dẫn của Hội nghị Hòa hợp Quốc tế Các Yêu cầu Kỹ thuật đối với Dược phẩm Sử dụng cho Người (ICH) (đồng thời phù hợp với các cam kết của Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA)). Điều này, cùng với đó việc tối ưu hóa quy trình đăng ký thuốc cũng rất quan trọng để cải thiện khả năng tiếp cận của bệnh nhân.

3 Một số quy phạm pháp luật đang trong quá trình soạn thảo khi Pharma Group đưa ra các kiến nghị trong chương này, và chúng không được xem là phân tích và diễn giải pháp luật của Pharma Group. Việc phối hợp chặt chẽ của các Bộ ban ngành và Liên minh châu Âu, ngành dược phẩm cũng như các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự thống nhất của các văn bản pháp luật Việt Nam với các cam kết EVFTA, khi EVFTA có hiệu lực.

2. Mua sắm công

Với vai trò quan trọng của hoạt động Mua sắm công tại Việt Nam đối với ngành dược, chúng tôi cho rằng cần có giải pháp toàn diện và bền vững để duy trì chất lượng y tế, đề cao lựa chọn của bác sỹ và tiếp cận của bệnh nhân. Một môi trường bền vững khuyến khích hoạt động đầu tư và sự phát triển của ngành dược, đồng thời giải quyết những quan ngại về ngân sách Nhà nước trong ngắn hạn có thể được xác định thông qua đối thoại thường xuyên giữa doanh nghiệp trong ngành và Chính phủ. Việc hài hòa nhu cầu phát triển ngành dài hạn và các thực tế về ngân sách cần có những giải pháp tài chính sáng tạo.

3. Phát triển Ngành Khoa học Đời sống Phát minh

Mô hình hoạt động khả thi dựa trên khung pháp lý rõ ràng, cơ chế bảo hộ nhà đầu tư và cơ hội thành lập pháp nhân ở Việt Nam là rất cần thiết cho các công ty dược phẩm đa quốc gia và các công ty cung cấp dịch vụ liên quan. Các công ty này cần những quyền liên quan để thực hiện hoạt động thương mại và tối đa hóa hiệu quả kinh tế theo quy mô. Cùng với những ưu đãi đầu tư phù hợp, môi trường đầu tư này sẽ mang đến cho Việt Nam cơ hội phát triển ngành dược phẩm phát minh chất lượng cao và bền vững.

4. Bảo hộ Quyền Sở hữu Trí tuệ (SHTT)

Bảo hộ Quyền Sở hữu Trí tuệ là nền tảng của đổi mới sáng tạo. Nếu được thực thi hiệu quả, yếu tố này sẽ giúp các doanh nghiệp dược phẩm trong nước tự tin phát triển dược phẩm có bằng sáng chế theo thời gian và khuyến khích công ty dược phẩm phát minh đầu tư phát triển ngành dược phẩm trong nước, bao gồm chuyển giao công nghệ trong ngắn hạn.

I. KHẢ NĂNG TIẾP CẬN NHANH CHÓNG CỦA BỆNH NHÂN VIỆT NAM TỚI DƯỢC PHẨM PHÁT MINH

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Cục Quản lý Dược Việt Nam (QLD), Bộ Công Thương (BCT), Quốc hội (QH)

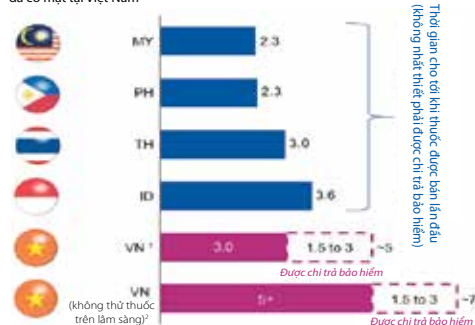
Mô tả vấn đề

Thời gian để bệnh nhân ở Việt Nam được chi trả bảo hiểm cho các loại thuốc phát minh là khoảng 5 đến 7 năm, lâu hơn rất nhiều so với các quốc gia láng giềng. Đó là do những quy định hành chính trước đây yêu cầu các loại thuốc mới phải trải qua giai đoạn thử thuốc trên lâm sàng trong nước, thêm 2-3 năm để đăng ký thuốc, và cần có số đăng ký thuốc ban đầu trong 2-3 năm để đủ điều kiện nằm trong danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế.

Biểu đồ 15: Thời gian để Bệnh nhân Việt nam tiếp cận thuốc phát minh

Số năm từ khi hoạt chất được công bố trên toàn cầu đến khi được lưu hành tại các nước ASEAN

Trong số 108 hoạt chất mới công bố trên toàn cầu giai đoạn 2010-2014, 6 hoạt chất đã có mặt tại Việt Nam



Tình huống đặc biệt của Việt Nam

- Phần lớn doanh số bán hàng thông qua kênh bệnh viện công, tức là thuốc hiếm khi được dùng nếu không được chi trả bảo hiểm tại Việt Nam, không như các nước ASEAN khác có nhiều kênh bán thuốc lớn khác*.
- Thời gian để được chi trả bảo hiểm mất từ 1,5 đến 3 năm sau khi được cấp phép lưu hành tại Việt Nam.
- Hoạt chất không thử thuốc trên lâm sàng trong nước phải đã lưu hành ít nhất 5 năm tại nước đăng ký lần đầu trước khi vào thị trường
- Hoạt chất mới ít được biết đến trong giai đoạn 2010-2014, chỉ có 6 hoạt chất mới ra mắt ở Việt Nam.

*Ghi chú: Thị trường Thái Lan cũng phụ thuộc nhiều vào kênh bệnh viện công, nhưng có nhiều chương trình chi trả khác nhau nên thuốc được sử dụng nhiều hơn mà không phải chờ trong thời gian dài đến khi được chi trả bảo hiểm thông qua việc nằm yết Danh sách thuốc thiết yếu quốc gia

Nguồn: QuintilesIMS

Để cải thiện khả năng tiếp cận dược phẩm của bệnh nhân, cần vượt qua một số trở ngại về mặt pháp lý. Việc sửa đổi Thông tư Đăng ký thuốc là cơ hội để giải quyết các rào cản kỹ thuật, bằng cách tuân thủ các hướng dẫn quốc tế (ICH và WHO) và thực hành tốt trong khu vực (ASEAN).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

1. Thử thuốc trên lâm sàng trong nước

Hiệp định EVFTA đã dỡ bỏ tất cả các yêu cầu bổ sung liên quan đến nghiên cứu lâm sàng nằm ngoài phạm vi các hướng dẫn của ICH đối với toàn bộ dược phẩm, bao gồm thuốc, vắc-xin và sinh phẩm. Luật Dược cũng đi theo định hướng này với việc xóa bỏ yêu cầu về thời gian lưu hành 5 năm, cũng như các yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước. Đây là bước tiến lớn đầy nhanh tiếp cận của bệnh nhân với thuốc phát minh chất lượng cao. Tuy nhiên, việc miễn thử thuốc trên lâm sàng trong nước hiện chưa áp dụng cho vắc-xin. An toàn của bệnh nhân là nền tảng trong sứ mệnh toàn cầu của các công ty dược phẩm phát minh. Việc lặp lại thử thuốc trên lâm sàng không giúp tăng thêm độ an toàn mà còn cản trở hoặc trì hoãn việc tiếp cận thuốc, không hề mang lại lợi ích tốt nhất cho bệnh nhân.

Hơn nữa, yêu cầu dược phẩm đã có số đăng ký lưu hành tại Việt Nam trong trường hợp có thay đổi nhất định⁴ (biến thể) vẫn phải đăng ký lại như dược phẩm mới sẽ mang lại gánh nặng hành chính đáng kể cho cơ quan chức năng, trong khi nhiều thông tin liên quan đến sản phẩm đã được nộp và phê duyệt bởi Cục Quản lý Dược (Cục QLD) đều không thay đổi.

2. Quy trình đăng ký thuốc

Luật Dược mới đưa ra lộ trình mới rút gọn đối với việc cấp Giấy phép Lưu hành trên thị trường (MA) với mục tiêu đẩy nhanh tốc độ tiếp cận của bệnh nhân với thuốc mới phát minh và hạn chế tình huống thuốc hiện có hết hàng. Thông tư về Đăng ký thuốc, hiện đang trong quá trình sửa đổi, tiếp nối những tiến bộ trong Luật Dược và đóng vai trò quan trọng trong việc tạo thuận lợi cho quy trình đăng ký thuốc. Quy trình phê duyệt hồ sơ rõ ràng, minh bạch và tối ưu hơn, cùng với cơ chế phê duyệt nhanh chóng và việc đầu tư nguồn lực để phê duyệt hồ sơ sẽ giải quyết các thử thách thực tiễn hiện có (ví dụ thông thường công ty nhận được phản hồi về MA từ 1-2 năm sau khi nộp hồ sơ).

3. Danh mục thuốc biệt dược gốc

Thuốc biệt dược gốc đóng vai trò quan trọng trong việc chữa trị tại các cơ sở y tế để đảm bảo bệnh nhân tiếp cận các phương thức chữa trị mới. Do đó, việc những thuốc được công nhận là thuốc biệt dược gốc trên toàn cầu, được đưa vào danh mục thuốc biệt dược gốc do Bộ Y tế (BYT) ban hành là rất quan trọng, để đảm bảo các thuốc này có thể tham dự đấu thầu tại cơ sở y tế công lập trong nhóm thuốc biệt dược gốc.

Chúng tôi đánh giá cao nỗ lực không ngừng của Bộ Y tế để tối ưu hóa quy trình này bằng việc cho phép thực hiện phê duyệt thuốc mới song song với quy trình đăng ký, giúp thuốc đủ điều kiện được thêm vào danh mục thuốc biệt dược gốc ngay sau khi được cấp MA. Để đảm bảo tính khả thi của quy trình mới và phục vụ tốt nhất cho mục đích đấu thầu và cung cấp thuốc, việc tiếp tục duy trì công nhận thuốc đã thuộc danh mục thuốc biệt dược gốc là rất quan trọng.

4. Quy trình chi trả bảo hiểm y tế

Với thực tiễn hiện nay, sau khi một loại thuốc đã được cấp giấy phép lưu hành trên thị trường/ số visa, thuốc này vẫn chưa đủ tiêu chuẩn để được bảo hiểm chi trả, mà phải chờ thêm từ 2 đến 3 năm nữa để có thể gia hạn giấy phép lưu hành/số visa. Để đảm bảo nhiều bệnh nhân tiếp cận nhanh hơn đến thuốc phát minh, chúng tôi kiến nghị thuốc có thể đưa vào danh mục được bảo hiểm chi trả ngay khi nhận được Giấy phép Lưu hành, phù hợp với thực tiễn tại các thị trường ASEAN khác. Hơn nữa, Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế (NRL) chỉ được rà soát 2 năm một lần, bản thân quy trình rà soát cũng mất khoảng 2 năm. Trong thời gian đó, cơ quan chức năng không xem xét bổ sung thông tin mới hay thuốc mới được cấp phép vào danh mục được bảo hiểm chi trả. Tất cả các yếu tố này khiến thuốc mới có thể phải chờ 5 đến 7 năm để được đưa vào danh mục NRL, và điều này trên thực tế gây chậm trễ đáng kể trong việc đưa các phương thức điều trị mới được bảo hiểm chi trả đến với người bệnh Việt Nam và làm gia tăng du lịch y tế.

Kiến nghị

1. Thử thuốc trên lâm sàng trong nước

- Hoàn toàn miễn các yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước ở tất cả các giai đoạn với mục đích đăng ký thuốc phát minh tại Việt Nam, không đưa thêm các yêu cầu nằm ngoài phạm vi Hướng dẫn của ICH, vốn đã

⁴ Thay đổi liên quan đến thành phần dược liệu, nguyên liệu; độ mạnh; nồng độ hoặc chất lượng của hàm lượng thành phần hoạt chất; liều dùng, đường dùng; cơ sở sản xuất.

phù hợp với các cam kết của EVFTA. Tất cả dược phẩm - bao gồm thuốc hóa dược, vắc xin và sinh phẩm - đã được cấp phép lưu hành ở ít nhất một quốc gia ICH và/hoặc các loại vắc xin đã được WHO tiến thẩm định, sẽ mặc nhiên được xem là có đầy đủ dữ liệu về an toàn và hiệu quả, và theo đó sẽ không phải thực hiện bất kỳ giai đoạn nghiên cứu lâm sàng nào cho mục đích đăng ký tại Việt Nam.

- Bỏ yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng tại Việt Nam nêu trên nhằm mục đích xác nhận đối với dược phẩm đã được cấp phép lưu hành tại Việt Nam trong mọi trường hợp thay đổi, nếu các thay đổi đó được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền tại nước sản xuất hoặc nước tham chiếu.

2. Quy trình đăng ký thuốc: Nhằm tối ưu hóa thủ tục hành chính hiện tại, chúng tôi muốn đề xuất quy trình phê duyệt nhanh như sau:

- Tạo ra quy trình xem xét hồ sơ rõ ràng, minh bạch có chức năng theo dõi để doanh nghiệp giám sát quy trình và bổ sung hồ sơ nếu cần. Cần có quy định về thời hạn để Bộ Y tế xác nhận hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ hay chưa. Chúng tôi đề xuất thời hạn này là trong vòng 4 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký mới và 2 tháng đối với hồ sơ gia hạn;
- Tạo điều kiện tổ chức các đợt thẩm định hồ sơ thường xuyên hơn và soạn thảo tài liệu Các Câu hỏi Thường gặp (FAQ) để giảm bớt số lượng Công văn giấy tờ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, đảm bảo diễn giải đúng theo quy định và đảm bảo quy trình đăng ký minh bạch, công bằng, hợp lý và không phân biệt đối xử;
- Khi nộp hồ sơ bổ sung hay điều chỉnh, đề xuất chấp nhận dữ liệu ngoài Việt Nam; nên chấp nhận Giấy Chứng nhận Sản phẩm Dược phẩm (CPP) do nước sản xuất hoặc nước tham chiếu cấp và không yêu cầu sản phẩm phải đang được lưu hành tại những nước này;
- Cải thiện hệ thống nộp hồ sơ điện tử; và
- Áp dụng cơ chế phê duyệt nhanh, bao gồm: tự động phê duyệt nhanh đối với các thuốc hiếm, thuốc mới có tác dụng cứu sống mạng người (3 tháng); thống nhất tiêu chí định nghĩa thuốc hiếm và thuốc cứu sống mạng người với các danh mục quốc tế (ICH/WHO); có lựa chọn phê duyệt nhanh đối với dược phẩm mới; và xem xét rút ngắn thời gian đánh giá (3-6 tháng) với mức phí đăng ký cao hơn. Mức phí bổ sung này có thể được sử dụng để thuê một bên thứ ba được chứng nhận thực hiện một số phần trong quy trình đánh giá hồ sơ đăng ký.

3. Danh mục thuốc biệt dược gốc

- Hiện tại Chính phủ đang xem xét quy trình mới để niêm yết thuốc trong danh mục thuốc biệt dược gốc. Chúng tôi đề xuất làm rõ hơn quy trình này và thời gian liên quan để đảm bảo nguồn cung thuốc liên tục. Đối với các thuốc đã nằm trong danh mục thuốc biệt dược gốc, chúng tôi đề xuất tiếp tục cho phép thuốc nằm trong danh mục mà không cần nộp lại dữ liệu theo các yêu cầu mới, hoặc xin thêm vào danh mục sau khi gia hạn số visa. Hơn nữa, chúng tôi cũng đề xuất cho phép các loại thuốc có hợp đồng gia công hoặc chuyển giao công nghệ trong một khoảng thời gian tiếp tục nằm trong danh mục này.

4. Chi trả bảo hiểm y tế

Pharma Group đề xuất bổ sung quy trình ra quyết định chi trả bảo hiểm và quản lý Danh mục Thuốc Thiết yếu Quốc gia (NEDL) thành một quy trình tập trung, thông suốt, cụ thể:

- **Thời gian và Tần suất:** Đề nghị xây dựng khung thời gian rõ ràng, nhất quán, bao gồm các cam kết về khung thời gian cho quy trình rà soát chi trả bảo hiểm (cụ thể là từ khi nộp cho đến khi phản hồi). Điều chỉnh Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế theo định kỳ 12 tháng/lần, thay vì như hiện tại là 2 năm/lần theo Thông tư 40/2014/TT-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2014 của BYT hướng dẫn danh mục thuốc tân dược thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế (Thông tư 40);
- **Cấu trúc:** Đề nghị cho phép nộp hồ sơ đăng ký và hồ sơ xin bảo hiểm chi trả cùng lúc và xử lý song song. Kết quả đầu ra lý tưởng là có được quyết định chi trả bảo hiểm cuối cùng vào cùng thời điểm phê duyệt cấp Giấy phép Lưu hành trên thị trường. Ngoài ra, chúng tôi đề nghị tạo điều kiện triển khai Danh mục Thuốc thuộc Phạm vi Thanh toán của Quỹ Bảo hiểm Y tế nhanh hơn và một cách tự động tại các bệnh viện công;
- **Tiêu chí lựa chọn:** Tiêu chí để đánh giá việc chi trả cần thống nhất với các thông lệ quốc tế tốt nhất và liên tục chú trọng đến người bệnh, chất lượng và sự lựa chọn của bác sĩ. Chúng tôi cũng kiến nghị đưa vào các tiêu chí rõ ràng cho việc lựa chọn hoạt chất và phần trăm chi trả bảo hiểm;
- **Quyền khiếu nại:** Có quyền khiếu nại quyết định chi trả bảo hiểm trong vòng 90 ngày; và

- **Sự tham gia của các bên liên quan:** Cần cho phép các doanh nghiệp dược trực tiếp nộp đăng ký xin chi trả bảo hiểm, hoặc ở thời điểm nộp đăng ký giấy phép lưu hành trên thị trường hoặc trong giai đoạn đầu tiên khi số visa có hiệu lực. Đề nghị tổ chức các buổi trao đổi công khai, nơi các chuyên gia trong ngành dược được phép tham gia thảo luận với Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và Bộ Y tế để đảm bảo quyết định cuối cùng được đưa ra căn cứ trên dữ liệu đầy đủ.

II. MUA SẮM CÔNG

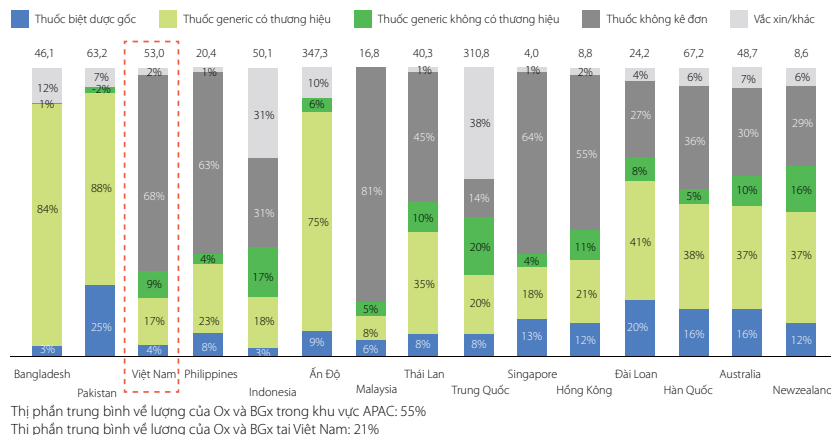
Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXVN), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Mô tả vấn đề

Mua sắm công tại Việt Nam chiếm 67% tổng giá trị thị trường, cao nhất trong số những nước được thống kê. Do đó, quyết định của Chính phủ về Mua sắm Công sẽ có tác động rõ rệt đối với chất lượng y tế, hoạt động cung ứng thuốc và hiệu quả phục vụ bệnh nhân.

Việt Nam đang thực hiện tốt hoạt động mua sắm công. Theo IMS⁵, tổng chi tiêu cho y tế (tính theo giá thực) của Việt Nam thuộc mức thấp nhất trong khu vực ASEAN, thuốc generic nhập khẩu/trong nước chiếm 94% lượng thuốc trúng thầu và Việt Nam hưởng lợi ở hầu hết các mảng điều trị từ một số loại thuốc generic phổ biến nhất khu vực Đông Nam Á, được bán với giá thấp so với khu vực.

Biểu đồ 16: Thị phần (xét về lượng) của thuốc biệt dược gốc tại Việt Nam là 4%, thấp nhất trong khu vực



Nguồn: QuintilesIMS

Pharma Group hiểu được ý định của Chính phủ trong việc đạt mục tiêu tiết kiệm ngân sách bằng cách đưa ra những quy định mới về đấu thầu tại cơ sở y tế công lập. Thuốc biệt dược gốc rất cần thiết đối với hệ thống y tế của Việt Nam, và mặc dù thị phần xét về số lượng của thuốc biệt dược gốc vẫn luôn thấp, không thể phủ nhận sự cần thiết của duy trì lựa chọn của bác sĩ và tiếp cận của bệnh nhân Việt Nam đến thuốc biệt dược gốc, trong khi vẫn đảm bảo quản lý tốt ngân sách y tế, và tạo điều kiện phát triển ngành khoa học đời sống chất lượng cao. Điều này sẽ giúp cơ quan quản lý mua sắm có nhiều lựa chọn điều trị hơn, góp phần nâng cao hiệu quả điều trị chung và cải thiện hiệu quả sử dụng ngân sách, chi tiêu quỹ bảo hiểm y tế.

Trên tinh thần này, Pharma Group trân trọng đánh giá cao một số điểm tiến bộ trong Dự thảo Thông tư về đấu thầu bản ngày 9 tháng 2 năm 2018, trong đó đề cập cơ chế đàm phán giá cho thuốc Biệt dược gốc, bên cạnh một số cơ chế khác. Vì lợi ích bệnh nhân, việc đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng là tiêu chí ưu tiên khi ra mắt hoặc thực thi bất cứ chính sách nào của Chính phủ về mua sắm công, và rằng những cơ chế mua sắm công như đàm phán giá và đấu thầu tập trung có thể đạt được thông qua đối thoại mang tính xây dựng thường xuyên với các bên liên quan. Bằng cách đó, Chính phủ có thể đạt được mục tiêu về hiệu quả điều trị, quản lý ngân sách Nhà nước và phát triển ngành dược, đem lại lợi ích cho bệnh nhân, Chính phủ và doanh nghiệp.

5 "Nâng cao khả năng tiếp cận với các loại thuốc phát minh chất lượng cao của bệnh nhân tại Việt Nam", IMS Consulting Group, tháng 5 năm 2015, Thực hiện theo yêu cầu của Pharma Group Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Pharma Group tin rằng các cơ chế đàm phán giá công bằng và minh bạch, tôn trọng tiêu chuẩn chất lượng cao và lựa chọn của bác sĩ khi điều trị cho bệnh nhân sẽ tạo ra môi trường y tế bền vững hơn. Việc cho phép bác sĩ và bệnh viện mua thuốc theo nhu cầu sẽ tạo điều kiện cho bệnh nhân cả nước tiếp cận được phẩm phát minh chất lượng cao, phòng tránh hiệu quả tình trạng quá tải ở bệnh viện tuyến trung ương. Khi bệnh nhân được tiếp cận thuốc phát minh nhanh hơn qua quy trình đăng ký và chi trả bảo hiểm tối ưu, Việt Nam có thể định vị trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn, tạo nhiều cơ hội phát triển ngành khoa học đời sống, vốn mở đường cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), tạo ra những công việc yêu cầu trình độ kiến thức cao và tăng xuất khẩu, giảm du lịch y tế.

Kiến nghị

Để đảm bảo các cơ chế đàm phán giá được xây dựng và thực thi hiệu quả, Pharma Group đề xuất:

- Luôn luôn tôn trọng lựa chọn của bác sĩ và khả năng tiếp cận thuốc của bệnh nhân, những yếu tố quyết định lượng thuốc cần mua thông qua đấu thầu tại các cơ sở y tế;
- Cần xây dựng cơ chế đàm phán giá hiệu quả, dựa trên nền tảng công bằng, minh bạch và thiện chí từ tất cả các bên liên quan;
- Tạo điều kiện cho nhà sản xuất, đại diện chủ sở hữu giấy phép, cùng với đối tác trong nước tham gia vào quy trình đàm phán giá;
- Có tính đến những cam kết về gia công thuốc hoặc chuyển giao công nghệ để sản xuất thuốc trong nước;
- Tổ chức hội thảo tham vấn trước khi thực hiện để đảm bảo tất cả các bên liên quan đều hiểu rõ về quy trình mới.

III. PHÁT TRIỂN NGÀNH KHOA HỌC ĐỜI SỐNG PHÁT MINH

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Tư pháp (BTP), Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Việt Nam có cơ hội phát triển ngành khoa học đời sống giá trị cao và tự vận hành bền vững, trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn trong khu vực ASEAN. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIE) đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút đầu tư và hợp tác với đối tác trong nước để chuyển giao kiến thức. Một khuôn khổ pháp lý rõ ràng và ổn định để nhà đầu tư có thể lên kế hoạch hoạt động, cùng với ưu đãi thu hút đầu tư, sẽ gửi đi tín hiệu tích cực đến các công ty đa quốc gia. Điều này sẽ mang lại kỷ nguyên đầu tư và những dự án đối tác công-tư của ngành dược phẩm phát minh tại Việt Nam, giúp Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất và phát triển dược phẩm phát minh trong khu vực. Đó là kết quả có lợi cho tất cả các bên: bệnh nhân được tiếp cận thuốc phát minh chất lượng cao, Chính phủ thu hút được nhiều FDI hơn và công ty được phẩm hoạt động dưới hệ thống pháp lý đoán định được.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Cách tiếp cận ngành dược phẩm theo góc nhìn tổng thể và toàn diện sẽ khuyến khích phát triển hệ sinh thái y tế tại Việt Nam, bao gồm không chỉ hoạt động sản xuất, mà còn hoạt động của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, tổ chức thử thuốc trên lâm sàng và các đơn vị khác, từ đó thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Điều này giúp thu hút FDI và các dự án theo mô hình Hợp tác Công-Tư (PPP), để trong tương lai thúc đẩy xuất khẩu dược phẩm, thay thế cho nguồn vốn Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) đang giảm dần. Đây chính là kết quả có lợi cho cả bệnh nhân, Chính phủ và doanh nghiệp trong ngành.

Kiến nghị

Để hiện thực hóa mục tiêu này, Việt Nam cần có khung pháp lý có thể đoán định và có tầm nhìn đủ xa, cũng như cần thành lập nhóm công tác liên Bộ dưới sự chỉ đạo của đại diện cấp cao từ phía Chính phủ để xây dựng Lộ trình phát triển ngành dược phẩm. Để tạo điều kiện và khuyến khích đầu tư dài hạn từ các công ty đa quốc gia, chúng tôi tin rằng cần xem xét nhiều yếu tố trong quá trình xây dựng Lộ trình phát triển ngành dược phẩm, bao gồm:

Yếu tố thúc đẩy

- Mô hình FIE khả thi có khả năng hoạt động kinh doanh với hướng dẫn rõ ràng về việc thành lập FIE và thực hiện toàn bộ các quyền liên quan, tạo điều kiện hợp tác với đối tác, đồng thời đảm bảo cơ chế bảo vệ đầu tư. Nội dung này được trình bày trong cụ thể hơn trong Chương của Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham;
- Cần tính đến những cam kết về gia công thuốc, chuyển giao công nghệ, đầu tư vào cơ sở vật chất và nâng cao năng lực, cũng như nâng cao kiến thức cho bệnh nhân, v.v. khi xem xét cho phép thuốc được miễn đàm phán giá trong một khoảng thời gian nhất định;
- Khả năng được phép đấu thầu trong Gói thầu Biệt dược gốc, hoặc gói thầu riêng cho thuốc biệt dược gốc có chuyển giao công nghệ, và được tham gia đấu thầu ngay lập tức nếu tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật và công nghệ đã được chuyển giao hiệu quả vào Việt Nam;
- Có xem xét gia công bao bì sơ cấp tại Việt Nam giống như thuốc sản xuất trong nước, nếu cam kết sau đó sẽ thực hiện tiếp chuyển giao công nghệ;
- Cho phép có sổ đăng ký phụ (chưa kích hoạt) cho thuốc nhập khẩu, và có thể kích hoạt ngay khi xảy ra vấn đề trong quá trình sản xuất thuốc đó trong nước.

Ưu đãi

- Cần xem xét đưa ra những ưu đãi tạo điều kiện và khuyến khích đầu tư lâu dài. Tương tự như những nước khác, những ưu đãi này có thể là về tiếp cận thị trường, mua sắm công, khả năng giữ giá ổn định và các ưu đãi tài chính khác. Yếu tố này có thể mở đường cho những cam kết dài hạn của công ty đa quốc gia, giúp tăng cường năng lực sản xuất, và sau nữa là khả năng xuất khẩu của Việt Nam.

IV. BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ (SHTT)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Cục sở hữu Trí tuệ (Cục SHTT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Tư pháp (BTP)

Mô tả vấn đề

Nghiên cứu & Phát triển (R&D) là mảng đầu tư đáng kể của các công ty sinh dược dựa trên nền tảng nghiên cứu, khi mà chi phí trung bình để tạo ra một sản phẩm mới phát sinh và đưa đến người bệnh là 180 tỷ Đô-la Mỹ mỗi năm. Và chi phí trung bình để mang những sản phẩm mới phát minh này đến tay người tiêu dùng là 1,3 tỷ Đô-la Mỹ. Chính nhờ những khoản đầu tư lớn cho R&D mà ngành công nghiệp dược phát minh mới có thể tiến xa hơn ở các giải pháp chăm sóc sức khỏe mang lại thành tựu sức khỏe tốt hơn cho người bệnh. Nếu không có những biện pháp lá chắn bảo vệ thỏa đáng, các doanh nghiệp khác có thể có được lợi thế cạnh tranh đáng kể bằng cách dựa vào các dữ liệu được công bố theo yêu cầu luật định do các hãng phát minh thuốc dày công nghiên cứu và xây dựng, điều này sẽ gây tổn hại đến nền tảng của ngành công nghiệp dược đòi hỏi rất nhiều nỗ lực nghiên cứu. Thật vậy, theo khảo sát gần đây về các doanh nghiệp dược hội viên của Pharma Group do PwC thực hiện, 63% thành viên của PG đã từng gặp phải những tình huống vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, với 37 vụ việc vi phạm trong 3 năm gần đây.

Theo một phần thực thi nghĩa vụ của Việt Nam trong Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS), Việt Nam hiện đang cho phép Bảo hộ Dữ liệu cung cấp theo yêu cầu Luật định trong 5 năm. Tuy nhiên, các doanh nghiệp phải nộp đơn riêng đăng ký xin Bảo hộ Dữ liệu, thay vì được tự động bảo hộ ngay khi được cấp Giấy phép Lưu hành (MA) theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế và TRIPS. Trên thực tế, công ty thường không thành công khi đăng ký xin Bảo hộ Dữ liệu.

Theo quy định hiện hành, để đáp ứng các tiêu chí bảo hộ dữ liệu tại Việt Nam, đơn xin bảo hộ dữ liệu cần được nộp trong vòng 12 tháng kể từ ngày Giấy phép Lưu hành trên thị trường được cấp lần đầu tiên ở bất cứ quốc gia nào trên thế giới, tuy nhiên trên thực tế quy định này không phải lúc nào cũng khả thi. Vì công ty phải ngay lập tức xin cấp Giấy phép Lưu hành tại Việt Nam khi thuốc được phê duyệt lưu hành tại một nước bất kỳ khác trên thế giới. Thật vậy, 87% công ty không xin được công văn phê duyệt Bảo hộ Dữ liệu cung cấp theo yêu cầu luật định tại Việt Nam.⁶ Lý do là quy trình kéo dài, hướng dẫn thiếu rõ ràng, thời gian bảo vệ dữ liệu quá ngắn so với thời gian đăng ký và không thể đáp ứng yêu cầu.

6 Khảo sát Giá trị của Pharma Group được thực hiện bởi PwC, 2016.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc áp dụng cơ chế bảo hộ bản quyền, với hệ thống thực thi mạnh mẽ, tự động Bảo hộ Dữ liệu cung cấp theo yêu cầu Luật định, và các cơ chế bảo hộ SHTT khác tuân thủ các chuẩn mực quốc tế sẽ giúp cải thiện hệ thống y tế của Việt Nam, tạo ra môi trường đầu tư với khả năng tiềm năng tốt hơn, thúc đẩy phát minh sáng chế, và góp phần giải quyết vấn nạn y tế là thuốc giả.

Kiến nghị

Theo quan điểm của chúng tôi, Việt Nam cần sửa đổi luật và quy định để đảm bảo quy phạm pháp luật trong nước tuân thủ nội dung chính trong EVFTA và thông lệ phổ biến trên thế giới. Chúng tôi kiến nghị sửa đổi như sau:

- Tự động cấp phép RDP phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, cụ thể là đặt ra quy trình tự động cấp RDP tại thời điểm phê duyệt giấy phép lưu hành, mà không thêm yêu cầu nào khác;
- Việt Nam nên điều chỉnh thời hạn bảo hộ để bù đắp cho những chậm trễ bất hợp lý trong việc cấp giấy phép lưu hành trên thị trường cho dược phẩm. Hiện tại, việc kéo dài hoặc khôi phục thời hạn bảo hộ bản quyền chưa được thực hiện tại Việt Nam. Do đó, chúng tôi mong Việt Nam sẽ bổ sung quy định liên quan vào các văn bản quy phạm pháp luật trong nước;
- Tranh chấp bản quyền nên được giải quyết nhanh nhất có thể. Cục QLD nên hỗ trợ bên giữ bản quyền bằng cách cho phép nộp thông tin về bản quyền đã được cấp để làm nguồn tham khảo nội bộ trong quy trình cấp giấy phép lưu hành. Tuy nhiên, trong thực tế, một số thuốc vi phạm bản quyền vẫn được cấp phép lưu hành. Việt Nam phải cung cấp mối liên hệ hiệu quả giữa việc cấp phép cho thuốc generic và bằng chứng chứng minh thuốc generic đó không vi phạm bản quyền của thuốc biệt dược gốc. Hơn nữa, vi phạm bản quyền nên được giải quyết nhanh chóng trong trường hợp xảy ra kiện tụng, và không nên tạm dừng thủ tục tố tụng đối với hành vi vi phạm, trừ khi hành vi có các tình tiết lợi;
- Việt Nam nên cân nhắc sửa đổi Luật SHTT hiện hành để ghi nhận hoặc đưa ra quy định rõ ràng liên quan đến việc cấp bản quyền cho cách dùng thuốc mới.

Về tổng thể, Việt Nam nên cải thiện các chuẩn mực thực thi quyền SHTT cũng như các quy trình thủ tục liên quan, bằng cách khuyến khích đào tạo đội ngũ thẩm phán cũng như các cơ quan thực thi pháp luật, và bằng cách tăng cường chế tài đối với các đối tượng vi phạm sản xuất, cung ứng, hoặc bán thuốc giả.

Trong thời gian sắp tới, Việt Nam sẽ hoàn thiện khuôn khổ pháp lý định hình bối cảnh ngành dược phẩm trong tương lai gần. Việc rà soát lại pháp luật tạo ra cơ hội độc đáo, nhưng cần nắm bắt nhanh, cho Việt Nam. Đó là cơ hội tăng trưởng, phát triển của Việt Nam và các FTA quốc tế mở ra tầm nhìn mới về một Việt Nam đổi mới, hướng đến mục tiêu tổng thể phát triển ngành y tế và dược phẩm chất lượng cao, lấy bệnh nhân làm trung tâm, phù hợp với tầm nhìn của Thủ tướng Chính phủ.⁷ Việt Nam đang bước trên hành trình tham vọng vươn lên trở thành nước dẫn đầu trong khu vực, mang lại lợi ích cho cả bệnh nhân, Chính phủ và ngành dược phẩm (vì thế “đôi bên cùng có lợi”). Pharma Group cam kết hợp tác với Chính phủ để đạt được mục tiêu đó. Lợi ích từ các FTA là bàn đạp để Việt Nam trở thành nước đi đầu về dịch vụ y tế trong khu vực, đảm bảo bệnh nhân Việt Nam tiếp cận nhanh chóng và bền vững đến các loại thuốc phát minh chất lượng cao và an toàn.

LỜI CẢM ƠN

Pharma Group thuộc EuroCham

⁷ Chiến lược quốc gia của Thủ tướng Chính phủ nhằm bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

CHƯƠNG 13 NGÀNH THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

TỔNG QUAN

Năm 2016 và 2017, ngành Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản đã có những chuyển biến tích cực lẫn tiêu cực, trong số đó, đáng khích lệ là kim ngạch xuất khẩu của một số nông sản đã tăng lên. Trong giai đoạn này, rõ ràng ngành thực phẩm, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản cũng chịu tác động bởi biến đổi khí hậu và thị hiếu thường xuyên thay đổi của người mua.¹ Vì lý do đó, chúng tôi hoàn toàn thống nhất với chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn về việc tập trung tái cơ cấu và phát triển ngành cũng như đẩy mạnh 10 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.²

Cuộc khủng hoảng trong lĩnh vực chăn nuôi lợn hiện nay cho thấy lộ trình phát triển ngành theo định hướng sản xuất, cung cấp thực phẩm an toàn và bền vững đang gặp khá nhiều thách thức.³ Do đó, chúng tôi cho rằng việc tái cấu trúc ngành là hết sức quan trọng. Theo đề xuất từ Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, hành động giảm giá nguyên liệu đầu vào và tăng lượng thịt mua vào để dự trữ có thể tháo gỡ tình hình trong ngắn hạn, tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, đây không phải là giải pháp bền vững.⁴ Vì vậy, Chính phủ cần ưu tiên những giải pháp dài hạn bổ sung cho những giải pháp nêu trên. Thêm vào đó, đề xuất này đã gây sự giảm nhu cầu tiêu thụ gia cầm.⁵

Việc phụ thuộc vào hoạt động xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc (chiếm khoảng 70% tổng giá trị xuất khẩu) là một trong những nguyên nhân chính gây ra các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh lợn/thịt lợn, nhưng trường hợp tương tự cũng từng xảy ra trong lĩnh vực kinh doanh rau quả.⁶ Trước đây, các doanh nghiệp Việt Nam gặp phải trở ngại như thuế xuất nhập khẩu và yêu cầu kiểm dịch khi xuất khẩu sang các quốc gia láng giềng. Cùng với việc thiếu thông tin, dẫn đến doanh nghiệp sử dụng các kênh xuất nhập khẩu không chính thức, bất kể các tiềm ẩn rủi ro lớn hơn.⁷ Theo quan điểm của chúng tôi, cần khắc phục vấn đề nêu trên để cải thiện an toàn thực phẩm. Trong mục III của chương này, chúng tôi sẽ thảo luận về giải pháp giúp cải thiện một phần an toàn thực phẩm và năng lực cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

Các nước nhập khẩu đang đưa ra nhiều biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn đối với mặt hàng cá và thủy sản vì nhiều lý do khác nhau⁸ và điều này cho thấy sự cần thiết của việc tái cấu trúc và phát triển ngành. Tuy nhiên, thịt

- 1 "Top 10 sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam năm 2016", Báo *Vietnam Net*, ngày 3 tháng 2 năm 2017. Xem tại: <english.vietnamnet.vn/fms/business/172030/vietnam-s-top-ten-2016-exports.html> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; "Các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam", Báo *Vietnam Net*, ngày 29 tháng 12 năm 2016. Xem tại: <english.vietnamnet.vn/fms/business/170369/vietnam-s-top-agricultural-export-products-in-2016.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; "Hiện tượng El Nino được dự báo xuất hiện trên diện rộng, kéo theo các trận hạn hán và các cơn bão mạnh tại Việt Nam", Báo *VN Express*, ngày 24 tháng 3 năm 2017. Xem tại: <vnexpress.net/news/news/el-nino-looms-large-in-2017-with-drought-and-strong-typhoons-forecast-for-vietnam-3560262.html> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; "Đồng bằng sông Cửu Long chuẩn bị ứng phó với hiện tượng hạn hán khắc nghiệt hơn", Báo *Vietnam News*, ngày 6 tháng 2 năm 2017. Xem tại: <vietnamnews.vn/society/350615/mekong-set-for-tougher-drought.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.
- 2 "Bộ trưởng Bộ NN&PTNT: Ngành nông nghiệp cần tập trung vào 10 sản phẩm xuất khẩu", Báo *Vietnam News*, ngày 24 tháng 11 năm 2016. Xem tại: <vietnamnews.vn/economy/346850/agriculture-to-focus-on-10-export-products-minister.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.
- 3 "Việt Nam hứng chịu hậu quả khi Trung Quốc đưa ra rào cản thương mại đối với sản phẩm chăn nuôi", Báo *Vietnam Net*, ngày 24 tháng 8 năm 2016. Xem tại: <english.vietnamnet.vn/fms/business/162148/vietnam-suffers-as-china-sets-trade-barriers-on-farm-produce.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.
- 4 "Bộ NN&PTNT yêu cầu các doanh nghiệp chăn nuôi khẩn trương giải cứu các trang trại chăn nuôi lợn", Báo *Vietnam News*, ngày 25 tháng 4 năm 2017. Xem tại: <vietnamnews.vn/economy/375278/mard-urges-husbandry-firms-to-save-pig-farms.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.
- 5 V. Yen, "Chiến dịch giải cứu người chăn nuôi lợn có tác động đến người chăn nuôi gà", Báo *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 27 tháng 6 năm 2017. Xem tại: <english.thesaigontimes.vn/54700/Pig-farmer-rescue-campaign-hits-chicken-breeders.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.
- 6 "Trung Quốc dừng mua lợn của Việt Nam khiến giá bán lao dốc", Báo *Tuổi trẻ*, ngày 14 tháng 5 năm 2016. Xem tại: <tuoitrenews.vn/business/34795/china-stops-buying-vietnamese-pigs-causing-rapid-price-drop> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; K. Tam, "Nông dân Việt Nam đối mặt nhiều thách thức khi thương lái Trung Quốc dừng mua nông sản", Báo *Vietnam News*, ngày 30 tháng 3 năm 2017. Xem tại: <vietnamnews.vn/business/34795/china-stops-buying-vietnamese-pigs-causing-rapid-price-drop> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; "Các trang trại nuôi cá sấu của Việt Nam hứng chịu hậu quả khi nhu cầu từ thị trường Trung Quốc sụt giảm", Báo *Tuổi trẻ*, ngày 17 tháng 11 năm 2016. Xem tại: <tuoitrenews.vn/business/38048/vietnam-croc-farms-suffer-as-chinese-market-shrinks> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; Lưu ý 4. "Việt Nam hứng chịu hậu quả khi Trung Quốc đưa ra rào cản thương mại đối với sản phẩm chăn nuôi", Báo *Vietnam Net*, ngày 24 tháng 8 năm 2016. Xem tại: <english.vietnamnet.vn/fms/business/162148/vietnam-suffers-as-china-sets-trade-barriers-on-farm-produce.html> đã truy cập vào ngày; "Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu nông sản", *Black Sea Grain*, ngày 17 tháng 8 năm 2016. Xem tại: <www.blackseagrains.net/novosti/vietnam-government-aims-to-lift-agricultural-exports> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; "Các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam", Báo *Vietnam Net*, ngày 29 tháng 12 năm 2016. Xem tại: <english.vietnamnet.vn/fms/business/170369/vietnam-s-top-agricultural-export-products-in-2016.html> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017. "Voi kim ngạch đạt 25,5 tỷ đô-la Mỹ, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam", Báo *Hải quan*, ngày 16 tháng 5 năm 2017. Xem tại: <customsnews.vn/with-a-turnover-of-us-255-billion-china-is-the-biggest-trading-partner-of-vietnam-3480.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.
- 7 L. Minh, "Đẩy mạnh Xuất khẩu sang Trung Quốc qua Kênh Chính thức", *Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam*, ngày 21 tháng 11 năm 2016. Xem tại: <www.vccinews.com/news_detail.asp?news_id=34157> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.
- 8 "Các công ty xuất khẩu thủy sản quan ngại về các biện pháp kiểm soát nhập khẩu chặt chẽ hơn của Nhật Bản", *FIS*, ngày 7 tháng 7 năm 2017. Xem tại: <www.fis.com/fis/worldnews/worldnews.asp?monthyear=7-2017&day=7&id=92651&l=e&country=&special=&nb=1&df=1> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

lợn và thịt gà cũng chịu nhiều rào cản khác nhau, đặc biệt là việc đảm bảo các biện pháp tiêu chuẩn về kiểm dịch động thực vật (SPS). Việc đảm bảo các điều kiện về tiêu chuẩn này sẽ là một trong những thách thức lớn nhất mà các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt để tận dụng được các cơ hội của Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) sau khi Hiệp định này có hiệu lực.⁹

Khái niệm Liên minh châu Âu (EU) được xem là “một thực thể thống nhất” trong EVFTA sẽ góp phần thúc đẩy việc cấp phép cho hàng xuất khẩu của EU vào Việt Nam. Tất cả những yêu cầu nhập khẩu sẽ được áp dụng như nhau cho các quốc gia thành viên EU.

Ngành nông sản của Việt Nam có khả năng hưởng nhiều lợi ích rất lớn từ EVFTA, nhưng trước tiên, Việt Nam cần tuân thủ các tiêu chuẩn SPS của EU. Trong trường hợp ngược lại, các sản phẩm của Việt Nam khó có thể xuất khẩu sang EU và điều này sẽ làm tổn hại thương hiệu sản phẩm Việt Nam.

EU vừa đưa ra cảnh báo “Thẻ vàng” với Việt Nam vì chưa chứng minh được Việt Nam đã thực hiện lộ trình cần thiết nhằm chống Hoạt động đánh bắt thủy sản Bất hợp pháp, Không được Báo cáo và Không được Quản lý (IUU) trên toàn thế giới. Điều này có khả năng tác động đến các mặt hàng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.¹⁰

Một vấn đề khác từng được đề cập trong ấn bản Sách Trắng 2017¹¹ là tình trạng kháng kháng sinh (KKS) do sử dụng thuốc kháng sinh tràn lan tại Việt Nam với tỷ lệ kháng kháng sinh đã từng ở mức cao nhất thế giới.¹² Chúng tôi sẽ trình bày vấn đề này trong mục I của chương này.

Việc tiếp cận được một số thị trường “khó tính” như Nhật Bản và Úc cho thấy Việt Nam có thể tuân thủ các yêu cầu an toàn thực phẩm ở mức độ cao.¹³ Theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ cần dựa vào những thành công này để giải thích cho người nông dân và nhà sản xuất hiểu rõ các lợi ích của việc cải tiến tiêu chuẩn do điều này sẽ tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam và tạo điều kiện tiếp cận thêm nhiều thị trường. Chúng tôi đồng ý với Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam về việc cải tiến chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm là cách tốt nhất để tăng cường xuất khẩu.¹⁴ Tuy nhiên, bên cạnh việc tập trung vào tăng cường xuất khẩu, chúng tôi tin rằng trong dài hạn cần ưu tiên tập trung chuyển đổi ngành nông nghiệp trong nước để phát triển ngành mạnh hơn và độc lập hơn. Việc này bao gồm hoạt động nâng cấp và đa dạng hóa, phát triển sản phẩm hiện đại và cải thiện an toàn thực phẩm. Chuyển đổi ngành ở những khía cạnh nêu trên sẽ giúp đẩy mạnh xuất khẩu.

Để tiếp tục cải thiện chất lượng và giải quyết vấn đề về an toàn thực phẩm, Việt Nam cần đẩy mạnh giải pháp truy xuất nguồn gốc.¹⁵ Chúng tôi cũng tin rằng cần rà soát các quy định hiện nay và tạo ra một chuỗi sản xuất, cung ứng nông sản và thực phẩm giá trị cao. Điều này bao gồm hoạt động xây dựng các cơ hội tiếp cận thị trường mới, giảm thiểu KKS và sự phụ thuộc của ngành vào nguyên liệu nhập khẩu.¹⁶ Theo quan điểm của chúng tôi, sự hợp tác và phối hợp của nhiều mắt xích khác nhau trong ngành là chìa khóa tạo ra sự thành công trên thị trường trong nước và quốc tế và đây là điều cần được chú trọng.

Chúng tôi cũng mong muốn nhấn mạnh vào tầm quan trọng của việc phát triển một ngành nông nghiệp bền vững đem lại cho người nông dân thu nhập ổn định và giảm thiểu dấu chân carbon khi đáp ứng nhu cầu tiêu thụ. Ví dụ như người nông dân cần thay đổi tư duy khởi nghiệp, làm giàu hơn nữa. Hiện nay, người nông dân thường lựa chọn loại cây trồng, vật nuôi theo quán tính mà không chú trọng đến nhu cầu người mua hoặc tìm

9 H. Ly, “Hoạt động xuất khẩu chịu thiệt hại lớn do sử dụng chất cấm”, *Kênh Thông tin Đối ngoại của VCCI*, ngày 5 tháng 9 năm 2016. Xem tại: <www.vccinews.com/news_detail.asp?news_id=33880> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

10 “Thẻ vàng của EU rút ra với Việt Nam sẽ có khả năng gây thiệt hại lớn cho sản phẩm thủy sản của Việt Nam”, *Báo Vietnam News*, ngày 25 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <vietnamnews.vn/economy/416153/eu-yellow-card-will-likely-hurt-vn-seafood.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

11 Sách Trắng 2017, Chương 12: “Tổng quan về Ngành Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản”, trang 103; “Tỷ lệ kháng kháng sinh của Việt Nam ở mức cao nhất thế giới”, *Báo Thanh niên*, ngày 1 tháng 11 năm 2015. Xem tại: <www.thanhniennews.com/health/vietnams-antibiotic-resistance-rate-among-the-highest-in-the-world-53110.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

12 *Như trên*.

13 M. Long, “Việt Nam xuất khẩu thịt gà chế biến sẵn sang Nhật Bản”, *Báo VOV World*, ngày 20 tháng 9 năm 2017. Xem tại: <vovworld.vn/en-US/current-affairs/vietnam-exports-processed-chicken-to-japan-577933.vov> truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; M. Van, “Việt Nam lần đầu tiên được cấp phép xuất khẩu thanh long sang Úc”, *Thời Báo Kinh tế Việt Nam*, ngày 29 tháng 8 năm 2017. Xem tại: <vnecomicstimes.com/article/vietnam-today/vietnam-the-first-permitted-to-export-dragon-fruit-to-australia> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

14 B. Chau, “Xuất khẩu thủy sản duy trì đà tăng trưởng”, *Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam*, ngày 4 tháng 11 năm 2016. Xem tại: <www.vccinews.com/news_detail.asp?news_id=34095> truy cập lần cuối ngày 22 tháng 10 năm 2017.

15 Sách Trắng 2016, Chương 11 (I): “An toàn Thực phẩm – tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc và công tác thực thi pháp luật”, trang 80.

16 “Chính sách gây cản trở việc buôn bán nông sản địa phương”, *Báo Vietnam News*, ngày 22 tháng 6 năm 2017. Xem tại: <vietnamnews.vn/economy/378730/policies-hinders-trading-of-local-agricultural-products.html> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; “Nông nghiệp Việt Nam cải thiện chất lượng để xuất khẩu”, *Đài Tiếng nói Việt Nam*, ngày 24 tháng 6 năm 2017. Xem tại: <english.vov.vn/economy/vietnamese-agriculture-improves-quality-for-exports-352245.vov> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; “Điểm yếu trong chuỗi cung ứng nông sản của Việt Nam”, *Báo Vietnam Net*, ngày 6 tháng 5 năm 2017. Xem tại: <english.vietnamnet.vn/fms/business/177731/weakness-in-vietnam-s-agricultural-supply-chains.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; T. Dung, “Việt Nam tìm cách xuất khẩu thịt lợn”, *Báo Thời báo Kinh tế Sài Gòn, chuyên mục Quốc tế*, ngày 22 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <english.thesaigontimes.vn/56697/Vietnam-seeks-to-export-pork.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 10 năm 2017.

hiểu thị hiếu của thị trường trước khi quyết định về sản phẩm.¹⁷ Người nông dân cũng cần tìm hiểu xem họ cần sử dụng sản phẩm nào để gia tăng sản lượng, giảm lượng nước và tài nguyên khác cần dùng trong nuôi trồng và sản xuất, đồng thời duy trì độ màu mỡ của đất. Điều này có thể được thực hiện bằng cách tạo niềm tin và xây dựng các nhóm khuyến nông và dịch vụ về thú y. Chúng tôi ủng hộ quan điểm của Thủ tướng Chính phủ về việc cần tăng quy mô sử dụng đất và áp dụng công nghệ cao bên cạnh việc gia tăng đầu tư và thiết lập các chính sách tốt hơn cho nông nghiệp.¹⁸

Sau đây, chúng tôi sẽ trình bày chi tiết về một số vấn đề này. Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản (FAABS) và Tiểu ban CropLife Việt Nam cùng tham gia soạn thảo chương này.

I. TÌNH TRẠNG KHÁNG KHÁNG SINH

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Mô tả vấn đề

Trong mục này, chúng tôi sẽ trình bày về vấn đề Kháng kháng sinh (KKS). Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) coi đây là vấn đề nghiêm trọng có tính toàn cầu và xếp Việt Nam vào nhóm các quốc gia có tỷ lệ KKS cao nhất trên thế giới. Ước tính vào năm 2050, KKS sẽ là nguyên nhân chính gây tử vong trên toàn cầu, làm 10 triệu người chết mỗi năm mà một nửa trong số đó là tại châu Á. Ngoài ra, thiệt hại về kinh tế sẽ khoảng 100 nghìn tỷ Đô-la Mỹ.¹⁹

Chính phủ đã ý thức về vấn đề này và vào năm 2015, bốn Bộ ngành liên quan của Việt Nam đã ký Bản ghi nhớ với các Đối tác Phát triển. Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, Chống kháng Thuốc đã được thành lập vào năm 2016.²⁰ Thêm vào đó, nhiều cuộc hội thảo về vấn đề này đã diễn ra trong năm 2016 và 2017.²¹ Chúng tôi rất phấn khởi khi nhận thấy sau khi Bản ghi nhớ được ký kết, Kế hoạch Hành động Quốc gia về Quản lý Sử dụng Thuốc Kháng sinh và Kiểm soát Kháng kháng sinh trong Chăn nuôi và Nuôi trồng Thủy sản đã được ban hành.²² Việc thực thi không đầy đủ các quy định phát luật hiện hành liên quan thường xuyên là nguyên nhân chính dẫn đến vấn đề này ở Việt Nam.²³ Chúng tôi sẽ trình bày chi tiết trong mục IV của chương này. Chúng tôi tin rằng khối tư nhân cũng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch hàng động nêu trên. Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia khác, ví dụ như “Kế hoạch chung Hành động Y tế chống KKS” do EU soạn thảo.²⁴ Các thành viên của FAABS hoạt động tích cực trong lĩnh vực liên quan đến thức ăn chăn nuôi, động vật và thí nghiệm và chúng tôi tin rằng các công ty này có thể có những đóng góp đáng kể, phối hợp tham gia với các bên liên quan như đã trình bày trong Kế hoạch Hành động Quốc gia nêu trên.

17 “Người nông dân chuyển sang trồng hồ tiêu khi giá cà phê lao dốc”, Báo *Vietnam News*, ngày 28 tháng 5 năm 2016. Xem tại: <vietnamnews.vn/economy/297419/farmers-switch-to-pepper-as-coffee-prices-fall.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; “Doanh thu xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sụt giảm do cung vượt quá cầu”, Báo *VN Express*, ngày 26 tháng 6 năm 2017. Xem tại: <vnexpress.net/news/business/vietnam-spice-export-revenue-loses-spice-due-to-oversupply-3605029.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

18 T. Hoang, “Thủ tướng Chính phủ chỉ rõ các tồn tại trong sản xuất nông nghiệp”, Báo *VN Express*, ngày 27 tháng 6 năm 2017. Xem tại: <english.theaigontimes.vn/54693/PM-points-out-shortcomings-in-agricultural-production.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

19 J. O'Neill, *Kháng kháng sinh: Giải quyết khủng hoảng về y tế và kinh tế của các quốc gia*. London: Rà soát về Kháng kháng sinh, 2014. Xem tại: <https://amr-review.org/sites/default/files/AMR%20Review%20Paper%20-%20Tackling%20a%20crisis%20for%20the%20health%20and%20wealth%20of%20nations_1.pdf> truy cập lần cuối vào ngày 21 tháng 11 năm 2017.

20 Bản ghi nhớ đã được ký kết giữa Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng như các đối tác phát triển như Tổ chức Y tế Thế giới, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc và Khoa Nghiên cứu Lâm sàng của Đại học Oxford. Đại sứ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và đại diện của các đại sứ quán Nhật Bản, Hà Lan và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland đều bày tỏ sự ủng hộ về Bản ghi nhớ này. “Việt Nam ký kết bản ghi nhớ chống kháng kháng sinh”, *WHO*, ngày 22 tháng 7 năm 2015. Xem tại: <http://www.wpro.who.int/mediacentre/releases/2015/20150722/en/> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

21 “Kháng kháng sinh trong gia súc đe dọa sức khỏe và sinh kế của người Việt Nam”, Báo *Nhân dân*, ngày 3 tháng 8 năm 2017. Xem tại: <en.nhandan.com.vn/society/health/item/5392702-antibiotic-resistance-in-livestock-threatens-vietnamese-health-and-livelihood.html> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; “Tóm tắt về Kế hoạch Hành động của Việt Nam nhằm giảm thiểu sử dụng thuốc kháng sinh/kháng kháng sinh trong chăn nuôi”, *Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc*, ngày 10 tháng 11 năm 2016. Xem tại: <www.fao.org/vietnam/news/detail-events/en/c/451446/> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

22 Kế hoạch hành động này mô tả các vấn đề khác nhau và các hoạt động sẽ được thực hiện trong những năm tới; T. Sau, “Việt Nam đang đi đúng hướng trong chương trình quốc gia về kháng kháng sinh”, Báo *Nhân dân*, ngày 20 tháng 1 năm 2017. Xem tại: <http://www.nhandan.com.vn/suckhoe/tieu-diem/item/31897602-vietnam-dang-di-dung-huong-trong-chuong-trinh-quoc-gia-ve-khang-khang-sinh.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

23 Thuốc kháng sinh được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau như phòng chống bệnh tật nhưng cũng được sử dụng là chất kích thích tăng trưởng để ngăn chặn nhiễm khuẩn và kiểm soát sự lây lan của vi khuẩn kháng thuốc trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam.

24 “Kế hoạch Hành động Y tế của châu Âu chống Kháng Kháng sinh”, *Liên minh châu Âu*, Tháng 6, 2017. Xem tại: <ec.europa.eu/health/amr/sites/amr/files/amr_action_plan_2017_en.pdf> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; “Hành động ở cấp Liên minh châu Âu”, *Liên minh châu Âu*, tháng 6, 2017. Xem tại: <ec.europa.eu/health/amr/action_eu_en> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Nếu nguyên nhân gây ra KKS được xử lý triệt để, tỷ lệ KKS sẽ giảm, làm giảm tác động của KKS đến đời sống xã hội và nền kinh tế Việt Nam. Việc này sẽ giúp phòng ngừa, cứu chữa nhiều người dân và ngăn chặn việc gia tăng các chi phí y tế có thể phát sinh. Nếu Việt Nam không xử lý dứt điểm việc sử dụng tràn lan thuốc kháng sinh thì ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam, do các quốc gia nhập khẩu sẽ kiểm tra dư lượng thuốc kháng sinh.

Kiến nghị:

- Phối hợp với khối tư nhân trong nước và nước ngoài, như các thành viên của FAABS để giảm thiểu KKS;
- Áp dụng các chuẩn mực chăn nuôi tốt để giảm nhu cầu điều trị bằng thuốc kháng sinh trong chăn nuôi thông qua chương trình khuyến nông và hoạt động liên quan;
- Khuyến khích nghiên cứu thuốc điều trị thay thế cho thuốc kháng sinh; và
- Tăng cường nhận thức và bồi dưỡng cho người nông dân về các rủi ro liên quan đến việc sử dụng tràn lan thuốc kháng sinh.

II. QUẢN LÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Mô tả vấn đề

Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 8 tháng 6 năm 2015 của Bộ NN&PTNT về quản lý thuốc bảo vệ thực vật (Thông tư 21) có hiệu lực vào ngày 1 tháng 8 năm 2015. Theo quan điểm của chúng tôi, quy định cấm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cho cây ăn quả, cây chè và cây rau có độ độc cấp tính của hoạt chất hoặc thành phẩm thuộc loại 3, 4 theo Hệ thống Hải hòa Toàn cầu (GHS), có Thời gian Cách ly (PHI)²⁵ ở Việt Nam trên 7 ngày, không phải là một biện pháp phù hợp về mặt khoa học. GHS được xây dựng bởi Liên Hợp Quốc để đảm bảo tính thống nhất trên khắp thế giới về việc cung cấp các thông tin liên quan đến phân loại hóa chất và mô tả rủi ro, chủ yếu là các thông tin ghi trên nhãn sản phẩm và bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất. Cả GHS và PHI đều không được xây dựng như một biện pháp thay thế cho quy trình đánh giá rủi ro trong việc xác định độ độc tính của sản phẩm hoặc để xác định xem sản phẩm có an toàn cho người tiêu dùng không. Hệ thống phân loại GHS và PHI đều không được thiết kế để các cơ quan quản lý sử dụng làm tiêu chí loại bỏ các sản phẩm liên quan bởi các cơ quan ban hành quy định. Việt Nam là nước đầu tiên trên thế giới áp dụng hệ thống phân loại GHS và PHI làm tiêu chí để cấm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đối với một số nhóm cây trồng.

Chúng tôi rất ủng hộ nỗ lực của Chính phủ trong xây dựng khuôn khổ pháp lý cho sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật để bảo vệ lợi ích của người nông dân và sức khỏe người tiêu dùng. Tuy nhiên, việc hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cần dựa trên cách đánh giá phù hợp về an toàn và rủi ro, có xem xét đến nhiều khía cạnh khác nhau về độ độc tính của thành phẩm, chứ không phải xét theo độ độc chung của các hoạt chất, cũng như không nên dùng phân loại độ độc tính theo GHS làm tiêu chí để cấm. Trong ấn bản Sách Trắng 2017, chúng tôi đã đề cập đến tầm quan trọng của việc áp dụng đánh giá rủi ro đối với các vấn đề về an toàn thực phẩm.²⁶

Chúng tôi đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ trong việc giám sát khía cạnh an toàn tiêu dùng của hàng hóa nông nghiệp ở thị trường trong nước, trong đó có tiêu chí Mức Dư lượng Tối đa Cho phép (MRL) và Chính phủ nên tiếp tục thực hiện trong tương lai. Chúng tôi cũng tin rằng sự hợp tác giữa Chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan là cần thiết để cùng đẩy mạnh việc sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật và thúc đẩy các thực hành tốt trong nông nghiệp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo quan điểm của chúng tôi, việc sử dụng GHS và PHI làm tiêu chí cấm thuốc bảo vệ thực vật sẽ làm tăng MRL do sử dụng liên tục các thuốc bảo vệ thực vật giống nhau; cây trồng nhanh chóng kháng thuốc và người nông dân có khả năng chuyển sang sử dụng sản phẩm phi pháp, dùng thuốc không theo hướng dẫn và áp dụng các thực hành không tốt, cuối cùng dẫn đến giảm năng suất. Ngược lại, một sản phẩm thuốc có khả năng bị dùng quá nhiều và thu nhập của người nông dân cũng sụt giảm. Nếu các vấn đề nêu trên không được giải quyết triệt để thì sẽ gây thiệt hại đáng kể về uy tín và lợi thế cạnh tranh của ngành nông nghiệp Việt Nam so với các nước láng giềng trong khu vực ASEAN và khu vực khác.

25 PHI là một giá trị tham khảo về số ngày cần đặt từ lần cuối cùng sử dụng sản phẩm bảo vệ thực vật cho đến khi có thể thu hoạch.

26 Sách Trắng 2017, Chương 12 (II): "An toàn thực phẩm: quản lý an toàn thực phẩm theo rủi ro và tầm quan trọng của công tác thực thi pháp luật", trang 107.

Kiến nghị

- Áp dụng đánh giá rủi ro trong đăng ký và sử dụng sản phẩm;
- Bỏ việc sử dụng phân loại theo GHS và PHI làm tiêu chí để cấm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên cây ăn quả, cây chè và cây rau được qui định trong Thông tư 21;
- Chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan hợp tác để cùng thúc đẩy sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật và thực hành tốt trong nông nghiệp; và
- Tiếp tục nỗ lực giám sát khía cạnh an toàn tiêu dùng của sản phẩm ở thị trường trong nước, bao gồm các vấn đề liên quan đến mức dư lượng trong sản phẩm nông nghiệp.

III. CÔNG TÁC THỰC THI PHÁP LUẬT: TRUY XUẤT NGUỒN GỐC VÀ TRÁCH NHIỆM THÔNG QUA HỆ THỐNG NHẬN DIỆN VÀ THEO DÕI VẬT NUÔI

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Mô tả vấn đề

Hiện nay, mặc dù Luật An toàn Thực phẩm đã quy định nhưng vẫn chưa có hệ thống truy xuất nguồn gốc bắt buộc. Gần đây, có một số hệ thống truy xuất nguồn gốc “tự nguyện” được thiết lập tại địa phương đối với sản phẩm trứng và rau quả.²⁷ Đây là một bước khởi đầu tốt nhưng theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ nên bắt đầu áp dụng các hệ thống truy xuất theo hướng bắt buộc. Có thể khởi đầu với hệ thống đăng ký vật nuôi bắt buộc, bởi vì việc thiếu hệ thống đăng ký vật nuôi hiện nay làm tăng gấp đôi rủi ro về an toàn thực phẩm.

Thứ nhất, khi một căn bệnh nguy hiểm bùng phát và có thể truyền từ động vật sang con người (bệnh lây truyền từ động vật sang người), thì việc truy xuất nguồn gốc bệnh là không khả thi. Khi nguồn lây nhiễm không thể được xác định chính xác thì rất khó để điều trị bệnh nếu không muốn nói là không thể. Điều này làm suy giảm niềm tin của người dân vào ngành nông nghiệp và thị trường Việt Nam, dẫn đến sụt giảm giá bán và gây thiệt hại uy tín không thể khắc phục.

Thứ hai, việc không có một hệ thống nhận diện vật nuôi làm tăng khả năng xảy ra các vấn đề nghiêm trọng về an toàn thực phẩm. Ví dụ như khi một vấn đề như việc sử dụng trái phép hoặc môn hoặc thuốc kháng sinh bị phát hiện, thường thì không thể xác định và xử phạt người vi phạm do không rõ nguồn gốc của sản phẩm. Việc thiếu trách nhiệm giải trình làm tăng khả năng xảy ra vi phạm do thủ phạm biết rằng cơ hội bị bắt là rất thấp. Ví dụ như, tại phiên họp của Quốc hội vào tháng 6 năm 2017, báo cáo cho thấy chỉ 20% trong số 680.000 vụ vi phạm đã phát hiện bị xử phạt.²⁸ Tuy nhiên, chúng tôi hoan nghênh Nghị định mới về xử phạt vi phạm về an toàn thực phẩm đang được soạn thảo.²⁹ Theo quan điểm của chúng tôi, điều này sẽ có tác động tích cực. Chính phủ cũng đã ghi nhận nên xử lý các vi phạm nghiêm ngặt hơn³⁰ và chúng tôi ủng hộ việc các cơ quan chức năng của Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định thực hiện việc này.³¹ Trong các ấn bản Sách Trắng trước đây, chúng tôi đã nêu lên vấn đề thực thi chặt chẽ các quy định hiện hành.³² Dĩ nhiên có thể hoàn thiện văn bản pháp lý, tuy nhiên, chúng tôi tin rằng việc thực thi hiệu quả các quy định hiện nay sẽ là bước đi đúng đắn đầu tiên. Điều này sẽ làm tăng độ an toàn của thực phẩm, tăng năng lực cạnh tranh và khả năng xuất khẩu của Việt Nam, đồng thời giảm thiểu đáng kể tác động tiêu cực kinh tế thông qua cắt giảm chi phí y tế khả năng từ chối sản phẩm của Việt Nam bởi các nước nhập khẩu.

27 V. Yen, “Nguồn gốc của sản phẩm trứng có thể được truy xuất từ tháng này”, Báo Thời báo Kinh tế Sài Gòn, ngày 7 tháng 9 năm 2017. Xem tại: <english.thesaigontimes.vn/55976/Egg-origin-made-traceable-from-this-month.html> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; “Người tiêu dùng ở Sài Gòn hiện có thể kiểm tra xuất xứ của rau quả”, Báo VN Express, ngày 17 tháng 1 năm 2017. Xem tại: <https://v.vnexpress.net/news/news/saigon-consumers-can-now-check-where-their-vegetables-come-from-3529541.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

28 “Các cơ quan lập pháp cho rằng thực phẩm không an toàn đang làm người Việt Nam chết dần”, Báo VN Express, ngày 6 tháng 7 năm 2017. Xem tại: <v.vnexpress.net/news/news/lawmakers-say-unsafe-food-giving-vietnamese-long-slow-death-3595305.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

29 “Bộ ngành xử phạt nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm”, Báo Thời báo Kinh tế Sài Gòn, ngày 8 tháng 9 năm 2017. Xem tại: <english.thesaigontimes.vn/56028/Ministry-gets-tough-on-food-safety-violations.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

30 “Các địa phương đấu tranh để đảm bảo an toàn thực phẩm”, Báo Vietnam Net, ngày 12 tháng 9 năm 2017. Xem tại: <english.vietnamnet.vn/fms/society/186231/localities-struggle-to-ensure-food-safety.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; “Tăng cường xử phạt tiềm ẩn hóa chất vào tôm”, Báo Vietnam News, ngày 13 tháng 9 năm 2017. Xem tại: <http://vietnamnews.vn/society/393687/shrimp-injection-crackdown-intensified.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

31 K. Phong, “Người vi phạm quy định về an toàn thực phẩm sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự”, Báo Thời báo Kinh tế Sài Gòn, ngày 6 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <sggpnnews.org.vn/law/food-safety-violators-to-face-criminal-charges-70372.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

32 Sách Trắng 2015, chương 3.1.5: “Khuyến khích Pháp lý, Công tác Hợp tác và Thực thi Pháp luật” trang 91; Sách Trắng 2016, chương 11 mục I: “An toàn Thực phẩm – tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc và công tác thực thi pháp luật”, trang 81; Sách Trắng 2017, chương 13, mục II: “An toàn thực phẩm: quản lý an toàn thực phẩm theo rủi ro và tầm quan trọng của công tác thực thi pháp luật”, trang 106.

Chúng tôi cũng tin rằng một hệ thống nhận diện và theo dõi cho phép truy xuất nguồn gốc sẽ là công cụ hữu ích để khởi tố người vi phạm và giúp cải thiện vấn đề, nâng cao uy tín về an toàn thực phẩm của Việt Nam. Hệ thống nhận diện cho phép truy xuất thông tin về từng sản phẩm vật nuôi bao gồm trang trại nơi động vật được sinh sản, địa điểm chăn nuôi và lò giết mổ cũng như các công ty chịu trách nhiệm vận chuyển. Do sự bùng phát của một căn bệnh nguy hiểm sẽ gây ra thiệt hại nghiêm trọng về uy tín của ngành nông nghiệp và của quốc gia, chúng tôi tin rằng chi phí đầu tư cho hệ thống đăng ký này được hỗ trợ bởi nhiều đối tượng. Khoản đầu tư ban đầu để thiết kế và xây dựng hệ thống nên có từ ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, chi phí vận hành hệ thống nên được duy trì bằng phí thu từ ngành nông nghiệp. Mỗi hộ sản xuất, doanh nghiệp vận chuyển và doanh nghiệp chế biến cần đóng một mức phí cố định hàng năm để đăng ký và tham gia vào hệ thống. Sau đó, đối với mỗi vật nuôi muốn đăng ký, doanh nghiệp cần trả thêm một khoản phí nữa, nghĩa là các cơ sở chăn nuôi lớn hơn sẽ trả phí cao hơn. Chúng tôi xin mô tả ngắn gọn một hệ thống thí điểm đang hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh dưới đây. Hệ thống thí điểm cho thấy người sử dụng thanh toán các khoản chi phí của để án tương đối dễ dàng.

Việc theo dõi vận chuyển vật nuôi sẽ cho phép Bộ NN&PTNT phòng chống tốt hơn các bệnh gây thiệt hại lớn về kinh tế như bệnh lở mồm long móng thông qua Cúc Thú y. Các bệnh này hiện đang cản trở việc xây dựng các hiệp định y tế chính thức với Trung Quốc và gây thiệt hại hàng triệu Đô-la Mỹ mỗi năm cho người nông dân. Cục Chăn nuôi của Bộ NN&PTNT và Bộ Công Thương cần có hệ thống theo dõi nâng cấp để phòng chống và kiểm soát tốt hơn việc nhập lậu thịt gia súc và các sản phẩm từ quốc gia khác và cải thiện khả năng tiếp cận thị trường và khả năng cạnh tranh ở thị trường nước ngoài. Chúng tôi biết rằng hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm sạch đang hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh với sự hỗ trợ của nhiều cơ quan liên quan.³³ Hệ thống này đảm bảo truy xuất nguồn gốc và tính toàn vẹn của toàn bộ sản phẩm thịt lợn được đưa vào Thành phố Hồ Chí Minh từ 22 tỉnh lân cận.³⁴ Hệ thống hiện đang được áp dụng thêm với thịt gà và thịt gia cầm,³⁵ sản phẩm trứng³⁶ và trong tương lai sẽ áp dụng với thịt bò, rau quả. Quyết định của chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh trong việc chỉ chấp nhận sản phẩm thịt lợn có thể truy xuất nguồn gốc là một bước đi đúng đắn. Tuy nhiên, điều này cần phải được thực hiện nghiêm túc và chúng tôi tin rằng Thành phố Hồ Chí Minh sẽ làm được điều đó trong thời gian tới.³⁷

Chương trình này có thể nâng cao đáng kể khả năng của Chính phủ trong việc theo dõi vận chuyển động vật và sản phẩm từ động vật. Đây là một hệ thống đáng tin cậy, cho phép thực hiện nghiêm ngặt hơn các quy định và làm giảm tác động của tham nhũng. Khoản chi phí rất nhỏ của hệ thống sẽ được người dùng chi trả, thay vì đến từ cơ quan chính quyền hoặc tài trợ quốc tế. Để chương trình này thành công, các cơ quan chính quyền nên phê duyệt, hỗ trợ và thực hiện ở tất cả các cấp và cũng cần công bố báo cáo thường niên trình bày chi tiết cách giải quyết các vấn đề.

Các cơ quan chính quyền cũng nên ngăn chặn buôn bán các sản phẩm bị nghi ngờ về tính an toàn trong khi đang chờ đợi kết quả xét nghiệm. Hiện nay, việc này vẫn chưa thể thực hiện được và chúng tôi đề nghị soạn thảo các quy định chính thức để giải quyết vấn đề này.³⁸

Năm 2017, tại châu Âu đã phát hiện ra một trường hợp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật gây tác động tiêu cực đến sản phẩm trứng. Sự kiện này đã gây thiệt hại lớn về tài chính cho nhiều công ty. Tuy nhiên, việc sản phẩm trứng bị hư hỏng có thể được truy xuất nguồn gốc trên thực tế đã giúp ngăn chặn tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và tìm ra những bên chịu trách nhiệm.³⁹ Vụ việc cho thấy việc kiểm soát an toàn thực phẩm không phải lúc nào cũng dễ dàng. Nhưng khi áp dụng các công cụ phù hợp, vấn đề này có thể được giải quyết một cách hiệu quả và nhanh chóng và những người có liên quan đều phải chịu trách nhiệm. Chính phủ Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm này và các thông lệ tốt khác của quốc tế để tránh tình huống tương tự, áp dụng tại Việt Nam.⁴⁰ Như đã trình bày trong ấn bản Sách Trắng lần trước,⁴¹ theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới,⁴² an toàn thực phẩm

33 Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo: <https://te-food.com/use_case.html> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

34 Quyết định 6079/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy chế thực hiện để án quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt lợn thuộc dự án mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020

35 Quyết định 3584/QĐ-UBND ngày 8 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt quy chế thực hiện để án quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt gia cầm thuộc dự án mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

36 Quyết định 3583/QĐ-UBND ngày 8 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt quy chế thực hiện để án quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc sản phẩm trứng thuộc dự án mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

37 V. Yen, "Thành phố Hồ Chí Minh sẽ truy xuất nguồn gốc thịt lợn chặt chẽ hơn", Báo Thời báo Kinh tế Sài Gòn, chuyên mục Quốc tế, ngày 23 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <english.thesaigontimes.vn/56696/HCMC-says-will-trace-pork-origin-more-stringently.html> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

38 K. Phong, "Người vi phạm quy định về an toàn thực phẩm sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự", Báo Thời báo Kinh tế Sài Gòn, ngày 6 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <csggnews.org.vn/law/food-safety-violators-to-face-criminal-charges-70372.html> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

39 "15 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, Hong Kong và Thụy Sĩ vướng vào vụ bê bối về sản phẩm trứng thối", RTE, ngày 11 tháng 8 năm 2017. Xem tại: <www.rte.ie/news/europe/2017/0811/896628-eu-commission-eggs/> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

40 Nguyễn Việt Hùng, Trần Thị Tuyết Hạnh, F. Unger, Đặng Xuân Sinh & D. Grace, "An toàn thực phẩm tại Việt Nam: chúng ta đang ở đâu và chúng ta có thể học hỏi điều gì từ kinh nghiệm của quốc tế", NCBI, ngày 16 tháng 2 năm 2017. Xem tại: <www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC5314466/> ngày 22 tháng 11 năm 2017.

41 Sách Trắng 2017, Chương 12: "An toàn thực phẩm: Quản lý an toàn thực phẩm theo rủi ro và tầm quan trọng của công tác thực thi pháp luật", trang 106.

42 "Quản lý rủi ro an toàn thực phẩm tại Việt Nam, thách thức và cơ hội: báo cáo kỹ thuật", Nhóm Ngân hàng Thế giới, ngày 28 tháng 3 năm 2017. Xem tại: <documents.worldbank.org/curated/en/415551490718806138/pdf/113828-REVISED-WP-Technical-working-paper-EN-FINAL.pdf> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; "Ngân hàng Thế giới công bố báo cáo về an toàn thực phẩm tại Việt Nam", Báo Vietnam Net, ngày 28 tháng 3 năm 2017. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/society/175339/world-bank-releases-report-on-food-safety-in-vietnam.html>> truy cập lần cuối vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

cần đánh giá trên phương thức đánh giá rủi ro. Theo quan điểm của chúng tôi, có thể thực hiện điều này một cách tốt nhất thông qua việc khuyến khích người sản xuất tham gia và yêu cầu họ cam kết cung cấp sản phẩm thực phẩm an toàn.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc áp dụng hệ thống nhận diện và theo dõi cho phép truy xuất nguồn gốc sẽ giúp xác định và xử phạt người vi phạm dễ dàng hơn. Điều này sẽ góp phần giảm thiểu vi phạm, với hệ thống hiệu quả có thể xác định bên chịu trách nhiệm. Đồng thời, các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm sẽ ra đời và uy tín của sản phẩm Việt Nam sẽ được nâng cao trong phạm vi quốc gia và quốc tế. Khi vấn đề an toàn thực phẩm được chú trọng, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội xuất khẩu sản phẩm sang EU và các thị trường khác.

Kiến nghị

- Phân bổ ngân sách để thiết lập hệ thống nhận diện và theo dõi cho phép truy xuất nguồn gốc;
- Bắt đầu thí điểm với một sản phẩm mà Việt Nam có khả năng cạnh tranh và tiềm năng xuất khẩu, ví dụ như thịt lợn;
- Nhân rộng mô hình thí điểm của Thành phố Hồ Chí Minh trên các tỉnh thành và toàn quốc;
- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng trong việc thực hiện chương trình của Thành phố Hồ Chí Minh nhằm cải thiện uy tín của sản phẩm Việt Nam, an toàn thực phẩm và xuất khẩu;
- Khuyến khích chính quyền các cấp phê duyệt, hỗ trợ và thực hiện hệ thống này;
- Áp dụng phí đăng ký thường niên đối với hệ thống nhận diện và theo dõi và phí đăng ký cho từng vật nuôi hoặc tham khảo mô hình của Thành phố Hồ Chí Minh;
- Soạn thảo quy định để ngăn việc buôn bán các sản phẩm đang trong quá trình kiểm duyệt và lấy mẫu xét nghiệm;
- Tham khảo thông lệ tốt trên thế giới về truy xuất nguồn gốc và cân nhắc áp dụng khi cần thiết để cải thiện tình hình tại Việt Nam; và
- Cải thiện an toàn thực phẩm thông qua việc khuyến khích sự tham gia của nhà sản xuất và sự đảm bảo nhà sản xuất cam kết cung cấp sản phẩm thực phẩm an toàn.

IV. CÔNG TÁC THỰC THI PHÁP LUẬT: CÁC CHẤT BỊ CẤM SỬ DỤNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Mô tả vấn đề

Trong chăn nuôi, thuốc kháng sinh chủ yếu được sử dụng cho ba mục đích: kích thích tăng trưởng,⁴³ điều trị bệnh và phòng bệnh cho vật nuôi. Để đáp ứng ba mục đích này, thuốc kháng sinh thường được thêm vào thức ăn chăn nuôi.

Trong 5 năm qua, các cơ quan lập pháp của Việt Nam đã nỗ lực rất nhiều để ngăn chặn sử dụng thuốc kháng sinh bị cấm và thuốc thú y khác trong chăn nuôi, cũng như để thực thi các quy định hiện nay, với nhiều mức độ thành công khác nhau.⁴⁴ Việc sử dụng thuốc thú y bị cấm làm chất kích thích tăng trưởng chủ yếu xuất hiện trong sản xuất phục vụ thương mại hoặc trong sản xuất nhỏ lẻ nhằm mục đích cạnh tranh không lành mạnh, một vấn đề chúng tôi đã trình bày trong ấn bản Sách Trắng 2015.⁴⁵ Một số thông tư đã được ban hành với danh mục hóa chất và kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm tại Việt Nam từ năm 2014.⁴⁶ Tuy nhiên, thời điểm chính thức có hiệu lực của một số thông tư đó đã bị trì hoãn vì nhiều lý do.

Năm 2017, Cục Thú y thuộc Bộ NN&PTNT đã giảm số lượng và chủng loại thuốc kháng sinh có thể được sử dụng cho mục đích kích thích tăng trưởng và năm 2018, việc sử dụng cho mục đích này sẽ bị cấm hoàn toàn. Tuy nhiên, việc sử dụng thuốc kháng sinh để phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi có tác động rất nghiêm trọng đến sức khỏe con người do lượng thuốc kháng sinh sử dụng cao hơn nhiều so với khi được sử dụng làm thuốc kích thích tăng trưởng.

43 Hoóc môn được sử dụng làm chất kích thích tăng trưởng gồm salbutamol, clenbutarol và ractobamine.

44 Người đứng đầu của cơ quan/công ty vi phạm các quy định liên quan đến sử dụng chất bị cấm có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.

45 Sách Trắng 2015, Chương 3, đoạn 3.1.5: “Khuyến khích Pháp lý, Công tác Phối hợp và Thực thi Pháp luật” trang 92.

46 Thông tư 28/2014/TT-BNNPTNT ngày 4 tháng 9 năm 2014 và Thông tư 42/2015/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2015 ban hành hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm tại Việt Nam và Thông tư 06/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 liệt kê rõ ràng thuốc kháng sinh có thể được sử dụng làm thuốc kích thích tăng trưởng.

trường. Tuy nhiên, chưa có các quy định cụ thể hoặc rõ ràng để kiểm soát hiệu quả vấn đề này do chỉ có một ít loại thuốc kháng sinh bị cấm được trình bày trong Thông tư 28/2014/TT-BNNPTNT ngày 4 tháng 9 năm 2014 của Bộ NN&PTNT đưa ra danh sách các hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm tại Việt Nam.

Sau khi phát hiện trường hợp sử dụng thuốc cấm vào năm 2014 và việc chính quyền địa phương thi hành quyết liệt các quy định hiện có,⁴⁷ một số người nông dân đã đồng ý không sử dụng các thuốc kháng sinh này trong tương lai.⁴⁸ Chúng tôi rất vui mừng khi biết rằng các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi quy mô vừa cũng đã chủ động giảm thiểu sử dụng thuốc kháng sinh trong sản xuất, thậm chí đặt mục tiêu ngừng sử dụng trong tương lai. Thuốc kháng sinh sẽ được thay thế bằng các loại chất an toàn như chất thảo dược và enzym. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, cách tiếp cận toàn diện và bền vững đối với ngành chăn nuôi ở các khía cạnh an toàn sinh học, xây dựng mô hình và kiểm soát, tiêm chủng vắc xin, hệ thống theo dõi, di truyền học và dinh dưỡng sẽ đem đến kết quả tốt hơn so với việc sử dụng thiếu kiểm soát “các sản phẩm thần dược”.

Thêm vào đó, trong năm qua, bộ xét nghiệm nước tiểu nhanh đã được sử dụng để kiểm tra chất cấm sử dụng trong chăn nuôi ở Việt Nam. Phương pháp này đã giúp các cơ quan chính quyền phát hiện vi phạm và sau đó xử phạt nghiêm khắc người vi phạm, gồm tiêu hủy tất cả vật nuôi tại trang trại chăn nuôi. Kết quả là việc lạm dụng thuốc cấm tăng trưởng đã được kiểm soát, các vụ việc lạm dụng thuốc cấm tăng trưởng đã giảm đáng kể và có thể chấm dứt trong tương lai.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các nhà sản xuất sản phẩm thịt gia súc quan ngại về việc tiêu dùng an toàn những sản phẩm này tại và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Để xuất khẩu sản phẩm, ngành chăn nuôi của Việt Nam phải vượt qua nhiều rào cản kỹ thuật khắt khe từ các nhà nhập khẩu. Điều này sẽ khuyến khích các doanh nghiệp tìm ra giải pháp đảm bảo an toàn thực phẩm và sử dụng thuốc kháng sinh một cách có trách nhiệm. Một khi việc sử dụng liên tục bộ xét nghiệm nước tiểu nhanh trong thời gian dài trên phạm vi toàn quốc các quy định hiện hành được thực hiện một cách hiệu quả, uy tín của sản phẩm thịt lợn sẽ được cải thiện. Mọi người dân sẽ có thể yên tâm sử dụng thịt lợn an toàn và Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội xuất khẩu hơn.⁴⁹ Thêm vào đó, điều này sẽ tác động tích cực đến vấn đề KKS đã mô tả ở phần trước trong chương này.

Kiến nghị

- Thực hiện chặt chẽ và hiệu quả các quy định hiện hành cấm sử dụng thuốc cấm;
- Tạo điều kiện để người chăn nuôi tiếp cận với các sản phẩm sử dụng trong chăn nuôi được nhập khẩu từ các quốc gia có Hiệp định Thương mại Tự do với Việt Nam; và
- Nâng cao nhận thức về việc sử dụng thuốc kháng sinh bị cấm, đặc biệt là sử dụng với mục đích kích thích tăng trưởng.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban CropLife Việt Nam thuộc EuroCham

Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Techna Nutrition Việt Nam

Marieke van der Pijl, nguyên Phó Chủ tịch và Cố vấn Pháp lý

Fresh Studio

Phileo Lesaffre

De Heus Việt Nam

47 Việc sử dụng đã bị cấm vào năm 2002. “Người chăn nuôi lợn tiến tới sử dụng đầu dò hóa học”, Báo *Vietnam News*, ngày 25 tháng 8 năm 2014. Xem tại: <vietnamnews.vn/society/259271/pig-farmers-targeted-in-chemical-probe.html> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017; “Chủ các trang trại chăn nuôi lợn nói không với thuốc kích thích tăng trưởng”, Báo *Vietnam News*, ngày 25 tháng 8 năm 2015. Xem tại: <vietnamnews.vn/society/274947/pig-farm-owners-say-no-to-growth-promoters.html> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

48 “Chủ các trang trại chăn nuôi lợn nói không với thuốc kích thích tăng trưởng”, Báo *Vietnam News*, ngày 25 tháng 8 năm 2015. Xem tại: <vietnamnews.vn/society/274947/pig-farm-owners-say-no-to-growth-promoters.html> đã truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017. Lưu ý 31. Ngày 25 tháng 8 năm 2015. Xem tại: < vietnamnews.vn/society/274947/pig-farm-owners-say-no-to-growth-promoters.html>

49 T. Dung, “Việt Nam tìm cách xuất khẩu thịt lợn”, Báo *Thời báo Kinh tế Sài Gòn, chuyên mục Quốc tế*, ngày 22 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <english.thesaigontimes.vn/56697/Vietnam-seeks-to-export-pork.html> truy cập vào ngày 22 tháng 11 năm 2017.

CHƯƠNG 14 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

TỔNG QUAN

Ngành Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) tại Việt Nam đã phát triển nhanh chóng trong vài năm gần đây. Đây là một ngành kinh tế ngày càng quan trọng, đóng vai trò là đầu tàu và động lực phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Trong năm 2017, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã yêu cầu các thành phố lớn của Việt Nam và chính quyền của các thành phố này có những bước đi cần thiết để thực hiện Cuộc cách mạng Công nghiệp Lần thứ tư¹. Điều này một lần nữa cho thấy Việt Nam sẵn sàng thách thức bản thân và tham gia vào Cuộc cách mạng này. Việc Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) dự kiến được thực thi trong năm 2018 sẽ đem đến một làn sóng đầu tư mới và đòi hỏi tăng cường năng lực, thực thi các chính sách nhằm đảm bảo phát triển hạ tầng số và an ninh cho hệ thống thông tin quốc gia.

Tiểu ban Công nghệ Thông tin và Truyền thông (Tiểu ban CNTT&TT) thuộc EuroCham hoan nghênh các sáng kiến này. Chúng tôi không ngừng hỗ trợ cho sự phát triển dài hạn về CNTT&TT của Việt Nam bằng cách giải quyết các vấn đề chung liên quan đến các công ty CNTT&TT châu Âu tại Việt Nam.

Để Việt Nam trở thành một quốc gia lớn mạnh và đáng tin cậy hơn trên thị trường CNTT&TT khu vực và toàn cầu, chúng tôi cho rằng các quy định pháp luật liên quan đến ngành này cần được cập nhật để quốc tế hóa và minh bạch hơn. Cụ thể, các quy định về nhân sự (HR), mạng, quyền riêng tư và bảo mật cần là các yếu tố cốt lõi để xây dựng một nền kinh tế trực tuyến bền vững, thông minh, hiệu quả và tin cậy.

Trong phần còn lại của chương này, chúng tôi trình bày chi tiết hơn về những vấn đề mà chúng tôi cho là Chính phủ cần ưu tiên để thực hiện Cuộc cách mạng Công nghiệp Lần thứ tư. Những vấn đề này gồm Bảng thông Internet Quốc tế, Chi phí kết nối Internet, Giáo dục và Đào tạo Công nghệ Thông tin (CNTT) và An ninh mạng. Các thành viên trong Tiểu ban đã chọn lọc kỹ lưỡng những vấn đề này thông qua quá trình thảo luận và cân nhắc nghiêm túc.

Chúng tôi hy vọng rằng Chính phủ và các cơ quan, đối tác trong nước liên quan sẽ xem xét kiến nghị của chúng tôi và coi đó là một nguồn tham khảo hữu ích để đạt được mục tiêu phát triển cho Việt Nam. Chúng tôi sẵn sàng đối thoại và trao đổi chi tiết với các Bộ ngành liên quan về các vấn đề này.

I. AN NINH MẠNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Công an (BCA)

Mô tả vấn đề

Vấn đề an ninh mạng ngày càng nóng lên trên quy mô toàn cầu. Tháng 5 năm 2017, cả thế giới chứng kiến sự lây lan trên quy mô lớn của mã độc WannaCry². Để đối phó với nhiều cuộc tấn công và xâm nhập của các tổ chức có quy mô từ lớn đến nhỏ, Chính phủ đã tích cực quản lý an ninh mạng ở cấp quốc gia bằng việc đưa ra dự thảo Luật An ninh Mạng với cơ quan chủ trì soạn thảo là Bộ Công an (BCA)³.

Không gian mạng bao gồm tất cả thông tin có thể truy cập qua Internet từ trong và ngoài biên giới của một quốc gia. Các cá nhân, tổ chức của nhà nước và tư nhân đã tận dụng được nhiều lợi ích của Internet. Thế giới ngày càng

¹ Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 4 tháng 5 năm 2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

² "Tấn công mạng là một vấn đề ngày càng nhức nhối", báo *Vietnam Investment Review*, ngày 23 tháng 5 năm 2017. Xem tại: <<http://www.vir.com.vn/cyber-attacks-have-become-a-fact-of-life.html>> truy cập lần cuối vào ngày 7 tháng 12 năm 2017.

³ "Cần đưa các biện pháp bảo vệ an ninh mạng vào luật", tạp chí *Luật Việt Nam và Diễn đàn Pháp lý*, ngày 26 tháng 6 năm 2017. Xem tại: <<http://vietnamlawmagazine.vn/cybersecurity-protection-activities-to-be-put-into-law-5903.html>> truy cập lần cuối vào ngày 7 tháng 12 năm 2017.

có tính kết nối hơn, do đó, tất cả hạ tầng quan trọng của nhà nước, hạ tầng công cộng, công ty và người dân đều dựa vào chức năng đảm bảo an toàn và bảo mật của CNTT và Internet. Vì lý do đó, an ninh mạng đã trở thành một thách thức lớn cho cả các đơn vị công lập và tư nhân ở cấp quốc gia và quốc tế. Chúng tôi hoan nghênh những cải cách tích cực của Chính phủ để cải thiện an ninh mạng và muốn trình bày những vấn đề sau đây liên quan đến việc xây dựng khung pháp luật hiện nay.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Với tình trạng như hiện tại, chúng tôi cho rằng dự thảo Luật An ninh Mạng không phù hợp với chuẩn mực quốc tế hiện nay. Chúng tôi quan ngại rằng trong thời gian tới, Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều vấn đề nếu Chính phủ thực hiện theo những thủ tục quy định theo dự thảo này. Theo quan điểm của chúng tôi, an ninh mạng cần đem cơ hội cho các tổ chức công và tư phối hợp với nhau mà không làm mất đi tri thức, sự tự do và thịnh vượng mà Internet đem lại cho Việt Nam. Quy định pháp luật không nên gia tăng chi phí kinh doanh một cách phi lý hoặc hạn chế khả năng sử dụng Internet.

Kiến nghị

Theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ cần:

- Hợp tác với các chuyên gia trong ngành để đưa ra các quy định về năng lực an ninh mạng theo thực tế, dựa trên tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và quốc gia. Điều này sẽ đẩy nhanh quá trình áp dụng công nghệ bảo mật trong các ngành nghề khác nhau;
- Quy định hướng dẫn thiết lập hạ tầng phần cứng và phần mềm áp sát thực tiễn để thực hiện giải pháp an ninh mạng tiết kiệm chi phí, có thể lặp lại và mở rộng;
- Sử dụng các hướng dẫn này để hỗ trợ nhiều tổ chức áp dụng công nghệ an ninh mạng nhằm làm giảm tổng chi phí sở hữu; và
- Ban hành một điều luật về quyền riêng tư để bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng được lưu trữ, xử lý trên thiết bị và hệ thống.

II. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH)

Mô tả vấn đề

Trong bối cảnh CNTT là một ngành tăng trưởng quan trọng ở Việt Nam, Chính phủ đã nhấn mạnh mục tiêu cần đạt được 1 triệu nhân lực đáp ứng các kỹ năng và tiêu chuẩn giáo dục quốc tế về CNTT-TT đến năm 2020 theo Quyết định 1755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2010 phê duyệt Chiến lược Quốc gia “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông” (Quyết định 1755). Tuy nhiên, nguồn lao động có tay nghề đã qua đào tạo vẫn còn là một thách thức tiềm ẩn đối với tăng trưởng của ngành này.⁴

Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Việt Nam có 142 trường đại học và 112 trường cao đẳng có khoa CNTT. Trong khi nhu cầu nhân lực CNTT là rất lớn và các công ty thường trả lương cao cho vị trí CNTT, các trường đại học và cao đẳng gặp rất nhiều khó khăn trong việc tuyển đủ số lượng sinh viên cho các ngành đào tạo CNTT⁵. Liên quan đến vấn đề này, Việt Nam hiện vẫn chưa có bất kỳ giáo trình và bộ kỹ năng đào

4 “Nhân lực ngành CNTT-TT đóng vai trò then chốt đối với tăng trưởng bền vững”, báo *Vietnam News*, ngày 5 tháng 11 năm 2016. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/economy/345691/ict-workers-key-to-sustainable-growth.html#qjQDYwXeFMcEpMrC.97>> đã truy cập vào ngày 7 tháng 12 năm 2017.

5 T. Chanh “Việt Nam đối mặt thiếu hụt nghiêm trọng nhân sự CNTT” *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, 14 August 2017. Xem tại: <<http://english.thesaigontimes.vn/55538/Vietnam-faces-severe-shortage-of-IT-manpower.html>> đã truy cập vào ngày 8 tháng 12 năm 2017.

tạo CNTT nào dựa trên các tiêu chí quốc tế giúp đáp ứng yêu cầu của các công ty trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực công nghệ theo các mục tiêu đề ra trong Quyết định 1755 về phát triển ngành CNTT-TT.

Vì lý do đó, các công ty CNTT tại Việt Nam phải thực hiện các khoản đầu tư lớn vào sinh viên mới tốt nghiệp các trường đại học và dạy nghề để nâng cao năng lực kỹ thuật, kỹ năng mềm và Tiếng Anh cho những sinh viên này. Các công ty sẽ mất trung bình một năm để chuẩn bị nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyên môn của các vị trí này. Luận văn năm 2013 của Roland Polzhofer thực hiện tại Đại học Việt Đức (VGU) là một trường hợp cụ thể cho thấy lỗ hổng giữa quan điểm của hiệu trưởng các Trường đại học và lãnh đạo các công ty CNTT⁶.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Phát triển lực lượng lao động có tay nghề cao sẽ giúp hỗ trợ Việt Nam đạt được các mục tiêu đề ra trong kế hoạch phát triển nguồn nhân lực CNTT. Đây là một yêu cầu chủ chốt nếu Việt Nam muốn tiếp tục phát triển và tăng trưởng ngành CNTT và thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Lực lượng lao động được đào tạo bài bản cũng sẽ giúp Việt Nam chuyển đổi sang nền kinh tế tiên tiến dựa trên tri thức.

Theo Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam, tổng cộng có khoảng 250.000 người làm việc trong ngành CNTT tại Việt Nam⁷. Trong số này, khoảng 50.000 người đang làm việc trong lĩnh vực phát triển phần mềm và công nghệ số. Theo Bộ TT&TT, mức tăng trung bình hàng năm đối với nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực CNTT là 13%. Thêm vào đó, theo báo cáo của VietnamWorks, trong ba năm qua, cung hàng năm đối với nhân lực CNTT tăng trưởng ở mức trung bình 8%, thấp hơn rất nhiều so với mức tăng trung bình hàng năm đối với số lượng việc làm trong ngành CNTT là 47%⁸. Sẽ rất khó để đáp ứng nhu cầu lớn như vậy và nếu tăng trưởng nguồn cung vẫn ở mức thấp, Việt Nam sẽ thiếu 78.000 lao động CNTT mỗi năm. Theo báo cáo của Bộ TT&TT năm 2017, Việt Nam cần khoảng 1,2 triệu lao động trong ngành CNTT vào năm 2020. Nếu tốc độ tăng trưởng hiện nay được duy trì, Việt Nam sẽ thiếu khoảng 1 triệu lao động trong ngành CNTT vào năm 2020⁹.

Tuy nhiên, một cuộc khảo sát gần đây của Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông cho thấy 70% sinh viên tốt nghiệp trong lĩnh vực CNTT cần được đào tạo lại để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Đa số các sinh viên CNTT cũng không nắm bắt được lĩnh vực công việc của mình; 72% sinh viên thiếu kinh nghiệm thực tế trong khi 42% sinh viên thiếu kỹ năng làm việc theo nhóm. Trong số các sinh viên mới ra trường, chỉ khoảng 15% sinh viên đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp; 80% sinh viên mới tốt nghiệp trong lĩnh vực lập trình máy tính cần phải đào tạo lại¹⁰.

Kiến nghị

Để giải quyết những vấn đề nêu trên, chúng tôi kiến nghị như sau:

- Chính phủ cần hợp tác với các trường đại học nổi tiếng ở nước ngoài, tham khảo kinh nghiệm của các hệ thống thực hành tốt nhất nhằm xây dựng một chương trình phù hợp theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Hợp tác chặt chẽ với các hiệp hội trong nước và quốc tế trong ngành nhằm xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về kiểm tra kỹ năng chuyên môn ngành CNTT;
- Thiết kế một khóa học trình độ cơ bản nhằm tăng cường kỹ năng mềm và khả năng giao tiếp tiếng Anh cho đội ngũ nhân sự;
- Bộ TT&TT phối hợp với Bộ GD&ĐT và Bộ LĐTB&XH cần đưa ra quy định bắt buộc sinh viên các trường đại học CNTT và các trường dạy nghề CNTT phải hoàn thành một khóa thực tập thực tế. Việc thực tập có thể thực hiện tại bất kỳ doanh nghiệp CNTT nào mà sinh viên lựa chọn trong vòng 6 đến 12 tháng như một phần bắt buộc trong chương trình học.

6 R. Polzhofer (2013) *Phân tích bộ kỹ năng và yêu cầu về bộ kỹ năng đối với Kỹ sư Phần mềm CNTT trong ngành CNTT tại TP. Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Việt Đức

7 "Nhu cầu về lao động trong ngành CNTT tăng mạnh" báo *Vietnam News*, ngày 7 tháng 6 năm 2013. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/society/240415/demand-for-it-workers-surges.html#oAJY9o1ILHsbhgEf97>> truy cập lần cuối vào ngày 8 tháng 12 năm 2017.

8 "Việt Nam thiếu 1 triệu lao động CNTT trong 5 năm tới", báo *Vietnam Net*, ngày 30 tháng 11 năm 2015. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/science-it/148153/vietnam-to-lack-1-million-it-workers-in-5-years.html>> truy cập lần cuối vào ngày 8 tháng 12 năm 2017.

9 L. T. Thao, "Sự phát triển không ngừng trong ngành công nghệ đem đến cơ hội rộng mở cho nhân sự CNTT tại Việt Nam" *FPT Education*, Xem tại: <<http://international.fpt.edu.vn/relentless-boom-technology-sector-open-opportunities-staff-vietnam/>> truy cập lần cuối vào ngày 8 tháng 12 năm 2017.

10 "Ngành CNTT giải quyết vấn đề thiếu lao động có chuyên môn", báo *Vietnam Breaking News*, 25 May 2015. Xem tại: <<https://m.vietnambreakingnews.com/2015/05/it-industry-tackles-lack-of-qualified-staff/>> truy cập lần cuối vào ngày 8 tháng 12 năm 2017.

- Các trường đại học cần phối hợp chặt chẽ với ngành CNTT để nắm bắt được các xu hướng công nghệ và nhu cầu thực tế về công việc trong ngành đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp, ví dụ như đưa ra các khóa học liên ngành như “Kỹ thuật Máy tính với Hệ thống Nhúng” và bổ sung thêm quy trình và phương pháp kỹ thuật như kỹ năng giải quyết vấn đề, phân tích cách thức sai sót vào các môn kỹ thuật sẽ tạo ra kết quả tích cực cho ngành CNTT&TT; và
- Một khóa thực tập bắt buộc kéo dài hơn so với bình thường tại các công ty CNTT sẽ cho phép các sinh viên có được những kinh nghiệm đầy đủ, hữu dụng, thực tế và vận dụng được các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm của mình trong môi trường quốc tế. Đồng thời, các công ty CNTT sẽ có cơ hội phát hiện và tuyển dụng được nhân tài vào các vị trí công việc trong tương lai, do đó, có thể giảm thiểu chi phí chung từ việc đào tạo lao động mới.

III. CHI PHÍ INTERNET VÀ BĂNG THÔNG INTERNET QUỐC TẾ (MBPS)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT)

Mô tả vấn đề

Việt Nam là một trong những thị trường mới nổi hàng đầu trong khu vực ASEAN với tốc độ tăng trưởng nhanh nhất về phát triển kinh tế và nhu cầu tiêu dùng. Số lượng người dùng Internet tại Việt Nam tăng lên 50 triệu người với 54,19 người dùng Internet trên 100 người.¹¹ Đồng thời, tổng băng thông kết nối Internet quốc tế đạt hơn 3.816.027 Mb/s, tăng gần 128% so với năm 2015.

Về vấn đề chính trị, một trong những yếu tố chính dẫn đến sự tăng trưởng này là việc mở rộng mạng lưới viễn thông. Việt Nam là một quốc gia mới sử dụng Internet, lần đầu tiên kết nối Internet quốc tế vào tháng 12 năm 1997. Sự do dự của Chính phủ là một phần nguyên nhân làm Việt Nam chậm sử dụng Internet. Internet là một công cụ mạnh mẽ để nghiên cứu và phát triển kinh tế. Đây cũng được coi là mối đe dọa tiềm tàng do có thể truyền tải các quan điểm và ý kiến trái ngược với chính sách của Chính phủ.

Về định giá, việc tái cân bằng giá cả hướng đến một mức giá chung trong khu vực là ưu tiên hàng đầu. Việt Nam là một trong những nước có giá thuê đường dây trong nước và quốc tế cao nhất thế giới. Điều này không tránh khỏi việc làm tăng giá cả đối với các Nhà cung cấp Dịch vụ Internet (ISP) trong nước và do đó, giá truy cập Internet của khách hàng tại Việt Nam ở mức cao nhất khu vực.

Cho dù đóng vai trò rất quan trọng trong xã hội Việt Nam, việc vận hành tường lửa quốc gia đã làm chậm đi việc truy cập Internet và làm trầm trọng thêm vấn đề nghẽn mạng. Trong mọi trường hợp, nhu cầu kiểm duyệt nội dung trên Internet cần được thực hiện theo hình thức không ngăn chặn ISP sở hữu các tuyến cáp quang quốc tế riêng.

Về vấn đề hạ tầng Internet, chúng tôi cho rằng Internet tại Việt Nam nhiều lần bị ảnh hưởng bởi sự cố đứt hệ thống cáp ngầm kết nối Việt Nam với quốc tế, đặc biệt là tuyến cáp quang kết nối khu vực châu Á-châu Mỹ (AAG). Đây là một trong 5 tuyến cáp và là điểm vào mạng của các nhà cung cấp dịch vụ trong nước. Việt Nam đều gặp sự cố với hầu hết 5 tuyến cáp này trong năm 2017:

- Hệ thống cáp AAG bị đứt vào tháng 8 (đứt hệ thống cáp lần thứ 4 trong năm 2017);
- Hệ thống cáp SMW3 bị đứt vào tháng 8;
- Hệ thống cáp IA bị đứt vào tháng 8; và
- Hệ thống cáp APG bị đứt vào tháng 6.

Trên thực tế, 3 trong số 4 hệ thống cáp ngầm kết nối Internet đến Việt Nam đã bị đứt trong tháng 8 năm 2017 và gây chậm tốc độ truy cập Internet trên toàn quốc.

11 “Người sử dụng Internet chiếm 54% dân số Việt Nam sau 20 năm”, *Vietnam Net*, 23/11/2017. Tham khảo tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/science-it/190837/internet-users-account-for-54-of-vietnam-s-population-after-20-years.html>> truy cập lần cuối vào ngày 15 tháng 12 năm 2017

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc cải thiện băng thông Internet quốc tế là động lực để Việt Nam thay đổi vị thế thị trường ngành CNTT&TT (bao gồm cả băng thông Internet quốc tế) và tạo sự thông thoáng và cơ hội để trở thành đối thủ cạnh tranh tiềm năng trong bối cảnh toàn cầu hóa. Ngoài ra, Việt Nam cần cải thiện băng thông Internet quốc tế bằng cách giảm thiểu chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ. Việc này sẽ tạo cơ hội cho Việt Nam thu hút các công ty nước ngoài vốn nằm trong kế hoạch phát triển bền vững và lâu dài.

Kiến nghị

Chúng tôi muốn đưa ra các kiến nghị cụ thể như sau:

- ISP và các đơn vị khai thác khác cần được phép áp dụng biểu phí riêng. Về ngắn hạn, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông (DGPT) cần thiết lập giới hạn trần về giá và không cần thiết thiết lập giá giá tối thiểu cho trường hợp này;
- Cần tạo ra sự cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ, ví dụ như cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có đầy đủ quyền phân phối dịch vụ tại Việt Nam;
- Giá viễn thông và Internet cần được so sánh với giá trung bình trong khu vực và quốc gia; và
- nỗ lực xây dựng thêm nội dung các sản phẩm công nghệ bản địa đặc biệt là các nội dung bằng Tiếng Việt.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:
 Amanuel Flobbe, Chủ tịch Tiểu ban Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc EuroCham; CEO, Công ty TNHH Sunbytes
 Guru Mallikarjuna, Phó Chủ tịch Tiểu ban Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc EuroCham; Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành Bosch Việt Nam
 Kevin Richard, Phó Chủ tịch Tiểu ban Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc EuroCham; Giám đốc Phát triển Kinh doanh, SoftNET Asia

CHƯƠNG 15 **NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ – XE MÁY**

Ngành công nghiệp ô tô – xe máy ở Việt Nam tiếp tục có những bước tăng trưởng tích cực với gần 1,5 triệu xe máy được tiêu thụ trong 6 tháng đầu năm 2017. Trong khi đó, thị trường xe ô tô đã vượt qua mốc lịch sử vào năm 2016, với hơn 300.000 xe bán ra, bao gồm cả xe nhập khẩu.

Năm 2018 dự đoán sẽ mang đến nhiều cơ hội quan trọng cho ngành này. Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA), kỳ vọng được phê chuẩn trong thời gian 12 tháng tới, sẽ có thể thúc đẩy nhập khẩu xe ô tô và xe máy từ Liên minh châu Âu (EU) vào Việt Nam. Bước chuyển tích cực này khiến các công ty châu Âu ở Việt Nam sát lại gần nhau hơn và hợp thành Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô – Xe máy thuộc EuroCham.

Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô – Xe máy tập hợp các công ty hàng đầu từ khắp châu Âu, bao gồm các nhà sản xuất và cung cấp xe ô tô con, ô tô tải, xe máy và phụ tùng. Tiểu ban được chia thành các công ty chuyên lắp ráp tại Việt Nam và một nhóm lớn hơn các công ty chuyên nhập khẩu từ châu Âu. Mặc dù các thành viên hoạt động trên những lĩnh vực khác nhau trong ngành ô tô – xe máy, chúng tôi đều chia sẻ mục tiêu chung là cải thiện an toàn đường bộ, nâng cao khả năng kết nối và thúc đẩy môi trường kinh doanh trên toàn quốc. Hoạt động liên ngành như thế này rất cần thiết ở Việt Nam. Trong khi vẫn có các tổ chức đại diện cho ngành công nghiệp ô tô và xe máy như Hiệp hội các Nhà sản xuất Ô tô Việt Nam (VAMA) và Hiệp hội các Nhà sản xuất Xe máy Việt Nam (VAMM), sắp tới có thêm Hiệp hội các Nhà nhập khẩu Ô tô chính hãng Việt Nam (VIVA), bao gồm cả các công ty châu Âu, đang trong quá trình thành lập.

Mặc dù ngành công nghiệp ô tô – xe máy có nhiều cơ hội lớn nhưng cũng đối mặt không ít thách thức. Những thách thức cụ thể cho ngành công nghiệp ô tô và xe máy sẽ được trình bày trong các chương riêng biệt. Tuy nhiên, tại đây chúng tôi muốn nêu lên một số thách thức chung mà cả ngành công nghiệp ô tô và xe máy đều gặp phải. Cụ thể, ngành công nghiệp ô tô và xe máy đều quan ngại về hệ thống thuế tại Việt Nam. Các công ty xe máy lo ngại về đề xuất tăng thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với phương tiện, hàng hóa và phụ kiện, trong khi các công ty ô tô lại quan tâm đến quy định mới về thuế tiêu thụ đặc biệt và chương trình ưu đãi thuế nhập khẩu đối với một số bộ phận nhất định. Cả hai vấn đề này, nếu không được xử lý thỏa đáng, có thể dẫn đến hậu quả tiêu cực không mong muốn đối với các nhà sản xuất trong ngành, ảnh hưởng đến cả chuỗi cung ứng và mức sống nói chung.

Điều này lý giải vai trò quan trọng của Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô – Xe máy thuộc EuroCham. Là một ngành công nghiệp chiến lược của Liên minh châu Âu, ngành công nghiệp ô tô – xe máy không chỉ hỗ trợ việc thực thi EVFTA mà còn mang những kiến thức và kinh nghiệm quốc tế của công ty châu Âu đến Việt Nam, đem lại lợi ích cho tất cả các bên. Trong phần còn lại của chương này, chúng tôi xin trình bày các vấn đề và kiến nghị cụ thể trong ngành công nghiệp xe máy và ô tô. Chúng tôi rất mong muốn được thảo luận chi tiết về tất cả các vấn đề với Chính phủ và các Bộ, ban, ngành liên quan.

CHƯƠNG 15a **NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ**

TỔNG QUAN

Các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh ô tô tại Việt Nam có thể được chia thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất gồm các nhà sản xuất và lắp ráp là thành viên của Hiệp hội các Nhà sản xuất Ô tô Việt Nam (VAMA)¹. Nhóm thứ hai gồm các nhà nhập khẩu ô tô chính hãng thuộc Hiệp hội các Nhà nhập khẩu Ô tô chính hãng Việt Nam (VIVA), Hiệp hội này sẽ sớm được thành lập trong tương lai tới.

Một số thành viên của VAMA tham gia vào tất cả hoạt động sản xuất/lắp ráp và nhập khẩu. Ngành lắp ráp ô tô bắt đầu từ năm 1992, tiếp theo đó, hoạt động nhập khẩu xe mới trên quy mô rộng hơn được khởi động vào năm 2003. Các nhà nhập khẩu chính thức² bắt đầu hoạt động tại Việt Nam khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007 và đang trong quá trình thành lập Hiệp hội các Nhà nhập khẩu Ô tô chính hãng Việt Nam (VIVA). Ngoài ra, các doanh nghiệp thương mại cũng nhập khẩu xe mới và xe đã qua sử dụng bên cạnh xe chính hãng, mặc dù hoạt động nhập khẩu xe mới bị tạm dừng vào năm 2011 theo Thông tư 20/2011/TT-BCT ngày 12 tháng 5 năm 2011 của Bộ Công Thương (BCT) quy định bổ sung thủ tục nhập khẩu xe ô tô chở người loại từ 09 chỗ ngồi trở xuống (Thông tư 20).

Năm 2016, lần đầu tiên thị trường ô tô Việt Nam vượt mốc 300.000 xe với số lượng xe đạt 304.427, bao gồm nhập khẩu xe đã qua sử dụng. Thị trường xe mới tăng trưởng 22% so với năm 2015, đạt 293.500 xe, trong đó có 180.500 xe ô tô con (tăng 28%) và gần 113.000 xe tải và xe chuyên dụng (tăng 13%), 76% là xe lắp ráp toàn bộ từ linh kiện nhập khẩu (CKD) và 24% là xe nhập khẩu nguyên chiếc (CBU).³

Tuy nhiên, với hơn 20 công ty và 40 nhãn hiệu xe, sự phát triển của ngành ô tô trong nước vẫn còn quá khiêm tốn so với công suất lắp đặt là 500.000 xe mỗi năm.⁴ Mặc dù chính sách bảo hộ ngành sản xuất ô tô trong nước của Chính phủ đã có từ năm 1992, chi phí sản xuất hoàn toàn một chiếc xe trong nước vẫn có thể cao hơn 20% so với chi phí sản xuất một chiếc xe tương tự tại Thái Lan hoặc Indonesia.

Thêm vào đó, xe ô tô con được sản xuất tại Việt Nam vẫn chưa đạt được ngưỡng giá trị nội địa hóa 40% để hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu của Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) tại các quốc gia thuộc Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Mức độ nội địa hóa là khoảng 10% đối với xe ô tô con, trừ một số mẫu nhất định⁵ (khoảng 35% đối với xe ô tô con của THACO vào năm 2017) và khoảng 40% đến 50% đối với xe tải.

Theo báo cáo của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), các nhà sản xuất ô tô trong nước gặp bất lợi do quy mô sản xuất nhỏ.⁶ Bởi vì ngành công nghiệp phụ trợ trong nước còn hạn chế, các đơn vị này nhập hầu hết các linh kiện từ nước ngoài và đem về lắp ráp với chi phí vận chuyển, đóng gói và thuế nhập khẩu rất đắt đỏ. Các chính sách của Chính phủ còn thiếu nhất quán và những ưu đãi theo nhận định của các đơn vị lắp ráp CKD là còn ít, cộng thêm hiện trạng thiếu các nhà cung cấp tiếp tục là nguyên nhân khiến việc sản xuất trong nước thiếu hấp dẫn đối với các đơn vị sản xuất ô tô khi so sánh với các quốc gia ASEAN khác.

Công bằng mà nói, Chính phủ đã có các chính sách hỗ trợ sản xuất ô tô trong nước. Vào năm 2015, Nghị định 11/2015/NĐ-CP ngày 3 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp phụ trợ (Nghị định 11) đã được ban hành. Tiếp theo, vào năm 2016, Quyết định 229/QĐ-TTg ngày 4 tháng 2 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thực hiện chiến lược và quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam (Quyết định 229) đã được ký. Tuy nhiên, VBF tin rằng các chính sách này chưa rõ ràng và gây khó khăn cho các nhà sản xuất ô tô trong việc chuẩn bị dự án sản xuất và đề xuất Chính phủ hỗ trợ.

1 Các thành viên VAMA đại diện cho các nhãn hiệu sau: Chevrolet, PMC, Mitsubishi, Mercedes-Benz, Suzuki, Toyota, Lexus, Honda, Isuzu, Ford, Hino, Samco, Kia, Thaco, Mazda, Peugeot, Hyundai, Veam, MAZ, Nissan và SYM.

2 Các nhãn hiệu có nhà nhập khẩu chính thức vào năm 2017 gồm Audi, Bentley, BMW, Infiniti, Jaguar, Lamborghini, Land Rover, Maserati, Mini, Porsche, Renault, Rolls-Royce, Subaru, UD Trucks, Volkswagen và Volvo.

3 Nguồn: các báo cáo của VAMA.

4 Diễn đàn thường niên của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) do Tập đoàn Tài chính Quốc tế và Nhóm Ngân hàng Thế giới phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức ngày 6 tháng 12 năm 2016 tại Hà Nội.

5 "Toyota Việt Nam dẫn đầu phân khúc MPV", *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 20 tháng 7 năm 2009. Xem tại: <<http://english.thesaigontimes.vn/Home/features/general/5527/>>, truy cập lần cuối vào ngày 19 tháng 12 năm 2017.

6 "VBF đề xuất dỡ bỏ thuế nhập khẩu đối với linh kiện ô tô" *Vietnam News*, ngày 6 tháng 12 năm 2016. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/bizhub/347495/remove-import-tax-on-auto-components-vbf-proposes.html#VRezsUhbh0CzwwDX.97>> truy cập lần cuối ngày 8 tháng 1 năm 2018

Năm ngoái là năm có xu hướng các nhà lắp ráp ô tô CKD chuyển sang nhập khẩu ô tô nguyên chiếc từ các quốc gia thành viên của ASEAN – chủ yếu là Thái Lan và Indonesia – nhằm tận dụng tối đa ưu đãi của ATIGA từ năm 2018. Để tiếp tục tạo điều kiện và bảo hộ sản xuất ô tô trong nước, Chính phủ đã ban hành các chính sách mới, ví dụ, Nghị định 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 122/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 9 năm 2016 về biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan (Nghị định 125) áp dụng thuế nhập khẩu 0% đối với linh kiện lắp ráp CKD cho các nhà sản xuất có thể sản xuất với số lượng lớn. Thêm vào đó, Nghị định 116/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17 tháng 10 năm 2017 quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (Nghị định 116) quy định các điều kiện nghiêm ngặt hơn về nhập khẩu ô tô để bảo hộ sản xuất trong nước. Bộ Tài chính (BTC) cũng đang xem xét miễn thuế tiêu thụ đặc biệt (TTTĐB) đối với phụ tùng xe ô tô con được sản xuất trong nước. Mặc dù Việt Nam đã giảm thuế nhập khẩu đối với ô tô nhập khẩu từ các quốc gia thành viên của ASEAN từ 30% xuống 0% vào ngày 1 tháng 1, hoạt động nhập khẩu ô tô vẫn rất ầm ập vào đầu năm 2018. Toyota đã dừng tất cả hoạt động sản xuất phục vụ xuất khẩu sang thị trường Việt Nam của mình tại Thái Lan, Indonesia và Nhật Bản. Honda đã chuyển dây chuyền sản xuất CR-V, mẫu xe thể thao đa dụng (SUV) chủ lực của công ty, cho thị trường Việt Nam sang Thái Lan. Trước đây, các bộ phận sản xuất tại Thái Lan sẽ được vận chuyển để lắp ráp hoàn chỉnh tại Việt Nam. Honda cho rằng công ty sẽ tận dụng được thuế suất 0% khi kết hợp tất cả hoạt động sản xuất xe SUV tại Thái Lan để tiết kiệm chi phí. Hoạt động sản xuất cho những xe được dự kiến ra mắt thị trường vào đầu tháng 1 đã bị tạm dừng. Mitsubishi đã tạm dừng sản xuất mẫu SUV Pajero Sports tại Thái Lan cho thị trường Việt Nam.

Ford Thái Lan, vốn xuất khẩu ô tô sang Việt Nam, đã thể hiện quan ngại với Chính phủ Việt Nam về tác động của Nghị định với hoạt động kinh doanh của mình. Các nhà xuất khẩu lớn từ Nhật Bản, Thái Lan và Hoa Kỳ cũng bày tỏ quan ngại đối với Việt Nam khi quy định mới khiến họ không thể bán xe tại Việt Nam và nhấn mạnh việc Nghị định có thể vi phạm quy tắc của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). VAMA đã bốn lần có đơn kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ trong năm 2017 nhưng chưa nhận được câu trả lời. Nếu xe không được xuất khẩu châu Âu sang Việt Nam, doanh thu xuất khẩu tại châu Âu và nguồn thu thuế tại Việt Nam từ nhập khẩu xe nguyên chiếc sẽ giảm. Vì lý do đó, nguồn thu tài khóa tại Việt Nam sẽ giảm mạnh do xe nhập khẩu nguyên chiếc chiếm 30% thị trường ô tô của Việt Nam trong năm 2017.

Bảng 5: Mức giảm thuế nhập khẩu từ năm 2016 đến năm 2018

	2016	2017	2018	
ATIGA	40%	30%	0%	
MFN	70%	70%	70%	51% đối với xe dẫn động 4 bánh có dung tích trên 3,0L
EVFTA		78%		Giảm trong 9 - 10 năm, chia thành 11 lộ trình đều nhau - 10 năm đối với xe dẫn động 4 bánh ^{7 8}

Với việc Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) là trọng tâm trong ấn phẩm Sách Trắng năm nay, chúng tôi sẽ tập trung đến khía cạnh nhập khẩu, thương mại nhiều hơn là sản xuất trong nước như những năm trước.

7 “Biểu thuế theo Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) - Lộ trình giảm thuế 2016 - 2018”, ASEAN, ngày 19 tháng 10 năm 2012. Xem tại: <<http://www.asean.org/wp-content/uploads/images/2015/september/tariffsschedule/Annex%202016Tariff%20Schedules%20%20Viet%20Nam%20AHTN%202012%202015-2018.pdf>> truy cập lần cuối vào ngày 19 tháng 12 năm 2017

8 Nội dung Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam được thỏa thuận vào tháng 1 năm 2016, Phụ lục 2-c-ii: Biểu thuế của Việt Nam và Chương 2: Đài ngộ Quốc gia và Tiếp cận Thị trường đối với Hàng hóa liên quan đến Ô tô. Xem tại: <<http://trade.ec.europa.eu/doclib/press/index.cfm?id=1437>> truy cập lần cuối vào ngày 19 tháng 12 năm 2017.

I. CÁC VẤN ĐỀ VỀ THUẾ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC)

1. Thuế tiêu thụ đặc biệt (Thuế TTĐB)

Mô tả vấn đề

Bảng 6: Biểu thuế TTĐB đối với xe ô tô con

Dung tích động cơ	01/01-30/06/2016	Từ ngày 01/01/2017	Từ ngày 1/01/2018
Dưới 1,5 l	45%	40%	35%
1,5 l và dưới 2,0 l	45%	45%	40%
2,0 l và dưới 2,5 l	50%	50%	50%
2,5 l và dưới 3,0 l	50%	55%	60%
3,0 l và dưới 4,0 l	60%	90%	90%
4,0 l và dưới 5,0 l	60%	110%	110%
5,0 l và dưới 6,0 l	60%	130%	130%
Trên 6,0 l	60%	150%	150%

Nguồn: Luật Thuế 106/2016/QH13 ngày 6 tháng 4 năm 2016 có hiệu lực vào ngày 1 tháng 7 năm 2016

Từ năm 2016, khi biểu thuế TTĐB được sửa đổi, cách tính thuế TTĐB mới đã dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau cho dù các doanh nghiệp nộp thuế trong ngành ô tô vẫn phải thuê tư vấn về thuế. Để hướng dẫn thi hành Luật 106/2016/QH13, Chính phủ đã ban hành Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế (Nghị định 100) có hiệu lực ngay lập tức. Tiếp theo, BTC đã ban hành Công văn 10315/BTC-TCT ngày 25 tháng 7 năm 2016 cho các cơ quan thuế cấp tỉnh để hướng dẫn thi hành Nghị định 100 dỡ bỏ quy định về thuế suất 105% trong Thông tư 195/2015/TT-BTC⁹ và thay đổi giá bán làm cơ sở tính thuế TTĐB.

Nghị định 100 quy định rằng trường hợp hàng hóa được sản xuất hoặc nhập khẩu được bán cho các cơ sở kinh doanh thương mại có các mối quan hệ sau với cơ sở sản xuất hoặc cơ sở nhập khẩu: (i) là cơ sở có quan hệ công ty mẹ – công ty con; (ii) các công ty con trong cùng công ty mẹ với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu; hoặc (iii) cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có mối quan hệ liên kết thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB không được thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân của các cơ sở kinh doanh thương mại mua trực tiếp của cơ sở sản xuất, nhập khẩu bán ra. Các công ty liên kết trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ ít nhất 20% vốn của công ty kia cũng chịu tỷ lệ 7%. Cơ sở tính toán này là giá mà cơ sở kinh doanh phụ thuộc hoặc liên kết bán cho cơ sở kinh doanh độc lập hoặc không liên kết hoặc khách hàng. Điều này áp dụng với cơ sở kinh doanh phụ thuộc hoặc liên kết đơn cấp hoặc đa cấp.

Theo các nghĩa vụ trong hợp đồng, các nhà nhập khẩu xe chính hãng phải có mạng lưới đại lý chính thức đạt tiêu chuẩn thế giới theo yêu cầu của nhãn hiệu nhập khẩu. Các đại lý phải đầu tư thiết bị, đào tạo, công nghệ thông tin và cơ sở vật chất có quy mô lớn cho gian trưng bày, phân xưởng, nhà kho và khu vực bảo quản xe đúng với bản chất kinh doanh ô tô. Tuy nhiên, đối với các nhãn hiệu xe ô tô con nhập khẩu từ châu Âu, số lượng xe bán ra bị hạn chế và điều này còn tiếp diễn do các quy định của EVFTA sẽ được thực hiện trong giai đoạn hơn 10 năm. Vì lý do đó, tỷ lệ 7% trong cách tính thuế TTĐB là quá thấp so với toàn bộ giá trị xe do lượng xe bán ra ít và chi phí vận hành đại lý cao khi tuân thủ tất cả tiêu chuẩn và đảm bảo hoạt động có lãi.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Cơ quan chức quyền sẽ có lợi từ cách tính thuế TTĐB đồng thời đảm bảo thị trường tăng trưởng, tạo ra khoản thu thuế lớn và cho phép các đại lý ô tô phát triển và đầu tư. Tuy nhiên, cách hướng dẫn không rõ ràng về thuế TTĐB

⁹ Thông tư 195/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 24 tháng 11 năm 2015 hướng dẫn thi hành Nghị định 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

sẽ gây nhầm lẫn và có thể mâu thuẫn với các quy định thuế. Để ngành ô tô tiếp tục đóng góp một khoản thuế lớn cho Chính phủ Việt Nam, chúng tôi kiến nghị cần bãi bỏ khoản truy thu thuế TTĐB do nộp chậm.

Kiến nghị

Chúng tôi xin kiến nghị các vấn đề sau:

- Đối với các nhãn hiệu xe ô tô con nhập khẩu, mức trần để tính thuế TTĐB cần tăng từ 7% lên 12% hoặc thậm chí là 15% để cho đủ số lượng xe bán ra ít, các đại lý vẫn có đủ lợi nhuận để tuân thủ tiêu chuẩn của nhãn hiệu và đảm bảo hoạt động có lãi để tiếp tục đầu tư.
- Do định nghĩa về các bên có “mối quan hệ liên kết” trong cách tính thuế TTĐB có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau, ví dụ: từ quan điểm chuyển giá, chúng tôi kiến nghị cần làm rõ định nghĩa về các bên có mối quan hệ liên kết trong việc áp dụng tính thuế TTĐB, hoặc có cách tính thuế TTĐB tiêu chuẩn, mà không xét đến mối quan hệ sở hữu trong kênh phân phối. Chúng tôi kiến nghị cần bãi bỏ khoản truy thu thuế TTĐB do nộp chậm vì hướng dẫn không rõ ràng về thuế TTĐB gây nhầm lẫn và mâu thuẫn với quy định thuế.

2. Biểu thuế nhập khẩu đối với linh kiện xe lắp ráp CKD

Mô tả vấn đề

Điều 7.a của Nghị định 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 quy định biểu thuế ưu đãi 0% cho linh kiện ô tô nhập khẩu phục vụ sản xuất trong nước áp dụng cho nhà sản xuất đáp ứng yêu cầu nhất định (xe ô tô tải và ô tô con, không bao gồm xe ô tô con có dung tích hơn 2.500cc). Biểu thuế ưu đãi này áp dụng với nhà sản xuất ô tô trong 5 năm từ năm 2018 đến năm 2022.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Để đủ điều kiện tham gia chương trình ưu đãi thuế, tổng số xe sản xuất của nhóm sản phẩm và mẫu xe cam kết nhất định phải ít nhất cao bằng mức trần được quy định. Ví dụ, đối với nhóm xe ô tô con, tổng số xe sản xuất cho từng giai đoạn 6 tháng phải đạt 8.000 xe đối với tất cả xe ô tô con có dung tích nhỏ hơn 2.500cc, trong đó, số lượng của một mẫu xe cam kết có mức tiêu thụ nhiên liệu thấp hơn 7,5 l/100 km phải lớn hơn 3.000 xe. Các yêu cầu này có nghĩa là hầu hết các nhà sản xuất ô tô tại Việt Nam đều không đủ điều kiện hưởng ưu đãi thuế này mà chỉ hạn chế ở một ít công ty lớn. Ngoài ra, chương trình ưu đãi thuế sẽ cho phép một công ty có nhiều nhãn hiệu xe – thỏa mãn điều kiện về số lượng xe của một nhãn hiệu hoặc của nhiều nhãn hiệu gộp lại – được hưởng lợi, kể cả đối với nhãn hiệu có sản lượng thấp. Trong khi đó, những công ty có sản lượng xe đáng kể vẫn không đạt được sản lượng, theo yêu cầu, và do đó không thể hưởng lợi từ chương trình này.

Kiến nghị

Theo quan điểm của chúng tôi, chương trình ưu đãi thuế n được xây dựng sao cho công bằng và không phân biệt đối xử đối với tất cả những nhà sản xuất xe đã đầu tư vào Việt Nam. Thêm vào đó, thuế nhập khẩu đối với xe lắp ráp CKD nên được loại bỏ vô điều kiện, bất kể nhập khẩu từ đâu.

Để phát triển ngành ô tô nói chung tại Việt Nam, việc thúc đẩy sản lượng xe là rất cần thiết tại Việt Nam. Việc đa dạng hóa nhà cung cấp trên thị trường sẽ tạo điều kiện cho phát triển bền vững và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng.

II. KIỂM ĐỊNH THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2017/NĐ-CP VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH Ô TÔ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC)

Sau khi tăng trưởng mạnh vào năm 2016, thị trường ô tô Việt Nam giảm 7% xuống còn 273.750 chiếc trong năm 2017. Cho dù có các chương trình chiết khấu và khuyến mại lớn chưa từng có trong lịch sử ngành ô tô Việt Nam, khách hàng tiếp tục đợi cắt giảm thuế TTĐB đối với xe ô tô con có dung tích động cơ nhỏ hơn 2,0 l và dỡ bỏ thuế nhập khẩu đối với xe nhập khẩu nguyên chiếc từ các quốc gia là thành viên của ASEAN từ tháng 1 năm 2018.

Yêu cầu về “kinh doanh ô tô có điều kiện” dự kiến được đưa ra trong tháng 7 năm 2016 đã được ban hành trong Nghị định 116. Các nhà nhập khẩu chính hãng ban đầu hưởng ứng Nghị định này và các điều kiện mới được áp dụng trong ngành ô tô. Tuy nhiên, trong khi các nhà lắp ráp xe CKD có 18 tháng để thực hiện, các nhà nhập khẩu xe nguyên chiếc chỉ còn hơn 2 tháng để thực hiện kiểm tra cơ sở bảo dưỡng nhằm được cấp giấy chứng nhận bảo hành/kiểm định mới, sau đó là xin giấy phép nhập khẩu từ Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT). Nghị định 116, mặc dù với nội dung tích cực, lại đang được thực thi mà chưa tính đến thời gian chuyển tiếp cần thiết là 6 tháng để ngành công nghiệp ô tô nhập khẩu xe từ châu Âu về Việt Nam.

Vào ngày 25 tháng 1, Bộ GTVT vừa ban hành Thông tư 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 1 năm 2018 chính thức hóa nội dung của dự thảo Thông tư với ngày hiệu lực là ngày 1 tháng 3 năm 2018.

Các yêu cầu kỹ thuật mới này được thực hiện mà chưa có thời gian chuyển tiếp cần thiết, vốn là điều kiện tiên quyết của WTO và các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), nhưng vấn đề này chưa được các cơ quan chính quyền Việt Nam xem trọng.

1. Kiểm định xe nhập khẩu nguyên chiếc theo lô

Mô tả vấn đề

Theo Điều 6.2.a của Nghị định 116, xe nhập khẩu nguyên chiếc cần đạt yêu cầu kiểm định (khí thải và độ an toàn) đối với từng lô hàng. Điều này có nghĩa là một xe tương tự như chiếc xe đã được nhập khẩu trong một lô hàng khác trước chỉ vài ngày, cũng cần kiểm định lại.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quy định mới sẽ làm tăng chi phí và thời gian kiểm định cho các doanh nghiệp. Theo đơn kiến nghị của VAMA gửi lên Chính phủ, chi phí kiểm định cho một mẫu xe của từng lô sẽ là khoảng 10.000 Đô-la Mỹ. Quy trình kiểm định mới được quy định kéo dài đến 2 tháng, trong thời gian này, các xe của cùng lô hàng sẽ không được bán ra. Thêm vào đó, điều này làm tăng nhiều chi phí tài chính cho các doanh nghiệp, dẫn đến tăng giá xe. Vào đầu năm 2018, vẫn chưa có kế hoạch về việc tăng năng lực kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam để có thể kiểm định toàn bộ xe của một mẫu do mỗi nhà nhập khẩu vận chuyển đến Hà Nội trên mỗi tàu cập bến.

Nghị định 116 cũng yêu cầu tất cả các mẫu xe phải được cơ quan của quốc gia xuất khẩu cấp giấy chứng nhận Chất lượng Kiểu Loại Ô tô (VTA). Giấy chứng nhận VTA thể hiện xe đáp ứng tiêu chuẩn của quốc gia mà nó sẽ được bán và thường được cấp bởi cơ quan của quốc gia nhập khẩu. Trên thực tế, cơ quan chứng nhận ô tô kiểm định ô tô theo thông số kỹ thuật của quốc gia. Ví dụ như châu Âu không có thẩm quyền kiểm định ô tô cho thị trường xuất khẩu theo thông số kỹ thuật của từng quốc gia xuất khẩu. Việc Việt Nam đưa ra yêu cầu này là đi ngược lại với Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật (TBT) của WTO. Theo Điều 2 trong Hiệp định của WTO, việc yêu cầu xe nhập khẩu trải qua kiểm định về khí thải và an toàn đối với từng lô hàng trong khi xe được sản xuất tại Việt Nam chỉ được kiểm định 36 tháng một lần là sự phân biệt đối xử giữa sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm được sản xuất trong nước. Hàng rào kỹ thuật này gây những trở ngại không cần thiết đối với thương mại quốc tế. Do Việt Nam có cơ quan có thẩm quyền riêng (Cục Đăng kiểm Việt Nam) để thực hiện kiểm định tuân thủ về khí thải và an toàn theo tiêu chuẩn ô tô của Việt Nam, thì việc Việt Nam còn yêu cầu một cơ quan nước ngoài thực hiện kiểm định và chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam là chưa hợp lý. Do đang có yêu cầu kiểm định cho từng lô hàng, việc kiểm định lặp lại cho các mẫu xe giống nhau chỉ làm tăng chi phí và gây những trở ngại không cần thiết trái với Điều III của Hiệp định Chung về Thuế quan và Thương mại (1994) về đối xử quốc gia.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị Chính phủ xem xét và chấp nhận thủ tục kiểm định hiện nay mà không yêu cầu kiểm định lại cùng loại xe được nhập khẩu.

Việc kiểm định và kiểm định lại càng không cần thiết đối với ô tô được sản xuất tại châu Âu do Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về An toàn và Bảo vệ Môi trường đối với Xe ô tô của Việt Nam tuân thủ tiêu chuẩn và quy định về ô tô và linh kiện lắp ráp ô tô của Ủy ban Kinh tế châu Âu thuộc Liên Hợp Quốc (UNECE/ECE). Điều này đi ngược lại với cam kết của Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA), theo đó đã Việt Nam cam kết tuân thủ giấy chứng nhận hoặc giấy chứng nhận khí thải trong báo cáo kiểm định của UNECE/ECE.

2. Linh kiện xe lắp ráp CKD cần được kiểm định tại Việt Nam

Mô tả vấn đề

Theo Điều 6.1b và 6.1c của Nghị định 116, linh kiện xe lắp ráp CKD cần được kiểm định tại Việt Nam. Các linh kiện này gồm bộ phận an toàn, lốp, đèn, gương, kính, bánh xe và bình nhiên liệu. Điều này có nghĩa là các bộ phận được nhập khẩu từ EU có giấy chứng nhận hoặc báo cáo kiểm định của UNECE/ECE sẽ không còn được chấp nhận miễn kiểm định trừ khi giấy chứng nhận hoặc báo cáo kiểm định được cung cấp là từ một quốc gia đã ký Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau (MRA) với Việt Nam cho dù Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về An toàn và Bảo vệ Môi trường đối với Xe ô tô của Việt Nam tuân thủ tiêu chuẩn và quy định của UNECE/ECE.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quy định mới sẽ làm tăng chi phí và thời gian kiểm định đối với các doanh nghiệp.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị Chính phủ tiếp tục thực hiện tiêu chuẩn của giấy chứng nhận UNECE/ECE đối với bộ phận ô tô hoàn toàn phù hợp với Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia hiện hành của Việt Nam. Đối với bộ phận và thiết bị được nhập khẩu, giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại có giá trị của UNECE/ECE và/hoặc báo cáo kiểm định đính kèm sản phẩm cần được xem là chứng từ đầy đủ thể hiện giấy chứng nhận có giá trị. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp giảm thiểu chi phí và khối lượng công việc hành chính, phù hợp với mục tiêu cải cách hành chính tại Việt Nam cũng như mục đích và nguyên tắc của EVFTA, cụ thể là thúc đẩy sự thừa nhận lẫn nhau và loại bỏ, ngăn chặn tạo rào cản phi thuế quan đối với thương mại song phương.

III. TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN XUẤT

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Công Thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Ngành công nghiệp ô tô là ngành công nghiệp kỹ thuật chính xác yêu cầu các bộ phận có chất lượng cao. Để tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, các nhà cung cấp ô tô, nhà sản xuất theo hợp đồng và công ty trong nước phải đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng như ISO 9001:2015, ISO 14009 và IATF 16949:2016.

Theo Nghị định 116, các nhà sản xuất ô tô phải xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý Chất lượng tuân thủ ISO 9007:2016 hoặc một tiêu chuẩn tương đương không muộn hơn 12 tháng sau ngày được cấp giấy phép sản xuất/lắp ráp. Thêm vào đó, tất cả ô tô mới được sản xuất hoặc lắp ráp tại Việt Nam đều phải đạt Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về An toàn và Bảo vệ Môi trường QCVN09:2015/BGTVT, tham khảo từ tiêu chuẩn của UNECE. Thêm vào đó, hiện không có Ủy ban Đánh giá An toàn Xe mới (NCAP) và trung tâm kiểm định để thực hiện kiểm định các tiêu chuẩn này và Việt Nam không phải là thành viên của NCAP Đông Nam Á được thành lập vào năm 2011 với 5 thành viên và 2 tổ chức hỗ trợ tài chính.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Với sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành ô tô, đặc biệt khi việc cắt giảm đáng kể thuế nhập khẩu gây áp lực lớn lên thị trường ô tô trong nước, việc không đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng chỉ gây thiệt hại về danh tiếng của các nhà sản xuất ô tô tại Việt Nam. Thêm vào đó, việc thực hiện thử nghiệm an toàn (ví dụ, thử nghiệm va chạm đối với xe ô tô con và xe tải được phát triển trong nước) cũng là một vấn đề về đạo đức. Các nhà sản xuất cần phải đảm bảo rằng sản phẩm của mình an toàn và hoạt động tốt trước khi bàn giao sản phẩm cho khách hàng. Khi không có các thử nghiệm cần thiết, mối quan ngại về mức độ an toàn của xe là nhân tố chính làm khách hàng không muốn mua những chiếc xe này.

Kiến nghị

Theo quan điểm của chúng tôi, Việt Nam cần tham gia NCAP Đông Nam Á để được chứng nhận về an toàn và tăng khả năng xuất khẩu ô tô của mình sang các quốc gia ASEAN theo ATIGA. Thêm vào đó, với mục tiêu đảm bảo

an toàn cho xe ô tô, Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về An toàn và Bảo vệ Môi trường QCVN09:2015/BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần đưa vào IATF 16949:2016 để quản lý chất lượng xe ô tô tốt hơn. Chúng tôi cũng kiến nghị cần có một tổ chức độc lập để theo dõi việc áp dụng chứng nhận và thử nghiệm an toàn để đảm bảo tất cả giấy chứng nhận đạt được đều khách quan, trung thực và có giá trị.

IV. NHẬP KHẨU PHỤ TÙNG TÂN TRANG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT)

Mô tả vấn đề

Hiện nay, chưa có quy định đưa ra định nghĩa về phụ tùng “tân trang”. Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài (Nghị định 187) đưa ra hướng dẫn chung về hoạt động xuất nhập khẩu và cấm nhập khẩu phụ tùng ô tô đã qua sử dụng vào Việt Nam. Theo Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Thông tư 38) đưa ra hướng dẫn chi tiết về thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa thương mại, Tổng cục Hải quan Việt Nam xác định bất cứ phụ tùng nào không “hoàn toàn mới” là “phụ tùng đã qua sử dụng”. Điều này khiến cho việc nhập khẩu phụ tùng tân trang trở nên không khả thi.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Hoạt động tân trang giúp tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát thải khí CO₂, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và có lợi cho khách hàng và người tiêu dùng tại Việt Nam. Thêm vào đó, tân trang giúp tiết kiệm một lượng lớn nguyên vật liệu quý và hàng chục nghìn megawatt giờ điện. Nói chung, tân trang làm giảm áp lực lên môi trường. Mỗi quốc gia châu Âu và hầu hết các quốc gia châu Á hiểu rõ tầm quan trọng và ảnh hưởng to lớn của phụ tùng tân trang đối với môi trường và cho phép nhập khẩu và buôn bán các phụ tùng đó như phụ tùng mới. Điều này cũng đã được khẳng định bởi nhiều nghiên cứu đánh giá vòng đời sản phẩm khác nhau được các cơ quan kiểm định độc lập như ‘TÜV SÜD’ chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị Chính phủ nên cho phép nhập khẩu phụ tùng tân trang với chính sách giống như chính sách cho hàng hóa “như mới”. Ngoài ra, cần có hệ thống ghi nhận riêng đối với hàng hóa tân trang để ngăn chặn việc lừa đảo khách hàng.

Phụ tùng tân trang chính hãng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng tương tự như phụ tùng hoàn toàn mới. Phụ tùng này được sản xuất theo yêu cầu chất lượng chặt chẽ và trải qua quá trình kiểm tra chất lượng cuối cùng theo các tiêu chuẩn tương tự. Thêm vào đó, phụ tùng tân trang chính hãng được các nhà sản xuất ô tô cung cấp theo điều kiện bảo hành tương tự như phụ tùng mới và tiết kiệm chi phí hơn cho khách hàng phù hợp với xu hướng bảo vệ môi trường.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy thuộc EuroCham

CHƯƠNG 15b NGÀNH CÔNG NGHIỆP XE MÁY

TỔNG QUAN

Xe máy tiếp tục là phương tiện giao thông phổ biến nhất tại Việt Nam. Vào năm 2016, trong nước có hơn 45 triệu xe máy và trung bình, xe máy phục vụ hơn 60% nhu cầu đi lại.¹ Việt Nam cũng là thị trường xe máy lớn thứ 4 trên thế giới (sau Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia) và thị trường này dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và ổn định cả về chất và lượng.² Trong khi thị trường của các quốc gia khác đang bị bão hòa, nhu cầu về xe máy tại Việt Nam dự kiến vẫn ở mức cao. Gần 1,5 triệu xe máy đã được bán ra trong 6 tháng đầu năm 2017 – tăng 6% so với năm tài chính 2016, theo số liệu của Hiệp hội Các Nhà Sản xuất Xe máy Việt Nam (VAMM).³ Một phần có thể là do sự phục hồi của nền kinh tế sau khủng hoảng tài chính, đồng thời cũng cho thấy sự phổ biến của xe máy như một phương tiện giao thông tại Việt Nam trong thời gian dài.

Nhu cầu lớn của thị trường khiến một số nhà đầu tư vẫn đầu tư một nguồn vốn lớn vào ngành công nghiệp xe máy. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), có hơn 60 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Trong số 60 doanh nghiệp này, có 50 công ty trực tiếp sản xuất trong khi các doanh nghiệp còn lại chuyên về lắp ráp xe máy.⁴ Tuy nhiên, chỉ có khoảng 10 doanh nghiệp đủ mạnh để cạnh tranh trên thị trường, bao gồm các gã khổng lồ về sản xuất xe máy đến từ Nhật Bản (Honda, Yamaha và Suzuki), Ý (Piaggio) và Đài Loan (SYM). Thu nhập tăng lên cũng dẫn đến nhu cầu về xe máy tăng cao và thị hiếu của khách hàng hiện nay thiên về các mẫu xe hiện đại và thời trang hơn, bằng chứng là thị phần xe tay ga tăng mạnh từ 37% vào năm 2013 lên 55% vào năm 2016.⁵ Trên thực tế, doanh thu xe tay ga đã vượt xe máy thông thường ngay từ năm 2015 khi chiếm khoảng 54% tổng thị phần.⁶ Các mẫu xe mới với nhiều chức năng cải tiến và thiết kế hiện đại ngày càng được ra mắt thường xuyên hơn và các nhà sản xuất cũng đầu tư nhiều hơn vào Nghiên cứu và Phát triển (R&D).

Các nhà sản xuất xe máy đã đầu tư đáng kể vào Việt Nam trong những năm qua. Điều này đã góp phần vào tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm và chuyển giao công nghệ và kiến thức chuyên môn cho lao động trong nước, có thể lấy dẫn chứng từ việc vào năm 2012, Piaggio Việt Nam công bố khoản đầu tư vào nhà máy sản xuất động cơ với công suất đạt 300.000 xe/năm đã đi vào vận hành từ năm 2013.⁷ Thêm vào đó, vào tháng 11 năm 2014, tập đoàn Honda Việt Nam đã đầu tư tổng số vốn là 120 triệu Đô-la Mỹ để đưa vào vận hành nhà máy sản xuất xe máy thứ ba với công suất đạt 500.000 xe/năm.⁸ Thị trường xe máy Việt Nam sẽ tiếp tục là ngành công nghiệp đầy hứa hẹn cho các nhà sản xuất với tốc độ tăng trưởng cao về doanh thu và lượng tiêu thụ trong tương lai và đặc biệt còn tăng trưởng nhanh hơn nếu được hỗ trợ bởi một chiến lược phát triển rõ ràng và minh bạch của Chính phủ Việt Nam.

Trên phương diện đóng góp cho xã hội, ngành công nghiệp xe máy đã tạo ra số lượng lớn công ăn việc làm cho lao động địa phương. Hơn nữa, ngành công nghiệp này đã và đang thực hiện các hoạt động khác nhau, góp phần phát triển xã hội, đặc biệt là những hoạt động nhằm cải thiện an toàn giao thông đường bộ ở Việt Nam.⁹ Tuy nhiên, ngành công nghiệp xe máy vẫn gặp phải nhiều thách thức. Dưới đây là ba trong số những vấn đề đáng lưu tâm nhất mà ngành công nghiệp xe máy đối mặt và kiến nghị của chúng tôi để giải quyết từng vấn đề.

- 1 "Xe máy tại Việt Nam: Những con số 'giật mình'", báo *Vietnam Net*, ngày 19 tháng 9 năm 2016. Xem tại: <<http://vietnamnet.vn/vn/chuyen-trang/oto-xemay/xe-may-tai-viet-nam-nhung-con-so-giat-minh-327440.html>> truy cập lần cuối vào ngày 7 tháng 12 năm 2017.
- 2 "Các nhà sản xuất xe máy nỗ lực khôi phục thị trường", báo *Viet Nam News*, ngày 30 tháng 7 năm 2014. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/economy/258141/motorcycle-makers-try-to-revive-market.html>> truy cập lần cuối vào ngày 7 tháng 12 năm 2017.
- 3 "VAMM công bố doanh số thường niên tại Việt Nam", *Hiệp hội các nhà sản xuất xe máy Việt Nam*, ngày 11 tháng 7 năm 2017. Xem tại: <<http://vamm.org.vn/tin-tuc-su-kien/vamm-cong-bo-doanh-so-ban-hang-tai-viet-nam-n709.html>> truy cập lần cuối vào ngày 7 tháng 12 năm 2017.
- 4 "Việt Nam sẽ trở thành một nước xuất khẩu xe máy lớn", *Vietnam Breaking News*, ngày 5 tháng 1 năm 2008. Xem tại: <<https://www.vietnambreakingnews.com/2008/01/vietnam-to-become-a-major-motorcycle-exporter/>> truy cập lần cuối vào ngày 18 tháng 12 năm 2017.
- 5 "Thị trường xe máy: Xe tay ga đã áp đảo", *Doanh nhân Sài Gòn*, ngày 13 tháng 7 năm 2017. Xem tại: <<http://www.doanhnhansaigon.vn/chuyen-lam-an/thi-truong-xe-may-xe-tay-ga-da-ap-dao/1203907/>> truy cập lần cuối vào ngày 15 tháng 12 năm 2017.
- 6 "Honda Việt Nam đột phá doanh thu ở thị trường xe máy Việt Nam", *Viet Stock*, ngày 23 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <<http://en.vietstock.vn/2017/10/honda-vietnam-makes-bank-on-vietnamese-motorcycle-market-974-297340.htm>> truy cập vào ngày 18 tháng 12 năm 2017.
- 7 Q. Hung, "Tập đoàn Piaggio khánh thành nhà máy sản xuất động cơ ở Việt Nam", *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 4 tháng 3 năm 2012. Xem tại: <<http://english.thesaigontimes.vn/22145/Piaggio-launches-motorcycle-engine-plant-in-Vietnam.html>> truy cập vào ngày 7 tháng 12 năm 2017.
- 8 "Honda Việt Nam khánh thành nhà máy sản xuất xe máy thứ 3 với tổng vốn đầu tư là 120 triệu Đô-la Mỹ", báo *TuoiTreNews*, ngày 11 tháng 11 năm 2014. Xem tại: <<http://tuoitrenews.vn/business/23967/honda-vietnam-inaugurates-third-motorbike-plant-at-a-cost-of-120mn>> truy cập vào ngày 7 tháng 12 năm 2017.
- 9 J. Le Fevre, "Honda Việt Nam trao tặng 30.000 mũ bảo hiểm miễn phí cho trẻ em", *The Establishment Post*, ngày 30 tháng 6 năm 2015. Xem tại: <<http://www.establishmentpost.com/honda-vietnam-seeks-to-protect-kids-30000-free-helmets/>> truy cập lần cuối vào ngày 7 tháng 12 năm 2017.

I. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN, PHỤ TÙNG THAY THẾ VÀ PHỤ KIỆN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Chúng tôi được biết Bộ Tài chính (BTC) đã đề xuất tăng thuế giá trị gia tăng (GTGT) áp dụng với hầu hết hàng hóa và dịch vụ, bao gồm phương tiện, phụ tùng thay thế và phụ kiện từ mức 10% lên 12%. Nếu đề xuất này được Quốc hội thông qua vào năm 2018, thuế suất mới này sẽ có hiệu lực từ đầu năm 2019.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Xét đến tình hình kinh tế hiện nay, trong khi thu nhập và mức sống của người dân cũng như hiệu quả kinh doanh vẫn ở mức thấp, việc tăng thuế GTGT có thể có những tác động tiêu cực không thể lường trước. Nó có thể trở thành gánh nặng cho nền kinh tế, xã hội Việt Nam nói chung và ngành công nghiệp xe máy nói riêng.

Tác động đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp: việc tăng thuế GTGT sẽ làm tăng giá cả của hàng hóa, đặc biệt là phương tiện và dẫn đến sụt giảm doanh số tiêu thụ. Sức mua yếu hơn sẽ là rào cản lớn đối với sự phát triển của doanh nghiệp. Điều này sẽ gây cản trở các công ty trong việc mở rộng hoạt động và có thể dẫn đến việc cắt giảm mức độ sản xuất hiện nay và cắt giảm lao động trong tương lai. Việc tăng thuế cũng có thể gây ra tác động lan tỏa đến các hoạt động kinh doanh liên quan khác gồm sản xuất và cung cấp phụ tùng thay thế và phụ kiện cho xe máy. Thêm vào đó, nguồn thu của Chính phủ tăng lên khi thuế GTGT tăng có thể không đủ để bù lại sự hao hụt từ các loại thuế khác như thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. Cuối cùng, tổng khoản lỗ thuần này có thể có tác động tiêu cực đến xã hội. Việc tăng thuế GTGT cũng sẽ làm giảm tính cạnh tranh của Việt Nam so với các quốc gia khác trong khu vực với thuế GTGT dao động từ 6% đến 10%. Ví dụ, thuế GTGT tại Lào, Campuchia và Indonesia là 10% trong khi tại Thái Lan, Singapore là 7% và tại Malaysia chỉ là 6%. Vì lý do đó, việc tăng thuế GTGT sẽ làm môi trường đầu tư của Việt Nam trở nên ít hấp dẫn hơn so với các quốc gia khác trong khu vực.

Tác động đến mức sống: xe máy là phương tiện giao thông không thể thiếu trên khắp Việt Nam. Ở những thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh và Hải Phòng, mạng lưới giao thông công cộng không đủ để đáp ứng nhu cầu của người dân, do đó xe máy là một trong những phương tiện giao thông phổ biến và thuận tiện nhất. Đối với người dân sống ở vùng nông thôn, xe máy thậm chí còn cần thiết hơn. Đi bộ hoặc đi xe đạp đều không khả thi trong khi ô tô không những quá đắt mà còn khó di chuyển trên những con đường nhỏ, đặc biệt là ở vùng núi. Vì lý do đó, với mức thu nhập và hiện trạng hạ tầng giao thông công cộng hiện nay của Việt Nam, xe máy là phương tiện giao thông không thể thiếu đối với người dân ở vùng nông thôn và thành thị. Về vấn đề này, việc tăng chi phí hàng hóa và dịch vụ, đặc biệt là phương tiện (gồm phụ tùng thay thế và phụ kiện) sẽ gia tăng gánh nặng lên những người có thu nhập thấp chủ yếu dùng khoản thu nhập của mình cho chi tiêu sinh hoạt.

Kiến nghị

Theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ cần xem xét kỹ lưỡng đề xuất tăng thuế GTGT đối với phương tiện, phụ tùng thay thế và phụ kiện. Đặc biệt, cần có một lộ trình trong thời gian dài về tăng thuế GTGT phù hợp với thực trạng kinh tế và thu nhập của người dân.

II. CẤM LƯU THÔNG XE MÁY TẠI MỘT SỐ THÀNH PHỐ LỚN VÀO NĂM 2030

Cơ quan Chính phủ liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội (UBND TPHN), Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng (UBND TPĐN), Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (UBND TP HCM)

Mô tả vấn đề

Hà Nội

Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã phê duyệt Nghị quyết 04/2017/NQ-HDND ngày 4 tháng 7 năm 2017 về tăng cường quản lý phương tiện giao thông đường bộ nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2017 - 2020 tầm nhìn đến năm 2030 (Nghị quyết 04). Nghị quyết 04 nhằm mục tiêu như sau:

1. Quản lý số lượng phương tiện tham gia giao thông (PTTGGT)
2. Quản lý chất lượng PTTGGT
3. Quản lý phạm vi hoạt động của PTTGGT
4. Giải pháp phát triển và nâng cao hiệu quả vận tải hành khách công cộng
5. Giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý (giao thông thông minh)
6. Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về giao thông vận tải

Lộ trình cấm lưu thông xe máy trong các quận nội thành Hà Nội nhằm tăng cường quản lý PTTGGT và giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường được trình bày trong bảng dưới:

Bảng 7: Lộ trình thực hiện cấm xe máy tại Hà Nội

No.	Nhiệm vụ	Lịch trình
1	Tuyên truyền về cấm lưu thông xe máy tại Hà Nội vào năm 2030.	Hàng năm
2	Nghiên cứu và tổng hợp tổng số PTTGGT (dựa trên năm sản xuất)	2017-2020
3	Nghiên cứu và đưa ra quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật và phát thải nhằm quản lý số lượng xe máy tham gia giao thông	2017-2020
4	Thu hồi và tiêu hủy xe máy cũ và không đạt tiêu chuẩn*	2017-2030
5	Thí điểm cấm lưu thông xe máy trong giờ và ngày quy định ở một số tuyến đường chính được chọn và trung tâm thành phố	2025-2029
6	Cấm xe máy tại các quận nội thành Hà Nội	2030

**Khi các quy định pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật và phát thải được ban hành.*

Đà Nẵng

Vào ngày 7 tháng 7 năm 2017, chính quyền Thành phố Đà Nẵng đã phê duyệt đề xuất “cải thiện giao thông công cộng, quản lý phương tiện cá nhân tham gia giao thông, kiểm soát và quản lý lưu lượng giao thông trong thành phố”. Đề xuất gồm các mục tiêu sau:

1. Xây dựng cơ chế và quy định về quy hoạch giao thông đô thị
2. Đầu tư và xây dựng hạ tầng giao thông đô thị phù hợp
3. Cải thiện và mở rộng hệ thống giao thông công cộng
4. Đưa vào áp dụng công nghệ thông tin và quản lý kiểm soát giao thông thông minh
5. Quản lý phương tiện cá nhân
6. Quản lý giao thông ở trung tâm thành phố
7. Thực hiện giải pháp xử lý vấn đề quản lý giao thông

Thành phố Hồ Chí Minh

Vào năm 2017, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh đã thảo luận đề xuất hạn chế và cấm xe máy nhằm giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường. Cho đến nay, chưa có thêm quyết định chính thức về vấn đề này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Xe máy là phương tiện giao thông không thể thiếu đối với đời sống hàng ngày và sinh kế của hàng triệu người. Nó đã trở thành phương tiện tiết kiệm, thuận tiện và linh hoạt nhất, đặc biệt tại các thành phố như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nơi đường phố chật hẹp và hệ thống phương tiện giao thông thay thế còn chưa phát triển. Hiện nay và trong tương lai gần, hạ tầng giao thông công cộng trong các thành phố lớn không đủ để đáp ứng nhu cầu tham gia giao thông của người dân. Vì lý do đó, việc cấm xe máy có thể tạo ra những khó khăn và bất lợi lớn cho người dân ở các thành phố lớn. Có thể lấy thành phố Jakarta là một ví dụ cho trường hợp này. Chính phủ Indonesia quy định cấm xe máy nhưng gặp phải sự phản đối của người dân do hạ tầng và hệ thống giao thông công cộng của Jakarta không đủ để đáp ứng nhu cầu tham gia giao thông của người dân và sau đó quy định cấm xe máy đã bị bãi bỏ.

Ngoài ra, việc chỉ cấm xe máy không phải là giải pháp hiệu quả để cải thiện tình trạng ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và giảm thiểu tai nạn giao thông tại các thành phố lớn. Nguyên nhân của các vấn đề này nằm ở việc quản lý thiếu hiệu quả PTTGGT, kỹ năng lái xe kém và ý thức chưa cao về an toàn giao thông đường bộ. Quy định cấm được đề xuất cũng có thể gây thách thức lớn cho ngành sản xuất xe máy mà trong một thập kỷ qua đã thực hiện những khoản đầu tư dài hạn vào Việt Nam nhằm phát triển thị trường trong nước và quốc tế và đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước bên cạnh giá trị nộp thuế lớn và tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động địa phương.

Kiến nghị

Chính quyền địa phương nên xem xét thêm các giải pháp hiệu quả hơn nhằm giải quyết vấn đề ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và tai nạn giao thông trong các thành phố lớn, bao gồm:

- Thực hiện nghiên cứu, tham khảo và áp dụng thông lệ tốt nhất từ các quốc gia khác cho phép lưu thông xe máy như Đài Loan, nơi hệ thống giao thông công cộng và hạ tầng giao thông tiên tiến được sử dụng kết hợp hiệu quả với xe máy.
- Xem xét nhu cầu của người dân nhằm đề xuất quy hoạch tổng thể khả thi, giảm thiểu tối đa tác động đến đời sống hàng ngày và công việc của người dân và tránh hệ quả tiêu cực về kinh tế;
- Chỉ quản lý hoặc cấm xe máy cũ, vốn là nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí, tham khảo kinh nghiệm của Ấn Độ, nơi chính phủ chỉ cấm xe máy đã sử dụng quá 20 năm; và
- Tăng cường ý thức và chấp hành quy định và an toàn giao thông.

III. BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ (SHTT)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Cục Quản lý Cảnh tranh (Cục QLCT) thuộc Bộ Công thương (BCT), Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Ban chỉ đạo 398 (Ban Chỉ đạo 398) thuộc Bộ Tài Chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Việc vi phạm Quyền Sở hữu Trí tuệ (SHTT) ở Việt Nam vẫn là một vấn đề nghiêm trọng và xảy ra trên quy mô lớn. Do các hoạt động vi phạm ngày càng trở nên phức tạp, khó phát hiện và kiểm soát hơn, cần bảo hộ và thực hiện quyền SHTT chặt chẽ để khuyến khích đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đặc biệt là tại thời điểm Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại lớn như Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Liên quan đến vấn đề bảo hộ quyền SHTT, chúng tôi nhận thấy các sản phẩm xe máy cao cấp của các công ty xe máy đang bị làm nhái. Với quan điểm “bắt chước hơn là đổi mới sáng tạo”, một số công ty đang kinh doanh các sản phẩm với hình thức giống các sản phẩm của chúng tôi và khiến người dân nhầm lẫn với sản phẩm chính hãng. Hoạt động này không chỉ vi phạm các quy định về quyền SHTT liên quan đến kiểu dáng công nghiệp mà còn gây ra cạnh tranh không lành mạnh.

Đồng thời, chúng tôi nhận thấy việc vi phạm quyền SHTT trực tuyến cũng đang gia tăng với sự phát triển về số lượng người sử dụng Internet. Việc giám sát thực thi không chỉ đối với hoạt động giao dịch hàng hoá vi phạm quyền SHTT mà cả vi phạm trên các trang web, đăng ký tên miền và bảo trì là rất khó khăn.

Kiến nghị

- Chính phủ Việt Nam cần ban hành quy định pháp luật chi tiết về việc thực hiện quyền SHTT, tăng cường bảo hộ và thực thi quyền SHTT đối với kiểu dáng công nghiệp và thiết kế sản phẩm. Ví dụ, nên đưa hành vi vi phạm kiểu dáng vào đối tượng bị điều chỉnh bởi luật hình sự; mức phạt vi phạm hành chính về SHTT, bao gồm hàng giả, hàng nhái, cần được tăng lên;
- Chính phủ cần yêu cầu các cơ quan thực thi trong lĩnh vực SHTT đẩy mạnh việc chủ động ngăn chặn hành vi vi phạm. Các cơ quan này cũng cần tăng cường hoạt động khảo sát thị trường và thiết lập cơ chế trao đổi thông tin nhanh chóng và hiệu quả giữa các cơ quan thực thi bảo hộ quyền SHTT với nhau và giữa các cơ quan thực thi bảo hộ quyền SHTT với các chủ thể quyền SHTT để đảm bảo phát hiện, xử lý kịp thời hành vi vi phạm;
- Cần tăng cường hợp tác giữa các tổ chức thực thi bảo hộ quyền SHTT và cơ quan liên quan, đặc biệt là Cục Quản lý Thị trường và Cảnh sát Kinh tế, Cục Sở hữu Trí tuệ và Cơ quan Đăng ký Xe máy, Ban Chỉ đạo Quốc gia Chống Buôn lậu, Gian lận Thương mại và Hàng giả (Ban Chỉ đạo 389) tiếp tục theo dõi việc đăng ký sản phẩm như ô tô, xe máy và xe điện. Đặc biệt, các dự án hợp tác liên ngành như Chương trình Hành động 168¹⁰ cần tiếp tục được thực hiện để chia sẻ thông tin và xử lý công việc cụ thể cũng như đẩy mạnh và cải tiến hoạt động thực thi quyền SHTT;
- Đơn vị chịu trách nhiệm quản lý đăng ký tên miền như Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) cần có cơ chế ngăn chặn và hạn chế việc nộp hồ sơ tên miền “.vn” nhằm mục đích chiếm dụng tên miền hoặc lừa đảo, xử lý các vấn đề tranh chấp tên miền đang gia tăng; và
- Chính phủ cần xem xét thành lập tòa án chuyên trách xử lý các vấn đề về SHTT.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Công ty TNHH Piaggio Việt Nam

¹⁰ Chương trình Hành động 168 - Phối hợp Hành động Phòng và Chống Xâm phạm Quyền Sở hữu Trí tuệ, giai đoạn II (2012-2015)

CHƯƠNG 16 SẢN PHẨM DINH DƯỠNG VÀ SỮA CÔNG THỨC

TỔNG QUAN

Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham (NFG) là một tổ chức phi lợi nhuận và phi chính phủ đại diện cho năm công ty sữa đa quốc gia hàng đầu thế giới có mặt tại Việt Nam. NFG được thành lập để nâng cao sức khỏe của người Việt Nam dựa trên các sản phẩm dinh dưỡng và không ngừng cam kết xây dựng một chuẩn mực ngành đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế để khai thác một thị trường sản phẩm dinh dưỡng và sữa công thức có trách nhiệm và bền vững tại Việt Nam.

Mục tiêu của chúng tôi là:

1. Nâng cao nhận thức về dinh dưỡng trên cơ sở khoa học để hỗ trợ phát triển các chính sách và chuẩn mực hiệu quả về sản phẩm dinh dưỡng tốt và an toàn cho người Việt Nam;
2. Thúc đẩy xây dựng các tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng thực phẩm và hài hòa toàn cầu;
3. Tăng cường xây dựng đạo đức kinh doanh trong lĩnh vực sữa và sản phẩm dinh dưỡng thông qua quá trình tuân thủ các chính sách tự quản chặt chẽ và toàn diện;
4. Góp phần xây dựng các quy định trên cơ sở khoa học để điều chỉnh hoạt động của ngành;
5. Tham gia vào các cuộc đối thoại cởi mở với Chính phủ và các bên liên quan khác để tạo điều kiện hỗ trợ trên phạm vi ngành trong việc khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và cải thiện thể trạng của người Việt Nam; và
6. Tăng cường nhận thức và nâng cao năng lực trong lĩnh vực dinh dưỡng để hỗ trợ mục tiêu sức khỏe cộng đồng về sử dụng sản phẩm chất dinh dưỡng tốt.

Theo Viện Dinh dưỡng Quốc gia, Việt Nam hiện có khoảng 7,5 triệu trẻ em dưới 5 tuổi, 24,6% trong số đó bị suy dinh dưỡng thể thấp còi và 14,1% trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân¹. Số lượng trẻ em mắc suy dinh dưỡng đang giảm dần trong những năm gần đây (xem Biểu đồ 17) trong khi số lượng trẻ em bị thiếu hụt vi chất dinh dưỡng còn ở mức cao². Tuy nhiên, trong những năm gần đây, các doanh nghiệp thuộc ngành sữa và sản phẩm dinh dưỡng gồm các thành viên của NFG đã gặp phải không ít thách thức, dẫn đến việc người dân Việt Nam khó có thể tiếp cận được các sản phẩm dinh dưỡng an toàn. Cho dù Chính phủ đã có nhiều nỗ lực để cải thiện tổng thể môi trường kinh doanh, vẫn còn nhiều vấn đề cần xử lý.

Nhìn lại những vấn đề được NFG đưa ra trong ấn phẩm Sách trắng của năm ngoái, chúng tôi nhận thấy cho dù có những bước phát triển tích cực trong một số lĩnh vực, có rất ít sự tiến triển trong các lĩnh vực còn lại. Chúng tôi kiến nghị Chính phủ dỡ bỏ hoàn toàn chính sách áp dụng mức giá trần đối với sản phẩm sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi. Chúng tôi cũng hoan nghênh việc ban hành Thông tư 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới sáu (06) tuổi (Thông tư 08), có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2017. Thông tư đã đưa ra một khung khổ pháp lý mới cho phép các doanh nghiệp quyết định về giá mà không can thiệp vào quá trình này và các nguyên tắc cơ bản khác của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, chúng tôi chờ đợi những bước đi cụ thể đối với việc dỡ bỏ hàng rào kỹ thuật khi gia nhập thị trường sản phẩm sữa như yêu cầu đăng ký giá trị hấp thụ chất dinh dưỡng được công bố trên nhãn thực phẩm. Điều này liên tục gây ra khó khăn cho các thành viên NFG nói riêng và ngành thực phẩm nói chung.

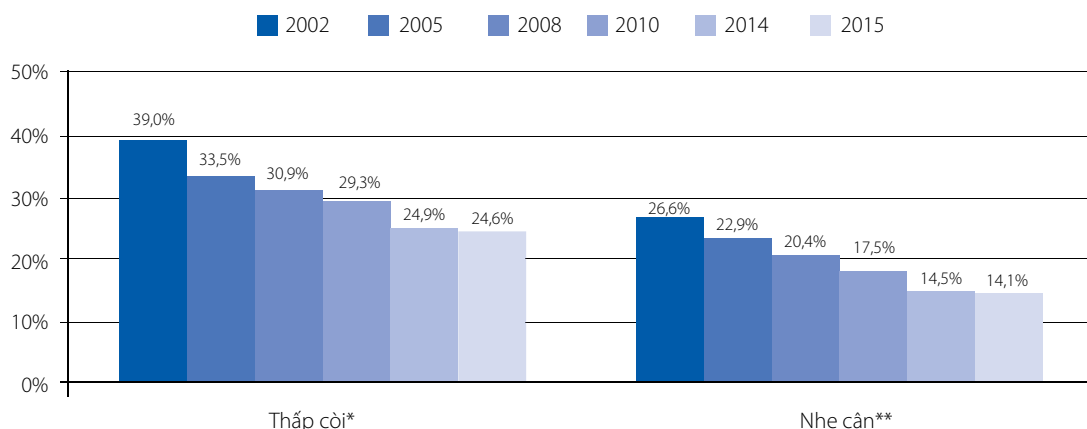
NFG muốn nhấn mạnh hai chính sách chính có thể được cải thiện để hỗ trợ cho mục tiêu cung cấp sản phẩm dinh dưỡng tốt và an toàn cho người Việt Nam. Thứ nhất, cần đổi mới hệ thống quản lý an toàn thực phẩm để làm cho

1 Số liệu thống kê về tình trạng dinh dưỡng trẻ em qua các năm (từ năm 1999 đến năm 2015), *Viện Dinh dưỡng Quốc gia*. Xem tại: <<http://viendinhduong.vn/news/vi/106/61/0/a/so-lieu-thong-ke-ve-tinh-trang-dinh-duong-tre-em-qua-cac-nam.aspx>> truy cập lần cuối vào ngày 30 tháng 11 năm 2017.
2 “Vi chất dinh dưỡng- Thực trạng và giải pháp hiện nay”, [Micronutrients - current status and solutions], *Viện Dinh dưỡng Quốc gia*, ngày 25 tháng 5 năm 2016. Xem tại: <<http://www.viendinhduong.vn/news/vi/858/12/vi-chat-dinh-duong-thuc-trang-va-giai-phap-hien-nay.aspx>> truy cập lần cuối vào ngày 30 tháng 11 năm 2017.

hoạt động quản lý an toàn thực phẩm hiệu quả, minh bạch hơn và tập trung vào kết quả thực tế. Thứ hai, cần xem xét lại các chính sách trực tiếp hoặc gián tiếp hạn chế người dùng tiếp cận với sản phẩm chăm sóc sức khỏe và sản phẩm dinh dưỡng để tránh mâu thuẫn với Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng. Các chủ đề này sẽ được trình bày chi tiết hơn trong phần dưới.

NFG hy vọng rằng những nỗ lực liên tục của Chính phủ trong việc cải thiện môi trường kinh doanh sẽ đem đến kết quả tích cực và cụ thể hơn trong những năm tới. Các thành viên NFG cam kết hợp tác với Chính phủ và các Bộ ngành liên quan trong công cuộc đổi mới để giúp Việt Nam phát triển bền vững và hội nhập kinh tế với thế giới.

Biểu đồ 17: Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Việt Nam (%)



Nguồn: Số liệu thống kê về tình trạng dinh dưỡng trẻ em qua các năm (từ năm 1999 đến năm 2015), Viện Dinh dưỡng Quốc gia³

I. ĐỔI MỚI HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỂ ĐẢM BẢO TÍNH HIỆU QUẢ, MINH BẠCH VÀ CHẤT LƯỢNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

Mô tả vấn đề

Theo báo cáo của Chính phủ, nguy cơ về an toàn thực phẩm từ thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến công nghiệp là rất thấp. Các sản phẩm này chỉ gây ra 2,2% các vụ ngộ độc thực phẩm trong năm 2016⁴. Tuy nhiên, trong nhiều năm, các sản phẩm này đều bị áp dụng thủ tục kiểm tra và đăng ký nghiêm ngặt không cần thiết, không những không đem đến hiệu quả cho hoạt động an toàn thực phẩm mà còn gây nhiều áp lực và tăng chi phí cho doanh nghiệp. Có thể đưa ra một số ví dụ về kiểm soát kiểm dịch đối với chế phẩm sữa và sản phẩm nhập khẩu chứa thành phần sữa theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ NN&PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn (Thông tư 25). Cho dù đã có nhiều hướng dẫn và ý kiến của Chính phủ cũng như kiến nghị từ cơ quan nhà nước liên quan và cộng đồng doanh nghiệp trong năm 2017, các Bộ phụ trách vẫn tiếp tục thực hiện các thủ tục này.

3 Số liệu thống kê về tình trạng dinh dưỡng trẻ em qua các năm (từ năm 1999 đến năm 2015), Viện Dinh dưỡng Quốc gia. Xem tại: <<http://viendinhduong.vn/news/vi/106/61/0/a/so-lieu-thong-ke-ve-tinh-trang-dinh-duong-tre-em-qua-cac-nam.aspx>> đã truy cập vào ngày 30 tháng 11 năm 2017.

* Suy dinh dưỡng thể thấp còi dùng để chỉ tình trạng không đủ chiều cao theo tuổi dựa trên tiêu chuẩn xác định của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).

** Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dùng để chỉ tình trạng không đủ cân nặng theo tuổi dựa trên tiêu chuẩn xác định của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).

4 Báo cáo 37/BC-CP của Chính phủ ngày 3 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về tình hình thực thi chính sách, pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2016.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo Thông tư 25, “sữa tươi, sữa chua, bơ, phô mai, sữa đóng hộp, sữa bột, bột sữa và sản phẩm sữa” đều thuộc diện phải kiểm soát kiểm dịch sau khi nhập khẩu. Tuy nhiên, Thông tư 25 không quy định mã số HS tương ứng và Bộ NN&PTNT và Cơ quan Hải quan cũng đưa chế phẩm sữa hoặc sản phẩm chứa thành phần sữa vào kiểm soát kiểm dịch sau khi nhập khẩu cùng với hoạt động kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm hiện nay của BYT.

Yêu cầu kiểm dịch động vật trong Thông tư 25 là một bước lùi trong quá trình cải cách hành chính so với Quyết định 4758/QĐ-BNN-TY trước đây ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành bảng mã số HS của danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch (Quyết định 4758). Yêu cầu đó không đem lại lợi ích cho hoạt động quản lý an toàn thực phẩm mà lại gây ra sự chồng chéo về kiểm tra, mất nhiều thời gian và chi phí tài chính cho doanh nghiệp.

Thực tiễn khoa học và hoạt động quản lý thực tế cho thấy tất cả chế phẩm sữa đóng hộp đều đã trải qua quy trình xử lý nhiệt để giúp loại bỏ nguy cơ gây bệnh và đã được quốc gia xuất khẩu chứng nhận là an toàn. Cục An toàn Thực phẩm (Cục ATTP) gần đây xác nhận “sản phẩm đã trải qua quy trình xử lý nhiệt sẽ có nguy cơ gây bệnh ở mức tối thiểu” và khẳng định thêm “Theo chuẩn mực quốc tế, sản phẩm nhập khẩu chỉ được kiểm tra bởi một cơ quan có thẩm quyền... chỉ sản phẩm tươi sống (chưa qua quy trình chế biến công nghiệp) thuộc diện kiểm dịch để loại bỏ nguy cơ gây bệnh⁵”.

Kiểm soát kiểm dịch đối với chế phẩm sữa hoặc sản phẩm chứa thành phần sữa cũng làm mất thời gian và chi phí không cần thiết cho doanh nghiệp. Yêu cầu kiểm dịch mới sẽ cần thêm mười (10) ngày và 5 - 6 triệu VNĐ để kiểm dịch mỗi lô, không bao gồm giá trị của mẫu thử nghiệm trong khi cũng yêu cầu các công ty nộp giấy chứng nhận kiểm dịch được quốc gia xuất khẩu cấp.

Chính phủ đã ban hành nhiều hướng dẫn khác nhau để chấm dứt tình trạng kiểm tra chồng chéo trong quá trình thông quan hàng nhập khẩu. Tuy nhiên, Bộ NN&PTNT chưa ban hành bất cứ hướng dẫn cụ thể nào liên quan đến việc kiểm tra chồng chéo chế phẩm sữa và sản phẩm chứa thành phần sữa.

Kiến nghị

Ban hành danh mục mã số HS tương ứng với danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm soát kiểm dịch. Danh mục này không bao gồm chế phẩm sữa và sản phẩm chứa thành phần sữa theo mã số HS trong Chương 119 và 21, tương tự như Quyết định 4758/QĐ-BNN-TY trước đây của Bộ NN&PTNT ngày 18 tháng 11 năm 2015 về việc ban hành bảng mã số HS của danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch (Quyết định 4758).

Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá rủi ro và dỡ bỏ cơ chế “yêu cầu & kiểm soát” nhằm kiểm tra và áp dụng các hình phạt theo kiến nghị của Ngân hàng Thế giới⁶.

II. DỠ BỎ RÀO CẢN ĐỂ NGƯỜI TIÊU DÙNG TIẾP CẬN SẢN PHẨM CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ SẢN PHẨM DINH DƯỠNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Sữa và sản phẩm sữa được BYT xác nhận là thực phẩm khuyến dùng hàng ngày cho người lớn và trẻ em trên 6 tháng tuổi. Tuy nhiên, đã có nhiều chính sách mâu thuẫn nhau trong những năm qua, trực tiếp hoặc gián tiếp hạn chế người tiêu dùng tiếp cận với sữa và sản phẩm dinh dưỡng. Điều này gồm hạn chế thông tin về sản phẩm do cấm quảng cáo sản phẩm thay thế sữa mẹ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi được quy định trong Luật 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 về Quảng cáo (Luật Quảng cáo). Thuế tiêu thụ đặc biệt dự kiến sẽ được áp dụng với đồ uống có đường nếu không được quy định rõ ràng có thể dẫn đến nguy cơ người tiêu dùng bị hạn chế tiếp cận với sản phẩm dinh dưỡng trong tương lai.

5 Công văn 2221/ATTP-SP của Cục An toàn Thực phẩm ngày 24 tháng 5 năm 2017 gửi cho thành viên NFG.

6 “Quản lý Nguy cơ về An toàn Thực phẩm của Việt Nam: Thách thức và Cơ hội”, Nhóm Ngân hàng Thế giới. Xem tại: <<http://documents.worldbank.org/curated/en/235741490717293094/Vietnam-food-safety-risks-management-challenges-and-opportunities>> truy cập lần cuối vào ngày 1 tháng 12 năm 2017.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

1. Cấm quảng cáo sản phẩm thay thế sữa mẹ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi

NFG cho rằng sữa mẹ là tốt nhất cho trẻ em. Chúng tôi ủng hộ việc chỉ cho trẻ bú sữa mẹ trong 6 tháng đầu và cho uống sữa bổ sung khi trẻ từ 6 đến 24 tháng. Tuy nhiên, theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và BYT, sữa mẹ có thể đáp ứng 100% nhu cầu dinh dưỡng của trẻ sơ sinh trong 6 tháng đầu trong khi đáp ứng 50% nhu cầu của trẻ từ 6 - 12 tháng và chỉ 33% nhu cầu của trẻ hơn 12 tháng. Tại Việt Nam, nghiên cứu của Viện Dinh dưỡng Quốc gia cũng cho thấy chỉ 51,7% trẻ dưới 24 tháng được ăn thực phẩm bổ sung đáp ứng được chế độ ăn uống tối thiểu ở mức chấp nhận được⁷. Theo khảo sát của Alive & Thrive, 29,1% trẻ từ 6 đến 23,9 tháng tuổi không được ăn với tần suất đầy đủ và thức ăn đa dạng⁸.

Thời gian nghỉ thai sản tại Việt Nam kéo dài 6 tháng, vì lý do đó, cần cung cấp cho trẻ trên 6 tháng tuổi đầy đủ nguồn thực phẩm bổ dưỡng để bổ sung cho sữa mẹ. Những người mẹ và bảo mẫu cần được hỗ trợ và tạo điều kiện tiếp cận với đầy đủ thực phẩm bổ dưỡng an toàn cho trẻ nhỏ, gồm sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ được chế biến công nghiệp. Với hàng trăm sản phẩm khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng, những người mẹ cần được thông tin đầy đủ về sản phẩm hoặc thị trường, gồm cách sử dụng từng sản phẩm, để giúp họ đưa ra lựa chọn chính xác cho con mình.

Tại Việt Nam, tất cả các hình thức quảng cáo về sản phẩm sữa phải được đánh giá và phê duyệt bởi Bộ Y tế. Do quảng cáo là một kênh cung cấp thông tin về sản phẩm và thông tin này được đánh giá để đảm bảo tính chính xác và trung thực, chúng tôi cho rằng việc hạn chế quảng cáo sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi đang cản trở những người mẹ tiếp cận với thông tin đầy đủ và đáng tin cậy về sản phẩm và cũng hạn chế việc tiếp cận của họ tới nhiều sản phẩm đa dạng khác trên thị trường. Thêm vào đó, điều này cũng dẫn đến việc những người mẹ phải phụ thuộc vào nguồn thông tin không chính thức như diễn đàn xã hội và thông tin truyền miệng, thường có thể cung cấp các lời khuyên sai lệch ảnh hưởng đến lựa chọn sản phẩm, sức khỏe của trẻ về sau.

2. Đề xuất thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng đối với đồ uống có đường

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2017, Bộ Tài chính (BTC) đã ban hành dự thảo Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị Gia tăng, Thuế Tiêu thụ Đặc biệt (thuế TTĐB), Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Thuế Thu nhập Cá nhân và Thuế Tài nguyên. Dự thảo đề xuất áp dụng thuế suất thuế TTĐB là 10% đối với “đồ uống có đường gồm đồ uống có ga, đồ uống không có ga, nước tăng lực, đồ uống thể thao, chè và cà phê hòa tan được đóng gói bằng dây chuyền công nghiệp, trừ nước ép trái cây và hoa quả 100% tự nhiên, sữa và sản phẩm sữa”.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy tiêu chí xác định sản phẩm chịu thuế TTĐB hay không phải được quy định rõ để đảm bảo thực hiện minh bạch và chính xác. Điều này rất đúng trong bối cảnh khuôn khổ pháp lý của Việt Nam, khi một số sản phẩm được điều chỉnh bởi tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan và có thể có tên gọi khác nhau theo cách sử dụng của doanh nghiệp, cộng đồng và cơ quan quản lý không chuyên trách.

Thuật ngữ “đồ uống có đường” trong dự thảo Luật có thể được hiểu theo nghĩa rộng. Không rõ thuật ngữ này bao gồm đồ uống có đường hay đồ uống có vị ngọt có thể không có đường. Vì lý do đó, phạm vi sản phẩm được đề xuất trong dự thảo Luật hiện nay cũng có thể chứa sản phẩm có lợi cho sức khỏe và được khuyến dùng như:

Sản phẩm thuốc dạng lỏng: Các sản phẩm này có hàm lượng dinh dưỡng cân bằng đầy đủ cho bệnh nhân và đóng vai trò quan trọng trong điều trị.

Sản phẩm sữa công thức dạng lỏng cho trẻ em không được làm từ sữa nhưng được làm từ đậu nành hoặc đạm whey và sử dụng cho trẻ không hấp thụ lactose: Đây là sản phẩm quan trọng cho trẻ em. Hầu hết các sản phẩm sữa đều được BYT phân loại là thực phẩm bổ sung, không phải là sữa. Một trong những thành phần của các sản phẩm đó là đường và do đó, có thể dễ dàng được phân loại là đồ uống chứa đường trong khi sữa là sản phẩm cần thiết để cải thiện thể trạng của trẻ và người già và được Chính phủ khuyến dùng.

⁷ Báo cáo về Dinh dưỡng tại Việt Nam, giai đoạn 2009 - 2010, Viện Dinh dưỡng Quốc gia, tháng 4, 2011.

⁸ Báo cáo Khảo sát Cơ sở: Báo cáo của 11 Tỉnh. Hà Nội, Việt Nam: Alive & Thrive, 2012. Xem tại: <<http://aliveandthrive.org/resources/research-report-findings-of-alive-thrive-secondary-baseline-survey-in-11-provinces-of-viet-nam-full-and-executive-summary-english-and-vietnamese/>> truy cập lần cuối vào ngày 1 tháng 12 năm 2017.

Nước ép trái cây và hoa quả: Các loại nước ép này có lợi ích đáng kể về sức khỏe cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, các sản phẩm có thể chứa một lượng nhỏ chất phụ gia để tạo vị, vì lý do đó, khó có thể sản xuất được “nước ép trái cây và hoa quả 100% tự nhiên”.

Chè: Chè là đồ uống hoàn toàn tự nhiên và có lợi cho sức khỏe. Thêm vào đó, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu chè hàng đầu thế giới.

Kiến nghị

Chính phủ cần giao cho các Bộ ngành liên quan thực hiện việc đánh giá cụ thể hiệu quả về việc thực thi quy định cấm quảng cáo sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi. Điều này cần xem xét việc cấm có giúp tăng tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ không và quan trọng hơn là có giúp cải thiện thể trạng của trẻ em Việt Nam không. Nếu việc cấm quảng cáo được chứng minh là không có hiệu quả, Chính phủ cần xem xét sửa đổi Luật Quảng cáo để hạn chế phạm vi cấm, chỉ áp dụng với sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ cho trẻ em dưới 12 tháng tuổi như quy định trước đây.

BTC cần làm rõ thuật ngữ “đồ uống có đường” chịu thuế TTĐB. Theo chúng tôi, thuật ngữ cần loại trừ các sản phẩm sau: thực phẩm dinh dưỡng y học; sản phẩm sữa công thức cho trẻ nhỏ (dạng lỏng) và sản phẩm dinh dưỡng cho người tiêu thụ đặc biệt (như người già và phụ nữ có thai) để bổ sung chất dinh dưỡng và không nhằm mục đích giải khát; sản phẩm sữa dạng lỏng, trong đó, sữa là một trong ba thành phần chính theo khối lượng (thường là nước, sữa bò và cacbohydrat); nước ép trái cây và hoa quả; chè và cà phê với thành phần hầu hết là tự nhiên (tỷ lệ thành phần tự nhiên cần được quy định để dễ tham khảo, ví dụ, thành phần tự nhiên không phải là đường chiếm 90% khối lượng của thành phần khô. Tuy nhiên, tỷ lệ chính xác cần dựa trên chứng cứ khoa học phù hợp).

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham

CHƯƠNG 17 BẤT ĐỘNG SẢN

TỔNG QUAN

Thị trường bất động sản Việt Nam trở nên sôi động hơn trong bốn năm qua nhờ vào các chính sách khuyến khích đầu tư và sự tham gia của nhiều nhà đầu tư mới. Với các hiệp định thương mại như Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) đang trong quá trình hoàn thiện, Việt Nam có đầy đủ điều kiện để cải thiện cơ sở hạ tầng và gia tăng khả năng cạnh tranh kinh tế. Thêm vào đó, một số luật quan trọng được ban hành gần đây như Luật Xây dựng, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản đã thúc đẩy sự phát triển của thị trường.

Tuy nhiên, nếu việc cải cách và minh bạch hóa các thủ tục hành chính không được thực hiện đầy đủ, dòng vốn có khả năng sẽ chuyển sang các quốc gia láng giềng. Chúng tôi cho rằng còn một số thiếu sót trong hệ thống pháp luật cần được xem xét vì chúng đang cản trở các hoạt động và sự phát triển bền vững của thị trường bất động sản. Chúng tôi mong muốn chia sẻ quan điểm với Chính phủ để tối đa hóa các điều kiện thuận lợi mà Việt Nam đang có.

Thứ nhất, Luật Nhà ở và Thông tư 02/2016/TT-BXD¹ (Thông tư 02) đã ban hành quy chế về việc quản lý và sử dụng căn hộ chung cư có một số quy định về Ban Quản lý Nhà Chung cư (BQLNCC). Tuy nhiên, không có quy định rõ ràng về việc có hay không quyền lợi pháp lý của BQLNCC trong việc tham gia thủ tục tố tụng thay mặt chủ sở hữu căn hộ để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu căn hộ.

Thứ hai, cần thiết lập một khung pháp lý đối với các loại bất động sản lai mới trong dự án bất động sản như “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” vì chúng đang thu hút nhiều vốn đầu tư hơn. Hiện nay, có sự mâu thuẫn trong cách diễn giải về các loại bất động sản này giữa người mua nhà, chủ đầu tư dự án bất động sản và cơ quan quản lý. Vì lý do đó, việc thiết lập khung pháp lý để quy định các loại bất động sản mới này là cần thiết để nhanh chóng giải quyết tất cả các vấn đề pháp lý liên quan, phát triển thị trường bất động sản và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, cần bảo vệ người mua nhà trong các dự án nhà ở mà chủ đầu tư dự án bất động sản mất khả năng thanh toán hoặc phá sản. Điều này gây ra một số rủi ro pháp lý cho người mua, là những nạn nhân chịu thiệt hại nghiêm trọng khi các chủ đầu tư dự án bất động sản gặp khó khăn về tài chính.

Cuối cùng, mặc dù đã có những cải tiến đáng khích lệ về hệ thống pháp lý và cải cách hành chính so với trước đây, vẫn còn nhiều điểm thiếu sót trong các quy định về dự án bất động sản. Do đó, chương này sẽ nhấn mạnh một số thiếu sót về pháp lý và đưa ra các kiến nghị. Chúng tôi hoan nghênh cơ hội được thảo luận thêm về các vấn đề này với Chính phủ và sẵn sàng hỗ trợ tạo điều kiện cho sự tăng trưởng và hoạt động hiệu quả của thị trường bất động sản.

I. QUYỀN LỢI PHÁP LÝ CỦA BQLNCC TRONG VIỆC THAM GIA TỐ TỤNG THAY MẶT CHỦ SỞ HỮU CĂN HỘ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

Mô tả vấn đề

Luật Nhà ở và Thông tư 02 có những điểm mới đáng khích lệ nhằm làm rõ quy định về BQLNCC. Cụ thể, theo Điều 103 của Luật Nhà ở, nếu nhà chung cư, do một chủ sở hữu hoặc do nhiều chủ sở hữu, có dưới 20 căn hộ thì chủ căn hộ hoặc người thuê căn hộ có quyền quyết định về việc có thành lập hoặc không thành lập BQLNCC. Tòa nhà chung cư có từ 20 căn hộ trở lên phải thành lập BQLNCC.

BQLNCC của nhà chung cư có nhiều chủ sở hữu được tổ chức theo mô hình Hội đồng Quản trị của một công ty cổ phần hoặc Ban chủ nhiệm Hợp tác xã,² có tư cách pháp nhân và con dấu pháp nhân. BQLNCC có 11 quyền lợi và nghĩa vụ được trình bày theo Điều 104.1 của Luật Nhà ở. Đối với nhà chung cư có một chủ sở hữu, BQLNCC có ít quyền lợi và nghĩa vụ hơn so với nhà chung cư có nhiều chủ sở hữu theo Điều 104.2 của Luật Nhà ở.

Dù BQLNCC có một số quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp, quyền lợi pháp lý được tham gia vào thủ tục tố tụng thay mặt chủ sở hữu căn hộ không được quy định rõ trong luật. Theo Điều 104.1(I) của Luật Nhà ở, BQLNCC có quyền

¹ Thông tư 02/2016 / TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 15 tháng 2 năm 2016 quy định về việc quản lý và sử dụng nhà chung cư

² Điều 103.3 của Luật Nhà ở 2014.

thực hiện các công việc được giao bởi hội nghị nhà chung cư và những công việc này phải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, không có quy định rõ ràng về việc BQLNCC có thể tham gia thủ tục tố tụng hay không ngay cả khi có sự ủy quyền của tất cả chủ sở hữu căn hộ, tham gia.

Điều này gây bất lợi cho chủ sở hữu căn hộ mong muốn BQLNCC đại diện họ tham gia tố tụng. Nếu xảy ra tranh chấp liên quan đến tất cả chủ sở hữu đó, số lượng nguyên đơn sẽ rất lớn và thủ tục pháp lý liên quan sẽ phức tạp hơn. Mục đích quan trọng nhất của việc thành lập BQLNCC là bảo vệ lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu căn hộ trong quá trình sử dụng căn hộ. Vì lý do đó, việc thiếu các quy định pháp luật liên quan đến quyền của BQLNCC trong việc tham gia tố tụng thay mặt chủ sở hữu căn hộ tác động nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của chủ sở hữu và việc đại diện chủ sở hữu trong thủ tục tố tụng. Việc ban hành các quy định đáp ứng thực tiễn này là rất quan trọng và cần thiết, đặc biệt khi tranh chấp ảnh hưởng trực tiếp đến chủ sở hữu.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thiếu các quy định pháp luật về quyền lợi pháp lý của BQLNCC trong việc tham gia tố tụng thay mặt chủ sở hữu căn hộ cũng gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền khi giải quyết tranh chấp liên quan đến nhiều nguyên đơn. Cho dù BQLNCC có thể đại diện cho tất cả chủ sở hữu đó, BQLNCC lại không có quyền tham gia quá trình giải quyết tranh chấp. Thêm vào đó, chủ sở hữu căn hộ sẽ tốn nhiều thời gian và công sức khi phải trực tiếp tham gia tố tụng với tư cách cá nhân so với khi tham gia tố tụng qua người đại diện được ủy quyền. Tòa án cũng sẽ tốn nhiều thời gian và công sức để giải quyết tranh chấp khi phải xử lý nhiều yêu cầu riêng lẻ của các chủ sở hữu về một vụ việc trong khi vụ việc của các chủ sở hữu có thể được đại diện bởi BQLNCC.

Kiến nghị

Chúng tôi kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền làm rõ Điều 104.1(I) của Luật Nhà ở quy định quyền của BQLNCC trong việc thực hiện các công việc khác do hội nghị nhà chung cư giao theo quy định pháp luật, bao gồm quyền tham gia tố tụng thay mặt chủ sở hữu căn hộ nếu BQLNCC được ủy quyền tham gia.

Quyền của BQLNCC trong việc tham gia tố tụng thay mặt các chủ sở hữu căn hộ cần được quy định trong Luật Nhà ở và các văn bản pháp luật liên quan.

II. “CĂN HỘ KHÁCH SẠN”, “NHÀ Ở KHÁCH SẠN” VÀ “VĂN PHÒNG KHÁCH SẠN”

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

Mô tả vấn đề

Các loại bất động sản lai mới, gồm “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” đã xuất hiện trong thị trường bất động sản và ngày càng phổ biến do đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Tuy nhiên, chưa có các quy định trong khung pháp lý của Việt Nam về các loại bất động sản lai mới này. “Căn hộ khách sạn” (sự kết hợp của “căn hộ” và “khách sạn”) là thuật ngữ được sử dụng để mô tả một loại bất động sản mà chủ sở hữu có thể tạm thời ở, bán hoặc cho thuê bất động sản của mình với công năng sử dụng chính là khách sạn (lưu trú ngắn ngày và không tạo thành một đơn vị nhà ở). Loại bất động sản này thường được đặt gần bãi biển hoặc trong khu du lịch. “Nhà ở khách sạn” (sự kết hợp của “nhà ở” và “khách sạn”) là một thuật ngữ được sử dụng để mô tả một loại nhà ở sang trọng phục vụ lưu trú lâu dài. “Nhà ở khách sạn” bao gồm tất cả các dịch vụ và tiện nghi có trong một khách sạn năm sao, đảm bảo môi trường sống thoải mái cho sở hữu và người thuê. “Nhà ở khách sạn” được đặt tại các thành phố lớn và thường được xây dựng dưới dạng các biệt thự liền kề. “Văn phòng khách sạn” (sự kết hợp của “văn phòng” và “khách sạn”) là một thuật ngữ được sử dụng để mô tả loại văn phòng có chức năng để ở.

Rõ ràng, “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” là loại căn hộ kết hợp nhiều chức năng khác nhau trong một môi trường sống. Điều 3.4 của Nghị định 43/2014/ND-CP³ (Nghị định 43) quy định nhà chung cư có mục đích hỗn hợp được xây dựng trước ngày 1 tháng 7 năm 2014, trong đó có một phần diện tích sàn nhà được sử dụng làm văn phòng, cơ sở thương mại, dịch vụ thì mục đích sử dụng chính của phần diện tích đất xây dựng nhà chung cư được xác định là đất ở. Tuy nhiên, “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn”, “văn phòng khách sạn” có nhiều chức năng khác nhau và không có phần diện tích sàn nhà tách riêng trong căn hộ chung cư theo quy định trong luật.

Theo Điều 5.1 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật này không cấm. Tuy nhiên, các loại bất động sản lai mới trong dự án bất động sản bao gồm “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” lại không được quy định trong luật. Điều này gây nhầm

3 Nghị định 43/2014/ND-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

lẫn cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình quản lý đầu tư xây dựng và sử dụng loại bất động sản này. Vì lý do đó, nhà đầu tư các dự án bất động sản mới có bao gồm bất động sản lai đối mặt nhiều rủi ro pháp lý, đặc biệt liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Ngoài ra, theo Điều 126 của Luật Đất đai, người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng đất ổn định lâu dài, trong khi đó thời hạn giao đất cho dự án căn hộ sử dụng cho thương mại và dịch vụ là không quá 50 năm. Như vậy, có sự khác biệt trong thời hạn sử dụng đất, thời hạn sử dụng nhà ở và thời hạn sử dụng căn hộ thương mại và dịch vụ. Do đó, chưa rõ “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” được xem là loại căn hộ sử dụng cho mục đích nhà ở nên có thời hạn sử dụng đất lâu dài hay chúng được xem là loại căn hộ sử dụng cho mục đích thương mại và dịch vụ nên có thời hạn sử dụng đất ngắn hơn.

Chúng tôi cho rằng việc thiết lập một khung pháp lý cho các bất động sản lai mới trong dự án bất động sản không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển và đáp ứng nhu cầu của thị trường bất động sản mà còn thu hút nhà đầu tư và bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp theo luật pháp Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thiếu các quy định pháp luật điều chỉnh bất động sản lai trong thời gian dài có thể có tác động tiêu cực đến quyết định tài chính của nhà đầu tư dự án nhà ở. “Văn phòng khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “căn hộ khách sạn” có thể thu hút nhiều dự án đầu tư hơn và do đó, việc bảo vệ quyền lợi và lợi ích của nhà đầu tư là cần thiết.

Đối với người Việt Nam, nhiều dự án bất động sản được thực hiện sẽ giúp tăng doanh thu, việc làm và tăng trưởng kinh tế đối với toàn bộ thị trường bất động sản cũng như sẽ góp phần phát triển kinh tế xã hội chung của Việt Nam trong dài hạn.

Kiến nghị

- Theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ cần ban hành quy định pháp luật với tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể về “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn”;
- Chúng tôi cho rằng Chính phủ cần làm rõ thời hạn sử dụng đất cho “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” là thời hạn sử dụng lâu dài và ổn định hay thời hạn ngắn hơn là 50 năm; và
- Quy định pháp luật về phân loại và cơ chế sử dụng đất cho căn hộ có mục đích hỗn hợp như “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn” cần được sửa đổi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các bất động sản này.

III. BẢO VỆ NGƯỜI MUA NHÀ CỦA DỰ ÁN NHÀ Ở TRONG TRƯỜNG HỢP CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN HOẶC PHÁ SẢN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

Mô tả vấn đề

Vào ngày 24 tháng 2 năm 2017, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land), chủ đầu tư dự án PetroVietnam Landmark.⁴ Nếu PVC Land bị phá sản, quyền lợi pháp lý của người mua nhà dự án sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng: 400 khách hàng có thể không được sở hữu căn hộ trong tương lai.

Theo Điều 4.1 của Luật Phá sản, chủ đầu tư dự án bất động sản không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ trong ba tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán sẽ bị tuyên bố là mất khả năng thanh toán. Thêm vào đó, theo Điều 4.3 của Luật Phá sản, phá sản là tình trạng pháp lý của tổ chức mất khả năng thanh toán và bị Tòa án Nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản. Việc các chủ đầu tư dự án bất động sản mất khả năng thanh toán bị tuyên bố phá sản gây hậu quả nghiêm trọng cho nhiều khách hàng mua nhà dự án.

Trên thực tế, khi mua căn hộ trong dự án bất động sản, người mua phải trả toàn bộ chi phí trước khi hoàn thiện và sau đó mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho căn hộ. Chủ đầu tư dự án bất động sản thường kéo dài thời gian cấp quyền sở hữu căn hộ hoặc thi công chậm do

4 “Hành trình khởi kiện PVC Land phá sản Kỳ II: Cục Thi hành án TP HCM liệu có sai?” *Enter News VN*, ngày 9 tháng 1 năm 2017. Xem tại: <<http://enternews.vn/hanh-trinh-khoi-kien-pvc-land-pha-san-ky-ii-cuc-thi-hanh-an-tp-hcm-lieu-co-sai-113788.html>> truy cập lần cuối vào ngày 13 tháng 12 năm 2017.

thiệt hại về tài chính. Điều này làm người mua khó có khả năng nhận được căn hộ và gây thiệt hại tài chính nghiêm trọng cho người mua. Các căn hộ dự án được coi là bất động sản mua trên bản vẽ theo Điều 108.2 của Bộ luật Dân sự.⁵ Vì lý do đó, theo Điều 4.4 của Luật Phá sản,⁶ nếu chủ đầu tư dự án bất động sản mất khả năng thanh toán hoặc phá sản, người mua nhà dự án được coi là chủ nợ không có bảo đảm – bởi vì người mua thanh toán cho căn hộ mà họ sẽ sở hữu trong tương lai, đồng thời căn hộ đó lại là tài sản chủ đầu tư dự án bất động sản sử dụng để đảm bảo cấp vốn cho dự án.

Theo Điều 54 của Luật Phá sản⁷, người mua nhà dự án là người cuối cùng được phân chia lại tài sản. Trong trường hợp này, nếu giá trị tài sản của chủ đầu tư dự án bất động sản không đủ để trả nợ, người mua sẽ được thanh toán theo tỷ lệ đầu tư ban đầu nhưng người mua sẽ không được sở hữu căn hộ đã được họ thanh toán.

Điều 56 của Luật Kinh doanh Bất động sản và Điều 1.3 của Thông tư 13/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 9 năm 2017 sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2015 (Thông tư 13) có hiệu lực vào ngày 15 tháng 11 năm 2017, yêu cầu chủ đầu tư dự án bất động sản ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng trước khi mở bán căn hộ. Nếu chủ đầu tư dự án bất động sản không thể bàn giao nhà chung cư đúng kế hoạch được cam kết cho người mua nhà dự án, ngân hàng thương mại đã ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng với chủ đầu tư dự án sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay mặt chủ đầu tư dự án bằng cách hoàn trả khoản thanh toán đã nhận từ khách hàng theo hợp đồng bán nhà trong tương lai. Đây là một giải pháp có thể bảo vệ lợi ích của người mua nhà dự án.

Tuy nhiên, Thông tư 13 không cấm chủ đầu tư bất động sản mở bán căn hộ nếu không ký kết hợp đồng bảo lãnh ngân hàng trước đó. Việc ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng có thể làm tăng 2% hoặc 3% chi phí căn hộ trong tương lai, do đó, làm giảm khả năng cạnh tranh của các dự án này trên thị trường bất động sản,⁸ điều này dẫn đến việc một số chủ đầu tư dự án bất động sản từ chối ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng với ngân hàng thương mại. Nếu các chủ đầu tư dự án bất động sản mất khả năng thanh toán hoặc phá sản và không có hợp đồng bảo lãnh ngân hàng, người mua sẽ chịu thiệt hại tài chính nghiêm trọng và không có quyền truy đòi hoặc không có khả năng sở hữu căn hộ dự án họ muốn.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo Điều 4.1 của Luật Phá sản, sau ba tháng không thanh toán, chủ nợ sẽ có quyền yêu cầu phá sản. Quy định này có tính máy móc, dễ biến tranh chấp về nợ thành yêu cầu phá sản. Nếu chủ đầu tư dự án bất động sản đưa ra quyết định tuyên bố phá sản, nhiều chủ sở hữu căn hộ dự án sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Điều 56 của Luật Kinh doanh Bất động sản và Điều 1.3 của Thông tư 13 yêu cầu chủ đầu tư dự án bất động sản ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng trước khi bán căn hộ cho người mua nhà dự án. Đây có thể là giải pháp tốt để bảo vệ người mua nhà dự án nếu chủ đầu tư dự án bất động sản có hợp đồng bảo lãnh ngân hàng cho dự án mất khả năng thanh toán hoặc phá sản.

Kiến nghị

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cần ban hành quy định pháp luật có tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể về nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án bất động sản; và
- NHNN cần quy định mức phạt đối với chủ đầu tư dự án bất động sản không ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng với ngân hàng thương mại có thẩm quyền.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

5 Bộ luật Dân sự 91/2015 / QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, Điều 108.2: Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm: a) Tài sản chưa hình thành; b) Tài sản đã hình thành nhưng chủ thể xác lập quyền sở hữu tài sản sau thời điểm xác lập giao dịch.

6 Điều 4.4 của Luật Phá sản 2014: “Chủ nợ không có bảo đảm là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ không được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba”.

7 Điều 54.1 của Luật Phá sản 2014: “Trường hợp thẩm phán ra quyết định tuyên bố phá sản thì tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã được phân chia theo thứ tự sau: a) Chi phí phá sản; b) Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết; c) Khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã; d) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ”.

8 “Vi sao doanh nghiệp né bảo lãnh ngân hàng cho dự án?” *Café F VN*, ngày 22 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <<http://cafe.vn/vi-sao-doanh-nghiep-ne-bao-lanh-ngan-hang-cho-du-an-20171022200903777.chn>> đã truy cập vào ngày 13 tháng 12 năm 2017; “Bản khoản bảo lãnh dự án bất động sản” *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 18 tháng 1 năm 2016. Xem tại: <<http://www.thesaigontimes.vn/141053/Ban-khoan-bao-lanh-du-an-bat-dong-san.html>> truy cập lần cuối vào ngày 13 tháng 12 năm 2017.

CHƯƠNG 18 DU LỊCH VÀ NHÀ HÀNG - KHÁCH SẠN

TỔNG QUAN

Việt Nam đã đón 11,6 triệu khách nước ngoài trong 11 tháng đầu năm 2017, tăng 31% so với cùng kỳ năm 2016.¹ Số lượng du khách đến từ Trung Quốc và Hàn Quốc tiếp tục tăng mạnh.² Đây là cơ hội nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ gây mất cân bằng lượng du khách, làm cho ngành du lịch tại Việt Nam quá phụ thuộc vào du khách Trung Quốc để tăng trưởng kinh tế.

Sự tăng trưởng này được coi là xuất phát từ những giải pháp trong ngành du lịch liên quan đến chính sách thị thực trong hai năm qua và việc Chính phủ áp dụng chương trình cấp thị thực điện tử.³ Cụ thể, chúng tôi hoan nghênh việc 5 quốc gia châu Âu tiếp tục được miễn thị thực và lượng du khách của 5 quốc gia này đến Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2017 tăng kỷ lục.⁴

Việt Nam hiện đang xếp thứ 67 về Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Ngành Du lịch và Lữ hành Toàn cầu mới được Diễn đàn Kinh tế Thế giới công bố, cao hơn 8 bậc so với năm 2016.⁵ Tuy nhiên, Việt Nam cần phải nỗ lực hơn nữa để cải thiện năng lực cạnh tranh trong khu vực Đông Nam Á.

Bảng 8: Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Ngành Du lịch và Lữ hành

Môi trường						
Quốc gia/Nền kinh tế	Xếp hạng toàn cầu	Môi trường kinh doanh	An toàn và an ninh	Sức khỏe và vệ sinh	Nguồn nhân lực và thị trường lao động	Mức độ sẵn sàng của công nghệ thông tin và truyền thông
ĐÔNG NAM Á						
Singapore	13	6,1	6,5	5,5	5,6	6,1
Malaysia	26	5,4	5,8	5,2	5,2	5,2
Thái Lan	34	4,7	4,0	4,9	4,9	4,8
Indonesia	42	4,5	5,1	4,3	4,6	3,8
Việt Nam	67	4,4	5,6	5,0	4,9	4,2
Philippines	79	4,3	3,6	4,8	4,8	4,0
Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	94	4,7	5,4	4,3	4,6	3,1
Campuchia	101	3,7	5,1	4,0	4,1	3,6
Trung bình của Đông Nam Á		4,7	5,2	4,8	4,8	4,3

Nguồn: Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Ngành Du lịch và Lữ hành của Diễn đàn Kinh tế Thế giới⁶

1 “Lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2017”, *Tổng cục Du lịch*, ngày 4 tháng 12 năm 2017. Xem tại: <<http://vietnamtourism.gov.vn/english/index.php/items/12379>> truy cập lần cuối vào ngày 25 tháng 12 năm 2017. Chỉ riêng Thành phố Hồ Chí Minh đã đón hơn 6,3 triệu khách quốc tế trong cả năm ngoái và Hà Nội đón 5 triệu khách nước ngoài. Trong khi đó, hơn 350.000 khách quốc tế đã đến Phú Quốc vào năm 2017 và số lượng khách quốc tế đến Đà Nẵng trong 9 tháng đầu năm ngoái tăng 49%, đạt 1,7 triệu lượt khách. Để biết thêm thông tin vui lòng truy cập “Sự kiện du lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh thu hút khách du lịch”, *Tổng cục Du lịch*, ngày 12 tháng 1 năm 2018. Xem tại: <<http://vietnamtourism.gov.vn/english/index.php/items/12485>> đã truy cập vào ngày 18 tháng 1 năm 2018. “Hà Nội dự kiến đón 5,5 triệu khách nước ngoài năm 2018”, *Tổng cục Du lịch*, ngày 11 tháng 1 năm 2018. Xem tại: <<http://vietnamtourism.gov.vn/english/index.php/items/12482>> đã truy cập vào ngày 18 tháng 1 năm 2018. “Đảo Phú Quốc nỗ lực thu hút thêm du khách nước ngoài”, *Tổng cục Du lịch*, ngày 8 tháng 1 năm 2018. Xem tại: <<http://vietnamtourism.gov.vn/english/index.php/items/12467>> đã truy cập vào ngày 18 tháng 1 năm 2018. “Lượng khách nước ngoài đến Đà Nẵng tăng”, *Tổng cục Du lịch*, ngày 11 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <<http://vietnamtourism.gov.vn/english/index.php/items/12228>> đã truy cập vào ngày 18 tháng 1 năm 2018.

2 Trên thực tế, lượng khách Hàn Quốc tăng gần 55%, chiếm 21,8% khách nước ngoài đến Việt Nam, chỉ xếp sau lượng khách Trung Quốc. Với mức tăng trưởng ấn tượng và liên tục đạt hơn 45% so với năm 2016 và đạt hơn 3,6 triệu khách vào tháng 11, 2017, lượng khách Trung Quốc chiếm 36,4% tổng số lượng khách quốc tế đến Việt Nam. *Như trên*, *Tổng cục Du lịch*, ngày 4 tháng 12 năm 2017.

3 “Việt Nam tiếp tục thu hút 10 triệu khách nước ngoài trong năm 2017”, *Vietnam Net*, ngày 6 tháng 11 năm 2017. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/travel/189702/vietnam-on-track-to-attract-10-million-foreign-tourists-in-2017.html>> đã truy cập vào ngày 4 tháng 12 năm 2017.

4 “Lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 10 và 10 tháng năm 2017”, *Tổng cục Du lịch*, ngày 30 tháng 10 năm 2017. Xem tại: <<http://vietnamtourism.gov.vn/english/index.php/items/12282>> đã truy cập vào ngày 25 tháng 12 năm 2017.

5 “Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Ngành Du lịch và Lữ hành”, *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*, 2017, trang 24. Xem tại: <http://www3.weforum.org/docs/WEF_TTCR_2017_web_0401.pdf> đã truy cập vào ngày 25 tháng 12 năm 2017.

6 *Như trên*.

Ngành Du lịch tiếp tục đóng góp đáng kể vào GDP Việt Nam và tạo công ăn việc làm cho người dân. Trong năm 2016, ngành này đóng góp trực tiếp 4,6% và gián tiếp 9,1% vào GDP,⁷ tạo ra lần lượt 1.959.500 và 4.003.000 công việc tương ứng.⁸ Tỷ trọng đóng góp về việc làm đã tăng 2,3% trong năm 2017⁹ cùng với sự phát triển nhanh chóng về số lượng phòng khách sạn trong thời gian tới. Điều này tạo ra một số thách thức đối với ngành du lịch.

Chúng tôi hoan nghênh Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 16 tháng 1 năm 2017 về phát triển ngành du lịch tại Việt Nam đến năm 2030 (Nghị quyết 08). Nghị quyết này đưa ra các mục tiêu phát triển du lịch đến năm 2020.¹⁰ Một số mục tiêu đã được hoàn thành trong năm 2017. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề quan trọng chưa được hoàn thành. Chúng tôi tin rằng việc giải quyết những vấn đề dưới đây sẽ giúp ngành du lịch và lĩnh vực phát huy tối đa tiềm năng và Việt Nam có thể đạt được mục tiêu kế hoạch phát triển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Trước khi trình bày những vấn đề này, chúng tôi xin được nhấn mạnh về thành công của chương trình miễn thị thực tạm thời cho 5 nước châu Âu. Chương trình này đã giúp tăng số lượng du khách đường dài có mức chi tiêu cao. Việt Nam đã được chứng minh là một trong những quốc gia có cải thiện đáng kể nhất về năng lực cạnh tranh trong ngành du lịch và lĩnh vực trong năm 2017, tăng 8 bậc so với năm 2016.¹¹ Đây là ví dụ điển hình về lợi ích mà ngành du lịch và quốc gia có được nhờ những chính sách hợp lý của Chính phủ. Thêm vào đó, chúng tôi cũng hoan nghênh Luật Du lịch 09/2017/QH14 mới của Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2017 đã quy định một lộ trình chính sách rõ ràng hơn để tạo điều kiện thuận lợi phát triển du lịch tại Việt Nam với mục tiêu cải thiện chất lượng và năng lực cạnh tranh của ngành.

Tuy nhiên, như đã nêu trên, chúng tôi cho rằng vẫn cần tiếp tục tiến hành cải thiện một số vấn đề. Chúng tôi muốn kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành về các chính sách thị thực nhập cảnh, tiếp thị điểm đến và dạy nghề trong ngành du lịch. Cuối cùng, chúng tôi muốn trình bày về nhu cầu thúc đẩy hoạt động du lịch có trách nhiệm và bền vững tại Việt Nam.

I. CHÍNH SÁCH THỊ THỰC NHẬP CẢNH

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Ngoại giao (BNG), Bộ Công an (BCA), Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh (Cục QLXNC) thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTT&DL)

Mô tả vấn đề

Chúng tôi hoan nghênh quy định bổ sung 5 nước châu Âu, cùng với Belarus và Chile, vào danh sách các quốc gia có công dân được miễn thị thực. Tuy nhiên, vẫn còn một số chủ đề trong lĩnh vực này cần được sửa đổi. Chính sách thị thực nghiêm ngặt yêu cầu công dân của hầu hết các quốc gia phải có thị thực trước khi khởi hành hoặc thị thực phải được cấp tại cửa khẩu, đi kèm với chi phí tương đối cao là rào cản đối với du khách nước ngoài du lịch tự túc (FIT) đến Việt Nam¹², ít nhất là du khách từ các nước châu Âu không được miễn thị thực. Việc du khách châu Âu dễ dàng nhập cảnh hơn mang lại những lợi ích rõ ràng đối với Việt Nam. Trong 5 tháng đầu năm 2017, lượng du khách đến Việt Nam từ 5 quốc gia được miễn thị thực đã tăng mạnh. Lượng du khách từ Tây Ban Nha tăng 29,2%, từ Đức tăng 17,4%, từ Ý tăng 16,1%, từ Vương quốc Anh tăng 12,7% và từ Pháp tăng 10,1%.¹³

1. Xu hướng trong chính sách thị thực nhập cảnh

Chính sách thị thực nhập cảnh là một trong những chính sách của Chính phủ có tác động lớn nhất đến lưu lượng khách du lịch quốc tế. Các khách du lịch quốc tế cho rằng thủ tục cấp thị thực là một rào cản tăng thêm về vấn đề chi phí và thời gian. Nếu chi phí tham quan một địa điểm vượt quá ngân sách của du khách, họ sẽ lựa chọn các địa điểm thay thế thuận lợi hơn. Để tăng sức cạnh tranh, thu hút vốn đầu tư trực tiếp và thu hút lượng khách du lịch

7 “Tác động Kinh tế của Ngành Du lịch và Lĩnh vực tại Việt Nam”, *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*. Xem tại: <<https://www.weforum.org/reports/the-travel-tourism-competitiveness-report-2017>> truy cập lần cuối vào ngày 25 tháng 12 năm 2017.

8 Như trên.

9 Như trên.

10 Cụ thể là: (i) thu hút được 17 - 20 triệu lượt khách du lịch quốc tế, (ii) phục vụ 82 triệu lượt khách du lịch nội địa; (iii) tổng thu từ khách du lịch đạt 35 tỷ Đô la Mỹ và đóng góp trên 10% GDP và (iv) tạo ra 4 triệu việc làm, trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp. Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 16 tháng 1 năm 2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn tại Việt Nam đến năm 2030. Xem tại: <<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-so-08-NQ-TW-phat-trien-du-lich-tro-thanh-nganh-kinh-te-mui-nhon-2017-338542.aspx>> truy cập lần cuối vào ngày 25 tháng 12 năm 2017.

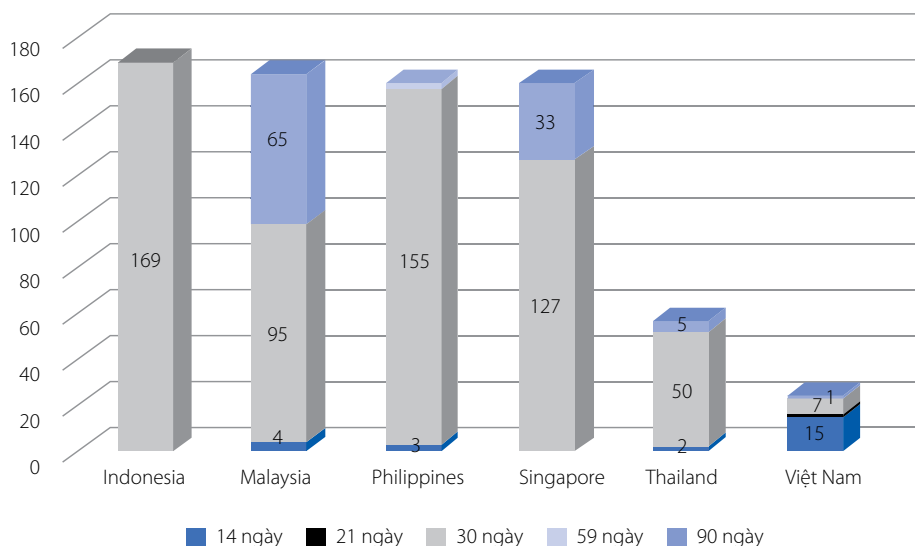
11 Như trên. *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*

12 “Phí làm thị thực giảm để thu hút du khách”, *Nikkei Asian Review*, Ngày 15 tháng 10 năm 2015. Xem tại: <<https://asia.nikkei.com/Politics-Economy/International-Relations/Visa-fees-cut-to-boost-flagging-arrivals>> truy cập lần cuối vào ngày 27 tháng 12 năm 2017.

13 “Lượt du khách đến Việt Nam tăng trong nửa đầu năm 2017”, *Oxford Business Group*, ngày 20 tháng 7 năm 2017. Xem tại <<https://oxfordbusinessgroup.com/news/vietnam-tourism-arrival-numbers-first-half-2017>> truy cập lần cuối vào ngày 18 tháng 1 năm 2018.

quốc tế nhằm tăng thu ngoại tệ và tạo việc làm, nhiều quốc gia đã và đang nghiên cứu phương án mở rộng phạm vi miễn thị thực. Việt Nam hiện tại miễn thị thực nhập cảnh cho 24 quốc gia, thấp hơn nhiều so với các quốc gia thành viên khác trong ASEAN. Thêm vào đó, Việt Nam chủ yếu miễn thị thực trong 15 ngày, ngắn hơn rất nhiều so với thời gian miễn thị thực của bất cứ quốc gia thành viên nào trong ASEAN cấp cho du khách (thường là 30 ngày) theo biểu đồ bên dưới. Điều này không chỉ gây hạn chế về thời gian du lịch cho du khách mà còn gây khó khăn cho các công ty tổ chức tour du lịch trong quá trình lập kế hoạch du lịch cho du khách. Điều này đặc biệt đúng với du khách châu Âu. Các chuyến bay thẳng đường dài từ châu Âu đến Việt Nam kéo dài trung bình ít nhất 12 tiếng và phải bay qua đêm. Trên thực tế, điều này làm giảm thời gian miễn thị thực tại Việt Nam xuống chỉ còn 13 ngày.

Biểu đồ 18: Miễn thị thực nhập cảnh đến 6 quốc gia thành viên trong ASEAN



Nguồn: Bảng biểu sưu tầm bởi EuroCham dựa trên dữ liệu của OlympicAir¹⁴

Theo báo cáo của Hội đồng Tư vấn Du lịch lên Thủ tướng Chính phủ trong Cuộc đối thoại với Thủ tướng Chính phủ vào ngày 31 tháng 7 năm 2017, du khách châu Âu thường lưu trú trong thời gian dài và chi tiêu nhiều trong quá trình lưu trú tại Việt Nam. Cụ thể, thời gian lưu trú trung bình tại Việt Nam của du khách châu Âu là từ 14 đến 16 ngày với mức chi tiêu trung bình từ 1.200 Đô la Mỹ đến 1.600 Đô la Mỹ trong khi du khách từ Trung Quốc, Đài Loan và Hàn Quốc (chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số du khách đến Việt Nam) chỉ lưu trú trung bình từ 7 đến 9 ngày với mức chi tiêu thấp hơn, từ 500 Đô la Mỹ đến 950 Đô la Mỹ. Có thể cho rằng mặc dù lượng du khách châu Âu không chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số lượng khách du lịch đến Việt Nam, nhưng các đóng góp của du khách châu Âu dành cho nền kinh tế Việt Nam cần được coi là có giá trị tương đương.

Vì lý do đó, chúng tôi cho rằng cần mở rộng danh sách các nước miễn thị thực để ngành du lịch có thể phát huy đầy đủ vai trò quan trọng của mình trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam. Thêm vào đó, chúng tôi cho rằng có phần thiếu thống nhất khi Việt Nam đã ký kết các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) với các quốc gia khác nhưng vẫn yêu cầu du khách đến từ các quốc gia này phải có thị thực. Cụ thể, khi Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) dự kiến được phê chuẩn trong năm 2018, chúng tôi hy vọng Chính phủ sẽ mở rộng phạm vi miễn thị thực nhập cảnh từ 5 quốc gia châu Âu thành tất cả các quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam.

2. Làm rõ vấn đề miễn thị thực và thời gian miễn thị thực

Chúng tôi hoan nghênh việc công dân của 5 quốc gia châu Âu tiếp tục được miễn thị thực trong năm 2017. Tuy nhiên, các thành viên và du khách của chúng tôi cần khoản liệu chương trình miễn thị thực này có được tiếp tục thực hiện trong năm 2018 và trong tương lai hay không. Du khách đường dài thường phải lên kế hoạch du lịch

¹⁴ Nguồn tham khảo tại: OlympicAir, <<http://cms.olympicair.com/timatic/webdocsl/countryinfo.html>>, cập nhật lần cuối ngày 29 tháng 2 năm 2018

trước khá lâu so với du khách trong khu vực, do đó, họ cần phải được thông báo trước về việc chương trình này có được tiếp tục thực hiện hay không. Chúng tôi kêu gọi các cơ quan chức năng thực hiện chương trình gia hạn miễn thị thực một cách công khai và minh bạch hơn cho 5 quốc gia châu Âu hiện nay. Chúng tôi cũng kêu gọi kéo dài thời gian miễn thị thực từ 15 ngày lên 30 ngày. Việc này sẽ khuyến khích du khách đến tham quan nhiều địa điểm hơn tại Việt Nam và góp phần phát triển ngành du lịch, nhà hàng và khách sạn của đất nước.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Việt Nam xếp thứ 116 trong 136 quốc gia trên thế giới về yêu cầu cấp thị thực trong năm 2017, đạt 17 trên 100 điểm.¹⁵ Vì lý do đó, ngành du lịch, nhà hàng và khách sạn của Việt Nam cần có những bước đi tích cực hơn nữa để cạnh tranh với các quốc gia ASEAN. Theo báo cáo của Tổ chức Du lịch Thế giới thuộc Liên Hợp Quốc (UNWTO) và Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (WTTC), lượng khách du lịch quốc tế tăng từ 5% đến 25% là do tác động trực tiếp của chính sách thị thực thuận lợi hơn.¹⁶ Vì vậy, chúng tôi kiến nghị Việt Nam nên hướng vào các thị trường du lịch có mức chi tiêu cao cũng như các thị trường thương mại và đầu tư, đồng thời mở rộng danh mục các quốc gia có công dân đủ điều kiện xin cấp thị thực tại cửa khẩu hoặc được miễn thị thực.

Kiến nghị

- Mở rộng danh mục các quốc gia được miễn thị thực bao gồm tất cả các quốc gia mà Việt Nam đã ký kết Hiệp định Thương mại Tự do, có nhiều hoạt động thương mại đáng kể với Việt Nam hay các đối tác đầu tư và là quốc gia mục tiêu của thị trường du lịch trong nước;
- Kéo dài thời hạn chương trình miễn thị thực được công bố gần đây với thời hạn chương trình miễn thị thực mới là từ 1 năm đến 5 năm;
- Kéo dài thời hạn miễn thị thực từ 15 ngày lên 30 ngày. Điều này sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam khi cho phép du khách có thời gian lưu trú đủ dài để khám phá văn hóa và thắng cảnh của Việt Nam;
- Nhanh chóng làm rõ các thủ tục và quy định miễn thị thực cho du khách quay lại Việt Nam trong vòng 30 ngày. Vấn đề này dường như phần nào được giải quyết với việc áp đặt một khoản phí quản lý là 5 Đô la Mỹ. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa rõ liệu giải pháp này có khả thi trên thực tế hay không. Đây là một trở ngại lớn đối với những du khách bay đến Việt Nam và bay về từ Việt Nam và trong quá trình chuyển đi muốn đến thăm các nước láng giềng như Campuchia hay Lào. Các quy định và hướng dẫn thực hiện rõ ràng cần được ban hành;
- Cải thiện giao diện, tốc độ và thủ tục truy cập trang web cấp thị thực điện tử hiện nay, ví dụ, chúng tôi đề xuất không yêu cầu người nước ngoài tải lên hình ảnh trang thông tin hộ chiếu và ảnh cá nhân của họ, thay vào đó, du khách cần được yêu cầu chỉ nhập dữ liệu cần thiết. Chúng tôi cũng kiến nghị tên trang web hiện nay cần được đơn giản hóa để tránh gây nhầm lẫn cho du khách và tạo điều kiện nhận biết cổng thông tin điện tử chính thức dễ dàng hơn;
- Mở rộng danh sách các quốc gia có công dân đủ điều kiện xin cấp thị thực điện tử để giúp du khách có được thị thực và tiết kiệm thời gian cũng như giảm thiểu hồ sơ hành chính cho Chính phủ và du khách; và
- Cho phép cấp thị thực tại cửa khẩu với thời hạn lên đến 72 giờ đối với hành khách nối chuyến bay. Việt Nam Airlines hiện đang nâng cấp máy bay trên các tuyến châu Âu, đây là cơ hội để thu hút lượng khách nối chuyến dừng chân ở Việt Nam khi quá cảnh từ các quốc gia châu Á khác.
- nỗ lực hơn nữa để cho phép các hãng hàng không quốc tế bay đến các sân bay ở Việt Nam (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang và Phú Quốc) giúp giảm thời gian di chuyển cho du khách quốc tế. Điều này cũng có thể bao gồm việc tạo ra các chương trình hấp dẫn du khách khi quá cảnh sân bay.

¹⁵ Như trên, Diễn đàn Kinh tế Thế giới

¹⁶ "Tác động của Hỗ trợ Thị thực đối với Việc làm trong các Nền kinh tế G20", *Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới*. Báo cáo chuẩn bị cho phiên họp các Bộ trưởng T20 lần thứ 4 tại Mexico từ ngày 15 tháng 5 đến ngày 16 tháng 5 năm 2012, trang 4. Xem tại: <http://www.wttc.org//media/files/reports/policy%20research/visa_facilitation%20g20.pdf> truy cập lần cuối vào ngày 26 tháng 12 năm 2017.

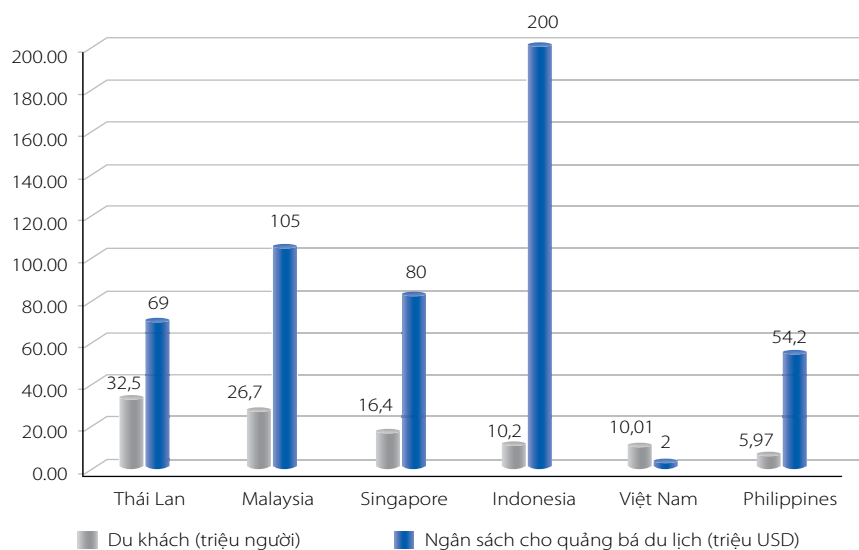
II. TIẾP THỊ ĐIỂM ĐẾN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL), Tổng cục Du lịch (TCDL)

Mô tả vấn đề

Trong hướng dẫn gần đây về tái cấu trúc ngành du lịch, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam coi việc quảng bá du lịch là một trong những ưu tiên hàng đầu đối với các Bộ ngành liên quan.¹⁷ Tuy nhiên, theo bản thuyết trình của Forbes và Hội đồng Tư vấn Du lịch trong Diễn đàn Đối thoại với Thủ tướng Chính phủ vào ngày 31 tháng 7 năm 2017, ngân sách của Chính phủ cho quảng bá du lịch vẫn còn thấp, ở mức 2 triệu Đô la Mỹ trên 10 triệu du khách trong năm 2016. Điều này sẽ tác động đến năng lực cạnh tranh của Việt Nam so với các quốc gia láng giềng có mức chi tiêu cao cho quảng bá du lịch.

Biểu đồ 19: Ngân sách quốc gia cho quảng bá du lịch (2016)



Nguồn: Tạp chí Forbes về Dữ liệu Ngân sách cho Du lịch, ngày 14 tháng 6 năm 2016

Điều này cũng khiến cho chính quyền cấp trung ương và địa phương cần phải tìm nhiều cách thức để tăng chi tiêu cho việc tiếp thị điểm đến. Quỹ Phát triển Du lịch theo Nghị quyết 92/NQ-CP của Chính phủ ngày 8 tháng 12 năm 2014 về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới (Nghị quyết 92) cần được lập sớm. Chúng tôi hy vọng Chính phủ sẽ có những bước đi và hỗ trợ cần thiết để giúp ngành du lịch Việt Nam duy trì được năng lực cạnh tranh.

1. Hợp tác công - tư và năng lực cạnh tranh địa phương

Du lịch là lĩnh vực kinh doanh phức tạp và phân mảnh. Việc đem lại giá trị hoàn hảo cho du khách từ thời điểm du khách đến cho tới khi du khách rời đi phụ thuộc vào mức độ hợp tác thống nhất của nhiều bên khác nhau. Đây thực sự là một thách thức lớn, nhất là ở những khu vực thiếu sự hợp tác và phối hợp giữa khu vực tư nhân và khu vực công cũng như giữa các doanh nghiệp tư nhân cạnh tranh với nhau.

Hầu hết các vấn đề quản lý điểm đến xuất hiện trong vùng cần phải được giải quyết ở cấp tỉnh. Đây chính là cấp mà cơ cấu tổ chức hiện tại cần được kiện toàn. Do đó, nhiệm vụ quan trọng hiện nay là thiết lập cơ cấu quản lý hiệu quả ở địa phương, đặc biệt là kịp thời lập ngân sách và làm rõ mức độ ủy quyền. Điểm đến ở địa phương chính là nơi cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho hoạt động du lịch và là nơi thể hiện rõ nhất những tác động tích cực cũng như tiêu cực đến kinh tế xã hội và môi trường mà hoạt động du lịch mang lại. Do đó, cần có chính sách quy hoạch và quản lý chặt chẽ bởi các cơ quan địa phương. Chính quyền địa phương được giao thực hiện nhiệm

¹⁷ "Tái cơ cấu ngành du lịch cần tư duy sáng tạo và thực tế", *The Hanoi Times*, ngày 1 tháng 12 năm 2017. Xem tại: <<http://hanoitimes.com.vn/travel/2017/12/81E0BBF3/tourism-industry-restructuring-needs-creative-and-practical-thinking/>> truy cập lần cuối vào ngày 4 tháng 12 năm 2017.

vụ về du lịch cũng cần được cấp ngân sách để kịp thời thực hiện quyền quản lý của mình, xây dựng kế hoạch hành động và đảm bảo thực hiện hiệu quả. Về tiếp thị điểm đến, các dự án đối tác công - tư (PPP) trong ngành du lịch đã được thực hiện trên khắp thế giới và được chứng minh là đem đến lợi ích chung cho hai bên.¹⁸

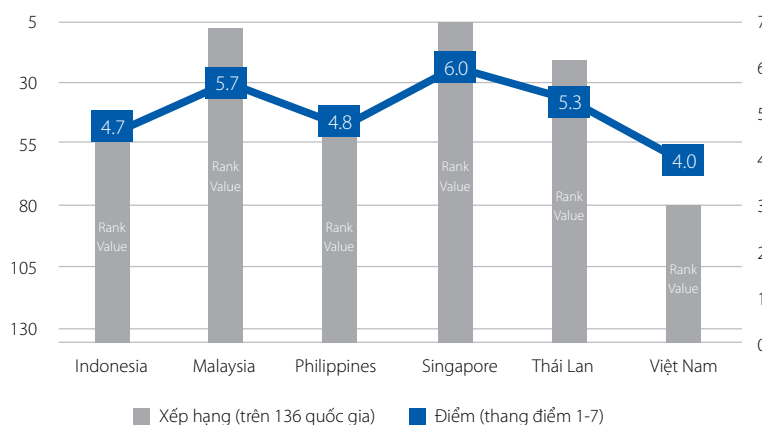
2. Tiếp thị trực tuyến là kênh quan trọng để quảng bá du lịch

Tiếp thị số và tiếp thị xã hội qua Facebook, Google, YouTube và Instagram là cách quảng bá du lịch tiết kiệm chi phí hơn nhiều so với tiếp thị truyền thống và chúng cũng hỗ trợ các nội dung hướng đến du lịch. Ngày càng nhiều người trên thế giới tham gia vào các hoạt động trực tuyến.¹⁹ Trên thực tế, điện thoại thông minh hiện là một phần không thể thiếu trong hoạt động du lịch và lữ hành.^{20 21} Gia đình và nhóm bạn bè có ảnh hưởng lớn đến quyết định du lịch.²² Đánh giá trực tuyến và quảng cáo trên Internet cũng là các nhân tố chính ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch.²³ Tại Việt Nam, công nghệ thông tin và truyền thông đã phát triển mạnh về mặt năng lực và lượng người sử dụng.²⁴ Sự phát triển đó cho thấy thị trường trực tuyến của Việt Nam đang tăng trưởng.

Chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực gần đây của Tổng cục Du lịch Việt Nam trong quá trình xây dựng trang web về du lịch (<http://www.vietnamtourism.com>). Trang web hiện có giao diện chuyên nghiệp và nội dung hữu ích hơn cho du khách. Đây cũng là dấu hiệu tích cực cho thấy Chính phủ đang xây dựng chiến lược tiếp thị số. Tuy nhiên, nỗ lực chung từ cả Chính phủ và khu vực tư nhân cần được kết hợp nhằm tăng cường hoạt động quảng bá du lịch tại Việt Nam.

Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Việt Nam xếp thứ 80 trên thế giới về hiệu quả của hoạt động tiếp thị và quảng bá thương hiệu trong thu hút du khách. Việt Nam đạt 4 trên 7 điểm trong Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Ngành Du lịch và Lữ hành 2017.²⁵ Theo đó, các quốc gia thành viên khác của ASEAN như Thái Lan, Indonesia và Philippines vượt khá xa Việt Nam về tiếp thị điểm đến và quảng bá thương hiệu dựa trên số liệu trong biểu đồ ở dưới.

Biểu đồ 20: Hiệu quả của hoạt động tiếp thị và quảng bá thương hiệu trong thu hút du khách các quốc gia thành viên ASEAN trong năm 2017



Nguồn: Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Ngành Du lịch và Lữ hành²⁶

18 Ví dụ, Tổng cục Du lịch Singapore đã hợp tác với Lyft và Pandora để nâng cao độ phổ biến của du lịch Singapore tại Hoa Kỳ trong khi Tổng cục Du lịch Úc làm việc với các nhãn hiệu không hoạt động trong lĩnh vực du lịch như Sony, Samsung và Quicksilver và các đối tác ngân hàng trong các hoạt động cụ thể của chiến dịch tiếp thị và Tổng cục Du lịch Hà Lan đã hợp tác với Expedia để quảng bá du lịch. Thêm vào đó, các hãng hàng không cũng là những đối tác chiến lược quan trọng có thể hỗ trợ kế hoạch tiếp thị điểm đến của Việt Nam.

19 Lượng truy cập Internet từ thiết bị di động hiện đã chiếm 50% lượng truy cập toàn cầu trong khi số lượng người dùng thường xuyên mạng xã hội đạt 2,8 tỷ người trong năm 2017, chiếm 37% lượng truy cập trên toàn cầu. "Tiếp thị Số Năm 2017: Đánh giá trên Toàn thế giới", *We Are Social*, ngày 24 tháng 1 năm 2017. Xem tại: <<https://wearesocial.com/special-reports/digital-in-2017-global-overview>> truy cập lần cuối vào ngày 26 tháng 12 năm 2017.

20 Thống kê trên khắp thế giới cho thấy 50% du khách sử dụng điện thoại thông minh để lập kế hoạch, nghiên cứu và đặt vé khi đi du lịch, gần 25% du khách hơn 55 tuổi sử dụng điện thoại thông minh để nghiên cứu chuyến đi, 81% du khách sử dụng đánh giá của chuyên gia khi nghiên cứu chuyến đi và 42% du khách hiểu tầm quan trọng của việc chia sẻ kinh nghiệm du lịch trên mạng xã hội. "Nghiên cứu Du khách Số Toàn cầu", *Travelport*, tháng 11, 2017. Xem tại: <<https://marketing.cloud.travelport.com/gdtr-en-uk-download>> đã truy cập vào ngày 26 tháng 12 năm 2017.

21 Tại châu Á Thái Bình Dương, 47% du khách chia sẻ kinh nghiệm du lịch trên mạng xã hội. *Như trên*.

22 "Du khách Số Mới", *Criteo*, trang 25. Xem tại: <<https://www.criteo.com/the-new-digital-traveler-in-apac/wp-content/uploads/2017/05/New-Digital-Traveler-EN.pdf>> đã truy cập vào ngày 26 tháng 12 năm 2017.

23 47% người Việt Nam chịu tác động của gia đình và nhóm bạn bè khi quyết định du lịch, chỉ thấp hơn mức trung bình của khu vực châu Á Thái Bình Dương là 48%. *Như trên* trang 32

24 Cụ thể, tín hiệu 3G hiện phủ sóng trên 94% lãnh thổ Việt Nam trong khi lượng người sử dụng Internet đã tăng từ 44% lên 53% trong năm 2017. *Như trên* Diễn đàn Kinh tế Thế giới

25 *Như trên*. Diễn đàn Kinh tế Thế giới

26 *Như trên*. Diễn đàn Kinh tế Thế giới

3. Khai thác tiềm năng của các thị trường khách du lịch mới

Du khách từ châu Âu (Anh, Đức, Pháp), Hàn Quốc, Mỹ, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, (Úc và các quốc gia thành viên ASEAN (Malaysia, Thái Lan, Singapore) chiếm 2/3 tổng lượng du khách nước ngoài đến Việt Nam.²⁷ Những du khách này có mức chi tiêu lớn, có xu hướng đi du lịch thường xuyên và lưu trú trong thời gian dài. Dù Việt Nam đang thành công trong việc thu hút du khách từ Trung Quốc và Hàn Quốc, chiếm một nửa tổng lượng du khách nước ngoài đến Việt Nam,²⁸ đây có thể là con dao hai lưỡi do ngành du lịch có nguy cơ quá phụ thuộc vào du khách từ các quốc gia này. Vì lý do đó, chúng tôi tin rằng việc tập trung đầu tư vào quảng bá Việt Nam tại các thị trường quan trọng khác có thể giúp giảm áp lực phụ thuộc vào các thị trường khách du lịch cũ và mở rộng thị trường khách du lịch mới.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

So sánh với cộng đồng quốc tế, Tổng cục Du lịch Thái Lan nhận khoản ngân sách năm là 80 triệu Đô la Mỹ trong năm 2015. Bộ Du lịch và Văn hóa của Malaysia được cấp khoản ngân sách là 81,6 triệu Đô la Mỹ trong năm 2015 trong khi Tổng cục Du lịch Philippines được cấp 54,2 triệu Đô la Mỹ trong năm 2015. Đáng kể hơn, Hồng Kông đã phân bổ khoản ngân sách là 240 triệu Đô la Mỹ trong năm 2016 và 2017 và có các cuộc gặp quảng bá, hội nghị, khen thưởng, hội thảo và triển lãm (MICE) và các hoạt động khác nhằm phát triển ngành du lịch của đất nước.

Ngành du lịch và lữ hành có vai trò vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam và gián tiếp đóng góp gần 10% tổng GDP. Thêm vào đó, để đạt được mục tiêu tham vọng là phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Chính phủ cần ghi nhận sự đóng góp của ngành du lịch và lữ hành cho phúc lợi ích kinh tế xã hội của Nhà nước, từ đó đưa ra những hỗ trợ phù hợp với một kế hoạch chiến lược hiệu quả cho hoạt động quảng bá du lịch trên phạm vi quốc tế.

Kiến nghị

- Phân bổ mức ngân sách Nhà nước hợp lý hơn cho quỹ quảng bá du lịch quốc gia để hỗ trợ quảng bá du lịch;
- Tạo điều kiện cho Hợp tác Công - Tư để quản lý và sử dụng hiệu quả quỹ quảng bá du lịch với mục tiêu quảng bá Việt Nam là điểm đến hàng đầu tại khu vực ASEAN;
- Tập trung quảng bá tại các thị trường mục tiêu có lượng du khách cao và ổn định, có xu hướng lưu trú trong thời gian dài, đi du lịch thường xuyên và chi tiêu nhiều hơn khi du lịch tại Việt Nam;
- Tăng cường quảng bá Việt Nam bằng các kênh tiếp thị số và tiếp thị xã hội hiệu quả song vẫn tiết kiệm chi phí để xây dựng một hình ảnh Việt Nam chuyên nghiệp, cung cấp thông tin toàn diện và hữu ích cho du khách;
- Đóng góp kinh phí không chỉ cho các hoạt động quảng bá mà cho cả các sáng kiến hỗ trợ các mục tiêu dài hạn của ngành du lịch lữ hành, gồm công tác bảo tồn văn hóa và môi trường, phát triển sản phẩm và cải thiện cơ sở hạ tầng;
- Thiết lập cơ chế thông tin hiệu quả hơn giữa các doanh nghiệp, hiệp hội liên quan đến du lịch và khu vực công, thường xuyên phối hợp với các nhóm và hiệp hội ngành theo các nhóm công tác và điều phối cơ cấu tổ chức;
- Thiết lập cơ cấu điều phối toàn vùng nhằm chú trọng và tối đa hóa hoạt động giữa các tỉnh có quan hệ hợp tác và thúc đẩy hoạt động hợp tác; và
- Mở các trung tâm du lịch, có thể bằng công nghệ ảo, trên khắp thế giới, tập trung vào những quốc gia Việt Nam hạn chế cấp thị thực để tăng cường quảng bá Việt Nam. Trang web du lịch của Việt Nam còn sơ sài so với các quốc gia khác và cũng cần được cải thiện.

²⁷ Như trên, Tổng cục Du lịch Việt Nam

²⁸ Như trên, Tổng cục Du lịch Việt Nam

III. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH&TT&DL)

Mô tả vấn đề

Việt Nam có rất nhiều tiềm năng trở thành điểm đến du lịch nổi tiếng, thu hút du khách trên toàn thế giới. Di sản văn hóa và thiên nhiên độc đáo là lợi thế rất lớn của đất nước. Cùng với hoạt động đầu tư phát triển hạ tầng liên tục gần đây, Việt Nam hoàn toàn có khả năng đáp ứng nhu cầu du lịch đang ngày càng gia tăng. Khi đã qua giai đoạn mang yếu tố “ngoại lai” vào thị trường du lịch thế giới, Việt Nam cần tập trung vào mục tiêu trở thành điểm đến có các di sản văn hóa và thiên nhiên đa dạng được bảo tồn đặc biệt và phát triển bền vững.

Tốc độ phát triển của ngành du lịch văn hóa và du lịch bền vững của Việt Nam chậm hơn bước phát triển của cơ sở hạ tầng du lịch và sự phát triển của toàn quốc. Du lịch thiên nhiên và di sản là một trong những mảng mang lại nhiều lợi nhuận nhất trong ngành du lịch toàn cầu. Các hãng du lịch ghi nhận mức doanh thu tăng đáng kể từ mảng kinh doanh dịch vụ du lịch bền vững như du lịch địa phương và du lịch cộng đồng, các cơ sở lưu trú “xanh” có giấy chứng nhận, các nhà hàng và thực phẩm hữu cơ tại địa phương, du lịch khám phá thiên nhiên có trách nhiệm và trải nghiệm hoạt động tình nguyện có trách nhiệm.²⁹ Việt Nam có đặc điểm tự nhiên rất phù hợp với các phân khúc thị trường nói trên.

Chăm sóc sức khỏe, văn hóa và môi trường là các phân khúc chính trong ngành du lịch bao gồm tất cả các dịch vụ như đi bộ, spa, lặn, nghỉ dưỡng ven biển, chạy marathon, tham quan danh lam thắng cảnh như Vịnh Hạ Long, Phong Nha. Các phân khúc này cũng bao gồm các hoạt động văn hóa như lễ hội nhiếp ảnh, lễ hội ẩm thực, liên hoan phim, ngày hội văn học. Việt Nam có rất nhiều địa điểm phù hợp với các hoạt động này như vùng núi phía bắc, Vịnh Hạ Long, Phong Nha Kẻ Bàng, đường bờ biển tuyệt đẹp, dãy Trường Sơn hùng vĩ, Đồng bằng Sông Cửu Long, Tây Nguyên. Ngành du lịch Việt Nam khai thác nguồn tài nguyên này ở nhiều mức độ khác nhau. Nhưng hầu như ở tất cả mọi nơi, người ta lo ngại rằng các di sản thiên nhiên hiện phải đối mặt với nguy cơ suy thoái môi trường ở mức độ nhẹ hoặc nghiêm trọng cũng như những mối đe dọa từ sự phát triển quá mức.

1. Di sản văn hóa và kiến trúc

Các di sản của Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ khác nhau. Trên khắp cả nước, nhiều di sản hiện đang bị phá hủy hoặc đối mặt với các hoạt động cải tạo và nâng cấp không phù hợp dẫn đến bị tàn phá nặng nề. Sự xuống cấp của các di sản đặt ra thách thức đối với thị trường du lịch nhiều lợi nhuận hiện tại và sự phát triển trong tương lai của phân khúc du lịch trung bình và cao cấp. Phần lớn các bảo tàng của Việt Nam hầu như không được phát triển từ những năm 1990. Ngành du lịch của Việt Nam có xu hướng không đánh giá cao sở thích tham quan di sản và tìm hiểu di tích lịch sử của du khách. Các bảo tàng của Việt Nam không đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và khu vực. Rất nhiều trong số các vấn đề mà bảo tàng gặp phải liên quan đến nghệ thuật chuyển tải cốt truyện đằng sau những hiện vật chứ không hẳn là những yếu tố tốn kém như cơ sở hạ tầng và hiện vật trưng bày. Viện bảo tàng thường là một không gian di sản có giá trị nhưng chưa được khai thác hiệu quả.

2. Sự quá tải trong phát triển tài nguyên du lịch

Có một số lo ngại rằng Việt Nam đang khai thác quá tải tài nguyên du lịch, khiến nguồn tài nguyên này bị suy giảm giá trị. Tuy nhiên, việc phát triển cơ sở hạ tầng du lịch cũng rất cần thiết. Do đó, Việt Nam cần hài hòa giữa việc phát triển và việc bảo vệ môi trường vốn dễ bị tác động với mục tiêu củng cố tiềm lực kinh tế. Thế nhưng yếu tố hài hòa này thường bị bỏ qua trên khắp cả nước. Môi trường tự nhiên có nguy cơ bị xuống cấp nghiêm trọng và cơ hội kinh tế do môi trường thiên nhiên mang lại đang có nguy cơ mất đi.

Lộ trình phát triển khu vực ven biển hiện nay của Việt Nam dẫn đến nguy cơ quá nhiều đất ven biển quý giá được sử dụng cho các hoạt động phát triển dồn dập.³⁰ Sự phát triển này thiếu tính bền vững, tiềm ẩn nguy cơ biến Việt Nam trở thành điểm đến du lịch đại trà. Điều này sẽ làm Việt Nam đánh mất nhiều cơ hội nếu chỉ chú trọng khai thác thị trường khách quan trọng và mang lại nhiều lợi nhuận nhất.

29 “Tình hình Hoạt động Du lịch có Trách nhiệm”, CREST, 2016, phần 2. Xem tại: <http://www.responsibletravel.org/whatWeDo/The_Case_for_Responsible_Travel_2016_Final.pdf> truy cập lần cuối ngày 26 tháng 12 năm 2017.

30 “Phát triển quá mức có nguy cơ gây thiệt hại đến các điểm tham quan tự nhiên tại Việt Nam”, The Guardian, ngày 1 tháng 8 năm 2015. Xem tại: <<https://www.theguardian.com/world/2015/aug/01/vietnam-tourism-rush-development-conservation>> đã truy cập vào ngày 26 tháng 12 năm 2017.

3. Sáng kiến du lịch có trách nhiệm và hấp dẫn: Du lịch xanh

Hệ thống khách sạn là lựa chọn hàng đầu tại các điểm đến du lịch, tuy nhiên, các khu nghỉ dưỡng quy mô nhỏ có tác động thấp đến môi trường địa phương đáng tiếc lại khá hiếm hoi ở Việt Nam. Việc phát triển quá nhiều và tập trung khai thác đất để xây dựng khách sạn một cách không hợp lý, đặc biệt là các khu nghỉ dưỡng dọc bờ biển, đang làm tổn hại đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên hữu hạn. Để giảm tác động nói trên, cần kết hợp các điểm nóng du lịch với việc xây dựng các khu bảo tồn hữu cơ với quy mô thấp hơn. Ngoài ra, đơn vị quản lý khách sạn phải có trách nhiệm giảm tác động của du lịch đại trà đối với môi trường, đặc biệt chú ý đến việc sử dụng hóa chất và chất thải nguy hại, quản lý và tái chế chất thải, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

4. Ô nhiễm và suy thoái

Việc lạm dụng và lãng phí vật liệu nhựa là một vấn đề môi trường nghiêm trọng và Việt Nam là một trong những nguồn thải nhựa chính trên toàn cầu. Khách du lịch và ngành du lịch là nguồn chất thải nhựa lớn (mặc dù nếu xét về tổng thể tác hại thì phạm vi này chỉ ở quy mô nhỏ). Du lịch Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng do chất thải nhựa tràn lan trên bãi biển và tại môi trường tự nhiên khác.³¹

Một vấn đề khác là chất lượng của nguồn nước. Do thiếu giải pháp xử lý nước, quản lý chất thải và tái chế thích hợp, các sông, hồ và bãi biển Việt Nam đều đang bị ô nhiễm. Ngoài những tác động môi trường, vụ việc xả hóa chất độc hại vào đại dương gần đây không chỉ ảnh hưởng đến ngành thủy sản mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh các điểm đến du lịch của Việt Nam. Hơn nữa, trong vòng 6 đến 8 năm trở lại đây, những quan ngại về vấn đề môi trường tự nhiên ở Vịnh Hạ Long ngày càng trở nên cấp bách. Vịnh Hạ Long là thắng cảnh độc đáo của Việt Nam nhưng một khi bị ô nhiễm và thiếu an toàn thì sức hút của Vịnh Hạ Long đối với du khách quốc tế sẽ bị giảm sút.³² Các bãi biển của Việt Nam cũng đang đối mặt với các nguy cơ tương tự.³³

5. Phân bổ lợi nhuận không công bằng cho cộng đồng địa phương

Hoạt động du lịch có thể mang lại tác động tích cực đối với cộng đồng địa phương. Thế nhưng cơ hội đào tạo nghề và tạo việc làm cho cộng đồng địa phương và các nhà khởi nghiệp vẫn còn hạn chế. Việt Nam cần gìn giữ và phát huy di sản nhằm tạo ra thu nhập cho cộng đồng địa phương. Nên trao quyền cho doanh nghiệp điều hành du lịch và khuyến khích họ tham gia phát triển địa phương tích cực hơn nữa. Các cơ sở đào tạo, nhất là cơ sở đào tạo nghề cần được hỗ trợ và thậm chí là trợ cấp nhằm tạo điều kiện cho người dân địa phương tiếp cận cơ hội việc làm trong ngành công nghiệp du lịch.

Du lịch có thể thúc đẩy và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, điều này phải được thực hiện một cách có ý nghĩa, không nên xem trẻ em, trẻ mồ côi và những đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong xã hội Việt Nam là yếu tố thu hút khách du lịch. Xã hội Việt Nam cần nguồn tài chính cũng như sự hỗ trợ nhưng không phải bằng sự mất mát của chính đối tượng xứng đáng được hưởng lợi. Tiếng nói của doanh nghiệp xã hội, các hiệp hội địa phương, các tổ chức phi lợi nhuận đang được lắng nghe và ghi nhận. Để bảo vệ những đối tượng bị thiệt thòi nhất, cần nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp điều hành du lịch và khách du lịch để từ đó họ có thể hiện kế một cách hoàn toàn minh bạch và chịu trách nhiệm cho những hoạt động của mình.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Hiện tại, việc phát triển và lập kế hoạch du lịch của Việt Nam vẫn chưa ghi nhận đúng mức giá trị kinh tế và môi trường của việc quản lý sự phát triển bền vững. Trong quá trình đánh giá phát triển, người ta thường bỏ qua yếu tố du lịch, phong cách sống và giá trị kinh tế mà các di sản và di tích lịch sử phong phú và đa dạng của Việt Nam mang lại. Nếu được quy hoạch phát triển bền vững, ngành du lịch không những thu hút nhiều du khách đến Việt Nam mà còn mở ra một cơ hội tiếp cận thế giới. Vai trò của xã hội dân sự và doanh nghiệp xã hội ở cấp cơ sở đang ngày một gia tăng là bước tiến đáng kể trong quá trình phát triển của địa phương. Nhiều du khách cũng mong muốn được góp phần vào quá trình phát triển này. Đây có thể là nguồn lực cho đất nước nhưng cần được huy động một cách thích hợp để tránh tác động tiêu cực đối với cơ cấu phát triển xã hội của Việt Nam. Cần tăng cường hoạt động nâng cao nhận thức cho khách du lịch cũng như giúp họ hiểu rõ những thách thức mà xã hội Việt Nam gặp phải để họ chung tay tìm giải pháp cho những thách thức này. Các hãng du lịch quốc tế và các bên liên quan trong thị trường du lịch cao cấp tại địa phương đều đã và đang hướng đến sự bền vững và đem điều đó vào các nguyên tắc chung của mình.³⁴

31 “Phủ Quốc đang đối mặt với tác động tiêu cực do phát triển quá nóng”, *VN Express*, ngày 23 tháng 10 năm 2016. Xem tại: <<http://e.vnexpress.net/news/travel-life/phu-quoc-feels-growing-pains-as-development-booms-3487852.html>> truy cập lần cuối vào ngày 26 tháng 12 năm 2017.

32 “Bộ TN&MT cảnh báo về ô nhiễm nước biển nghiêm trọng”, *Viet Nam News*, ngày 14 tháng 10 năm 2016. Xem tại: <<http://vietnamnews.vn/society/344438/monre-highlights-severe-seawater-pollution.html#x8r3r8m7DV67v1DR.97>> đã truy cập vào ngày 26 tháng 12 năm 2017.

33 Như trên. *VN Express*

34 Theo khảo sát gần đây, “người tiêu dùng ngày nay mong đợi các công ty du lịch lồng ghép yếu tố bền vững trong sản phẩm được cung cấp”. 70% số người được khảo sát cho rằng các công ty phải cam kết bảo vệ môi trường tự nhiên và 55% cho rằng cần chú trọng điều kiện lao động công bằng, đồng thời 75% người tiêu dùng muốn có một kỳ nghỉ có trách nhiệm và 66% muốn tận hưởng kỳ nghỉ “xanh hơn”. Như trên, *CREST* trang 2

Kiến nghị

- Các đơn vị thực hiện quy hoạch thành phố và cơ quan quản lý du lịch cần hiểu rõ tầm quan trọng của các di sản, đây là tài sản quốc gia có ý nghĩa lớn về kinh tế. Họ cần ghi nhận giá trị cũng như yêu cầu cấp thiết cần gìn giữ, bảo tồn các di sản này. Thêm vào đó, cần đầu tư vào nghệ thuật tiếp thị thông qua hình thức hướng dẫn chuyển tải được cốt truyện đạt đẳng cấp quốc tế tại các bảo tàng, khu di tích lịch sử, di sản văn hoá (Huế, Hội An, Điện Biên Phủ v.v.);
- Giữ gìn bãi biển sạch đẹp, ưu tiên phát triển đa dạng và bền vững;
- Áp dụng phương pháp tiếp cận theo hướng phát triển bền vững cho lĩnh vực du lịch, có cơ chế khuyến khích các bên cam kết và hành động có trách nhiệm;
- Hỗ trợ người dân địa phương thông qua hoạt động đào tạo và trao quyền kinh tế. Quảng bá các hoạt động trực tiếp mang lại lợi ích cho người dân địa phương và quảng bá văn hoá bản địa;
- Nâng cao năng lực cho các tổ chức phi lợi nhuận và xây dựng cơ cấu “hoạt động du lịch tình nguyện”;
- Cung cấp thông tin hữu ích cho du khách, bao gồm thông tin về các vấn đề xã hội nhạy cảm, ví dụ như cách ứng xử với trẻ em bán đồ lưu niệm trên đường phố, trẻ ăn xin, nạn bóc lột tình dục, hoạt động thăm trường học hoặc trại trẻ mồ côi v.v.;
- Ban hành sổ tay hướng dẫn “những điều du khách nên và không nên làm” tại các danh lam thắng cảnh để du khách có tương tác phù hợp với người dân địa phương và nâng cao ý thức của du khách nước ngoài về phong tục địa phương;
- Khuyến khích giảm nhu cầu mua bán động thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng và hạn chế những tương tác với động vật hoang dã không được kiểm soát để bảo vệ một số loài hiếm tại Việt Nam, cung cấp thông tin tuyên truyền tại các công viên quốc gia hoặc khu vực thiên nhiên cần được phát triển để khuyến khích du khách tôn trọng, bảo vệ các danh lam thắng cảnh cần được bảo tồn này;
- Khuyến khích du khách trải nghiệm tương tác với người dân địa phương một cách có ý nghĩa, tạo điều kiện phát triển sáng kiến du lịch cộng đồng; và
- Nâng cao năng lực các bên liên quan đến du lịch bền vững và hỗ trợ các sáng kiến do địa phương và vì địa phương nhằm triển khai các hoạt động tạo thu nhập như một sản phẩm phụ của hoạt động du lịch.

IV. NGUỒN NHÂN LỰC VÀ DẠY NGHỀ TRONG NGÀNH DU LỊCH VÀ NHÀ HÀNG - KHÁCH SẠN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH&TT&DL), Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT)

Mô tả vấn đề

Nghị quyết 08-ND/TW đề ra mục tiêu ngành du lịch sẽ tạo ra 4 triệu việc làm, trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp vào năm 2020. Nghị quyết cũng bao gồm một kế hoạch hành động chi tiết để phát triển nguồn nhân lực du lịch đến năm 2020 là (i) có chính sách thu hút đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực du lịch, (ii) tăng cường năng lực cho các trung tâm/cơ sở đào tạo du lịch bằng cách tăng cường hợp tác quốc tế, (iii) đa dạng hóa các hình thức đào tạo du lịch, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và (iv) chú trọng nâng cao kỹ năng nghề, ngoại ngữ và đạo đức nghề nghiệp cho lực lượng lao động.³⁵ Các sáng kiến này thể hiện du lịch là một trong những ngành kinh tế chính cần nỗ lực đồng bộ từ Chính phủ và khu vực tư nhân để phát triển.

Cho dù Việt Nam đang hội nhập sâu rộng với Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), nhân lực ngành du lịch và nhà hàng - khách sạn vẫn thiếu các kỹ năng cần thiết ở tất cả các cấp so với các quốc gia khác trong khu vực.³⁶ Với tốc độ phát triển hiện nay của ngành du lịch Việt Nam và mức đóng góp của ngành vào nền kinh tế, việc phát triển mạnh lực lượng lao động có trình độ cao trong ngành này cần được ưu tiên.

³⁵ Mục II, III, Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 16 tháng 1 năm 2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam đến năm 2030.

³⁶ Đỗ Mạnh Cường, “Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao”, *Hiệp hội Đào tạo Du lịch Việt Nam*. Xem tại: <<http://vitea.vn/giai-phap-dao-tao-nguon-nhan-luc-du-lich-chat-luong-cao/>> truy cập lần cuối vào ngày 26 tháng 12 năm 2017.

Một số biện pháp nhằm giải quyết vấn đề này đã được thực hiện.³⁷ Các Quyết định này phù hợp với nhu cầu du lịch hiện nay tại Việt Nam và phù hợp với Tiêu chuẩn Năng lực Chung về nghề Du lịch trong ASEAN (ACCSTP) theo Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau về Nghề du lịch (MRA-TP). Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả các tiêu chuẩn này, cần sự phối hợp giữa Chính phủ, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nhằm xây dựng một phương pháp thực hiện phù hợp trên thực tế.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Số lượng nhân sự được đào tạo bài bản và có trình độ gia tăng lên trong ngành du lịch và nhà hàng - khách sạn có thể nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ du lịch. Điều này tạo ảnh hưởng tích cực đến hình ảnh của Việt Nam. Một khi chất lượng dịch vụ được cải thiện, năng lực cạnh tranh sẽ tăng lên và nhiều du khách sẽ đến Việt Nam hơn. Điều này giúp gia tăng mức đóng góp của ngành du lịch vào GDP và tăng nguồn thu cho Chính phủ. Du lịch là một ngành quan trọng đối với Việt Nam, do đó, Việt Nam cũng có thể tạo ra hiệu ứng dây chuyền đối với các ngành khác, cải thiện trình độ tay nghề trong toàn chuỗi cung ứng. Điều này thúc đẩy gia tăng việc làm và tiền lương cho lao động địa phương.

Kiến nghị:

- Các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo cần phối hợp để tăng cường nhận thức và ban hành thủ tục để thực hiện hiệu quả bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của nghề phục vụ buồng và nghề lễ tân;
- Bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cần được xây dựng cho các lĩnh vực khác trong ngành du lịch và nhà hàng - khách sạn để cải thiện chất lượng dịch vụ và tăng năng lực cạnh tranh của Việt Nam nhằm trở thành một điểm đến hấp dẫn trong khu vực;
- Vai trò của Hội đồng Cấp Chứng chỉ Nghiệp vụ Du lịch (VTCB) cần được tăng cường trong quá trình đánh giá, đào tạo và cấp chứng chỉ nghiệp vụ cho lao động có kinh nghiệm thực tiễn nhưng không được đào tạo bài bản;
- Hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân cần được củng cố để cải thiện hoạt động đào tạo nghề trong ngành du lịch cho học viên và giảng viên;
- Đảm bảo hoạt động hợp tác bền vững giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp bằng cách ban hành cơ chế, chính sách và quy định khen thưởng cho các doanh nghiệp danh dự tham gia tích cực hoạt động đào tạo du lịch;
- Rà soát và tái cơ cấu mạng lưới các cơ sở đào tạo du lịch để đảm bảo các cơ sở này có đủ năng lực đào tạo chất lượng cao; và
- Tạo điều kiện giáo dục ngoại ngữ cho lao động ngành du lịch. Điều này sẽ không chỉ góp phần đem đến dịch vụ chất lượng cao trong ngành du lịch mà còn giúp người dân địa phương có đủ trình độ để đảm nhận các chức vụ quan trọng trong ngành du lịch.
- Mời nhiều hơn các công ty giáo dục mở văn phòng tại Việt Nam với các phương pháp giảng dạy chất lượng quốc tế và tạo cơ hội cho sinh viên Việt Nam được cấp chứng chỉ quốc tế về du lịch và nhà hàng - khách sạn. Chính phủ cần hỗ trợ về tài chính cho các dự án đóng vai trò quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực trong ngành du lịch và nhà hàng - khách sạn.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Du lịch, Nhà hàng - Khách sạn thuộc EuroCham

³⁷ Ví dụ, vào tháng 8, 2017, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH) đã ban hành hai bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của nghề phục vụ buồng và nghề lễ tân Quyết định 1385/QĐ-LĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của nghề phục vụ buồng.

CHƯƠNG 19 **NGÀNH HÀNG RƯỢU VANG VÀ RƯỢU MẠNH**

TỔNG QUAN

Nền kinh tế Việt Nam, với mức tăng 6,2% trong năm 2016 và 6,81% trong năm 2017, đã trở thành một trong những quốc gia có mức tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới. Tuy nhiên, vấn đề nợ công đã thúc đẩy cơ quan chức năng đặt ra những mục tiêu đầy tham vọng để giảm thiểu thâm hụt ngân sách. Quốc hội và Chính phủ Việt Nam đã cam kết kiểm chế thâm hụt ngân sách trong khoảng thời gian giữa nhiệm kỳ. Điều này sẽ đạt được thông qua việc củng cố dẫn chính sách tài khóa nhằm đảm bảo cân bằng hợp lý giữa việc tăng thêm nguồn thu và cắt giảm chi tiêu. Theo Ngân hàng Phát triển Châu Á,¹ đây là thách thức đòi hỏi phải có quá trình cải cách thuế sâu sắc hơn, quản trị nguồn thu ngân sách tốt hơn và chỉ tiêu công hiệu quả hơn. Do có liên quan đến các vấn đề thâm hụt ngân sách, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục quản lý chặt chẽ việc tuân thủ các quy định về thuế và thu ngân sách Nhà nước thông qua tăng kiểm tra và thanh tra thuế, kiểm soát vấn đề chuyển giá và trốn thuế, phát hiện gian lận kê khai thuế.

Việc tăng năng suất và cạnh tranh của nền kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh tiếp tục là ưu tiên hàng đầu trong danh sách mục tiêu của Chính phủ trong năm nay. Tuy nhiên, việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) sẽ có thể trở thành áp lực khi môi trường thuế và pháp lý cho doanh nghiệp cần có sự cải thiện đáng kể.

Chúng tôi vô cùng hoan nghênh việc ban hành Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 (Nghị quyết 35) và Nghị quyết 19/2017/NQ-CP ngày 6 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia (Nghị quyết 19). Cả hai văn bản đều bao gồm các giải pháp liên quan đến tiếp cận nguồn vốn và giá hiệu quả cho các doanh nghiệp.

Tổng quan thị trường: Việt Nam được đánh giá là một trong 10 quốc gia có sản lượng tiêu thụ bia lớn nhất thế giới. Trong năm 2016, Việt Nam sản xuất 3,78 tỷ lít bia, tăng 9,3% so với năm 2015 và 40,72% so với năm 2010. Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn sản xuất lượng bia nhiều nhất tại Việt Nam với 1,6 tỷ lít bia trong năm 2016. Theo sau là Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội với 717,4 triệu lít. Lượng sản xuất bia còn lại đều từ các công ty khác như Heineken và Carlsberg. Thị trường bia và đồ uống có cồn tại Việt Nam đã đặt ra mục tiêu sẽ sản xuất 4,1 tỷ lít bia đến năm 2020 và 5,5 tỷ lít đến năm 2035. Thị trường bia chiếm đến 94% lượng tiêu thụ đồ uống có cồn tại Việt Nam.²

Thị trường rượu mạnh chính thức ước tính đạt 4,77 triệu thùng 9 lít - xấp xỉ 43 triệu lít trong năm 2016.³ Trong khi đó, thị trường rượu vang dự kiến đạt xấp xỉ hơn 1,62 triệu thùng 9 lít - tương đương 14,6 triệu lít.⁴ Rượu thủ công ước tính đạt khoảng 275 triệu lít.⁵ Theo báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), số lượng rượu sản xuất chưa được kiểm soát (như các loại rượu chưa được quy định trong các văn bản pháp luật và chưa đánh thuế) chiếm tới hơn 70% số lượng rượu tiêu thụ trong nước.⁶

Dân số Việt Nam đang ngày càng tăng nhanh và sắp đạt con số 100 triệu dân. Mỗi năm, có khoảng một triệu người tiêu dùng mới bước vào độ tuổi được phép uống rượu bia.⁷ Trong khi đó, tầng lớp trung lưu tại Việt Nam đã tăng gấp đôi, 33 triệu người, và sự tăng trưởng về thu nhập đang càng ngày tạo nên nhu cầu tiêu dùng lớn hơn.

Ngành rượu vang và rượu mạnh châu Âu hỗ trợ cam kết của Chính phủ Việt Nam đối với hội nhập quốc tế: Tự do hoá thương mại mạnh mẽ hơn sẽ khuyến khích tăng trưởng kinh tế Việt Nam hơn nữa. Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA), được mong đợi có hiệu lực vào năm 2018, sẽ tạo điều kiện cho

1 “Cập nhật Báo cáo Tình hình Phát triển châu Á 2017: Phát triển bền vững thông qua Đối tác Công-Tư”, Ngân hàng Phát triển châu Á. Xem tại: <<https://www.adb.org/sites/default/files/publication/365701/ado2017-update.pdf>> truy cập vào ngày 5 tháng 12 năm 2017.

2 “Tiêu thụ bia tại Việt Nam đạt 4 tỷ lít trong năm nay”, Vietnam Net. Xem tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/business/176901/vietnam-beer-consumption-to-top-4-billion-litres-this-year.html>>

3 Báo cáo Rượu vang và Rượu mạnh Quốc tế (IWSR) tháng 6 năm 2017. Xem tại: <http://www.theiwsr.com/iwsr_core_reports.html>

4 Như trên.

5 Nghiên cứu của Bộ Y tế “Đánh giá tình trạng và đề xuất trong việc quản lý an toàn thực phẩm của một số sản phẩm rượu truyền thống”

6 “Báo cáo toàn cầu về đồ uống có cồn và sức khỏe 2014”, Tổ chức Y tế Thế giới. Xem tại: <http://www.who.int/substance_abuse/publications/global_alcohol_report/profiles/vnm.pdf> truy cập vào ngày 8 tháng 12 năm 2017.

7 Báo cáo IWSR năm 2017.

việc gia nhập thị trường của ngành rượu vang và rượu mạnh Liên minh châu Âu vào Việt Nam. Điều này sẽ đem đến những thay đổi tích cực trong cơ chế sản xuất và kinh doanh rượu, thực thi chặt chẽ và bảo vệ các nhãn hiệu / Chỉ dẫn Địa lý (GI) châu Âu, cũng như những sáng kiến cải cách để đơn giản hoá các thủ tục hành chính giúp hài hòa với các quy định kỹ thuật với các thông lệ quốc tế.

Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam: Hiện tại, Liên minh châu Âu và Việt Nam đang hợp tác trong quá trình chuẩn bị cuối cùng trước khi EVFTA được phê chuẩn. Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh luôn ủng hộ Hiệp định này khi việc xóa bỏ dần hàng rào thuế quan sẽ tạo điều kiện cho việc nhập khẩu các loại rượu vang và rượu mạnh đã hợp pháp. Điều này sẽ giảm thiểu lợi ích kinh tế đối với hoạt động buôn lậu rượu và hoạt động bất hợp pháp khác và mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp hoạt động hợp pháp, nguồn thu ngân sách Nhà nước và sức khỏe của người tiêu dùng tại Việt Nam. Tuy nhiên, những lợi ích được dự kiến đạt được từ việc thỏa thuận cắt giảm thuế quan trong khuôn khổ của EVFTA sẽ bị ảnh hưởng bởi những cải cách liên tục về thuế Tiêu thụ Đặc biệt (TTĐB). Những cải cách thuế này có tác động rất lớn đến các nhà xuất khẩu rượu vang và rượu mạnh của Liên minh châu Âu tới Việt Nam, và tác động tới gánh nặng thuế nói chung (một số trường hợp đã tăng hơn gấp đôi), gây rủi ro cho bền vững của ngành hàng này tại Việt Nam.

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh mong muốn được hiểu thêm và tham gia vào cơ chế “nhóm tư vấn trong nước” cho EVFTA. Chúng tôi đề cao cơ hội trao đổi và thảo luận chuyên sâu với các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc soạn thảo các văn bản pháp luật trong việc thi hành các quy định liên quan đến Quy tắc Xuất xứ Hàng hóa (XXHH) được ban hành trong EVFTA để được hưởng ưu đãi thuế thỏa thuận trong trường hợp vận chuyển trực tiếp hoặc qua nước trung gian không thuộc EVFTA. Chúng tôi mong rằng Bộ Công Thương (BCT) sẽ ban hành hướng dẫn rõ ràng, được quy định trong văn bản pháp lý.

Giấy phép sản xuất và kinh doanh rượu: Chúng tôi đánh giá cao việc ban hành Nghị định 105/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 về kinh doanh rượu (Nghị định 105) thay thế Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh rượu (Nghị định 94). Nghị định 105 mới ban hành có nhiều điểm sửa đổi tích cực và dỡ bỏ các rào cản không cần thiết như xóa bỏ quy định hạn chế số lượng giấy phép theo số dân, một thương nhân chỉ được một loại giấy phép, các hạn chế về hệ thống phân phối theo chiều dọc được quy định tại Nghị định 94; xem xét và sửa đổi các điều kiện về giấy phép kinh doanh rượu phù hợp với điều kiện thực tế hơn, giúp tăng cường việc quản lý và hoạt động dịch vụ phân phối rượu theo các cam kết của Việt Nam trong EVFTA.

Quyền Sở hữu Trí tuệ: Chúng tôi kính đề nghị Việt Nam đảm bảo việc thực thi chặt chẽ các quy định về Sở hữu trí tuệ, đặc biệt là lĩnh vực về Chỉ dẫn địa lý, để giảm thiểu các gánh nặng không cần thiết cho các doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật; tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật và các chủ nhãn hiệu/ các sản phẩm để bảo vệ Chỉ dẫn địa lý của châu Âu như Champagne,⁸ Irish Whiskey, Swedish Vodka, Cognac và Scotch Whisky.

Quy chuẩn kỹ thuật: Chúng tôi hỗ trợ và đánh giá cao các sáng kiến về cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính của các ngành hàng trong đó có rượu vang và rượu mạnh, chẳng hạn như thảo luận để dỡ bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận công bố hợp quy đối với các sản phẩm có rủi ro thấp như rượu vang và rượu mạnh; giảm thiểu các thủ tục hành chính liên quan đến Kiểm tra nhà nước đối với hàng nhập khẩu, v.v. Chúng tôi muốn lưu ý là bất cứ những thay đổi nào về ghi nhãn hàng hóa hoặc các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến đồ uống có cồn cần phải hài hòa với các quy định quốc tế để đảm bảo an toàn chất lượng sản phẩm mà không làm tăng thêm các rào cản kỹ thuật không cần thiết.

Tiếp theo dưới đây là ba vấn đề chính đầy thách thức đối với ngành hàng rượu vang và rượu mạnh có xuất xứ từ châu Âu với các kiến nghị cụ thể để giúp tăng doanh thu ngân sách, hỗ trợ tăng trưởng ngành rượu và khuyến khích môi trường tiêu dùng có trách nhiệm đối với những người đã lựa chọn đồ uống có cồn.

⁸ Champagne sẽ được bảo hộ hoàn toàn trong 10 năm để các bên liên quan có đủ thời gian chuyển đổi như được quy định tại mục “Đồ uống có cồn”, Hướng dẫn về EVFTA, trang 32. Xem tại: <https://eeas.europa.eu/delegations/vietnam/documents/eu_vietnam/evfta_guide.pdf>

I. THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Chính sách thuế trong nước ổn định là yếu tố quan trọng trong việc duy trì và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Tuy nhiên, ngành rượu vang và rượu mạnh châu Âu đã phải chịu những cải cách liên tục về thuế TTĐB. Điều này bao gồm việc tăng thuế suất Thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn liên tục trong năm từ 2016-2018⁹ và việc tăng giá tính thuế được quy định trong Nghị định 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn một số điều của Luật Thuế TTĐB và Luật sửa đổi Luật Thuế TTĐB (Nghị định 108), có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016. Những cải cách này làm tăng đáng kể gánh nặng thuế lên ngành hàng rượu vang và rượu mạnh châu Âu tại Việt Nam và khiến vô hiệu hóa những lợi ích từ việc cắt giảm thuế quan đối với rượu vang và rượu mạnh châu Âu đạt được thông qua EVFTA, từ đó hạn chế phát triển tiềm năng thị trường.

Giá bán lẻ sản phẩm rượu vang và rượu mạnh nhập khẩu từ châu Âu nói chung đã phải chịu tác động đáng kể bởi mức tăng nhanh thuế suất và giá tính thuế từ các cải cách thuế liên tục, dẫn đến giá thành các mặt hàng này ngày càng đắt đỏ hơn đối với người tiêu dùng Việt Nam. Điều này có thể dẫn đến sụt giảm đáng kể doanh số của sản phẩm nhập khẩu hợp pháp trong khi làm tăng thêm hoạt động thương mại bất hợp pháp. Việc tăng thuế quá mức và thường xuyên theo giá trị cùng với mức thuế nhập khẩu cao sẽ khuyến khích các hoạt động kinh doanh bất hợp pháp như buôn lậu và làm giả các mặt hàng rượu vang và rượu mạnh nhập khẩu. Đây là vấn đề phổ biến tại các quốc gia ASEAN như Indonesia. Điều này tác động tiêu cực đến các nhà nhập khẩu hợp pháp, nguồn thu của chính phủ và an toàn của người tiêu dùng.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tăng mức thuế TTĐB theo giá trị có thể giúp tăng thu ngân sách trong ngắn hạn. Nhưng xét về dài hạn, điều này có thể gây tác dụng ngược và sẽ:

- Ảnh hưởng nghiêm trọng tới tính bền vững và đoán định của môi trường kinh doanh;
- Ảnh hưởng đến các lợi ích đạt được từ việc cắt giảm thuế quan theo EVFTA;
- Tạo các lợi ích kinh tế to lớn cho các hoạt động bất hợp pháp, dẫn đến thất thu thuế;
- Giảm thu ngân sách khi người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang sử dụng sản phẩm giá thấp hơn hoặc các sản phẩm “chợ đen”; và
- Không giải quyết được vấn đề lạm dụng đồ uống có cồn nằm ngoài kiểm soát, bao gồm rượu thủ công được bán với mức giá thấp, dễ tiếp cận và chiếm tới 70% lượng rượu tiêu thụ tại Việt Nam.
- Chính sách thuế nội địa ổn định là rất quan trọng để duy trì và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Sự ổn định của giá tính thuế TTĐB là cơ sở vững chắc để các ngành hàng chịu thuế tiêu thụ phát triển kinh doanh, qua đó giúp phát triển hoạt động thương mại và bán lẻ trong nước. Điều này giúp tạo ra việc làm cho người dân và đóng góp cho ngân sách nhà nước hàng năm. Những thay đổi bất ngờ, không có lộ trình và thiếu minh bạch sẽ ngăn cản các nhà đầu tư hiện tại và tương lai, cũng như làm giảm lòng tin vào môi trường kinh doanh ổn định tại Việt Nam. Vào ngày 8 tháng 1 năm 2018, khi tham dự Hội nghị tổng kết công tác tài chính-ngân sách Nhà nước năm 2017, triển khai nhiệm vụ tài chính-ngân sách Nhà nước năm 2018 do Bộ Tài chính tổ chức, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc nêu thực trạng chính sách tài chính, nhất là chính sách thuế thay đổi nhanh và thường xuyên dẫn đến nhiều hệ lụy cho người dân và doanh nghiệp. Thủ tướng nhấn mạnh thực tế là chính sách thuế luôn được giải thích theo hướng có lợi cho cơ quan quản lý nhà nước; quyền lợi của người nộp thuế ít được quan tâm bảo vệ. Do đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu chính sách thuế phải theo kịp sự phát triển kinh tế của đất nước, phải có sự ổn định tương đối dài, từ 5-10 năm.

⁹ Luật số 70/2017/QH13 sửa đổi một số điều của luật thuế Tiêu thụ Đặc biệt. Xem tại: <http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=178139> truy cập vào ngày 8 tháng 12 năm 2017.

Kiến nghị

Lộ trình tăng thuế TTĐB hiện tại đối với lĩnh vực đồ uống có cồn sẽ được thực hiện tới năm 2018. Một lộ trình thuế TTĐB rõ ràng, có tính đoán định và có cơ sở khoa học là rất quan trọng để giải quyết những vấn đề liên quan đến sức khỏe người dân và mục tiêu thu ngân sách:

- Chúng tôi mong muốn tăng tính minh bạch và rõ ràng trong đánh giá của Bộ Tài chính đối với các cải cách chính sách thuế TTĐB kể từ năm 2016;
- Chúng tôi cũng kính đề nghị Bộ Tài chính lấy ý kiến công khai rộng rãi đối với bất kỳ đề xuất thay đổi nào trong tương lai về chính sách thuế TTĐB vào thời gian sớm nhất có thể;
- Chúng tôi hiểu rằng, kể từ cuộc họp giữa EuroCham với Quốc hội và Bộ Tài chính trong tháng 8 năm 2017, không có đề xuất mới nào đối với chính sách thuế TTĐB cho lĩnh vực đồ uống có cồn trong tương lai gần.¹⁰ Tuy nhiên, Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh luôn sẵn sàng hợp tác với Chính phủ, Bộ Tài chính và các cơ quan ban ngành có liên quan khác để trao đổi tích cực nhằm cân nhắc lộ trình thuế đối với đồ uống có cồn sao cho ổn định và có cơ sở khoa học, góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến sức khỏe người dân do việc lạm dụng đồ uống có cồn;
- Hiệp hội các doanh nghiệp Rượu Châu Á - Thái Bình Dương (APIWSA) đang làm việc với Trung tâm Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Hải quan và thuế TTĐB (CCES) tại Đại học Charles Sturt (CSU) về Mô hình tính toán tác động thuế cho thị trường đồ uống có cồn tại Việt Nam. Chúng tôi mong muốn được hợp tác và thiết lập đối thoại tích cực giữa CCES và Chính phủ, Bộ Tài chính và các bộ ban ngành có liên quan khác để thảo luận về Mô hình tính toán tác động thuế này để tạo môi trường thuế ổn định và hợp lý đối với ngành rượu vang và rượu mạnh tại Việt Nam.

II. CHÍNH SÁCH VỀ PHÒNG CHỐNG TÁC HẠI LẠM DỤNG ĐỒ UỐNG CÓ CỒN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh chia sẻ quan điểm với Chính phủ Việt Nam trong việc mong muốn phòng chống tác hại của việc lạm dụng đồ uống có cồn theo Quyết định 244/QĐ-TTg ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách quốc gia về phòng chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn đến năm 2020 (Quyết định 244). Bộ Y tế (BYT) cũng đang trong quá trình soạn thảo Dự thảo Luật Phòng chống tác hại của việc lạm dụng rượu, bia và các loại đồ uống có cồn (Dự thảo Luật Đồ uống có cồn) hiện sẽ được đưa vào phiên thảo luận tại kỳ họp thứ 6 của Quốc hội khoá XIV.¹¹

Các loại đồ uống có cồn nằm ngoài kiểm soát chiếm một phần đáng kể trong tổng mức tiêu thụ đồ uống tại Việt Nam - khoảng 70% lượng tiêu thụ đồ uống có cồn theo báo cáo của WHO.¹² Các loại đồ uống có cồn hợp pháp, bao gồm cả rượu vang và rượu mạnh nhập khẩu từ châu Âu, hiện đang phải chịu mức thuế cao và tuân thủ các quy định luật pháp cụ thể, đặc biệt là đối với quá trình sản xuất, phân phối và quảng cáo. Trong khi đó, các loại đồ uống có cồn nằm ngoài sự kiểm soát lại không phải chịu thuế và không tuân thủ theo quy định pháp luật. Ngoài việc đảm bảo việc thực thi các quy định hiện hành đối với nhóm đồ uống có cồn hợp pháp, các quy định đối với việc sản xuất và phân phối đồ uống có cồn nằm ngoài kiểm soát cần được hoàn thiện hơn và giải quyết những lo ngại ngày càng tăng về sức khỏe cộng đồng và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng về các sản phẩm an toàn và chất lượng cao.

10 Cuộc họp giữa EuroCham và Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Quốc Hiển và Ủy ban Quốc hội ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại Hà Nội. *EuroCham*, tháng 8 năm 2017. Xem tại: <<https://www.eurochamvn.org/node/17042>> truy cập vào ngày 30 tháng 11 năm 2017.

11 Nghị quyết 34/2017/NQ-QH14 ngày 8 tháng 6 năm 2017. Xem tại: <<http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=122829>>

12 *Như trên, WHO.*

Chúng tôi cũng tin rằng, khi đồ uống có cồn được sử dụng một cách hợp lý, có thể trở thành một phần của văn hóa sống lành mạnh. Khi uống một lượng vừa phải, đồ uống có cồn có thể đem đến sự thoải mái, đó là chưa kể tới các lợi ích xã hội. Tuy nhiên, nó cũng có thể gây ra tác hại cho bản thân và xã hội khi lạm dụng. Qua đó, các chính sách đồ uống có cồn phải được thực hiện trong khuôn khổ pháp lý hợp lý để cân bằng giữa việc đảm bảo tự do cá nhân và xã hội. Ngoài ra, những chính sách như vậy mang tính thực tiễn và khả thi để có thể triển khai thực hiện một cách có hiệu quả.

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc EuroCham sẵn sàng hợp tác với Bộ Y tế và các thành viên của ban soạn thảo dự thảo luật để chia sẻ những lo ngại và đề xuất của chúng tôi dựa vào những kinh nghiệm quốc tế về các lựa chọn các phương án chính sách được đề xuất trong Dự thảo Luật Đồ uống có cồn hoặc các hạn chế thương mại (bao gồm việc bán hàng, khuyến mãi và quảng cáo) và Quỹ Nâng cao Sức khỏe (HIF).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Nếu như Dự thảo Luật Đồ uống có cồn có những quy định trên mức cần thiết để hạn chế việc kinh doanh đồ uống có cồn hợp pháp, nó có thể sẽ gây phản tác dụng và hướng người tiêu dùng chuyển sang thị trường “chợ đen”. Điều này cũng ảnh hưởng tiêu cực đến ngành du lịch và cuối cùng là giảm nguồn thu ngân sách và tăng nguy cơ sức khỏe cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, việc thực hiện hiệu quả quy định đồ uống công bằng và hợp lý sẽ hỗ trợ việc giảm thiểu lạm dụng đồ uống có cồn tại Việt Nam, trong khi vẫn đảm bảo được nguồn thu ngân sách, tự do thương mại và hoạt động kinh tế.

Dự thảo Quỹ HIF đề xuất mức đóng góp bắt buộc khoảng 1-2% giá tính thuế TTĐB¹³ để tạo ra một quỹ ngoài ngân sách. Kinh nghiệm cho thấy trên thực tế các quỹ y tế công tương tự không còn hiệu quả trong việc giải quyết và giảm thiểu các vấn đề về lạm dụng đồ uống có cồn. Trên thực tế, nếu đề xuất này được chấp thuận và thực hiện, nó sẽ làm tăng thêm các chi phí về hành chính và tuân thủ.

Kiến nghị

Chúng tôi ủng hộ sự hợp tác giữa các bên có liên quan để thực thi chặt chẽ hơn luật pháp hiện hành, chẳng hạn như các quy định về sử dụng rượu bia khi lái xe, an toàn đường bộ và sử dụng rượu bia khi chưa đủ tuổi luật pháp cho phép. Nói chung, chúng tôi hoàn toàn ủng hộ các quy định pháp luật xử lý các hành vi không được xã hội chấp nhận như bạo lực gia đình và mất trật tự công cộng, để giải quyết những vấn đề liên quan đến việc lạm dụng đồ uống có cồn.

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh đánh giá cao cơ hội làm việc với Chính phủ, Bộ Y tế và các bộ ban ngành liên quan khác để xây dựng một chế độ chính sách về đồ uống có cồn một cách hiệu quả và giải quyết các vấn đề về lạm dụng đồ uống có cồn tại Việt Nam. Để làm được điều này, chúng tôi kính đề nghị Chính phủ xem xét:

- Ủng hộ việc xây dựng chính sách dựa trên cơ sở khoa học, hợp lý có mục tiêu rõ ràng để quản lý hiệu quả các vấn đề liên quan đến hành vi tiêu dùng cá nhân và giảm thiểu lạm dụng đồ uống có cồn mà không cần các quy định chặt chẽ trên mức cần thiết đối với các hoạt động kinh doanh và tiếp cận thị trường hợp pháp;
- Chấp thuận cách tiếp cận mang tính tổng hợp và toàn diện để quản lý việc lạm dụng đồ uống có cồn, kết hợp với cách đánh giá chặt chẽ các chiến lược được thực hiện dựa trên các mục tiêu đã được thống nhất trên toàn quốc; và
- Xem xét các phương án thay thế quỹ HIF với những cách thức hiệu quả hơn để đạt được mục tiêu tiêu dùng có trách nhiệm mà không ảnh hưởng đến nền kinh tế. Chúng tôi cũng mong muốn đề xuất với Ban soạn thảo lấy ý kiến chung từ cộng đồng và các bên có liên quan để trao đổi ý kiến, những quan ngại, kinh nghiệm và các đề xuất đối với quỹ HIF.

¹³ Nghị quyết 34/2017/QH14 của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017. Xem tại: <http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/congdan/DuThaoVanBan?_piref135_27935_135_27927_27927. mode=reply&_piref135_27935_135_27927_27927.id=1467> truy cập vào ngày 8 tháng 12 năm 2017.

Chúng tôi sẵn sàng mở rộng các chương trình trách nhiệm xã hội và mong muốn hợp tác với Chính phủ để nâng cao nhận thức về uống có trách nhiệm tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc lập ra quỹ HIF sẽ hạn chế khả năng mở rộng các sáng kiến có mục tiêu và dưới đây là một vài ví dụ về chương trình mà chúng tôi đã và đang thực hiện:

- Giữa năm 2010 và năm 2013, các công ty rượu vang và rượu mạnh đã xây dựng các chương trình tập trung vào vấn đề sử dụng đồ uống có cồn khi lái xe tại Việt Nam thuộc các dự án Trung tâm Quốc tế về Chính sách Chất Có cồn (ICAP) và Liên minh Quốc tế về Uống có trách nhiệm (IARD). Chúng tôi làm việc chặt chẽ với Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia trong việc nâng cao việc thực thi quy định về sử dụng đồ uống có cồn khi lái xe và các chiến dịch an toàn giao thông tại các thành phố Đà Nẵng, Thanh Hoá và Nghệ An. Dự án này đã giúp giảm thiểu việc sử dụng đồ uống có cồn khi lái xe và tai nạn liên quan đến sử dụng đồ uống có cồn khi lái xe tại địa bàn các tỉnh tham gia thực hiện dự án.
- Giữa tháng 9 năm 2011 và tháng 2 năm 2012, cùng với Ban An toàn Giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải (GTVT), Trung tâm Quốc tế về Chính sách Chất Có cồn ICAP và Tổng cục Đường bộ Việt Nam (TCĐB), chúng tôi đã tiến hành triển khai Giai đoạn 1 của dự án thí điểm tại một số bến xe buýt tại Đắk Lắk và Khánh Hoà để tăng cường việc quản lý tại các bến xe buýt cho một số tài xế xe buýt và để giảm thiểu tai nạn giao thông gây ra bởi các tài xế sử dụng đồ uống có cồn khi lái xe.
- Đầu tháng 4 năm 2015, theo đề xuất của Tiểu ban, Diễn đàn Uống có trách nhiệm (VARD)¹ được thành lập, hưởng ứng Cam kết của Tổng Giám đốc các công ty kinh doanh đồ uống có cồn² và Chính sách Quốc gia phòng, chống tác hại đồ uống có cồn (NAP). Kể từ ngày được thành lập, VARD đã tổ chức chiến dịch “Không bán rượu cho người dưới 18 tuổi” được triển khai từ ngày 30 tháng 7 năm 2016 tại 154 điểm bán lẻ tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, cũng như tại 10 tỉnh thành. Ngoài ra, VARD đã làm việc với Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia (NTSC) thực hiện sáng kiến về giáo dục, “7 Film Fest”, là cuộc thi làm phim ngắn về uống có trách nhiệm diễn ra từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2016. Bộ phim “Mầm non dưới đáy chai” nhận được giải thưởng trong nước và quốc tế cho hạng mục phòng chống sử dụng đồ uống có cồn khi lái xe tại Liên hoan Phim An toàn Giao thông đường bộ toàn cầu, được tổ chức nhân dịp kỷ họp lần thứ 70 của Ủy ban Giao thông châu Âu của Ủy ban Kinh tế Liên hợp quốc về Kinh tế.
- Trong năm 2017, Hiệp hội Rượu vang và Rượu mạnh Quốc tế châu Á-Thái Bình Dương (APIWSA) đã hợp tác với Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia, Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Học viện Cảnh sát Nhân dân (PPA) thuộc Bộ Công an và Diễn đàn Uống có trách nhiệm (VARD) để hỗ trợ các buổi đào tạo chuyên môn cho cảnh sát giao thông về triển khai áp dụng các quy định về phòng chống sử dụng đồ uống có cồn khi lái xe và trao quyền cũng như trang bị cho phụ nữ để tạo ra động lực thay đổi xã hội, từ đó tác động đến việc thay đổi hành vi đối với việc lạm dụng rượu bia trong cộng đồng. Hai mô hình đào tạo được xây dựng ở miền Bắc và miền Nam, và 480 cảnh sát đường bộ ở 12 tỉnh của Việt Nam được đào tạo nâng cao việc triển khai quy định không sử dụng đồ uống có cồn khi lái xe. Chương trình này tiếp tục được triển khai trong năm 2018.¹⁴

III. VẤN ĐỀ VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng cục Hải quan (TCHQ)

Mô tả vấn đề

Việt Nam đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu¹⁵ phù hợp với Hiệp định về Giá trị Hải quan của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Tuy nhiên, việc xây dựng và duy trì một hệ thống giá tham chiếu đối với “các mặt hàng nhạy cảm” của Cơ sở dữ liệu hải quan để đối chiếu khi có vấn đề liên quan đến kê khai trị giá hải quan đối với hàng nhập khẩu của nhà nhập khẩu. Điều này có thể dẫn đến việc áp đặt trị giá hải quan đối với hàng nhập khẩu với mức giá tối thiểu và tạo ra sự phân biệt đối xử đối sản phẩm có trị giá hải quan cao.

¹⁴ “Uống có trách nhiệm và an toàn giao thông”, *Dân trí*. Xem tại: <<http://dantri.com.vn/giao-thong/uong-co-trach-nhiem-va-an-toan-giao-thong-20180129181852362.htm>>.

¹⁵ Luật Hải quan 2014, Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 1 năm 2015 và Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 như được khẳng định tại công văn Bộ Tài chính gửi EuroCham ngày 11 tháng 11 năm 2017.

Chúng tôi hoan nghênh các cải cách hệ thống thuế gần đây tại Việt Nam, đặc biệt là về các biểu mẫu kê khai, quy trình thủ tục và thời gian giải quyết. Đồng thời, chúng tôi lại cũng nhận thấy đang có rất nhiều cuộc thanh tra thuế ở nhiều cấp khác nhau, có thể là do nhu cầu của Chính phủ trong việc tăng thêm nguồn thu cho ngân sách. Tuy nhiên, trên thực tế, các thành viên của chúng tôi nhận thấy những vi phạm hành chính đang ngày càng trở thành tâm điểm của nhiều cuộc thanh tra thuế và hải quan. Điều này đi ngược lại với nguyên tắc bản chất quyết định hình thức như đã được đề cập tới trong các quy định về thuế mới ban hành, như Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (Nghị định 20).

Bản chất của các vi phạm hành chính, chẳng hạn như là sự không thống nhất trong việc kê khai hải quan hoặc bất cẩn trong việc thực hiện các thủ tục hành chính chỉ là các lỗi mang tính hành chính. Những lỗi này không làm thay đổi bản chất của giá giao dịch và do đó không nên coi là cơ sở pháp lý để cơ quan hải quan hoặc các cơ quan thuế áp đặt truy thu thuế và xử phạt vi phạm hoặc từ chối hoàn thuế. Chúng tôi rất quan ngại về khung pháp lý quy định về trị giá hải quan cũng như việc áp dụng các quy định này trên thực tiễn.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi luôn mong muốn được hợp tác và hỗ trợ Chính phủ Việt Nam. Tuy nhiên các nguồn lực có thể được sử dụng cho mục đích trên lại chuyển sang để giải quyết cho các vấn đề do việc diễn giải pháp luật hiện hành theo hướng tạo ra các biện pháp trừng phạt trên mức cần thiết.

Chúng tôi cũng rất lo ngại những sai sót về hành chính mặc dù không có ảnh hưởng đáng kể nào, như việc đánh dấu sai trong tờ khai, lại được sử dụng để bắt đầu áp dụng các phương pháp xác định lại trị giá hải quan hoặc áp dụng những mức phạt nặng nề thông qua các cuộc kiểm tra, thanh tra thuế và hải quan. Điều này làm suy giảm lòng tin vào môi trường đầu tư của Việt Nam. Các công ty có thể bị buộc phải xem xét lại hoặc thu hẹp các hoạt động đầu tư nếu môi trường không còn hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh.

Kiến nghị

Chính phủ Việt Nam nên đánh giá tác động lâu dài của các hoạt động này đối với niềm tin vào môi trường kinh doanh. Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh mong muốn được hợp tác và hỗ trợ Chính phủ để đạt được các mục tiêu quản lý thuế. Về xác định trị giá hải quan, chúng tôi khẩn thiết đề nghị tập trung vào việc coi trọng bản chất hơn hình thức. Chúng tôi cũng kính đề nghị Chính phủ chia sẻ lý do và bằng chứng về cách thức ra quyết định truy thu thuế và xử phạt với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng. Điều này sẽ đảm bảo tuân thủ các quy tắc của WTO, cải thiện tính minh bạch và cho phép các công ty xác định đúng giá thị trường cho sản phẩm của mình, mang lại lợi ích cho người tiêu dùng và cuối cùng là giúp tăng nhập khẩu và thu ngân sách ngành hải quan;

Về lâu dài, chúng tôi hy vọng rằng Chính phủ sẽ có cách tiếp cận “nhẹ nhàng hơn” đối theo nguyên tắc bản chất quyết định hình thức. Điều này sẽ tạo ra cách thức làm việc thân thiện và ổn định hơn đối với các doanh nghiệp tư nhân để thúc đẩy sự phát triển tại Việt Nam. Chúng tôi hy vọng sẽ được hợp tác chặt chẽ với các cơ quan Hải quan để ủng hộ vai trò của họ không chỉ là cơ quan quản lý mà còn là những nhân tố hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Điều này sẽ tạo điều kiện cho việc tạo lập một nguồn ngân sách có thể dự đoán được và nhất quán cho Chính phủ và môi trường kinh doanh thân thiện cho các doanh nghiệp.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Công ty TNHH Diageo Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhập khẩu Moët Hennessy Việt Nam

Công ty Pernod Ricard Việt Nam

Công ty TNHH Alchemy Asia

Công ty Remy Cointreau Việt Nam



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng	Trang
1. Tiến độ thực hiện các kiến nghị cải cách năng lượng theo MVEP	49
2. Năng lực cạnh tranh của Việt Nam theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới	77
3. Lợi ích của ADR	82
4. Các chỉ tiêu MCDA ban đầu, Định nghĩa và Các chỉ tiêu về hiệu suất (Kết quả)	125
5. Mức giảm thuế nhập khẩu từ 2016 đến 2018	160
6. Mức thuế tiêu thụ đặc biệt với xe ô tô con	161
7. Lộ trình thực hiện cấm xe máy tại Hà Nội	168
8. Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Ngành Du lịch và Lữ hành	180

Biểu đồ	Trang
1. Tăng trưởng GDP năm 2017	9
2. Hoạt động thương mại của Liên minh châu Âu với Việt Nam	11
3. Tổng hàng hóa: Lưu lượng mậu dịch và cán cân thương mại của Liên minh châu Âu	12
4. Những trở ngại với môi trường kinh doanh	14
5. Chỉ số Môi trường Kinh doanh của EuroCham	15
6. Phát thải của Việt Nam đang tăng nhanh nhất trong khu vực (giai đoạn 2000-2010)	51
7. Mức độ sử dụng điện của Việt Nam rất cao và tăng nhanh	52
8. Chất lượng không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thường xuyên đạt mức "rất nguy hiểm với sức khỏe" và "nguy hiểm với sức khỏe"	58
9. Tác động của Hòa giải	83
10. Thời gian để xuất khẩu và nhập khẩu của các nước ASEAN	114
11. Kinh doanh xuyên biên giới ở các nước ASEAN	115
12. Số lượng các thủ tục kiểm tra chuyên ngành	115
13. Tổng quan thị trường dược Việt Nam theo thị phần thuốc biệt dược và thuốc OPP	124
14. Chênh lệch giá trị giữa các loại dược phẩm hết hạn bảo hộ độc quyền	124
15. Thời gian để Bệnh nhân Việt nam tiếp cận thuốc phát minh	138
16. Thị phần của thuốc biệt dược gốc tại Việt Nam thấp nhất trong khu vực	141
17. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Việt Nam	172
18. Miễn thị thực nhập cảnh đến 6 quốc gia thành viên trong ASEAN	182
19. Ngân sách quốc gia cho quảng bá du lịch (2016)	184
20. Hiệu quả của hoạt động tiếp thị và quảng bá thương hiệu trong thu hút du khách - các quốc gia thành viên ASEAN trong năm 2017	185

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ ĐỒNG NGHĨA

AAG	Tuyến cáp quang kết nối khu vực châu Á-châu Mỹ	Bộ KH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
ACAPR	Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính	Bộ LĐTB&XH	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
ACCSTP	Tiêu chuẩn Năng lực Chung về nghề Du lịch trong ASEAN	Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
ADR	Phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn	Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
AEC	Cộng đồng Kinh tế ASEAN	Bộ TT&TT	Bộ Thông tin và Truyền thông
AMA	Mô hình trọng tài – hòa giải – trọng tài	Bộ VH&DL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
AmCham	Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Việt Nam	BOT	Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao
AMDD	Chỉ thị Trang thiết bị Y tế của khu vực ASEAN	BQLNCC	Ban Quản lý Nhà chung cư
APAC	Khu vực châu Á - Thái Bình Dương	BQP	Bộ Quốc phòng
APACmed	Hiệp hội Công nghệ Y học Châu Á Thái Bình Dương	BT	Xây dựng – Chuyển giao
APEC	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương	BTC	Bộ Tài chính
API	Nguyên liệu hoạt chất thuốc	BTO	Xây dựng - Chuyển giao - Vận hành
APIWSA	Hiệp hội các Doanh nghiệp Rượu vang và Rượu mạnh Quốc tế tại khu vực Châu Á Thái Bình dương	BTP	Bộ Tư pháp
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á	BXD	Bộ Xây dựng
ATIGA	Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN	BYT	Bộ Y tế
BA	Sinh khả dụng	CBU	Xe nhập khẩu nguyên chiếc
BBGV	Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam	CCES	Trung tâm Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Hải quan và Thuế Tiêu thụ Đặc biệt
BCA	Bộ Công an	CCIFV	Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại Việt Nam
BCI	Chỉ số Môi trường Kinh doanh	CCTV	Hệ thống camera giám sát
BCT	Bộ Công Thương	CEEC	Hiệp hội Doanh nghiệp Trung và Đông Âu tại Việt Nam
BE	Tương đương sinh học	CEP	Chứng nhận Tính ổn định theo tài liệu tham khảo trong Dược điển của châu Âu
BeluxCham	Hiệp hội Doanh nghiệp Bỉ - Luxembourg tại Việt Nam	CGT	Thuế trên Thặng dư Vốn
BEPS	Xói mòn Cơ sở tính thuế và Chuyển dịch Lợi nhuận	CKD	Xe lắp ráp toàn bộ từ linh kiện nhập khẩu
BHXHVN	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	CME	Đào tạo y tế liên tục
BHYT	Bảo hiểm y tế	CNĐKDN	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
BNG	Bộ Ngoại giao	CNĐKĐT	Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	CNTT&TT	Công nghệ Thông tin và Truyền thông
Bộ GTVT	Bộ Giao thông Vận tải	Công ty TNHH	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Bộ KH&CN	Bộ Khoa học và Công nghệ	Công ty TNHH MTV	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
		COP	Chứng nhận Hợp quy
		COP21	Hội nghị thứ 21 Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu

CPI	Chỉ số Giá Tiêu dùng	FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
CPM	Phương pháp Lợi nhuận Có thể So sánh	FIE	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
CPP	Giấy chứng nhận sản phẩm dược phẩm	FIT	Biểu giá Năng lượng Tái tạo
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương	FIT	Khách nước ngoài du lịch tự túc
CSC	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	FSC	Giấy chứng nhận lưu hành tự do
CSR	Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp	FTA	Hiệp định Thương mại Tự do
CSU	Đại học Charles Sturt	GATF	Liên minh Tạo thuận lợi Thương mại Toàn cầu
Cục ATTP	Cục An toàn Thực phẩm	GBA	Hiệp hội Doanh nghiệp Đức tại Việt Nam
Cục QLCT	Cục Quản lý Cạnh tranh	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
Cục QLXNC	Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh	GGSC	Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham
CWM	Thị trường buôn bán cạnh tranh	GGU	Bảo lãnh và Cam kết của Chính phủ
DBAV	Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan tại Việt Nam	GHS	Hệ thống Hải hòa Toàn cầu
DDPA	Hợp đồng Mua Bán Điện Trực tiếp	GI	Chỉ dẫn Địa lý
DGPT	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	GIZ	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Đức
DICA	Tài khoản vốn đầu tư “trực tiếp”	GMP	Thực hành Tốt Sản xuất Thuốc
DMF	Hồ sơ quản lý thuốc	GPA	Hiệp định Mua sắm Chính phủ
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước	GreenID	Trung tâm Phát triển Sáng tạo Xanh
DRVN	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	GSP	Thực hành Tốt Bảo quản Thuốc
ĐTNN	Đầu tư nước ngoài	Hawaco	Công ty Nước sạch Hà Nội
DWT	Trọng tải	HCF	Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham
EBOWWN	Mạng lưới các Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu toàn cầu	HIF	Quỹ Nâng cao Sức khỏe
EC	Ủy ban châu Âu	HKIAC	Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hồng Kông
ECE/UNECE	Ủy ban Kinh tế châu Âu thuộc Liên Hợp Quốc	HR	Nhân sự
EDQM	Cơ quan quản lý châu Âu về chất lượng thuốc và chăm sóc y tế	HTA	Đánh giá Công nghệ Y tế
EIA	Đánh giá Tác động Môi trường	IARD	Liên minh quốc tế về Uống có trách nhiệm
EoDB	Chỉ số thuận lợi kinh doanh	ICAP	Trung tâm Quốc tế về Chính sách Chất có cồn
EU	Liên minh châu Âu	ICH	Hướng dẫn của Hội nghị hòa hợp quốc tế các yêu cầu kỹ thuật đối với dược phẩm sử dụng cho người
EuroCham	Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam	Icham	Phòng Thương mại Ý tại Việt Nam
EVBN	Mạng lưới Doanh nghiệp châu Âu - Việt Nam	ICSID	Công ước Washington thành lập Trung tâm Giải quyết Tranh chấp Đầu tư Quốc tế
EVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam	IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	IICA	Tài khoản vốn đầu tư “gián tiếp”
FAABS	Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản	ILO	Tổ chức Lao động quốc tế
FAQ	Các Câu hỏi Thường gặp	IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
FDA	Cơ quan Quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ	INDC	Kế hoạch Đóng góp Dự kiến do Quốc gia Tự quyết định

IQGx	Tiểu Ban Thuốc Generic Chất Lượng Quốc Tế thuộc EuroCham	NFG	Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham
ISDS	Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư và Chính phủ	NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
ISP	Nhà cung cấp Dịch vụ Internet	NordCham	Hiệp hội Doanh nghiệp Bắc Âu tại Việt Nam
IUU	Bất hợp pháp, Không được báo cáo và Không được quản lý	NRL	Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế
IVD	Chẩn đoán in vitro	NTSC	Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia
IWSR	Báo cáo Rượu vang và Rượu mạnh Quốc tế	NYC	Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài
KCN	Khu công nghiệp	O&M	Vận hành và Bảo trì
KKS	Kháng kháng sinh	ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
KPI	Tiêu chí Thực hiện Công việc	OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
LDN	Luật Doanh nghiệp năm 2014	OEM	Nhà sản xuất phụ tùng gốc
LĐT	Luật Đầu tư năm 2014	OPO	Thuốc phát minh đã hết bản quyền
LEED	Chứng chỉ Định hướng Thiết kế về Năng lượng và Môi trường	OPP	Dược phẩm hết hạn bảo hộ độc quyền
LPG	Khí dầu mỏ hóa lỏng	PADDI	Trung tâm Hỗ trợ Quản lý Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh
LTTTM	Luật Trọng tài Thương mại	PDF	Quỹ phát triển dự án
M&A	Mua bán và Sáp nhập	PG	Pharma Group
MA	Giấy phép lưu hành trên thị trường	PHI	Thời gian cách ly
MCA	Một cửa ASEAN	PIC/S	Công Ước và Chương Trình Hợp Tác Thanh Tra Dược
MCDA	Phân tích Đánh giá Đa tiêu chí	PISA	Chương trình Đánh giá Học sinh Quốc tế
MCQG	Một cửa Quốc gia	PPA	Học viện Cảnh sát Nhân dân
MDD SC	Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán thuộc EuroCham	PPP	Đối tác Công-Tư
MDG	Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ	PTTGGT	Phương tiện tham gia giao thông
MFN	Đãi ngộ Tối huệ quốc	PVC Land	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam
MNC	Tập đoàn đa quốc gia	PWC	Hãng tư vấn PricewaterhouseCoopers
MNE	Công ty Đa Quốc gia	QH	Quốc hội
MOU	Biên bản ghi nhớ	QUATEST 1	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
MRA	Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau	R&D	Nghiên cứu & Phát triển
MRA-TP	Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau về Nghề du lịch	RDP	Bảo hộ Dữ liệu cung cấp theo yêu cầu Luật định
MRL	Mức dư lượng tối đa cho phép	RO	Văn phòng Đại diện
MVEP	Kế hoạch Sử dụng các nguồn Năng lượng tại Việt Nam	Sawaco	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn
NAFIQAD	Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	SBA	Hiệp hội Doanh nghiệp Thụy Sĩ tại Việt Nam
NAP	Chính sách Quốc gia phòng, chống tác hại đồ uống có cồn	SBG	Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha tại Việt Nam
NCAP	Ủy ban Đánh giá An toàn Xe mới	SDR	Quyền Rút vốn Đặc biệt
NEDL	Danh mục thuốc thiết yếu quốc gia		
NEMA	Hiệp hội các nhà sản xuất điện quốc gia		

SEDS	Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2011-2020	USGBC	Hội đồng Công trình Xanh Hoa Kỳ
SHTT	Sở hữu trí tuệ	VABM	Hiệp hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam
SIAC	Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore	VAMA	Hiệp hội các Nhà sản xuất Ô tô Việt Nam
SIMC	Trung tâm Hòa giải Quốc tế Singapore	VAMM	Hiệp hội các nhà sản xuất xe máy Việt Nam
SME	Công ty vừa và nhỏ	VARD	Diễn đàn Uống có trách nhiệm
Sở LĐTB&XH	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	VBF	Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam
SPN	Đàm phán giá đơn giản	VGBC	Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam
SPS	Kiểm dịch động thực vật	VGf	Quỹ Bù đắp Tài chính
SUV	Xe thể thao đa dụng	VGU	Đại học Việt Đức
TAB	Chỉ số thương mại xuyên biên giới	VIAC	Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam
TANDTC	Tòa án Nhân dân Tối cao	Vimedas	Hội Thiết bị Y tế Việt Nam
TBT	Hàng rào Kỹ thuật trong thương mại	VIPRI	Viện Khoa học Sở hữu Trí tuệ
TCDL	Tổng cục Du lịch	VIVA	Hiệp hội các Nhà nhập khẩu Ô tô chính hãng Việt Nam
TCHQ	Tổng cục Hải quan	VKSNDTC	Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao
TCMT	Tổng cục Môi trường	VNNIC	Trung tâm Internet Việt Nam
TCT	Tổng cục Thuế	VNPCA	Hiệp hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam
TECS Express	Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	VPCP	Văn phòng Chính phủ
Thuế GTGT	Thuế Giá trị gia tăng	VTa	Giấy chứng nhận Chất lượng Kiểu Loại Ô tô
Thuế TNDN	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	VTcB	Hội đồng Cấp Chứng chỉ Nghiệp vụ Du lịch
Thuế TTĐB	Thuế Tiêu thụ Đặc biệt	VTIP	Cổng Thông tin Thương mại Việt Nam
Tiểu ban	Tiểu ban	WEF	Diễn đàn Kinh tế Thế giới
RV RM	Rượu vang & Rượu mạnh	WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
TRIPS	Hiệp định về các Khía cạnh Liên quan tới Thương mại của Quyền Sở hữu Trí tuệ	WTE	Sản xuất năng lượng từ chất thải
TTBTY	Trang thiết bị Y tế	WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
UBCVĐXH	Ủy ban Các vấn đề xã hội thuộc Quốc hội	WTO TFA	Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại của Tổ chức Thương mại Thế giới
UDRP	Chính sách Giải quyết Tranh chấp Tên miền Thống nhất	WTTc	Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới
UN	Liên Hợp Quốc	XXHH	Xuất xứ hàng hóa
UNCPC	Bảng phân loại dịch vụ tạm thời của Liên Hợp Quốc		
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc		
UNICITRAL	Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế		
UNIDO	Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc		
UNWTO	Tổ chức Du lịch Thế giới thuộc Liên Hợp Quốc		

LỜI CẢM ƠN

EuroCham xin chân thành cảm ơn các tác giả và các Tiểu ban Ngành nghề thuộc EuroCham vì những đóng góp quý báu cho ấn phẩm thứ 10 của Sách Trắng. Chúng tôi cũng xin được gửi lời cảm ơn đến Công ty Luật TNHH Audier & Cộng sự và Công ty Luật Frasers cũng như Joshua James đã rà soát nội dung Sách Trắng năm nay, Phối đoàn Liên minh châu Âu vì sự hỗ trợ không ngừng dành cho EuroCham, Ban Pháp lý thuộc EuroCham, Laurence Newman, Biên tập Sách Trắng và các đồng nghiệp tại EuroCham.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn các đối tác của chúng tôi: Công ty TNHH Quảng cáo Shu Media, đối tác hỗ trợ dàn trang, thiết kế và in ấn cho ấn phẩm Sách Trắng trong nhiều năm qua, và Công ty Expertrans BPO, đối tác dịch thuật đã nhiệt tình hỗ trợ việc chuyển ngữ và hiệu đính phần lớn các chương của ấn phẩm Sách Trắng năm nay.

TỔNG QUAN

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Laurence Newman, Biên tập Sách Trắng
Lê Thanh Bình, Trưởng ban Pháp lý Cấp cao

TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH

Laurence Newman, Biên tập Sách Trắng
Lê Thanh Bình, Trưởng ban Pháp lý Cấp cao

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM

Các Tiểu ban Ngành nghề
Jean-Jacques Boufflet
Laurence Newman, Biên tập Sách Trắng
Lê Thanh Bình, Trưởng ban Pháp lý Cấp cao

CÁC VẤN ĐỀ LIÊN NGÀNH

TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham

NĂNG LƯỢNG VÀ ĐIỆN LỰC

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham

TĂNG TRƯỞNG XANH

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham
Almut Roessner, Giám đốc Điều hành EuroCham

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tiểu ban Nhân lực và Đào tạo thuộc EuroCham

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham

THỦ TỤC TƯ PHÁP VÀ TRỌNG TÀI

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:
Antoine Logeay, Luật sư, Công ty Luật TNHH Audier & Cộng sự
Bernadette Fahy, Luật sư, Công ty Luật TNHH Audier & Cộng sự

THỦ TỤC HÒA GIẢI

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:
Thomas Giglione, Công ty Luật TNHH ANT

MUA BÁN VÀ SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Justin Gisz, Cộng sự, Công ty Luật Frasers
Tiến sỹ Stefano Pellegrino, Luật sư Đối tác, Công ty Luật Frasers
Nguyễn Thị Thanh Trà, Công ty Luật Frasers

ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Samantha Campbell, Thành viên, Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham; Cộng sự, Công ty Luật Hogan Lovells Việt Nam và Singapore
Hương Phan, Thành viên, Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham; Luật sư, Công ty Luật Hogan Lovells Hà Nội
George Williams, Thành viên, Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham; Luật sư, Công ty Luật Hogan Lovells TP. HCM

THUẾ

Tiểu ban Thuế và Chuyển giá thuộc EuroCham

VẬN TẢI VÀ HẬU CẦN

Tiểu ban Vận tải và Hậu cần thuộc EuroCham

CÁC VẤN ĐỀ CỦA NGÀNH

DIỄN ĐÀN Y TẾ

Các thành viên của Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham

THUỐC GENERIC CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

Tiểu ban Thuốc Generic Chất lượng Quốc tế thuộc EuroCham

TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ CHẨN ĐOÁN

Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán thuộc EuroCham

DƯỢC PHẨM

Pharma Group thuộc EuroCham

NGÀNH THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Tiểu ban Croplife Việt Nam thuộc EuroCham
Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Marieke van der Pijl, nguyên Phó Chủ tịch và Tư vấn Pháp lý
Công ty TNHH Dinh Dưỡng Techna Việt Nam
Công ty TNHH Fresh Studio
Phileo Lesaffre
Công ty TNHH De Heus Việt Nam

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Tiểu ban Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Amanuel Flobbe, Chủ tịch Tiểu ban Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc EuroCham; CEO, Công ty TNHH Sunbytes
Guru Mallikarjuna, Phó Chủ tịch Tiểu ban Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc EuroCham; Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành Bosch Việt Nam
Kevin Richard, Phó Chủ tịch Tiểu ban Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc EuroCham; Giám đốc Phát triển Kinh doanh, SoftNET Asia

NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ

Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy thuộc EuroCham

NGÀNH CÔNG NGHIỆP XE MÁY

Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Công ty TNHH Piaggio Việt Nam

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG VÀ SỮA CÔNG THỨC

Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham

BẤT ĐỘNG SẢN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Công ty Luật VCI Legal

DU LỊCH VÀ NHÀ HÀNG - KHÁCH SẠN

Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn thuộc EuroCham

NGÀNH HÀNG RƯỢU VANG VÀ RƯỢU MẠNH

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Công ty TNHH Diageo Việt Nam
Công ty Cổ phần Nhập khẩu Moët Hennessy Việt Nam
Công ty Pernod Ricard Việt Nam
Công ty TNHH Alchemy Asia
Công ty Remy Cointreau Việt Nam

TỔNG BIÊN TẬP

ĐIỀU PHỐI VÀ BIÊN TẬP

Lê Thanh Bình, Trưởng ban Pháp lý Cấp cao, EuroCham
Hồ Thị Xuân Hiếu, Điều phối viên Cấp cao các Tiểu ban Ngành nghề
Phạm Linh Ngân, Điều phối viên các Tiểu ban Ngành nghề
Nguyễn Xuân Thủy, Điều phối viên các Tiểu ban Ngành nghề
Lê Thị Bảo Trân, nguyên Điều phối viên các Tiểu ban Ngành nghề

HIỆU ĐÍNH

Almut Roessner, Giám đốc Điều hành, EuroCham
Lê Thanh Bình, Trưởng ban Pháp lý Cấp cao, EuroCham
Laurence Newman, Biên tập Sách Trắng, EuroCham